LỖ TẤN

THÂN THẾ
SỰ NGHIỆP
NHỮNG SÁNG TÁC
TIÊU BIỂU

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỖ TẤN THÂN THẾ - SỰ NGHIỆP - NHỮNG SÁNG TÁC TIÊU BIỂU

LỖ TẤN

Thân thế - Sự nghiệp - Những sáng tác tiêu biểu.

TRẦN LÊ BẢO
(Biên soạn và tuyển chọn)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

Lỗ Tấn (1881-1936) nhà văn kiệt xuất trên văn đàn Trung Quốc nửa đầu thế kỷ XX, có cuộc đời viết văn không dài - mười tám năm, và cả tuổi sống cũng chưa tới "thất thập cổ lai hy" song những gì mà ông để lại cho đời đều thật to lớn, đáng trân trọng. Lỗ Tấn là nhà văn có "trước tác đẳng thân". Ngoài lĩnh vực văn học, Lỗ Tấn còn có nhiều đóng góp trên nhiều lĩnh vực khác. Ông được đánh giá: "là nhà tư tưởng của cách mạng, là nhà văn nghệ mở đầu cho cả một thời đại, là nhà khoa học lịch sử thực sự cầu thị, là nhà giáo dục gương mẫu, là người quốc tế chủ nghĩa thiết tha mong nhân loại được giải phóng. Thành tựu về từng mặt đều có thể khiến Lỗ Tấn trở nên bất hủ, nhưng ông đã tập trung một cách hài hòa những thành tựu về các mặt với nhau, kết tinh thành một nhân cách điển hình. Không nghi ngờ gì cả, hành hướng của ông sẽ ngày càng rộng, càng sâu" (QUÁCH MẠT NHƯỢC).

Người Việt Nam được biết Lỗ Tấn từ những năm bốn mươi thế kỷ XX. Gần sáu mươi năm qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu giới thiệu về Lỗ Tấn. Để kỷ niệm 120 năm ngày sinh (25-9-1881 - 25-9-2001) và 65 năm ngày mất (19-10-1936-19-10-2001) của "nhà văn vĩ đại nhất, ông thầy nhiệt tâm theo đuổi ánh sáng, vị lãnh tụ kiệt xuất hiến thân cho sự nghiệp kháng Nhật cứu nước, người bạn chiến đấu thân yêu của phong trào Xô Viết cộng sản"[1] Lỗ Tấn, chúng

---

[1] *Điện chia buồn của TW Đảng CSTQ gửi tới bà Hứa Quảng Bình khi*

tôi tuyển chọn, giới thiệu những truyện ngắn tiêu biểu và những bài tạp văn(**) có liên quan nhiều đến văn học của ông nhằm cung cấp thêm những hiểu biết về nhà văn Trung Quốc vĩ đại này, đồng thời cũng gửi vào đây một tấm lòng ngưỡng mộ đối với một nhà văn, nhà tư tưởng, một nhân cách lỗi lạc vì dân tộc Trung Hoa, vì những con người lao khổ trên hành tinh này, hôm qua và cả ngày mai.

Dù có nhiều cố gắng, song cũng khó tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi mong nhận được sự chỉ giáo góp ý kiến của bạn đọc.

Hà Nội tháng ba - Tân Tỵ, 2001

---

nghe tin Lỗ Tấn từ trần.

(**) Những truyện ngắn và những bài tạp văn tiêu biểu của Lỗ Tấn được sưu tập dựa trên Truyện ngắn Lỗ Tấn và tạp văn Lỗ Tấn của Giáo sư Trương Chính dịch thuật, xin trân trọng cảm ơn.

LỖ TẤN (1881 - 1936)

"Lỗ Tấn" là bút danh. Tên thật là Chu Thụ Nhân, tên Tự Dự Tài sinh ngày 25- 9-1881 ở Đông Xương, thành Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang Trung Quốc.

NHỮNG NGÀY THƠ ẤU

Lỗ Tấn sinh trưởng trong một gia đình sỹ đại phu sa sút. Cơ nghiệp ông cha có tới bốn năm mươi mẫu ruộng sáu, sống không đến nỗi vất vả lắm. Ông nội là Chu Phúc Thanh, hiệu Giới Phù từng giữ chức Thứ Cát ở Viện hàn lâm, sau đó làm tri huyện Kim Cốc tỉnh Giang Tây. Ông là một người cương trực, thích nhận xét và bàn chuyện cao xa, hay chỉ trích người khác. Ông cũng là người đôn hậu, có những chủ trương mới trong việc dạy dỗ con cháu. Ông cho trẻ đọc tiểu thuyết, đọc thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị. Nhờ thế mà từ nhỏ, Lỗ Tấn đã có thể tiếp xúc với những tác phẩm văn học mà "con nhà thư hương" không hề biết đến.

Lỗ Tấn ít nói về ông nội trong những trang hồi ức, nhưng lại nhắc đến bà nội, vì bà nội hay kể chuyện cổ tích cho ông nghe. Vào những ngày hè, cháu nằm trên tấm phản dưới gốc quế hóng mát, bà ngồi cạnh, tay phe phẩy chiếc quạt lác, ra câu đố hoặc kể chuyện " mèo, thầy học của hổ", chuyện "nước tràn ngập Kim Sơn"... Những câu chuyện này đã thôi thúc cuộc đời văn chương của Lỗ Tấn quan tâm nhiều tới thiếu nhi và phụ nữ Trung Quốc.

Khi hồi tưởng lại thời thơ ấu, Lỗ Tấn hay nhắc tới cha

mình, đặ biệt nhạc đến tính nghiêm khắc của ông. Ông tên là Chu Phượng Nghi, hiệu Bá Nghi, không ra làm quan, mặc dù đỗ tú tài. Có lẽ vì ông ốm đau bệnh tật. Ông thường uống rượu và cũng thường hay giận dữ, nổi nóng lên thì quăng đũa, bát, đập phá lung tung. Lỗ Tấn ít bị ông mắng, nhưng lại bị ông "kèm cặp" quá chặt trong việc học hành, khiến cho đứa bé lên bảy lúc bấy giờ cứ nghe nói đến học là rùng mình phát khiếp. Tuy nhiên, ông Phượng Nghi lại là người có tư tưởng mới, hay bàn quốc sự và từng mong mỏi bốn đứa con trai của mình sẽ có một đứa sang Tây, một đứa sang Nhật học. Chắc ước mơ này của ông đã ảnh hưởng ít nhiều đến con đường đi của Lỗ Tấn sau này.

Người để lại kỷ niệm sâu sắc với Lỗ Tấn chính là bà mẹ. Bà là con cử nhân Lỗ Hi Tăng, hiệu Tình Hiên, từng giữ chức chủ sự Bộ Hộ ở kinh đô. Bà tên là Lỗ Thụy, người hiền lành, nhân hậu, tự học lấy đến trình độ có thể xem sách được. Bà cũng là người dễ tiếp thu tư tưởng mới, làm gì cũng làm đến nơi đến chốn, giàu nghị lực, hiểu thời thế, trọng chính nghĩa, tán thành những việc Lỗ Tấn làm. Bà sống đến năm 1943 rồi mới mất. Lỗ Tấn xuất thân trong một gia đình thượng lưu, song ông luôn đứng về những người " bất hạnh", ở tầng lớp dưới mà đấu tranh, ra sức vạch trần "cái giả dối", "cái thối nát" của giai cấp mình, một phần cũng do ảnh hưởng của mẹ mình.

Quê hương Lỗ Tấn ở phủ Thiệu Hưng thuộc tỉnh Chiết Giang. Đó là một tỉnh miền duyên hải ở Đông Nam Trung Quốc. Thiệu Hưng vốn là ngôi thành cổ nằm giữa một cánh đồng rộng phì nhiêu trên bờ nam sông Tiền Đường và phía tây sông Tào Nga, nước chảy xiết. Xa xa dãy núi Cối Kê

trùng điệp, hơn nữa xanh ngát cây lá. Lỗ Tấn sống ở quê hương chủ yếu là thời thơ ấu. Năm 18 tuổi, ông đã trốn đi xứ khác. Năm 39 tuổi (1919) Lỗ Tấn trở về bán ngôi nhà cũ, đưa mẹ và em lên Bắc Kinh. Từ đó ông ít có dịp về thăm quê nữa.

Làng An Kiều là quê ngoại của Lỗ Tấn, cũng thuộc phủ Thiệu Hưng, gần miền biển. Đó là một làng hẻo lánh, có hơn ba mươi nóc nhà, toàn người họ Lỗ, làm ruộng, đánh cá và nấu rượu. Cả làng chỉ có mỗi một cửa hàng xén nho nhỏ. Theo tục lệ địa phương, con gái đi lấy chồng, nếu chưa phải đam đương việc nhà, mùa hè thường được về nhà mẹ đẻ chơi. Hồi bấy giờ, mặc dù bà nội còn mạnh khoẻ nhưng mẹ Lỗ Tấn cũng đã phải lo liệu một phần công việc gia đình, không về ở lâu được, đành phải chờ tảo mộ xong, rồi rất ít ngày mới về được. Hàng năm, dịp ấy, Lỗ Tấn theo mẹ về An Kiều. Ông cho đây là cảnh thiên đường vì được bà ngoại chiều chuộng lại không phải học, hơn nữa còn có rất nhiều bạn con em nông dân, tha hồ cùng nhau đào giun, câu tôm, ngày thì chăn trâu, tối thì chèo thuyền đi xem hát tuồng, rồi ăn trộm đâu...Ông thấy họ là những con người chất phác, thật thà, thông minh, dũng cảm và rộng lượng. Những kỷ niệm thời thơ ấu đã in sâu vào tâm trí ông, không sao phai mờ được. Nó còn là sức mạnh thúc đẩy ông viết, chiến đấu vì hạnh phúc của dân tộc, trong đó có những con người trên.

Thiệu Hưng quê hương Lỗ Tấn có rất nhiều danh thắng nổi tiếng. Trên sườn núi Ngọc Long phía tây thành có đài Việt Vương, khe Nhược Gia ở phía đông nam núi Cô Kê, nước trong leo lẻo. Lý Bạch từng ngồi thuyền tìm hứng thơ ở đây, cuối khe Nhược Gia có gò Vũ Lăng, nơi chôn ông Vũ

nhà Hạ, vị anh hùng trị thủy thời cổ, xa xa là lầu Khoái Các, cố cư của nhà thơ Lục Du thời Tống, Sơn Âm Đạo nổi tiếng phong cảnh hữu tình; cạnh Sơn Âm Đạo là Lan Đình của Vương Hy Chi, nhà thư pháp số một thời Tấn ... Lỗ Tấn rất trân trọng nền văn hoá lâu đời của dân tộc. Truyền thống văn hoá Trung Hoa được kết tinh nơi các địa danh văn hoá, các nhà văn hoá trên quê hương đã hun đúc nên một Lỗ Tấn vĩ đại sau này.

Gắn bó với tuổi ấu thơ của Lỗ Tấn còn có ngôi nhà cũ với vườn bách thảo. Ngôi nhà cũ của họ Chu truyền qua mấy đời, có đến hàng trăm năm, ở Đông Xương phường khẩu, phía nam thành Thiệu Hưng. Trong thành có nhiều con nhiều con đường lát đá đan chéo nhau, hầu như con đường nào cũng có "đài môn", tức là cổng xây của những danh gia vọng tộc. Cạnh các đài môn ấy là những căn nhà nhỏ, thấp lè tè, tối tăm, ẩm ướt của những người thợ thủ công. Các hiệu buôn thì ở hai con đường lớn. Quán trà, quán rượu khắp thành đâu cũng có. Chúng đã đi vào các truyện Thuốc *và* Khổng Ất Kỉ *sau này.*

Ngôi nhà ấy khá lớn, tường xây, mái ngói, cửa gỗ, hiên chạy chữ triện. Đây là ngôi nhà đã được tu bổ làm nhà lưu niệm mới như thế, chứ trước kia tiêu điều lắm, như Lỗ Tấn từng miêu tả trong thiên hồi ức Cố hương. *Đây là nơi cả đại gia đình họ Chu đời đời ở chung với nhau, không phải riêng của gia đình ông Chu Phượng Nghi. Vào cửa chính, đi qua dãy hành lang thì đến phòng lớn, giữa treo tấm biển hình chữ nhật đề ba chữ đại tự "Đức Thọ Đường". Hai cột hai bên treo đôi câu đối:*

Phẩm tiết trường minh, đức hạnh kiên định

Sự lý thông đạt, tâm khí hoà bình

(Phẩm hạnh, khí tiết sáng ngời, đạo đức phẩm hạnh vững vàng. Thông hiểu mọi sự lý, tâm thần, ý thức bình ổn).

Phía trước nhà Lỗ Tấn, đã được ông tả trong truyện Lễ cầu phúc, *là nhà ông Lỗ Tứ, có điều chỉ khác vài chi tiết. Phía sau gian phòng lớn ấy là cái sân gạch, góc sân có cây quế bốn mùa, tương truyền chính tay Lỗ Tấn đã trồng, nay vẫn còn. Tiếp đến là dãy nhà năm gian, nơi gia đình ông Chu Phượng Nghi ở. Lỗ Tấn sinh ở đây, ngày 25 tháng 9, mùa thu năm 1881, tức ngày mồng ba tháng tám âm lịch, niên hiệu Quang Tự năm thứ 7, đời Thanh.*

Sau dãy nhà ấy là một khoảng vườn rộng, gọi là "vườn bách thảo". Thuở nhỏ Lỗ Tấn thường chơi đùa, nghịch ngợm ở đây, cho là "cảnh thiên đường" của mình. Chính ở trong cái vườn hoang toàn cỏ dại này, Lỗ Tấn đã cùng anh bạn nhỏ Nhuận Thổ ra đây bẫy chim sẻ... Ngôi nhà và khoảnh vườn ấy đã bán cho một người họ Chu năm 1919, ngày nay chính phủ bảo quản thành nơi lưu niệm.

Điều lạ là lùng là ông thầy học đầu tiên của Lỗ Tấn lại là một nhà sư. Theo phong tục địa phương, nhận sư làm thầy là tránh được tà ma. Lỗ Tấn là con trưởng, ông Phượng Nghi sợ khó nuôi nên bắt đến chùa Trường Khánh nhận sư cụ làm thầy. Pháp danh của Lỗ Tấn là Trường Canh. Sư cụ cho Lỗ Tấn một chiếc "bách gia y" tức là áo may bằng vải vụn, cắt hình quả trám, đủ màu sắc, và một cái gọi là "ngưu thằng" (thừng trâu), treo đủ các vật linh tinh như lịch, gương, khánh bạc, nghe nói có thể trừ tà được. Pháp danh của vị sư ấy là Long Tố. Điều đáng chú ý là nhà sư này đi tu mà vẫn lấy vợ. Trong con mắt Lỗ Tấn, ông ta chỉ là một người trần tục cao

vực dau đi mà thôi. Về sau năm 34 tuổi , Lỗ Tấn đã từng nghiên cứu kinh phật như như một sử liệu về quá trình phát triển của tư tưởng loài người.

Người đầu tiên trong "xã hội lớp dưới" mà Lỗ Tấn có cảm tình , và tỏ lòng "kính nể" là u Trường tức u già săn sóc Lỗ Tấn ngày nhỏ. U người thôn quê, nhà nghèo , goá chồng, đi ở kiếm cơm nuôi miệng như thím Tường Lâm trong truyện Lễ Cầu Phúc . *Và cũng như AQ và phần đông người trong "xã hội lớp dưới", u không có họ, có tên. "Trường" là tên mượn người ở gái trước khi u thay thế . U người mập và lùn, thô tháp , vung về, có thói hay thì thầm, khi nằm ngủ thì dang cả hai tay, hai chân ra chinhs giữa giường, choán hết chỗ. Tính u lại khắc nghiệt... biết nhiều phép tắc phiền phức không chịu nổi. Nhưng bù lại u lại biết nhiều chuyện hay, kiểu như* Liêu trai chí dị. *Kỷ niệm sâu sắc nhất Lỗ Tấn nhớ về u Trường là cuốn* Sơn hải kinh nói *về nhiều con vật quái dị mà u mua cho. Ông cho đó là cuốn sách quý mà mình yêu thích và có trước nhất.*

Người bạn nhỏ nông dân mà Lỗ Tấn nói đến trong Cố hương *là Nhuận thổ, tên thật là Vận Thủy.*

Bố Nhuận Thổ là Chương Phúc Khánh, ngoài nghề làm ruộng, ông còn đan lát giỏi nên còn có tên là "Ông Phúc đan". Nhà ông ở bên bờ sông Tào Nga, khá xa thành, gần biển. Ruộng chỉ có hai mẫu đất cát , nhà bảy tám miệng ăn, nên năm nào cũng phải lên thành làm mướn cho ông Chu Phượng Nghi. Năm ấy đến lượt nhà ông Nghi có Giỗ tổ, công việc bề bộn, nên ông Phúc cho con trai ông là Nhuận Thổ lên giúp thêm. Nhuận Thổ lớn hơn Lỗ Tấn hai ba tuổi. Hai đứa bé gặp nhau là thân nhau ngay. Nhưng lớn lên, mỗi người đi

theo một con đường. Ba mươi năm sau trở về quê , nghe mẹ nhắc đến người bạn thuở nhỏ, trong ký ức Lỗ Tấn bỗng hiện ra cảnh tượng thần tiên kì dị, chú bé Nhuận Thổ dưới vầng trăng vàng thẫm, trên ruộng dưa xanh rờn đang cỡi đầm theo một con "tra"...Cảnh đẹp biết bao nhiêu, con người đẹp như chú tiên đồng. Nhuận Thổ con một nông dân mà cái gì chú cũng biết, so với con nhà gia danh vọng tộc như Lỗ Tấn thì chú hơn hẳn

Nhưng một chú bé thông minh, lanh lợi đến thế, mà lớn lên trong chế độ cũ, đầy áp bức, bóc lột thì chỉ có thể trở thành một người thô kệch, đần độn, khổ sở mà thôi.Lại nữa, hai người bạn thân thiết , gọi nhau bằng anh em, xa nhau còn gửi cho nhau bọc vỏ sò và mấy thứ lông chim quý, thế mà sau một thời gian , họ cảm thấy giữa họ có một bức tường ngăn cách. Nguyên nhân của sự cách bức này là ở xã hội. Cho nên Lỗ Tấn mới mơ ước tới một xã hội mới, một cuộc đời mới, "một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống", cho thế hệ trẻ là Thủy Sinh và cháu Hoằng. Lúc bấy giờ, Cách mạng tháng mười Nga và phong trào Ngũ Tứ Trung Quốc đã thức tỉnh ông. Xây dựng xã hội mới còn nhiều khó khăn nhưng lòng yêu mến những người như Nhuận Thổ đã thôi thúc ông hy vọng và mơ ước: "cũng giống như những con đường trên mặt đất , kỳ thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi".

Năm lên bảy, Lỗ Tấn học vỡ lòng với ông chú họ xa, một vị tú tài tên là Chu Triệu Lam, hiệu Ngọc Điền. Có hai điều làm cụ rất thích là trồng hoa và chơi sách. Hoa thì trồng hoa quý hiếm, sách toàn loại đặc biệt, tên rất lạ. Nhưng cụ rất cô đơn, không có ai có sở thích giống cụ, cụ đành chơi

với bọn trẻ con, những "ông bạn nhỏ". Lỗ Tấn có thời đã nghiên cứu nghệ thuật trồng hoa và nuôi chim. Sau khi cụ Ngọc Điền không dạy học nữa, Lỗ Tấn lại phải đổi thầy. Đó là ông chú họ, ở trong nhà. Cụ này tính tình cổ quái, học vấn cũng không uyên thâm, chỉ thích những cái lạ, nên thi hỏng tú tài mấy khoá liền, đành ở nhà gõ đầu trẻ. Ông này có nét phảng phất giống ông Trần Sĩ Thành trong tác phẩm Luồng ánh sáng *sau này. Nhưng ông Trần Sĩ Thành thi hỏng đến mười sáu lần, cũng tự phụ, chửi quan trường không biết xem văn, có mắt như mù, cũng buồn cảnh nhà sa sút và tính tình cũng cổ quái như thế.*

Năm mười hai tuổi, Lỗ Tấn mới đến trường Tam Vị của ông Thọ Hoài Giám, hiệu Kính Ngô, cái trường ai cũng cho là nghiêm nhất và tiền học cũng cao nhất, mỗi mùa hai đồng, trong khi các trường khác chỉ lấy bốn, năm hào. Cụ Kính Ngô chỉ đỗ tú tài rồi không đi thi nữa. Cụ là người chất phác, đứng đắn và học rộng. Có điều cụ dạy tận tình, nghiêm mà không ác, có một cái thước kẻ nhưng không dùng; cũng có lễ phạt quỳ nhưng ít dùng, thường chỉ trừng mắt quát: "Học đi". Ở đây, Lỗ Tấn học đến năm mười bảy tuổi do cảnh nhà sa sút mới thôi. Lúc đầu, ông được tập viết, tập đối, ngoài Tứ Thư, Ngũ Kinh, Sử ký, còn đọc dã sử, trước tác của văn nhân, thi nhân địa phương.

Thuở nhỏ Lỗ Tấn rất thích vẽ, hễ có tiền là ông mua các tập tranh rồi vẽ lại theo sách Đăng khảo chí, Tây du ký, *xếp từng hồi, từng đoạn, được một tập dày, về sau cần tiền, bán cho một anh bạn con nhà giàu, bố mở cửa hiệu làm giấy vàng, giấy bạc. Những chi tiết này cho thấy Lỗ Tấn không chỉ là nhà văn còn là một nghệ sĩ có công xây dựng nền mỹ*

thuật mới của Trung Quốc. Ông từng mở lớp giảng dạy nghệ thuật khắc gỗ, tổ chức triển lãm, biên soạn các tập tranh, dịch các tác phẩm nghệ thuật của nước ngoài... có được đóng góp trên của Lỗ Tấn không thể không nói tới những trò chơi học vẽ ở trường Tam Vị.

Trong số các sách có tranh vẽ, có lẽ cuốn Nhị thập tứ hiếu *của Quách Cự Kính đời Nguyên soạn là cuốn mà Lỗ Tấn có ấn tượng hơn cả. Cuốn sách kể chuyện hai mươi bốn người con có hiếu để làm gương cho đời sau. Sách toàn tranh vẽ, kèm lời chú giải. Nguyên là trong sách có những truyện vui:* Lão Lai mua vui cho cha mẹ, Quách Cự chôn con... *truyện thì giả dối, lừa trẻ con, truyện thì tàn nhẫn, vô nhân đạo. Đọc truyện* Quách Cự chôn *con,ông không dám mong làm người con có hiếu, mà còn sợ cha mẹ mình cũng làm người con có hiếu, vì tình cảnh nhà đang sa sút, bà nội lại già. Giả thử cha mẹ ông mà bắt chước Quách Cự, thì người phải đem chôn chính là Lỗ Tấn...*

Lỗ Tấn trải qua tuổi ấu thơ đầy kỷ niệm vui có buồn có, thậm chí là cay đắng cũng không ít. Đó là lúc ông mười ba tuổi, năm Quang Tự thứ 19 (1893), ông nội Chu Giới Phù- làm quan ở Bắc Kinh , mắc vào vụ án khoa trường. Bị truy tố, cụ bỏ trốn. Theo luật định triều đình, thì nam giới người nhà tội nhân phải thay thế , nên ông Bá Nghi- bố Lỗ Tấn- cũng phải trốn. Lỗ Tấn và các em phải theo mẹ lánh sang nhà ông cậu ở Hoàng Phủ trang. Thấy cảnh gia đình như thế, nửa năm sau, cụ Giới Phù bèn đến Hàng Châu "đầu thú". Bấy giờ Lỗ Tấn và các em mới trở về nhà. Từ đây gia đình sa sút hẳn, một mặt phải thu góp tiền đưa lên Bắc Kinh. Hàng Châu chạy chọt vì cứ đến mùa thu triều đình lại định đem án ông

mọi ra xứ, có thể bị "chuyện bát trắc". Mặt khác vì buồn bực, ông Bá Nghi uống rượu rồi sinh bệnh. Bây giờ đến lượt Lỗ Tấn chạy thầy chạy thuốc cho cha. ông Bá Nghi bị bệnh "cổ trướng"- tức là phù thũng. Thuốc dùng toàn thuốc bắc, các vị danh y kê đơn lấy rất đắt, đòi bao nhiêu phải trả bấy nhiêu. Các vị dùng để dẫn thuốc rất khó kiếm: rễ cây lau, mía chịu sương ba năm, đề nguyên đôi... Đổi đi đổi lại hai ba thầy, bảo mua thứ gì phải mua thứ ấy, đắt cũng phải mua. Có đến hơn bốn năm trời, cậu bé Tấn phải lui đến hiệu cầm đồ và hiệu thuốc trong sự khinh rẻ của người cầm đồ. Bệnh vẫn không khỏi. Ông Bá Nghi chỉ nằm thở cũng đã thấy mệt, cuối cùng mất, mới ba bảy tuổi, năm Quang Tự thứ 22 (1896). Lỗ Tấn là con đầu mới 16 tuổi. Cụ Giới Phù mãi tới năm Quang Tự thứ 30 (1904) mới mất.

Lỗ Tấn có ác cảm với Trung y từ sự kiện này. Khi đến Nam Kinh, được đọc sách sinh lý học, vệ sinh học của người Anh dịch sang tiếng Trung, nhớ lại mấy vị "danh y" trước kia, chẳng qua toàn là những tay bịp bợm vô tình hay cố ý, và càng thương cho những con bệnh cùng người nhà họ đã bị lừa. Khi được sang Nhật du học, ông xin vào trường thuốc để sau này chạy chữa cho những con bệnh bị lừa bịp, như cha mình. Trong một số truyện của Lỗ Tấn, ta thấy xuất hiện mấy vị "danh y" giống mấy vị danh y ở thành Thiệu Hưng. Đó là cụ Hà trong Nhật ký người điên, *"một tay giết người trá hình" rồi cụ Hà trong* Ngày mai, *bắt mạch bốc thuốc cho thằng Bảo, con chị Tư Thiên buổi sáng thì buổi chiều, đứa bé trợn mắt lên, gọi mẹ một tiếng rồi tắt thở. Đây là những "ông lang rởm", còn với y học chân chính, Lỗ Tấn đã hết sức đánh giá cao trong bài "Kinh nghiệm" ở tập Nam xoang Bắc điệu. Ông đề cao cuốn* Bản thảo cương mục *của Lý Thời Trân đời*

Minh, cuốn sách nghiên cứu dược tính có tính chất kinh điển. Ông cũng ca ngợi những người vô danh xưa nay đã dám hy sinh tính mệnh mà thử các vị thuốc, trong đó có thuốc độc chết người...

Những biến cố trong gia đình đã ảnh hưởng lớn đến cuộc đời Lỗ Tấn. Nó làm cho ông hiểu rõ bụng dạ người đời. Nó thúc đẩy ông phải rẽ sang con đường khác, trốn đi xứ khác, tìm những con người khác. Ông đã quyết định làm như vậy

Thời thế mới cũng là một nguyên nhân chi phối hướng đi của ông. Đó là làn gió duy tân của thời đại. Những thập niên cuối thế kỷ XIX, Trung Quốc đi vào một giai đoạn lịch sửđẫm máu và nước mắt. Nào chiến tranh Nha phiến (1840), các nước phương Tây nối gót nhau vào chia năm, xẻ bảy Trung Quốc, Nhật Bản vào xâm lược (1894). Nào là khởi nghĩa của nông dân Thái Bình Thiên Quốc (1851-1862)- vừa chống Thanh vừa chống người nước ngoài. Đặc biệt là sau chiến tranh Trung - Nhật (1894), làn sóng cải lương giới thiệu sách báo, văn hóa phương Tây...đã ảnh hưởng to lớn đến trào lưu tư tưởng cận đại Trung Quốc, khích lệ lòng yêu nước của nhiều trí thức, đưa họ đến con đường giải phóng dân tộc, độc lập, dân chủ.

Cùng với phong trào dịch sách báo là phong trào mở trường học kiểu mới, dạy kiến thức mới, bỏ chế độ khoa cử ngàn năm. Biến pháp năm Mậu Tuất (1898) do Khang Hữu Vi (1858-1927) và Lương Khải Siêu (1873-1929) cầm đầu đã bị thất bại thảm hại. Nhiều người bị giết hại, Khang- Lương hai ông phải trốn ra nước ngoài. Năm ấy Lỗ Tấn 18 tuổi. Dù chưa ý thức được chuyện cứu nước, bất chấp cả dư luận sai

lam của người đời đối với việc học chữ Tây, ông vẫn xin vào học ở trường kiểu mới ấy tại Nam Kinh.

TUỔI THANH NIÊN

Sau khi ông Bá Nghi mất, Lỗ Tấn không đến trường Tam Vị nữa. Khác với con nhà Nho gặp lúc phá sản, xin vào làm thông lại ở nha môn hoặc đi buôn bán, thì Lỗ Tấn lại muốn vào trường Tây, học chữ Tây. Lúc bấy giờ ở Thiệu Hưng, Hàng Châu đã có những trường Tây, song đều đòi tiền học cao. Chỉ có trường Giang Nam Thủy sư học đường (sau cách mạng Tân Hợi, đổi tên là Lôi điện học hiệu) ở Nam Kinh do bọn quan liêu "phái học Thái Tây" mở, là không lấy tiền. Có ông Chu Tiêu Sinh- chú họ Lỗ Tấn, làm giám thị, kiêm dạy chữ Hán ở trường ấy, về nhà chơi, định đưa con lên học. Lỗ Tấn xin đi theo. Bà mẹ ông không biết làm thế nào ngăn được, đành chạy cho ông tám đồng bạc làm tiền ăn đường, bảo rằng tùy ý muốn đi đâu thì đi, rồi bà cũng khóc.

Ở đây học rất đơn giản, bốn ngày học tiếng Anh, một ngày học chữ Hán, một ngày làm văn chữ Hán. Nhưng kỷ luật lại rất nghiêm, động một tí là phạt, thậm chí có thể bị "chém đầu". Học trò lớp trên thì xem khinh học trò lớp dưới và được ưu đãi hơn lớp dưới. Lỗ Tấn cảm thấy nhà trường này không thích hợp cho lắm, song không thể hình dung ra không thích hợp ở chỗ nào. Học ở đây không đầy một năm,ông tìm đến Khoáng Lộ học đường và thi vào (1899). Trường này phụ thuộc trường Giang Nam Lục sư học đường, do ông Tổng đốc Lưỡng Giang (Giang Nam và Giang Tây) có khuynh hướng duy tân lập ra.

Lần này, Lỗ Tấn được học nhiều môn mới :Cách trí (khoa học thường thức), Địa học (địa chất học, kim thạch học khoáng vật học)...vv

Cũng chính ở đây, Lỗ Tấn được tiếp xúc với tư tưởng duy tân. Ông hiệu trưởng là người "tân đảng " (chỉ người theo phái Khang -Lương) nên Lỗ Tấn được tự do đọc Thời vụ báo *của Lương Khải Siêu, bản dịch* Thiên diễn luận *của Huxley, bản dịch* Dân ước luận *của Rutxô,* Vạn pháp tinh lý *của Môngtexikiơ, những sách triết học, chính trị học tiến bộ của châu Âu cận đại. Lỗ Tấn đã tiếp thu quan điểm tiến hóa trong học thuyết của nhà bác học anh Huxley, tác giả* Thiên diễn luận. *Kiến thức ấy được bổ sung thêm bởi các môn khoa học tự nhiên khác mà Lỗ tấn học được trong trường, đã đem đến cho ông một niềm tin ở tương lai, ở tầng lớp thanh niên để cứu nước và giải quyết các vấn đề của xã hội Trung Quốc. Huxley giải thích sự tiến hóa của vũ trụ theo quan điểm của Đacuyn, nhưng sang Lỗ Tấn, quan điểm ấy không chỉ đơn thuần là quan điểm sinh vật học "cạnh tranh bài xích ", "thích giả sinh tồn " (phải cạnh tranh lẫn nhau mà tồn tại, cái thích ứng với hoàn cảnh thì mới sống). Ông dùng nó để giải thích sự phát triển của xã hội, ông tin tưởng lớp sau bao giờ cũng hơn lớp trước, tương lai tất sẽ sáng sủa hơn hiện tại và lực lượng mới tất sẽ thay thế lực lượng cũ. Từ đó, ông luôn ca ngợi sự đổi mới, phản đối sự hủ bại, kêu gọi thanh niên đứng lên chống lại tình trạng lạc hậu ngàn đời nay của xã hội Trung Quốc. Quan điểm này tuy tiến bộ, nhưng phi giai cấp, nó ảnh hưởng đến tư tưởng của ông rất lâu, mãi đến khoảng năm 1927 ông mới hoàn toàn dứt ra được.*

Năm 1902, Lỗ Tấn 20 tuổi, tốt nghiệp Khoáng lộ học

đường, nhưng chưa làm được việc gì. Ông được sở đốc huyện Giang Nam phái sang Nhật Bản du học.

Nhật Bản với cuộc Minh Trị duy tân (1868), đã tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa với một tốc độ khá nhanh, trở thành tấm gương cho giai cấp quý tộc phong kiến và giai cấp tư sản Trung Quốc noi theo. Mặc dù năm 1894 có cuộc chiến tranh Trung -Nhật, Trung Quốc thua phải cắt đất, mở thương cảng, bồi thường chiến phí...nhưng Nhật bản vẫn được vua quan Trung Quốc hâm mộ, cho người sang Nhật du học, học đủ thứ : Pháp chính, lý hóa, công nghiệp, cảnh sát...

Sang Nhật, Lỗ Tấn học tiếng Nhật ở Hoằng văn học viện, Đông Kinh hai năm. Thời gian này, ông có dịp đọc nhiều sách triết học, văn học, nhất là bắt đầu suy nghĩ đến chuyện nước nhà, chuyện tổ quốc, dân tộc. Những lưu học sinh có tâm huyết sang Nhật Bản, ai cũng háo hức muốn có tri thức mới để làm việc gì cho Tổ Quốc. Ngoài giờ học trên lớp, chuẩn bị thi vào trường chuyên ngành, Lỗ Tấn thường đến hội quán, ra hiệu sách, dự các cuộc họp, nghe diễn thuyết... Chính lúc này ông đã cắt đuôi sam để tỏ ý " bài Mãn". Đây là việc làm " động trời" lúc bấy giờ. Lỗ Tấn lúc này thường đưa vấn đề " quốc dân tính" ra thảo luận: Tính cách nào là lý tưởng nhất ? Dân Trung Quốc mắc khuyết điểm gì ? Căn bệnh ở chỗ nào ? Tất nhiên, ông chưa thể đặt ra và giải quyết đúng vấn đề, nhưng điều này chí ít cũng nói lên nhiệt huyết của ông đối với dân tộc với đất nước.

Trên tờ báo Sóng Chiết Giang *do học sinh quê Chiết Giang xuất bản ở Đông Kinh đăng nhiều thơ từ của Chương Thái Viêm, nhà cách mạng chống Mãn Thanh nổi tiếng đương thời, làm Lỗ Tấn rất xúc động. Mặc dù chưa xem văn*

học là vũ khí. Lỗ Tấn chỉ nghĩ là khoa học mới có thể làm cho nhân dân Trung Quốc tỉnh giấc ngàn năm, cho nên ông cho đăng trên tờ Sóng Chiết Giang *nhiều bài nghị luận nghiên cứu khoa học và bản dịch các cuốn tiểu thuyết khoa học của phương Tây.*

Cũng chính vì cho rằng khoa học là con đường cứu dân cứu nước, nên tháng 9 năm 1904 Lỗ Tấn đến Tiên Đài học trường thuốc. Đọc lịch sử Nhật Bản, ông biết cuộc duy tân của Nhật phần lớn bắt nguồn từ môn y học phương Tây, và ông tin tưởng vào một cuộc duy tân ở Trung Hoa.

Tiên Đài ở phía Bắc đảo Bản Châu, Nhật Bản, là một thị trấn nhỏ, lưu học sinh Trung Quốc không ai đến học ở đây. Lỗ Tấn đến trường y học Tiên Đài rất được ưu tiên, không phải trả học phí, được gặp nhiều giáo sư mới, nghe nhiều bài giảng mới. Ông lại chăm chỉ học hành, ghi chép cẩn thận , nên được các giáo sư rất yêu mến. Nhưng cuối năm thứ hai, ông nhất quyết rời khỏi Tiên Đài, không học trường y nữa. Chuyện rất bất ngờ, không ai đoán được, song nghĩ kỹ lại, đối với Lỗ Tấn, chuyện này là tất nhiên. Nên năm thứ hai, được học thêm môn vi trùng học. Người ta dùng điện ảnh chiếu tiêu bản các con vi trùng cho sinh viên xem. Chiếu xong, chưa hết giờ học thì chiếu mấy mẩu phim thời sự. Trong một đoạn phim có cảnh một người Trung Quốc làm gián điệp cho quân đội Nga trong cuộc chiến Nga - Nhật (1904), bị người Nhật bắt, hành hình, rất nhiều người Trung Quốc khỏe mạnh đứng xem, vẻ mặt đần độn... Lỗ Tấn thấy học thuốc không phải là việc quan trọng nữa. Dân mà còn ngu muội, hèn nhát thì dù thân thể có khỏe mạnh, cường tráng chăng nữa, cũng chỉ có thể làm thứ cho người ta đưa ra

chém đầu thị chúng mà thôi. Cho nên điều quan trọng là phải làm biến đổi tinh thần họ, và để làm được điều này, tất nhiên không gì bằng dùng văn nghệ.

Đến Tiền Đài chưa đầy hai năm, nhưng Lỗ Tấn giữ lại vài ba kỷ niệm sâu sắc ở đây. Đó là lần đi thăm mộ nhà yêu nước Trung Quốc đời Minh, chống Thanh thất bại, phải lưu vong sang Nhật và mất ở đây. Ông là Châu Thuần Thủy (1600-1682) một học giả nổi tiếng người Chiết Giang. Lỗ Tấn thấy mình đầy tâm sự giống ông Châu. Kỷ niệm thứ hai làm ông bực bội là thái độ nước lớn, coi khinh người Trung Quốc, sau cuộc chiến tranh Giáp Ngọ (1894) của sinh viên Nhật Bản họ cho rằng Lỗ Tấn học được là do giáo sư Đằng Dã thiên vị Lỗ Tấn. Điều này làm Lỗ Tấn vô cùng chua xót. Kỷ niệm thứ ba vui hơn là kỷ niệm về giáo sư Đằng Dã Nghiêm Cửu Lang. Ông là một giáo sư nhiệt tình, tận tụy với sinh viên. Ông còn là hình ảnh thôi thúc Lỗ Tấn rất nhiều trên con đường đời. Đối với người Nhật Bản, thái độ Lỗ Tấn rất rõ ràng. Ông căm thù Nhật Bản xâm lược, nhưng vẫn chơi thân với người Nhật có thiện chí. Ông vẫn trao đổi thư từ với họ cho đến ngày mất.

Sau này năm 1961, người ta dựng tượng Lỗ Tấn tại trường y học Tiền Đài, để kỷ niệm về nhà văn vĩ đại Trung Quốc đã từng sống ở đây. Bà Hứa Quảng Bình được mời sang dự lễ khánh thành.

Về Đông Kinh, Lỗ Tấn định ra tờ Tân sinh *nhưng " không khí rất lãnh đạm", một phần vì lưu học sinh Trung Quốc ở đây không ai học văn học và mỹ thuật, phần khác là họ không một đồng vốn nên báo không ra được. Tuy nhiên, lúc này có nhiều chính khách Trung Quốc đang lưu vong ở*

Nhật Bản như Lương Khải Siêu, Chương Thái Viêm, Thái Nguyên Bồi, Hoàng Hưng, Tống Giáo Nhân... họ thành lập các hội , đảng, xuất bản báo chí, để mong trung hưng đất nước Trung Hoa. Những tờ báo của họ đã chiếm hết độc giả của tờ Tân sinh *với ý định để xướng " phong trào văn nghệ để biến đổi tinh thần quốc dân" của Lỗ Tấn. Lỗ Tấn gửi bài cho tờ* Hà Nam, *một tạp chí tuyên truyền cách mạng dân chủ, dân tộc. Có hai bài :* Bàn về sự thiên lệch của văn hóa và Sức mạnh của dòng thơ Mara *(1907) cho ta thấy tư tưởng chính trị và tư tưởng văn nghệ của Lỗ Tấn lúc này.*

Bài trên, phê phán tư tưởng " nước giàu lính mạnh" của " phái học Thái Tây" và "tư trào mới" do các "chí sĩ" phái phục cổ đề xướng. Ông chủ trương giải phóng con người thoát khỏi sự giàng buộc cổ truyền của thế lực phong kiến, phản đối quan niệm vật chất đơn thuần. Cho dù Lỗ Tấn chưa thấy vai trò quyết định của vật chất đối với tinh thần, nhưng ông vẫn chủ trương chống đế quốc, phong kiến, chống phái cách mạng dân chủ không triệt để, ra sức hô hào nhân dân giác ngộ. Về khách quan mà nói, hạt nhân tư tưởng của ông còn có ít nhiều ý nghĩa cách mạng.

Bài thứ hai giới thiệu tư tưởng văn nghệ dân chủ châu Âu thế kỷ thứ XIX, ca tụng những nhà thơ như Bairơn, Sêli, Puskin, Lecmôntôp, Mickiêvic, Pêtophi... đó là những "chiến sĩ trong lĩnh vực tinh thần", lấy văn nghệ làm vũ khí "chống lại và hơi đương thời, kêu gọi nhân dân đứng lên làm cách mạng".

Cũng lúc này ông bắt đầu dịch một số truyện nước ngoài : Nga, Ba Lan, Tiệp Khắc (cũ), Hungari... ngay cả lựa chọn sách để dịch, Lỗ Tấn cũng xuất phát từ chủ trương dùng

văn nghệ chữa bệnh tinh thần, cải tạo xã hội. Có thể nói đây là những bước đi đầu tiên trên con đường văn học của Lỗ Tấn. Từ bây giờ cho đến lúc ông mất vừa tròn 30 năm (1907-1936). Ba mươi năm ông cầm chắc cây bút mà chiến đấu và sáng tác không ngơi nghỉ.

Từ trong ý thức, dùng văn học làm vũ khí chữa bệnh tinh thần, cải tạo xã hội, Lỗ Tấn đã là người cách mạng. Nhưng thật sự tham gia hoạt động cách mạng, thì phải tới lúc Lỗ Tấn gặp gỡ tiếp xúc với các nhà cách mạng như Chương Thái Viêm (1868-1936), Đào Thành Chương, Từ Tích Lân, Thu Cận, Thái Nguyên Bồi... trong số đó, Chương Thái Viêm, học giả đồng thời là nhà cách mạng được Lỗ Tấn cảm tình nhất vì ông là "nhà cách mạng có học thức". Năm 1907, đang ở Đông Kinh, nghe tin Chu Cận bị giết ở Thiệu Hưng, Từ Tích Lân bị moi gan ở An Huy, Lỗ Tấn cũng như mọi người đều uất giận hết sức, sau đó, ông xin vào Quang phục hội.

Do kế hoạch ra tờ Tân sinh *thất bại, định sang Đức cũng không thành, lại thêm gia đình trong nước khó khăn về kinh tế nên tháng 8 năm 1909 Lỗ Tấn rời Đông Kinh về Trung Quốc lúc ấy ông mới 29 tuổi.*

Về nước, ông làm giáo viên dạy lý hóa tại trường Sư phạm Chiết Giang ở Hàng Châu. Năm sau về làm giáo vụ trưởng trường Trung học Thiệu Hưng. Năm sau nữa, lại bỏ, xin làm công tác dịch sách cho một nhà xuất bản. Nhưng cũng bị từ chối, vì sách dịch Tiểu thuyết nước ngoài *của ông không hợp thị hiếu độc giả thành thị bấy giờ đang ham sách dịch Tây Âu viết về những mối tình lãng mạn.*

Nhưng rồi cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) bùng nổ,

Cuộc khởi nghĩa vũ trang do Đồng minh hội phát động bắt đầu từ Vũ Xương sau đó lan sang Hán Dương, Hán Khẩu. Không đầy một tháng, các tỉnh hưởng ứng, tỉnh Chiết Giang cũng vậy. Hàng Châu giải phóng.

Lúc này Lỗ Tấn ở Thiệu Hưng, ông vẫn liên lạc với Quang phục hội ở Chiết Giang. Khi có tin Hàng Châu giải phóng, thành Thiệu Hưng mở hội ăn mừng. Lỗ Tấn được cử làm chủ tịch. Lỗ Tấn đề nghị tổ chức những đội tuyên truyền đi các nơi phát động vũ trang cách mạng, nhưng vì thiếu chuẩn bị, thiếu tổ chức, thiếu súng ống nên không thực hiện được. Tuy chưa có người cách mạng lập ra chính quyền mới, song cũng có một tổ chức gọi là "quân chính phủ" thay thế bộ máy chính quyền cũ. Bề ngoài là như vậy nhưng bên trong thì vẫn y nguyên. Giống hệt như ông tả ở AQ chính truyện *: quan huyện vẫn là quan huyện cũ, chẳng qua bây giờ gọi là quan gì gì ấy...*

Vương Kim Phát người Chiết Giang, trước là tướng cướp, thủ lĩnh đảng Bình Dương, sau được giới thiệu vào Quang phục hội, nay y đến Thiệu Hưng giữ chức đô đốc. Lỗ Tấn được cử làm hiệu trưởng trường Sư phạm Thiệu Hưng.

Lỗ Tấn cùng mấy người bạn ra tờ Việt đạc nhật báo *(tháng 1 năm 1912) công kích bọn giả cách mạng, lợi dụng cách mạng. Tờ báo chửi chính phủ, sau chửi cả đô đốc, thân thích đô đốc...Ba tuần lễ sau tòa báo bị bọn lính đập phá. Lỗ Tấn từ chức hiệu trưởng đi Nam Kinh.*

Về cuộc cách mạng Tân Hợi, Lỗ Tấn rút ra nhiều bài học như ông đã trình bày trong AQ chính truyện *sau này. Nhưng bài học thấm thía, ông nhắc lại nhiều lần là nên có thái độ dứt khoát đối với kẻ thù cách mạng. Đó là chuyện nữ*

liệt sĩ Thu Cận bị một tên địa chủ ở Thiệu Hưng cáo giác, bị án tử hình. Vương Kim Phát đến Thiệu Hưng bắt tên địa chủ kia xử chết để trả thù cho Thu Cận. Nhưng hắn lo đút lót lại được thả. Khi cuộc cách mạng thứ hai thất bại, chính tên địa chủ được tha kia giúp tay sai Viên Thế Khải bắn chết Vương Kim Phát. Nên Lỗ Tấn nói : "không thể tốt bụng, từ bi với ma quỷ được", ý này trong bài Hắng khoan phe polê *đã viết năm 1925 trong tập* Nấm mồ.

Trung Hoa Dân Quốc ra đời, Tôn Trung Sơn nhận chức Đại tổng thống lâm thời (1 tháng 1 năm 1912) đóng ở Nam Kinh. Còn ở miền Bắc, Viên Thế Khải ép vua Thanh thoái vị rồi quay lại đàm phán đề nghị Tôn Trung Sơn nhường chức. Thế là từ chức đại thần nhà Thanh, phút chốc, hắn trở thành đại tổng thống của Trung Hoa Dân Quốc, cướp không thành quả của cách mạng, lập tức chính phủ mới rời Nam Kinh lên Bắc Kinh, sào huyệt của Viên Thế Khải.

Lỗ Tấn đến Nam Kinh (tháng 1 năm 1912) làm ở Bộ Giáo dục. Ngay từ đầu, ông đã tỏ ra chán nản vì cục diện vẫn không có gì mới, có chăng chỉ chiêu bài " Dân quốc" là mới thôi. Bọn cơ hội chui vào hàng ngũ cách mạng càng nhiều. Tình hình càng nghiêm trọng.Ở Bộ Giáo dục, không có việc gì làm. Lỗ Tấn đến thư viện đọc sách, ghi chép một ít tài liệu. Giữa năm ấy (tháng 5 năm 1912) ông theo Bộ lên Bắc Kinh.

Viên Thế Khải càng ngày càng tỏ ra phản bội thành quả cách mạng, khôi phục đế chế, mơ ước lên làm vua, đầu hàng cắt đất cho Nhật Bản (1914). Lại thêm chuyện Trương Huân "phục tích". Trương Huân vốn là tên võ quan đời Thanh, định phò Phổ Nghi (tức Tuyên Thống) lên ngôi. Thật

bại, hắn chạy trốn vào sứ quán Hà Lan (1917).

Sau khi lên Bắc Kinh, Lỗ Tấn giữ chức kiểm sự ở Bộ Giáo dục. Từ năm 1912 đến năm 1919, ông ở Hội quán của người Thiệu Hưng ở Bắc Kinh. Ông thường gọi là Hội quán S. Hội quán này nằm trong một ngõ vắng, ngoài cửa Tuyên Võ Môn. Lúc đầu ông thuê một phòng nhỏ, gọi là Đăng Hoa quán, có cây tử đằng, hoa tím giả cối ngoài cửa sổ ? Bốn năm sau ông rời sang dãy nhà ba gian gọi là Bồ thụ thư ốc, cũng thuộc Hội quán, trước nhà có cây hòe.nghe nói trước kia có người đàn bà treo cổ chết.

Với cương vị của mình ở Bộ Giáo dục, ông cũng muốn làm một cái gì có ích cho nền giáo dục mới; cho nên ông đưa ra kiến nghị chủ trương đem "mỹ dục" vào nhà trường. Chủ trương này của ông đăng ở Nguyệt san *của Bộ Giáo dục (tháng 2 năm 1913) với nhan đề* Thử lạm bàn về việc truyền bá mỹ thuật. *Khái niệm "mỹ thuật" ông dùng ở đây bao hàm phạm vi văn hóa nhiều hơn, cho nên đã bị gạt ra trong hội nghị giáo dục làm thời. Riêng về văn học, ông đã chú ý từ lâu, đề nghị mời danh nhân học giả đến, thành lập ban xét duyệt, lựa chọn những tác phẩm hay để khen thưởng, giúp phổ biến rộng rãi và quyết định dịch một số tác phẩm nổi tiếng của nước ngoài.*

Trước đây, sau cách mạng Tân Hợi, Lỗ Tấn đã cảm thấy buồn chán, ông cảm thấy hình như đã lâu rồi không còn cái gọi là Trung Hoa Dân quốc nữa : "trước cách mạng tôi là nô lệ, sau cách mạng không bao lâu, thì bị bọn nô lệ lừa bịp, biến thành nô lệ của chúng nó...", " có nhiều quốc dân của Dân quốc mà lại là kẻ thù của Dân quốc...", "tôi cảm thấy máu của bao nhiêu liệt sĩ bị người ta dẫy đạp không còn vết

tích nữa đâu, nhưng cũng không phải là cố ý", " tôi cảm thấy cái gì cũng phải bắt đầu làm lại...". Chủ trương đưa "mỹ dục" của ông bị gạt ra, đây là lần thất bại thứ hai. Ông đứng ra hô hào mà không được ai hưởng ứng, làm ông càng buồn chán hơn. Đó là nỗi buồn chán chưa từng biết đến, ông cảm thấy như đứng giữa bãi sa mạc vô biên, chẳng còn biết hành động ra sao nữa. Cái cảm giác quạnh hiu ấy lớn dần, nó quấn lấy tâm hồn ông như một con rắn độc. Điều này sau ông thể hiện trong Tựa viết lấy *ở tập* Gào thét.

Để xua đuổi nỗi quạnh hiu đó, ông lao đầu vào tìm hiểu cái gọi là " quốc dân tính" hoặc hiệu đính thư tịch cổ biên thành hai cuốn Hậu Hán thư *và* Kê Khang tập; Cổ tiểu thuyết câu trầm, Bách dụ kinh, Lục triều tượng tạo mục lục *và* Lục triều mộ chí mục lục. *Tất cả những việc làm này, có dịp sẽ " phun ra như núi lửa" trong các tác phẩm ông viết sau đó, bắt đầu từ* Gào thét.

3. Chiến đấu và sáng tác.

Trước năm 1918 Lỗ Tấn đã sáng tác . Nhưng từ 1918 Lỗ Tấn mới sáng tác liên tục và ông tự coi như những sáng tác thời kỳ này mới có chất lượng hơn, ngay cả hình thức, ông cũng dùng bạch thoại, không dùng cổ văn nữa.

Những sáng tác đầu tiên bằng bạch thoại của Lỗ Tấn đăng trên tạp chí "Tân thanh niên". Đó là một tạp chí quan trọng của phong trào văn hóa thời Ngũ tứ, xuất bản hàng tháng từ năm 1915 đến năm 1922 thì đình bản. Tạp chí này đề xướng chính trị dân chủ, chống lễ giáo phong kiến, đạo đức phong kiến, chống học thuyết Khổng Tử, đề xướng khoa học, phản đối mê tín dị đoan. Tạp chí này còn đề xướng "cách mạng văn học" lấy bạch thoại làm vũ khí tư tưởng.

Đáng chú ý hơn là Lỗ Tấn được gặp Lý Đại Chiêu (1889 - 1927), tự Thủ Thường, một học giả có uy tín, một trong những người cộng sản đầu tiên của Trung Quốc, trong buổi họp thảo luận việc ra tờ Tân thanh niên theo hướng mới (1918). Sau này, Lỗ Tấn viết bài tựa cho " Thủ Thường toàn tập) ghi lại kỷ niệm của mình về " người bạn đường trên một chiến tuyến" (in trong Nam xoang Bắc điệu). Lý Đại Chiêu có ảnh hưởng rõ rệt đến tư tưởng và con đường đi của Lỗ Tấn.

Đầu năm 1918 trong một cuộc đối thoại với Tiền Huyền Đồng, bạn cũ, biên tập viên tờ Tân Thanh niên, hai người bàn về tương lai xã hội Trung Quốc. Lỗ Tấn với tâm trạng buồn chán cho rằng : xã hội Trung Quốc hiện nay " như một ngôi nhà bằng sắt, không có cửa sổ và cũng không làm sao phá tung ra được. Trong đó có nhiều người đang ngủ say, và không bao lâu sẽ chết ngạt...Bây giờ anh gào thét lên làm cho mấy người còn đang mơ mơ màng màng giật mình tỉnh dậy. Số ít người bất hạnh đó sẽ phải trải qua cảnh vật vã của một cái chết không tài nào cứu vãn được. Như thế mà anh lại tưởng là cứu giúp họ hay sao ?"

Nghĩa là: "Hoàn toàn tuyệt vọng". Nhưng nhóm Tân thanh niên thì không nghĩ như thế, vẫn có hy vọng phá tung ngôi nhà sắt đó ra được. Cuộc đối thoại này làm cho Lỗ Tấn suy nghĩ nhiều và làm ông thay đổi thái độ lúc đầu. Nên ông nhận lời viết bài. Đây là thiên "Nhật ký người điên" truyện ngắn đầu tiên của ông. Rồi thỉnh thoảng ông viết những bài như có vẻ tiểu thuyết để đáp lại qua loa sự đòi hỏi của bạn bè...(Tựa viết lay, Gào thét).

Nhật ký người điên(1-1918) đăng ở Tân Thanh niên

5.1918. "Khổng Ất Kỷ". "Thuốc" (1919) "Sóng gió". "Cô hương" (1920). Tập Gào thét xuất bản lần đầu gồm 14 truyện (1923). 14 truyện này không chỉ đăng tải trên "Tân thanh niên" mà cả ở báo khác. "Ngày mai" (Nguyệt san tân trào). "Mấu chuyện nhỏ" (Bắc Kinh tuần báo). "Chuyện cái đầu tóc" (Thời sự tân báo). "AQ chính truyện" (Thần báo).

Trên tạp chí "Tân thanh niên", Lỗ Tấn còn đăng nhiều bài bình luận dài cố, ngắn cố. Dài thì như bài "Quan niệm của tôi về tiết liệt" (1918); ngắn thì như bài "Ghi theo cảm hứng" (Tùy cảm lục). Những bài này thường đánh số thứ tự 1,2,3... Về sau một số bài có đầu đề riêng. Lỗ Tấn viết từ bài số 25 trở đi lấy bút danh là Đường Sĩ hoặc Lỗ Tấn.

"Nhật ký người điên" là truyện ngắn đầu tay của Lỗ Tấn. Ý nghĩa của nó rất sâu sắc. Qua vài trang nhật ký, tác giả dựng lên cả một xã hội, thu tóm được lịch sử mấy ngàn năm. Những suy nghĩ này là sự nung nấu trong tâm hồn, là sự trải nghiệm cuộc đời của Lỗ Tấn. Nó trở thành chân lý xui giục người ta hành động, thành viên đạn trái phá, công phá đính lũy của chế độ phong kiến ngàn năm. Nó cũng là sự cụ thể hóa những lý luận trừu tượng, vạch đường rõ ràng, nhằm đúng mục tiêu, đặt ra phương hướng sáng tác cho chủ trương cách mạng văn học do tạp chí "Tân thanh niên" đề xướng.

Thông qua tâm lý, suy nghĩ của một người bị bệnh "bách hại cuồng", Lỗ Tấn vạch ra xã hội Trung Quốc cũ có hai giai tầng, người ăn thịt và người bị ăn thịt. Cố nhiên người ăn thịt là đại diện cho thế lực phong kiến như cụ Cô Cửu, ông Triệu, ông lang họ Hà và ông "anh" người điên... Nhìn vào lịch sử, người điên đã khái quát xã hội Trung Quốc là xã hội "ăn thịt người". "Cái gọi là văn minh Trung Quốc

kỳ thực chỉ là bữa tiệc thịt người bày ra cho bọn giàu sang hưởng thụ..." và Lỗ Tấn đã kêu gọi: "Quét sạch những đứa ăn thịt người ấy đi, hất đổ cái mâm tiệc ấy đi, đó là sứ mệnh của thanh niên ngày nay !" ("Trước đèn tùy bút"- Nấm mồ).

Đáng chú ý hơn, là ta có thể thấy ảnh hưởng của "Tiến hoá luận" và ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga đối với Lỗ Tấn qua "Nhật ký người điên". "Người điên" trong truyện luôn nghĩ đến một xã hội mới, một xã hội không có người ăn thịt người, một xã hội của những "con người chân chính". Tác giả đã để cho "người điên" kêu gọi mọi người không ăn thịt người, hãy cứu lấy các em, thế hệ tương lai, đừng để chúng tiêm nhiễm thói xấu ăn thịt người của người lớn và đừng để chúng bị ăn thịt. Hy vọng ở ngày mai, hy vọng ở thế hệ trẻ, điều này tác giả còn thể hiện ở trong nhiều tác phẩm khác như "Cố hương", "Mấu chuyện nhỏ", "AQ chính truyện"... Từ năm 1918 đến năm 1927, là thời kỳ quá độ tư tưởng của Lỗ Tấn. Ông chuyển từ lập trường tiểu tư sản cách mạng sang lập trường vô sản, từ quan điểm tiến hóa sang quan điểm giai cấp. Lỗ Tấn luôn đứng ở vị trí đầu tiên trên trận tuyến chống đế quốc, phong kiến, luôn suy nghĩ đến những con người "nhỏ bé", "bất hạnh" trong xã hội như chú AQ, thím Tường Lâm, anh Nhuận Thổ...

Khi viết "Nhật ký người điên", Lỗ Tấn có lấy một người làm mẫu, đấy là người anh em con dì, làm thừa lại ở Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây. Anh ta bị bệnh "bách hại cuồng" nên về Bắc Kinh chữa. Đổi hết phòng này đến phòng khác, anh ta vẫn bị ám ảnh có người giết mình. Cuối cùng đến Hội quán Thiệu Hưng ở với Lỗ Tấn. Một hôm anh ta nói với Lỗ Tấn: "Hôm nay nhất định người ta sẽ chặt đầu tôi"; rồi viết

một bức thư tuyệt mệnh gửi cho mẹ, nhờ Lỗ Tấn chuyển giùm. Lỗ Tấn bèn đưa tới bệnh viện của một người Nhật Bản. Giữa đường gặp tên lính vác súng gác cổng một dinh thự, anh ta sợ quá, mặt cắt không ra máu, hai con mắt đại đi. Điều trị một tuần không khỏi, bèn đưa về quê. Bức thư tuyệt mệnh trên còn lưu ở nhà lưu niệm Lỗ Tấn ở Bắc Kinh.

"Nhật ký người điên " vốn là tên một tác phẩm của Gôgôn-nhà văn Nga thế kỷ thứ XIX. Lỗ Tấn chỉ mượn cái tên, còn nội dung tư tưởng thì không liên quan gì đến nhau cả. "Nhật ký người điên' của Lỗ Tấn "chứa đựng một lòng căm thù sâu sắc, rộng rãi hơn nhiều" (Trung Quốc tân văn học đại hệ tiểu thuyết, tập II).

Bắt đầu từ năm 1918, Lỗ Tấn tham gia vào mặt trận chống đế quốc phong kiến của cách mạng văn hóa, dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản. Từ tháng 12 năm 1921 đến tháng 2 năm 1922, ông lần lượt đăng trên tờ phụ trương "Thần báo" tác phẩm nổi tiếng: "AQ chính truyện" với bút danh "Ba nhân". Ông cho biết "Ba nhân" lấy từ chữ Hạ lý ba nhân, tên một khúc hát dân gian, "chẳng có gì là thanh cao tao nhã cả" (Vì sao tôi viết AQ chính truyện- Hoa cái tiếp theo).

Trong tác phẩm trên, Lỗ Tấn thể hiện những suy nghĩ của mình về xã hội Trung Quốc, về cách mạng Trung Quốc, đặc biệt là cách mạng nông thôn, về sự thất bại của cuộc cách mạng Tân Hợi (1911), và thông qua hình ảnh chú AQ, ông nêu lên vai trò của người nông dân trong cuộc cách mạng, phân tích những ưu khuyết điểm của họ.

Đặt vấn đề tìm hiểu đời sống nông thôn, ảnh hưởng của cách mạng Tân Hợi đối với trật tự xã hội nông thôn, đối với

bần cố nông là một vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trung Quốc là một nước nông nghiệp. Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội, ngoài mâu thuẫn với ngoại tộc và đế quốc, là mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân. Nhiệm vụ của cuộc cách mạng thật sự, ngoài việc lật đổ triều đình Mãn Thanh, đánh đổ đế quốc, là xóa bỏ chế độ phong kiến ở tận cơ sở là nông thôn, đập tan uy thế bọn địa chủ, đem lại quyền lợi thiết thực cho những bần cố nông - những con người bất hạnh của xã hội. Ngay sau cách mạng Tân Hợi, thế lực phong kiến vẫn khống chế toàn bộ kinh tế nông thôn, một mặt, chúng lấy uy quyền của chế độ gia trưởng phong kiến đàn áp nông dân. Mặt khác, Lỗ Tấn còn chỉ ra con đường bần cùng hóa, thậm chí lưu manh hóa người nông dân. Trong "AQ chính truyện", cách mạng Tân Hợi vẫn không thay đổi được gì. Quan huyện vẫn là quan huyện cũ, chỉ có cái tên là thay đổi. Làng Mùi thì đâu vẫn hoàn đấy. Cách mạng không đem lại chút quyền lợi, không phát huy nhiệt tình cách mạng của nông dân. Chú AQ muốn làm cách mạng, bọn chúng không cho làm. Cuối cùng chú còn bị đem xử bắn. Thế là người nghèo khổ đặt hy vọng, niềm tin vào cách mạng lại bị đưa ra làm vật hy sinh.

Phân tích tình hình nông thôn và sự thất bại của cách mạng Tân hợi, Lỗ Tấn đã khẳng định : làm cách mạng ở một nước nông nghiệp như Trung Quốc thì điều quan trọng là phải chú ý vấn đề nông thôn. Phải xóa bỏ chế độ phong kiến ngay ở đó.

Viết "AQ chính truyện", ngoài việc phân tích những ưu điểm như cần cù lao động, của người nông dân, Lỗ Tấn còn phân tích những khuyết nhược điểm do bị bóc lột áp bức mà

sinh ra hoặc do giai cấp thống trị tiêm nhiễm vào họ. Khuyết, nhược điểm lớn nhất, tệ hại nhất là phép "thắng lợi tinh thần". Nó làm người ta tê liệt đi, không biết phản kháng, không thể thậm chí không dám phản kháng, lại đi tìm một ảo tưởng thắng lợi để an ủi mình, lừa dối mình. Tâm lý ấy có nhiều cách biểu hiện khác nhau. Như tự cho mình là con ông cháu cha, khoe khoang bề thế tổ tiên, mong đợi con cháu mai sau mà thực tại thì trắng tay. Bị người ta đánh, không đánh lại được, thì cho rằng con đánh bố thế là quên đau. Run sợ trước kẻ mạnh, ức hiếp kẻ yếu, nhắm mắt tự tôn, chóng quên, biến khuyết điểm thành ưu điểm... đều là những khía cạnh khác nhau của "phép thắng lợi tinh thần".

Mặc dù vậy, Lỗ Tấn vẫn nhìn thấy khả năng làm cách mạng của những người bần cố nông. Tuy tinh thần bị tê liệt, ngu dốt, không hiểu gì về cách mạng, nhưng trước sau họ vẫn căm thù kẻ áp bức bóc lột mình. Trong làng Mùi, chú AQ ghét nhất là bọn địa chủ và con cái địa chủ. Chú xem lão Tây già thằng con cả cụ cố họ Tiền, là kẻ thù của chú, hễ gặp mặt là chửi thầm trong bụng, mặc dù lý do chú đưa ra để căm thù chưa hẳn đúng. Song về đối tượng thì quả chú không sai. Thêm nữa, lòng căm thù đó, khi có dịp là bùng lên làm cách mạng để "cách mẹ cái mạng" của chúng nó và tìm đường sống cho mình.

Như vậy, trong "AQ chính truyện", Lỗ Tấn cho thấy, người nông dân, dưới sự áp bức bóc lột của địa chủ, họ có nhu cầu làm cách mạng. Họ chính là lực lượng hùng hậu của cách mạng. Mặt khác phải làm cho họ giác ngộ, khắc phục những khuyết nhược điểm của họ, khắc phục cái phép "thắng lợi tinh thần". Tất cả những mong mỏi của Lỗ Tấn lúc ấy, đã

được Đảng Cộng sản Trung Quốc thực hiện từ cuộc khởi nghĩa vụ mùa năm 1927.

Về cội nguồn của "phép thắng lợi tinh thần" có thể tìm thấy trong chế độ phong kiến nghìn năm của Trung Quốc, hầu như giai tầng nào cũng có. Trước hết nó có nguồn gốc từ giai cấp thống trị Trung Quốc, nhất là trong khoảng một trăm năm lại đây, kể từ khi các đế quốc phương Tây vào Trung Quốc. Giai cấp thống trị Trung Quốc sau nhiều lần thất bại, đã tự tạo cho chúng một lối thoát về tinh thần kỳ diệu, để tự lừa dối mình, lừa dối người. Những luận điệu kiểu như: "Trung Quốc đất rộng, người nhiều, được khai hóa sớm, có đạo đức đứng đầu thiên hạ", "văn minh vật chất phương Tây tuy cao, nhưng văn minh tinh thần của Trung Quốc còn cao hơn", "Trung Quốc là nước có nền văn minh hàng ngàn năm..." Với những luận điệu như vậy, trong trường hợp nào, giai cấp thống trị, cũng tự cho là kẻ thắng lợi, cho dù lãnh thổ có bị đế quốc phương Tây chia năm xẻ bảy. Chúng không bao giờ thừa nhận nhược điểm của mình, không tự cường để đánh giặc, đành cam chịu làm nô lệ cho đế quốc phương Tây. Còn chú AQ thì lại là nô lệ của bọn phong kiến thống trị, một loại nô lệ của nô lệ, cho nên căn bệnh của phép "thắng lợi tinh thần" trong chú xem ra nặng nề và đậm đặc hơn cả, điển hình hơn cả.

Sáng tác "AQ chính truyện", Lỗ Tấn muốn phản ánh cái "quốc dân tính" của người Trung Quốc mà ông bỏ ra nhiều công nghiên cứu, nghiền ngẫm từ hồi còn ở Nhật Bản. Chỉ có điều không nên biến anh ta thành một nhân vật "khái niệm hóa", điển hình muôn vẻ muôn màu của các giai cấp. Điều quan trọng hơn là trong tác phẩm này, Lỗ Tấn đặt ra vấn đề cách mạng nông thôn, làm thế nào để đem lại hạnh

phúc thực sự cho những người nông dân.

Viết "Gào thét", mục đích Lỗ Tấn là "làm cho mấy người còn đang mơ mơ màng màng giật mình tỉnh dậy". Nhưng không bao lâu, ông viết thêm một thể loại khác: tạp cảm cũng tức là tạp văn, một "lưỡi dao găm" đâm vào mạng mỡ kẻ thù, ứng chiến ngay lập tức với các thế lực đen tối cản trở phong trào văn hóa mới, cản trở công cuộc cách mạng. Thế rồi suốt ba mươi năm hoạt động văn học, ông xem vũ khí ấy là chính. Cù Thu Bạch đã giới thiệu tạp cảm của Lỗ Tấn rất đúng:

... "đấu tranh xã hội kịch liệt, cấp bách khiến tác giả không thể thung dung hun đúc tư tưởng và tình cảm vào trong sáng tác, biểu hiện bằng hình tượng và điển hình cụ thể, đồng thời, áp lực tàn khốc của kẻ cường bạo không cho phép tác giả chọn hình thức thông thường mà nói. Tài năng châm biếm của tác giả đã giúp ông dùng hình thức nghệ thuật mà phát biểu lập trường chính trị của ông, những điều quan sát sâu sắc của ông về xã hội, lòng đồng tình nồng nhiệt của ông đối với cuộc đấu tranh của quần chúng".

Tạp văn của Lỗ Tấn là "bất cứ thể văn gì, các thứ ghép lại với nhau, thế là thành tạp" (Tựa Thả giới đình). Tạp văn của ông gồm những bài cảm nghĩ vụn vặt, luận văn, bút chiến, diễn thuyết, tùy bút, thư từ, bình luận, thơ văn, nhật ký, hồi ức...

Khi tờ Tân thanh niên phát động phong trào văn hóa mới, chống lễ giáo phong kiến, chống văn học cũ, hô hào "cách mạng văn học"... lúc đầu không khí còn trầm trầm. Dần dần từ năm 1918 trở đi, khắp nơi nhao nhao lên tiếng. Ngay tại trường Đại học Bắc Kinh- Trần Độc Tú chủ biên tờ

Tân thanh niên, cũng là giáo sư trường này- có những hai tờ báo chống lại phong trào văn hóa mới, tờ "Quốc cố" và tờ "Quốc dân". Ngay từ những ngày đầu, bốn bề đều là địch, Lỗ Tấn đã phối hợp với "những người bạn trên cùng chiến tuyến". Những bài tạp văn thời kỳ đầu tập hợp trong các tập "Nấm mồ" (Phần) và "Gió nóng" (Nhiệt phong). Xem những bài này, có thể nhận ra một số đặc điểm chính của ông.

Trừ một vài bài luận văn dài, còn những bài dưới đầu đề chung "Ghi theo cảm hứng" (Tùy cảm lục) thu thập trong tập "Gió nóng" đều là những bài "bình luận ngắn", viết một cách thoải mái, theo dòng ngòi bút, có thể cho là những bài bàn phiếm. Nhưng vấn đề đặt ra hoàn toàn không nhỏ. Ở đây ta có thể thấy lưỡi dao gãm của ông hướng về bọn phục cổ đang ra sức hô hào "bảo tồn quốc túy", bảo vệ đạo đức, luân lý phong kiến. Ông nói: "rõ ràng là người thời nay, thở hít không khí thời nay mà lại cứ muốn khiên cưỡng dùng danh giáo nát rồi, ngôn ngữ chết cứng, ra sức mạt sát hiện tại, đó đều là những kẻ "giết hiện tại". "giết hiện tại" cũng tức là giết tương lai- tương lai là thời đại của con cháu" (Ghi theo cảm hứng 57. Những kẻ giết hiện tại). Lỗ Tấn đề cập đến vấn đề gia đình, vấn đề phụ nữ, vấn đề hôn nhân, vấn đề thanh niên... Tất nhiên thời kỳ này vẫn viết dưới ánh sáng của tư tưởng tiến hóa. Có điều rằng quan điểm tiến hóa ấy kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng dân chủ, tạo nên một yếu tố có tính chất cách mạng.

Bên cạnh đó, Lỗ Tấn còn thể hiện tình cảm đối với văn học Nga thế kỷ XIX và Cách mạng Tháng Mười. Ông viết bài ca tụng "Ánh bình minh của một kỷ nguyên mới" (Ghi theo cảm hứng 59), đòi hỏi các nhà mỹ thuật Trung Quốc

phải là "nhà mỹ thuật tiến bộ ", "có ảnh hưởng tiến bộ và nhân cách cao thượng, phải là người giác ngộ trước có thể đưa đường chỉ lối" (Ghi theo cảm hứng 43). Ông phản đối việc lấy tư tưởng văn nghệ của giai cấptư sản Anh, Mỹ làm tiêu chuẩn phê bình...

Từ năm 1922 tư tưởng chính trị, tư tưởng văn nghệ của Lỗ Tấn là như thế. Đặc biệt là ông đã rèn ngòi bút trở thành một "lưỡi dao găm" sắc nhọn, để rồi mai đây sẽ chống lại "giai cấp có súng", chống lại bọn "chính nhân quân tử" giả hiệu, bọn "chó bông", "có ảnh chụp trong Bách khoa toàn thư nước Anh" (chỉ bọn giáo sư du học Anh Mỹ về - và bây giờ viết văn tuyên truyền tư tưởng tư sản, bênh vực đế quốc).

Từ năm 1919 đến năm 1922, tình hình chính trị của xã hội Trung Quốc cực kỳ phức tạp. Viên Thế Khải chết, chính quyền miền Bắc chia năm xẻ bảy, miền Nam Tôn Trung Sơn lại được cử làm tổng thống, phong trào văn hóa mới đã tuyên truyền chủ nghĩa Mác ngày càng rộng rãi ở Trung Quốc. Ngày 4 tháng 5 năm 1919 (phong trào Ngũ tứ) những cuộc biểu tình rầm rộ chống đế quốc và bọn "quốc tặc",bọn tay sai bán nước nổ ra ở Bắc Kinh, sau lan rộng toàn quốc. Cũng lúc này, giai cấp vô sản Trung Quốc bước lên vũ đài chính trị. Tình hình này làm cho nhóm trí thức chủ trì tạp chí "Tân thanh niên" tan rã nhanh chóng. Bởi vì trong nhóm, có người là trí thức cộng sản, có người là trí thức tiểu tư sản cách mạng và có người là trí thức tư sản chính cống. Có kẻ thăng quan, có kẻ về ở ẩn, có kẻ cứ tiến bước. Một lần nữa, ông lại thấy các ông bạn của mình trong cùng một mặt trận có thể biến hóa ghê gớm. Còn ông thì trở lại cái danh hiệu "nhà văn" lủi thủi một mình trong cõi sa mạc... tìm ra những

người bạn chiến đấu mới ở đâu?

"Lộ man man kỳ tu viễn hề.

Ngô tương thướng há nhi cầu sách..."

Ông đã dùng hai câu thơ của nhà thơ Khuất Nguyên viết trong "Ly tao": "Quản bao nước thẳm non xa. Để ta tìm kiếm cho ra bạn lòng" để thể hiện tâm trạng "Bàng hoàng" lúc này. Năm 1933 nhớ lại thời kỳ tan giã của nhóm "Tân thanh niên, và tạp chí Tân thanh niên đình bản (7-1922) Lỗ Tấn viết:

Tịch mịch tân văn uyển

Bình yên cựu chiến trường

Lưỡng gian dư nhất tốt

Hà kích độc bàng hoàng

(Vườn văn giờ vắng vẻ, chiến trường cũ bình yên, hai bên còn một tốt, bàng hoàng vác kích đi).

Trước kia, Lỗ Tấn học hàng hải, học khai mỏ, học thuốc, và năm 1920, ông tham gia dạy văn học cổ điển ở trường đại học. Lúc đầu ông giảng ở trường Đại học Bắc Kinh và trường Cao đẳng sư phạm Bắc Kinh; từ năm 1923 trở đi, giảng cả ở trường Cao đẳng Bắc Kinh và trường Thế giới ngữ. Nhờ đi dạy học mà ông có dịp tiếp xúc rộng rãi với thanh niên, không phải chỉ ở trên lớp mà cả ở các hoạt động khác của họ như cùng họ tổ chức ra sách báo, đấu tranh chính trị...

Ngay từ ngày đầu xuất hiện trên bục giảng, Lỗ Tấn đã được đông đảo sinh viên trong ngoài lớp hoanh nghênh nhiệt

liệt. Họ nghe ông giảng về lịch sử tiểu thuyết, mà thấy cả sự phân tích tâm lý con người, cả điều hay lẽ dở, cả tốt xấu, thực giả, quang minh chính đại và hèn hạ nhỏ nhen, qua sự mổ xẻ xã hội Trung Quốc mà biết yêu và biết ghét. Cũng chính trong giờ phút này, gặp những chuyện đáng buồn chán mà ông không còn thấy buồn chán như trước nữa.

Kết quả của việc dạy học là những bài giảng của ông được in thành sách, đó là cuốn "Trung Quốc tiểu thuyết sử lược" (Tập I in năm 1923, tập II in năm 1924). Mặc dù ông chưa đứng trên quan điểm duy vật lịch sử để nghiên cứu tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc nhưng ông nắm vững lịch sử dân tộc, và có nhiều kiến thức văn học, có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, có cách nhìn sắc sảo nên ông đã rút ra được những kết luận chính xác và độc đáo.

Trong truyện ngắn Tết Đoan ngọ, Lỗ Tấn có tả một ông Phương Huyền Xước nào đó, cố nhiên không phải là hình bóng tác giả, xong cũng có điểm giống: Ông ta vừa làm việc ở Bộ Giáo dục, vừa đi dạy học, vừa làm quan chức, vừa là nhà giáo.

Có thể nói sau khi nhóm Tân thanh niên tan rã, Lỗ Tấn cảm thấy bàng hoàng, hoang mang, trơ trọi, thậm chí bi quan chán nản. Ông ít ăn, ít ngủ hay uống rượu, theo lời bà Hứa Quảng Bình, ông còn giấu hai lưỡi dao găm dưới đệm giường... Tuy nhiên, lần này ông không đến nỗi "quạnh hiu" như các lần trước, bởi vì ông có dịp tiếp xúc với thanh niên, sinh viên, một số nhà văn trẻ. Thêm nữa, lâu nay, theo quan điểm tiến hóa, ông rất hy vọng ở lớp người này. Trung Quốc có tương lai hay không, hoàn toàn do thanh niên quyết định. Cho nên, có thể giúp đỡ họ, ông không hề từ chối, từ việc sửa

chữa văn bản, cho đến viết giới thiệu, thậm chí cả kinh phí in ấn.

Mặc dù giúp đỡ thanh niên rất nhiều, song thời kỳ này, về mặt tư tưởng, Lỗ Tấn hết sức dè dặt bởi lẽ ông cho rằng ngay bản thân mình còn chưa rõ con đường đi nói gì đến việc chỉ đường dẫn lối. Có điều thật bất ngờ là trong khi tiếp xúc với thanh niên, giúp đỡ họ thật vô tư và tận tình thì Lỗ Tấn đã gặp không ít những điều "xúi quẩy" khiến ông rất bực. Đó là trường hợp của Hứa Văn Khâm và Cao Trường Hồng; những người này được Lỗ Tấn giúp đỡ đăng tải, sau khi sửa bài; Nhưng khi nổi tiếng, họ lại quay ngoắt lại, công kích, nói xấu ông. Sau này trong truyện "Lên trăng " (Chuyện cũ viết lại) ông thông qua hình tượng Bàng Mông học trò Hậu Nghệ đã phản bội thầy, định bắn chết Nghệ mà không được để nói bóng gió về những người kia. Tất nhiên những con người này chỉ làm ông tăng cường đề phòng cảnh giác hơn mà thôi.

Cho đến năm 1924, Lỗ Tấn đã có tiếng tăm trên văn đàn, được nhiều người ủng hộ đặc biệt là thanh niên, và nhiều thanh niên được ông giúp đỡ, đứng ra chủ biên các tạp chí, kỳ thư... cho nên ông viết là có chỗ đăng, ông giúp Tôn Phục Viên lập nhóm Ngữ ti, ra tờ Ngữ ti tuần san ở Bắc Kinh. Hầu như kỳ báo nào cũng có bài của Lỗ Tấn: thơ văn xuôi (sau thu thập trong tập Cỏ dại), truyện ngắn (Cao Phu Tử, Ly hôn, Thị chúng... sau in trong Bàng hoàng), các bài bình luận, tạp văn có tính chiến đấu cao (sau thu thập trong Nấm Mồ, Hoa cái). Song nhóm Ngữ ty không gắn bó chặt chẽ, vì vậy Lỗ Tấn tìm cách ra tờ Mãng nguyên (Cánh đồng hoang) do ông chủ biên. Ra tờ báo này, ông muốn thu hút

một số nhà phê bình kiểu mới, để phê bình xã hội, văn minh Trung Quốc không chút kiêng nể, dè dặt. Lỗ Tấn dốc hết tâm lực, tự tay sửa chữa, trình bày tờ báo đến quên ăn quên ngủ.

Mãng Nguyên ra số đầu ngày 24 tháng 4 năm 1925, đến ngày 27 tháng 11 năm 1926 thì đình bản. Lúc này Lỗ Tấn ở Hạ Môn. Xảy ra chuyện xích mích giữa Cao Trường Hồng và Vi Tố Viên, người thay ông phụ trách biên tập tờ Mãng nguyên.

Có điều đáng lưu ý, từ năm 1913 đến năm 1926, văn chương của Lỗ Tấn được đăng tải trên nhiều tạp chí, báo, ngoài Ngữ Ti và Mãng Nguyên còn có Thần báo, Kinh báo, Văn nghệ dân chúng, Dự báo, Mãnh tiến, Đông phương tạp chí, Tiểu thuyết nguyệt báo...

Thời kỳ này, ở Bắc Kinh, Lỗ Tấn đặt ra một số "tùng thư", "tùng san" để xuất bản sách của mình và của thanh niên. "Gào thét" của ông đăng ở đây. "Vị danh tùng san" chuyên xuất bản sách dịch văn học cổ điển Nga của Gôgôn, Đôxtôepxki, Erenbua... lại có "Vị danh tân tập" cũng in sáng tác: "Nhật cánh hoa tàn", hồi ức của Lỗ Tấn, in trong tập này. Cách đặt tên các tùng san, tùng thư cho thấy Lỗ Tấn muốn tỏ ra chưa muốn đứng trong hàng ngũ nào.

Có thể nói sau khi nhóm Tân thanh niên tan rã, mặc dù Lỗ Tấn rất buồn, có "Bàng hoàng", song ông không để tiêu trầm mất ý chí chiến đấu; ông vẫn làm việc hăng say, vẫn hăng hái chống bọn đế quốc, phong kiến và tay sai; vẫn giúp đỡ nhiều nhà văn trẻ giới thiệu tác phẩm và có cảm tình đặc biệt với văn học Nga - Xô Viết.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản trung Quốc, nhiều

cuộc đấu tranh qui mô chống bọn đế quốc, quân phiệt phong kiến tay sai diễn ra năm 1925 - 1926. Tiêu biểu là phong trào Ngũ tạp (30 - 5 - 1925) ở Thượng Hải, Nam Kinh, Quảng Châu, Hương Cảng. Nhiều cuộc bãi công, bãi khóa, bãi thị, biểu tình nổ ra. Đặc biệt cuộc bãi công ở Quảng Châu, Hương Cảng kéo dài mười sáu tháng, làm cho chính quyền cách mạng thêm mạnh. Cùng phong trào này có phong trào đấu tranh của nữ sinh viên trường Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh chống bà hiệu trưởng Dương Âm Du và ông Tổng trưởng Bộ giáo dục Chương Sỹ Chiêu. Mặc dù bà Du cho gọi cảnh sát, thuê lưu manh đánh đập chị em, mấy người bị thương nặng, nhưng chị em vẫn không sợ hy sinh, kiên quyết đấu tranh. Lỗ Tấn và Hứa Thọ Thường thành lập "Hội duy trì nhà trường" để sinh viên tiếp tục học. Cuộc đấu tranh thắng lợi, bà Du bị cách chức, ông Chiêu bị đổi đi Thiên Tân. Sự kiện này giúp cho Lỗ Tấn nhiều đề tài viết tạp văn, sau thu thập trong tập Hoa Cái.

Vụ thảm sát 18 -3 - 1926 liền sau đó, đồng chí Lý Đại Chiêu bị bắt. Lỗ Tấn phải bỏ nhà để lánh nạn. Ngày 26-8-1926 Lỗ Tấn rời Bắc kinh xuống Phúc Kiến, Hạ Môn. Ông vẫn tiếp tục đăng bài: "Chỗ chết" *(Quốc dân tân báo). Kỷ niệm chi Lưu Hòa Chân (Ngữ Ti)... Lỗ Tấn lao vào đấu tranh chính trị, luôn bênh vực, khuyến khích thanh niên hướng về phía ánh sáng và tiến bộ. Mặt khác, ông vạch mặt bọn "chính nhân quân tử". Đó là những học giả, nhà văn đi du học ở Anh, Mỹ về, làm tay sai cho đế quốc Anh, Mỹ và bọn quân phiệt Bắc Dương. Chúng công kích phong trào văn hóa mới, tấn công cách mạng, tiêu biểu như Trần Tây Oánh, Từ Chí Ma, Hồ Thích, giáo sư trường Đại học Bắc Kinh, Chương sĩ Chiêu, Tổng trưởng Bộ Giáo dục... Trong bài Hằng khoan*

phepơlê. Lỗ Tấn đã gọi đúng tên cúng cơm của họ là "chó bông", chỗ khác ông gọi là những "con mèo xu nịnh", "những con chó nguy hiểm hơn cả chủ chúng nó", "những con muỗi trước khi hút máu người còn phải vo ve phát ra một tràng nghị luận đã"... Những bài tạp văn, tạp cảm của Lỗ Tấn viết trong lúc này (từ 1923 đến 1926) được thu thập trong ba tập "Nấm Mồ", "Hoa cái", "Hoa cái tiếp theo". Nhìn chung những bài tạp văn này lời lẽ gay gắt, vạch mặt chỉ tên đối phương với thái độ khinh bỉ, thậm chí có khi chửi thật sự. Điều đáng kể là, cuộc bút chiến của Lỗ Tấn chống bọn trí thức Âu hóa kia, bề ngoài tưởng là những vấn đề cá nhân, thậm chí riêng tư, nhưng ý nghĩa về nguyên tắc chiến đấu càng về sau càng rõ. Những cái tên Trần Tây Oánh, Chương Sỹ Chiêu (Cô Đồng)... trong tạp văn Lỗ Tấn đã trở thành danh từ chung, điển hình cho tính cách nào đó trong xã hội, Trung Quốc.

Cho đến năm 1926, rời khỏi Bắc Kinh, Lỗ Tấn có năm tập. Gáo thét, Bàng hoàng, Chuyện cũ viết lại, Nhặt cánh hoa tàn, Cỏ dại. Chuyển từ y học sang văn nghệ, Lỗ Tấn muốn dùng văn nghệ làm vũ khí cải tạo tinh thần, cải tạo xã hội. Trong bài "Vì sao tôi viết tiểu thuyết", ông đã cho rằng sáng tác "vì nhân sinh", vì "những con người bất hạnh trong xã hội bệnh tật, với mục đích là lôi hết bệnh tật của bọn họ ra, làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa. (Nam xoang Bắc điệu - 1923), ông viết tiểu thuyết còn để phơi bày "sự trụy lạc", "cái gải đối và cái thối nát" của " xã hội thượng lưu". Tất cả những ý định này được thể hiện hết sức sinh động và sâu sắc trong "Gào thét" và "Bàng Hoàng".

Trong hai tập trên, nhân vật nổi nhất là "những người bất hạnh" của xã hội lớp dưới. Đó là những người nông dân

"suốt đời bị áp bức và chịu bao nhiêu đau khổ", là chú AQ, anh Nhuận Thổ, thím Tường Lâm, cô Ái...Bệnh tật của họ là sự tê dại, ngu muội do bọn thống trị đầu độc gây nên, như trong bài "Chuyện phiếm cuối xuân" (Gió nóng) đã nói. Cho nên đây đó, Lỗ Tấn có tả người nông dân đần độn, dốt nát, có trạng thái tâm lý kỳ quặc, như "phép thắng lợi tinh thần" thì cũng không phải là mục đích để diễu cợt; cái chính là để "tìm cách chạy chữa" cho họ, giáo dục, thức tỉnh họ mà thôi.

Điều quan trọng là ông nhận thức được những phẩm chất có lợi cho cách mạng của người nông dân. Trước hết là tinh thần phản kháng vẫn tiềm tàng trong họ. Mặc dù bị tê liệt, ngu dốt, song thím Tường Lâm, cô Ái vẫn quyết liệt như nhau chống lại các thế lực đen tối. Còn như chú AQ thì rõ ràng có tinh thần làm cách mạng.

Còn làm cách mạng như thế nào thì ông chưa biết, nhưng cần phải phê phán những sai lầm của cách mạng tư sản, tìm ra đường lối mới. Đó là đường lối đưa đến một xã hội không còn sự cách bức giữa các tầng lớp người khác nhau, như giữa ông và Nhuận Thổ?

Đối với những người trong xã hội thượng lưu, ông không chỉ vạch trần "cái giả dối", "cái thối nát" "sự trụy lạc của họ", mà còn chú ý tới mánh khóe bóc lột của bọn địa chủ, đến uy thế tuyệt đối của chúng trong xã hội cũ...

Mặt khác, Lỗ Tấn mong mỏi nhiều ở những "người tiên giác", tức nhà những trí thức giác ngộ sớm. Trong hai tập trên, ông có xây dựng hai nhân vật "điên". Đó chính là những trí thức mới, nhìn thấy bản chất xã hội cũ, kiên quyết

chống lại, thì lại bị những kẻ phản động vu cho là "điên" để dễ bề hãm hại. Đối với trí thức nói chung, phần lớn họ là tiểu tư sản, ông đều thấy rõ đặc điểm của họ. Họ ôm ấp mộng đẹp, nhưng gặp khó, gặp thất bại, sẽ dễ sinh ra bi quan, dao động, cuối cùng trở nên cô độc, lạnh lùng, phản lại lý tưởng, rồi chết dần trong cuộc sống bê tha, phóng túng. Đó là Phương Huyền Xước trong "Gào thét", là Lã Vi Phủ Ngụy Liên Thù, Từ Quân, Quyên Sinh, trong "Bàng hoàng".

Trong sự nghiệp sáng tác văn học, Lỗ Tấn dùng thể tài truyện ngắn để giải phẫu xã hội đương thời thì chỉ có hai tập "Gào thét" và Bàng hoàng. Đến "Chuyện cũ viết lại", mặc dù là tiểu thuyết, nhưng phong cách khác hẳn hai tập trên. "Chuyện cũ viết lại" có tám truyện thì truyện đầu "Vá trời" viết năm 1922, truyện cuối "Cải tử hoàn sinh" viết năm 1936. Đề tài lấy ở thần thoại, truyền thuyết, nhưng Lỗ Tấn đã kết hợp chuyện xưa và nay để phản ánh hiện thực xã hội một cách khéo léo, để phê phán nền thống trị đen rối, vạch mặt những tên "học giả", "danh lưu" làm tay sai.

"Nhặt cánh hoa tàn" trước gọi là "Nhắc lại chuyện cũ" (Cựu sự trùng đề) gồm mười thiên hồi ức từ thời thơ ấu đến cách mạng Tân hợi (1881- 1911) rất thành thực, hấp dẫn (Năm thiên đầu viết ở Bắc Kinh, xuống Hạ Môn mới hoàn thành). Đó là những trang hồi ức luôn nhắc đến thời cuộc, tới bọn "chính nhân quân tử" làm cho đầu óc ông không chút nhàn tĩnh, mà ngay trong những trang hồi ức đầy chất thơ ấy, có lúc pha lẫn những câu ta thường gặp trong tạp văn, tức là trong văn chương chiến đấu của ông.

"Cỏ dại" gồm 23 bài thơ văn xuôi, trong đó nhiều bài công kích xã hội cũ, châm biếm con người thế tục, hoặc

không dám nhìn thẳng vào sự thật. Cũng có bài ca tụng những người chiến sĩ đấu tranh không thỏa hiệp với xã hội cũ. Còn phần lớn là các bài phản ánh những mâu thuẫn và đau khổ chất chứa trong lòng Lỗ Tấn. Tập thơ này viết từ năm 1924 đến 1926 hoàn thành. Lỗ Tấn đã gọi những sáng tác trong thời kỳ này là những cái "miễn cưỡng gọi là sáng tác". Mặc dù vậy, vẫn có thể lấy năm 1926 để chấm dứt một giai đoạn trong cuộc đời sáng tác của Lỗ Tấn. Để rồi sau đó, ông tìm tòi, suy nghĩ, tự giải phẫu, tự đấu tranh với mình, gạt bỏ những ràng buộc, tiến tới tiếp thu thế giới quan cộng sản, trở thành "nhà văn vĩ đại", "nhà tư tưởng vĩ đại", "nhà cách mạng vĩ đại".

Từ đây, ông bắt đầu cuộc đời chiến đấu và sáng tác dưới ánh sáng của giai cấp luận.

Đầu tháng 8 năm 1926, Lỗ Tấn bỏ Bắc Kinh xuống Hạ Môn (Phúc kiến) để tránh cuộc khủng bố của bọn quân phiệt, để tránh những đồng nghiệp không có tư cách đạo đức, những hạng người "đa học giả, xương nô lệ". Sống với những người đó,ông chỉ có một cách là ít tiếp xúc, giành thì giờ viết thư tâm sự với bà Hứa Quảng Bình, lúc này đang dạy học ở trường Nữ Sư phạm Quảng Châu. Thêm nữa, lúc này ông bị nhà văn trẻ Cao Trường Hồng công kích cho ông là "hòn đá cột vào chân thanh niên", là ông già lỗi đời, khôn vặt"...

Xuống Hạ Môn, Lỗ Tấn dạy ở Đại học Hạ Môn. Điều an ủi ông là sinh viên ở đây rất hâm mộ ông. Phong trào văn học trong trường cũng trở lên sôi nổi. Tuy nhiên Lỗ Tấn dâu chỉ là giáo sư, mà ông còn là người chiến sĩ. Nhưng sống xa hoàn cảnh đấu tranh, không đối mặt với kẻ thù, nên ông không có đề tài viết, chỉ có thể nghiên cứu viết giáo trình.

Đó là mâu thuẫn trong tư tưởng của ông. Cuối cùng ông chọn con đường đấu tranh chính trị. Ở Hạ Môn bốn tháng, ông xin từ chức và sang Quảng Châu, "căn cứ địa cách mạng" vào giữa tháng giêng năm 1927. Đến Quảng Châu, Lỗ Tấn vẫn dạy học. Ông phụ trách môn Lịch sử Văn học Trung Quốc và môn lý luận văn học ở trường Đại học Trung Sơn, lại kiêm chức chủ nhiệm khoa Văn. Bà Hứa Quảng Bình làm trợ lý. Ông được thanh niên sinh viên Quảng Châu hoan nghênh. Ông đã nói chuyện hai lần ở Hội thanh niên Hương Quảng, nói chuyện ở trường Quân sự Hoàng Phố. Lỗ Tấn hy vọng rất nhiều ở mảnh đất căn cứ địa cách mạng này, chẳng những vì phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo mà còn có phong trào "văn học cách mạng" do nhóm "Sáng tạo", năm 1926 cũng xuống Quảng Đông vận động. Lỗ Tấn rất muốn cộng tác với họ, cũng muốn bộ lộ chính kiến của mình. Ông đã chỉ ra vấn đề căn bản của văn học cách mạng trong một bài tạp văn: "Tôi cho vấn đề căn bản là ở chỗ tác giả phải là "một người cách mạng". Nếu là một người cách mạng thì bất cứ viết chuyện gì, dùng tài liệu gì đều là "văn học cách mạng" cả. Từ suối chảy ra đều là nước, từ huyết quản chảy ra đều là máu".

Nhưng đúng ba tháng sau khi đến Quảng Châu, Lỗ Tấn đã thất vọng. Những người lãnh đạo Đảng Cộng sản, tiêu biểu là Trần Độc Tú đã cơ hội, hữu khuynh, vứt bỏ quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản; còn bọn "chính nhân quân tử" như Trần Tây Oánh vốn làm tay sai cho bọn quân phiệt Bắc Dương, bây giờ kéo nhau xuống miền Nam "làm cách mạng" dưới lá cờ Quốc dân đảng. Thêm nữa công việc " chủ nhiệm giáo vụ" bận rộn toàn khai giảng rồi thi cử đã chiếm hết thời gian sáng tác của Lỗ Tấn. Ông vắng mặt trên văn đàn lúc

này, làm nảy sinh nhiều dư luận. Song cũng không làm ông mất hết dũng khí.

Năm 1927, Tưởng Giới Thạch phản bội cách mạng và cuộc khủng bố trắng ở Quảng Châu, trường Đại học Trung Sơn có 40 sinh viên bị bắt, đã làm thay đổi tư tưởng của Lỗ Tấn. Dần ông nhận thấy quan điểm tiến hóa mà ông tin tưởng bao nhiêu năm nay đã sai lầm. Chính trong lúc bàng hoàng, phẫn lộ vì bị chà đạp, lừa dối và làm nhục này đã đưa Lỗ Tấn "từ quan điểm tiến hóa đi tới quan điểm gia cấp, từ chủ nghĩa cá nhân cấp tiến đòi hỏi giải phóng, đi tới chủ nghĩa tập thể chiến đấu, cải tạo thế giới" (Cù Chu Bạch). "Máu đã làm ông kinh hãi, mắt trợn trừng, miệng ngọng lại..." Đó là tâm sự của Lỗ Tấn lúc này. Cuối tháng 9 năm 1927, ông cùng bà Hứa Quảng Bình bỏ Quảng Châu lên Thượng Hải.

Tháng 10 năm ấy, hai người đến Thượng Hải. Họ tổ chức lễ cưới rất đơn giản, cũng vào tháng này. Lỗ Tấn có một đời vợ rồi, gia đình cưới cho từ lúc còn du học ở Nhật (1906). Cho đến năm 1924, Lỗ Tấn vẫn chung sống với bà này. Bà Hứa Quảng Bình người Quảng Đông đã từng tốt nghiệp trường Sư phạm sơ cấp, làm giáo viên, rồi học trường Cao đẳng Nữ Sư phạm Bắc Kinh (sau trường này đổi thành Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh). Năm 1923, khi Lỗ Tấn nhận lời sang dạy ở đấy thì bà học năm thứ hai. Cũng như các chị em sinh viên khác, bà rất chú ý đến vị giáo sư "nộ phát xung quan", mặc áo vá "lốm đốm như các vì sao giữa nền trời đen", nhưng giảng bài rất hấp dẫn. Bà đã viết cho Lỗ Tấn bức thư đầu tiên ngày 11 tháng 3 năm 1925, cũng là bức thư mở đầu tập "Thư từ hai nơi" (Lưỡng địa thư) gồm những bức thư hai người gửi cho nhau, từ năm 1925 đến năm 1929, do Lỗ

Tấn xuất bản năm 1933. Có điều những bức thư này không nói đến tình cảm riêng, chỉ nói đến chuyện thời cuộc, chuyện viết bài đăng báo, chuyện nhà trường, nhất là đang có cuộc đấu tranh gay gắt giữa sinh viên với bà hiệu trưởng . Lỗ Tấn và bà Hứa Quảng Bình chung sống với nhau tròn tám năm, sinh được một cậu con trai, Hải Anh, nghe nói làm giáo sư dạy Lý Hóa ở trường Đại học Thanh Hoa, Bắc Kinh. Sau khi Lỗ Tấn mất hàng năm đến ngày kỷ niệm, báo chí thường đến gặp bà Hứa Quảng Bình xin đăng bài nói về kỷ niệm về cuộc sống Lỗ Tấn, những bài đó gộp lại thành tập "Những kỷ niệm ấm lòng" xuất bản 1953. "Về cuộc sống của Lỗ Tấn" xuất bản 1954, cả hai tập đều do nhà xuất bản văn học nhân dân xuất bản. Qua những tập sách trên có thể cho ta thấy: Lỗ Tấn là một người coi trọng cuộc sống tinh thần hơn là cuộc sống vật chất: ăn mặc giản dị. Đã làm việc thì "vạn vật xung quanh coi như không chú ý, quên cả giờ giấc, thậm chí không kịp thay cả quần áo, không đắp chăn khi ngủ. Tỉnh giấc lại hút thuốc, pha trà thật đặc uống rồi lại làm việc. Khi giải quyết những việc rất bình thường, thì Lỗ Tấn tỏ ra tốt bụng đến nhu nhược, mất cả sáng suốt. Nhưng cái "nhu nhược" đến "khờ dại" ấy, Lỗ Tấn lại rất trân trọng vì muốn giữ tình người, cho nên bà Hứa phải hết sức chịu đựng.

Lên Thượng Hải, Lỗ Tấn được sống trong không khí đấu tranh cách mạng sôi sục: được tiếp xúc với các đảng viên cộng sản: được họ giúp đỡ, ông trở thành một chiến sĩ, một vị chủ tướng trên mặt trận văn nghệ Trung Quốc hồi đó. Những nhà văn cách mạng hồi đó mà Lỗ Tấn gặp gỡ, hợp tác là Mao Thuẫn (tức Thẩm Nhạn Băng), Quách Mạt Nhược, Nhu Thạch. Nhu Thạch trẻ hơn Lỗ Tấn 20 tuổi cùng người Chiết Giang. Lỗ Tấn đang phụ trách biên tập tờ Ngữ ty, do

một số lý do, ông từ chối giao cho Nhu Thạch một nhà văn trẻ. Tháng 6-1928, Lỗ Tấn chủ biên tờ "Bôn lưu", tháng 12 năm 1929 thì đình bản. Đầu năm 1929, ông cùng Nhu Thạch và một số thanh niên khác lập ra nhóm "Triêu hoa" (Hoa sớm) để giới thiệu các tác phẩm văn học tiến bộ Liên Xô, Đông Âu, Bắc Âu, Tây phương và tranh khắc gỗ nước ngoài. Lỗ Tấn lúc này cũng bắt đầu giới thiệu lý luận văn nghệ Mác-xít, ông dịch "Bàn về nghệ thuật" Plêkhalôp, văn nghệ và phê bình của Lunasacxky...

Mùa xuân năm 1930, Lỗ Tấn và Nhu Thạch sáng lập "Hội đại đồng minh vận động tự do"; sau đổi là "Hội liên hiệp các nhà văn cánh tả" (gọi tắt là Tả liên). Nhu Thạch là thành viên nòng cốt, được bầu là ủy viên chấp hành, rồi ủy viên thường vụ, chủ nhiệm ban biên tập. Ông được đi dự Đại hội đại biểu Xô Viết toàn quốc, tháng riêng năm 1931 bị bắt, rồi bị thủ tiêu.

Nhu Thạch coi Lỗ Tấn là thầy học; Lỗ Tấn coi Nhu Thạch như người bạn "vong niên" mà ông có cảm tình đặc biệt. Chính Lỗ Tấn đã viết "Tiểu sử Nhu Thạch" và viết "Kỷ niệm để quên đi", một bài hồi ký rất cảm động về Nhu Thạch.

Trong thời kỳ đó cuộc bút chiến giữa Lỗ Tấn và nhóm "Sáng tạo" xảy ra khá gay gắt. Đó là cuộc đấu tranh về vấn đề văn học cách mạng. Ông châm biếm những nhà văn cách mạng chỉ hô hào suông trên mặt giấy, mở miệng ra là "đánh, giết, máu..." Tuy nhiên cũng cần thấy Lỗ Tấn và nhóm "Sáng tạo", một nhóm chủ trương "Văn học cách mạng", theo quan điểm Mác-xít lẽ ra không có sự hiểu lầm để đến nỗi phải xảy ra bút chiến. Nguyên do đều từ hai phía, phía Lỗ Tấn thì quá

khe khắt, phía các nhà văn học cách mạng nhóm "Sáng tạo" quả còn nhiều nhược điểm cần phải uốn nắn, nhưng lấy thái độ gay gắt mà chỉ trích là không nên. Song thật bất ngờ, kết quả bút chiến đã làm Lỗ Tấn chuyển hướng hẳn, ông đọc sách lý luận văn nghệ khoa học, trước hết để uốn nắn cái thiên hướng tin theo quan điểm tiến hóa, sau đó để sửa chữa cho những người vì ông mà mắc phải quan điểm trên. Một kết quả không ngờ nữa là, không bao lâu ông cùng với những người trong nhóm "Sáng tạo" và nhóm "Thái dương" thành lập mặt trận văn nghệ chung; "Hội liên minh các nhà văn cánh tả" (3- 1930).

Một là, chủ biên tờ "Mần non" (Manh nha). Tờ báo ra được 5 số thì bị đình chỉ, nhưng nó là cơ quan ngôn luận, trên đó Lỗ Tấn cho đăng những bài nói rõ quan điểm của ông về văn nghệ.

Hai là, đứng đầu danh sách người thành lập "Hội tự do đại đồng minh", một đoàn thể quần chúng cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đòi tự do ngôn luận, xuất bản, lập hội...

Ba là, đứng đầu danh sách lập"Hội liên hiệp các nhà văn cánh tả". Đây là một việc hết sức có ý nghĩa. Hội chính thức thành lập ngày 2 tháng 3 năm 1930. Có 50 nhà văn tiến bộ tham gia, những người trong nhóm "Sáng tạo" và "Thái dương". Đường lối cương lĩnh của hội đã nêu cao ngọn cờ văn học vô sản không cần giấu giếm, che đậy. Trong ngày này, Lỗ Tấn đã phát biểu những ý kiến rất xác đáng, sau đó được in trên tạp chí Mầm non tháng 4 năm 1930. Lập tức "các con chó đói của nhà tư bản" nhao nhao lên tiếng thóa mạ Lỗ Tấn. Ngược lại phong trào văn học vô sản trở nên rầm

rộ hơn, một loạt các tổ chức, các hội ra đời, Hội xuất bản tới 10 tờ tạp chí.

"Hội liên hiệp các nhà văn cánh tả" tích cực hoạt động được 6 năm từ 9- 1930 đến 8- 1936, trước tình mới. Lỗ Tấn tuyên bố giải tán để thành lập mặt trận văn nghệ thống nhất chống Nhật. Sáu năm đó là sáu năm chiến đấu anh dũng chống mọi tư tưởng thù địch trên văn đàn, chống chính phủ Quốc dân đảng phản động, chống bọn văn sĩ bồi bút ngay trong vùng chúng kiểm soát, đàn áp, chém giết, trừ một số ít, còn thì không ai nao núng, đặc biệt là vị chủ tướng Lỗ Tấn lại càng hăng hái, dẻo dai hơn ai hết. Ông đứng trên lập trường của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động vạch mặt bọn nhà văn "chó đối của giai cấp tư sản", nhà văn "chó cưng", nhà văn "trung lập", nhà văn "tướng bồi Tây" và "phái Trốtkit".

Tiêu biểu cho bọn nhà văn "chó đối của giai cấp tư sản" là Hồ Thích, Từ Chí Ma, Trần Nguyên (Trần Tây Oánh), họ ở nhóm "Trăng mới" (Tân nguyệt). Quan điểm chính trị của họ là quan điểm giai cấp tư sản, ủng hộ chính quyền phản động Quốc dân đảng; về văn học họ công kích Lỗ Tấn và phong trào văn học cách mạng. "Nhà lý luận" của nhóm là giáo sư từng du học ở Mỹ, Lương Thực Thu. Tư tưởng của ông ta thể hiện ở một loạt bài phê bình văn học "nhân tính luận", "Bàn về cách dịch cứng nhắc của ông Lỗ Tấn", "Văn học có tính giai cấp không ?". Đại khái những luận điểm của ông ta là những luận điểm phản động mà ngày nay ai cũng đều thấy rõ. Lỗ Tấn đã viết bài "Văn học và mồ hôi" (Ngữ ti số 1- 1928) chống lại chủ trương nhân tính vĩnh viễn; bài "Dịch cứng nhắc và tính giai cấp của văn học"

(Mầm non số tháng 3- 1930) đã đập tan "nhân tính luận" của Lương Thực Thu. Ông chỉ ra: "Vui buồn yêu ghét là tình cảm của con người, nhưng những người nghèo quyết không có cái buồn buồn thua bán lỗ ở Sở giao dịch, ông vua dầu hỏa làm sao biết được nỗi cực khổ của bà già nhặt xỉ than ở Bắc Kinh, nạn dân vùng đói kém chắc không trồng hoa lan như các cụ lớn giàu sang, lão Tiêu Đại trong phủ họ Giả không yêu cô Lâm Đại Ngọc" (Tiêu Đại và Lâm Đại Ngọc- hai nhân vật trong Hồng lâu mộng). Về chính trị, nhóm "Trăng mới" lại đưa ra các chủ trương cũ rích "chính phủ người tốt" của Hồ Thích từ năm 1922. Liền trong hai bài "Tập quán và cải cách" và "Chủ nghĩa chính phủ người tốt", Lỗ Tấn đã phê phán đường lối cải lương của họ, rằng những "người có trí thức" kiểu Lương Thực Thu, cũng như Trần Tây Oánh, Hồ Thích chỉ là "những con chó của nhà tư bản" (chữ dùng của Phùng Nãi Siêu, một người của Tả liên, trong bài đăng trên tờ "Người khai hoang"). Đây là cuộc bút chiến mở màn. Tiếp đến là cuộc bút chiến chống bọn Vương Bình Lăng, Phó Ngạn Trường nhóm "Tiền phong", bọn "chó cưng" của Quốc dân đảng, tay sai đế quốc Nhật. Bọn chúng đưa ra khẩu hiệu "chủ nghĩa dân tộc", "văn học dân tộc" hòng xóa nhòa ý thức giai cấp của quần chúng lao động, bắt mọi người công nhận giai cấp thống trị phản động là đại biểu của toàn thể dân tộc. Ngày 28- 10-1930, trên tờ "Văn học báo đạo" xuất hiện bài "Nhiệm vụ và vận mệnh" của "văn học dân tộc" (Hai lòng) ký ten Ân Ngao, bút danh của Lỗ Tấn. Không nể nang, Lỗ Tấn đã chỉ rõ thực chất của cái gọi là "Văn học dân tộc". Đó là những "nhà văn nghệ" làm tròn phận sự của một con "chó cưng", tuy khẩu hiệu của chúng có khác nhau, nhưng nhiệm vụ của chúng chỉ là một, nhằm che mắt nhân dân để cho

chính phủ phản động Quốc dân đảng biến nhân dân thành nô lệ của người Nhật Bản, rồi cùng người Nhật Bản tấn công Liên Xô...

Năm 1932 xảy ra cuộc bút chiến giữa Lỗ Tấn với bọn Hồ Thu Nguyên, Tô Vấn. Lần này kẻ địch giảo hoạt và nguy hiểm hơn. Chúng tự xưng đã từng nghiên cứu duy vật biện chứng, đưa ra khẩu hiệu "Tự do văn nghệ", "Hạng người thứ ba" để công kích cách mạng. Cù Thu Bạch có bài "Văn nghệ tự do và nhà văn không tự do" (báo Hiện đại) ký tên Dịch Gia. Lỗ Tấn viết bài "Bàn về hạng người thứ ba", "Lại bàn về hạng người thứ ba" (Nam xoang Bắc điệu). Cả hai người đều vạch trần tính chất nguy hiểm của những luận điệu sai trái trên. Lỗ Tấn chỉ ra: "Sống trong xã hội có giai cấp mà lại muốn làm một nhà văn siêu giai cấp, sống trong thời đại chiến đấu mà lại muốn thoát ly khỏi cuộc chiến đấu, đứng một mình, sống trong hiện tại mà lại viết những tác phẩm để cho tương lai, người như thế quả thực cũng là một ảo tưởng do óc tạo ra mà thôi...Muốn làm người như thế, cũng giống như muốn lấy tay mình nắm đầu tóc mình, kéo lên cho rời khỏi quả đất..."

Cũng năm 1932, Lỗ Tấn còn viết bài công kích bọn nhà văn mà ông gọi là có "tướng bồi Tây", đại biểu là Lâm Ngữ Đường. Với Lâm Ngữ Đường từ hồi năm 1925, Lỗ Tấn đã đấu tranh với y, khi đề xướng thuyết "phe pơle" (Fair play) để giải vây cho bọn Đoàn Kỳ Thụy, Chương Sỹ Chiêu. Ông đã nhắc nhở các nhà văn hãy nâng cao cảnh giác, đấu tranh không nhân nhượng với kẻ thù. Lần này ông mở đầu cuộc công kích bằng bài "Một năm Luận ngữ" (Nam xoang Bắc điệu), "Văn tiểu phẩm khủng hoảng", "Từ châm biếm đến u

mua". "Từ u mua đến nghiêm túc". "Bàn về châm biếm", "Thế nào là châm biếm"... (Viết tự do giả - Thả giới đình). Ở đây, ông nói thẳng về văn tiểu phẩm, về cái gọi là "u mua" và về chính bản thân Lâm Ngữ Đường. Văn tiểu phẩm phải là "mũi dao nhọn, là khẩu súng, có thể cùng với bạn đọc mở con đường sống bằng máu". Về Lâm Ngữ Đường, Lỗ Tấn chỉ ra y là nhà văn có "tướng bồi Tây", nó "ở lưng chừng giữa Tây và Trung Quốc, giữa chủ và đầy tớ".

Năm 1936, có một tên Trótkit ký tên là Trần Trung Sơn gửi đến cho Lỗ Tấn một bức thư nói xấu Đảng Cộng sản Trung Quốc, đả kích "mặt trận liên hiệp" do Đảng đề ra là "bỏ lập trường đấu tranh giai cấp"... Lỗ Tấn đã trả lời ngay bằng những lý lẽ đanh thép và giọng khinh bỉ chưa từng thấy:..."ý kiến trong thư ông tóm tắt có hai điểm, một chửi những người Xtalin là quan liêu; hai chỉ trích chủ trương "liên hiệp các đảng phái nhất trí chống Nhật" của các ông Mao Trạch Đông là bán rẻ cách mạng". Lỗ Tấn đã chỉ ra thành công của Liên Bang Xô viết của các ông Xtalin là một thực tế làm thất bại tư tưởng Trôtky, cuối cùng hắn ta phải đi theo đế quốc. Và lý luận của Trần Trung Sơn là cao hơn Mao Trạch Đông. Có điều là lý luận ấy được bọn xâm lược hoan nghênh, nên chỉ là lý luận của bọn theo đuôi kẻ khác. Đó là việc làm không được đại chúng hoan nghênh, trái đạo đức làm người hiện nay của người Trung Quốc..." Bức thư gửi đến và bức trả lời đăng đồng thời trên "Văn nghệ trùng báo" và "Văn học hiện thực" 1-7-1936.

Tất cả những cuộc bút chiến trên đủ thấy, tư tưởng Lỗ Tấn là tư tưởng người cộng sản, một nhà văn Macxit, tuyệt đối tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc.

và ra sức thực hiện đương lòi của Đảng. Lập trường của ông kiên định và sáng suốt hơn bao giờ hết, nhìn thấu gan ruột của kẻ thù, vạch mặt, tiêu diệt chúng cho dù chúng cố nấp dưới mọi chiêu bài, hình dạng khác nhau...

Trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng Lỗ Tấn không những tỏ ra có lập trường cách mạng vững vàng trên lĩnh vực văn học, mà còn tham gia hoạt động chính trị để ủng hộ Đảng Cộng sản, phản đối Quốc dân đảng.

Năm 1928, ông gia nhập "Hội tương tế cách mạng". Năm 1930, ông là một trong những người đứng ra thành lập "Hội Đại đồng minh vận động tự do Trung Quốc", một đoàn thể chính trị, cương lĩnh đấu tranh chống đế quốc, chống chế độ Quốc dân đảng, đòi tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do lập đoàn thể. Tỉnh Chiết Giang có thông cáo bắt Lỗ Tấn, ông tạm lánh mấy ngày, lại về nhà làm việc. Năm 1933 ông thân hành đến lãnh sự quán Đức ở Thượng Hải đưa thư kháng nghị hành động bạo ngược của bọn phát xít Đức, thực tế cũng là để chống mấy đứa "con nuôi da vàng" đang bắt chước Hitle. Lúc này, Lỗ Tấn ra nhập "Hội đồng minh bảo vệ dân quyền Trung Quốc", do Thái Nguyên Bồi, Tống Khánh Linh chủ trì. Bản tuyên ngôn của Hội nêu rõ thái độ chính trị rõ ràng: "chúng ta phản đối chính phủ Quốc dân đảng câu kết với chủ nghĩa đế quốc đàn áp phong trào cách mạng trong nước". Lỗ Tấn được bầu vào Ban chấp hành. Liền sau đó, các nhân vật trọng yếu của Hội nhận được thư đe dọa của bọn đặc vụ. Quả nhiên ngày 18 tháng 6 năm ấy, Dương Hạnh Phật (tức Dương Thuyên) bị ám sát. Ngày 20 đưa đám. Mặc dù có tin Lỗ Tấn sẽ bị bắt, ông vẫn đi đưa bạn đến nơi yên nghỉ cuối cùng. Khi đi, ông không mang theo

chìa khóa, tỏ ý chết cũng không sợ. Thái độ dũng cảm, tiếng tăm của ông đối với người trong và ngoài nước đã làm bọn đặc vụ nao núng, không dám ra tay.

Tháng 9 năm1933, Lỗ Tấn được bầu làm chủ tịch danh dự của hội nghị quốc tế chống phát xít, chống đế quốc, tổ chức ở Thượng Hải.

Lỗ Tấn, trước sau chỉ là một nhà văn, nhưng về mặt chính trị ông công khai đối lập với Quốc dân đảng, đấu tranh chống lại chúng, và cuộc đấu tranh này được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc. Chính vì thế cho nên từ năm 1930 về trước những bài tạp văn của Lỗ Tấn thiên về văn hóa, xã hội, văn học. Còn những bài tạp văn về sau, thiên về chính trị, như các bài trong "Hai lòng", "Nam xoang Bắc điệu", "Viết tự do giả", "Cho bàn gió trăng", "Thả giới đình".

Thêm nữa, trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, cũng từ năm 1930 trở về sau, Lỗ Tấn quan tâm nhiều đến vấn đề mới, như nghệ thuật đại chúng, ngôn ngữ văn tự đại chúng. Ông đề xướng nghệ thuật khắc gỗ; viết nhiều bài chủ trương la tinh hóa chữ Hán, cải cách văn tự. Ông còn tham gia biên tập tờ báo văn nghệ có tính chất phổ cập - "Giữa ngã tư" (12-1931); đăng những bài ca dao do ông sáng tác. Ông đã làm tất cả những gì có lợi cho đại chúng, cho cách mạng, không hề từ nan, không sợ hiểm nguy, cũng không chê là nhỏ nhặt.

Lúc này, tình hình văn nghệ thật đen tối. Tưởng Giới Thạch liên tiếp cho mở nhiều cuộc "vây quét" căn cứ cách mạng Trung ương và "vây quét" văn nghệ cánh tả. Ngoài việc bắt bớ tù đầy, giết hại các nhà văn cánh tả, dùng lưu manh đập phá các hiệu sách, công ty điện ảnh, cấm sách,

bọn chúng còn kiểm duyệt rất gắt gao. Nhưng Lỗ Tấn vẫn không chịu im lặng. Những bài ông đả kích mạnh mẽ nhất thì ông đăng trên báo chí nước ngoài, hoặc lợi dụng những mục có sẵn trên những tờ báo lâu năm nhất, như tờ "Thần báo". Tất nhiên ông đã ký rất nhiều bút danh, như Hà gia Can, Can, Đinh Mạnh, Dư Quang, Phong Chi Dư, Lữ Chuẩn, Nhu Ngưu, Ngu Minh, Vi Sách, Tuấn Kê...Văn Lỗ Tấn càng thiên biến vạn hóa. Nói chơi mà hóa thật. Từ chuyện chơi ra chuyện thật. Lúc nào ông cũng đả kích được kẻ thù của dân tộc, của cách mạng.

Trong những năm "Hội Tả liên" hoạt động, mũi nhọn vây quét văn hóa của chính phủ Tưởng Giới Thạch nhằm chủ yếu vào "Hội Tả liên", đồng thời "Hội Tả Liên" cũng là thành trì chống vây quét. Lỗ Tấn là người lãnh đạo "Tả liên", là linh hồn của Hội trên mặt trận văn hóa này.

Sau này hưởng ứng bức thư đề ra chính sách chống Nhật cứu nước của Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày 1 tháng 8 năm 1935, để thích ứng với tình hình mới, quán triệt đường lối của Đảng Cộng sản trên mặt trận văn nghệ, Lỗ Tấn tuyên bố giải tán "Hội tả liên" để thành lập mặt trận rộng rãi hơn nữa. Ông ủng hộ vô điều kiện chính sách mặt trận thống nhất chống Nhật, do Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra. Con đường ông đi là con đường do Đảng Cộng sản đề ra. Ông là người chiến sĩ cách mạng chân chính và kiên định trên cả mặt trận chính trị và mặt trận văn hóa nghệ thuật.

Những bài tạp văn Lỗ Tấn viết cuối đời mình, kể từ năm 1934 đến tháng 10 năm 1936 được thu thập trong bốn tập: "Văn học viễn hoa", "Thế giới đình", "Thế giới đình tập II", "Thế giới đình tập cuối". Hai năm 1934 - 1935 ông viết

năm truyện trong "Chuyện cũ viết lại", là "Trị Thủy", "Hái rau vi", "Phản đối chiến tranh", "Xuất quan" và "Cải tử hoàn sinh". Viết những tác phẩm này, Lỗ Tấn đã ở vào tình trạng "Làm gấp một ít công việc dù có phải sống bớt đi ít năm, còn hơn không làm gì mà được sống thêm mấy tuổi".

Kể từ khi ông viết bài tạp văn đầu tiên đăng trên "Tân thanh niên" cho đến khi từ trần, ròng rã 18 năm, riêng về tạp văn có đến 80 vạn chữ, chín năm sau viết gấp ba lần chín năm trước, trong chín năm ấy, thì ba năm cuối viết số chữ bằng sáu năm đầu. Căn bệnh lao hiểm nghèo đã buộc Lỗ Tấn phải dở dang một số tác phẩm như:"Lịch sử phát triển văn tự Trung Quốc", "Lịch sử văn học Trung Quốc" sáu chương...

4. Những năm tháng cuối đời - Di chúc.

Từ năm 1934, sức khỏe Lỗ Tấn bắt đầu giảm sút. Bấy giờ ông đã 54 tuổi. Trước nay ông ít ốm, chỉ một lần năm 1926, ở Bắc Kinh, ông nhuốm bệnh bác sĩ khuyên ông bỏ rượu, bỏ thuốc lá. Bệnh khỏi, thuốc lá ông vẫn hút liên miên, lại là thuốc rẻ tiền nên mắc bệnh phổi. Lúc đầu, đêm nào cũng sốt, người yếu hẳn, không muốn ăn gì nữa, một tuần lễ không khỏi, đi khám, bác sĩ cho là bệnh cúm. Không bao lâu, bệnh lui, ông lại lao vào viết tạp văn, dịch "Những linh hồn chết" của Gôgôn, in tập tranh khắc gỗ" Thập trúc trai tiên phổ", thu thập văn chương của Cù Chu Bạch thành hai tập đề là "Hải Thượng thuật Lâm". Đó là công việc chính năm 1935.

Đầu tháng giêng năm 1936, lại đau ở vai và hai bên hông. Vẫn làm việc chủ biên tờ nguyệt san "Hải yến", ra hai số, bị cấm. In tập "Chuyện cũ viết lại".

Tháng năm, bệnh nặng hơn, đuối sức, không muốn ăn uống, không muốn cử động, không muốn cả nói năng. Hễ thuyên giảm, ông lại làm việc. Sau nhờ một nữ văn sỹ Mỹ Xmitli mời một bác sỹ người Mỹ, bác sỹ D đến khám bệnh. Ông này nghe phổi xong, khen Lỗ Tấn " là người Trung Quốc điển hình có thể chống lại bệnh tật", nhưng lại tuyên bố là khó cứu sống. Về sau đi chiếu điện, bộ ngực Lỗ Tấn tình hình giống như vị bác sỹ D chẩn đoán.

Bà Tống Khánh Linh gửi thư khẩn thiết xin Lỗ Tấn vào bệnh viện điều trị Lỗ Tấn cũng có nghĩ đến chuyện ra nước ngoài điều trị.. Nhưng ông nghĩ đến những chuyện cần giải quyết nên không đi đâu cả.

Nằm trên giường bệnh, ông nghĩ đến chuyện viết di chúc và ông viết lại cho người thân, có những điều sau :

1. Không được vì việc tổng táng mà nhận của ai một đồng xu trừ bạn cũ không kể.

2. Khâm liệm nhanh, chôn cất thế là xong.

3. Không nên làm bất cứ việc gì để kỷ niệm.

4. Quên tôi đi, lo lắng đời sống của mình - nếu không thì là ngốc.

5. Con lớn lên, nếu không có tài thì tìm một việc gì mà sinh sống, nhất thiết đừng làm một nhà văn hay một nhà mỹ thuật đầu óc rỗng tuếch.

6. Người khác cho vật gì chớ tưởng là thật tình.

7. Những kẻ làm hại người khác mà lại phản đối trả thù, chủ trương khoan dung, thì nhất thiết chớ gần.

Còn đối với kẻ thù thì, ông không tha thứ cho một người nào hết, bởi lẽ chúng đâu phải là kẻ thù của cá nhân ông, mà là kẻ thù của dân tộc, của nhân dân.

Sáng sớm ngày 18 tháng 10, ông lên cơn sốt, ho liên tục, mất lúc 5 giờ sáng ngày 19 tháng 10 năm 1936, hưởng thọ 56 tuổi.

Tang lễ cử hành rất trọng thể. Ngày 20 và 21 là thời gian chiêm ngưỡng di dung ở Vạn Quốc tấn nghi quán, hơn một vạn người nối đuôi nhau đi qua trước quan tài đậy nắp kính, từ sáng đến tối. Ngày 22 đưa đám. Từ sáng sớm người đã đến đông ngịt, vây lấy di thể, cơ hồ không có lối rước linh cữu ra. Có hơn sáu ngàn người đến đưa, phần đông là thanh niên. Lễ cử hành trong hai tiếng rưỡi đồng hồ, rất trật tự. Hạ huyệt xong đúng sáu giờ tối, trăng thượng huyền đã thấy rõ trên nền trời.

Nhân dân Trung Quốc đã xây dựng ba nhà lưu niệm Lỗ Tấn, ở Thiệu Hưng, ở Bắc Kinh và ở Thượng Hải. Nhà lưu niệm ở Thiệu Hưng giữ những di vật thời thơ ấu và thiếu niên đặt ngay trong ngôi nhà gọi là " Tấn đài môn", nơi Lỗ Tấn cất tiếng khóc chào đời. Phía sau có " vườn bách thảo"... toàn cỏ dại nhưng Lỗ Tấn coi là " cảnh thiên đường". Góc sân có hòn non bộ, và cây quế hoa bốn mùa, tương truyền do Lỗ Tấn trồng. Vẫn ngôi trường " Tam vị thư ốc" gắn với nỗi buồn ấu thơ của Lỗ Tấn.

Nhà lưu niệm ở Bắc Kinh, số 21 ngõ Tây Tam điều trong cửa Phụ Thành môn. Lỗ Tấn sống ở Bắc Kinh 14 năm (từ 5-1912 đến 8-1926) từ lúc 32 tuổi đến năm ông 46 tuổi, đổi nhà ba lần, rồi mới đến ở đây. Hiện còn hai cây táo tả trong bài " Đêm thu" (Cỏ dại).

Nhà lưu niệm ở Thượng Hải là ngôi nhà ba tầng số 9 đường Đại lục tân thôn (Bắc Tứ Xuyên cũ). Thời còn "tô giới", gọi là Thi tháp cao lộ. Lỗ Tấn ở Thượng Hải mười năm cuối đời mình, chuyển nhà ba lần, từ năm 1930 vì có cuộc "vây ráp văn hóa", phải sống bán công khai, ông thuê nhà này từ năm 1933 và mất ở đây. Nhà lưu niệm chia làm hai bộ phận : một bộ phận là "cố cư" (nơi ở cũ), một bộ phận là chỗ trưng bày kỷ niệm.

Các nhà lưu niệm Lỗ Tấn hàng năm tiếp nhiều văn nghệ sỹ và danh nhân thế giới đến tham quan. Nhân dân Trung Quốc rất tự hào có một nhà văn như Lỗ Tấn. Ông chẳng những cống hiến toàn bộ cuộc đời cho cuộc đấu tranh cách mạng và nền văn hóa cách mạng Trung Quốc, mà còn để lại cho thế hệ sau nhiều bài học sâu sắc về phẩm chất, đạo đức làm người, về lòng yêu nước, yêu dân tộc, yêu nhân dân, yêu lý tưởng chủ nghĩa xã hội. Cho nên, bất cứ di tích, di vật gì của ông đều được bảo tồn trân trọng.

Lỗ Tấn được giới thiệu vào Việt nam từ năm 1944 do ông Đặng Thai Mai. Từ sau khi hòa bình lập lại năm 1954, quan hệ văn học giữa hai nước phát triển mạnh mẽ, người đọc bạch thoại được đào tạo nhiều hơn, cùng với nhiều tác phẩm văn học hiện đại Trung Quốc, tác phẩm Lỗ Tấn được "ưu tiên" dịch và giới thiệu ở Việt Nam "Gào thét", "Bàng hoàng", "Chuyện cũ viết lại", "Cổ đại", "Nhật cảnh hoa tàn", một số lớn tạp văn chọn trong mười bảy tập tạp văn, từ "Nấm mồ" đến "Thả giới đình" tập cuối... đều đã được giới thiệu ở Việt Nam. Nhiều sách chuyên đề về Lỗ Tấn lần lượt ra đời giúp người đọc và nghiên cứu sâu hơn về nhà văn, nhà tư tưởng vĩ đại này.

Lỗ Tấn nhanh chóng được bạn đọc Việt Nam tiếp nhận và hoan nghênh, không chỉ bởi "những vấn đề ông đặt ra trong tác phẩm rất gần với xã hội Việt Nam trong những năm hai mươi của thế kỷ này, phù hợp với tâm lý con người Việt Nam trong nước nông nghiệp lạc hậu đang chịu ách áp bức của thực dân phong kiến; mà còn cổ vũ con người Việt Nam, đặc biệt những trí thức hãy kiên định lập trường, đi theo con đường của Đảng Cộng sản, sử dụng văn học nghệ thuật làm vũ khí chiến đấu chống lại mọi thế lực phản lại quyền lợi của dân tộc, của đại đa số quần chúng. Lỗ Tấn được bạn đọc Việt Nam yêu quý còn vì tư cách, phẩm chất và đạo đức từ con người và cuộc đời chiến đấu của ông tỏa sáng ra.

PHỤ LỤC

NIÊN PHỔ LỖ TẤN

1881 – Quang tự năm thứ 7 - 1 tuổi

- Ngày 25 tháng 9 (mùng 3 tháng 8 âm lịch), sinh ở đông Xương phường khẩu, thành Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Họ Chu, tên Thụ Nhân (tên lúc đầu là Chương Thọ) tự Dự Tài. Cha, Phượng Nghi, tự Bá Nghi; mẹ, Lỗ Thụy. Quê ngoại, An Kiều.

- Cuộc cách mạng Thái bình thiên quốc thất bại 17 năm trước (1864)

1887 - *Quang tự năm thứ 13 – 7 tuổi.*

- Học với ông chú họ Ngọc Điền.

1892 - *Quang tự năm thứ 18 – 12 tuổi..*

- Học trường Tam vị của ông Thọ Kính Ngô.

1893 - *Quang tự năm thứ 19 – 13 tuổi*

- Ông nội Giới Phù (tên Phúc Thành) bị bắt giam

- Cha bị bệnh nặng.

1894 - *Quang tự năm thứ 24 – 14 tuổi.*

- Chiến tranh Trung – Nhật.

1896 - *Quang tự năm thứ 22 – 16 tuổi.*

- Cha mất.

Học ở Giang Nam Thủy sư học đường (có học bổng).

- Chính biến Mậu Tuất thất bại. Đàm Tư Đồng và 5 người nữa bị giết hại.

1899 - *Quang tự năm thứ 25 – 19 tuổi.*

- Chuyển sang trường Khoáng lộ học đường phụ thuộc Giang Nam lục sư học đường.

1990 - *Quang tự năm thứ 26 – 20 tuổi*

- Phong trào Nghĩa hoà đoàn. Liên quân tám nước phá Bắc Kinh.

1902 - *Quang tự năm thứ 28 – 22tuổi*

- Tốt nghiệp Khoáng lộ học đường.

- Được Sở đốc luyện Giang Nam cử sang Nhật Bản du học. Vào Hoằng văn học viện Đông Kinh.

1903 - *Quang tự năm thứ 29 – 23tuổi*

- Chương Thái Viêm (Bình Lân), Đào Thanh Chương (Hoán Khanh). Thái Nguyên Bồi (Kiết Dân) cùng với lưu học sinh Giang Tô, Chiết Giang lập Quang Phục hội ở Đông Kinh.

- Dịch "Du hành trên mặt trăng" của nhà văn Pháp Zuyn Véc-nơ. Viết cho tạp chí Chiết giang triều (Sóng Chiết Giang).

1904 - Quang tự năm thứ 30 – 24 tuổi

- Ông nội mất. Vào trường y học Tiên Đài.

- Chiến tranh Nga – Nhật.

1905 - *Quang tự năm thứ 31 – 25 tuổi*

- Hưng Trung hội, Quang Phục hội, Hoa Hưng hội liên hiệp thành Trung Hoa cách mạng đồng minh hội ở Đông Kinh, Nhật Bản. Tạp chí Dân báo ra đời.

1906 - *Quang tự năm thứ 32 - 26 tuổi*

- Về nước vâng lệnh mẹ kết hôn với người họ Chu ở Sơn Âm, cùng phủ. Lại sang Nhật Bản. Bỏ trường y học Tiên Đài, đến Đông Kinh, để xướng phong trào văn nghệ.

1907 – *Quang tự năm thứ 33 - 27 tuổi*

- Định xuất bản tờ Tân sinh (Đời sống mới), không thành. Viết bài cho tạp chí Hà Nam.

1908 - *Quang tự năm thứ 34 - 28 tuổi*

- Học với Chương Thái Viêm. Vào Quang Phục hội (chi nhánh Đồng minh hội)

1909 – *Tuyên thống năm thứ 1- 29 tuổi*

- Về nước dạy lý hoá ở trường Sư phạm Chiết Giang. Xuất bản "Ngoại quốc đoản thiên tiểu thuyết" và "Vực ngoại tiểu thuyết tập" (văn ngôn).

1910 - *Tuyên thống năm thứ 2- 30 tuổi*

- Bà nội mất.

- Làm giáo vụ kiêm giáo viên trường trung học Thiệu Hưng.

1911 - *Tuyên thống năm thứ 3- 31 tuổi*

- Khởi nghĩa Võ Xương. Cách mạng Tân Hợi.

- Thiệu Hưng giải phóng

- Làm hiệu trưởng trường Sư phạm Thiệu Hưng.

- Viết *Nhớ chuyện cũ* (Hoài cựu) bằng văn ngôn.

1912 – *Dân quốc năm thứ 1 – 32 tuổi*

- Chính phủ lâm thời thành lập ở Nam Kinh. Tôn Trung Sơn được cử làm Đại Tổng thống lâm thời. Thái Nguyên Bồi giữ chức Bộ trưởng Bộ giáo dục.

- Lên Nam Kinh, làm ở Bộ Giáo dục.

- Sưu tầm cuốn *Cổ tiểu thuyết câu trầm*. viết lời tựa.

- Ở Thiệu Hưng, ngoài cửa Tuyên võ môn.

- Làm khoa trưởng khoa thứ nhất phòng Giáo dục xã hội của Bộ Giáo dục, rồi làm kiểm sự Bộ ấy.

1913 - *Dân quốc năm thứ 2 – 33 tuổi*

- Đăng bài Nhớ chuyện cũ trên tờ Tiểu thuyết nguyệt báo.

- Soạn *Kê Khang tập*.

1914 - *Dân quốc năm thứ 3 – 34 tuổi*

- Nghiên cứu kinh Phật.

- Đại chiến thế giới lần thứ nhất bắt đầu.

1915 - *Dân quốc năm thứ 4 – 35 tuổi*

- Khắc Bách dụ kinh. Sưu tập Cối kê quận cố thư tạp tập.

- Viên Thế Khải xưng đế. Hộ quốc quân nổi dậy. Viên chết.

- Sưu tập, nghiên cứu bản ráp đỉnh đồng, bia đá.

1916 - Dân quốc năm thứ 5 - 36 tuổi

- Dời sang Bổ thụ thư ốc cũng của Hội quán Thiệu Hưng
- Nghiên cứu bản ráp tượng, mộ chí.

1917 - Dân quốc năm thứ 6 - 37 tuổi.

- Trương Huân định đưa Tuyên Thống lên làm vua lại.
- Cách mạng tháng mười Nga.
- Vẫn sưu tập, nghiên cứu bản ráp.

1918 - Dân quốc năm thứ 7 - 38 tuổi.

- Truyện ngắn đầu tiên "Nhật ký người điên", đăng tạp chí Tân thanh niên, dưới bút danh Lỗ Tấn.
- Đại chiến thế giới lần thứ nhất kết thúc.

1919 - Dân quốc năm thứ 8 - 39 tuổi.

- Phong trào Ngũ tứ.
- Mua nhà kho công cộng ở Bát đạo loan, trong cửa Tây trực môn. Về Thiệu Hưng đưa mẹ và em là Kiến Nhân lên Bắc Kinh.
- Vẫn sưu tập, nghiên cứu bản ráp.

1920 - Dân quốc năm thứ 9 - 40 tuổi.

- Làm giảng viên ở trường Đại học Bắc Kinh và trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Kinh.
- Vẫn sưu tập nghiên cứu bản ráp.

1921 - Dân quốc năm thứ 10 - 41 tuổi.

- Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập.

- AQ chính truyện đăng liên tiếp trên tờ phụ trương Thần báo, Bắc Kinh.

1923 - Dân quốc năm thứ 12 - 43 tuổi.

- Chu Tác Nhân viết thư đoạn tuyệt; dời sang ở số nhà 61 ngõ Chuyên tháp (Tháp gạch)

- Gào thét in xong.

- Vay tiền mua nhà số 21 ngõ Tây tam điều, trong cửa Phụ thành môn.

- Trung Quốc tiểu thuyết lược sử (tập I) in xong.

- Nhận giảng thêm ở trường Đại học Sư phạm Bắc Kinh, trường Cao đẳng Nữ Sư phạm Bắc Kinh và trường Thế giới ngữ.

1924 - Dân quốc năm thứ 13 - 44 tuổi.

- Dời đến nhà mới ở ngõ Tây tam điều.

- Trung Quốc tiểu thuyết lược sử (tập II) in xong, Hiệu đính Kê Khang tập, viết bài tựa.

- Viết cho tạp chí Ngữ ti.

- Vẫn giảng ở bốn trường Đại học Bắc Kinh, Đại học Sư phạm Bắc Kinh, Cao đẳng Nữ Sư phạm Bắc Kinh, Thế giới ngữ.

1925 - Dân quốc năm thứ 14 - 45 tuổi.

- Tôn Trung Sơn mất.

Bán nguyệt san Mãng nguyên. Ra Vị danh tùng san và

Ô hợp tùng thư. Xuất bản bán nguyệt san Vị danh.

- Đại cách mạng Trung Quốc lần thứ nhất 1925 - 1927 bắt đầu. Phong trào Ngũ tạp.

- Cuộc đấu tranh chống Bộ trưởng Chương Sĩ Chiêu và hiệu trưởng Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh (trường cao đẳng đổi thành trường đại học) Dương Âm Du.

- Tập tạp văn đầu tiên Nhiệt phong (Gió nóng) xuất bản.

- Vẫn viết bài cho tờ Ngữ ti, biên tập phụ trương tờ Quốc dân tân báo.

1926 - Dân quốc năm thứ 15 - 46 tuổi.

- Trường Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh được khôi phục.

- Vụ thảm sát 18 tháng 3. Chính phủ Đoàn Kỳ Thụy giết học sinh biểu tình đưa kiến nghị chống đế quốc Nhật.

- Vào Sơn bản y viện, Đức quốc y viện, Pháp quốc y viện lánh nạn (từ giữa tháng 4 đến cuối tháng 5).

- Tập tạp văn Hoa cái in xong.

- Rời Bắc Kinh xuống Hạ Môn (Phúc Kiến), dạy ở trường Đại học Hạ Môn.

- Tập truyện ngắn Bàng hoàng và tập Tiểu thuyết Cựu văn sao in xong.

- Mãng nguyên đình bản.

- Bỏ trường Đại học Hạ Môn.

1927 - Dân quốc năm thứ 26 - 47 tuổi.

- Đến Quảng Châu làm chủ nhiệm khoa Văn học kiêm chủ nhiệm giáo vụ trường Đại học Trung Sơn
- Dời đến ở Bạch Vân lâu.
- Tưởng Giới Thạch phản bội.
- Từ chức.
- Đồng chí Lý Đại Chiêu bị Trương Tác Lâm giết hại ở Bắc Kinh
- Tập thơ văn xuôi Dã thảo (Cỏ dại) in xong.
- Đến Thượng Hải, ở nhà số 23 Cảnh Vân Lý. Cùng bà Hứa Quảng Bình kết hôn.

1928 - Dân quốc năm thứ 17 - 48 tuổi.

- Tập tạp văn Phần (Nấm mồ) in xong.
- Phụ trách tờ Ngữ ti cho đến tháng 12.
- Đường Tống truyền kỳ tập in xong.
- Chủ nhiệm tờ Bôn lưu (Dòng nước xiết).
- Tập hồi ký Triêu hoa tịch thập (Nhặt cánh hoa tàn) in xong.
- Tập tạp văn Nhi dĩ (Mà thôi) in xong.

1929 - Dân quốc năm thứ 18- 49 tuổi.

- Cùng với Nhu Thạch, Vương Phương Nhân, Thôi Chân Ngô in tập tranh khắc gỗ Nghệ uyển triêu hoa (Hoa sớm vườn nghệ thuật).
- Tổ chức Triêu hoa xã.

- Chủ biên tủ sách Mã khắc tư chủ nghĩa văn nghệ lý luận (Lý luận văn nghệ Mác-xít) cho nhà xuất bản Thủy Mạt. Trong đó có các cuốn ông dịch : Chính sách văn nghệ xô viết, Bàn về nghệ thuật của Plê-kha nốp, Văn nghệ và phê bình, Bàn về nghệ thuật của Lu-na-sác-xki.

- Bồn lưu đình bản.

1930 - Dân quốc năm thứ 19 - 50 tuổi.

- Triêu hoa xã giải tán. Chủ biên tờ Manh nha nguyệt san (Mầm non).

- Hội tự do đồng minh thành lập.

- Hội tả dực tác gia liên minh (Liên hiệp các nhà văn cánh tả) thành lập.

Giang được Trung ương Quốc dân đảng, Chính phủ trung ương Quốc dân đảng chuẩn y.

- Hội tự do đại đồng minhbị khủng bố. Lánh nạn.

- Dời đến ở đường Bắc Tứ xuyên. Ngữ ty đình bản.

- Lễ mừng thọ ngũ tuần do Hội tả liên tổ chức.

- Sửa chữa cuốn Trung Quốc tiểu thuyết lịch sử.

1931 - Dân quốc năm thứ 20 - 51 tuổi.

- Nhu Thạch bị bắt. Bỏ nhà đi lánh nạn.

- Trở về.

- Chủ biên tờ Tiền tiêu, cơ quan ngôn luận của Tả liên, số 2 đổi là Văn học báo đạo.

- Mời nhà điêu khắc Nhật Bản Nội-sơn-gia-cát giảng về nghệ thuật tranh khắc gỗ. Lỗ Tấn phiên dịch. Vi Tố Viên chết. Vị danh xã giải tán.

- Vụ 18 tháng 9. Nhật chiếm Đông tam tỉnh.

- Bản dịch Hủy diệt (Chiến bại) của nhà văn xô viết Pha-đê-ép in xong.

- Chủ biên tờ Thập tự nhai đầu (Giữa ngã tư).

1932 - Dân quốc năm thứ 21 - 52 tuổi.

- Vụ 28 tháng giêng. Nhật đánh Thượng Hải.

- Lánh nạn ở tô giới Anh trong chi điếm hiệu sách Nội sơn của ông bạn người Nhật Bản.

- Hai tập tạp văn Tam nhàn và Nhị tâm (Hai lòng) in xong.

- Mẹ mất ở Bắc Kinh.

1933 - Dân quốc năm thứ 22 - 53 tuổi.

- Gia nhập Hội đồng minh bảo vệ dân quyền.

- Gặp nhà văn Anh Béc-na Sô.

- Lưỡng địa thư (Thư từ hai nơi), Lỗ Tấn tự tuyển tập, in xong.

- Dời đến nhà số 4, Đại lục tân thôn.

- Đến lãnh sự quán Đức đưa thư kháng nghị chống hành vi tàn bạo của phát-xít Đức.

- Dương Thuyên (Hạnh Phất) bị giết. Đến Vạn Quốc tẩn nghi quán dự lễ tang. Có người khuyên không

nên đi nhưng cứ đi, không mang thìa khóa theo, tỏ ý quyết tuyệt.

- Tập tạp văn Ngụy tự do thư (Viết tự do giả) in xong.

1934 - Dân quốc năm thứ 23 - 54 tuổi.

- Tập tranh Bắc Bình tiên phổ in xong.

- Tập tranh khắc gỗ Dần ngọc tập in xong.

- Chủ biên tờ Dịch văn. Có người quen bị bắt nên lánh nạn.

- Tập tranh khắc gỗ Mộc khắc kỷ trình in xong.

- Đau ở xương sống. Ra mồ hôi nhiều. Gầy hẳn.

- Tập tạp văn Chuẩn phong nguyệt đàm in xong.

1935 - Dân quốc năm thứ 24 - 55 tuổi.

- Tập tạp văn Tập ngoại tập in xong.

- Tập tranh Thập trúc trai tiên phổ in xong.

- Biên soạn tuyển tập Trung Quốc tân văn học đại hệ tiểu thuyết (hai tập), viết lời giới thiệu.

- Cù Thu Bạch bị Tưởng Giới Thạch giết hại ở Đinh Châu (Phúc Kiến).

- Biên soạn Hải thượng thuật tâm (gồm các bài văn của Cù Thu Bạch sáng tác và dịch thuật) lấy danh nghĩa Chư-hạ-hoài-sơn xuất bản. Tự viết giới thiệu cho tập sách.

- Chỉnh lý tập tranh Tử hồn linh bách đồ.

- Phong trào cứu quốc 9-12 bắt đầu.

1936 - Dân quốc năm thứ 25 - 56 tuổi.

- Đau ở vai và hai bên sườn.

- Chủ biên tờ Hải yến (xuất bản hai số thì bị cấm)

NHẬT KÝ NGƯỜI ĐIÊN[*]

Hai anh em nhà nọ, nay tạm giấu tên, đều là bạn thân của tôi ngày trước ở trường trung học. Xa cách lâu ngày dần dần vắng tin nhau. Gần đây, tình cờ nhận được tin một trong hai người ốm nặng: nhân về quê chơi, có ghé thăm nhưng lại chỉ gặp người anh. Ông ta cho biết người ốm chính là người em.

- Cám ơn anh không ngại đường xa đến thăm, nhưng chú nó nay đã lành rồi, hiện đang đến tỉnh X, chờ được bổ đi làm việc.

Rồi cười phá lên, lấy ra hai tập nhật ký, bảo có thể xem đấy biết được bệnh trạng lúc bấy giờ như thế nào; chỗ bạn cũ với nhau, chẳng có gì ngại. Cầm về, đọc qua một lượt, biết anh ta mắc bệnh"bách hại cuồng"[1]. Tập nhật ký đó viết rất lộn xộn, không có thứ tự, lại lắm câu hết sức hoang đường. Cũng chẳng ghi ngày tháng, duy màu mực và nét chữ có khác nhau, biết không viết một mạch. Cũng có đoạn khá mạch lạc, xin trích ra đây hiến các nhà y học làm tài liệu nghiên cứu. Những chữ viết sai cũng cứ để vậy, không thay

---

[*] Truyện này trước đăng ở Tân thanh niên, số tháng 5 năm 1918. Trong lịch sử văn học Trung Quốc đó là tác phẩm đầu tiên đả kích chế độ phong kiến một cách sâu sắc.

[1] Một thứ bệnh điên, người bệnh lúc nào cũng thấy người ta bức hại mình.

đổi. Chỉ có tên người, tuy là người ở chốn thôn quê, không ai biết, không quan hệ đến đại thể, nhưng cũng đổi hết. Còn như tên tập nhật ký thì chính người viết, sau khi khỏi bệnh, để như vậy, cứ để nguyên.

Ngày 2 tháng 4

năm Dân quốc thứ 7.

I

Đêm nay, trăng đẹp quá!

Hơn ba mươi năm nay, không thấy; hôm nay thấy tinh thần sảng khoái lạ thường. Mới biết hơn ba mươi năm nay, mình toàn sống trong tăm tối. Nhưng phải hết sức cẩn thận. Nếu không, tại sao con chó nhà họ Triệu lại lườm mình như thế?

Mình sợ là phải lắm.

II

Hôm nay không trăng. Biết là không ổn rồi. Lúc sáng bước chân ra cửa, đã hết sức cẩn thận, thế mà ông Triệu lại nhìn mình bằng một con mắt quái gở: hình như sợ mình mà cũng hình như muốn hại mình. Còn bảy tám người nữa chụm đầu thì thầm với nhau về mình, lại sợ mình thấy. Những người gặp trên đường cũng đều như thế cả. Có một người dữ tợn nhất, há hốc miệng nhìn mình, cười một cái làm mình lạnh toát từ đầu đến chân. Cho biết họ đã sắp đặt đâu vào đó cả rồi!

Nhưng mình không sợ, mình cứ đường mình mình đi, phía trước một bầy trẻ cũng đang bàn tán gì về mình, ánh

mắt cũng y hệt ánh mắt ông Triệu, mặt cũng tái mét. Nghĩ bụng không hiểu chúng nó thù gì mình mà cũng lại như thế? Mình không nhịn được, nói to: "Cái gì nào? Nói đi" thì chúng nó bỏ chạy.

Mình nghĩ không rõ mình với ông Triệu, cả với những người mình gặp trên đường, có thù oán gì. Chỉ hai mươi năm trước đây, mình có giẫm lên cuốn sổ ghi nợ mấy mươi đời của cụ Cố Cữu[1]. Cụ ta rất không bằng lòng. Ông Triệu tuy không quen biết gì cụ Cố Cữu, nhưng nhất định có nghe phong thanh, rồi bất bình thay, rủ cả những người gặp trên đường kia oán mình, chống lại mình. Nhưng mấy đứa trẻ kia? Hồi đó, chúng nó chưa đẻ, tại sao bây giờ cũng trợn mắt kỳ dị như thế, hình như sợ mình mà hình như cũng muốn hại mình? Thật là làm cho mình kinh hãi. Làm cho mình vừa ngạc nhiên, vừa đau xót.

Hiểu ra rồi! Đó là bố mẹ chúng bày vẽ cho!

III

Suốt đêm không sao ngủ được. Việc gì cũng phải suy nghĩ mới vỡ nhẽ.

Bọn họ, trước có kẻ bị ông huyện cùm kẹp, có kẻ bị thân hào vả vào miệng, có kẻ bị nha lại cướp vợ con, có kẻ cha mẹ bị chủ nợ bức quá phải tự sát, nhưng bây giờ họ đâu

---

[1]. Cố Cữu: lâu đời. Cụ Cố Cữu là một tên tượng trưng chỉ những nhân vật bảo thủ. Cuốn sổ ghi nợ nói ở đây ám chỉ lịch sử thống trị tràng kỳ của giai cấp phong kiến. Giẫm lên cuốn sổ ghi nợ ấy tức là có hành vi chống lại chế độ phong kiến.

có đáng sợ và hung ác như hôm qua!

Lạ nhất là người đàn bà hôm qua ngoài phố, vừa đánh con, vừa hô: "Đồ ranh con! Tao có ăn thịt được mày một miếng mới hả giận!" Con mắt bà ta lại cứ nhìn mình chòng chọc. Mình thất kinh hồn vía, không làm sao che giấu được nỗi sợ hãi. Thế rồi cả đám người đứng đấy, mặt tái mét, răng nhọn hoắt, phá lên cười. Lão Năm Trần chạy lại lôi bừa mình về.

Lôi bừa mình về nhà, người trong nhà đều giả vờ không biết mình. Ánh mắt cũng y như những người kia. Mình vừa bước chân vào phòng khách thì họ liền khóa trái cửa, nhốt lại, y như nhốt gà vịt. Việc này càng khiến cho mình không hiểu họ định làm cái gì.

Mấy hôm trước, người tá điền bên thôn Lang Sói sang báo mất mùa, kể chuyện với ông anh rằng bên ấy, có một tên đại ác vừa bị người ta đánh chết. Có kẻ đến moi tim, moi gan đem về rán mỡ ăn cho được can đảm. Mình nói xen vào mấy câu thì ông anh và người tá điền trố mắt nhìn. Hôm nay, mới biết là ánh mắt họ cũng giống hệt ánh mắt những người gặp ngoài đường kia!

Nghĩ lại mà lạnh từ đầu đến chân.

Họ đã ăn được thịt người thì vị tất lại không ăn được thịt mình!

Rõ ràng câu nói: "Ăn thịt mày một miếng..." của người đàn bà nọ, tiếng cười của những người mặt tái mét, răng nhọn hoắt kia và mẩu chuyện của người hôm trước đều là những ám hiệu cả. Mình thấy rõ lời nói của họ có thuốc độc, trong giọng cười của họ có dao găm. Răng thì nhăn ra trắng

hếu. Toàn là bọn ăn thịt người!

Theo mình nghĩ, tuy mình không phải là một người ác, nhưng từ ngày mình dẫm lên cuốn sổ ghi nợ của cụ Cố Cửu, thì không còn thể nói chắc chắn được nữa. Hình như có ý định gì, không thể nào đoán ra được. Huống hồ, họ giở mặt một cái là có thể đổ riệt cho người ta là người ác. Còn nhớ hồi ông anh bảy cho mình luận. Mặc dù nhân vật đem ra bàn tốt đến đâu, hễ tìm được cách chê vài câu là ông ta khuyên cho mấy khuyên. Và đối với những nhân vật xấu, hễ lựa lời bào chữa, là ông ta phê ngay bên cạnh "Phiên thiên diệu thủ, dữ chúng bất đồng" (Có tài biện luận! Độc đáo!). Như vậy thì mình làm sao đoán biết được tâm địa họ thế nào! Huống hồ khi họ đã muốn ăn thịt mình!

Việc gì cũng phải suy nghĩ mới vỡ nhẽ. Cổ lai, việc ăn thịt người thường lắm, mình cũng còn nhớ, nhưng không thật rõ. Liền giở lịch sử tra cứu thử. Lịch sử không đề niên đại, có điều trang nào cũng có mấy chữ "nhân nghĩa, đạo đức" viết lung tung tí mẹt. Trằn trọc không sao ngủ được, đành cầm đọc thật kỹ, mãi đến khuya mới thấy từ đầu chí cuối, ở giữa các hàng ba chữ: "Ăn thịt người".

Những chữ đó trên trang sách và những lời nói của người tá điền cũng lại cười khì khì và trợn mắt nhìn mình một cách quái gở.

Mình cũng là người, họ định ăn thịt mình thật!

IV

Sáng nay, ngồi yên tĩnh một lúc. Lão Năm Trần bưng

cơm vào. Một đĩa rau, một cá hấp. Mắt cá trắng dã và cứng đờ, miệng há hốc ra trông y như bọn ăn thịt người kia. Ăn mấy miếng, thấy nhờn nhờn, không biết thịt cá hay thịt người đây. Thế là mửa nhào ra hết!

Mình nói: "Ông Năm à! Nói giùm với anh tôi rằng ở đây buồn lắm, tôi muốn ra vườn dạo quanh một lúc"

Lão Năm không trả lời, đi thẳng, đứng lại một lát, rồi đến mở cửa.

Mình cứ ngồi im để xem họ xử trí với mình ra làm sao. Biết chắc chắn họ nhất định không chịu buông tha mình đâu. Quả nhiên, ông anh dẫn một lão già nào vào, bước rất thư thả. Lão ta có cặp mắt rất dữ, sợ mình trông thấy, nên cứ cúi gằm mặt xuống đất, chỉ nhìn trộm qua đôi kính trắng. Ông anh nói:

- Hôm nay hình như chú có đỡ hơn thì phải?

Mình nói:

- Vâng

Ông anh nói:

- Hôm nay mời cụ Hà đến xem mạch cho chú.

Mình nói:

- Được.

Kỳ thực, há mình lại không biết lão già này chỉ là một tay giết người trá hình hay sao? Rõ ràng lấy cớ đến bắt mạch để dò xem béo hay gầy. Với cái công đó lão ta sẽ chia một phần mà ăn. Mình cũng chẳng sợ. Tuy không hề ăn thịt người nhưng mình còn can đảm hơn họ nhiều. Cứ đưa tay ra,

xem lão ta giở trò gì. Lão ta ngồi xuống, nhắm mắt, sờ sờ mó mó một lúc lại ngồi thừ ra một lúc, rồi giương tròn đôi mắt quỷ sứ nói:

- Không nên nghĩ vơ vẩn. Tĩnh dưỡng mấy ngày là khỏi.

"Không nên nghĩ vớ vẩn. Tĩnh dưỡng..." Tĩnh dưỡng cho béo, tự nhiên họ sẽ được nhiều thịt mà ăn! Mình thì được cái gì? Làm thế nào "khỏi" được? Bọn họ muốn ăn thịt người, nhưng lại cứ lấm la lấm lét, muốn che giấu đi, không dám đường hoàng ra tay, làm mình chết cười đi được. Không nhịn nổi, mình cười phá lên, thích thú quá. Riêng mình, mình biết tiếng cười của mình là một tiếng cười dũng cảm, nghĩa khí. Lão già và ông anh mặt cứ tái đi, bị cái dũng cảm, cái nghĩa khí của mình là áp đảo.

Nhưng mình dũng cảm thì họ lại càng muốn ăn thịt mình., hòng chia sẻ chút dũng cảm đó. Lão già ra khỏi cửa, bước được mấy bước, đã ghé tai nói thầm với ông anh:

- Cho ăn ngay[1]

Ông anh gật đầu. Té ra có cả anh nữa hay sao! Điều vừa phát hiện, tuy giống như bất ngờ, nhưng thật ra thì cũng đã biết rồi. Ông anh mình cũng cùng một bọn với những người ăn thịt mình!

Ông anh mình là một kẻ ăn thịt người!

---

[1] Nguyên văn *Cần khẩn ngật bất*: ý ông thầy thuốc muốn nói: Cho uống ngay. Chữ *ngật* có nghĩa là ăn và cũng có nghĩa là *uống* (như *ngật trà, ngật dược* - uống chè, uống thuốc). Đây là một cách chơi chữ rất tài, không dịch được.

Mình là em một kẻ ăn thịt người!

Chính mình bị ăn thịt nhưng lại vẫn là em một kẻ ăn thịt người!

V

Mấy hôm nay nghĩ lại: giá như lão già kia không phải là tay giết người trá hình mà quả là thầy thuốc thật thì lão ta cũng vẫn là một kẻ ăn thịt người. Tổ sư các ông là Lý Thời Trân đã viết rõ ràng trong cuốn Bản thảo gì gì ấy[1] rằng: Thịt người có thể rán ăn được. Lão ta còn có thể nói lão ta không ăn thịt người nữa ư?

Còn như ông anh mình, cũng chẳng phải là oan cho đâu! Hồi ông ta giảng sách cho mình, chính miệng ông ta nói có thể "đổi con mà ăn" ("Dịch tử nhi thực")[2]. Lại một lần, ngẫu nhiên bàn luận đến một người không tốt nào đó, ông ta liền nói không những phải giết đi, lại còn phải "xẻo thịt mà ăn, lấy da mà làm nệm" (Thực nhục tẩm bì")[3]. Hồi ấy mình còn nhỏ, nghe nói ,tim cứ đập mãi. Hôm trước người tá điền

---

[1] Chỉ cuốn *Bản thảo cương mục* của Lý Thời Trân (1518 - 1953) đời Minh. Đó là bộ sách kinh điển nghiên cứu dược tính của Trung Quốc. Gồm 52 quyển.

[2] "*Dịch tử nhi thực*", "*Thực nhục tẩm bì*" là chữ trong *Tả truyện Dịch tử nhi thực* nguyên là chỉ cảnh tượng thê thảm khi thành bị vây. "Người nước Sở vây nước Tống, người nước Tống đổi con mà ăn, chặt xương mà nhen lửa". "*Thực nhục tẩm bì*" là lấy trong câu Tấn Chân Xước nói với Trang Công: "Nhưng hai người đó cũng như loài cầm thú, tôi sẽ xẻo thịt mà ăn, lấy da mà làm nệm" ? Hai người đó chỉ Thực Xước và Quách Tối, người nước Tề bị Châu Xước bắt được.

thôn Lang Sói sang nói chuyện ăn gan người, ông ta chẳng lấy làm lạ chút nào cả, cứ gật đầu lia lịa. Đủ rõ tâm địa ông ta vẫn ác như trước. Đã có thể "đổi con mà ăn" thì cái gì mà chẳng đổi được, người nào mà chẳng ăn được. Trước kia mình chỉ nghe ông ta giảng, cũng hồ đồ cho qua đi. Bây giờ mới biết rằng ngay khi ông ta giảng, không những mép ông ta còn nhậy mỡ người mà bụng ông ta thì đang tơ tưởng đến chuyện ăn thịt người!

VI

Tối om om. Không biết ngày hay đêm nữa. Con chó nhà họ Triệu lại sủa lên rồi!

Hung ác như sư tử, khiếp nhược như thỏ, giảo quyệt như hồ ly...

VII

Mình biết mưu của họ rồi. Ra mặt giết thì không muốn và cũng không dám, sợ tai vạ, nên họ thông đồng với nhau, bủa lưới bức mình phải tự sát. Cứ nhìn điệu bộ của bọn đàn ông đàn bà ngoài phố hôm nọ và hành vi ông anh mấy hôm nay, có thể rõ được tám chín phần. Tôi nhất là mình cởi thắt lưng ra, cột lên xà nhà, rồi treo cổ cho chết đi. Họ không mang tội giết người mà vẫn được như ý muốn. Tất nhiên họ

sẽ sung sướng mà reo cười lên. Bằng không thì mình phải khiếp sợ, buồn rầu mà chết. Dù có gây đi ít nhiều, họ cũng vui lòng.

Họ chỉ ăn được thịt chết! Nhớ trong sách nào có nói đến một con vật tên là *hyène*[1], mắt rất dễ sợ và hình thù rất xấu xí, thường ăn thịt chết, xương to mấy cũng nhai nát ra rồi nuốt tất. Nghĩ mà rùng mình! Con *hyène* là bà con với lang sói, lang sói là họ hàng với chó. Hôm trước con chó nhà họ Triệu cứ lườm mình, đủ biết nó cũng đồng mưu với nhưng người kia và đã ăn ý với nhau từ trước. Lão già nọ dù có cúi gằm mặt xuống đất, há có thể lừa nổi mình!

Đáng thương hại nhất là ông anh mình. Ông ta cũng là người, sao ông ta không sợ mà lại mưu với bọn kia ăn thịt mình nhỉ? Hay là vốn đã quen đi như thế từ lâu rồi, không cho là chuyện trái nữa chăng? Hay là tắng tận lương tâm rồi, biết mà cứ làm cháng?

Mình nguyền rủa những kẻ ăn thịt người, và phải bắt đầu nguyền rủa ông ta trước. Muốn khuyên can những kẻ ăn thịt người, cũng phải bắt đầu khuyên can ông ta trước.

VIII

Thật ra, điều đó nhẽ ra họ phải biết từ lâu rồi!...

Bỗng có một người nào đi vào, trạc trên dưới hai mươi

---

[1] Con *hyène* (i - e - nơ) thường đi theo sư tử, hổ, và ăn những miếng thịt thừa những con vật kia để lại.

tuổi, nhìn không rõ tướng mạo, mặt tươi cười hớn hở, gật đầu chào mình. Cái cười của anh ta không ra vẻ chân tình. Mình liền hỏi:

- Ăn thịt người, có nên không?

Anh ta vẫn cười mà nói:

- Không phải là năm đói kém thì sao lại ăn thịt người? Mình hiểu ngay anh ta cũng một phường, thích ăn thịt người. Mình càng can đảm lên, cứ hỏi:

- Có nên không?

- Chuyện đó hỏi làm gì? Ông đến là hay...nói đùa... Hôm nay trời đẹp lắm.

- Phải, trời đẹp lắm, trăng sáng lắm, nhưng tôi hỏi anh "có nên không?".

Anh ta ngờ ý không thích mình hỏi như thế, trả lời vu vơ.

- Không...

- Không nên à? Thế sao họ cứ ăn?

- Đâu có chuyện ấy à? Bên thôn Lang Sói, người ta vừa mới an dấy! Lại trong sách chép như thế, bằng chữ mực đỏ còn tươi rói.

Mặt anh ta tái xanh. Anh ta tròn mắt, nói:

- Có lẽ có. Xưa nay vẫn thế...

- Xưa nay vẫn thế thì nên à?

- Tôi không nói với ông về chuyện đó nữa. Và ông cũng không nên nói nữa. Ông càng nói càng sai.

Mình nhảy chóm lên, giương to mắt. Anh ta liền biến mất. Mồ hôi ướt đẫm cả người. Anh ta còn ít tuổi hơn ông anh mình nhiều, nhưng cũng một phường. Nhất định là bố mẹ anh ta bày vẽ cho anh ta. Sợ anh ta đã bày vẽ cho con anh ta rồi cũng nên! Chả trách ngay cả bọn trẻ con cũng nhìn mình một cách dữ tợn.

IX

Muốn ăn thịt người khác, nhưng lại sợ người khác ăn thịt nên họ giữ miệng nhau, nhìn nhau ngờ vực...

Bỏ được tâm địa ấy đi mà yên trí làm việc, đi đứng ăn ngủ, khoan khoái biết chừng nào! Chỉ cần qua được bước khó khăn đó, vượt qua được cửa ải đó. Nhưng bọn họ, cha con anh em, vợ chồng, bè bạn, thầy trò, thù địch, và cả những người không hề quen biết nhau nữa đều cùng một bè với nhau, khuyến khích nhau, lôi kéo nhau, dù chết cũng không chịu bước qua bước đó

X

Sáng sớm, đi tìm ông anh. Ông ta đứng ngoài cửa nhìn trời. Mình đi đến sau lưng, đứng ở khung cửa rồi nói rất bình tĩnh, rất hòa nhã.

- Anh à! Có điều này muốn nói với anh.

Ông ta vội vã quay lại, gật đầu:

- Nói gì cứ nói đi.

- Chỉ có điều này thôi, nhưng khó nói quá. Anh này, có lẽ xưa kia, khi con người còn man rợ, họ đã từng ăn thịt người. Nhưng rồi về sau, tâm tư thay đổi, có kẻ không ăn nữa, muốn trở nên tốt, nên họ đã trở thành người, trở thành những người chân chính. Có kẻ vẫn ăn... Cũng như sau họ, có thứ biến thành chim, cá, và cuối cùng biến thành người. Có kẻ không muốn trở nên tốt, đến nay vẫn là sâu bọ. Kẻ ăn thịt người so với kẻ không ăn thịt người, xấu hổ biết mấy! Sợ còn xấu hổ hơn sâu bọ so với khỉ nhiều nhiều lắm.

Dịch Nha[1] nấu thịt con cho Kiệt, Trụ ăn. Đó là chuyện ngày trước. Ai biết được từ khi Bàn Cổ khai thiên lập địa, người vẫn ăn thịt người, cho đến con Dịch Nha, và từ con Dịch Nha cho đến ông Từ Tích Lâm[2] rồi từ ông Từ Tích Lâm cho đến cái anh gì bên thôn Lang Sói! Năm ngoái, trên tỉnh có mấy tên phạm nhân bị chém, còn có người mắc bệnh lao lấy bánh bao chấm máu liềm[3].

Họ định ăn thịt em, một mình anh cố nhiên không làm gì được, nhưng hà tất anh phải vào hùa với họ! Kẻ ăn thịt người thì cái gì mà không làm được. Họ đã ăn được thịt em

---

[1] Dịch Nha người nước Tề, đời Xuân Thu, có tài nấu nướng. Truyền rằng Tề Hoàn Công thèm thèo chưa hề được biết mùi vị trẻ con ra sao, Dịch Nha bèn nấu thịt con mình dâng lên Tề Hoàn công.

[2] Từ Tích Lâm am chỉ Từ Tích Lân, một nhà cách mạng cuối đời Thanh. Năm 1907, ông đâm chết tên tuần vũ tỉnh An Huy, tên là An Minh bị bắt rồi bị hại. Bên tay chân An Minh mổ gan nấu ăn. Đây là một chữ viết sai (*Lận* viết ra *Lâm*) như nói trong lời mở đầu, mà tác giả không sửa chữa, chứ để nguyên.

[3] Xem truyện *Thuốc*

thì cũng có thể ăn được thịt, ấm. Cùng một bọn, họ cũng có thể ăn thịt nhau. Chỉ cần bước một bước thôi, chỉ cần bỏ ngay cái thói ấy đi thì ai nấy đều được yên ổn, thái bình. Đành rằng xưa nay vẫn thế, nhưng bây giờ chúng ta có thể tốt với nhau. Không được ư? Anh ơi! Em tin rằng anh sẽ có thể được. Nhưng hôm nọ, khi người tá điền đến xin giảm tô, anh lại nói là không thể được.

Lúc đầu, ông ta chỉ cười nhạt, nhưng rồi cặp mắt trở nên hung dữ. Đến khi mình nói toạc những ý nghĩ bí mật của họ thì mặt ông ta xanh đi. Một đám đông xúm trước cổng, trong đó có ông Triệu và con chó nhà ông ta. Họ chen chúc nhau thò đầu vào xem. Có kẻ mình không nhìn rõ mặt, hình như họ lấy vải trùm đầu lại, có kẻ mặt vẫn xanh lè, răng vẫn nhọn hoắt, miệng mỉm cười. Mình biết là họ cùng một phường, cùng là những kẻ ăn thịt người cả. Nhưng cũng biết tâm tư họ không giống nhau. Có kẻ thì cho cứ nên ăn, vì xưa nay vẫn thế; có kẻ thì không nên ăn, nhưng vẫn cứ muốn ăn, lại sợ người khác nói toạc ra, nên khi nghe mình nói, họ giận lắm, tuy họ vẫn mỉm miệng cười nhạt.

Lúc đó, ông anh mình bỗng trở nên hung dữ quát to:

- Đi đi ! Người điên chứ có gì mà xem!

Lúc đó, mình hiểu ngay mánh khóe của họ. Không những họ không chịu thay đổi, mà họ đã sắp đặt sẵn để vu cho mình là điên! Sau này, ăn thịt mình không những họ sẽ được thái bình vô sự, mà có lẽ có người còn cám ơn họ là dang khác. Người tá điền nói người bị đưa ra ăn thịt là một người ác. Cũng là mánh khéo ấy, cũng là giọng lưỡi ấy !

Lão Nam Trần bước vào, mặt cũng hầm hầm. Làm sao

bịt được miệng mình! Mình cứ nhất định nói cho họ rõ:

- Các người có thể thay đổi được. Hãy thực tâm mà thay đổi đi! Nên biết rằng sau này không ai dung thứ cho kẻ ăn thịt người sống trên thế gian này nữa đâu!

Các người không thay đổi thì các người cũng sẽ bị ăn thịt cả. Dù cho con đàn cháu lũ, cũng sẽ bị những người chân chính tiêu diệt, chẳng khác gì người đi săn tiêu diệt lang sói.

- Cũng giống như sâu bị mà thôi!

Đám người trước cổng bị lão Năm Trần xua đuổi đi hết. Không rõ ông anh mình cũng đi đâu mất. Lão Năm Trần khuyên mình nên vào trong nhà. Trong nhà tối om om. Trên đầu, kèo, xà nhà rung chuyển lên. Rung chuyển một hồi rồi to dần, chất đống trên người mình.

Nặng quá thể, không nhúc nhích được, ý hẳn là sẽ đè mình chết mất thôi! Biết là không phải nặng thật, mình cố giãy giụa, mồ hôi đổ ra như tắm. Nhưng vẫn cứ nói:

- Các người thay đổi ngay đi, thành tâm mà thay đổi đi. Các người nên biết rằng tương lai, người ta không dung thứ những kẻ ăn thịt người đâu!...

XI

Không thấy mặt trời nữa. Cửa cũng đóng kín. Ngày ngày hai bữa cơm.

Cầm đũa lại nghĩ đến ông anh. Hiểu ra rồi, tại sao mà đứa em gái mình lại chết. Cũng là vì ông ta cả. Hồi đó, nó

mới lên năm, dễ thương quá! Tưởng như là còn trông thấy nó trước mắt. Mẹ khóc mãi. Ông ta khuyên đừng khóc nữa. Chắc là ông ta đã ăn thịt đi rồi. Nếu như còn cầm lòng không đậu thì...

Đứa em gái mình bị ông anh ăn thịt, mẹ có biết thế hay không, mình làm sao hiểu được!

Nghĩ có lẽ mẹ cũng biết. Chẳng qua khi khóc, mẹ không nói ra đó thôi. Chắc cũng cho là phải. Còn nhớ hồi lên bốn lên năm, mình đangngồi hóng mát trước nhà, nghe ông anh nói rằng: Cha mẹ ốm đau, con phải cắt một miếng thịt, nấu chín, dâng cho cha mẹ, mới là có hiếu. Mẹ cũng không cãi lại. Ăn được một miếng thì tất nhiên có thể ăn cả người. Nhưng bây giờ nhớ lại thì hôm ấy, nghe mẹ khóc, thương tâm quá đi mất! Thật là một chuyện lạ lùng.

XII

Không thể nghĩ được nữa.

Bây giờ mới biết mình đã sống bao nhiêu năm ở một nơi mà người ta ăn thịt lẫn nhau từ bốn nghìn năm nay. Đứa em gái mình chết đúng vào lúc ông anh lên cai quản trong nhà. Vị tất ông ta đã không đem thịt nó trà trộn với các thức ăn rồi giấu giếm đi, đưa cho mọi người ăn!

Vị tất vô ý mình chẳng đã ăn một vài miếng thịt của đứa em! Và bây giờ đây đến lượt mình...

Mình là một kẻ có truyền thống ăn thịt người trên bốn nghìn năm: lúc đầu không biết nhưng bây giờ biết rồi thì khó lòng mà nhìn mặt những người chân chính.

XIII

Chắc cũng còn những đứa trẻ chưa từng ăn thịt người chứ?

Hãy cứu lấy các em![1]

Tháng 1 năm 1918.

---

[1] Khi đã giác ngộ về giai cấp, không tin vào tiến hóa luận nữa, Lỗ Tấn có viết:

"... Bây giờ nếu lại đang một bài nghị luận rất mực ôn hòa như "hãy cứu lấy các em" thì, ngay tôi, nghe cũng thấy rỗng tuếch (*Trả lời ông Hữu Hàng*, Tập văn, tập II, tr. 68).

KHỔNG ẤT KỶ[*]

Các quán rượu ở Lỗ - Trấn có một cách bố trí khác hẳn nơi khác. Quán nào cũng có một cái quầy to, hình thước thợ, ngoảnh ra đường cái; phía trong quầy có sẵn nước nóng lúc nào cũng có thể hâm rượu được. Trưa hay chiều, các bác thợ đi làm về, người nào cũng đến bỏ ra năm đồng chinh mua một bát rượu, - đó là chuyện hơn hai mươi năm về trước, bây giờ mỗi bát cũng phải đến mười đồng, - rồi đứng tựa vào quầy, uống ngay, vừa uống vừa nghỉ cho đỡ mệt. Nếu chịu bỏ thêm một đồng nữa thì có thể mua được một đĩa măng muối mặn hoặc một đĩa đậu hồi hương làm thức nhắm, còn bỏ ra đến mười đồng thì có thể mua được một đĩa thịt xào. Nhưng những khách hàng này phần nhiều là bạn áo cộc, không mấy ai chơi sang như vậy. Chỉ có những vị khách áo dài mới đi vào tận phòng trong, gọi rượu, gọi thịt, ngồi khề khà.

---

[*] Truyện này đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Tân thanh niên* tháng 4 năm 1919. Cuối truyện có mấy lời chú của tác giả như sau:

"Truyện ngắn vừng về này, tôi viết xong một ngày mùa đông năm ngoái. Ý định lúc đó là miêu tả mặt cảnh sống xã hội để độc giả xem chơi, chứ chẳng có thâm ý gì. Nhưng từ khi đăng hoạt tự để in thì có người bỗng đưng đùng tiểu thuyết để công kích người này, người khác. Nhà văn đó đi vào một con đường đen tối nên có thể làm cho tư tưởng người đọc cũng theo tư tưởng mình mà trở thành hư hỏng. Ý đã lấy tiểu thuyết làm một thứ công cụ để hại nước bán, người bị bán chưa biết là ai. Thật là một điều đáng thương, đáng giận hết sức. Cho nên tôi phải thanh minh ở đây để khỏi phải bị hiểu nhầm, làm hại đến nhân cách người đọc. 16-3-1919."

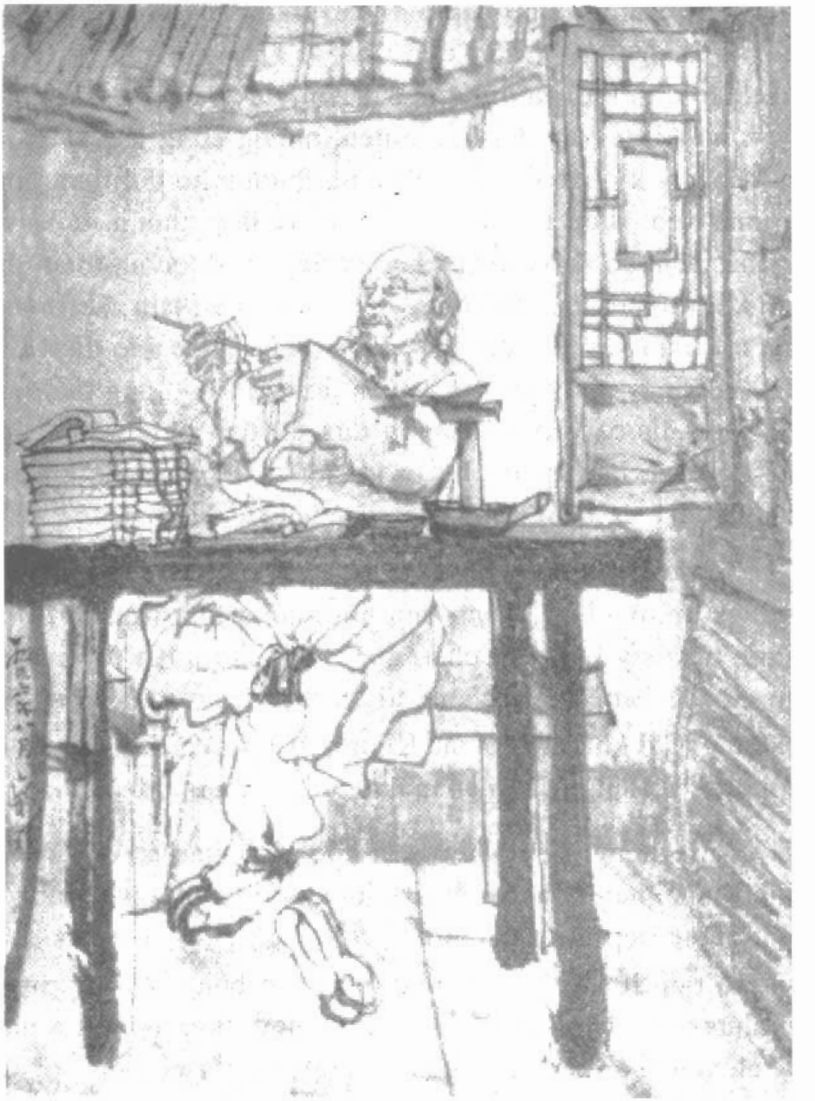

Tranh minh hoa "Không ât Kỷ" của Trịnh Thạp Phát

Từ hồi mười hai tuổi, tôi đã đến làm công cho quán rượu Hàm Hanh ở chỗ cửa ô đi vào trấn. Ông chủ quán rượu bảo tôi dáng người dãn độn quá, e không hầu nổi các vị khách áo dài, thôi ra đứng ngoài làm việc vặt vậy. Khách áo cộc ở ngoài, tuy dễ dãi hơn nhiều, nhưng cũng làm ông hay sách hoạch, kỳ kèo đáo để. Thường thường họ dòi được nhìn tận mắt xem rượu có thật múc ở vò ra hay không, đòi nhìn tận mắt xem có nước lã hay không, lại dòi được nhìn tận mắt xem khi tôi đặt ấm nước nóng. Có thể mới an tâm. Kiểm soát chặt chẽ như vậy thì làm thế nào mà pha nước vào đây! Cho nên được mấy ngày ông chủ quán lại bảo tôi không thể đứng bán hàng được. May mà người đưa tôi đến đây là chỗ thân tình với ông lắm, nên ông ta không thải ra mà để cho tôi chuyên coi việc hâm rượu, một việc hết sức tẻ nhạt.

Từ đó tôi đứng cả ngày trong quầy, chăm chú làm công việc của mình. Tuy không đến nỗi không làm tròn phận sự, nhưng tôi thấy buồn và chán ghê. Ông chủ quán thì mặt dữ lắm, khách hàng cũng chẳng ai dễ thương, tôi khó lòng vui lên được. Chỉ khi nào có bác Khổng Ất Kỷ đến thì mới có thể cười được ít tiếng. Cho nên mãi đến nay vẫn nhớ bác ta.

Bác Khổng Ất Kỷ là người độc nhất mặc áo dài mà lại đứng trước quầy uống rượu. Bác ta người to cao, mắt xanh lè giữa những nếp rãn thường có vết vài vết sẹo, lại có một bộ râu hoa râm lốm xốm, rối như mớ bòng bong. Áo tuy là áo dài nhưng vừa bẩn lại vừa rách, hình như hơn hai mươi năm nay chưa hề vá mà cũng chưa hề giặt. Bác ta nói chuyện với ai, mở miệng là *chi hồ giả dã*[1] làm cho người ta chẳng hiểu

---

[1] *Chi hồ giả dã* là các hư từ trong văn ngôn, ý là: nói theo chữ nghĩa trong sách tỏ ra có học hơn người.(N.D).

gì hết. Vì bác ta họ Khổng, nên người ta mới lấy ba chữ Khổng Ất Kỷ trong cái câu cũng khó hiểu: *"Thượng đại nhân Khổng Ất Kỷ"*[1] in son trên các thiếp đồ mà đặt biệt hiệu cho. Hễ bác ta bước chân đến quán là bao nhiêu khách đều nhìn bác ta mà cười dậy lên hết. Có người hỏi:

- Ông Khổng Ất Kỷ này ! Sao trên mặt lại có vết thương mới nữa rồi!

Bác ta không trả lời, nói vào trong quày:

- Hâm cho hai bát rượu, và lấy ra đây một đĩa đậu hồi hương nhé!

Rồi xia ra chín đồng chinh.

Mấy người kia lại cố ý nói to:

- Nhất định lại xoáy cái gì của nhà ai rồi!

Bác ta trừng mắt lên cự:

- Sao khi không các người lại bịa chuyện làm mất danh giá người ta như thế?

- Danh giá cái gì? Chẳng phải hôm trước chính mắt tớ trông thấy ông ăn cắp sách nhà ông Hà rồi bị treo ngược lên đánh là gì.

Bác ta đỏ mặt, trán nổi gân xanh, cãi lại:

---

[1] Trên các thiếp đồ ngày trước có viết bằng chữ son son như sau: *"Thượng đại nhân, Khổng Ất Tử, Hóa tam thiên, thất thập sĩ. Nhữ tiểu sinh, bát cửu tử. Giai tác nhân, khả trị lễ dã."* Câu này đã có từ lâu, từ thời Minh và có thể từ đời Đường, Tống. Thường đọc ba chữ một. Ý nghĩa không được rõ lắm, nhưng đại khái là kể sự nghiệp của Khổng Tử. Những chữ này lại giản đơn nên dùng để tập đồ. Ở ta ngày nay trước đi học chữ nho, cũng lấy câu này tập đồ. (N.D)

- Lấy sách không phải là ăn cắp! Có biết chữ mới lấy sách chứ? Thế mà bảo là ăn cắp được à?

Tiếp theo là những câu khó hiểu nào là "Quân tử cố cùng"[1], nào là gì gì "giả hồ", làm cho mọi người cười dậy lên. Trong quán ngoài quán không khí nhộn hẳn.

Nghe người ta bàn tán riêng với nhau thì bác Khổng Ất Kỷ vốn cũng có học, nhưng thi mãi không đỗ, lại không biết làm gì ra ăn, do đó càng ngày càng túng quẫn đến nỗi gần phải đi ăn xin. May được cái viết chữ tốt nên đi chép sách thuê kiếm cơm. Khổ một nỗi, tính nết không ra gì, thích rượu mà lại nhác làm. Ngồi chép được vài hôm, thế là cả người lẫn sách vở, giấy bút, nghiên mực đều biến mất tang. Mấy lần như vậy, chẳng ai thuê chép nữa. Không còn cách nào khác, bác ta đôi khi phải giở ngón xoáy. Nhưng ở quán rượu chúng tôi thì bác ta đứng đắn hơn ai hết, lúc nào cũng sòng phẳng. Có khi không có tiền mặt thì tạm ghi vào bảng. Nhưng chưa hết tháng, thế nào cũng trả đủ rồi và tên bác ta lại được xóa đi.

Bác Khổng Ất Kỷ uống hết nửa bát rượu thì sắc mặt lại đã trắng dã ra y như trước không đỏ nữa. Có người đứng cạnh lại hỏi:

- Ông Khổng Ất Kỷ này! Ông biết chữ thật đấy chứ?

Bác ta nguýt một cái, tỏ ý không thèm cãi lại. Thì họ đã nói tiếp:

- Làm thế nào mà đến một chút tú tài cũng không gỡ

---

[1] *Quân tử cố cùng*, chữ trong sách *Luận ngữ*, nghĩa là người quân tử dù trong lúc cùng khốn cũng giữ trọn tiết, không thay đổi.

được hả?

Tức thì trông bác ta tiều tụy, bối rối hẳn, mặt tái mét, miệng lẩm bẩm cái gì. Lần này thì toàn là những *chi hồ giả dã*, không hiểu chút gì cả. Lúc ấy, mọi người lại cười dậy lên. Trong quán ngoài quán không khí nhộn hẳn.

Nhân những dịp đó, tôi cũng có thể cười góp vào, ông chủ quán không mắng. Vả lại, mỗi lần thấy bác Khổng Ất Kỷ, ông ta cũng thường hỏi đùa như thế làm cho ai nấy phải bật cười. Bác Khổng Ất Kỷ biết là mình không thể cùng nói chuyện với những người kia được, bèn quay lại nói chuyện với bọn trẻ con. Có lần bác ta hỏi tôi:

- Đã đi học chưa?

Tôi sẽ gật đầu.

- Đi học rồi à. Để ta khảo xem nào! Chữ *hồi* trong *đậu hồi hương* viết như thế nào nào?

Tôi nghĩ bụng: người dáng như ăn mày thế kia mà lại dám khảo mình ư? Tôi quay mặt đi, không buồn trả lời. Chờ một hồi lâu, bác ta nói, giọng khẩn thiết:

- Không biết à? Để ta bày cho. Nhớ lấy nhé! Những chữ ấy thì phải nhớ mới được. Tương lai làm ông chủ quán, biên sổ sách thì phải dùng đến đấy!

Tôi nghĩ bụng; giữa ông chủ quán với tôi còn cách bậc nhiều lắm, mà ông chủ quán của tôi có bao giờ ghi chữ đậu hồi hương vào sổ đâu! Vừa buồn cười, vừa khó chịu, tôi uể oải:

- Ai mượn bác bày. Chẳng phải là *tháo đầu* trên chữ *hồi*

là vẻ là gì?

Bác ta ra vẻ rất thích thú, gõ hai móng tay dài xuống mặt quầy, gật đầu nói:

- Giỏi đấy! Giỏi đấy! Chữ hồi có bốn cách viết, biết không?

Tôi càng khó chịu, bĩu môi bỏ đi.

Bác ta vừa nhúng móng tay vào rượu định viết lên mặt quầy, nhưng thấy tôi thờ ơ thì lại thở dài, tỏ vẻ tiếc cho tôi lắm.

Có mấy lần, bọn trẻ con hàng xóm nghe tiếng cười cũng chạy đến xem, vây lấy bác ta, bác ta lấy đậu cho mỗi đứa một hột. Ăn hết đậu, chúng nó vẫn đứng đấy không đi, mắt nhìn dán vào cái đĩa. Bác ta hoảng lên, xòe cả năm ngón tay úp lấy đĩa, cúi khom xuống nói:

- Chẳng còn bao nhiêu nữa!

Rồi đứng thẳng dậy, nhìn đĩa đậu, lắc đầu:

- Không nhiều nữa. Nhiều ư? Có nhiều đâu![1]

Thế là bọn trẻ con cười ồ lên, chạy tứ tán.

Bác Khổng Ất Kỷ mua vui cho người ta vậy đó, nhưng không có bác thì cũng thế thôi!

Một hôm, hình như vào khoảng hai ba ngày trước tết Trung thu, ông chủ quán ngồi tính tiền. Ông ta hạ tấm bảng xuống, bỗng dưng nói:

- Đã lâu không thấy lão Khổng Ất Kỷ đâu nhỉ? Còn nợ

---

[1] Câu này nguyên văn là: *Đa hồ tai, bất đa dã* chữ trong sách *Luận ngữ*.

mười chín đồng chinh kia đấy!

Tôi mới sực nhớ ra là đã lâu lắm bác ta không đến quán thật. Một người khách nói:

- Làm thế nào mà đến được! Bị đánh què chân rồi!

Ông chủ quán nói:

- Thế à?

- Vẫn giữ cái thói ăn cắp. Lần này điên hay sao mà lại nhè nhà cụ Cử Đinh mà ăn cắp. Của nhà ấy mà hòng ăn cắp à?

- Rồi thế nào?

- Rồi thế nào à! Rồi viết tờ thú, xong là lôi ra đánh suốt đêm, què chân mới thôi!

- Rồi thế nào nữa?

- Rồi què chân.

- Què chân rồi thế nào nữa?

- Thế nào, ai mà biết được. Có lẽ chết rồi cũng nên.

Ông chủ quán không hỏi nữa, cứ ngồi thong thả tính tiền.

Tết Trung thu qua. Gió thu càng ngày càng lạnh, xem chừng gần sang đông. Tôi suốt ngày đứng cạnh lò cũng phải mặc áo bông. Một buổi chiều, quán rượu vắng khách. Tôi đang ngồi, mắt lim dim, bỗng nghe có tiếng ai gọi:

- Hàm cho một bát rượu nhé!

Tiếng nho nhỏ nhưng nghe quen lắm. Nhìn chẳng thấy ai cả. Đứng dậy nhòm ra thì là bác Khổng Ất Kỷ đang ngồi

trệt dưới quày, ngay chỗ bậc cửa. Mặt bác ta đen sạm, vỏ vàng, trông không ra hồn người. Bác ta mặc một chiếc áo kép rách, ngồi xếp bằng hai chân, dưới lót một tấm bao lác có hai dây thừng bằng rơm treo ở vai. Bác ta nhìn thấy tôi lại nói:

- Hâm cho một bát rượu!

Ông chủ quán cũng thò đầu ra nhìn và lên tiếng:

- Khổng Ất Kỷ đấy à? Còn nợ mười chín đồng chinh đấy nhé!

Bác ta ngửng mặt lên có vẻ tiều tụy:

- Món ấy... lần sau sẽ hay. Bây giờ, có tiền mặt. Rượu ngon đấy nhé!

Ông chủ quán vẫn như mọi lần, nhìn bác ta cười:

- Lại xoáy của ai cái gì rồi?

Nhưng lần này, bác ta không chối hẳn, chỉ nói một câu:

- Thôi đừng đùa.

- Đùa à! Không xoáy thì sao lại bị đánh què chân thế kia!

Bác ta nói khe khẽ:

- Ngã què... Ngã ... Ngã...

Mắt bác ta nhìn ông chủ quán trông có vẻ van xin đừng nói nữa. Lúc đó, có mấy người cũng vừa đến. Họ cùng ông chủ quán cười dậy lên. Tôi hâm rượu, bưng ra đặt trên bậc cửa. Bác ta nắn trong túi áo rách lấy ra bốn đồng chinh bỏ vào tay tôi. Tôi thấy tay bác lấm những bùn. Thì ra bác ta đi bằng tay! Một lát sau, uống hết rượu, bác ta thong thả chống

tay lết đi giữa tiếng nói tiếng cười của những người xung quanh.

Từ đó về sau, lâu lắm, tôi không hề thấy bác Khổng Ất Kỷ đâu nữa. Cuối năm, ông chủ quán hạ tấm bảng xuống, nói:

- Lão Khổng Ất Kỷ còn nợ mười chín đồng kia đấy!

Đến tết Đoan Ngọ năm sau, lại nói:

- Lão Khổng Ất Kỷ còn nợ mười chín đồng chinh kia đấy!

Đến tết Trung thu thì không nghe nói nữa, và cuối năm, cũng chẳng thấy bác ta đến.

Cho đến bây giờ tôi chẳng hề gặp lại, có lẽ bác Khổng Ất Tử chết thật rồi chăng?

Tháng 3 năm 1919

THUỐC*

I

Một đêm thu gần về sáng, trăng lặn rồi, nhưng mặt trời chưa mọc. Tầng không xanh thẳm. Ngoài những giống đi ăn đêm, còn thì ngủ say cả. Lão Hoa Thuyên bỗng dậy, đánh diêm, thắp cái đèn nhầy nhụa những dầu là dầu. Ánh đèn trắng xanh sáng khắp hai gian quán trà.

- Bố thằng Thuyên đi đấy à?

Đó là tiếng một người đàn bà đã có tuổi. Ở buồng phía trong bỗng nổi lên một cơn ho.

- Ừ.

Lão vừa trả lời, vừa lắng tai nghe tiếng ho, vừa cài nút áo, rồi chìa tay ra, nối tiếp:

---

* *Thuốc* đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Tân thanh niên*, số tháng 5 năm 1919. Hạ Du, nhân vật trong truyện, ám chỉ nữ sĩ Thu Cận, một nhà cách mạng cuối đời Thanh, bị hại sau Từ Tích Lân, ngay ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, quê tác giả. Chỗ Thu Cận bị hành hình là con đường Hiến đình Khẩu, nội thành Thiệu Hưng. Cạnh đường có một nhà bia, trên có treo cái biển đề bốn chữ: "Cổ hiến đình khẩu". Bốn chữ này, đoạn sau có nhắc tới. Thu Cận và Từ Tích Lân đều là người Thiệu Hưng, cùng quê với Lỗ Tấn, cùng lưu học ở Nhật Bản với Lỗ Tấn. Trong bài *Anh Phạm ái Nông (Nhật cảnh hoa tàn* - Tập văn, tập hai - Nhà xuất bản Văn học) có một đoạn nói: "Sau khi du học về nước, anh (Phạm Ái Nông) làm hầu bổ đạo An Huy, phụ trách tuần cảnh, một địa vị rất thích hợp để mưu sát tên tuần vũ nọ". "Tiếp theo đó, mọi người đều đoán là anh sẽ bị cực hình, họ hàng sẽ bị liên luỵ. Không bao lâu, lại có tin chị Thu Cận bị giết ở Thiệu Hưng. Ông Từ Tích Lân thì bị moi gan, bọn lính tay chân của Ân Minh xào lên ăn sạch. Ai cũng hết sức giận".

- Đưa đây tôi.

Bà Hoa sờ soạng một lúc lâu dưới gối, lấy ra một gói bạc đồng, đưa cho chồng. Lão cầm lấy, bỏ vào túi áo, tay run run, vuốt hai ba lần phía ngoài túi, rồi thắp cái đèn lồng, tắt ngọn đèn con, đi vào buồng phía trong. Buồng phía trong có tiếng động lạch cạch, tiếp theo là một cơn ho. Đợi cơn ho dứt, lão mới khẽ nói:

- Thuyên à! Con cứ nằm đấy ! Công việc dọn hàng để mẹ con lo cho.

Không nghe con nói gì, lão cho rằng nó đã yên tâm nằm ngủ lại rồi, bèn mở cửa đi ra. Bên ngoài, trời tối om, và hết sức vắng. Chỉ mặt đường xam xám là trông thấy rõ. Chiếc đèn lồng chiếu thẳng vào hai chân lão bước đều đều. Thỉnh thoảng, gặp một vài con chó, nhưng chẳng con nào buồn sủa. Trời lạnh hơn trong nhà nhiều, nhưng lão cảm thấy sảng khoái, như bỗng dưng mình trẻ lại, và ai cho phép thần thông cải tử hoàn sinh. Lão bước những bước thật dài. Trời cũng sáng dần và đường cũng càng lâu càng rõ.

Đang chăm chú bước, bỗng lão giật mình nhìn thấy ngã ba đường đằng xa, trước mắt. Lão quay lại, đi mấy bước, tìm một cửa hiệu còn đóng kín mít, rẽ vào dưới mái hiên, tựa lưng vào cửa. Một lúc lâu, lão thấy hơi lành lạnh.

- Hừ!! Một ông già!

- Thích nhé!...

Lão lại giật mình, trố mắt nhìn. Có mấy người đi qua. Một người còn quay đầu lại nhìn lão. Lão không trông rõ là ai, nhưng còn quay đầu lại nhìn lão. Lão không trông rõ là ai, nhưng thất ánh mắt cú vọ ngời lên, như người đói lâu

ngày thấy cơm. Lão nhìn chiếc đèn lồng. Đèn tắt rồi. Lão đặt tay lên túi áo. Gói bạc vẫn cồm cộm ở đấy. Ngước đầu nhịn xung quanh, lão thấy bao nhiêu người kỳ dị hết sức, cứ hai ba người một, đi đi lại lại như những bóng ma. Nhưng nhìn kỹ thì lại chẳng lấy gì làm quái lạ nữa.

Một lát, lại thấy mấy người lính đi đi lại lại. Đăng xa cũng thấy rõ miếng vải tròn màu trắng ở vạt áo trước và vạt áo sau: khi họ đi qua trước mắt thì thấy cả đường viền màu đỏ thắm trên chiếc áo dấu[1]. Tiếng chân bước ào ào. Trong nháy mắt, bao nhiêu người đi qua. Những người tụm năm tụm ba lúc nãy bỗng cũng dồn lại một chỗ, rồi xô nhào tới như nước thuỷ triều. Gần đến ngã ba đường thì bỗng đứng dừng lại, quây thành một nửa vòng tròn.

Lão Thuyên cũng nhìn về phía đó, nhưng chỉ thấy lưng người mà thôi. Người nào người nấy dướn cổ ra như cổ vịt bị một bàn tay vô hình nắm lấy xách lên. Im lặng một lát . Bỗng hình như có tiếng động. Rồi cả đám xô đẩy nhau ào ào, lùi về phía sau đèn chỗ lão đứng, chen lão suýt nữa ngã.

- Này! Tiền trao cháo múc, đưa đây!

Một người áo quần đen ngòm đứng trước mặt lão, mắt sắc như hai lưỡi đao chọc thẳng vào lão làm lão co rúm lại. Hắn xòe về phía lão một bàn tay to tướng, tay kia cầm một chiếc bánh bao nhuốm máu, đỏ tươi, máu còn nhỏ từng giọt, từng giọt[2]

---

[1] Áo lính ngày xưa

[2] Ở Trung Quốc, trước kia, có tục mê tín, cho rằng máu người có thể trị được bệnh lao. Mỗi khi có tù bị chém, thường có người đến mua những chiếc bánh mà tên đao phủ đã tẩm máu, đưa về cho người bệnh ăn.

Lão vội vàng móc gói bạc trong túi ra, run run đưa cho hắn, nhưng lại ngại không dám cầm chiếc bánh. Hắn sốt ruột, nói to:

- Sợ cái gì? Sao không cầm lấy

Lão còn trù trừ. Người mặc đồ đen giật lấy chiếc đèn lồng, xé toạc tờ giấy dán bên ngoài, bọc chiếc bánh lại nhét vào tay lão, tay kia thì giật lấy gói bạc, nắn nắn, rồi quay đi, miệng càu nhàu.

- Cái lão này!

- Chữa cho ai đây?

Lão Thuyên nghe hình như có người nào hỏi nhưng lão không trả lời. Lúc này, lão còn để hết tinh thần vào cái gói bánh như nhà mười đời độc đinh nâng niu con, không chú ý đến gì nữa. Lão sẽ mang cái gói này về nhà, đem sinh mệnh lại cho con lão, và lão sẽ sung sướng biết bao!

Mặt trời đã mọc, chiếu sáng con đường lớn đi về nhà lão, và cũng chiếu sáng cái bảng mục nát trên cái nhà bia ở ngã ba đường sau lưng lão, có đề bốn chữ thếp vàng đã nhạt màu: *Cổ...đình khẩu*[1]

II

Lão Thuyên về đến nhà thì quán hàng đã bày biện sạch sẽ, các dãy bàn trơn bóng sắp đặt ngăn nắp. Nhưng không có khách, chỉ có thằng Thuyên đang ngồi ăn cơm ở cái bàn ở dãy phía trong, mồ hôi trán nhỏ từng giọt to tướng, chiếc áo kép dính vào xương sống, hai xương vai gồ lên thành chữ

---

[1] Tức *Cổ hiền đình khẩu* ở cái nhà bia đường Hiền đình khẩu, chỗ Thu Cận bị hành hình. Tác giả cố ý để trống chữ Hiền không viết.

"bát" in nổi. Thấy vậy, lão không khỏi chau mày. Bà Hoa từ trong bếp vội vã chạy ra, giương to mắt nói, đôi môi run run:

- Có được không?

- Được rồi!

Hai người cùng trở vào bếp, bàn bạc một hồi. Bà Hoa lại đi ra, một lát cầm một cánh lá sen già, cầm chiếc bánh đầm mãu, lấy lá sen bọc lại. Thằng Thuyên đã ăn xong. Bà Hoa vội nói:

- Thuyên, con cứ ngồi đấy, đừng vào trong này!

Lão Thuyên vừa thổi lửa trong bếp, vừa cầm cái gói lá xanh và cái chao đèn rách loang lổ máu, đúi vào bếp,. Ngọn lửa đỏ sầm bốc lên. Một mùi thơm quái lạ tràn ngập cả quán trà.

- Thơm ghê nhỉ! Hai bác ăn quà sáng gì đấy?

Cậu Nam Gù đi vào. Cậu ta ngày nào cũng lê la ở cái quán này, thường đến sớm nhất mà cũng về muộn hơn ai hết. Vừa đi vào, cậu ta liền ngồi vào cái bàn ở góc tường phía ngoài gần đường cái, hỏi ngay. Nhưng không ai trả lời.

- Rang cơm đấy à?

Vẫn không ai trả lời. Lão Thuyên vội vàng chạy ra, pha trà cho cậu.

- Thuyên ơi! Vào đây con!

Tranh minh họa "Thuốc" của Cô Bình Hãm

Bà Hoa gọi con vào nhà trong, giữa nhà đặt sẵn một chiếc ghế đẩu. Thuyên ngồi xuống. Bà ta bưng một cái đĩa lại, trên đĩa có vật gì tròn tròn, đen thui, nói rất khẽ:

- Ăn đi con! Sẽ khỏi ngay thôi!...

Thuyên cầm lấy vật đen thui, nhìn một lúc, có cảm giác rất lạ không biết thế nào mà nói, như đang cầm tính mệnh của chính mình trong tay. Y bẻ đôi ra, rất cẩn thận. Một làn hơi trắng bốc ra từ lần vỏ cháy sém. Làn hơi tan dần, mới thấy đó là hai nửa miếng bánh báo bằng bột mì trắng. Không bao lâu, chiếc bánh đã nằm gọn trong bụng, mùi vị như thế nào thì cũng đã quên rồi. Trước mắt chỉ còn trơ lại chiếc đĩa không. Lão Thuyên đứng một bên, bà Hoa đứng một bên, trố mắt nhìn con như muốn rót vào người con một cái gì, đồng thời cũng muốn lấy ra một cái gì. Thuyên nghe tim mình đập mạnh không sao cầm nổi, đưa tay vuốt ngực. Lại một cơn ho.

- Thôi con đi ngủ một giấc, sẽ khỏi ngay!

Thuyên nghe lời mẹ, vừa ho vừa nằm xuống. Đợi nghe tiếng thở dìu dịu, bà Hoa mới nhẹ nhàng lấy chiếc mền kép vá chằng chịt đắp cho con.

III

Quán trà đã đông khác. Lão Thuyên cũng bận, tay xách chiếc ấm đồng lớn, đi đi lại lại pha trà. Hai mắt lão thâm quầng.

Một người râu hoa râm nói:

- Ông Thuyên à! Mệt phải không? Hay là ốm đấy?

- Có làm sao đâu!

Người râu hoa râm chữa lời:

- Không sao à? Ừ, nghe tiếng cười thì không ra cười ốm!

- Chỉ vì ông ta lận đận quá ! Giá thằng con...

Cậu Năm Gù chưa dứt lời thì một thằng mặt thịt ngang phè từ ngoài đâm sầm vào. Hắn mặc chiếc áo vải màu huyền, không gài khuy. Dải thắt lưng cũng màu huyền cuốn ở ngoài xộc xệch. Vừa vào đã nói oang oang:

- Đã ăn chưa? Đỡ rồi chứ? Ông Thuyên này! May phúc cho nhà anh đấy nhé! Phúc nhà ông, đấy là nhờ tôi biết tin sớm...

Lão Thuyên một tay xách ấm trà, một tay buông xuống, vẻ cung kính, cười hề hề, lắng tai nghe hắn nói. Cả quán cũng cung kính lắng ta nghe hắn nói. Bà Hoa mắt cũng thâm quầng, tươi cười, mang đến trước mặt hắn một cái chén và một nhúm trà và thêm vào một quả trám. Lão Thuyên liền đem nước sôi lại chế.

Người mặt thịt ngang phè vẫn nói oang oang:

- Cam đoan thế nào cũng khỏi. Thứ thuốc này đặc biệt lắm. Ông tính lấy về còn nóng hổi, và ăn cũng còn nóng hổi.

Bà Hoa cám ơn hắn hết lời:

- Thật đấy! Không có bác Khang đây giúp cho thì đừng có hòng ...

- Cam đoan thế nào cũng khỏi. Ăn còn nóng hôi hổi thế

kia mà! Bánh bao tẩm máu người như thế, lao gì ăn mà chẳng khỏi.

Bà Hoa nghe nói đến "lao", sắc mặt đổi khác, ý không được vui, có điều cũng gượng cười, bỏ đi, ngượng nghịu. Nhưng bác Cả Khang không để ý đến, cứ giương cổ nói oang oang, đến nỗi thằng Thuyên nằm ngủ trong nhà cũng phải ho lên như phụ họa theo.

- Ừ, thằng Thuyên nhà ông may phúc thật ! Nhất định khỏi thôi mà! Chẳng trách gì ông cứ cười cả ngày!

Người râu hoa râm vừa nói vừa đi lại trước mặt bác Cả Khang, hạ thấp giọng nói:

- Bác Cả này! Nghe nói tên phạm chém hôm nay là người họ Hạ. Con nhà ai đấy nhỉ? Tội gì thế hở bác?

- Con nhà ai nữa! Con nhà bác Tứ chứ con nhà ai? Thằng quỷ sứ!

Bác Cả Khang thấy mọi người vểnh tai nghe, lấy làm thú lắm, những thớ thịt trên mặt nổi từng cục. Bác ta cao hứng nói càng to:

- Cái thằng nhãi con ấy không muốn sống nữa, thế thôi. Lần này tớ chẳng nước mẹ gì. Đến cái áo nó cởi ra cũng lão Nghĩa, cái lão đểu lao, mắt đỏ như mắt cá chép ấy, lấy mất. May nhất có thể nói là ông Thuyên nhà này, thứ đến là cụ Ba. Cụ ta được thưởng hai mươi lạng bạc trắng xóa, một mình bỏ túi tất, chẳng mất cho ai một đồng kẽm.

Thằng Thuyên từ trong nhà đi ra, bước chậm chạp, hai tay ôm ngực, ho lấy ho để. Y vào bếp, xúc một bát cơm nguội chan ít nước nóng, ngồi ăn. Bà Hoa bước theo con, khẽ

hỏi:

- Thuyên! Con có đỡ tí nào không,con? Con vẫn cứ hay đói bụng thế à?

- Cam đoan khỏi mà!

Bác Cả Khang liếc nhìn thằng Thuyên một cái, rồi quay lại tiếp tục câu chuyện với mọi người.

- Cụ Ba đến là khôn! Giá cụ ta không đem thằng cháu ra thú thì cả nhà mất đầu hết. Nay thì được bao nhiêu là bạc! Còn cái thằng nhãi con ấy thì chẳng ra cái thá gì hết. Nằm tù rồi mà còn dám rủ lão đề lao làm giặc!

Một anh chàng trạc hai mươi tuổi ngồi dãy bàn sau nghe nói tức máu:

- Ái chà chà! Ghê nhỉ!

- Anh có biết không, lão Nghĩa mắt cá chép đến lân la hỏi dò hàn thì hắn bắt chuyện ngay. Hắn nói: Thiên hạ nhà Mãn Thanh chính là của chúng ta"[1] Thử nghĩ xem, nói thế mà nói được à? Lão Nghĩa mắt cá chép cũng biết nhà hắn chỉ có mụ mẹ già, nhưng không ngờ hắn lại nghèo gặm không ra đến như thế, đã anh ách rồi, thế mà hắn lại còn vuốt râu cọp, nên lão ta liền đánh cho hai bạt tai.

Cậu Năm Gù ngồi ở góc tường, nghe nói, thud quá:

- Lão Nghĩa là tay võ rất cừ, hai cái tát ấy cũng đủ cho hắn ta xài dây nhi.

---

[1] Những nhà cách mạng Trung Quốc năm 1907 hô hào đồng bào nổi dậy chống Mãn Thanh, thường đưa ra khẩu hiệu : "Tiên hạ nhà Mãn Thanh là của chúng ta", nghĩa là nước Trung Quốc là của người Trung Quốc.

- Cái thằng khốn nạn! Đánh, có sợ đâu! Lại còn nói: Thật đáng thương hại, thật đáng thương hại!

Người râu hoa râm nói:

- Đánh cái đồ ấy, thương hại cái gì?

Bác Cả Khang tỏ vẻ khinh bỉ, cười nhạt:

- Ông chưa nghe ra, xem bộ mặt hắn lúc đó, thì hắn muốn nói: đáng thương hại, là lão Nghĩa đáng thương hại kia!

Mắt ai nấy bỗng ngơ ngác. Không ai nói gì cả.

Thằng Thuyên đã ăn cơm xong, mồ hôi ướt đẫm, trên đầu hơi bốc phừng phừng.

Người râu hoa râm vỡ nhẽ, nói:

- Lão Nghĩa mà đáng thương hại à? Điên! Hắn điên thật rồi!

Anh chàng hai mươi tuổi cũng vỡ nhẽ:

- Điên thật rồi!

Khách trong quán lại nhao nhao lên, nói nói cười cười. Thằng Thuyên cũng thừa dịp ho cố mạng. Bác Cả Khang chạy lại, vỗ vai, nói:

- Thuyên à! Cam đoan thế nào mày cũng khỏi. Mày đừng ho như thế. Cam đoan thế nào cũng khỏi.

Cậu Năm gật gù nói:

- Điên thật rồi!

IV

Miếng đất dọc chân thành phía ngoài cửa Tây vốn là đất công. Ở giữa có con đường nhỏ hẹp, cong queo, do những người hay đi tắt giẫm mãi thành đường. Đó cũng lại làcái ranh giới tự nhiên giữa nghĩa địa những người chết chém hoặc chết tù, ở phía tay trái, và nghĩa địa những người nghèo ở về phía tay phải. Cả hai nơi, mộ dày khít, lớp này lớp khác, như bánh bao nhà giàu mừng thọ.

Tiết thanh minh ấy, trời lạnh lắm. Những cây dương liễu mới đâm ra được những mầm non bằng nửa hạt gạo. Trời rạng sáng đã thấy bà Hoa bày ra trước mộ mới đắp, bên phải đường mòn, một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, rồi khóc một hồi. Đốt xong thếp vàng giấy, bà ta ngồi bệt xuống đất, ngẩn ngơ như đang chờ đợi cái gì. Chính bà ta cũng chẳng biết bà ta chờ đợi cái gì nữa. Gió hiu hiu thổi vào mớ tóc cắt ngắn của bà ta, so với năm ngoái chắc là bạc nhiều lắm rồi.

Lại một người đàn bà khác đang đi dọc đường mòn, tóc cũng bạc một nửa, áo quần rách rưới, tay xách chiếc giỏ tròn sơn đỏ, cũ nát, phía ngoài giắt thếp vàng giấy, cứ đi ba bước, lại dừng dừng lại. Chợt thấy bà Hoa ngồi bệt giữa đất đang nhìn mình thì bà kia ngập ngừng không dám bước tới nữa, sắc mặt xanh xao bỗng hơi đỏ lên vì xấu hổ, nhưng rồi cũng đánh liều đi tới trước nấm mộ bên trái đường mòn, đặt chiếc giỏ xuống.

Nấm mộ này với nấm mộ thằng Thuyên nằm cùng một hàng, chỉ cách con đường mòn ở giữa. Thấy bà kia cũng bày ra một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, đứng khóc một hồi, rồi đốt vàng, thì bà Hoa trong bụng nghĩ thầm: "Chắc cũng là con

chết!". Bà kia nhìn vơ vẩn xunh quanh một lát, bỗng tay chân run lên, rồi loạng choạng lùi lại mấy bước, mắt trợn trừng, ngơ ngác.

Thấy thế, bà Hoa sợ bà kia thương con quá phát điên chăng, cầm lòng không đậu, bèn đứng dậy, bước sang bên kia đường mòn, khẽ nói:

- Bà ơi! Thôi mà, thương xót làm chi nữa! Ta về đi thôi!

Bà kia hơi gật đầu, nhưng mắt vẫn trừng trừng rồi ấp úng nói khe khẽ:

- Kìa... bà trông kia kìa, cái gì thế này?

Bà Hoa nhìn theo ngón tay chỉ, thấy nấm mộ trước mặt, cỏ xanh khắp, còn loang lổ từng mẩu đất vàng khè rất khó coi; lại nhìn kỹ phía trên, bất giác giật mình. Rõ ràng có một vòng hoa, hoa trắng hoa hồng xen lẫn nhau, nằm khoanh trên nấm mộ khum khum.

Cả hai bà, mắt loà từ lâu rồi, nhưng nhìn những cánh hoa trắng hoa hồng kia thì còn thấy rõ. Hoa không nhiều lắm, xếp thành vòng tròn, không lấy gì làm đẹp, nhưng cũng chỉnh tề[1].Bà Hoa vội nhìn về phía mộ con mình và những nấm mộ khác xung quanh, chỉ thấy lác đác vài nụ hoa bé tí, trắng trắng, xanh xanh, tuy trời giá lạnh nhưng cũng chưa tàn. Bà ta bỗng thấy lòng trống trải, không thỏa, nhưng rồi cũng không muốn suy nghĩ thêm. Bà kia bước lại gần mộ

---

[1] Chính là vòng hoa mà trong bài *Tựa viết lấy*, Lỗ Tấn nói đã thêm vào mộ anh Du. Vòng hoa này chứng tỏ tinh thần lạc quan của tác giả tin tưởng ở cách mạng; mặc dù lúc bấy giờ những người cách mạng bị khủng bố ráo riết, và chính tác giả đang có một tâm trạng hết sức bi đát.

con, nhìn kỹ một lượt, rồi nói một mình: "Hoa không có gốc, không phải dưới đất mọc lên! Ai đã đến đây? Trẻ con không thể đến chơi. Bà con họ hàng nhất là không ai đến rồi!... Thế này là thế nào?. Nghĩ rồi lại nghĩ, bỗng nước mắt trào ra, bà ta khóc to.

- Du ơi! Oan con lắm Du ơi! Chắc con không quên được, và con đau lòng lắm, phải không con? Con hiển hiện lên cho mẹ biết, con ơi!

Bà ta nhìn xung quanh, chỉ thấy một con quạ đen đậu trên cành khô trụi lá. Rồi lại khóc:

- Mẹ biết rồi! Du ơi! Trời còn có mắt, chúng nó giết con thì trời sẽ báo hại chúng nó thôi! Du ơi! Con nhắm mắt thế cũng yên phận con. Hồn con còn ở đâu đây thì hẳng nghe lời mẹ nói. Con ứng vào con quạ kia, đến đậu vào nấm mộ con cho mẹ xem, con ơi!

Gió đã tắt. Những ngọn cỏ khô đứng thẳng tắp như những sợi dây đồng. Một tiếng rên rỉ run run đưa lên giữa không trung, nhỏ dần, nhỏ dần, rồi tắt hẳn. Xung quanh vắng lặng như tờ. Hai bà già đứng giữa đám cỏ khô, ngước mắt nhìn con quạ. Con quạ vẫn đậu trên cành khô trụi lá, rụt cổ lại, im lìm như đúc bằng sắt.

Một lúc lâu, người đi viếng càng đông. Bóng kẻ già người trẻ thấp thoáng giữa các nấm mộ.

Không hiểu sao, bà Hoa cảm thấy người nhẹ đi như cất được gánh nặng. Bà ta nghĩ đến chuyện về, khuyên giải bà kia:

- Ta về đi thôi!

Bà kia thở dài một cái, uể oải thu dọn bát đĩa, lại chần chừ một lúc, rồi cũng chậm rãi bước đi, lẩm bẩm nói một mình:

- Thế là thế nào nhỉ?

Hai bà đi, chưa được vài ba chục bước, bỗng nghe sau lưng một tiếng "Cọa...ạ" rất to. Hai bà giật mình, ngoảnh lại, thì thấy con quạ xòe đôi cánh, nhún mình, rồi như một mũi tên, vút bay thẳng về phía chân trời xa.

Tháng 4 năm 1919

NGÀY MAI*

- Không nghe động tĩnh gì cả. Chẳng biết thằng bé thế nào rồi?

Củng mũi đỏ tay cầm chén rượu hoàng tửu, vừa nói vừa trề môi về phía gian nhà bên cạnh. Năm da chàm liền đặt chén rượu của y xuống, ráng sức đấm một cái thật mạnh vào sống lưng Củng mũi đỏ, nói ấp a ấp úng:

- Đằng ấy... lại tương tư đấy à... ?

Lỗ-Trấn vốn là nơi hẻo lánh, còn giữ ít thói tục cổ: chưa hết canh một, người ta đã đóng cửa đi ngủ rồi. Chỉ có hai nhà thức khuya nhất là quán rượu Hàm Hanh, mấy tay bạn bè rượu thịt với nhau còn vây lấy cái quầy, đánh chén thú vị lắm; nhà nữa là nhà chị Tư Thiền ở gian bên cạnh. Chị goá chồng năm kia, ở vậy, phải nhờ vào hai bàn tay kéo sợi mà nuôi thân và nuôi đứa con trai lên ba, nên cũng ngủ muộn.

Mấy hôm nay, quả không nghe thấy tiếng chị quay sợi thật. Đã nói chỉ có hai nhà thức khuya, nên bên chị Tư động tĩnh gì tự nhiên bọn Củng mũi đỏ biết, mà không động tĩnh gì, bọn Củng mũi đỏ cũng biết.

Củng bị đấm, nhưng vẫn nốc một ngụm rượu to tướng,

---

* Truyện này đăng lần đầu tiên ở tờ *Nguyệt san tân trào* tháng 10 năm 1919. Nhưng dịt bài lại đề ngày 6 năm 1920 vì báo ra chậm.

vẻ khoan khoái lắm, rồi hát một bài hát tuồng, giọng ồ ồ.

Lúc đó chị Tư đang ngồi ở mé giường ẵm thằng Bấu trong tay, cái xe quay lặng lẽ nằm dưới đất. Dưới ánh đèn mờ mờ chiếu vào mặt đứa bé. Mặt đứa bé đỏ gay, nhưng nước da vẫn thấy xanh xanh. Chị nghĩ thầm trong bụng: "Xăm cũng xin rồi, cầu nguyện cũng đã cầu nguyện rồi, thuốc cũng đã cho uống rồi, vẫn không có hiệu quả, thì làm thế nào? Chỉ có cách đến nhà cụ Hồ Tiểu Tiên nhờ cụ bắt mạch cho xem sao". Nhưng bệnh thằng Bấu có lẽ nặng về ban đêm. Cứ đến sáng, mặt trời mọc là cơn sốt cũng lui, hơi thở cũng bình thường, thực ra con bệnh nào thường chẳng thế!

Chị Tư là đàn bà quê mùa, không biết rằng chữ "nhưng" là đáng sợ lắm. Bao nhiêu việc xấu nhờ nó mà trở thành tốt; trái lại bao nhiêu việc tốt vì nó mà không ra gì. Mùa hè đêm ngắn, tiếng hát Cùng mũi đỏ dứt chưa bao lâu, thì đằng đông đã rạng. Một lát, ánh sáng trắng như bạc đã rọi qua khe cửa sổ.

Chị Tư Thiền chờ cho trời sáng; người khác thấy chóng, nhưng chị thì thấy sao mà lâu thế! Thời gian thằng Bấu thở ra thở vào được một cái, chị thấy dài hơn một năm. Bây giờ thì trời đã sáng hẳn rồi. Ánh mặt trời át hẳn ánh đèn trông thấy rõ hai cánh mũi đứa bé cứ phập phồng theo hơi thở.

Chị Tư biết là không hay, khẽ kêu một tiếng: "Chao ôi!" Chị nghĩ trong bụng: "Làm thế nào bây giờ? Chỉ còn cách là đến nhờ nhà cụ Hà xem mạch cho nữa thôi!". Chị là người quê mùa, nhưng tính cũng cương quyết. Chị đứng dậy, lấy trong hòm gỗ ra mười ba đồng hào và một trăm tám mươi

đồng chính, dành dụm bao nhiêu lâu nay, bỏ cả vào túi áo, khoá cửa lại, ẵm con đi đến nhà cụ Hà.

Còn sớm lắm mà nhà cụ Hà đã có bốn con bệnh đến ngồi chực đấy rồi. Chị Tư lấy ra bốn hào mua một chiếc thẻ. Thẻ thứ năm đến lượt thằng Báu. Cụ Hà đưa hai ngón tay ra bắt mạch, móng tay dài có đến bốn tấc. Chị lấy làm lạ lắm và nghĩ bụng: "Thằng Báu chắc không mệnh hệ gì !" Nhưng chị vẫn không khỏi nóng ruột, không dừng được, phải hỏi cho rõ. Chị rụt rè nói:

- Thưa cụ, cháu mắc bệnh gì ạ?

- Nó nghẹt ở trung tiêu[1]

- Có hề gì không ạ? Cháu nó...

- Hãy thử uống hai chén xem sao đã.

- Thưa, cháu nó thở khó khăn lắm. Hai cánh mũi cứ phập phồng.

- Đó là vì *hoả* khắc *kim*[2]

Cụ Hà chưa nói dứt câu đã nhắm mắt lại. Chị Tư cũng không dám hỏi thêm nữa. Lúc đó một người trạc tuổi ba mươi ngồi đối diện với cụ, đã viết xong đơn thuốc chỉ tay vào mấy chữ ở góc tờ giấy, nói:

---

[1]. Theo y học Trung Quốc thời trước thì *Trung tiêu* là quãng giữa dạ dày. *Thượng tiêu* là đầu cuống dạ dày, *hạ tiêu* là cuống bong bóng. Cả ba gọi là tam tiêu, tức là con đường của cơm và nước.

[2]. Thuyết âm dương có ngũ hàng: *kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ*, tương sinh tương khắc. Tương sinh là *mộc* sinh *hoả*, *hoả* sinh *thổ*, *thổ* sinh *kim*, *kim* sinh *thuỷ*, *thuỷ* sinh *mộc*. Tương khắc là *mộc* khắc *thổ*, *thổ* khắc *thuỷ*, *thuỷ* khắc *hoả*, *hoả* khắc *kim*, *kim* khắc *mộc*. Theo trung y ngày trước thì ngũ tạng: tâm, phế, can, tì, thận tương ứng với ngũ hành: hoả, kim, mộc, thổ, thuỷ. Cho nên mới nói *hoả* khắc *kim*

- Cái vị thứ nhất, *Bảo anh hoạt mệnh hoàn* này, phải lại đăng hiệu Tế Thế nhà cụ Giả mới có đấy!

Chị Tư cầm đơn thuốc trong tay vừa đi vừa nghĩ. Chị là người quê mùa, nhưng cũng biết nhà cụ Hà, hiệu thuốc Tế Thế và nhà chị ở xéo nhau trên một hình tam giác. Từ nhà cụ Hà đi qua hiệu Tế Thế mua thuốc, rồi từ đó về nhà cũng tiện đường. Thế là chị đi thẳng đến hiệu Tế Thế. Người bán thuốc móng tay cũng dài, thư thả xem đơn, thư thả gói thuốc. Chị Tư ẵm con, đứng đợi. Thằng Báu giơ tay lên, nắm lấy đầu tóc rối bù của nó mà bứt lấy bứt để. Chưa bao giờ lại như thế này. Chị Tư sợ ngán người.

Mặt trời mọc từ lâu. Chị ẵm con, cầm gói thuốc, càng đi càng thấy nặng. Đứa bé cựa quậy mãi, đường lại càng thấy xa. Không biết làm sao chị lại đành ngồi xuống bậc cửa một cái điếm cạnh đường, nghỉ một lát, thấy áo dính vào da lành lạnh mới biết là mồ hôi ra ướt đẫm. Nhưng hình như thằng Báu đã ngủ thiếp đi rồi. Chị lại đứng dậy đi, bước chậm rãi, vẫn thấy không gắng gượng được nữa. Bỗng nghe tiếng người nào đó nói bên tai:

- Chị Tư, đưa cháu tôi ẵm cho một đoạn nào!

Tiếng ai như tiếng Năm da chàm.

Chị ngước nhìn lên. Đúng là Năm da chàm. Y bước theo chị, mắt còn ngái ngủ.

Lúc bây giờ, chị Tư tuy đang rất mong mỏi có vị thiên tướng nào trên trời sai xuống giúp chị một tay, nhưng chị lại không muốn người đó là anh Năm. Nhưng anh Năm hào hiệp lắm, dù thế nào cũng cứ nhất định giúp chị cho kỳ được. Cho nên chị từ chối một hồi, rốt cuộc phải đưa con cho anh ta ẵm

hộ.

Y luồn tay vào người đứa bé và vú chị, rồi thẳng tay ra, ẵm lấy đứa bé. Chị cảm thấy vú chị nóng bừng, tức thì tai mặt cũng nóng bừng.

Hai người cùng đi cách nhau một khoảng chừng hai thước năm. Anh Năm nói gì gì, chị Tư cáu đáp câu không. Đi được một chặng, y lại trả đứa bé cho chị, nói hôm qua có người bạn hẹn đi đánh chén, đã đến giờ rồi. Chị Tư ẵm lấy con. May, một quãng nữa thì tới nhà. Từ đằng xa, chị đã thấy bà Chín Vương nhà trước cửa đang ngồi bên lề đường nói vọng tới.

- Chị Tư! Cháu thế nào? Có gặp cụ không ?

- Gặp thì gặp rồi! Nhưng bà này! Bà là người tuổi tác, từng trải! Hay là bà có kinh nghiệm, nhờ bà xem giùm cho cháu một tý.

- Ờ.

- Thế nào bà?

- Ờ

Bà Chín nhìn kỹ đứa bé một lúc rồi gật gật đầu, rồi lắc lắc đầu.

Khi thằng Báu uống thuốc thì đã xế trưa. Chị Tư để ý nhìn thần sắc con, hình như nó cũng tỉnh táo ra nhiều. Đến chiều đứa bé bỗng trợn mắt lên, gọi "mẹ" một tiếng rồi lại nhắm mắt lại như ngủ thiếp đi. Nó ngủ một lát, mồ hôi hột đổ ra lấm tấm trên ván và đầu mũi nó. Chị đưa tay sờ con nhè nhẹ thấy nhớt như keo. Chị vội sờ xuống ngực con, cầm lòng không đậu, khóc nức lên.

Thằng Báu đang thở bình thường bỗng dưng tắt thở. Chị Tư lúc đầu còn nức nở, sau đó thì gào lên. Người ta xúm lại. Đứng trong nhà, có bà Chín Vương, Năm da chàm... đứng ngoài nhà có lão chủ quán Hàm Hanh, Cùng mũi đỏ... Bà Chín bảo đốt một thếp vàng giấy, rồi thay chị Tư lấy hai bộ ghế ngựa và năm bộ quần áo đem đi cầm được hai đồng bạc, biện cơm nước cho những người đến giúp việc.

Vấn đề thứ nhất là quan tài. Chị Tư còn có một đôi hoa tai bạc và một chiếc trâm mạ vàng, giao cả cho lão chủ quán Hàm Hanh, nhờ lão ta đứng ra bảo lĩnh, mua một cỗ quan tài, trả được nửa tiền mặt, một nửa kia chịu. Năm da chàm cũng đứng ra nhận đi mua giúp. Nhưng bà chín không cho mà chỉ cắt ý ngày mai khiêng quan tài. Năm da chàm rủa một tiếng: "Khi già!" rồi trề môi đứng đấy, tức tối.

Lão chủ quán đi một mình. Chiều trở về nói là quan tài không có sẵn, phải đóng, nửa đêm gần sáng mới xong.

Khi lão chủ quán trở về thì những người giúp việc đã ăn cơm rồi. Lỗ Trấn còn giữ được ít thói tục cổ, nên chưa hết canh một, ai nấy đã về nhà ngủ. Chỉ còn Năm da chàm đang đứng tựa vào quầy quán Hàm Hanh uống rượu. Cùng mũi đỏ cũng đứng đấy, hát giọng ồ ồ.

Lúc đó, chị Tư ngồi ở mép giường, khóc, còn thằng Báu thì nằm trên giường, cái xa quay vẫn lặng lẽ nằm dưới đất.

Một hồi lâu, khóc hết cả nước mắt, chị giương to mắt nhìn xung quanh lấy làm quái lạ; những việc đã xảy ra đều là những việc không thể xảy ra được. Chị nghĩ bụng: "Mình chiêm bao chăng? Những sự việc xảy ra kia đều chiêm bao cả. Sáng mai thức dậy chắn chắn mình sẽ nằm trên giường

mà thằng Báu vẫn nằm ngủ yên lành cạnh mình. Nó cũng sẽ thức dậy, gọi "mẹ ơi!" rồi thoăn thoắt chạy đi chơi.

Tiếng hát của Cùng mũi đỏ dứt từ lâu, quán Hàm Hanh cũng tắt đèn. Chị Tư giương to mắt, vẫn không tin những việc xảy ra là thực. Gà gáy, đằng đông trời rạng dần. Ánh sáng ban mai trắng bạc lọt qua khe cửa sổ.

Ánh sáng ban mai lúc đầu màu bạc trắng, dần dần chuyển sang màu đỏ nhạt. Rồi mặt trời rọi thẳng vào nóc nhà, Chị Tư trừng trừng, ngồi thừ ra. Nghe tiếng gõ cửa chị mới giật mình chạy ra mở. Một người lạ mặt, vác một cái gì đứng đấy, phía sau là bà Chín Vương.

Ơ, họ vác quan tài đến rồi!.

Đến chiều mới đậy được nắp quan tài, bởi vì chị Tư khóc một lúc, lại nhìn vào quan tài một lúc, nhất định không chịu cho đậy. Chờ mãi sốt ruột, bà Chín tức bực, chạy đến kéo chị ra; lúc đó mới vội vã đậy lại được.

Chị Tư lo liệu cho con quả thật là đã hết lòng, không còn thiếu sót tí gì. Hôm qua đốt một thếp vàng giấy, hôm lại lại đốt bốn mươi chín quyển *Đại bi chú*[1]. Khi nhập liệm đã mặc quần áo mới cho con; những đồ chơi ngày thường con ham thích - một ông phỗng đất, hai chiếc bát gỗ nhỏ, hai ve thuỷ tinh - chị đều để cạnh gối cho con. Sau đó, bà Chín Vương còn bấm đốt tay tính kĩ, chẳng thấy thiếu gì nữa. Suốt cả ngày hôm đó, Năm da chàm không đến. Lão chủ quán Hàm Hanh thuê giùm cho chị Tư hai người, mỗi người đưa hai quan mốt, đưa quan tài ra nghĩa địa. Bà Chín lại giúp chị

---

[1]. Kinh Phật đốt cho người chết theo tục lệ người Trung Quốc ngày trước (N.D)

nấu cơm. Phàm những ai có mó tay vào việc hoặc có mở miệng bày vẽ cho chị cái này cái nọ đều ăn cơm tất. Dần dần mặt trời có vẻ sắp lặn. Những người ăn cơm bất giác cũng có vẻ muốn về. Thế rồi họ ra về cả.

Chị Tư thấy đầu choáng váng. Nghỉ một lúc, chị lại thấy bình thường. Nhưng lúc đó, chị lại lấy làm quái lạ: việc vừa mới xảy ra, trong đời chị chưa hề gặp, hình như không thể xảy ra được, thế mà quả thật đã xảy ra. Chị càng nghĩ càng sửng sốt. Rồi chị lại thấy một việc khác cũng lạ nữa, là cái gian nhà chị ở ao bỗng vắng vẻ thế này!

Chị đứng dậy tắt đèn. Gian nhà càng thấy vắng vẻ. Thẫn thờ, chị đi đóng cửa lại, trở vào ngồi ở mép giường. Cái xa quay vẫn lặng lẽ nằm dưới đất. Chị định thần nhìn xung quanh, càng cảm thấy không sao đứng ngồi cho yên được. Gian nhà không những vắng vẻ quá, mà lại to lớn, trống trải nữa. Chị cảm thấy gian nhà to lớn, trống trải đó vây lấy chị, đè lên người chị, làm chị không thở được.

Bây giờ chị mới chắn chắn là thằng Báu của chị đã chết thật rồi. Không muốn ngồi nhìn gian nhà này nữa, chị thổi tắt đèn, đi nằm. Chị vừa khóc, vừa nghĩ. Nhớ lại hồi nào, chị ngồi kéo sợi, thằng Báu ngồi cạnh ăn đậu hồi hương; nó giương cặp mắt bé tí, đen láy nhìn chị một lúc lâu, rồi nói:

- Mẹ ơi! Bố bán bánh rán, con lớn lên cũng bán bánh rán. Bán được thật nhiều tiền, con đưa về cho mẹ cả.

Đối với chị, lúc đó, mỗi tấc sợi kéo ra hình như đều có ý nghĩa, đều có linh hồn. Nhưng bây giờ thì thế nào? Điều đó, chị quả thực không nghĩ ra được như thế nào cả. Tôi đã nói, chị là một người đàn bà quê mùa, chị có nghĩ được ra

thế nào đâu! Chị chỉ thấy gian nhà vắng vẻ quá, to lớn quá, trống trải quá.

Nhưng mặc dầu chị Tư quê mùa, chứ chị cũng biết chết rồi thì không thể sống lại được và chị không thể thấy lại thằng Báu của chị nữa. Chị thở dài, lẩm bẩm một mình: "Báu ơi! Hồn con còn vất vưởng đâu đây thì con hiện lên trong chiêm bao cho mẹ được gặp mặt con, con ơi!". Thế rồi, chị nhắm mắt lại ,muốn ngủ ngay để được trông thấy mặt thằng Báu của chị. Chị nghe rõ tiếng thở khò khè của mình trong gian nhà vắng vẻ ,to lớn ,trống trải.

Cuối cùng ,chị Tư mơ mơ màng màng trong giấc mộng.Gian nhà vắng lặng. Lúc đó Cùng mũi đỏ cũng đã hát xong bài hát của y từ lâu. Y loạng choạng bước ra khỏi quán rượu Hàm Hanh, lại dướn cổ lên, hát nữa:

- *Của oan gia...ừ ừ...thương thay !Vò võ một mình !*
Năm da chàm đưa nắm tay vai y. Hai người vừa cười vừa thất thểu bước đi.

Chị tư đã ngủ từ lâu rồi. Cùng và Năm đã đi về rồi. Quán rượu Hàm Hanh cũng đã đóng cửa rồi. Cả Lỗ Trấn lúc đó đắm chìm trong vắng lặng. Trong cảnh vắng lặng đó ,chỉ còn lại cái đêm trường đang chuyển mình để trở thành ánh sáng của ngày mai. Ngoài ra ,có mấy con chó nằm trong bóng tối cũng sủa gâu gâu.

Tháng 6 năm 1920.

MẨU CHUYỆN NHỎ*

Tôi bỏ quê nhà lên Bắc Kinh thấm thoát đã sáu năm rồi. Trong thời gian đó, những việc gọi là "quốc gia đại sự" mắt thấy tai nghe, kể cũng không phải ít, nhưng chẳng để lại một tí dấu vết nào trong lòng tôi cả. Giá bảo tìm xem có ảnh hưởng gì đến tôi không thì phải nói, chỉ làm cho tôi càng thêm gàn dở, mà thành thực hơn thì phải nói, chỉ làm cho tôi càng thêm khinh người.

Nhưng có một việc tầm thường đối với tôi lại có ý nghĩa, khiến tôi phải bỏ tính gàn dở đi, và cho đến nay, vẫn không hề quên.

Ấy là vào mùa đông năm Dân quốc thứ 6[1]. Gió bấc thổi mạnh lắm, nhưng vì sinh kế, vừa sáng sớm, tôi đã phải ra đường. Dọc đường, hầu như gặp ai cả. Vất vả lắm mới thuê được chiếc xe kéo, bảo kéo đến cửa S. Một lát, gió dịu dần. Mặt đường không còn một hạt bụi, sạch bóng, trắng xoá. Anh xe chạy càng nhanh. Gần đến cửa S., bỗng một người nào vướng phải càng xe, rồi ngã dần dần xuống.

Đó là một người đàn bà, tóc hoa râm, áo quần rách

---

* Truyện này có lẽ đăng lần đầu tiên trên tờ *Bắc kinh tuần báo*, tháng 7 năm 1920. Nhưng chưa xác định được.

[1] Năm 1917 (ND).

rưới. Bà ta từ bên kia lề đường thình lình chạy qua chiếc xe, anh xe đã tránh rồi, nhưng cái áo bông bà ta không gài khuy, gió thổi lật lên, vướng vào càng xe. May mà anh xe đã bước chậm lại rồi, không thì đã ngã lộn nhào đến vỡ đầu mất!

Bà ta vẫn nằm phục dưới đất, anh xe cũng vừa dừng lại. Tôi đoán bà ta chẳng bị thương tích gì, và cũng không có trông thấy. Tôi trách anh xe đến đa sự, tự chuốc lấy việc lôi thôi vào mình làm tôi phải đi trễ.

Tôi nói:

- Không việc gì đâu mà! Kéo đi thôi!

Anh xe chẳng để ý lời tôi nói, hoặc giả không nghe thấy chăng, cứ đặt xe xuống, đi lại dìu bà kia dậy, đỡ lấy cánh tay cho bà ta đứng vững, rồi hỏi:

- Có làm sao không?

- Ngã đau lắm.

Tôi nghĩ bụng: "Chính mắt tôi trông thất bà ngã dần dần xuống kia mà, làm sao lại có thể đau được! Chỉ được cái làm bộ thôi. Thật đáng ghét. Còn anh, cũng đa sự, tự chuốc lấy phiền não vào thân, bây giờ mặc kệ anh, anh xoay xở lấy".

Anh xe nghe bà kia nói như thế, nhưng không chần chừ tí nào, vẫn đỡ lấy cánh tay bà ta, dìu đi từng bước một về phía trước. Tôi hơi lấy làm ngạc nhiên, vội nhìn về phía trước. Tôi hơi lấy làm ngạc nhiên, vội nhìn về phía trước. Thì ra, phía trước là một cái đồn cảnh sát. Sau trận gió lớn, không thấy ai đứng gác ở ngoài. Chính anh xe đang dìu bà đi tới cổng cái đồn ấy.

Lúc bấy giờ, tôi vụt có một cảm giác rất lạ: cái bóng anh xe, người đầy cát bụi kia, nhìn từ phía sau, bỗng to dần ra. Anh càng bước tới, cái bóng càng to thêm, phải ngước lên mới nhìn thấy được, và dần dần cơ hồ biến thành một sức nặng đè lên người tôi đến nỗi làm cho cái "thằng tôi nhỏ nhen", che giấu dưới lần áo da, như muốn lòi ra ngoài.

Sức sống của tôi lúc đó chừng như ngừng trệ lại. Tôi cứ ngồi lì trên xe không nhúc nhích, cũng không suy nghĩ, cho đến khi thấy một người cảnh sát từ trong đồn đi ra, mới bước xuống.

Người cảnh sát đến gần nói:

- Ông thuê xe khác mà đi. Anh xe này không kéo được được cho ông nữa.

Không nghĩ ngợi, tôi lấy một nắm xu trong túi áo ngoài đưa cho người cảnh sát, nói:

- Bác đưa lại cho anh xe hộ tôi!

Gió lặng hẳn. Đường vắn vắng. Tôi vừa đi vừa nghĩ, nhưng hình như lại sợ không dám nghĩ đến con người tôi. Thôi thì hẳng tạm không nói đến việc xảy ra vừa rồi, nhưng cái nắm xu kia là có ý nghĩa gì? Thưởng cho anh ta phải không? Tôi mà còn xứng đáng để thưởng cho một người như anh xe kia ư? Tôi không thể tự trả lời được.

Mẩu chuyện này, đến bấy giờ, tôi thường thường vẫn nhớ tới, và do đó, cảm thấy đau khổ vô cùng và cố gắng suy nghĩ về con người tôi. Mấy năm lại đây, bao nhiêu chuyện văn trị võ công[1] tôi đều quên hết, như đã quên nhưng

---

[1] Tức những chuyện quốc gia đại sự (N.D)

câu"Tử viết thi vân" hồ còn nhỏ. Duy có mẩu chuyện nhỏ này cứ hiện lên trước mắt, có lúc còn rất rõ ràng, khiến tôi hết sức xấu hổ, thúc giục tôi phải tự sửa mình và cũng làm cho tôi càng thêm can đảm, càng thêm hy vọng.

Tháng 7 năm 1920.

CHUYỆN CÁI ĐẦU TÓC*

Sáng chủ nhật. Tôi bóc tờ lịch ngày hôm trước, nhìn đi nhìn lại tờ lịch mới, nói:

- À! mồng mười tháng Mười! té ra hôm nay là ngày Song thập, thế mà ở đây chẳng ghi gì hết!

Ông N, một bậc đàn anh của tôi, vừa đến chỗ tôi trọ ngồi chuyện phiếm, nghe vậy liền nói, vẻ không lấy gì làm vui lắm:

- Như thế mà hay đấy ! Họ không nhớ thì anh làm gì họ nào? Còn anh nhớ thì đã làm gì được ai?

Ông N, vốn người tính gàn gàn, thường hay tức khí một cách vô duyên, và hay nói những câu chẳng hợp với nhân tình thế cố gì cả. Lúc đó, tôi im lặng, mặc cho ông ta nói một mình, nói chán thì thôi.

Ông ta nói:

- Phục nhất là cái lối Bắc Kinh kỷ niệm ngày Song thấp! Buổi sáng, lính cảnh sát vào nhà, bảo: "Treo cờ!" - "Ừ thì treo!". Thế là các nhà đều có một ông "công dân" uể oải bước ra, treo lên một miếng vải tây đỏ đỏ, xanh xanh, sặc sỡ, treo cho đến tối thì hạ xuống, đóng cửa lại. Thảng hoặc, có

---

* Truyện này đăng lần đầu tiên vào phụ trương Học đang của tờ *Thời sự tân báo*, ngày 10 tháng 10 năm 1920.

nhà quên khuấy đi, cứ treo cho đến nửa buổi hôm sau.

Họ quên ngày kỷ niệm, mà ngày kỷ niệm cũng quên họ!

Tôi cũng là một người quên kỷ niệm. Giá sử kỷ niệm thì những việc trước và sau cái ngày Song thập đầu tiên ấy lại hiện lên trong tâm trí làm cho đứng ngồi không yên.

Trước mắt phảng phất như thấy lại bao nhiêu người quen cũ. Có anh bôn ba gian khổ mười năm trời, bỗng một viên đạn ám muội kết liễu đời họ. Có anh tránh được thì lại chịu khổ hình hàng tháng trong nhà tù. Có anh ôm ấp chí lớn, bỗng mất tăm tích, xác vất đâu cũng chẳng ai biết nữa.

Khi sống, họ bị xã hội chê cười, nguyền rủa, bức bách, hãm hại. Bây giờ mồ mả họ lại dần dần bị san bằng đi trong quên lãng.

Tôi không lòng nào kỷ niệm được những việc như vậy.

Thôi chi bằng ta nhắc lại một vài chuyện đắc ý nói nghe chơi!

Ông N. bỗng vui lên, đưa tay sờ đầu, nói to:

- Tôi đắc ý nhất là sau ngày Song thập đầu tiên, đi ra đường chẳng bị ai chế nhạo, nguyền rủa nữa.

Này, chắc anh cũng biết cái đầu tóc đối với người Trung Quốc chúng ta là một bảo bối và cũng là một của oan gia chứ! Xưa nay, bao nhiêu người khổ vì nó một cách không có ý nghĩa lý gì hết.

Các cụ ta ngày xưa hình như còn coi nhẹ cái đầu tóc. Cứ xem hình pháp thì biết. Thủ cấp tất nhiên là cái quan

trọng nhất, cho nên tội nặng thì chém đầu, thứ đến là bộ phận sinh dục, cho nên "thiến", "đóng nỏ" cũng là những hình phạt đáng sợ. Còn như "cạo trọc đầu" thì nhẹ lắm[1] Nhưng nghĩ lại, không biết bao nhiêu kẻ chỉ vì cắt cái đầu tóc đi mà bị xã hội giày đạp cả một đời.

Khi tuyên truyền cho cách mạng, chúng ta thường hay nhắc đến "Mười ngày ở Dương Châu", "Ba lần chém ở Gia Định[2]", Chẳng qua chỉ là một thủ đoạn. Thực ra, lúc đó người Trung Quốc đứng lên phản kháng đâu phải là vì chuyện mất nước, mà chỉ vì chuyện cái đuôi sam đấy thôi! Nhưng rồi những anh bướng thì đều giết sạch, bọn di lão[3]cũng đều chết già. Đến lượt Hồng Tú Toàn, Dương Tú Thanh[4]lại nổi lên. Bà nội tôi thường kể cho nghe rằng, thuở đó làm anh dân đen thật đến tội. Để tóc thì bị quan quân giết, để đuôi sam thì bị bọn "trường mao"[5] giết.

Thật không biết bao nhiêu người Trung Quốc chỉ vì cái

---

[1] Theo *kinh Thư*, hình pháp Trung Quốc cổ đại chia thành năm loại: I -Khắc chữ tô mực vào mặt (mặt hình), 2 Xéo mũi (tiệt tỉ). 3- Chặt chân (phỉ hình), 4- Thiến (đàn ông), đóng nỏ (đàn bà) (cung hình), 5- Tử hình (đại tịch). Cạo trọc đầu không nằm trong ngũ hình. Nhưng cũng có tội cạo trọc đầu. Đời Tùy Đường mới bỏ.

[2] Sau khi quân nhà Thanh định đo ở Bắc Kinh, nhân dân Dương Châu và Gia Định vẫn tiếp tục chống lại. Quân Thanh bắt người Trung Quốc cạo tóc, để đuôi sam như chúng. Ai không theo chém đầu. Do đó, nhân dân càng phẫn uất, sự phản kháng càng mãnh liệt. Chúng phá thành Dương Châu, giết 80 vạn người và chém đi chém lại ba lần ở thành Gia Định. Vương Tú Sở có viết cuốn *Dương Châu thập nhất ký:* Chu Từ Tố có viết cuốn *Gia Định đô thành ký lược*.

[3] Di lão: chỉ những người trung thành với triều vua cũ (N.D.

[4] Hồng Tú Toàn, Dương Tú Thanh là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Thái Bình thiên quốc (1851 - 1864) (N.D).

[5] *Trường mao* chỉ những người khởi nghĩa Thái Bình thiên quốc. Họ đều để tóc và cắt đuôi sam nên gọi là "trường mao" (tóc dài). Việc đó có nghĩa chống sự nô dịch của Nhà Thanh (N.D).

đầu tóc vô thưởng vô phạt ấy mà phải chịu khổ, chịu cực thậm chí bị chém giết!

Ông N, nhìn lên xà nhà, như để nhớ lại việc gì, rồi nói tiếp:

- Ai ngờ đến lượt tôi cũng phải khổ vì cái đầu tóc.

Hồi du học ở nước ngoài, tôi cắt đuôi sam, không phải vì lẽ gì sâu sắc, huyền bí cả, mà chỉ vì bất tiện quá thôi. Không ngờ có mấy ông bạn không cắt, chỉ đem quấn lên đầu, thấy thế ghét lắm. Viên giám thị cũng giận lắm, dọa đình cấp học bổng, tống cổ về nước.

Chưa được hôm, chính viên giám thị ấy lại bị người khác cắt mất đuôi sam, phải bỏ trốn. Một trong những người cắt đuôi sam của ông ta là anh Trâu Dung[1] tác giả cuốn *Cách mạng quân.* Vì thế anh này không thể ở lại học được nữa, phải về Thượng Hải, sau chết ở khám Tây lao. Chắc anh không nhớ nữa nhỉ?

Mấy năm sau, cảnh nhà tôi sa sút. Không kiếm việc gì làm thì chết đói, đành phải trở về nước. Về đến Thượng Hải, liền mua ngay một cái đuôi sam giả, bấy giờ giá những hai đồng, mang về nhà. Bà cụ tôi không nói gì, nhưng những người xung quanh, hễ thấy mặt là xem xét cái đuôi sam, đến khi biết là giả, thì cười gằn lên, buộc cho cái tội phải chết chém. Có người bà con còn định đi cáo giác với quan nữa,

---

[1] Trâu Dung (1855 - 1903), người Tứ Xuyên, du học Nhật Bản, là một người tuyên truyền cách mạng hăng hái nhất hồi đó. Khi về nước (1903) viết cuốn *Cách mạng quân,* vạch tội ác của chính phủ Thanh, bị quân Thanh kết cấu với cảnh sát Anh ở tô giới, bắt giam. Năm 1905, chết trong ngục. Theo Chương Thái Viêm thì viên giám thị kia nhân hủ hoá với một người nào, nên bị Trâu Dung và nam người khác nửa đêm lén vào nhà cắt mất đuôi sam.

nhưng sau sợ Đảng cách mạng nổi lên hoặc sẽ thành công, nên mới thôi.

Tôi nghĩ bụng: giả dối sao bằng thành thật, có thẳng thắn, thoải mái hơn không, bèn bỏ phăng cái đuôi sam giả đi, cứ diện đồ tây vào đi ra giữa phố.

Đi đến đâu, tiếng chế nhạo, nguyền rủa nổi lên đến đó. Có kẻ còn theo sau lưng mà chửi.

- Người đâu mà chẳng biết lễ nghĩa gì cả? Đồ tây giả!

Thế là thôi, không mặc đồ tây nữa, lại mặc áo dài vào. Chúng nó càng chửi tợn.

Đến bước đường cùng đó, tôi tìm chiếc ba - toong cầm ở tay, đánh vãng mạng mấy chuyến, chúng nó dần dần mới thôi, không chửi nữa. Chỉ nơi nào lạ, chưa đánh cho là vẫn cứ chửi...

Việc này làm tôi rất buồn, cho nên đến bây giờ vẫn còn nhớ. Hồi du học, xem báo thấy đăng chuyện bác sĩ Bản Đa[1] đi du lịch Nam Dương và Trung Quốc. Ông ta không biết tiếng Mã Lai và tiếng Trung Quốc. Có người hỏi:

- Không biết tiếng thì đi thế nào được?

Ông ta giơ chiếc ba - toong lên nói:

- Đây, nói chuyện bằng cái này đây! Hiểu hết!

Tôi đọc xong, giận mấy ngày liền. Không ngờ bây giờ chính mình cũng làm như ông ta mà không biết. Mà những

---

[1] Tức bác sĩ lâm học Bản - da - Tĩnh - lục, người Nhật.

người kia cũng hiểu cả mới chết chứ!

Mấy năm đầu niên hiệu Tuyên Thống[1], tôi làm giám thị ở một trường trung học tỉnh nhà. Đồng nghiệp gặp đâu là lánh mặt đó, quan trên cũng hết sức đề phòng. Tôi cả ngày như ngồi trong hầm nước đá, như đứng cạnh pháp trường. Kỳ thực có lý do gì khác đâu, chỉ vì thiếu cái đuôi sam thôi!

Có một hôm, mấy anh học sinh bỗng đi vào, nói:

- Thưa thầy, chúng con muốn cắt quách cái đuôi sam đi có nên không ạ!

Tôi nói:

- Không nên.

- Thưa thầy, để đuôi sam hơn hay cắt đi hơn ạ?

- Cắt đi hơn chứ!

- Thế sao thầy vừa bảo không nên cắt?

- Ấy chết? Các anh chưa nên cắt. Hãy chờ xem đã!

Họ không nói gì nữa, bĩu môi, đi ra. Nhưng rồi họ cũng cắt.

Ái chà! Ghê quá! Người ta bàn tán xôn xao lên. Tôi cứ tảng lờ như không hay biết gì hết, cứ để mặc họ dâu trọc lóc vào lớp cùng một lần với bao nhiêu anh khác vẫn còn để đuôi sam.

Nhưng cái bệnh cắt đuôi sam đã thành truyền nhiễm. Ngày hôm sau nữa, bọn sinh viên trường Sư phạm bỗng cũng cắt mất sáu cái. Đến chiều, trường đuổi sáu anh. Sáu anh

---

[1] Niên hiệu vua cuối cùng đời Thanh (N.D)

không được học nữa, về nhà cũng không xong. Cho mãi đến sau cái ngày kỷ niệm Song thập lần đầu tiên hơn một tháng, tội họ mới được xí xoá.

Còn tôi? Cũng thế. Nói đâu xa, mùa đông Dân quốc nguyên niên, tôi lên Bắc Kinh còn bị người ta chửi mấy lần. Về sau những người chửi tôi cũng bị cảnh sát cắt mất đuôi sam, lúc đó tôi mới không bị chửi nữa. Nhưng tôi chưa đi về vùng thôn quê...

Ông N, có vẻ đắc ý lắm. Bỗng ông ta sa sầm nét mặt, nói:

- Bây giờ, các anh là những người theo đuổi lý tưởng, các anh hô hào phụ nữ cắt tóc, các anh lại làm cho bao nhiêu người sẽ phải chịu khổ mà chẳng được cái gì cả.

Không phải là bây giờ đã có bao nhiêu nữ sinh chỉ vì cắt tóc mà thi vào trường thì bị đánh hỏng, hoặc bị đuổi ra khỏi trường hay sao?

Ừ thì làm cách mạng, nhưng vũ khí đâu? Ừ thì vừa đi học vừa đi làm, nhưng công xưởng đâu?

Cứ để tóc, cứ đi làm đâu! Quên hết thế mà hạnh phúc đấy. Nếu nhớ lấy ít câu tự do bình đẳng thì sẽ khổ suốt đời.

Tôi muốn mượn câu nói của Ác-ba-sép[1] hỏi các anh một điều: "Các anh hứa hẹn sẽ đưa đến cho con cháu những người thời bấy giờ một tương lai xán lạn, nhưng các anh đưa đến cho bản thân họ những cái gì nào?

---

[1] Artzbashev (1878 - 1927), một nhà viết tiểu thuyết người Nga thuộc phái vô chính phủ. Cách mạng tháng Mười thành công, y ra nước ngoài, phản đối chính phủ Xô - Viết. Lỗ Tấn có dịch của y một tác phẩm qua bản dịch tiếng Đức.

Hừ! Ông trời chưa quất cái roi đa của ông ta vào xương sống Trung Quốc,thì Trung Quốc vĩnh viễn cứ là Trung Quốc như cũ, quyết cũng không chịu tự mình thay đổi một chân tóc. Miệng các anh không có nọc độc thì việc gì các anh lại cứ muốn dán vào trán các anh hai chữ "rắn độc" to tướng để cho thằng ăn mày cũng chạy lại đánh?

Ông N, càng nói càng quái gở. Nhưng khi thấy tôi có ý không muốn nghe thì ông ta không nói nữa, cầm mũ đứng dậy.

Tôi hỏi:

- Anh về à!

Ông ta trả lời:

- Phải, trời sắp mưa.

Tôi lặng lẽ đưa ông ta ra đến cửa.

Ông ta đội mũ,nói:

- Thôi, chào anh, khi khác. Đến quấy rầy anh, anh tha lỗi cho nhé! Được cái ngày mai không phải là ngày Song thập, chúng ta có thể quên tuốt.

Tháng 10 năm 1920.

SÓNG GIÓ(*)

Mặt trời đã dần dần thu lại những tia nắng vàng rải trên mặt đất ven sông. Dãy cây ô - cữu[1] cạnh đấy, lá khô nỏ, phe phẩy như đã bắt đầu thở được; mấy con muỗi vằn chân bay vo ve phía dưới. Khói đưa lên từ bếp những nhà nông dân ngoảnh mặt ra sông cũng đã tản dần. Đàn bà trẻ con lấy nước rưới lên mảnh sân đất trước thềm, bày bàn nhỏ, ghế đẩu ra. Đã đến bữa cơm chiều.

Người già và đàn ông thì ngồi trên ghế phe phẩy chiếc quạt lá kè to tướng, nói chuyện gẫu. Trẻ con thì chạy lăng xăng, hoặc dưới dãy cây ô - cữu chơi ô với những hòn đá cuội. Đàn bà con gái thì bưng ra những đĩa dưa kho, đen sì, và những nồi cơm màu vàng khè, nóng hổi, nghi ngút hơi. Kẻ văn nhân mặc khách ngồi trên thuyền rượu lướt trên mặt sông, nhìn lên thấy cảnh tượng đó, có thể động nguồn thơ mà khen: "Thật là vô tư vô lự! Đúng là lạc thú của nhà nông!".

Những lời khen đó của kẻ văn nhân mặc khách không đúng với sự thực, bởi vì họ không nghe được bà cụ Chín Cân nói. Lúc đó, bà cụ Chín Cân đang giận dữ, cầm chiếc quạt lá kè cách nát, đập vào chân ghế, nói:

(*) *Sóng gió* đăng lần đầu tiên ở tạp chí *Tân thanh niên*, tháng 9 năm 1920.

[1] Một thứ cây thuộc loại *Sapium sebiferum*. Quả có hột, có chất dầu dùng làm xà phòng, nến (arbre à suif) (N.D).

- Tao nay đã bảy mươi chín tuổi đầu. Sống thế đủ rồi! Tao không muốn nhìn những của phá gia ấy. Chết đi mà hơn! Sắp đến bữa cơm, còn ăn vã đậu rang. Ăn cho khuynh gia bại sản đi ấy à!

Con Sáu Cân, chất nội bà cụ, cầm nắm đậu trong tay, đang từ phía trước đi lại, thấy thế liền chạy thẳng ra bờ sông, nấp sau dãy ô-cữu, thò cái đầu nhỏ có hai trái đào ra, nói to:

- Sống gì mà sống dai thế không biết!

Bà cụ mặc dù tuổi đã cao, nhưng tai còn tỏ chán, tuy thế cũng vẫn không nghe rõ lời con bé nói, bà vẫn lẩm bẩm một mình:

- Thật là càng ngày càng tệ!

Làng này có một tập quán khá đặc biệt. Trẻ con đẻ ra là đem cân ngay, rồi tùy nặng nhẹ mà đặt tên. Bà cụ Chín Cân từ ngày mừng thọ năm mươi, tính khí dần dần thay đổi, hay bất bình. Bà cụ thường nói, hồi bà cụ còn trẻ, trời đâu có nóng nực như thế này, hạt đậu cũng đâu đến nỗi cứng như bây giờ! Nói tóm lại thời bây giờ, cái gì cũng chẳng ra làm sao cả. Huống chi, so với ông nội nó, thì con Sáu Cân sút đi những ba cân cơ, và so với bố nó, anh Bảy Cân, cũng sút đi mất một cân! Chứng cứ rành rành ra đó, cãi làm sao được! Cho nên bà cụ lại nói to:

- Thật là càng ngày càng tệ!

Chị Bảy Cân, cháu dâu[1] bà cụ, bưng rá cơm đi đến cạnh bàn, đặt thịch xuống, nói vẻ giận dữ:

- Bà lại cứ nói thế! Con Sáu Cân lúc đẻ ra, chẳng phải

---

[1] Trong nguyên văn, viết là con dâu, nhưng phải nói là cháu dâu mới đúng.

cân được sáu cân năm lạng là gì? Cân ở nhà ngày trước là loại cân riêng, loại cân mười tám lạng. Chứ dùng đúng loại cân mười sáu xem, con bé cũng phải được già bảy cân đấy! Cháu cho rằng ngày trước ông cố và ông nội con bé cũng chưa chắc đã đủ tám chín cân đâu! Có lẽ hồi ấy dùng loại cân mười bốn lạng...

- Càng ngày càng tệ!

Chị Bẩy chưa trả lời lại, bỗng thấy chồng từ ngõ hẻm đi ra, liền quay sang gắt với chồng:

- Khốn kiếp! Đi đâu suốt ngày mà bây giờ mới vác mặt về! Chết dúi ở đâu mà cả nhà đợi cơm, cũng mặc kệ!

Anh Bảy, tuy ở nông thôn nhưng có tính hay bay nhảy, đua đòi. Từ đời ông nội anh cho đến đời anh, đã ba đời nay, trong đời không ai cầm đến cái cán cuốc nữa cả. Cũng như ông nội và bố anh, anh đi chèo thuyền thuê cho người ta, mỗi ngày một chuyến, sáng sớm từ Lỗ Trấn lên thành, chiều tối mới lại về, cho nên anh biết lắm tin tức. Thí dụ, nơi nào ông Thiên Lôi đánh chết Tinh rết, nơi nào cô gái đồng trinh đẻ quỷ dạ xoa, v.v... Trong làng, quả anh là người nổi tiếng biết đây biết đó. Nhưng mùa hạ, ăn cơm khi chưa phải thắp đèn là một tập quán mà nhà nông ở đây còn giữ được, cho nên về chậm mà bị gắt là đáng lắm.

Anh Bảy, tay cầm cái ống điếu, dọc bằng trúc tương phi dài sáu thước, bịt ngà, tẩu đồng bạch, cứ cúi đầu, bước thong thả xuống ngồi chiếc ghế đẩu. Nhân dịp này, con Sáu Cân chạy ra, ngồi cạnh, gọi "bố, bố". Anh không trả lời.

Bà cụ Chín Cân nói:

- Càng ngày càng tệ!

Anh Bảy thong thả ngước đầu lên, thở dài, nói:

- Vua lại lên ngôi!

Chị Bảy, ngẩn người một lúc, bỗng như chợt hiểu, nói:

- Thế thì hay lắm nhỉ! Không phải là hoàng ân đại xá à?

Anh Bảy vẫn thở dài, nói:

- Tôi không có đuôi sam!

- Nhà vua bắt phải để đuôi sam à?

- Vua bắt để đuôi sam.

Chị hơi lo, vội hỏi:

- Sao nhà biết?

- Ở quán Hàm Hanh, ai người ta cũng nói thế mà ly!

Chị Bảy lúc đó linh tính cho biết hình như là có chuyện không hay, bởi vì quán Hàm Hanh vốn là nơi rất nhạy tin. Chị liếc nhìn cái đầu trọc lóc của ông chồng, không nhịn được, thịnh nộ lên, trách chồng, giận chồng. Bỗng chị lại tuyệt vọng. Chị xới một bát cơm đẩy mạnh về phía trước mặt chồng, nói:

- Thôi, ăn nhanh đi cho xong bữa! Cứ ngồi rũ ra, mặt như mặt đưa ma ấy, tóc dài ra được à?

Những tia nắng cuối cùng đã tắt hẳn. Mặt nước đã dần dần có hơi mát. Trên sân chỉ nghe tiếng đũa bát chạm nhau. Ai nấy mồ hôi nhỏ giọt trên sống lưng. Chị Bảy ăn xong ba bát, vô tình ngửng đầu lên, trái tim lại đập mạnh không sao giữ được, qua dãy ô cửa, chị thấy cụ Bảy Triệu, vừa lùn, vừa béo, đang từ trên chiếc cầu độc mộc đi sang. Cụ ta lại mặc

chiếc áo dài chúc bâu màu bửu lam.

Cụ Bảy Triệu là chủ quán rượu Mậu Nguyên làng bên, lại là một nhân vật quan trọng và là người duy nhất có học vấn trong vòng ba mươi dặm đất này. Vì là người có học vấn nên trông ra vẻ bậc đi lão lắm. Cụ ta có bộ *Tam quốc chí Thánh Thán phê*, hơn mười quyển[1], thường ngồi đọc từng chữ từng chữ một. Chẳng những cụ ta nhớ vanh vách tên cả năm vị hổ tướng[2] mà còn biết Hoàng Trung biểu tự là Hán Thắng và Mã Siêu biểu tự là Mạnh Khởi nữa cơ! Sau cách mạng cụ ta quấn đuôi sam lên đầu, trông như một nhà đạo sĩ. Cụ ta thường than thở: " Giá Triệu Tử Long mà còn sống thì thiên hạ chẳng đến loạn lạc như thế này!" Chị Bảy, mắt tinh, nhìn thoáng thấy hôm nay cụ ta không còn có vẻ đạo sĩ nữa mà đầu lại cạo nhẵn thín, chỉ để giữa đỉnh một chùm tóc đen nhánh. Chị biết ngay nhất định nhà vua đã lên ngôi rồi, và nhất định phải để đuôi sam, và nhất định anh Bảy nhà chị đến nguy to! Bởi vì, không phải dễ thường mà cụ ta lại mặc chiếc áo chúc bâu dài vào. Ba năm nay, cụ ta chỉ đưa ra mặc có hai lần, một lần lúc lão Tư Rỗ, là người trước kia có chửi nhau với cụ ta, lâm bệnh, một lần lúc cụ Cả Lỗ là người đã đến phá quán rượu cụ ta, chết. Bây giờ là lần thứ ba. Như thế là nhất định cụ ta có việc mừng, mà kẻ thù ta sẽ gặp tai ương rồi!

Chị còn nhớ hai năm trước, anh Bảy nhà chị uống rượu

---

[1] Đây là bộ Tam quốc diễn nghĩa. Kim Thánh Thán (1609-1661) là một nhà văn cuối đời Minh đầu Thanh, có phê bình các cuốn Thủy hử, Tây sương ký... cuốn Tam quốc diễn nghĩa của La Quán Trung là do Mao Tôn Cương, đời Thanh cải biên và thêm lời bình, những giả thác là "Kim Thánh Thán ngoại thư".

[2] Tức năm nhân vật đời Tam Quốc, trong đó có Hoàng Trung, Mã Siêu (N.D).

say, có mắng cụ ta là : "đồ khốn khiếp", nên bây giờ, linh tính cho chị ta biết sắp xảy ra chuyện gì nguy hiểm cho chồng. Tim chị bỗng đập thình thịch.

Cụ Bảy Triệu đi thẳng tới. Những người đang ngồi ăn đứng dậy, cầm đũa chỉ vào bát, chào:

- Mời cụ xơi cơm ạ!

Cụ ta vừa đi vừa gật đầu, nói:

- Xin cứ tự nhiên.

Và đi đến nhà anh Bảy Càn.

Cả nhà anh Bảy vội vã chào mời. Cụ ta mỉm cười, nói:

- Xin mời!

Mắt nhìn kỹ vào mâm cơm. Cụ ta đứng sau lưng anh Bảy, đối diện chị Bảy, nói:

- Món dưa kho thơm quá nhỉ! À, đã nghe người ta đồn gì chưa đấy?...

Anh Bảy nói:

- Vua lên ngôi.

Chị Bảy nhìn vào mặt cụ ta, cố cười gượng nói:

- Vua lên ngôi, bao giờ thì hoàng ân đại xá, hở cụ?

- Hoàng ân đại xá à? Đại xá thì thư thả, thế nào rồi cũng đại xá thôi!

Cụ ta bỗng nghiêm sắc mặt lại, nói tiếp:

- Nhưng mà cái đuôi sam của anh Bảy nhà chị đâu? Đuôi sam, quan trọng lắm đấy nhé! Bà con biết chứ, thời

loạn Trường mao[1] ấy mà, để tóc thì mất đầu, để đầu thì mất tóc cơ đấy!

Vợ chồng nhà anh Bảy không đi học, nên không thể hiểu cái điển tích bí hiểm này được, nhưng thấy có một người có học vấn như cụ Bảy Triệu mà nói thế thì chắc phải là nghiêm trọng lắm, khó lòng chạy chữa. Như nghe tuyên án tử hình, hai vợ chồng tai cứ ù lên, chẳng nói được nửa lời.

Bà cụ Chín Cân đang bực mình, nhân cơ hội này, nói với cụ Bảy Triệu:

- Càng ngày càng tệ!.... Các ông Trường mao thời bây giờ lại crss thấy đuôi sam đâu là cắt đấy, trông thầy tu chẳng ra thầy tu, đạo sĩ chẳng ra đạo sĩ. Các ông Trường mao ngày trước có thế đâu chứ? Tôi nay đã bảy mươi chín tuổi, đủ lắm rồi! Các ông Trường mao ngày trước thì đầu bịt cả một miếng lụa điều, bỏ thòng thòng xuống đến gót, vua thì lụa vàng, cũng bỏ thòng thòng. Lụa vàng, lụa điều, lụa vàng. Bảy mươi chín tuổi. Đủ lắm rồi!

Chị Bảy đứng dậy, lẩm bẩm một mình:

- Làm thế nào bây giờ? Nhà này, già trẻ lớn bé đều trông cậy vào một mình anh ấy cả!

Cụ ta lắc đầu nói:

- Đành chịu thôi! Không có đuôi sam, tội gì thì sách đã chép rành rành. Còn tình cảnh nhà mình thế nào, ai mà người ta chú ý.

Chị Bảy nghe nói đã có chép trong sách thì hoàn toàn

---

[1] Tức thời khởi nghĩa Thái bình thiên quốc (1851-1864) (xem chú thích ở truyện *Chuyện cái đầu tóc*.

tuyệt vọng. Hoảng quá, không biết làm thế nào, chị bỗng đâm ra oán chồng. Chị ta giơ đũa, chỉ vào mặt chồng, đay nghiến:

- Khốn kiếp! Mình làm thì mình phải chịu lấy! Hồi loạn, đã bảo là đừng chèo thuyền nữa, đừng lên thành nữa. Thế mà cứ nhất định lên thành cho được! Lên thành nên người ta mới cắt đuôi sam đi cho! Trước kia, cái đuôi sam đen nhánh thế kia, mà bây giờ thầy tu chẳng ra thầy tu, đạo sĩ chẳng ra đạo sĩ. Khốn kiếp! Mình làm mình chịu, bây giờ để liền luỵ đến cả nhà này! Khốn kiếp!

Người làng thấy cụ Bảy Triệu sang chơi đều ăn vội vàng xong bữa, rồi chạy đến xúm lại quanh bàn nhà anh Bảy. Anh Bảy tự cho mình là người đã đi đây đi đó, ấy mà bị vợ sỉ nhục thậm tệ trước mắt mọi người, lấy làm xấu hổ lắm. Anh ngửng đầu lên, chậm rãi nói:

- Nhà thì chỉ được cái nói sau. Hồi đó...

- Khốn kiếp!

Trong những người đứng xem, có chị Tám Mốt là người tốt bụng. Lúc đầu thấy vui vui, chị ta bế con - đứa con mồ côi bố từ khi còn trong bụng mẹ, nay đã lên hai - đứng cạnh chị Bảy xem. Bây giờ thấy vậy, cam lòng không đậu, bèn đưa lời khuyên giải.

- Chị Bảy này! Thôi mà! Người ta chứ phải thần thánh gì, ai biết trước được mà liệu! Chẳng phải hồi đó chính chị cũng nói không có đuôi sam cũng chẳng xấu gì hay sao? Huống nữa là quan huyện cũng có niêm yết gì đâu cơ chứ!

Chưa nghe hết lời, chị Bảy hai tai đỏ ửng lên liền giơ đũa chỉ vào mặt chị Tám Mốt, nói:

- Ối trời ơi! Chị ăn nói hay chưa! Chị Tám này, tôi cũng là con người, lẽ nào tôi lại thốt ra những lời hồ đồ đó như thế được! Hồi đó chẳng qua phải là tôi nằm khóc suốt ba ngày liền, ai cũng biết. Cả con bé này nữa, nó cũng khóc rinh lên...

Con Sau Cân vừa ăn hết bát cơm, cầm bát cơm, cầm chiếc bát không giơ ra đòi xới thêm.

Chị Bảy đang bực mình, lấy đôi đũa khẽ gõ vào đầu con bé, giữa hai trái đào, quát to:

- Gì mà làm ồn lên thế, cái con đĩ kia!

Choảng một tiếng, chiếc bát không trong tay con bé rơi xuống đất, chẳng may chạm vào một hòn gạch, mẻ một miếng to tướng. Anh Bảy đứng phắt dậy nhặt chiếc bát vỡ, lấy miệng mẻ chấp một lúc, cũng mắng:

- Con mẹ mày!

Rồi tát cho con bé một cái tát quay lơ. Con bé lăn ra khóc. Bà cụ Chín Cân nắm lấy tay cháu lôi đi chỗ khác, miệng lẩm nhẩm:

- Càng ngày càng tệ!

Chị Bảy Mốt cũng phát cáu, nói to:

- Chị Bảy này! Việc gì mà chị phải giận cá bằm thớt thế?

Nãy giờ, cụ Triệu đứng nhìn vẻ bàng quan, cứ cười cười, nhưng khi chị Tám Mốt nói "quan huyện không niêm yết" thì đã hơi giận. Lúc này cụ ta bỏ đi quanh ra chỗ khác nói:

- Giận cá băm thớt thì ích gì! Quan quân người ta sắp kéo đến nơi rồi. Chị phải biết người hộ vệ nhà vua lần này là Trương đại suý[1] dòng dõi Trương Dực Đức người nước Yên đấy! Cái xà mâu trượng tám của ông ta vạn người định không nổi. Ai mà dám chống cự lại!

Lúc đó cụ Triệu nắm chặt hai bàn tay lại, như nắm thanh xà mâu tưởng tượng rồi bức về phía chị Tám Mốt mấy bước, nói:

- Chị có chống cự nổi ta không nào?

Chị Tám Mốt đang giận, tay ôm con mà cứ run lẩy bẩy. Bỗng thấy cụ Triệu, mặt mồ hôi ướt đẫm, hai con mắt trợn trừng, xông về phía chị ta thì chị ta sợ quá, không dám nói hết câu, bỏ đi mất. Cụ Triệu cũng ra về. Những người đứng đấy vừa trách chị Tám Mốt lắm chuyện, vừa xê ra tránh đường. Có mấy anh trước kia cũng cắt mất đuôi sam, nay vừa mới để tóc lại, vội lẩn tránh sợ cụ ta trông thấy. Nhưng cụ ta không để ý tra soát, cứ lách qua đám đông, rẽ về phía dãy cây o - cữu, miệng còn lẩm bẩm:

- Chị có chống cự nổi ông ta không nao?

Rồi bước qua chiếc cầu độc mộc, đi thẳng.

Người làng đứng ngơ ngác, suy nghĩ, cảm thấy không thể nào chống cự nổi ông Trương Dực Đức nên ai nấy chắc chắn thế nào anh Bẩy Cân chuyến này cũng toi mạng. Anh

---

[1] Chú Trương Huân. Trương Huân là một tay quân phiệt thời bấy giờ trong bọn Bắc dương. Ý vốn là một võ quan đời Thanh. Sau cách mạng Tân Hợi, v vấn đề đuôi sam tỏ lòng trung thành với nhà Thanh. Quân lính của y phần lớn cũng để đuôi sam. Năm 1917, y từ Tứ Châu lên Bắc Kinh, phò Phổ Nghi (tức Tuyên Thống) lên ngôi vua, nhưng thất bại, y chạy vào trốn ở đại sứ quán Hà Lan.

Bảy đã phạm vào phép vua như vậy, thế mà nhớ lại mọi lần khi anh ta nói chuyện về những tin tức trên thành, anh ta cứ ngậm cái ống điếu dài thòng, vẻ kiêu ngạo. Thật không phải chút nào cả! Bởi vậy, bây giờ anh ta bị tội, họ cũng thấy khoái chí. Hình như họ còn muốn bàn tán thêm nữa, nhưng không có cái gì nói, lại thôi. Đàn muỗi kêu vo vo, bay chạm phải những thân hình trần truồng rồi bay về tụ tập dưới dãy cây ô - cữu. Người làng cũng tản dần về nhà, đóng cửa đi ngủ. Chị Bảy vẫn càu nhàu, dọn bát đũa, đưa bàn ghế vào rồi cũng đóng cửa đi ngủ.

Anh Bảy cầm chiếc bát vỡ về ngồi ở bậc cửa hút thuốc. Nhưng lo buồn quá quên cả hút. Lửa trong cái tẩu đồng bạch đầu ống điếu trúc tương phi bít ngà dài sáu thước tắt dần. Anh cảm thấy tình thế hết sức nguy ngập. Muốn tìm một cách nào, một phương kế nào cứu thân, nhưng đầu óc cứ rối bời không nghĩ được cho mạch lạc. "Đuôi sam! Đuôi sam đâu? Thanh xà mâu tượng tám... Càng ngày càng tệ... Vua lại lên ngôi... Phải đem cái bát vỡ lên thành gắn lại...Ai có thể chống cự nổi ông ấy... Trong sách có chép rõ...Con mẹ mày..."

Sáng sớm hôm sau, theo lệ thường, anh Bảy Cân vẫn chèo thuyền từ Lỗ Trấn lên thành. Gần tối lại chèo về, tay cầm ống điếu trúc tương phi dài hơn sáu thước và chiếc bát. Ngồi ăn cơm, anh nói với bà cụ Chín Cân rằng cái bát vừa đưa lên thành gắn lại, mẻ một miếng to nên phải dùng đến mười sáu chiếc đỉnh đồng, mỗi chiếc ba chinh, mất cả thảy bốn mươi tám chinh.

Bà cụ buồn rầu nói:

- Càng ngày càng tệ! Tao sống thế đủ rồi! Một chiếc

đình đồng những ba chinh! Đình đồng ngày trước có đất như thế này đâu? Đình đồng, ngày trước...Tao năm nay bảy mươi chín tuổi rồi!

Từ đó, tuy ngày nào anh Bảy cũng lên thành như thường lệ, nhưng cảnh nhà anh trông ảm đạm lắm. Người làng có ý lánh mặt, không đến nghe tin tức trên thành đưa về nữa. Chị vợ anh cũng luôn luôn làm mặt giận, vẫn mắng anh là "đồ khốn kiếp"!

Hơn mười ngày sau, anh ở thành về, vừa tới nhà thì đã thấy vợ vui vẻ hỏi:

- Ở trên thành, nhà có nghe tin tức gì không thế?

- Chẳng nghe gì cả.

- Vua đã lên ngôi chưa?

- Không nghe họ nói.

- Ở quán Hàm Hanh cũng không nghe ai nói à?

- Cũng chẳng nghe ai nói cả.

- Nhất định vua không lên ngôi đâu! Hôm nay, đi qua quán cụ Triệu, thấy cụ ta lại ngồi xem sách, cái đuôi sam lại quấn lên đỉnh đầu, và cũng không mặc áo dài nữa.

-....

- Nhà cho rằng không lên ngôi à?

- Chắc không lên nữa.

Bây giờ anh Bảy lại được chị Bảy và người làng kính nể, đối đãi tử tế. Ngày hè, cả nhà lại đưa cơm ra trước mảnh sân đất ngồi ăn. Ai thấy anh cũng cười hì hì... Chào hỏi. Bà

cụ Chín Cân đã làm lễ mừng thọ tám mươi rồi, tuy vẫn còn bất bình, nhưng vẫn cứ khỏe mạnh như trước. Hai trái đào của con Sáu Cân đã thành cái đuôi sam lớn. Nó tuy mới bó chân nhưng vẫn có thể giúp việc cho mẹ nó được. Con bé bưng chiếc bát đóng mười tám cái đinh đồng [1] đi khập khiễng trên sân đất.

Tháng 10 năm 1920.

---

[1] Mười sáu cái đinh mới phải. Trong một bức thư gửi cho Ly Tề Dã, ngày 23 - 11 - 1926, Lỗ Tấn có viết: "*Nhà Sáu Cân chỉ có cái bát gắn lại ấy thôi, gắn bằng mười sáu hay mười tám đinh, tôi không nhớ rõ. Dù sao một trong hai con số trên là sai. Xin sửa lại cho thống nhất*"

CỐ HƯƠNG*

Tôi không quản trời lạnh giá, về thăm làng cũ, xa những hai ngàn dặm mà tôi đã từ biệt hơn hai mươi năm nay.

Đang độ giữa đông. Gần về đến làng, trời lại càng u ám. Gió lạnh lùa vào khoang thuyền, vi vu. Nhìn qua các khe hở mui thuyền, thấy xa gần thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa, không nén được, lòng tôi se lại.

A đây thật có phải là làng cũ mà hai mươi năm trời nay tôi hằng ghi lấy hình ảnh trong ký ức không?

Hình ảnh làng cũ trong ký ức tôi không giống hẳn như thế này. Làng cũ tôi đẹp hơn kia! Nhưng nếu phải nhớ rõ đẹp như thế nào, nói rõ đẹp ở chỗ nào thì thật không có hình ảnh, ngôn ngữ nào diễn tả cho được. Phảng phất thì cũng có hơi giống đây. Tôi nghĩ bụng: Hẳn làng cũ mình vốn chỉ như thế kia thôi, tuy chưa tiến bộ hơn xưa, nhưng cũng vị tất đến nỗi thê lương như mình tưởng. Chẳng qua là tâm hồn mình đã đổi khác, bởi vì về thăm chuyến này, lòng mình vốn đã không vui.

Về thăm chuyến này, ý định là để từ giã lần cuối cùng ngôi nhà cũ nơi cả đại gia đình chúng tôi đời đời ở chung với

---

* Truyện *Cố Hương* đăng lần đầu tiên trên tạp chí Tân thanh niên, tháng 5 năm 1921.

nhau, mà chúng tôi đã phải đồng tình bán cho người ta rồi, nội năm tay phải giao cho họ. Vì thế, tôi cần phải về trước tết vĩnh biệt ngôi nhà yêu dấu và từ giã làng cũ thân mến, đem gia đình đến nơi đất khách tôi đang làm ăn sinh sống.

Tinh mơ sáng hôm sau, tôi về tới cổng nhà. Trên mái ngói, mấy cọng tranh khô phất phơ trước gió. Đủ rõ nhà không đổi chủ không được. Những gia đình khác có lẽ đã dọn đi rồi cho nên cảnh tượng càng hiu quạnh. Tôi vừa bước vào gian nhà chúng tôi ở thì mẹ tôi đã chạy ra đón. Hoằng, đứa cháu mới lên tám tuổi, cũng chạy theo sau.

Mẹ tôi rất mừng rỡ, nhưng nét mặt vẫn ẩn một nỗi buồn thầm kín. Mẹ tôi bảo tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, uống trà, không đả động gì đến chuyện dọn nhà cả. Cháu Hoằng chưa gặp tôi bao giờ chỉ dám đứng đằng xa nhìn tôi chòng chọc.

Nhưng rồi chúng tôi cũng bàn đến chuyện dọn nhà. Tôi nói nhà trên kia đã thuê xong, cũng đã sắm được ít đồ đạc, giờ hãy đem các thức đồ gỗ ở nhà này bán đi hết lấy tiền mua thêm sau. Mẹ tôi cho cũng phải và bảo hành lý đã thu xếp gọn gàng đâu vào đấy cả rồi, đồ gỗ không tiện chuyên chở nhưng tiền chưa thu vén được đủ.

Mẹ tôi nói:

- Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường.

- Vâng

- Cô anh Nhuận Thổ lần nào đến chơi cũng nhắc nhở đến con và rất mong có ngày được gặp con. Mẹ đã nhắn tin cho anh ấy biết chừng ngày nào con về. Có lẽ anh ấy cũng

sắp đến thôi.

Lúc bấy giờ trong ký ức tôi, bỗng hiện ra một cảnh tượng thần tiên, kỳ dị: Một vừng trăng tròn vàng thắm treo lửng lơ trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ biển, trồng toàn dưa hấu, bát ngát một màu xanh rờn. Giữa ruộng dưa, một đứa bé trạc mười một, mười hai tuổi, cổ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba, đang cố sức đâm theo một con "tra"[1]. Con vật bỗng quay lại, luồn qua háng đứa bé, chạy mất.

Đứa bé ấy chính là Nhuận Thổ. Khi tôi quen Nhuận Thổ, cách đây khoảng chừng ba mươi năm, Nhuận Thổ chỉ độ lên mười. Lúc đó thày tôi hãy còn, cảnh nhà sung túc, tôi đàng hoàng là một cậu ấm. Năm ấy là năm đến lượt nhà tôi lo giỗ tổ. Nghe nói thì cứ hơn ba mươi năm mới đến lượt lo giỗ này một lần, cho lên rất linh đình. Giỗ vào tháng giêng; lễ vật rất nhiều, các đồ tế rất sang, người đến lễ cũng rất đông, vì thế phải đề phòng mất cắp. Nhà tôi chỉ nuôi một người ở tháng (địa phương tôi, người đi làm thuê chia làm ba hạng, ở năm gọi là "trường niên", làm thuê từng ngày gọi là "đoản công", nhà mình cũng có cày, chỉ giỗ tết, hay vụ thu tô, đến làm mướn cho người ta thì gọi là "ở tháng"). Người ở bận quá, làm không hết việc, liền xin thầy tôi cho gọi thằng con là Nhuận Thổ đến để nó trông coi các thứ đồ cho. Thầy tôi bằng lòng. Tôi cũng rất thích vì đã có nghe nói đến Nhuận Thổ, lại biết Nhuận Thổ với tôi tuổi cũng suýt soát

---

[1] Theo bức thư của Chương Y Bình gửi cho người dịch tiểu thuyết của Lỗ Tấn ra tiếng Nga thì ông ta đã có hỏi Lỗ Tấn. Lỗ Tấn trả lời, đó là một tên thú ông tuỳ tiện đặt ra. Cũng là một loại lợn rừng.

bằng nhau. Hắn sinh tháng nhuận, ngũ hành khuyết thổ[1] nên bố hắn đặt tên là Nhuận Thổ. Hắn bắt chim tước thì tài lắm.

Vì vậy ngày nào tôi cũng mong cho mau đến năm mới. Năm mới đến thì Nhuận Thổ cũng đến mà! Chờ mãi mới hết năm. Một hôm, mẹ tôi bảo: "Thằng Nhuận Thổ đến rồi đấy!" Tôi liền chạy ra xem. Hắn đang đứng trong bếp, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng. Đủ biết bố hắn quý hắn như thế nào: sợ hắn khó nuôi, bố hắn đã nguyện trước thần phật làm vòng xích, xích lại. Hắn thấy ai là bẽn lẽn, chỉ không bẽn lẽn với một mình tôi thôi. Khi vắng người, hắn mới nói chuyện với tôi. Vì thế chưa đầy nửa ngày chúng tôi đã thân nhau.

Không biết bấy giờ chúng tôi nói với nhau những gì, chỉ nhớ rằng Nhuận Thổ thích chí lắm. Hắn bảo lên tỉnh hắn mới được trông thấy những điều hắn chưa bao giờ trông thấy cả.

Hôm sau, tôi rủ hắn bẫy chim. Hắn nói:

- Không được đâu! Phải chờ tuyết xuống cho nhiều đã. Làng em toàn đất cát, hễ tuyết xuống là em quét lấy một khoảng đất trống; dùng một cái que ngắn chống một cái nong lớn, rắc ít lúa lép, thấy chim tước xuống ăn, đứng đằng xa giật mạnh sợi dây buộc vào cái que, thế là chim bị chụp vào cái nong hết. Thứ nào cũng có: sẻ đồng, chào mào "bột cỏ", sẻ xanh lưng.

---

[1] Theo lối mê tín về tướng số thì mệnh người có ngũ hành: *kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ*. Có đủ ngũ hành là số tốt, khuyết một hành là số xấu. Khuyết hành nào thì lấy tên hành ấy mà đặt tên, có thể bổ cứu cho vận mệnh.

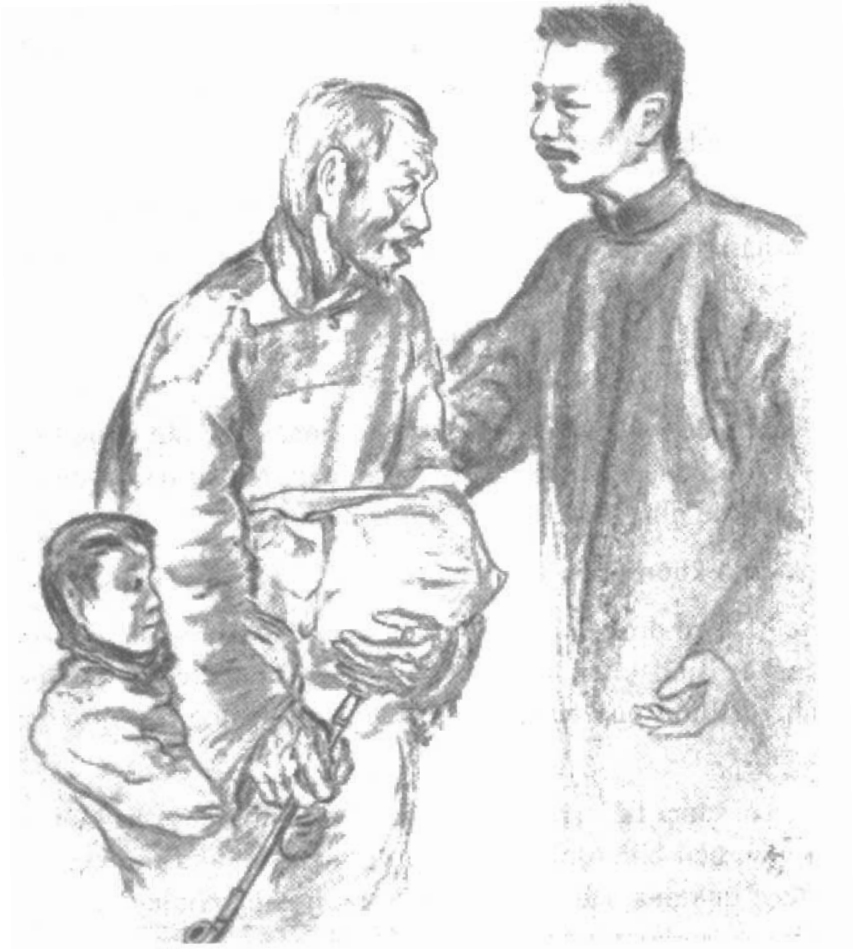

Tranh minh họa "Cô Hương" của Tư Đỗ Kiểu

Vì thế, tôi lại càng chờ ngày tuyết xuống.

Nhuận Thổ lại nói:

- Bây giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè anh xuống nhà em chơi. Ban ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Có cả sò "mặt quỷ", sò "tay phật" Tối đến, em và thầy em đi canh dưa thì anh cũng đi...

- Canh trộm à?

- Không phải. Ở làng em, người ta đi qua đường khát nước hái một quả dưa ăn, không kể là lấy trộm, canh là canh lợn rừng, nhím, tra. Này nhé! Sáng trăng. Có tiếng sột soạt. Tra đang ngốn dưa đấy! Thế là cầm đinh ba khe khẽ tiến lên...

Hồi đó- và cho đến cả bây giờ nữa, - tôi vẫn chưa biết con tra là con gì. Chẳng căn cứ vào đâu, tôi cứ tưởng tượng hình thù nó như con chó con nhưng dữ tợn hơn.

- Nó không cắn à?

- Đã có đinh ba rồi. Tiến lên gần, thấy tra là đâm ngay. Giống ấy tinh khôn lắm. Nó quay lại, đâm thẳng về phía mình rồi luồn qua háng mình, biến mất. Lông, da nó trơn như mỡ.

Tôi chưa hề biết trên đời này có những chuyện mới lạ như vậy: bên bờ có những vỏ sò đủ màu sắc như thế kia, và có được quả dưa hấu ăn cũng phải trải qua bao nhiêu là nguy hiểm. Trước đây tôi chỉ biết quả dưa hấu bán ở hàng hoa quả mà thôi!

- Ở đất cát chúng em, lúc thuỷ triều dâng lên, có rất

nhiều những con"cá nhảy", cứ nhảy lung tung, hai chân như chân nhái.

Trời ơi! Nhuận Thổ hắn biết nhiều chuyện lạ lùng lắm, kể không xiết! Những chuyện đó, bạn bè tôi từ trước đến nay, không ai biết cả. Chúng nó không biết là vì trong khi Nhuận Thổ sống bên bờ biển thì chúng nó, cũng như tôi, chỉ nhìn thấy một mảnh trời vuông trên bốn bức tường cao bao bọc lấy cái sân mà thôi!

Nhưng tiếc thay, đã hết tháng giêng. Nhuận Thổ phải về quê hắn. Lòng tôi rộn ràng, tôi khóc to lên. Hắn lẩn trong bếp, cũng khóc mà không chịu về. Nhưng rồi bố hắn cũng lôi hắn đi. Sau đó, hắn có nhờ bố hắn mang lên cho tôi một bọc vỏ sò và mấy thứ lông chim rất đẹp. Tôi cũng có vài lần gửi cho hắn ít quà. Nhưng từ đấy chúng tôi không hề gặp mặt nhau nữa.

Bây giờ mẹ tôi nhắc đến Nhuận Thổ, kí ức tôi bỗng dưng như bừng sáng lên trong chốc lát. Tôi cảm thấy tựa hồ tôi đã tìm ra được quê hương tôi đẹp ở chỗ nào. Tôi trả lời mẹ tôi:

- Thế thì hay quá! Anh ta... ra sao?

- Anh ta ấy à? Tình cảnh cũng chẳng ra gì. - Mẹ tôi vừa nói vừa nhìn ra phía ngoài-... Mấy người kia lại đến! Nói mua đồ gỗ nhưng cứ tiện tay, mang bừa đi. Mẹ phải ra xem sao.

Mẹ tôi đứng dậy, đi ra. Ngoài cửa có tiếng đàn bà đang hỏi chuyện. Tôi gọi cháu Hoằng đến gần, hỏi vớ vẩn: hỏi nó đa biết viết chưa, có thích đi xa không.

- Chúng ta có đi tàu hỏa không, bác?

- Có, chúng ta đi tàu hoả.

- Thế có đi thuyền không, bác?

- Có, đi thuyền trước...

Bỗng có tiếng ai lạ, the thé nói to lên:

- Thế này rồi kia à! Râu mọc dài thế này rồi kia à!

Tôi giật mình, vội ngửng đầu lên thì trông thấy một người đàn bà, trên dưới năm mươi tuổi, lưỡng quyền nhô ra, hai tay chống nạnh, không buộc thắt lưng chân đứng chạng ra, giống hệt cái com -pa trong bộ đồ vẽ, có hai chân bé tí.

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên.

- Không nhận ra à! Ngày bé tôi vẫn bế anh đấy!

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn. May mà lúc đó mẹ tôi bước vào đỡ lời cho:

- Cháu nó đi xa lâu ngày thành ra quên hết cả. Con nhớ nhá!

Rồi ngoảnh về phía tôi nói:

- Đây là thím Hai Dương ở xế cửa nhà ta đây mà! Thím mở hàng bán dầu phụ.

À! Nhớ ra rồi. Hồi tôi còn bé, quả có một chị Hai Dương vẫn ngồi trong quán bán đậu phụ xế cửa nhà tôi, người ta gọi chị là "nàng Tây Thi đậu phụ". Nhưng hồi đó chị xoa phấn, lưỡng quyền không cao như thế này, môi cũng không mỏng như bây giờ. Và chị cứ ngồi suốt buổi lên tôi cũng chưa hề được nhìn thấy cái dáng điệu "com- pa" của chị. Hồi đó người ta nói, sở dĩ hàng đậu phụ bán chạy là vì

có chị ta. Song có lẽ vì tôi không cùng lứa tuổi với chị, cũng chưa bao giờ bị chị ta làm cho đắm đuối, cho nên mới quên bẵng đi. Nhưng cái com-pa kia lấy làm bất bình lắm, tỏ vẻ khinh bỉ, cười kháy tôi như cười kháy một người Pháp không biết đến Nã Phá Luân[1], một người Mỹ không biết đến Hoa Thịnh Đốn[2] vậy! Rồi nói:

- Quên à? Phải rồi, bây giờ cao sang rồi thì để ý đâu đến bọn chúng tôi nữa!

Tôi hoảng hốt, đứng dậy, nói:

- Đâu có phải thế! Tôi...

- Thế thì tôi nói anh nghe nhé! Anh Tấn này! Anh bây giờ sang trọng rồi, còn cần quái gì cái thứ đồ gỗ hư hỏng này nữa. Chuyên chở lại lịch kịch lắm. Cho chúng tôi khuân đi thôi, chúng tôi nhà nghèo dùng được tất.

- Có gì đâu mà sang trọng! Chúng tôi cần phải bán các thứ này đi để...

- Ái chà! Anh bây giờ làm quan rồi mà bảo là không sang trọng? Những ba nàng hầu. Mỗi lần đi đâu là ngồi kiệu lớn tám người khiêng, còn bảo là không sang trọng? Hừ! Chẳng cái gì giấu nổi chúng tôi đâu!

Tôi không thể nói làm sao được, đành ngậm miệng, đứng trầm ngâm.

- Ôi chào! Thật là càng giàu có càng không dám rời

---

[1] Tức Napoléon (1769-1821) vua nước Pháp nổi tiếng một thời.

[2] Tức Washington (1732-1799) một trong những người xây dựng nước cộng hoà Mỹ (N.D)

một đồng xu! Càng không dám rời một đồng xu lại càng giàu có!

Mụ "com-pa" tức giận, miệng lẩm bẩm quay gót thong thả đi ra, tiện tay giật luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giắt vào lưng quần, cút thẳng.

Sau đó lại có mấy người bà con hàng xóm và mấy người thân thuộc đến thăm. Tôi vừa tiếp khách vừa tìm chút thì giờ rảnh sửa soạn chút hành lý. Như thế mất ba, bốn ngày.

Một hôm , trời rét lắm. Quá trưa, tôi vừa ăn cơm xong, đang ngồi uống trà, bỗng nghe như có tiếng ai ở ngoài đi vào. Ngoảnh ra xem, tôi ngạc nhiên vô cùng, vội vàng đứng dậy ra đón.

Người đi vào là Nhuận Thổ. Tuy tôi nhận ra ngay là Nhuận Thổ, nhưng lại không phải là Nhuận Thổ trong ký ức tôi. Anh cao gấp hài trước, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng xạm, lại có thêm những nếp rãn sâu hóm. Cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trước, mi mắt viền đỏ húp mọng lên. Tôi không lấy làm lạ: ở miền biển, gió thổi suốt ngày, đại để ai cũng thế cả. Anh đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một tẩu thuốc lá dài. Bàn tay này cũng không phải là bàn tay tôi còn nhớ, hồng hào, lanh lẹn, mập mạp, cứng rắn, mà vừa thô kệch vừa nặng nề, lại nứt nẻ như vỏ cây thông.

Lúc bấy giờ tôi mừng rỡ vô cùng, nhưng chưa biết nói thế nào cho phải, đành chỉ hỏi:

- À, anh Nhuận Thổ, anh đã đến đấy à!...

Thật ra, tôi còn rất nhiều chuyện để nói tiếp, tưởng chừng có thể tuôn ra như nước chảy: nào là chim chào mào, nào là cá nhảy, vỏ sò, tra..., nhưng không biết hình như có cái gì chẹn lại, chỉ loanh quanh trong đầu óc, không thốt ra thành lời được.

Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt vừa hớn hở vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng nói không ra tiếng. Rồi bỗng anh lấy mộ dáng điệu cung kính, chào rất rành mạch:

- Bẩm ông!

Tôi như điếng người đi. Thôi đúng rồi! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dầy ngăn cách. Thật là bi đát. Tôi cũng nói không nên lời.

Anh ta ngoảnh đầu lại gọi:

- Thuỷ Sinh. Con không lạy ông đi kìa!

Anh liền kéo đứa bé nấp sau sau anh ra. Trông nó giống hệt anh hai mươi năm về trước, chỉ điều vàng vọt, gầy còm hơn một tí, mà cổ không đeo vòng bạc.

- Thưa, đây là cháu thứ năm đấy à! Chưa đi đâu bao giờ, cứ thấy ai là lẩn tránh...

Mẹ tôi và cháu Hoằng chừng đã nghe thấy tiếng từ trên gác đi xuống.

Anh Nhuận Thổ nói:

- Lạy cụ ạ! Thư cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá!

Mẹ tôi vui vẻ nói:

- Ấy, sao lại khách tình thế! Chẳng phải là trước kia,

vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi!

-Ái chà! Cụ thật là... Như thế còn ra thể thống gì nữa. Hồi đó, còn nhỏ dại, chưa hiểu...

Anh Nhuận Thổ vừa nói vừa gọi Thuỷ Sinh lại chào, nhưng thằng bé bẽn lẽn, bám sát vào lưng bố.

Mẹ tôi nói:

- Cháu Thuỷ Sinh đấy à? Cháu thứ năm phải không nhỉ? Toàn là người lạ, chả trách rụt rè là phải. Hoằng đâu, dẫn em ra chơi đi!

Hoằng nghe nói vừa liền gọi Thuỷ Sinh. Thuỷ Sinh nhẹ nhàng, khoan khoái cùng Hoằng đi ra. Mẹ tôi bảo Nhuận Thổ ngồi. Anh ngập ngừng một lát rồi cũng ngồi xuống, để cái tẩu thuốc dựa vào mé bàn, đưa cái gói giấy ra nói:

- Ngày đông tháng giá, chẳng có gì. Đây chỉ là ít đậu xanh của nhà phơi khô, xin ông...

Tôi hỏi thăm gia đình anh. Anh chỉ lắc đầu.

- Bẩm, vất vả lắm! Cháu thứ sáu cũng đã giúp được việc, nhưng nhà vẫn không đủ ăn, lại có được sống yên ổn đâu!... Chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng có luật lệ gì cả. Mùa lại mất. Trồng được gì là gánh đi bán tất. Chỉ đóng thuế chợ là đã cụt vốn rồi. Không đem bán thì lại thối mục hết.

Anh cứ lắc đầu. Nhưng nếp rãn khắc sâu trên mặt anh tuyệt nhiên không động đậy. Trông anh phảng phất như một pho tượng đá. Có lẽ anh chỉ cảm thấy khổ chứ không nói ra được hết, ngồi trầm ngâm một lúc, rồi cầm lấy dọc tẩu, lặng lẽ hút thuốc.

Mẹ tôi hỏi chuyện anh, anh biết nhà anh bận lắm việc, ngày mai phải về, lại chưa ăn cơm trưa, liền bảo anh xuống bếp rang cơm ăn.

Anh ra đi. Mẹ tôi và tôi đều than thở, buồn cho cảnh nhà anh: con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào, đày đọa thân anh khiến anh trở thành đần độn, mụ mẫm đi! Mẹ tôi bàn với tôi:

- Cái gì không cần chở đi thì cho anh ta hết. Cứ để cho tuỳ ý chọn, lấy cái nào thì lấy.

Đến chiều anh chọn xong mấy thứ: một đôi bàn dài, bốn chiếc ghế tựa, một bộ tam sự và một cái cân anh lại xin tất cả các đống tro (ở quê tôi, người ta nấu bằng rơm, rạ, tro có thể dùng bón đất cát), chờ khi nào chúng tôi lên đường là đem thuyền đến chở.

Đêm đến, chúng tôi cũng nói vài ba câu chuyện phiếm, toàn là những chuyện chẳng quan trọng gì. Sáng hôm sau, anh đem Thuỷ Sinh về.

Chín ngày sau, chúng tôi lên đường. Sáng sớm, Nhuận Thổ đã đến rồi. Thuỷ Sinh không đi theo. Anh chỉ đem theo một đứa cháu gái năm tuổi để trông thuyền. Chúng tôi bận rộn suốt cả ngày, không có thì giờ trò chuyện. Khách khứa cũng nhiều. Kẻ đến đưa chân, người đến lấy đồ đạc. Có kẻ vừa đưa chân vừa lấy đồ đạc. Gần tối, chúng tôi xuống thuyền thì tất cả đồ đạc trong ngôi nhà cũ, hư hỏng, to nhỏ, xấu tốt, đều mang đi sạch trơn như quét.

Thuyền chúng tôi thẳng tiến. Trong hoàng hôn, những dãy núi xanh hai bên bờ sông đen sẫm lại, nối tiếp nhau chạy lùi về phía sau lái.

Tôi và cháu Hoằng ngồi tựa cửa thuyền, cùng nhìn phong cảnh mờ ảo bên ngoài. Bỗng cháu Hoằng hỏi:

- Bác này! Lúc nào chúng ta lại về nhỉ?

- Trở về? Sao cháu chưa đi đã nghĩ đến chuyện trở về?

- Nhưng mà thằng Thuỷ Sinh nó hẹn cháu đến nhà nó chơi mà!

Hoằng giương to đôi mắt đen nháy nhìn tôi, ngây người suy nghĩ.

Tôi và mẹ tôi cũng đều có ý buồn, vì thế mà lại nhắc đến Nhuận Thổ. Mẹ tôi nói:

- Cái chị Hai Dương, "nàng Tây Thi đậu phụ" ấy mà! Từ khi nhà ta bắt đầu sửa soạn hành lý, chẳng ngày nào là chị ta không đến. Hôm trước, chị ta đứng cạnh đống tro, moi ra hơn mười chiếc, cả bát lẫn đĩa, bàn tán một hồi rồi nói quyết rằng Nhuận Thổ vùi vào đây để khi nào xúc tro là mang đi luôn. Chị ta khám phá ra việc đó, tự cho mình là có công, liền lấy ngay cái "cẩu khí sát" (một dụng cụ ở quê tôi người ta dùng nuôi gà, làm bằng một tấm ván, trên có song song, trong đựng thức ăn, gà chỉ việc thò cổ vào mổ, còn chó thì đứng nhìn, chịu chết), rồi chạy biến. Tuy chị ta lùn và chân bé tí tẹo thế mà chạy cũng nhanh đáo để!

Ngôi nhà cũ xa dần, phong cảnh làng cũ cũng mờ dần, nhưng lòng tôi không chút lưu luyến. Tôi chỉ cảm thấy xung quanh tôi là bốn bức tường vô hình, nhưng rất cao, làm cho tôi vô cùng lẻ loi, sầu muộn. Hình ảnh đứa bé oai hùng, cổ đeo vòng bạc, đứng giữa ruộng dưa hấu, tôi vốn nhớ rõ lắm, nhưng bây giờ bỗng nhiên cũng mờ nhạt đi, khiến tôi lại

càng thêm ảo não.

Mẹ tôi và cháu Hoằng đã ngủ rồi.

Tôi nằm xuống, nghe tiếng nước róc rách vỗ vào mạn thuyền, biết là tôi đang theo con đường của tôi. Tôi nghĩ bụng: Tôi và Nhuận Thổ, tuy cách bức đến như thế này, nhưng con cháu chúng tôi vẫn còn thân thiết nhau. Chẳng phải cháu Hoằng đang tưởng nhớ đến Thuỷ Sinh đó ư? Tôi mong ước chúng nó sẽ không giống chúng tôi, không bao giờ phải cách bức nhau cả... Nhưng tôi cũng không muốn chúng nó vì thân thiết với nhau mà phải vất vả, chạy vạy như tôi, cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà đần đọn như Nhuận Thổ; cũng không muốn chúng nó khốn khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác. Chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới, một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống.

Tôi nghĩ đến những niềm hy vọng, bỗng nhiên hoảng sợ. Khi Nhuận Thổ xin chiếc lư hương và đôi đèn nến, tôi cười thầm, cho rằng anh ta lúc nào cũng không quên sùng bái tượng gỗ.

Nhưng bây giờ, điều tôi đang gọi là hy vọng đây, biết đâu không phải là một thứ tượng gỗ tự tay tôi chế tạo ra? Có khác chăng là những điều anh ta mong ước thì gần gũi, còn những điều tôi mong ước thì xa vời đó thôi.

Tôi đang mơ màng, thì trước mắt tôi hiện ra cảnh tượng một cánh đồng cát, màu xanh biếc, cạnh bờ biển; trên vòng trời xanh đậm, treo lơ lửng một vừng trăng tròn vàng thắm. Tôi nghĩ bụng: đã gọi là hy vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt

đất; kỳ thực, trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

Tháng giêng năm 1921.

AQ. CHÍNH TRUYỆN*

I - TỰA

Tôi có ý viết cho chú A Q một pho chính truyện đã mấy năm trời nay rồi, nhưng một đằng tính viết, một đằng lại ngần ngại[1]. Điều đó đủ chứng tỏ rằng tôi chẳng có tư cách một nhà "lập ngôn"[2] tí nào. Chả là xưa nay những ngòi bút bất hủ phải dành để viết về những nhân vật bất hủ. Thế rồi, nhân vật nhờ văn chương mà trường thọ, văn chương cũng nhờ nhân vật mà được lưu truyền. Rút cục, văn chương nhờ nhân vật hay là nhân vật nhờ văn chương mà được lưu

---

Truyện này lần lượt đăng lần đầu tiên ở tư phủ trương *Thần báo*, từ tháng 12 năm 1921 đến tháng 2 năm 1922. Những truyện khác thì tác giả để tên là Lỗ Tấn, riêng truyện này thì lấy tên là Ba Nhân. Năm 1925, chính tác giả có viết một bài tựa cho bản dịch tiếng Nga, bài tựa này sau thu thập trong *Tập ngoại tập*. Năm 1926, lại viết bài "*Vì sao tôi viết AQ chính truyện*" thu thập trong *Hoa cái tiếp theo*, Tập văn I. Tái nhà xuất bản Văn Học, 1963.

* Trong bài "*Vì sao tôi viết AQ chính truyện*" *Hoa cái tiếp theo* (Tập văn I) Lỗ Tấn viết: "Hình ảnh AQ đã ám ảnh tôi hơn trong mấy năm trời, nhưng trước hồi đó, tôi chưa hề nghĩ đến sự đem ra viết thành một bộ tiểu thuyết". Điều này cho ta thấy tác giả thiết tha đến vấn đề cách mạng Trung Quốc, vấn đề cải tạo con người Trung Quốc cũ như thế nào.

* Hai chữ "lập ngôn" trích ở *Tả truyện*. Các nhà văn ngày trước vẫn dùng hai chữ này chỉ công trạng những người đã nói hoặc đã viết những lời lưu truyền về sau. Các nhà nho Trung Quốc ngày trước cho rằng: có ba hạng người "bất hủ", một là lập đức, hai là lập công, ba là lập ngôn. Trong câu này, Lỗ Tấn có ý giễu cợt những nhà văn viết văn ngôn, những nhà văn "hàn lâm".

truyền, cũng khó nói cho minh bạch. Ấy thế mà chung qui tôi lại vẫn cứ nghĩ đến viết truyện[1] cho AQ. Thì ra tâm trí tôi như có ma quỷ ám ảnh.

Nhưng vừa cầm bút định viết thiên văn chương "tốc hủ" này, tôi đã thấy nhiều điều khó khăn.

Một là cái nhan đề cuốn truyện. Đức Thánh nói rằng: "Danh bất chính tắc ngôn bất thuận" (Tên không đúng thì lời nói không xuôi). Ấy là một điều mình phải đặc biệt chú ý. Truyện có nhiều loại: Liệt truyện, tự truyện, nội truyện, ngoại truyện, biệt truyện, gia truyện, tiểu truyện... phiền một nỗi không có tên nào hợp cả. Gọi là "liệt truyện" ư? Thì đây nào có phải là một nhân vật có tên tuổi bằng vai bằng lứa với những nhân vật tai to mặt lớn trong "chính sử"! Gọi là "liệt truyện" ư? Thì tôi nào có phải là AQ! Nói là "ngoại truyện", thì "nội truyện", ở đâu? Còn nói là "nội truyện", thì AQ quyết không phải là thần tiên. Hay là dùng chữ "biệt truyện" vậy! Khốn nỗi ông Đại tổng thống ngài chưa hề hạ dụ cho quốc sử quán chép "bản truyện" của AQ bao giờ. Vẫn biết

---

[1] *Truyện* là một lối văn trọng thể trong lịch sử văn học Trung Quốc. Truyện là các chuyện nghệ của các sử quan ngày xưa. Những bài chép ở các sử vương triều đời trước đều gọi là *sử truyện*. Về sau truyện chia ra làm nhiều lối. Tư Mã Thiên, nhà sử đời Tiền Hán, đã chép liệt truyện đầu tiên, tức là truyện các danh nhân đời xưa. Về sau, các nhà sử đều bắt chước mà chép theo thể liệt truyện vì truyện các danh nhân được liệt vào chính sử cho nên người ta cũng gọi là *chính truyện* (hay là *bản truyện*) nghĩa là truyện một nhân vật trong chính sử. Còn có nhiều lối truyện khác nữa: *tự truyện* do tự tác giả chép lấy truyện mình, nội truyện là truyện kỳ chép theo lối tiểu thuyết thần tiên; ngoại truyện hay *biệt truyện* là truyện của một danh nhân đã chép ở liệt truyện, chính truyện hay bản truyện rồi, nhưng còn có vài truyện chưa chép mà người sau góp nhặt chép lại để bổ khuyết, (*chữ ngoại chữ biệt* ở đây là đối lập với chữ *chính*, chữ bản trong *chính truyện bản truyện*); gia truyện là truyện riêng của một nhân vật nào phần nhiều do bà con, bạn bè chép, *tiểu truyện* là truyện chép qua loa thân thế một người.

rằng mặc dù trong bộ chính sử nước Anh không hề chép liệt truyện các người đánh bạc, mà nhà đại văn hào Dickens cũng đã viết ra bộ *Liệt truyện những người đánh bạc*[1]. Nhưng một nhà văn hào có thể như thế, chứ bọn mình thì quyết không xong. Sau nữa còn hai chữ "gia truyện" . Nhưng tôi không rõ tôi với A Q có phải là bà con không mà con cháu y cũng chưa nhờ tôi viết hộ bao giờ! Hay gọi là "tiểu truyện"? Thì A Q cũng chưa hề có một bộ "đại truyện"[2] nào cả. Nói tóm lại, truyện này cũng có thể cho là một bộ " bản truyện" , nhưng xét ra, văn chương của tôi nôm na mách qué lắm, toàn dùng những lời của "anh kéo xe, chị bán tương"[3], lẽ nào lại dám lạm dụng như thế? Cực chẳng đã, đành phải mượn hai chữ "chính truyện" trong câu đưa đẩy mà mấy nhà viết tiểu thuyết "không chính quy" vẫn dùng: "Nhàn thoại hưu đề, ngôn quy chính truyện" (Hãy gác những chuyện rườm rà để kể lại chuyện chính[4] mà đặt cho bộ sách cái tên "chính truyện" mặc dù hai chữ này có thể lẫn lộn với hai chữ "chính truyện" trong tên bộ sách có tiếng của cổ nhân là bộ *Thư*

---

[1]) Charles Dickens (1812-1870) là một nhà văn viết tiểu thuyết người Anh. Cuốn *Liệt truyện những người đánh bạc* do Trần Đại Đăng dịch. Thương vụ ấn quán xuất bản. Tên sách chính là *Rodney Stone*. Sách đó, A. Conan Doyle.(1859-1930) sáng tác. Trong bức thư gửi cho Vị Tố Viên ngày 8-8-1926, Lỗ Tấn có viết: *Liệt truyện những người đánh bạc* là tên dịch cuốn *Rodney Stone*. Cuốn này là của A. Conan Doyle. Trong AQ *chính truyện* ghi là Dickens, đây là tôi nhớ nhầm.

[2] *Đại truyện* không phải là một thể văn chép truyện. Chẳng qua Lỗ Tấn dựa vào chữ *tiểu truyện* mà đặt thêm một danh từ mới để chế giễu các nhà văn viết văn ngôn mà thôi.

[3] Đây là nói văn bạch thoại. Lỗ Tấn nhắc lại lời của Lâm Thư (tức Lâm Cầm Nam) trong bức thư gửi cho Thái Nguyên Bồi phản đối văn thoại.

[4] Trong các bộ tiểu thuyết Trung Quốc ngày trước, tác giả thường dùng mấy chữ "*Nhàn thoại hưu đề, ngôn quy chính truyện*" để làm câu đưa đẩy.

pháp chính truyền[1] thì cũng mặc!

Hai là, lệ thường phàm viết truyện, người ta vẫn hay mào đầu bằng mấy chữ. "Ông Mỗ, tự là Mỗ, người xứ nọ, xứ kia...", thế nhưng tôi lại không biết AQ họ gì hết? Có một lần, tưởng như AQ là họ Triệu, nhưng đến ngày hôm sau thì lại không lấy gì làm chắc nữa. Ấy là hôm cậu con Cụ Cố nhà họ Triệu vừa thi đỗ tú tài. Hôm ấy, tiếng phèng la bèng! bèng! báo tin cho làng nước biết. AQ uống luôn hai bát rượu tăm rồi khoa chân múa tay nói rằng: tin ấy cũng làm cho y rất vẻ vang, bởi vì y vốn là bà con với cụ Triệu: nếu tính theo đúng thế thứ trong gia đình thì y còn đứng ngang hàng với ông nội cụ tú kia đấy! Lúc đó, những người đứng xung quanh nghe cũng có vẻ kính nể y. Nào ngờ, hôm sau bác khán làng đã gọi AQ đến nhà Cụ Cố họ Triệu. Vừa thấy AQ, cụ mặt bừng bừng mắng ngay:

- AQ! Mày là một thằng khốn nạn mà mày lại dám nhận là họ hàng với tao kia à!

AQ đứng câm miệng.

Cụ càng nhìn, càng giận, sấn tới mấy bước nữa, nói:

- Mày dám nói láo như thế à? Làm sao tao lại họ hàng với thứ mày được? Mày là người họ Triệu à?

AQ vẫn đứng im thin thít, muốn liệu thế chuồn nhưng Cụ Cố đã nhảy tới, tát cho một tát vào mặt.

- Mày là người họ Triệu thế nào được kia chứ? Mày mà

---

[1] chữ truyền viết giống chữ truyền. Sách này dạy về cách viết chữ, do Phùng Võ đời Thanh soạn.

họ Triệu vào cái ngữ nào?[1]

AQ không hề biện bác gì về chỗ y chính là họ Triệu hay không cả, chỉ đưa tay sờ vào má bên trái rồi cùng bác khán đi ra. Ra khỏi cửa, bác khán còn mắng cho một mẻ nữa, đành phải kỉnh cho bác hai quan tiền rượu[2]. Những người biết truyện đều cho AQ là vớ vẩn, khi không, chuốc lấy trận đòn oan, chứ nào đã chắc gì mình là người họ Triệu: mà dẫu có quả là người họ Triệu đi nữa thì trước mặt Cụ Cố, cũng không nên nói dại như vậy. Thế là từ đấy về sau, không ai nhắc đến chuyện AQ họ gì nữa. Vì vậy mà tôi không biết được thực tình AQ họ gì cả.

Ba là, tôi cũng không biết chữ tên AQ viết như thế nào[3]. Lúc y còn sống, người ta gọi y là A Quay, đến khi chết rồi thì chả hề ai nhắc đến tên ấy nữa, còn nói gì đến việc chép vào sử sách! Mà nếu như có việc chép vào sử sách, thì đây là lần đầu tiên đây, cho nên sự khó khăn này tôi vấp trước ai hết. Tôi từng có lúc nghĩ kỹ rằng: A Quây chính là A Quế hoặc A Quý đây[4]! Nếu như AQ có cái biệt hiệu là Nguyệt đình, hoặc giả y đã ăn sinh nhật vào khoảng tháng Tám, thì nhất định A Quế đứt đi rồi. Nhưng y lại chưa hề có biệt hiệu - mà có nữa cũng không ai biết - lại cũng chưa hề gửi thiếp cho ai vào ngày sinh nhật để người ta gửi đến cho những bài thơ chúc tụng, thành ra viết A Quế là võ đoán. Lại

---

[1] Đoạn này nói rõ người bạn cố nông không phải chỉ bị bóc lột về kinh tế. Mặc dù AQ "vốn là bà con với vụ Triệu", nhưng vì nghèo đói, nên cũngkhông được nhận là họ Triệu, họ của tên địa chủ giàu có nhất làng Mùi. Người nghèo hèn thì mất cả họ.

[2] Điều này nói rõ bọn hào lý trong làng chính là tay sai của bọn địa chủ để áp bức nông dân.

[3] Viết theo chữ Trung Quốc.

[4] Theo tiếng Trung Quốc thì chữ Quí và Quế đều đọc âm Quây cả.

nếu như y có một ông anh hoặc một ông em tên là A Phú chẳng hạn, thì nhất định y là A Quí; nhưng y chỉ trơ trọi có một mình. Vậy viết A Qúi cũng chẳng có bằng chứng gì. Còn những chữ lạ khác cũng âm "quây" thì tìm không ra. Trước đây, tôi cũng có hỏi qua cụ Tú con cụ Triệu; nào ngờ một người uyên bác như cậu ấy mà cũng mù tịt. Cậu ta lại kết luận rằng đó là tại ông Trần Độc Tú đấy! Ông ta ra tờ *Tân thanh niên*[1] rồi đề xướng việc đem chữ Trung Quốc mà viết theo lối chữ Tây, thành ra quốc tuý trầm luôn, không biết tra khảo vào đâu nữa. Cuối cùng, tôi đành phải nhờ một người làng lục hộ hồ sơ án AQ xem sao. Ròng rã tám tháng trời, người ta mới trả lời cho rồi rằng: Trong bản án không hề thấy tên nào đọc na ná là A Quây cả, không biết có chắc hay không, hoặc giả người ta không tra khảo gì cả cũng nên, nhưng tôi không còn cách nào khác nữa. Sợ lối "chú âm phù hiệu" chưa được thông dùng, tôi đành dùng lối chữ Tây, theo cách phiên âm của người Anh mà viết thành A Quây, và viết tắt là AQ vậy. Như thế, tôi đã nhắm mắt là theo bọn *Tân thanh niên*, trong lòng cũng hết sức áy náy, nhưng cậu Tú còn bí nữa là tôi đây, biết làm thế nào?

Bốn là quê quán AQ. Nếu như y là người họ Triệu thì theo thói quen hay xưng quận vọng, có thể chiếu theo chỗ chú giải trong cuốn *Quận danh bách gia tính*[2] mà nói rằng: y là người "Thiên Thuỷ, miền Lũng Tây". Nhưng đáng tiếc, A

---

[1] Trần Độc Tú cực lực chủ trương bỏ hẳn cách viết chữ Hán mà viết theo tư mẫu la tinh. Hồi đó, Lỗ Tấn cũng từng chủ trương như vậy. Đây chỉ là nhân tiện viết mấy câu để châm biếm những khối óc bảo thủ không muốn thay đổi

[2] *Bách gia tính* là một bộ sách vỡ lòng ngày trước đi học thường dùng. Các tên họ sắp thành thơ bốn chữ cho dễ đọc. *Quận danh bách gia tính* cũng thuộc loại đó: mỗi họ có chú thêm tên quận(cũng gọi là quận vọng), chỉ họ ấy nguyên thời trước ở đất nào. Thí dụ: họ Triệu ở Thiên Thuỷ, Lũng Tây...

Q họ gì chưa rõ lắm, thì quê quán y ở đâu cũng chưa có thể định được. Tiếng rằng A Q bình sinh vẫn trú ngụ ở làng Mùi, nhưng y lại cứ luôn luôn đi ngủ trọ đâu đâu ấy. Thành thử không thể nói y là người làng Mùi được. Nếu nói là người làng Mùi thì trái với phép viết sử.

Một điều an ủi cho tôi là A[1] thì đúng hết sức, quyết không mắc vào khuyết điểm vơ quàng vơ xiên, có thể đưa ra tuyên bố cùng các nhà thông thái được. Còn như những việc khác, thì kẻ thiển học này không dám xuyên tạc, chỉ mong các đồ đệ của ông Hồ Thích Chi[2] là những người "sính lịch sử, sính khảo cứu" sau này có tìm ra manh mối gì khác chăng? Nhưng lúc đó, e cuốn A Q *chính truyện* của tôi đã mất tích từ bao giờ rồi...

Trên đây cũng cho đi là một bài tựa.[3]

---

[1] A là tiếng người Trung Quốc dùng để gọi một người nào, khi không cần gọi họ, nhất những người dưới mình. Thí dụ: AQuây, A Húng.

[2] Hồ Thích Chi tức là Hồ Thích, nhà văn phản động, trước kia cũng từng tham gia mặt trận văn hoá thời Ngũ tứ.

[3] Về bài tựa này, và giọng hài hước ở đây, nên xem thêm bài "*Vì sao tôi viết AQ chính truyện*". "Vì muốn thực hiện ý nghĩa Mục Vui, cho nên tôi cũng xen tạp nhảm vào vài ba câu lớn mà giờ đây xét lại thì thấy cũng chả cần thiết gì với nội dung truyện cho lắm"

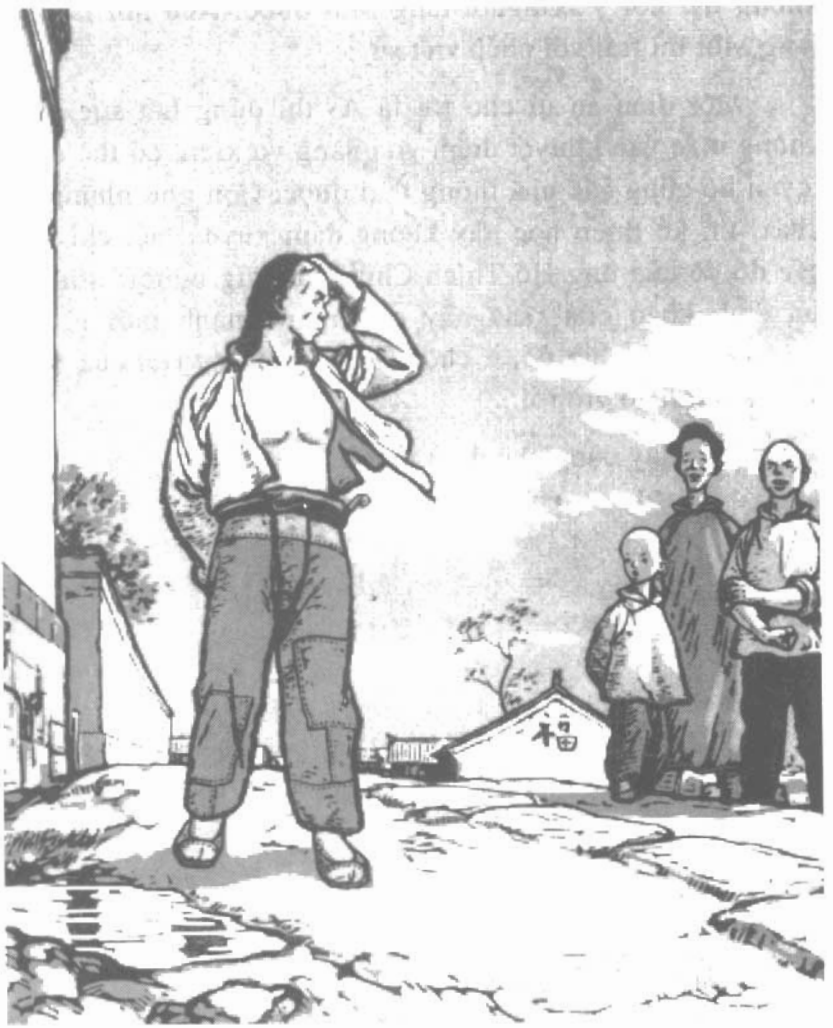

Tranh minh họa "AQ chính truyện" của Cổ Bình Hãm.

II - LƯỢC THUẬT NHỮNG CHUYỆN ĐẮC THẮNG CỦA A Q

A Q không những tên, họ, quê quán đều mập mờ, cho đến "hành trang" trước kia ra sao cũng không rõ ràng nốt, số là người làng Mùi đối với A Q xưa nay thì cần y làm công cho, hoặc chỉ đem y là làm trò cười mà thôi, chứ không bao giờ có ai chú ý đến "hành trang"của y cả, mà chính y tự mình cũng chưa hề bao giờ nói tới chuyện đó hết. Chỉ có những lúc cãi lộn với ai thì hoạ hoằn y mới trừng ngược mắt lên mà tuyên bố:

- Nhà tao xưa kia có bề có thế bằng mấy mày kia! Thứ mày thấm vào đâu![1]

AQ không hề có nhà cửa. Y trọ ngay trong đền Thổ Cốc làng Mùi. Y cũng không có nghề nghiệp nhất định, chỉ đi làm thuê làm mướn cho người ta, ai thuê gặt lúa, thì gặt lúa, ai thuê giã gạo thì giã gạo, ai thuê chống thuyền thì chống thuyền[2]. Ngộ những lúc công việc kéo dài thì y ở lại

---

[1] AQ không có dũng khí phản kháng,mà lại tìm cách tự lừa dối mình, vin vào dòng họ của mình, cho mình hơn người khác. Đó cũng là khía cạnh của "phương pháp thắng lợi tinh thần" của AQ nói rộng ra, đó cũng là chủ nghĩa quốc tuý, chủ nghĩa phục cổ, tự cao tự đại, về dân tộc, về văn minh tinh thần của giai cấp phong kiến thống trị Trung Quốc thời bấy giờ.

[2] Về thành phần AQ, trước đây có hai ý kiến: Một ý kiến cho rằng AQ là "dân vô sản lưu manh", một ý kiến cho là "bần cố nông". Xem đoạn này thì rõ ràng ý kiến sau đúng hơn. Nghề của chú ta làm"công vật" cho các nhà địa chủ ở thôn quê. *Trong bài Thơ gửi ban biên tập tuần báo kịch* (tập *Thế giới đinh*), Lỗ Tấn có viết"Theo ý tôi, AQ trạc ba mươi tuổi, hình dáng bình thường, có cái chất phác đôn độn kiểu nông dân, nhưng cũng có tiềm nhiễm ít nhiều cái xô lá của bọn du thủ du thực ở Thượng Hải, có thể tìm thấy bóng dáng y ở các người kéo xe tay, xe xích lô, tuy thế AQ không có bộ dạng lưu manh, cũng

trong nhà chủ tạm thời hôm đó, xong công việc lại đi. Cho nên, người ta có công việc bận bịu lắm thì còn nhớ đến A Q, nhưng nhớ là nhớ công việc làm, chưa nào phải nhớ gì đến "hành trạng"! Rồi đến lúc công việc rỗi thì luôn cả A Q, người ta cũng chả nhớ nữa, còn nói gì đến"hành trạng"!

Ấy thế mà có một lần, một ông lão nào đã tâng bốc y một câu như sau: "A Q được việc thật!". Lúc đó, A Q đang đánh trần đứng trước lão, người gầy gò và bộ uể oải; người ngoài nghe chả ai hiểu lão kia nói thật hay chế giễu, nhưng A Q rất lấy làm đắc ý.

A Q lại có tính tự cao. Cả bấy nhiêu mặt dân trong làng Mùi, y tuyệt nhiên không đếm xỉa đến ai cả. Cho đến hai cậu đồ trong làng cũng vậy, y vẫn xem thường hết sức. *Phù cậu đồ già*, ngày sau có thể thành thầy tú *già đã*[1]. Cụ Cố nhà họ Triệu và Cụ Cố nhà họ Tiền là hai người mà trong làng ai ai cũng kính trọng, bởi vì hai cụ gia tư đã giàu có, lại hai cậu con là hai cậu đồ; thế mà chỉ một mình A Q là không ra vẻ sùng bái lắm. Y nghĩ bụng"Con tớ ngày sau lại không làm nên, to bằng năm bằng mười lũ ấy à!"[2] Hơn nữa A Q lại có thể lên mặt với cả làng Mùi ở chỗ y đã lên huyện[3] mấy bận, mặc dù y có trọng gì lũ phố phường! Thì chẳng hạn, như cái ghế dài ba thước, rộng ba tấc, ở làng Mùi gọi là cái "ghế dài", A Q cũng gọi là "ghế dài", thế mà trên huyện, gọi là "tràng kỷ"! Y nghĩ bụng: "Gọi thế là sai! Là đáng cười!". Ở

---

không giống bọn du đãng lang thang ngoài hè phố ". Nhận xét này giải thích một số hành trạng mà tác giả kể ở những trang sau.

[1] Lỗ Tấn có ý đặt câu văn theo lối cử tử.

[2] Đó là một khía cạnh của "phương pháp thắng lợi tinh thần" của chú A Q, y không hơn được người khác, nhưng con cháu y sẽ hơn người khác!

[3] Ở Trung Quốc, huyện rất lớn, cho nên người nông thôn ít có dịp lên huyện.

làng Mùi, rán cá, người ta bao giờ cũng cho thêm một vài lá hành dài bằng ba đốt ngón tay, thế mà trên huyện, họ lại cho nhánh hành thái nhỏ vào. A Q nghĩ bụng: "Thế là sai, là đáng cười!" Nhưng người làng Mùi là những người nhà quê, chưa hề đi đâu cả, lại chẳng đáng cười hơn ai hết hay sao? Một đời chúng nó chưa hề biết trên huyện người ta rán cá như thế nào kia mà.[1]

A Q là người "trước kia có bề có thế", kiến thức rộng, lại "được việc", kể ra cũng đã có thể gọi là người "hoàn toàn" lắm rồi. Chỉ đáng tiếc là trong người y còn có một tí khuyết điểm. Bực bội nhất là ngay trên đầu có một đám sẹo to tướng chẳng biết từ bao giờ. Mặc dù đám sẹo đó cũng là vật sở hữu của y, nhưng xem trong ý tứ y thì hình như y cũng chẳng cho là quý báu gì, bởi vì y kiêng tuyệt không dùng đến chữ "sẹo" và tất cả những tiếng âm gần giống âm "sẹo". Về sau cứ mở rộng phạm vi dần, tiếng "sáng", tiếng "rạng" cũng kiêng, rồi tiếng "đèn", tiếng "đuốc" cũng kiêng tuốt. Chẳng cứ người nào, bất kỳ vô tình hay hữu ý mà phạm phải huý là A Q nổi giận, cái đám sẹo đỏ ửng lên, y nhìn để đánh giá đối thủ, rồi kẻ ít mồm ít miệng là y chửi, kẻ sức yếu là y đánh. Nhưng chẳng biết thế quái nào, A Q thường vẫn thua nhiều hơn là được. Do đó y thay đổi dần dần chính sách, về sau chỉ lườm kẻ thù bằng một cặp mắt giận dữ nữa mà thôi.[2]

---

[1] Cũng là một khía cạnh của "phương pháp thắng lợi tinh thần". Người nơi khác không làm như người làng y, là họ sai và hơn họ, trái lại AQ hơn người làng y ở chỗ y biết nhiều hiểu rộng. Như thế là lấy mình làm bản vị để nhận xét người khác.

[2] "Lườm kẻ thù mạnh hơn mình bằng một cặp mắt giận dữ" nhưng không dám chống cự lại, cũng là một khía cạnh của "phương pháp thắng lợi tinh thần"

Nào ngờ, sau lúc A Q thi hành cái chính sách "lườm nguýt" đó thì bọn vô công rồi nghề ở làng Mùi lại càng thích chọc ghẹo y hơn. Hễ thấy mặt A Q đâu là y như chúng nó giả vờ làm bộ ngạc nhiên nói:

- Ơ kìa! Sáng quang lên rồi kia kìa!

A Q lại nổi giận, lại lườm băng một cặp mắt rất dữ tợn. Nhưng chúng nó vẫn không sợ, cứ nói:

- À té ra có ngọn đèn bảo hiểm[1] kia kìa.

Không có cách gì đối phó. AQ đánh nghĩ ra một câu để trả thù:

- Thứ chúng mày không xứng...

Lúc đó, y lại cảm tưởng rằng cái sẹo trên đầu y không phải là một cái sẹo tầm thường mà là một cái sẹo vinh diệu, danh giá nữa kia. Nhưng như trên kia đã nói, AQ là người kiến thức rộng, y biết ngay rằng nếu y nói nữa nhất định sẽ phạm huý, nên y không nói hết câu.

Thế mà lắm đứa vẫn chưa chịu thôi, cứ ghẹo y, thành ra cuối cùng lại đánh nhau. Thực tế thì A Q thua, người ta nắm lấy cái đuôi sam vàng hoe của y và giúi đầu vào tường thình thình bốn năm cái liền rồi mới hả dạ bỏ đi, còn A Q thì đứng ngẩn người ra một lúc, nghĩ bụng:

- Nó đánh mình thì khác gì nó đánh bố nó. Thật thời buổi này hết chỗ nói[2]

---

[1] Thứ đèn thợ mỏ vẫn dùng ở dưới hầm để trông cho rõ mà làm việc.

[2] Đoạn này Lỗ Tấn nói đến mặt khía cạnh thần diệu của "phương pháp thắng lợi thần thánh" của chú A Q. Không căn cứ vào đâu cả, A Q tự cho mình là bố người khác: "Nó đánh mình khác gì đánh bố nó!"

Rồi cũng hớn hở ra về, vẻ đắc thắng.

Cái điều A Q vừa nghĩ trong bụng, về sau y nói toạc ra. Vì vậy, những kẻ vẫn hay chọc ghẹo y đều biết rõ cái thủ đoạn đắc thắng tưởng tượng của y. Cho nên, từ đó hễ đứa nào tóm lấy đuôi sam vàng hoe của y, nó cũng bảo:

- A Q này! Đây không phải là con đánh bố đâu nhé! Đây là người đánh con vật, nghe chưa? Hãy nói đi nào người đánh con vật.

A Q hai tay cố giữ lấy cái đuôi sam, nghếch đầu lên nói:

- Đánh con sâu! Được chưa! Tớ là sâu! Chưa thả ra à!

Tuy A Q đã nhận là sâu rồi mà nó vẫn chưa chịu thả. Nó còn tóm lấy đầu y giúi luôn năm sáu cái thình thình nữa vào chỗ nào gần đó rồi mới hớn hở bỏ đi, yên trí rằng sau trận này, y có thể xấu hổ mà chết đi được! Nhưng chưa đầy mươi giây đồng hồ sau, A Q đã lại hớn hở ra về có vẻ đắc thắng. Y nhận thấy y là người giỏi nhịn nhục bậc nhất, và ngoài việc "nhịn nhục" ra, thì về mọi phương diện, y vẫn là người "bậc nhất". Trạng nguyên cũng chỉ là người "bậc nhất" mà thôi! "Thứ mày kể vào đâu"[1]

Sau lúc đã dùng bấy nhiêu phương pháp thần diệu ra đối phó với kẻ thù, A Q liền khoan khoái đi tới quán rượu, nốc luôn mấy chén, đùa cợt với anh này, cãi lộn với anh kia, lại "đắc thắng" rồi mới hớn hở về đền Thổ Cốc, ngả ra làm một giấc đến sáng.

---

[1] Mỉa mai thay! Cái gì AQ cũng là người bậc nhất, kể cả việc nhịn nhục!" phương pháp thắng lợi tinh thần" đã làm cho y mù quáng đến mức ấy!

Giá phỏng trong túi sẵn tiền thì A Q đi đánh bạc. Giữa một đám người xúm nhau ngồi xổm, A Q mặt đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi, chen ngay vào, tiếng nói giòn hơn ai hết.

- Này, cửa *Thanh lang*, bốn quan đây!

- Mở lớ!

Bác nhà cái vừa mở vừa xướng, mặt cũng đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi.

- *Thiên môn lớ...* Bao nhiêu cửa giác cho về lớ! Cửa nhân và Xuyên đường để lại lớ! Tiền A Q đâu? Đưa đây!

- Cửa *Xuyên đường* một quan này! Quan năm này!

Giữa bấy nhiêu tiếng xướng ngân nga đó, tiền của A Q cứ thế dần dần luồn vào túi một bọn người khác, mặt cũng như mặt y, cũng đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi. Cuối cùng, A Q đành tháo ra ngoài vòng, đứng sau lưng bọn con bạc mà nhìn vào và hồi hộp thay cho kẻ khác, cho đến lúc tan sòng mới ngậm ngùi trở về đền Thổ Cốc, để hôm sau sẽ lại vác cặp mắt sưng húp đi làm thuê.

Kể ra"mất ngựa biết đâu không phải là một điều may cho ông già cửa ải"[1]. Đã có lần, A Q bất hạnh được luôn

---

[1] Dịch câu" Tái ông thất mã, an tri phi phúc" trong *Hoài nam tử*. Lỗ Tấn hay dùng điển tích để đùa bỡn với lối văn cổ. *Hoài nam tử* chép chuyện Tái ông như sau:
"Ông cụ già cửa ải mất ngựa. Người ta đến hỏi thăm, ông nói: "Biết đâu mất ngựa không phải là điều may!". Mấy tháng sau, con ngựa vừa mất lại dẫn một con ngựa khác rất tốt về. Người ta đến mừng ông. Ông lại nói:"Biết đâu không phải là một điều rủi". Quả nhiên, vài hôm sau, người con ông cưỡi ngựa, ngã, gẫy mất một chân. Người ta lại đến thăm, ông nói: "Biết đâu không phải là một điều may". Thì năm sau, vùng ấy bị giặc đến cướp, người làng ra đánh bị chết gần hết, duy hai bố con ông, vì bố già con quê mà sống sót.

một canh bạc, nhưng lần ấy cơ hội lại như là thất bại.

Đêm hôm ấy, làng Mùi rước thần. Theo lệ thường, làng có tổ chức một đám hát. Bên rạp hát, cũng theo lệ thường, có mấy sòng bạc. Đối với A Q, tiếng trống, tiếng phèng la bên rạp như phảng phất ở đâu ngoài mười dặm đường xa dội lại. Chỉ có tiếng xướng của nhà cái là y nghe rành mạch. Y được luôn mấy hội. Tiền đồng thành bạc hào, bạc hào thành bạc đồng, bạc đồng chất dần thành một đống; A Q đắc ý, mặt mày nở hẳn lên.

- Này ! *Thiên môn* hai đồng này!

A Q không biết rõ ai đánh nhau với ai và vì cớ gì, chỉ thấy tiếng mắng chửi, tiếng đấm đá cứ ào ào loạn xạ cả lên, choáng cả đầu óc một hồi khá lâu. Lúc y ngồi dậy được thì lũ con bạc đã biến đâu mất, cả bọn người xung quanh hồi nãy cũng không thấy một ai nữa. A Q cảm thấy có mấy chỗ đau ran lên như vừa bị mấy quả đấm, mấy cú đá vào người. Trước mặt y, một bọn đứng nhìn ra vẻ ngạc nhiên. A Q bàng hoàng chạy về đền Thổ Cốc, rồi đến lúc định được thần hồn thì mới sực nhớ ra rằng đống tiền của mình cũng bay đâu mất rồi. Trong mấy ngày hội, bọn phường bạc đều là người tứ chiếng, biết dò đâu cho ra manh mối?

Rõ ràng một đống bạc đồng trắng xoá lên đó, mà lại là của mình, thế mà bây giờ biến đâu mất! Cứ cho là "con nó cướp của bố đi" và tự mắng mình là đồ "con sâu", cũng vẫn không khuây được. Lần ấy, AQ mới hơi cảm thấy nỗi đau khổ của một cuộc bại trận thật tình.

Câu truyện Tái ông, người ta vẫn thường dẫn làm điển tích văn liệu để nói rằng Việc đời may rủi thật khó mà biết trước.

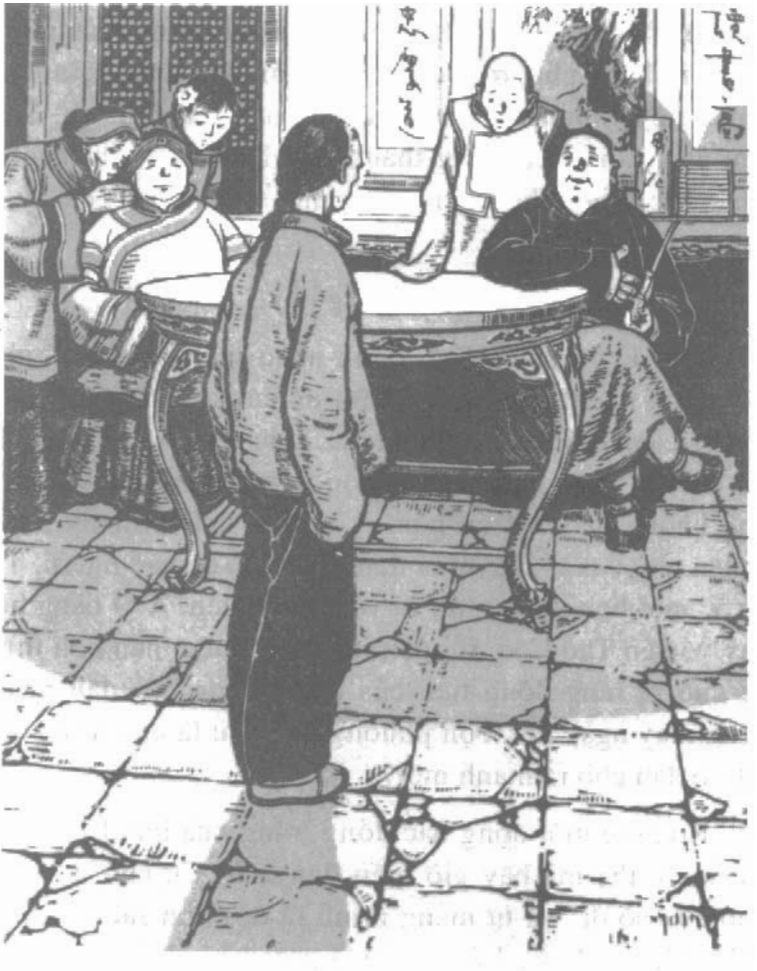

Tranh minh họa "AQ chính truyện" của Cô Bính Hàm

Nhưng chẳng mấy chốc AQ đã chuyển bại thành thắng. Y sẽ dang cánh tay phải lên, ráng hết sức đánh vào mặt y luôn hai bạt tai, đau ran. Đánh xong, y hình như đã hả dạ, tựa hồ người đánh là mình mà người bị đánh lại là một "mình" nào khác...Rồi một lát, y có cảm tưởng rằng y vừa mới đánh một đứa nào ấy, mặc dù còn đau nhức cả mặt mũi. Y hả lòng hả dạ ngả lưng xuống giường.

Thế là ngủ thẳng[1]

III. LƯỢC THUẬT THÊM VỀ NHỮNG CHUYỆN ĐẮC THẮNG CỦA A Q

Tiếc rằng A Q bao giờ cũng "đắc thắng", nhưng thật ra đến ngày Cụ Cố nhà họ Triệu tát cho mấy tát tai vào mặt thì y mới nổi tiếng hẳn.

Đưa hai quan tiền rượu kính bác khán xong xuôi rồi A Q uất ức về nhà, ngả lưng xuống giường, nghĩ bụng: "Thời buổi này, hết chỗ nói! Con đánh bố!". Nhưng lại sực nghĩ ra rằng: Cụ Cố nhà họ Triệu, oai vệ biết bao nhiêu mà mình cũng xem như là bậc con mình, cho nên y lại dần dần tỏ ra vẻ đắc ý. Rồi y đứng dậy hát bài "*Giải gươm thăm mồ*"[2] và đi

---

[1] Đây là khía cạnh kỳ diệu nhất của "phương pháp thắng lợi tinh thần" của AQ có nhiều cách chuyển bại thành thắng: tự đề cao mình, xem khinh kẻ thù, lườm nguýt kẻ thù, cho mình là bố người khác, tự đánh mình mà lại có cảm tưởng là mình đánh người khác!

[2] Một vở kịch lưu hành ở địa phương Thiệu Hưng (Chiết Giang), quê tác giả

tới quán rượu. Trong lúc đó y có cảm tưởng là Cụ Cố nhà họ Triệu vẫn là nhân vật oai vệ hơn ai hết.

Nói nghe có vẻ lạ lùng, nhưng từ hôm A Q bị đánh, thì quả nhiên người làng đối với y xem chừng kiêng nể hơn trước nhiều. Thấy vậy, A Q nghĩ bụng: "Hẳn có lẽ bởi vì mình là bực bố Cụ Cố nhà họ Triệu". Thật ra nào có phải thế. Theo thường lệ, ở làng Mùi, nếu tên Kèo đánh tên Cột, anh Ba đánh anh Năm thì xưa nay chẳng ai để ý đến cả. Nhưng có dính dáng đến một nhân vật "xù" như là Cụ Cố nhà họ Triệu chẳng hạn, thì mới có tiếng đồn. Lúc đã có tiếng đồn thì không những người đánh đã có danh có giá mà luôn cả người bị đánh cũng nhờ đó mà lẫy lừng[1]. Còn như nói đến sự phải trái thì nhất định là lỗi về A Q rồi, không cần phải bàn nữa. Tại sao vậy? Thì chả lẽ Cụ Cố nhà họ Triệu lại có thể có lỗi được hay sao[2]. Nhưng nếu A Q có lỗi, thì làm sao người ta lại có vẻ kiêng nể y hơn trước? Nào ai biết đâu đấy! Kẻ xuyên tạc thì cho rằng hoặc giả là vì A Q nói y là bà con với Cụ Cố nhà họ Triệu, tuy bị đánh đấy song người ta vẫn e rằng A Q nói cũng có phần nào đúng, thà kiêng nể y chút đỉnh có lẽ cũng êm hơn. Nếu không phải như thế thì có thể nói là A Q cũng như con bò thái lao tế thánh[3], tuy cũng chỉ là một con vật, chẳng khác con dê, con lợn thường, nhưng đã được Đức thánh ngài nhúng dũa vào rồi thì bao nhiêu tiên

---

[1]. Tác giả cực tả uy thế tinh thần, uy thế chính trị tuyệt đối của giai cấp địa chủ ở nông thôn

[2]. Sống trong sự áp bức trường kỳ của giai cấp địa chủ, dân làng Mùi đã trở nên mê muội đến mức chỉ biết phụ hoạ giai cấp địa chủ. Vô hình chung, Lỗ Tấn đã đặt ra một vấn đề rất lớn là giác ngộ quần chúng nông thôn, phóng tay phát động họ thì mới làm cho cuộc cách mạng ở nôngthôn thắng lợi được.

[3]. Theo tục lệ tế lễ ngày trước thì thái lao chỉ bò, lợn dê (tam sinh). Về sau thì thái lao chỉ còn bò.

nho, đố bác nào dám động vào nữa!

Từ đó A Q đắc ý được mấy năm rồng.

Rồi đến mùa xuân năm nọ, A Q say mềm bước đi trên con đường làng, bỗng thấy lão Vương râu xồm đang mình trần trùi trụi, ngồi bắt rận bên một góc tường dưới bóng mặt trời. Bất giác A Q cũng nghe ngứa ran cả mình lên. Cái lão Vương râu xồm này, râu vừa xồm lại vừa lắm sẹo, trong làng vẫn quen gọi là lão Vương sẹo xồm, nhưng A Q bỏ bớt chữ "sẹo" đi. Và A Q khinh lão ra mặt. Cứ trong ý tứ A Q thì sẹo chẳng lấy làm gì lạ cả, chỉ bộ râu quai nón kia mới là kỳ quặc, mới là chướng mắt![1]. Thế rồi A Q sẽ ngồi xuống cạnh Vương râu xồm. Kể ra, nếu là kẻ khác thì chưa hẳn A Q đã ngồi một cách vô ý tứ như vậy. Nhưng lão râu xồm này thì sợ cóc gì mà chẳng ngồi! Nói trắng ra A Q chịu ngồi như thế này là vẻ vang cho lão ta lắm rồi.

A Q cũng cởi mảnh áo cộc cụt rách ấy ra và cũng mần mò, tìm tòi một lúc. Chẳng biết vì áo mới giặt hay là vì A Q lơ đễnh mà một hồi khá lâu, y chỉ bắt được chỉ có ba bốn con thôi! Liếc qua bên cạnh thấy lão râu xồm đã làm luôn một lúc ba, bốn, năm, sáu con, và cứ con này đến con khác, chết vào răng, cúp nghe đánh "bụp" lên từng tiếng một!

AQ lúc đầu còn thất vọng, sau phải cáu lên. Làm sao cái lão Vương râu xồm đáng ghét thế kia mà lại bóc được nhiều rận như vậy, còn mình thì ít ỏi như thế này, còn gì là thể thống nữa? Y muốn tìm cho ra một hai chú rận to, thế mà vẫn không được! Tìm đi tìm lại, mãi mới được một chú choai choai. A Q nét mặt hầm hầm, nhét vào giữa cặp môi dày, rán

---

[1]. AQ chỉ thấy cái xấu của người khác không thấy cái xấu của mình.

hết sức cúp một cái, thế mà tiếng cúp lại chỉ tẹt một tiếng, vẫn không kêu to bằng Vương râu xồm.[1]

Vết sẹo trên đầu A Q đỏ bừng lên. Y vất mẹ áo xuống đất, nhổ một bãi nước bọt nói:

- Đồ sâu róm!

- Đồ chó ghẻ, mày mắng ai đấy!

Vương râu xồm vừa trả lời vừa ngước mắt lên, ra vẻ khinh bỉ.

Gần đây, A Q tiếng được người ta kiêng nể và cũng hay lên mặt, nhưng gặp tụi lưu manh trong làng thường cà khịa với y thì y vẫn e sợ. Chỉ có lần này là tinh thần thượng võ của y lại hăng lên ghê lắm! Cái thằng râu quai nón xồm xoàm cả mặt kia mà cũng dám nói lếu nói láo à?

- Thằng nào nghe là chửi thằng ấy!

A Q đứng phắt dậy, hai tay chống mạnh.

- Thằng này lại ngứa xương ống rồi hẳn?

Vương râu xồm vừa nói vừa khoác áo lên mình, cũng đứng dậy.

A Q tưởng nó định chuồn, thốc ngay vào, cho một quả đấm. Nào ngờ quả đấm chưa bén tầm thì Vương râu xồm đã tóm lấy A Q giật một cái A Q loạng choạng ngã sấp xuống. Tức thì Vương râu xồm níu lấy cái đuôi sam, lôi tới bên tường định chiếu lệ giúi đầu vào tường... A Q nghếch đầu lên nói:

---

[1] Bất cứ việc gì A Q cũng không chịu thua ai!

- Người quân tử chỉ đấu khẩu, ai đi đấu sức?[1]

Hình như lão Vương râu xồm này không quân tử cho lắm, nên nó không đếm xỉa gì tới câu nói ấy, cứ giúi đầu A Q vào tường luôn năm cái liền, đoạn rán sức xô một cái thật mạnh làm cho A Q ngã té ra đằng kia có đến năm sáu thước, bây giờ mới hả dạ, đắc ý bỏ đi.

Trong ký ức của A Q thật chưa bao giờ có một chuyện nhục nhã như thế. Số là đối với Vương râu xồm quai nón kia, A Q cười nó thì có,chứ chưa bao giờ nó lại dám cười A Q ? Nói gì đến chuyện đấm đá! Thế mà lần này... nó dám thượng cẳng chân hạ cẳng tay, ai ngờ như thế được! Chẳng lẽ lại đúng như người ta nói: Vì đức Hoàng đế sắp bỏ khoa thi, không cần lấy tú tài cử nhân nữa, do đó mà thanh thế họ Triệu nhà mình từ nay kém oai đi. Có thế chúng nó mới xem thường xem khinh mình ra mặt.

A Q đứng ngơ ngác chả hiểu thế nào cả.

Đằng xa có người đi tới. Thì chính là kẻ thù của A Q. Hắn là đứa mà AQ xưa nay vẫn ghét đứt mắt đi được. Ấy là thằng con cả Cụ Cố nhà họ Tiền. Trước đây hắn có lên trường Tây trên tỉnh, rồi không biết thế nào lại tuốt sang Nhật. Vừa năm sau, hắn về nhà, cặp giò cứ ngay đơ ra[2], cái đuôi sam cũng biến đâu mất. Mẹ hắn khóc bù lu, bù loa mấy mươi bận, rồi vợ hắn cũng nhảy xuống giếng định tự tử ba lần liền. Về sau, mụ mẹ hắn đi đâu cũng nói: "Cái đuôi sam kia là bị một bọn côn đồ phục rượu cho say rồi cắt mất đi

---

[1] Lúc thua, A Q mới nghĩ đến cách cư xử của người quân tử để tự đề cao và khinh rẻ kẻ thù. Đó cũng là một khía cạnh của "phương pháp thắng lợi tinh thần".

[2] Cách nói của người thôn quê chế giễu những người mạc âu phục.

đấy! Lẽ ra cháu nó có thể làm quan to rồi kia... Nhưng bây giờ thì đành phải chờ cho tóc dài trở lại đã rồi mới nói chuyện ấy?". Nhưng A Q không chịu tin như vậy, cứ gọi cả nhà họ Tiền là" thằng Tây giả" là "Hán gian", hễ thấy mặt là chửi thầm trong bụng.

Điều mà A Q ghét cay, ghét đắng là cái đuôi sam giả của hắn. Đến cái đuôi sam mà cũng giả nốt thì còn gì là nhân cách? Thế mà con vợ hắn không biết đường nhảy xuống giếng một lần thứ tư nữa cho chết quách đi, thì thứ đàn bà ấy quyết không phải là hạng người chính đính!..[1]

Lão "Tây giả" đi lại gần.

- Thằng trọc! Đồ con lừa!

Xưa nay A Q thấy hắn, vẫn chỉ chửi thầm trong bụng. Nhưng lần này vì "chính khí" mà nổi giận và vì muốn trả thù, nên trong lúc vô tình y đã thốt thành lời. Ai ngờ "thằng trọc" đã hầm hầm bước tới, tay cầm chặt cái ba- toong sơn vàng mà y vẫn gọi là cây gậy đại tang. Trong giây lát, y biết ngay là có lẽ hắn sẽ đánh, cho nên y triển hết gân, gò cả hai vai lên mà chờ...thì quả nhiên *đốp, đốp* ! tựa hồ cái gậy kia đã giáng vào đầu y rồi!

- Tớ nói thằng kia cơ mà!

A Q chỉ đứa bé đứng bên cạnh, phân bua.

Đốp! Đốp! Đốp!

Đấy lại là việc nhục nhã thứ hai trong ký ức của A Q.

---

[1] Đây là tư tưởng phong kiến về người phụ nữ mà A Q chịu ảnh hưởng của giai cấp thống trị.

Cũng may là ngay sau tiếng *đốp! đốp!* đó thì A Q đã lại tựa hồ cho thế là xong, hắn đi một chuyện và y đã cảm thấy trong người nhẹ nhõm. Vả lại "quên" là cái bửu bối gia truyền, rất thần hiệu của A Q trong những trường hợp này. AQ chậm rãi đi tới quán rượu, có vẻ đắc ý.[1]

Nhưng trước mặt y, cô tiểu chùa Tĩnh Tự đã ở đâu đằng kia đi lại. Ngày thường, cứ mỗi lần gặp cô tiểu này là thế nào A Q cũng chửi một câu, huống hồ hôm nay, sau khi y vừa bị nhục. A Q sực nhớ điều gì, thế là lại nổi giận. Y nghĩ bụng: thì ra vì hôm nay ông bước chân ra cửa là gặp ngay lấy mày. Thảo nào xúi quẩy như thế!

A Q bước tới, nhổ một bãi nước bọt đánh toạch một cái.

- Khạc! phì!

Cô tiểu cứ cúi đầu đi, không ngoảnh lại. A Q sấn tới gần cô ta, bỗng giơ tay xoa ngay vào cái đầu vừa mới cạo, cười gằn lên và nói:

- Con trọc! Về nhanh lên, sư cụ chờ kia kìa!

- Ngứa chân, ngứa tay à?

Cô tiểu mặt đỏ bừng, vừa nói vừa rảo rước. Bao nhiêu người trong quán rượu đều cười ồ lên. Thấy trò chơi của mình có người thưởng thức, A Q càng cao hứng tợn:

- Sư cụ sờ được, tớ lại không sờ được à?

---

[1] "Chóng quên, "dễ quên" những điều tổn thất và những điều nhục nhã mình phải chịu cũng là một khuyết điểm có liên quan mật thiết với "phương pháp thắng lợi tinh thần". Chỉ có như thế thì lúc nào cũng mới thấy được mình hơn người khác.

Rồi A Q véo một cái vào má cô tiểu. Bao nhiêu người trong quán lại cười ồ lên một thôi nữa. A Q đắc ý. Muốn cho bấy nhiêu "khán giả" được hài lòng, y rán sức véo luôn một cái nữa thật mạnh vào má cô bé rồi buông tay.[1]

Sau khi đã lập được "chiến công" này A Q đã quên cả Vương râu xồm, quên cả lão "Tây giả" và hình như bao nhiêu nỗi bất bình, bao nhiêu điều "xúi quẩy" ngày hôm ấy đã rửa được sạch sành sanh. Mà lạ lùng thay, lúc bấy giờ y nghe hình như người y nhẹ hẳn đi, nhẹ hơn lúc bị mấy ba- toong đánh *đốp! đốp!* vào đầu nữa. A Q hớn hở tựa hồ như bay bổng lên mãi tít mấy từng mây.

Xa xa đằng kia còn nghe vẳng tiếng cô tiểu chửi lồng trong tiếng khóc: "Cha thằng A Q! Đồ tuyệt tự!"

- Ha! Ha!Ha!

A Q cười đắc ý .

- Ha! Ha! Ha!

Bao nhiêu người trong quán rượu cũng cười, cũng đắc ý gần bằng A Q.

IV- BI KỊCH TÌNH YÊU

Có kẻ nói rằng: nhiều người thường ước ao gặp được

---

[1] . Lỗ Tấn đưa chi tiết này vào đây để đối chiếu với chi tiết trên kia. AQ sợ người ác, nhưng lại bắt nạt người lành. Không đánh được Lão "Tây giả" thì y chọc cô tiểu ở chùa Tĩnh Tu. Đàng nào . AQ cũng phải thắng mới chịu

đối thủ của mình khỏe như cọp, dữ như cắt, có thể thắng trận mới thỏa thích. Nhược bằng yếu như cừu, như gà con, dù có thắng cũng vô vị. Lại còn có những người, lúc thắng rồi, mắt mình nhìn thấy kẻ thù của mình hồi trước bây giờ, đứa chết cũng đã chết rồi, đứa hàng cũng cúi đầu van xin "cắn cơm cắn cỏ" rồi, thì trên đời không ai là địch thủ với họ nữa, không ai chống chọi với họ nữa, không ai là bạn bè, là lứa tác với họ nữa, chỉ một mình vò võ, chẳng ai hơn, tự khắc họ cảm thấy lạnh lùng, cô đơn, hiu quạnh và cũng cảm thấy nỗi đau đớn của sự thắng trận. Nhưng A Q của chúng ta thật chưa hề cảm thấy cái trạng thái hiu quạnh nói trên. A Q là một người bao giờ cũng hớn hở tự đắc. Phải chăng đó chính là cái biểu hiện đủ chứng tỏ rằng: văn minh tinh thần của Trung Hoa nhà ta quả là bậc nhất trên hoàn cầu?

Thì các người xem: A Q lòng dang phơi phới kia kìa!

Tuy nhiên, cuộc thắng trận này làm cho AQ cảm thấy tâm hồn y khang khác thế nào ấy! Y nhẹ nhàng rảo bước trên con đường làng một lúc lâu rồi hớn hở đi về đền Thổ Cốc. Lẽ ra, theo lệ thường, A Q, đã ngả lưng ra kéo khò khò một giấc rồi, ai ngờ hôm ấy, y lại không tài nào nhắm mắt được. Y cảm thấy đầu ngón tay cái và ngón tay trỏ có cái gì là lạ: nghe nó cứ nhờn nhờn khác mọi hôm! Phải chăng trên gò má cô tiểu hồi nãy có tí dầu, tí mỡ gì đã dính vào đây? Hay là chỉ vì sờ vào gò má cô tiểu mà bây giờ trơn lỳ như thế này!..

- "Cha thằng A Q, đồ tuyệt tự!"...

A Q còn như văng vẳng bên tai bấy nhiêu tiếng chửi. Y nghĩ bụng, "Phải rồi, đã là đàn ông thì phải có một người vợ. Tuyệt tự rồi thì ai cúng cơm cho. Phải có một người vợ. *Bái-*

hiếu hữu tam, vô hậu vi đại[1]. Mà làm cái kiếp quỷ đói như Nhược Ngao[2]ngày xưa thì trong đời người còn gì thảm thiết bằng! Kể ra ý nghĩ của A Q thật đúng với kinh truyện thuở trước hết sức. Chỉ tiếc một điều là từ nay trở đi, A Q không tài nào kiềm chế nổi cái " nỗi lòng canh cánh" của y nữa!

A Q mơ màng:

" Đàn bà!.. Đàn bà!.."

"Sư cụ sờ được!..Chao!..Đàn bà!..Đàn bà!..Đàn bà!..

A Q vẫn mơ màng..,

Chả ai biết tối hôm ấy, A Q mãi đến mấy giờ mới ngáy; nhưng đại khái là sau lúc nhận thấy hai đầu ngón tay nhờn ướt như vậy thì y cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng, phơi phới hẳn lên.

"Đàn bà!" A Q vẫn cứ mơ màng.

Chỉ chừng ấy, chúng ta đã biết cái giống đàn bà nó nguy hiểm là đường nào rồi!

Đàn ông nước Trung Hoa nhà mình phần đông vốn có thể thành ông thánh ông hiền cả. Chỉ tai hại vì một lũ đàn bà mà thành ra hỏng hết!.. Nhà Thương xưa kia vì một con Đắc Kỷ mà tan nát cơ đồ nhé!.. Rồi đến nhà Chu cũng vì con Bao Tự mà tan nát cơ đồ nhé!... Đến như nhà Tần... Tuy sử sách không hề chép phân minh, nhưng chúng ta vẫn cứ cho bà đi! Vị tất đã sai. Lại còn Đổng Trác nữa, thì rõ ràng là bị con

---

[1] Chữ trong *Mạnh tử*, thiên Lý Lâu. Mạnh tử nói: Có ba tội bất hiếu, thứ nhất là tội không có con trai nối dõi.

[2] Nhân vật tuyệt tự trong *Tả truyện*.

Điêu Thuyền hãm hại đứt đi rồi...[1]

A Q vốn là người hiền lành trung hậu. Chúng ta không biết rõ được y có từng được một vị tôn sư nào dạy lễ nghĩa cho hay không, nhưng đối với cái đạo "nam nữ hữu biệt" thì y xưa nay vẫn giữ nghiêm lắm. Một mặt khác, đối với dị đoan, tà thuyết, như đối với cô tiểu và chú Tây giả chẳng hạn, thì y có cái "chính khí" không hề dung thứ bao giờ! Học thuyết của y có thể tóm tắt như sau: phàm là tiểu thì nhất định có tư tình với sư cụ, và phàm là đàn bà con gái mà đi ra đường thì nhất định đi ve trai; người đàn ông đang trò truyện người đàn bà đằng kia thì tất là thì có tằng tịu gì rồi chứ khoảng không![2] Để chừng trị lũ nó A Q vẫn luôn luôn lườm chúng nó bằng một cặp mắt dữ tợn, hoặc cố ý nói to lên mấy câu "thọc gan" cho chúng nó "chết ca ruột đi được"; còn nếu ở chỗ hẻo lánh thì y lén ra đằng sau ném cho một hòn sỏi vào lưng!

---

[1] Đây cũng là quan liêm về phụ nữ của giai cấp phong kiến. Trong bài A Kim (tập *Thái giới đình*, Tạp văn III), Lỗ Tấn viết "Tôi không tin những chuyện như Chiêu Quân xuất tái thì có thể làm cho nhà Hán yên. Mộc Lan tòng quân thì có thể bảo vệ được nhà Tuỳ, cũng không Đát Kỷ làm nhà Ân mất, Tây Thi làm nước Ngô chìm đắm, Dương Phi làm nhà đường loạn lạc. Tôi cho rằng trong xã hội nam quyền phụ nữ quyết không thể có một sức mạnh lớn lao như vậy được; nước mất hay còn, người đàn ông phải gánh lấy trách nhiệm. Nhưng trước nay các nhà văn nam giới đại để đều đem tội bại vong đổ lên đầu nữ giới, đó thật là những anh đàn ông tồi, không đáng giá một đồng xu".

[2] A Q không được học chữ nghĩa của thánh hiền, nhưng sống trong chế độ phong kiến, y chịu ảnh hưởng tư tưởng của giai cấp thống trị Mác và Ăng-ghen nói: "Những tư tưởng của giai cấp thống trị trong mỗi thời đại, nói một cách khác giai cấp nào đang là lực lượng vật chất chiếm địa vị thống trị trong xã hội : thì cũng là lực lượng tinh thần chiếm địa vị thống trị" (*Hệ tư tưởng Đức*- Nhà xuất bản Sự thật)

Thế mà ai ngờ sắp đến tuổi "nhi lập"[1] rồi, A Q lại bị một cô tiểu ám hiệu làm cho tâm hồn cứ phơi phới lên. Xét theo lễ giáo thì tâm hồn phơi phới lên vì một người đàn bà thật là điều không nên có, cho nên đàn bà quả là đáng ghét! Giá như hôm ấy, cặp má cô tiểu không có chất gì nhờn nhờn thì A Q đâu đến lối như người bị bùa mê? Hay là giá cặpmá cô ta có một lần vải che hẳn đi thì A Q cũng không phải mê mẩn rồi! Năm sáu năm về trước, trong một rạp hát trật ních người, có một lần A Q đã véo vào đùi một mụ nào, nhưng vì còn có manh quần, nên không đến nỗi mê mẩn như hôm nay. Đằng này con tiểu kia lại không biết che đậy đi như thế cho; điều đó đủ thấy dị đoan thật là khả ố!

A Q vẫn cứ mơ màng: "Đàn bà!"

Đối với bọn con gái mà y cho là "nhất định là chỉ đi ve trai", A Q đã nhiều lần để ý chúng nó xem làm sao. Nhưng chúng nó tuyệt nhiên chưa hề cười với y bao giờ cả. Và trong lúc trò chuyện với đàn bà, ý đã cố ý chờ đợi..., thế mà chúng nó cũng tuyệt nhiên không nói đến chuyện tầng tịu nọ kia!..A! Đó cũng là một điều làm cho đàn bà đáng ghét thật, chúng nó toàn là đạo đức giả cả.

Hôm đó, A Q ở nhà Cụ Cố họ Triệu, giã gạo một ngày trời. Ăn cơm tối xong, y ngồi hút thuốc dưới nhà bếp. Nếu làm công ở nhà khác thì ăn tối xong là y đi về. Nhưng ở nhà Cụ Cố, cơm tối lại ăn sớm hơn các nhà khác. Ngày thường ở nhà mày ăn cơm xong là đi ngủ nagy, lệ không được đỏ đèn. Chỉ có hai trường hợp đặc biệt: một là ngày cậu Tú còn chưa

---

[1] Chữ trong *Luận ngữ*, thiên *Vị chính*. Khổng tử tự thuật: "Năm 15 tuổi, ta đã biết chăm đọc (đạo lý), 30 tuổi thì lập chí đã vững vàng (*tam thập nhi tập*)". Trên đây Lỗ Tấn muốn nói lúc bấy giờ A Q đã ba mươi.

thành đạt thì tối lại, cậu có thể đỏ đèn lên sôi kinh nấu sử; hai là lúc nào A Q đến làm công thì cũng được phép đỏ đèn lên mà giã gạo đêm. Vì cái ngoại lệ này nên hôm ấy trước lúc đi giã gạo, A Q còn ngồi hút thuốc.

Vú Ngò, người ở gái duy nhất trong nhà Cụ Cố họ Triệu, họ rửa bát xong cũng tréo mẩy ngồi trên chiếc ghế dài mà nói mấy câu chuyện xì xằng với A Q.

- Cụ bà ấy mà, hai hôm nay không ăn hột cơm nào đâu nhé! Chả là cụ ông muốn mua nàng hầu.

A Q nghĩ bụng: "Đàn bà!.. Con vú Ngò, con mẹ gái goá này nó cũng..."

- Mà mợ Tú cũng đến tháng tám này thì ở cữ đấy nhé!..

A Q vẫn mơ màng:

"Đàn bà!.."

Buông cái tẩu thuốc xuống, A Q đứng. Vú Ngò còn nói lải nhải:

- Mụ Tú nhà ta...

Bỗng A Q xông tới quỳ sụp xuống trước mặt mụ:

- Chúng ta cùng nhau... chúng ta... nào!

Im phăng phức trong chốc lát.

"Ối giời ơi là giời ơi!" Mụ vú ngẩn đi một lúc, bỗng run cầm cập, chạy ra ngoài la to, mấy tiếng kêu sau cùng của mụ nghe hình như xen lẫn trong tiếng khóc.

A Q quỳ trước bức tường cũng ngẩn ngơ một lúc, rồi hai tay vơ quàng lấy cái ghế không. Y thấp thỏm trong bụng, vội vàng nhặt cái tẩu thuốc, giắt vào thắt lưng, định đi giã

gạo thì "đốp" một tiếng, rồi nghe như tuồng đòn cứ đánh một thôi vào đầu. Y vội quay lại, đã thấy cậu Tú đứng trước mặt, tay cầm một cái đòn tre tướng.

- Đồ làm giặc! Thằng này, mày...

Cái đòn tre nhằm đầu A Q mà bổ xuống. A Q đưa hai bàn tay lên ôm đầu, thì ra đòn tre cứ đánh vào mấy đốt ngón tay đau nhói. A Q chạy thẳng ra khỏi nhà bếp, đòn tre vẫn bổ vào lưng một thôi khá lâu. "Oẳng pa tàn"[1] Cậu Tú dùng tiếng quan thoại[2] chửi theo.

A Q chạy vào nhà giã gạo, đứng một mình, còn thấy ngón tay tê đi, và còn nhớ ba chữ "Oẳng pa tàn"!.. "Oẳng pa tàn"! ... Câu chửi bằng tiếng quan thoại này ở làng Mùi xưa nay chưa hề ai dùng, chỉ có những người tai mắt hay lui tới cửa quan mới dùng đến, cũng vì thế mà nghe có vẻ đáng sợ hơn tất cả những tiếng chửi khác, và do đó đã để lại trong đầu óc A Q một ấn tượng rất sâu sắc. Vả lại lúc đó, A Q cũng quên bẵng đi cái ý nghĩ về "đàn bà" lâu nay vẫn ám ảnh tâm hồn y. Nhưng sau trận đòn, trận chửi đó, A Q cho câu chuyện như thế cũng gọi là yên đi, và cảm thấy chẳng có gì đáng lo nghĩ nữa. Y lại cứ đi giã gạo như thường. Giã được một chốc, y thấy bức, nghỉ tay, sẽ cởi áo ra.

Đang cởi áo thì nghe ngoài kia có tiếng xôn xao. Sinh bình A Q vẫn thích xem những đám ồn ào. Tức thì y lần theo tiếng ồn ào chạy ra xem, cứ thế lần mò vào tận nhà Cụ Cố. Giời nhá nhem nhưng y cũng nhận thấy trong đám người tấp nập, xôn xao đó, có cả bà Cụ Cố đã hai ngày trời không có

---

[1] Tiếng chửi, có nghĩa là đồ đốn mạt!
[2] Tiếng quan thoại, tức tiếng phổ thông.

hột cơm nào trong bụng, cả thím Bảy Trâu nhà bên cạnh, cả hai bác Triệu Bạch Nhẫn, Triệu Tư Thần, hai người bà con chính tông với nhà Cụ Cố.

Mợ Tú dắt tay Vú Ngò ra khỏi buồng nhà dưới, miệng nói:

- Nào, vú cứ ra ngoài này, chuyện gì mà lẩn vào trong buồng, định ...

Thím Bảy Trâu đứng cạnh cũng nói gom:

- Thì ai chả biết vú là người chính đính? Không thể như thế mà lại định làm liều![1]

Vú Ngò chỉ nức nở khóc, miệng lẩm bẩm, chẳng ai nghe rõ ra cái gì cả.

A Q nghĩ: "Hừ vui quá! Con mẹ gái góa định giở trò gì thế này?". Rồi chạy đến bên bác Triệu Tư Thần, có ý dò xem câu chuyện đầu đuôi thế nào. Bỗng Cụ Cố Triệu vùn vụt chạy tới, tay cầm cái đòn tre to tướng. Thấy đòn tre đó, A Q sực nghĩ ra rằng: câu chuyện này với trận đòn hồi nãy nhất định có dính dáng với nhau. Quay mình lại y định chạy trở về gian nhà giã gạo. Bất đồ chiếc đòn tre đã chắn ngang đường về. Thế là y lại quay trở lại, đâm đầu chạy thẳng, cố nhiên là lủi ra phía cửa sau. Không mấy chốc, y đã về đến đền Thổ Cốc.

Ngồi một hồi, A Q nghe tuồng như da thịt có vẻ rờn rợn và cảm thấy rét. Số là tuy đã sang xuân nhưng thời tiết ban đêm vẫn còn chưa lấy gì làm ấm, ở trần vẫn còn khó

---

[1]. Vú Ngò định thắt cổ tự tử, cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến. Lễ giáo phong kiến bắt buộc người đàn bà phải ở vậy thờ chồng, khi chồng chết rồi. Bị A Q ghẹo, vú muốn chết đi để tỏ mình giữ tiết tháo.

chịu. Sực nghĩ lại cái manh áo cộc còn nằm ở nhà họ Triệu, A Q muốn đi lấy về, nhưng lại sợ cái đòn tre của cậu Tú. Giữa lúc ấy bác khán làng đã từ ngoài cửa bước vào.

- A Q! Con mẹ mày! Cả đến người nhà cụ Triệu mà mày cũng trêu ghẹo được, thật là mày làm giặc! Mày báo hại tao cả đêm hôm qua không nhắm mắt tí nào! Con mẹ mày!

Rồi mắng cho một tràng như thế, vân vân... A Q cố nhiên không hề cãi lại nửa lời. Cuối cùng, vì là ban đêm, nên món tiền đưa bác khán uống rượu cũng phải gấp đôi lên, những bốn quan. A Q không có một đồng tiền nào trong túi đành phải đem cái mũ lông cừu gán cho bác khán. Y lại còn phải ký một tờ cam đoan, thừa nhận năm khoản sau:

1- Sáng hôm sau, phải đem một cặp nến đỏ, thứ nặng một cân, và một bao nhang đến nhà Cụ Cố tạ tội.

2- Phải chịu hết tiền phí tổn biện lễ trừ "tà thất cổ" cho nhà họ Triệu.

3- Từ nay trở đi, không được bén mảng đến nhà họ Triệu nữa.

4- Nếu sau này vú Ngô có việc gì bất trắc thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

5- Không được trở lại nhà Cụ Cố đòi tiền công giã gạo và xin lại cái áo còn bỏ lại hôm trước.

Cố nhiên A Q phải nhận tất. Khốn một nỗi, y không còn một đồng xu nhỏ. Cũng còn may là đang mùa xuân nên cái mền bông cũ không cần cho lắm. Y bèn đem cầm lấy hai chục quan tiền để thi hành bấy nhiêu khoản trong tờ điều ước. Sau lúc mình trần trùi trụi phủ phục trước Cụ Cố, A Q ra về, vẫn còn thừa lại một ít tiền, nhưng y cũng không nghĩ

đến việc chuộc lại cái mũ lông cừu. Y đem uống rượu hết. Còn bên nhà Cụ Cố cũng không thấy nói gì đến việc cúng bái trừ tà gì cả. Bấy nhiêu hương đèn đều cất đi để khi nào Cụ Cố bà lên chùa lễ Phật sẽ dùng[1]. Còn tấm áo rách thì nửa to cất đi để đến tháng tám này mợ Tú ở cữ làm tã lau nước tiểu cho em bé, và nửa nhỏ, nát quá, thì dùng đóng vào gót dép của vú Ngô.[2]

V- VẤN ĐỀ SINH KẾ

Lễ bái từ tạ ở nhà họ Triệu xong xuôi, A Q về đến đền Thổ Cốc thì mặt trời đã lặn . Y dần dần cảm thấy hình như trên đời có gì là lạ. Nghĩ đi nghĩ lại, y nhận ra rằng: nguyên nhân chỉ vì y ở trần. Sực nhớ có một mảnh áo cộc kép, y liền lấy khoác vào, rồi ngả lưng xuống cho đến lúc tỉnh giấc, mở mắt ra thì ánh mặt trời chói lọi trên mái tường phía Tây bên kia. Y ngồi dậy, lẩm bẩm:

- Mẹ kiếp!

Thế rồi, cũng như mọi hôm, sau khi ngủ dậy, A Q bước ra, đi rong trên con đường làng. Bây giờ, y không nghe da thịt buốt như lúc ở trần nữa, nhưng dần dần y cảm thấy trên đời có cái gì là lạ thật. Tuồng như tất cả bọn đàn bà con gái làng Mùi từ hôm nay trở đi bỗng dưng đua nhau mà hổ

---

[1] Ngòi bút Lỗ Tấn đến là châm biếm! Cụ Cố dùng thứ hương đèn lên chùa lễ Phật cầu phúc!

[2] Bọn đia chủ bóc lột, đến tấm áo rách cũng không từ!

ngươi. Cứ thấy mặt A Q đâu là chúng nó xô nhau trốn biệt vào tận trong cửa. Thậm chí thím Bẩy Trâu đã ngót năm chục tuổi đầu rồi cũng vậy, thím ta cũng học theo người khác vội vàng lẩn tránh đi. Không những thế, thím ta hối hả gọi đứa con gái của thím non mười tuổi đầu vào nốt! A Q lấy làm lạ lùng hết sức. Y tự hỏi: "Quái! Sao cả lũ chúng nó độ này lại đua nhau học điệu bộ các cô tiểu thư như thế là thế nào nhỉ? Mấy con đĩ này rõ khéo!.."

Rồi đến những ngày sau, A Q càng thấy nhiều sự lạ lùng khác nữa. Một là chủ quán rượu nhất định không bán chịu cho y nữa. Hai là lão từ đền Thổ Cốc cũng nói lẩm nhẩm như muốn ngỏ ý thúc giục y dọn đi chỗ khác. Ba là không nhớ rõ bao nhiêu ngày trời rồi nhưng đã khá lâu không hề có người nào gọi y đi làm nữa! Cửa hàng không bán chịu thì nhịn đi cũng xong, lão từ muốn đuổi thì lần lữa còn có thể được, chỉ có điều không ai gọi đi làm thì chết đói. Đến thế này thì thật là "mẹ kiếp"!

A Q không tài nào chịu nổi tình cảnh ấy nữa. Y đành phải liều tìm đến mấy nhà chủ xưa nay vẫn thuê y làm vặt để dò xem tình hình, chỉ trừ nhà Cụ Cố họ Triệu ra là không dám tới. Nhưng tình hình đã đổi khác. Đến đâu là y như trong nhà đã thấy một lão đàn ông mặt mũi hết sức khả ố bước ra xua tay đuổi như đuổi ăn mày:

- Không có! Không có! Đi đi!..[1]

A Q cũng ngạc nhiên. Y nghĩ bụng: nhưng nhà này xưa

---

[1] Một khi bọn địa chủ mà đã cấm cửa, không cho AQ bén mảng đến nhà nữa thì mọi người trong làng đều tẩy chay. AQ đã bị dồn đến bước phải đi ăn trộm, nguyên nhân là như vậy, chứ y vốn là người lương thiện, muốn đem sức lao động của mình ra đổi lấy miếng cơm nuôi thân.

nay vẫn cần mình làm thuê, thế mà bây giờ bỗng dưng không một ai có việc gì nữa cả. Nhất định là có điều gì oái oăm đây chứ chẳng không. Để ý dò la mới vỡ ra rằng: bọn họ có công việc gì là toàn đi gọi thằng cu Don[1]. Cái thằng cu D[2] là một thằng nhãi con, gầy gò ốm yếu. Theo con mắt A Q thì nó còn thua cả lão Vương râu xồm nữa kia!.. Thế mà ai ngờ chính cái thằng nhãi con này lại đã hớt ngang bát cơm của y! Bởi vậy, lần này y tức điên lên hơn lần nào hết. Trong lúc hầm hầm rảo bước, y bỗng vô tình giơ cánh tay lên, miệng hát:

Ngã thủ chấp (iii) cương (i) tiên tương (iii) ni đá![3]

Mấy hôm sau, tình cờ A Q bỗng gặp thằng cu D. trước bức tường xế qua nhà Cụ Cố họ Tiền. Tục ngữ có câu: "Kẻ thù gặp mặt nhau thì mắt trông thấy rõ mười mươi". A Q bước tới, cu D. cũng dừng chân đứng lại.[4]

A Q mắng và lườm cu D. bằng một cặp mắt rất dữ tợn rồi nhổ một bãi nước bọt:

- Đồ súc sinh!

- Tớ là giống sâu bọ, thỏa dạ chưa?

Câu trả lời nhún nhường của cu D. trái lại làm cho A Q càng điên tiết. Nhưng trong tay A Q lúc bấy giờ không sẵn một cây "roi sắt" nên y đành phải vồ tới, dang cánh tay ra cố

---

[1] Chữ Don nguyên văn viết theo tiếng Anh. Đọc như chữ Đôn tiếng ta. Tác giả có nói: "Cu D. chính là cu Đong"

[2] Viết tắt theo nguyên văn.

[3] Một câu hát tầu mã trong các tuồng cổ Trung Quốc. Dịch nghĩa: Tay cầm con roi sắt (tớ) sắp đánh mày. AQ vốn là khách quen các rạp tuồng.

[4] Cu D. cũng như AQ đều là cố nông, đều bị bọn địa chủ áp bức, bóc lột như nhau, nhưng AQ đã lầm tưởng cu D. là kẻ thù của y, tranh giành mất công việc của y, chứ không thấy kẻ thù của y, chính là giai cấp địa chủ.

níu lấy cái đuôi am của cu D. Cu D. một tay giữ chặt đuôi sam của mình, còn tay kia cố gò lấy cái đuôi sam của A Q...A Q cũng lật đật đưa cánh tay còn rảnh kia ra giữ thật chặt lấy đuôi sam của y. So với A Q độ trước thì sức vóc của cu D. thấm vào đâu, nhưng gần đây phải nhịn đói, y cũng gầy gò, ốm yếu không khác gì cu D... Bởi vậy, lực lượng hai bên địch thủ là tương đương. Bốn cánh tay giằng co lấy hai cái đầu, hai lưng cũng đều gò cong hẳn lại, in bóng lên bức tường vôi trắng xóa nhà họ Tiền thành một đường vòng cung y như một cái cầu vồng màu chàm, lâu có đến nửa giờ đồng hồ là ít.

Những người đứng xem hình như muốn hoà giải, nói:

- Hảo lớ, Hảo lớ!

Một người khác cũng gào to lên:

- Hảo, hảo![1]

Không rõ họ có ý hoà giải hay là khen, hay là xúi giục. Nhưng cả hai chú đều không nghe thấy gì cả. Hễ A Q tiến lên ba bước thì cu D. lùi lại ba bước, rồi cả hai lại dừng lại. Mà cu D. bước tới ba bước thì A Q lại lùi ba bước, rồi cả hai lại dừng lại. Có độ ngót nửa giờ, hoặc giả hai mươi phút cũng nên - ở làng Mùi không có đồng hồ nên khó nói cho đích xác - đầu hai chú đều bốc hơi lên, mồ hôi trán chảy đầm đìa... Bỗng thấy A Q bỏ tay ra. Ngay lúc ấy, cu D. cũng bỏ tay ra nốt. Cả hai chú cùng một lúc đứng thẳng dậy, cùng một lúc lùi ra xa, rồi cả hai lẩn vào đám người đứng xem.

AQ còn ngảnh đầu lại:

---

[1] *Hảo* trong tiếng Trung Quốc có nghĩa là *thôi, thôi (Hảo lớ)* cũng có nghĩa là *hay! hay! (Hảo)*.

- Nhớ lấy nhé! Con mẹ mày!

Cu D. cũng ngảnh đầu lại, chửi với:

- Con mẹ mày, nhớ đấy nhé!

Trận "long hổ đấu" này kết cục đại khái có thể nói là: "bất phân thắng phụ". Không biết khán giả có được hài lòng lắm không, bởi vì không nghe ai bàn tán gì. Nhưng vẫn không một ai gọi A Q đi làm thuê cả.

Một hôm, trời ấm, gió thổi hiu hiu có khí vị tiết hè. Thế mà A Q vẫn rơn rợn rét. Tuy vậy, rét cũng còn có thể chịu được. Khổ nhất là cái bụng đói. Mền bông, mũ lông cừu, áo, đều không còn cái nào nữa, cả cái áo chẽn bông cũng bán rồi. Bây giờ còn một cái quần, chả nhẽ cũng cởi nốt đi hay sao? Còn như cái áo manh kép rách kia thì đem biếu người ta đóng gót dép hoạ có kẻ lấy, chứ đem bán thì một đồng xu cũng chả đắt! Đã nhiều phen, A Q những ước ao bắt được chuỗi tiền con nhà ai đánh rơi giữa đường, nhưng chưa hề thấy chuỗi nào cả. Cũng lại nhiều phen, cố nhìn kỹ cả bốn góc nhà y ở, may có thấy gì chăng, nhưng bốn góc nhà vẫn trống không, có gì đâu! A Q bèn quyết trí đi kiếm ăn vậy.

Trên con đường làng, A Q lang thang đi kiếm ăn. Y nhìn thấy những quán rượu, những hàng quà, hàng bánh xưa nay vẫn quen. Nhưng y đều lảng đi qua, không những không dừng chân lại mà cũng không có ý thèm thuồng gì cả. Điều A Q ước ao bây giờ không phải những thức đó. Y ước ao nhưng gì, chính y cũng không rõ.

Làng Mùi vốn là một làng bé nhỏ, đi chả mấy chốc là cùng làng. Trước làng có nhiều ruộng sâu, trông toàn bộ màu xanh mướt của mạ non. Giữa đồng, một vài chấm đen, tròn

tròn có vẻ sinh động: ấy là mấy chú nông phu đang cặm cụi làm việc. Nhưng A Q bụng đâu nghĩ đến việc thưởng thức cái cảnh vui vẻ đó của đồng quê. Y cứ cúi đầu rảo bước. Y cảm thấy cảnh đó không dính dáng gì đến việc đi y đi kiếm ăn cả. Một lát sau, y đến chùa Tĩnh Tu.

Xung quanh chùa cũng có một cánh đồng sâu. Mấy bức tường quét vôi trắng nổi hẳn lên giữa cánh đồng xanh thẫm. Đám đất mé sau nhà chùa, gần bức tường đất thấp, là một vườn rau. A Q do dự một lúc, nhìn quanh nhìn quẩn một lúc, không thấy một ai qua lại. Y trèo lên tường, níu lấy cành hà thủ ô. Đất sét đầu tường lác đác rã xuống. Chân y cũng run lập cập. Cuối cùng, y vớ được một cành dâu, phốc ngay vào trong vườn. Trong chùa, góc này rất là sầm uất. Chỉ hiềm một điều ở đây không có rượu, không có bánh bao, không có một thức gì "nhai được" tất cả. Gần bức tường phía Tây, có một lùm tre, dưới lùm tre có nhiều búp măng, khốn nỗi bấy nhiêu măng lại toàn là măng chưa nấu. Còn mấy luống rau thì thứ đã kết hạt, thứ đương đâm bông, thứ thì già cỗi. Cay đắng như một cậu đồ hỏng thi, A Q chầm chậm đi lần ra phía mé trước. Nét mặt y bỗng hớn hở hẳn lên. Y vừa trông thấy mấy vồng củ cải. Y ngồi xổm ngay xuống, rứt mấy gốc. Thoạt tiên, một cái đầu tròn tròn lù lù ra từ trong cửa nách. Cái đầu ấy vừa lù ra lại thụt vào ngay: rõ ràng là cô tiểu hôm nọ. Xưa nay, lũ tiểu này, A Q xem bằng rác. Nhưng ở đời cũng phải tuỳ thời thế, cho lên A Q lật đật nhổ bốn gốc cải, ngắt lá vứt đi rồi nhét cả vào thân áo. Giữa lúc đó thì sư bà vừa ở trong chùa đi ra.

- *Nam mô a di đà Phật...ạ...ật!* A Q này, sao lại nhảy vào vườn mà ăn cắp của nhà chùa làm vậy! Ái chà! *Nam mô*

a di đà Phật! Tội chết! Ái chà chà...!..*Nam mô a di đà Phật*!

A Q chân bước, mắt nhìn quanh nói:

- Ai nhảy vào vườn nhổ trộm cải nhà bà? Bao giờ nào?[1]

Sư bà chỉ vào thân áo:

- Bao giờ nữa? Đấy kia!

- Đây là của nhà bà đấy à? Bà gọi lên xem nó có thưa không?...[2]

A Q nói chưa xong đã bỏ chạy... Số là một con chó đen to tướng ở đâu chạy thốc ra đuổi. Con mực này vẫn nằm đằng trước cửa, chẳng biết vì lẽ gì lại tót mãi ra tận sau này. Con chó vừa đuổi vừa cắn, và sắp đớp một miếng vào ngang đùi A Q. May sao, từ thân áo một củ cải té ra. Mực ta giật mình một cái, đứng dừng hẳn lại. Trong lúc ấy, A Q đã trèo lên cây dâu, nhảy phóc qua tường, rồi cả người lẫn củ cải cùng lăn nhào ra mái ngoài. Trong vườn, dưới gốc cây dâu, chỉ còn con Mực đứng cắn ăng ẳng và sư bà đứng niệm Phật.

A Q những áy náy lo rằng cô tiểu sẽ lại thả con mực ra đuổi theo. Lật đật, y nhặt mấy củ cải rồi cắm đầu chạy. Dọc đường, y còn nhặt thêm mấy hòn đá phòng bị. Nhưng không thấy nó ra, y vứt đá, vừa chạy, vừa gặm củ cải, vừa nghĩ bụng: "Vùng này ngó bộ làm ăn chẳng xong! Ta đi lên huyện vậy!"

---

[1] Lý sự của AQ đến buồn cười!

[2] Chẳng qua là đói quá phải làm càn, và lúc quẫn phải lý sự cùn. AQ đâu có muốn như thế! Chế độ xã hội, thế lực phong kiến đã buộc AQ phải nhảy vào vườn chùa Tĩnh Tu ăn trộm củ cải và do đó mới có màn bi hài kịch này.

Gặm hết ba củ cải, AQ nhất quyết sẽ lên huyện.

VI- LÊN VOI XUỐNG CHÓ

Mãi đến trung thu năm ấy, làng Mùi mới lại thấy bóng A Q... Cả làng ngạc nhiên bảo nhau. A Q đã về ! Bây giờ người ta mới có kẻ tự hỏi: Lâu nay nó đi đâu nhỉ? Xưa kia, mỗi lần lên huyện về A Q vẫn hớn hở chuyện trò với mọi người. Nhưng lần này không thế. Vì vậy không ai chú ý đến. Dễ thường A Q cũng có thò thẻ một vài câu với lão từ đền Thổ Cốc, nhưng lệ thường ở làng Mùi, chỉ có những lúc nào Cụ Cố họ Triệu, Cụ Cô họ Tiền, hoặc thầy Tú Triệu lên huyện kia thì người ta mới coi là việc quan trọng. Còn ngoài ra, cả lão Tây già kia có đi về cũng chẳng ai quan tâm nữa là A Q! Vì vậy nên lão từ cũng không đồn đại gì về việc A Q đi cả, thành thử trong làng không ai biết mối manh gì.

Lần này A Q ở huyện về khác hẳn mấy lần trước. Trông y có vẻ là lạ. Trời đã nhá nhem tối. Y vào quán rượu, cặp mắt ngái ngủ. Y tới trước quầy, nắn trong lưng ra một tay đầy tiền đồng và bạc hào, xỉa ra và nói:

- Tiền mặt đây này, rượu đâu đưa ra đây!

Y mặc chiếc áo kép mới, lưng đeo một cái ruột tượng nặng trĩu làm cho cái thắt lưng sà hẳn xuống đằng trước thành một đường vòng cung. Ở làng Mùi, vẫn có cái thói hễ thấy ai hơi có máu mặt thì người ta vẫn nghĩ: đối với hạng

người này thà kính trọng họ một chút còn hơn là tỏ vẻ khinh bỉ[1]. Bây giờ, dì biết rằng vẫn là A Q đấy, nhưng không phải như thằng A Q với tấm áo rách dạo trước nữa. Cổ nhân có câu: "Sĩ biệt tam nhật, tiện đương quát mục tương đãi"[2]. Vì vậy mà cả làng Mùi, từ anh hầu sáng, ông chủ quán, khách uống rượu cho đến kẻ qua đường, đối với A Q, ai nấy đều tỏ ra vừa ngờ vực vừa kính trọng. Bác chủ quán gật đầu luôn mấy cái rồi lại trò chuyện vồn vã:

- Kìa A Q! Đã về đấy à?

- Vừa về xong.

- Phát tài chứ?...Thế lâu nay...

- Ở trên huyện mà!

Tin đó sáng hôm sau đã lan ra khắp làng. Cả làng ai cũng ước ao biết rõ lai lịch cái túi tiền và cái áo mới của A Q. Bởi vậy, ngoài quán rượu, trong tiệm trà cho đến dưới hiên đình, người ta chỉ trầm trồ dò la từng ấy chuyện. Kết quả là A Q lại được người ta trọng vọng thêm.

Theo lời AQ thì lâu nay y làm công ở nhà cụ Cử trên huyện. Chỉ một chút đó cũng đã làm cho người nghe lấy làm kiêng nể rồi. Cụ Cử vốn họ Bạch, nhưng vì cả vùng chỉ có một cụ là đậu cử nhân, nên trong lúc xưng hô, cũng không cần phải dùng chữ "Bạch" mào đầu[3] lên trên hai chữ "cử nhân" nữa. Chỉ gọi cụ Cử là ai cũng hiểu rồi. Lối xưng hô

---

[1] Đó là kinh nghiệm của những người sống dưới sự áp bức của bọn có tiền.

[2] Một câu danh ngôn của Lã Mông đời Tam quốc nói với bạn, ý nghĩa : Ba ngày không gặp mặt một kẻ sĩ thì khi gặp lại, nên biết trọng đãi hơn mọi hôm, vì họ có thể tiến bộ khác trước nhiều rồi.

[3] Theo cách gọi của người Trung Quốc thì nói *Bạch cử nhân*, chữ chỉ họ để trên danh từ chỉ chức tước.

này chẳng phải riêng gì là cho làng Mùi. Chung quanh vùng này có trăm dặm đường đất, ai cũng gọi như vậy. Đến nỗi có nhiều người yên trí rằng cụ là họ Cử tên Nhân! Làm công ở nhà cụ Cử là một điều đáng trọng rồi, thế mà A Q còn nói: y không thích làm ở đó nữa vì cái Cụ Cử này thật ra cũng "mẹ kiếp chúng nó" lắm! Mấy người được nghe câu chuyện này vừa tiếc rẻ vừa khoái chí. Khoái chí ở chỗ A Q không thèm làm việc với Cụ Cử, mà tiếc rẻ là sao lại không làm!

Vẫn theo lời A Q thì lần này y trở về làng một phần nữa cũng là vì y ghét bọn người trên huyện. Thí ví dụ chúng nó cứ gọi cái ghế dài kia là *tràng kỷ*, lại như lúc rán cá, chúng nó cứ gia vị bằng nhánh hành. Nhất là cái thói xấu y vừa khám phá ra, tức là cái kiểu bọn đàn bà con gái lúc chúng nó đi đứng cứ ưỡn ẹo trông đến khó coi. Tuy vậy A Q cũng nhận rằng: trên huyện cũng có những điều đáng cũng đáng phục. Tức như ở làng Mùi, đánh bài thì chỉ biết chơi thứ bài ba mươi hai con, và chỉ có một mình lão Tây giả là biết chơi" mạt chược"[1]. Mà trên huyện thì đứa oắt con mới nảy mũi ra cũng chơi mạt chược thạo rồi! Cứ để chú Tây giả ở làng đánh thử với một thằng ranh con trên ấy thì lập tức thấy rằng chả khác gì "qui sứ vào điện Diêm vương"! Câu chuyện này những kẻ được nghe ai cũng đều lấy làm xấu hổ.

- Này, các bác đã thấy chặt đầu người hay chưa nhỉ? Úi chào! Vui lắm! Giết tụi cách mạng ấy mà! Úi chao chao, vui, vui quá cơ!

A Q vừa nói vừa lắc đầu, nước bọt cứ bắn vào mặt bác Triệu Tư Thần đứng trước y. Câu chuyện chặt đầu này, ai

---

[1] Một trò đánh bạc

nghe cũng phải rùng mình rớn gáy. Nhưng A Q lại nhìn quanh quẩn một hồi, bỗng dang cánh tay phải ra, nhằm vào cái cổ cò hương của lão Vương Râu đang đứng nghe chăm chú bổ ngay vào gáy:

- S..ật!

Lão Vương Râu hết hồn vía thụt ngay cả đầu lẫn cổ xuống, nhanh như chớp nhoáng, như đá tóe lửa, trong lúc đó thì người nghe đứng xung quanh vừa sợ hãi, vừa thích thú. Sau đó, có mấy ngày trời, lão Vương Râu vẫn còn choang váng cả đầu óc, nhất định không dám lại gần A Q nữa; những người khác cũng vậy.

Trước mắt dân làng Mùi lúc bấy giờ, địa vị A Q dù có thể nói rằng oai hơn Cụ Cố Triệu, nhưng nói xấp xỉ thì cũng chẳng sai bao nhiêu.

Chẳng bao lâu, danh tiếng A Q đã lừng lẫy đến trong chốn khuê phòng làng Mùi. Thực ra, trong làng Mùi chỉ có hai nhà có thể gọi là có khuê phòng; ấy là nhà họ Triệu và nhà họ Tiền. Ngoài ra chín phần mười chả nhà nào là có khuê phòng cả; nhưng buồng đàn bà con gái nào mà chẳng gọi là khuê phòng? Cho nên danh tiếng A Q đồn đại khắp khuê phòng cũng cho là một sự lạ đi! Các bà hễ gặp nhau là trầm trồ những chuyện như là: thím Bẩy Trâu vừa mua lại của A Q được một chiếc quần lụa màu xanh lam cũ một tí, nhưng "chỉ có chín hào bạc thôi!", hoặc là bà mẹ bác Triệu Bạch Nhãn - một tin khác nói chính là bà mẹ bác Triệu Tứ Thần cơ, chứ không phải là bà mẹ bác Triệu Bạch Nhãn, chưa rõ tin nào đúng hơn, chờ kiểm tra lại đã - cũng mua được một cái áo trẻ con bằng vải sa tây điều còn khá mới, mà chỉ có ba quan tiền, cứ chín mươi hai đồng ăn một quan! Thế

rồi các bà người nào cũng cứ mong gặp A Q, người thiếu quần lụa thì mong hỏi quần lụa, người thiếu áo sa tây thì lăm le mua áo sa tây. Thấy A Q không những họ không trốn tránh nữa mà thậm chí lại có nhiều lúc A Q đi đã khá xa rồi, họ còn chạy theo, gọi đứng lại để hỏi: "Chú AQ này, còn cái quần lụa nào nữa không! Hết cả rồi à?... Thế, áo vải tây điều cũng được. Còn đấy chứ?...

Câu chuyện dần dà từ chốn khuê phòng vào đến chốn khuê các. Số là trong lúc đắc ý, thím Bẩy Trâu đã đem chiếc quần lụa lên trình Cụ Cố bà họ Triệu xem qua. Cụ Cố bà lại nói lại với Cụ Cố ông và cứ khen lấy khen để. Ngay tối hôm ấy, ngồi trước mâm cơm, Cụ Cố ông đưa chuyện đó ra thảo luận cùng cậu Tú, rồi cho rằng: cái thằng A Q này nhất định là có những sự tình khả nghi, chúng ta cửa ngõ cũng nên cẩn thận một tí... Nhưng chả biết nó còn có gì mua được nữa hay không? Có lẽ cũng còn có thứ tốt đấy. Phần thì hiện nay Cụ Cố bà cần một cái áo gi-lê thứ tốt nhưng phải cho rẻ[1]

Cuộc hội nghị gia tộc họ Triệu quyết định sẽ nhờ thím Bẩy Trâu lập tức đi tìm A Q cho được. Do đó, mới có ngoại lệ thứ ba này nữa: tối hôm ấy được phép chong đèn chờ A Q đến.

Đĩa dầu vơi mãi, vơi mãi... A Q vẫn chưa đến. Cả nhà họ Triệu lại đều đã sốt ruột, ngáp xuống. Kẻ thì trách A Q hững hờ, người thì oán thím Bẩy chậm chạp.

Cụ Cố bà những ngại rằng câu chuyện đạo mùa xuân độ nọ có lẽ làm cho A Q sợ phạm vào một điều khoản trọng yếu tờ cam đoan mà không dám đến chăng... Nhưng Cụ Cố ông

---

[1] Một mặt thì sợ, nhưng một mặt thám của rẻ. Đó là tâm lý bọn địa chủ.

bảo: không ngại gì, vì chính "ta" truyền gọi nó kia mà! Thì ra Cụ Cố ông ta người cao kiến có khác! Quả nhiên, một lát sau, A Q cùng thím Bẩy Trâu đã ở ngoài cửa bước vào. Thím Bẩy thở hồng học, chân bước miệng nói:

- Chú ấy cứ chối đây đẩy một không có, hai không có. Con thì con nói: Không biết! Chú ấy cứ đến mà bẩm với hai cụ. Chú ấy còn nói... Con thì con nói...

Dưới thềm, A Q toét miệng ra giống như cười, nhưng vẫn không phải là cười rồi nói to:

- Cụ ạ!

Cụ Cố vừa nói vừa bước tới gần A Q đưa mắt nhìn y từ đầu tới chân:

- A Q này, nghe nói độ này mày đi ra phát tài lắm phải không? Thế thì tốt, tốt lắm. Này! À mà nghe nói mày còn một ít đồ cũ... Còn bao nhiêu cứ đưa đây xem xem... Này! không có ý gì đâu. Chả là ta cần dùng...

- Con vừa bảo thím Bẩy đấy! Hết cả rồi.

- Hết rồi kia à?

- Giọng cụ nghe như thất thanh:

- Sao đã hết chóng làm vậy?

- Chả là gặp chỗ quen biết... vả lại có bao nhiêu đâu ạ!

Anh em họ giật hết.

- Chắc cũng còn một ít chứ!

- Giờ chỉ còn một bức nghi môn thôi ạ!

Cụ Cố bà lật đật nói:

- Thế thì đưa đến cho xem vậy!

Cụ Cố ông có vẻ lãnh đạm:

- Vậy thì sáng mai! Cứ đưa đến đây nhé. Này A Q này, từ rày, bất cứ đồ lề gì, hễ có là đưa đến đây ta xem trước nhé...[1]

Cậu Tú nói:

- Đây không bao giờ trả rẻ đâu mà! Nghe chưa?

Mợ Tú vội liếc nhìn nét mặt A Q xem nó có chú ý gì đến lời cậu Tú hay không.

Cụ Cố bà nói:

- Ta cần mua một cái áo ghi - lê.

A Q miệng vâng vâng dạ dạ, nhưng lại uể oải lùi ra về. Cũng chẳng ai biết y có nhớ hay không, thành ra Cụ Cố cũng vừa thất vọng, vừa bực mình, vừa lo ngại, đến nỗi không ngáp dài nữa. Cậu Tú cũng bất bình với thái độ của AQ, nói:

- Cái thằng Oắng pa tàn này, phải coi chừng! Hay là gọi ngay lão khán đến bảo phải đuổi ngay đi, không cho ở trong làng nữa là hơn hết!

Nhưng Cụ Cố ông cho rằng không nên làm thế, sợ nó lại thù oán lôi thôi. Vả lại xưa nay những đứa làm nghề ấy chả bao giờ chúng nó làm thói "gà quê ăn quẩn cối xay", vậy nên làng ta chẳng ngại gì sự đó. Còn nhà mình thì ban đêm ngủ cho tinh tinh một tí là được rồi. Nghe bấy nhiêu lời

---

[1] Biết là của phi nghĩa, nhưng nhà địa chủ này chỉ nhìn thấy lợi và muốn giành lấy phần hơn về mình.

Nghiêm Đường[1] dậy. Cậu Tú rất tán thành, vì vậy cậu cũng lập tức thủ tiêu đề nghị đem A Q "trục xuất cảnh ngoại"[2]. Một mặt khác cậu ân cần dặn dò thím Bẩy Trâu nhất thiết không để cho câu chuyện hôm nay tiết lộ ra ngoài.

Nhưng ngày hôm sau, lúc thím Bẩy đem chiếc quần đi nhuộm đen thì thím lại đem cả những chỗ khả nghi về A Q rêu rao với mọi người. May mà thím không nhắc nhở gì đến chuyện cậu Tú có ý "trục xuất" A Q. Nhưng thế cũng đã là một điều bất lợi cho A Q rồi! Trước hết, bác khán tìm ngay vào nhà y lấy quách bức nghi môn. Y cố biện bạch rằng, cái bức nghi môn đó, Cụ Cố bảo phải đem lên trình cụ xem đã, nhưng bác khán vẫn nhất định chiếm lấy. Bác lại nhân dịp này vòi thêm một ít "tiền rượu" hàng tháng nữa. Một sự thiệt thòi khác cho A Q là từ hôm ấy về sau, lòng kính nể và sợ sệt của dân làng Mùi đối với y cũng giảm bớt nhiều. Tuy chưa dám khinh ra mặt đâu, nhưng xem có ý đã không muốn lại gần y nữa. Không muốn gần y không phải vì sợ đánh "sật" một cái vào gáy như trước, mà là người ta chỉ "kính nhi viễn chi"[3] nữa thôi.

Một bọn vô công rồi nghề lại cố đi dò xét về A Q cho ra manh mối. Thì A Q cũng chả giấu giếm ai cả! Y cứ ngạo nghễ nói toạc tất cả những điều y đã làm. Do đó, người ta mới biết y chẳng qua chỉ là một vai phụ không có gan trèo tường mà cũng không có gan chui ngạch. Y chỉ đứng ở mé ngoài chuyên đồ ra thôi. Và có một đêm, y vừa bê được một cái gói, còn lão trùm đang chui đầu vào một lần nữa thì trong

---

[1] *Nghiêm Đường* : bố

[2] *Trục xuất cảnh ngoại*: đuổi ra khỏi địa phương.

[3] *Luận ngữ Thiên Ung đã*, Khổng Tử nói với Phần Trì: "Đối với quỷ thần nên kính cẩn, nhưng nên ra xa.

nhà hô hoán lên thế là y chuồn thẳng, và ngay đêm ấy, lập tức bỏ huyện về tuột làng Mùi. Rồi từ đấy trở đi, y cũng giải nghệ luôn nốt. Đoạn tiểu sử này càng làm tai hại cho danh giá A Q. Số là xưa nay dân làng Mùi còn giữ cái thái độ"kính nhi viễn chi" với A Q chỉ là lo y thù hằn. Ai ngờ chẳng qua y chỉ là một thằng ăn trộm mà lại không có gan đi ăn trộm nữa thì quả thật không có gì đáng sợ!

VII - CÁCH MẠNG

Tối hôm mười bống rạng ngày rằm tháng chín niên hiệu Tuyên Thống năm thứ ba[1], tức là hôm AQ bán cái ruột tượng cho chú Triệu Bạch Nhãn, vào hội canh ba, lúc bốn giờ, một chiếc thuyền ván, mui đen, khá to ghé vào bến trước nhà cụ Triệu giữa lúc đêm khuya trời tối mò mò, dân làng đang ngủ say, không ai hay biết gì hết. Và chưa mờ sáng thì chiếc thuyền đã rời khỏi bến, chỉ có mấy người trông thấy mà thôi. Sau lúc đã đồ la, thầm thì thầm thụt cùng nhau khá lâu, người ta mới biết rằng; chính là thuyền nhà Cụ Cử.

Thuyền nhà cụ Cử đã đưa đến làng Mùi một nỗi lo âu hết sức lớn. Chưa đúng ngọ, cả làng đã nhốn nháo hẳn lên. Chiếc thuyền này về đây để làm gì thì nhà Cụ Triệu hết sức giữ bí mật. Nhưng trong các quán rượu và các hàng nước,

---

[1] Tức ngày tháng 11 năm 1911, hai mươi lăm ngày sau cuộc khởi nghĩa Võ Xương.

đâu đâu người ta cũng đồn đại lên rằng: bọn Cách mạng sắp vào huyện nên Cụ Cử chạy về làng lánh nạn. Chỉ có thím Bẩy là bảo không phải. Thím ấy nói: Chỉ có mấy hòm quần áo cũ trên Cụ Cử gửi xuống nhờ giữ hộ, nhưng Cụ Triệu không nhận và giả lại ngay. Chả là cậu Tú Triệu và Cụ Cử xưa nay không tương đắc gì, cho nên trong lúc hoạn nạn, hai nhà nhất định không có thể san sẻ nỗi lo buồn cùng nhau. Vả lại thím Bẩy ở ngay cạnh nhà cụ Triệu, thấy tận mắt, nghe tận tai, cho nên chắc chắn hẳn là không sai.

Mặc dù như thế, tiếng đồn vẫn lan rộng ra. Người ta bảo nhau: hình như Cụ Cử không về, nhưng cụ có viết một bức thư rất dài để làm thân với Cụ Cố. Cụ Cố làng ta cũng đã nghĩ lại, và cụ cho rằng: cũng chẳng có hại gì nên đã cho gửi cái hòm lại. Cái hòm ấy hiện giờ nhét dưới gầm giường cụ bà nằm. Còn như tin tức về bọn cách mạng thì có kẻ nói chính tối hôm qua chúng nó đã vào huyện rồi, chú nào chú ấy, áo giáp bạch, mũ bạch, ăn bận trắng toát một loạt để tang cho vua Sùng Chính[1].

Xưa kia, A Q đã mấy lần nghe người ta nói đến cách mạng. Năm nay, y lại thấy chém bọn cách mạng độ vừa rồi. Nhưng trong óc y đã có sẵn một ý kiến chẳng biết nguồn gốc từ đâu cho rằng: làm cách mạng tức là làm giặc, làm giặc tức là báo hại y. Vì vậy nên xưa nay y vẫn ghét cay ghét đắng

---

[1] Sùng Chính tức Sùng Trinh, ông vua cuối cùng nhà Minh bị tử nạn. Trong ý nghĩ dân làng Mùi, cuộc cách mạng 1911 chỉ là một cuộc chính biến, vương triều này đánh đổ vương triều kia để lên thế vị mà thôi. Họ cho rằng những người làm Cách Mạng ủng hộ nhà Minh lật đổ nhà Thanh nên mới để tang cho vua Sùng Chính. Đủ thấy cuộc cách mạng Tân Hợi không được tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nông thôn. Ý kiến của A Q về cách mạng nói ở đoạn dưới càng chứng tỏ điều đó.

bọn cách mạng. Ngờ đâu chính bọn đó làm cho Cụ Cử danh giá khắp vùng như thế kia mà cũng phải sợ, thì y cũng đã hơi lấy làm "lác mắt". Huống nữa là y lại thấy lũ đàn ông đàn bà khốn nạn ở làng Mùi cuống quýt lên như vậy thì y càng khoái chí. Y nghĩ bụng: cách mạng cũng hay! Cách mẹ cái mạng lũ chúng nó đi! Ghét quá đi mất! Giận quá đi mất...! Tớ, tớ sẽ đi đầu hàng cách mạng[1].

Gần đây, AQ túng thiếu thành thử y cũng có ý bất bình. Phần thì trưa hôm ấy, bụng đói, uống hai bát rượu, cho nên y càng choáng váng say. Y vừa nghĩ ngợi vừa rảo bước, tâm hồn lại nhẹ nhàng hớn hở lên Rồi chả biết thế quái nào mà bỗng y đã tưởng tượng ngay rằng y là người cách mạng, và cả bọn dân làng Mùi đã thành "tù binh" của y cả rồi! Trong lúc đắc ý, bất giác y hét to lên một tiếng:

- Làm giặc nào! Làm giặc nào!

Dân làng Mùi bấy giờ đều nhìn A Q bằng cặp mắt sợ hãi vô cùng. Điều đáng thương hại đó xưa nay y chưa từng thấy. Thành ra y thấy thích chí vô hạn chẳng khác gì nắng tháng sáu mà được uống nước đá vậy. Y càng hớn hở rảo bước và nói to:

- Hay lắm! Tớ muốn gì sẽ được nấy! Tớ ưa ai là người ấy được nhờ!

Cắc, cắc, tùng, tùng! Ăn năn đà quá muộn! Chỉ vì quá chén mà Trịnh Hiền đệ bị giết oan...a...Tùng, tùng, tùng, cắc...Cắc cắc, tùng tùng...thủ chấp (iii) cương(ii) tiên(i-

---

[1] Đầu hàng cách mạng nghĩa là tham gia cách mạng, ý A Q cho rằng những người làm cách mạng cũng chỉ là những kẻ làm giặc mà thôi, cho nên mới nói như vậy. Đó cũng là tư tưởng của giai cấp thống trị mà A Q chịu ảnh hưởng.

a) tương nỉ đá.

Trước nhà Cụ Cố họ Triệu, hai bố con và hai người bà con chính tông của cụ đang đứng xúm ở cổng bàn về cách mạng. A Q không trông thấy, cứ ngang nhiên rảo bước và vẫn hát:

- Tùng! Tùng...

- Này bác Q! ơi[1]

Cụ Cố gọi khe khẽ và có vẻ sợ sệt.

Xưa nay, đã bao giờ A Q nghĩ người ta lại có thể kết liền chữ "bác" với tên mình để gọi. Vậy nên y cho rằng người ta còn nói chuyện gì đâu đâu ấy, chứ chẳng liên quan gì đến mình, Y cứ hát:

- *Cắc...cắc...cắc...Tùng...tùng...tùng...*

- Bác Q. này!

- *Ăn năn đà quá muộn à...!*

Cậu Tú đành phải gọi thẳng:

- A Q à!

Lúc đó A Q mới dừng chân, nghếch đầu lại hỏi:

- Cái gì thế?

- Bác Q. này... Độ này...

Cụ Cố bỗng không biết nói gì nữa - Độ này!... phát tài chứ?

---

[1] Chú ý đến giọng thớ lợ của Cụ Cố họ Triệu và so sánh với giọng hách dịch của cụ khi AQ nhận mình là họ Triệu trên kia.

- Vâng ạ! Phát tài hẳn chứ lỵ! Muốn gì được nấy!

- À, à bác Q. này! Bọn mình là bạn nghèo với nhau cả thì chắc chẳng lẽ gì...

Triệu Bạch Nhãn rụt rè nói, cố ý dò xem ý tứ nhà cách mạng như thế nào.

- Bạn nghèo à? Anh lại không phong lưu bằng mấy tôi ấy à?

Vừa nói xong, AQ đã bước đi.

Mấy người nhà họ Triệu nghe mà phát khiếp, đứng lặng đi một hồi. Chiều hôm ấy, hai bố con nhà họ Triệu bàn bạc cùng nhau, cho mãi đến lúc đỏ đèn mới thôi. Còn chú Triệu Bạch Nhãn vừa về đến nhà là cởi ngay cái ruột tượng, bảo chị vợ giấu kín vào dưới đáy hòm.

A Q hớn hở nhẹ bước trên con đường làng một hồi khá lâu. Về đến đền Thổ Cốc thì y đã tỉnh rượu hẳn. Chiều hôm ấy, lão từ đối với y cũng tỏ ýnhã nhặn khác thường, mời y uống chén nước trà. Y nài lão thết luôn hai khẩu bánh nữa. Ăn xong, y còn lấy một đoạn nến bốn lạng thắp dở và cả cái cọc nến mang về buồng nhỏ của y, đỏ đèn lên, một mình nằm nghỉ. Giờ này, bao nhiêu ý nghĩ tốt đẹp, bao nhiêu niềm vui mà y không tài nào tả nên lời, đang nhảy múa trong óc y giống như ngọn đèn đêm nguyên đán vậy!

"Làm giặc! Cũng vui đấy chứ! Một hôm bọn làm cách mạng tuyền là mũ bạch, áo giáp bạch, ai nấy tay cầm dao bản, roi sắt, lựu đạn, súng trường, nạng ba chĩa, câu liềm chạy cả đến Thổ Cốc gọi: "A Q! Chúng ta cùng đi đi!" Thế là cùng nhau đi...

Lúc đó, tụi dân làng Mùi khốn nạn trông mới buồn cười! Chúng nó sẽ quỳ rần rạt xuống van xin: "A Q tha chết cho tôi đi!" Nhưng ai mà nghe chúng nó! Thằng cu D, đáng tội chết trước[1]. Rồi Cụ Cố họ Triệu, cả lão Tú nữa, cả thằng Tây giả nữa... Có nên tha thằng nào không nhỉ? Kể ra lão Vương Râu thì tha ra cũng chẳng hề gì, nhưng bất tất!

"Đồ đạc, thì cứ vào thẳng nhà Cụ Cố phá ngay cái rương ra xem...Tiền đồng...vàng bạc... áo sa... Mà trước hết phải khuân ngay cái giường Hồng Kông của mợ Tú về đền Thổ Cốc cái đã... Ngoài ra, còn bộ bàn ghế nhà họ Tiền cũng chuyển về nốt. Hay là ta dùng ngay bộ của nhà họ Triệu vậy? Lẽ cố nhiên mình bất tất phải bỏ tay ra khuân vác. Bảo thằng cu D, khiêng đi, mau lên! Chậm là tát vào mặt...

"Lão Triệu Tư Thần có con em, nhưng xấu quá! Còn con gái thím Bẩy Trâu, vài năm nữa hẳng nói chuyện...Vợ lão Tây giả... con này đã chung chạ với một thằng đàn ông không có đuôi sam... Chao! Tởm... Thứ đàn bà ấy chả ra trò! Mụ Tú Triệu phải một cái là trên mi mắt có một cái sẹo! Mà...con mụ vú Ngô lâu nay đi đâu nhỉ? Bực một nỗi là cái bàn chân chị ta to quá!"[2]

---

[1] A Q vẫn không biết cu D cũng là người cùng bị áp bức, bóc lột như mình.

[2] Về đời Mã Thanh, đàn bà, nhất là bọn quý phái, đều bó chân cho nhỏ. AQ không bằng lòng đôi bàn chân của vú Ngô không bó và cho là thô.

Qua đoạn này, Lỗ Tấn đã nói lên tính chất của các cuộc khởi nghĩa nông dân dưới thời phong kiến. Trong lịch sử dân tộc Trung Quốc đã xảy ra nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân, nhưng kết cục vẫn không thay đổi được chế độ xã hội. Chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo thì cuộc cách mạng xã hội mới được triệt để và mới đem lại kết quả mong muốn, bằng không thì chỉ đi theo con đường luẩn quẩn. Tuy nhiên, việc phân chia tài sản của địa chủ, mà AQ mơ ước thì sau này, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Trung Quốc nông dân đã thực hiện được cuộc cải cách ruộng đất.

Giữa lúc đầu óc còn rối beng với bấy nhiêu ý nghĩ thì A Q đã ngáy khò khò. Cây nến bốn lạng vừa cháy mất độ dăm phân, ngọn lửa lập lòe chiếu vào chiếc miệng hoác rộng của y.

"Ha!Ha" A Q bỗng giật mình dậy, kêu to một tiếng rồi nghếch đầu lên, hoảng hốt nhìn quanh nhìn quất. Nhìn thấy đoạn nến bốn lạng vẫn còn, y lại ngả người ra ngủ.

Ngày hôm sau. A Q thức dậy rất muộn. Y chạy ra nhìn trên con đường làng thì đâu vào đấy, chả có gì thay đổi. Mà cái bụng của y nghe vẫn đói! Y ngẫm nghĩ hồi lâu chả nghĩ ra cái gì cả. Nhưng bỗng hình như y đã có một quyết định gì, rồi cũng chả biết là vô tình hay hữu ý, y lại nhẹ bước lần đến chùa Tĩnh Tu.

Sau bức tường có trổ hai cánh cửa sơn đen, cảnh chùa vẫn vắng lặng như mùa xuân độ nọ. A Q ngẫm nghĩ một chốc, rồi bước tới gõ cửa. Một con chó sủa từ trong chùa sủa ra. A Q vội vàng nhặt lấy mảnh gạch vỡ, bước tới gõ mạnh vào cánh cửa. Gõ mãi đến lúc cánh cửa đầy những vết gạch đỏ mới nghe có tiếng ra mở.

A Q vội nắm chặt lấy mảnh gạch trong tay, đứng theo thế mã bộ[1] sẵn sàng cầm cự với con Mực. Nhưng cửa chùa chỉ hé ra một tí, con Mực cũng chẳng thấy xông ra. Nhìn vào, chỉ thấy sư bà hôm nọ.

- Bác lại tới đây làm gì nữa kia?

Sư bà hỏi, giọng hớt hơ hớt hải.

- Cách mạng rồi! Bà biết không?

---

[1] Thế mã bộ thế chân trước sau như ngựa đi.

A Q trả lời vu vơ.

- Cách mạng! Đã cách một lần rồi! các bác còn muốn"cách" chúng tôi đến như thế nào nữa kia!

Hai con mất sư bà đỏ bừng hẳn lên.

- Thế nào?

A Q rất lấy làm ngạc nhiên, hỏi:

- Bác không biết hay sao? Chúng nó đã đến đây "cách" hết rồi! Nhà bác không biết đó thôi.

A Q càng lấy làm ngạc nhiên:

- Ai kia?

- Lão Tú với lão Tây già ấy mà!...

Thật là một điều bất ngờ cho A Q làm cho y hết sức ngơ ngác. Sư bà thấy y mất hẳn nhuệ khí, tức thì đóng cửa lại. A Q lại đẩy cửa nhưng không tài nào xô cho ra được nữa. Y gọi một thôi nữa, chả một ai trả lời.

Đó là chuyện xảy ra buổi sáng Cậu Tú bắt tin rất nhạy vừa biết được rằng bọn cách mạng đã vào huyện đêm hôm trước, cậu liền đem đuôi sam quấn vòng quanh trên đầu, vừa sáng thì tức tốc qua nhà họ Tiền thăm lão Tây già, là người xưa nay cậu chả ưa tí nào, nhưng ngày nay trong vận hội mới, trong thời kỳ "cùng nhau mưu cuộc duy tân" này, hai ông trò chuyện bỗng dưng thành ra thân mật, rất tâm đầu ý hợp như hai đồng chí. Hai ông hẹn hò cùng nhau đi làm cách mạng. Hai nhà cách mạng bàn bạc hồi lâu mới sực nhớ ra rằng: trong chùa Tĩnh Tu còn có một cái bài vị thờ vua với mấy chữ: "Hoàng đế vạn tuế, vạn vạn tuế..." phải "cách"

ngay mới được. Thế là hai ông cùng tới chùa Tĩnh Tu làm một cuộc cách mạng. Sư bà ra cản trở, nói mấy câu. Hai ông cho là sư bà ủng hộ chính phủ Mãn Thanh, nhè vào đầu bà ta bổ ba - toong xuống. Cô tiểu thì mãi lúc hai ông đi đã xa mới hoàn hồn. Kiểm điểm đồ nhà chùa lại, thì thấy cái bài vị cố nhiên bị đập nát ra giữa chùa mà cái lư hương Tuyên Đức[1] xưa nay vẫn để thờ trước tượng đức Quan Âm đã biến đâu mất rồi![2]

Câu chuyện trên đây, mãi về sau A Q mới biết. Y lấy làm hối hận vì ngủ quá giấc mà lỡ dịp nhưng cũng giận tụi chúng nó không tới gọi y đi cùng. Y nghĩ lại: "Lẽ nào chúng nó chưa biết là mình đã đầu hàng cách mạng rồi hay sao?"

VIII - KHÔNG CHO LÀM CÁCH MẠNG

Tình hình làng Mùi dần dần êm đềm trở lại. Theo những tin đồn gần đây, người ta biết rằng: tiếng là bọn cách mạng đã vào huyện nhưng cũng chẳng có gì thay đổi khác trước. Quan huyện vẫn là quan huyện cũ, chẳng qua bấy giờ gọi là quan gì gì ấy, mà Cụ Cứ cũng làm quan gì gì ấy... Những chức tước mới, ở làng Mùi chả ai hiểu gì hết. Còn ông lãnh binh thì cũng vẫn là ông lãnh binh ngày trước. Duy có

---

[1] Minh Tuyên Tông niên hiệu Tuyên Đức (1426 - 1435) cho đúc những cái lư hương đồng nho, dưới đáy có khắc dòng chữ "Đại Minh Tuyên Đức niên chế".

[2] Tức ngày tháng 11 năm 1911, hai mươi lam ngày sau cuộc khởi nghĩa Võ Xương.

một điều đáng sợ là trong đó có mấy người cách mạng không tốt xen vào làm rối loạn cả lên. Ngay ngày hôm sau, chúng nó đã đi cắt đuôi sam của người ta rồi. Nghe đâu bác Bảy Cân làm nghề chèo thuyền trên làng trên đã bị chúng cạo trọc, thành thử trông không thành hình người nữa! Tuy nhiên, việc đó cũng chưa đáng sợ, bởi vì dân làng Mùi chẳng mấy khi lên huyện, mà dẫu có việc lên huyện thì họ cũng không lên nữa, khỏi nguy hiểm. Chính A Q lâu nay vẫn có ý định lên huyện thăm người quen, sau lúc được tin này, cũng thôi.

Nhưng ở làng Mùi thì không thể nói không có chút gì thay đổi. Mấy hôm sau, dần dần có người đem đuôi sam quấn vòng quanh lên đỉnh đầu ngày một thêm nhiều. Như trên kia đã nói, người đầu tiên thi hành việc này cố nhiên là cậu Tú Triệu, kế theo là hai chú Triệu Bạch Nhãn và Triệu Tư Thần. Sau đến A Q. Giá về mùa hè mà đem đuôi sam quấn ngược lên đỉnh đầu hoặc kết lại thành búi tó đằng sau thì cũng không có gì là lạ. Nhưng bây giờ, mới đầu thu, cho nên cái chính sách "thu hành hạ lệnh"(đem lệ mùa hè ứng dụng vào mùa thu) của mấy "nhà quấn đuôi sam"cũng phải kể là một cao kiến, và như thế, đối với làng Mùi, không thể nói đó không phải là một cuộc cải cách.[1]

---

[1] Lỗ Tấn cũng là người hăng hái tham gia cuộc Cách Mạng Tân Hợi, nhưng liền sau đó, ông nhận thấy cuộc Cách mạng Tân Hợi không thay đổi được xã hội Trung Quốc như ông mong muốn, gây được một biến động như thế cho nên thất bại. Trong Tạp văn của mình, nhiều lần Lỗ Tấn phát biểu ý kiến về cuộc Cách mạng này. Chẳng hạn trong bài *Bỗng nhiên nghĩ tới: (Hoa cái, tạp văn I...* "Tôi cảm thấy hình như đã lâu rồi không còn có cái gọi là Trung Hoa dân quốc nữa.
Tôi cảm thấy trước cách mạng, tôi là nô lệ, sau cách mạng không bao lâu thì bị bọn nô lệ lừa bịp, biến thành nô lệ của chúng nó.
Tôi cảm thấy có nhiều quốc dân của Dân quốc mà lại là kẻ thù của Dân quốc.

Bác Triệu Tư Thần, gậy trông thông lồng, bỗng ở đâu đàng kia chạy tới; những người trông thấy đều la to lên:

- Ô! Ông cách mạng đã tới kia kìa!

A Q nghe, tỏ ra rất phục. Y đã biết chuyện Cậu Tú quấn đuôi sam lên, nhưng y không hề nghĩ rằng những người như y cũng có thể quấn đuôi sam lên được như thế. Bây giờ thấy Triệu Tư Thần làm như vậy, y mới nghĩ đến việc bắt chước và quyết chí thi hành. Y lấy một chiếc đũa, đem đuôi sam dốc ngược lên đỉnh đầu, ngần ngại hồi lâu... rồi mới mạnh dạn bước chân ra đi.

A Q đi qua trên con đường làng, người ta nhìn thấy nhưng cũng chẳng ai nói gì. Lúc đầu A Q buồn bực, sau y phát cáu. Gần đây, y bỗng trở thành gắt tính. Kỳ thực, không phải đời sống hàng ngày của y lâu nay có khó khăn gì hơn ngày chưa đi "làm giặc". Người ta đối với y cũng lễ độ. Lão chủ quán cũng không đòi tiền mặt ngay nữa. Nhưng y vẫn thấy bực bội trong lòng. Đã "cách cái mạng" đi rồi, thì không thể, chỉ có như thế này. Nhất là có lần gặp thằng cu D, y lại càng tức lộn ruột.

Thì cả thằng cu D, nó cũng đem đuôi sam quấn ngược lên! Hơn nữa, nó cũng nghiễm nhiên dùng một đoạn đũa giống như y. A Q không thể nghĩ rằng thằng cu D, cũng làm như y được. Y quyết không cho phép thằng cu D, lãng loàn như vậy. Thằng cu D là cái thá gì! Y đã định tóm ngay lấy thằng oắt con, bẻ cho gãy nát chiếc đũa tre trên đầu nó đi, xả ngay cái đuôi sam xuống, rồi tát vào mặt nó mấy tát tai để trị

Tôi cảm thấy cái gì cũng phải bắt đầu làm lại"

nó cái tội không biết thân phận mà dám táo gan làm cách mạng. Nhưng cuối cùng, AQ cũng tha cho nó đi, chỉ lườm nó bằng một cặp mắt dữ tợn, rồi nhổ một bãi nước bọt đánh "tách" lên một tiếng mà thôi!

Trong mấy ngày ấy, chỉ có lão Tây giả là người hay lên huyện, cậu Tú Triệu tuy vẫn có ý nhân câu chuyện gửi hòm hôm trước đi bái yết Cụ Cử một phen chỉ vì dọc đường còn có cái nguy "chặt đuôi sam" nên cậu đành rốn lại. Cậu viết một bức thư theo thể cách "lọng vàng"[1] gửi ngaylão Tây giả mang lên huyện và giới thiệu cho cậu được vào đảng "Tchưdíu" (Tự do)[2]. Lên huyện về, lão Tây giả đòi ngay bốn đồng bạc và đưa cho cậu Tú một cái huy hiệu bằng bạc, hình quả đào để đeo vào áo dài. Làng Mùi trông thấy càng lấy làm kính phục. Họ bảo nhau: Đây là hiệu đảng " Tsưdíu" (thị du) đấy. Đeo huy hiệu ấy vào thì được ngang hàng với Hàn lâm. Từ hôm ấy, Cụ Triệu lại oai vệ hơn cả lúc cậu con trai vừa đỗ tú tài nữa kia! Cho nên bây giờ cụ thật là "mục hạ vô nhân", gặp A Q cụ cũng chẳng thèm để ý nữa[3]

A Q đang bất bình nhiều nỗi và thường cảm thấy hiu quạnh... Nghe câu chuyện huy hiệu bằng bạc này, y mới vỡ lẽ ra vì sao y lại hiu quạnh như thế. Thì ra, làm cách mạng mà chỉ tuyên bố rằng mình "đầu hàng" chưa đủ, quấn đuôi sam lên cũng chưa đủ. Trước hết vẫn phải làm quen với bọn cách mạng đã. Sinh bình A Q chỉ biết có hai người trong bọn

---

[1] Nghĩa là lời văn trịnh trọng.

[2] Tiếng quan thoại, chữ *(đảng tự do) cũng đọc na ná giống thị du đảng* (đảng đầu hạt thị). Vì vậy mà dân làng Mùi vẫn tưởng rằng đảng tự do cũng là một bọn buôn dầu hạt thị. Theo Lỗ Tấn thì hai danh từ kia nên cứ dịch theo âm.

[3] So sánh với thái độ của Cụ Cố họ Triệu ở chương VII lúc cụ tưởng AQ làm "cách mạng".

đó. Một người ở huyện thì độ nọ đã bị chém đầu đánh sật rồi! Bấy giờ chỉ còn lão Tây giả nữa thôi. Ngoài việc thương lượng với lão Tây giả ra, A Q không còn có con đường nào khác nữa.

Cổng nhà họ Tiền vừa mở thì A Q đã rón rén bước vào. Vừa vào thì y đã hết hồn hết vía, vì y thấy lã Tây giả đứng giữa sân, mình bận bộ áo đen, tuồng như là âu phục, trước ngực cũng có tâm huy hiệu bằng bạc, hình quả đào, tay cầm cái ba-toong mà độ nọ y đã được biết mùi. Cái đuôi sam của lão đã dài được non một thước xoã xuống vai như cụ Lưu Hải Tiên[1]. Trước mặt lão, Triệu Bạch Nhãn và ba người vô công rồi nghề khác đứng nghiêm, kính cẩn nghe lão nói.

A Q khe khẽ đi tới, nép sau lưng Triệu Bạch Nhãn trong bụng muốn chào một tiếng, nhưng chẳng biết xưng hô như thế nào cho tiện. Gọi là "Tây giả" thì quyết không được rồi, gọi là "Tây" cũng không xuôi, mà gọi là ông "cách mạng" thì chẳng gọi. Hay gọi là "ông Tây" vậy?

Nhưng "ông Tây" vẫn không nhìn thấy y, vì ông ta còn đang trợn mắt lên giảng giải rất hăng:

- Chả là tôi thì tôi nóng tính. Cho nên vừa gặp nhau là tôi nói ngay: Anh Hồng![2] Ta làm ngay đi thôi! Nhưng anh Hồng lại nói: "No"[3], "No" là tiếng Ang - lê, các bác chẳng hiểu đâu. Nếu không thì đã thành công rồi! Tuy vậy xem đó ta cũng đủ biết anh Hồng làm việc rất cẩn thận như thế

---

[1] Chỉ Lưu Hải Thiềm, người thời đại Ngũ đại, tương truyền tu đạo ở Chung Nam Sơn, thành tiên. Có ảnh của ông lưu truyền trong dân gian tóc dài để xoã.

[2] Chỉ Lê Nguyên Hồng, một nhân vật thời cách mạng Tân Hợi

[3] No: tiếng Anh nghĩa là *không*

nào!...Anh ấy mấy lần có mời tôi lên Hồ Bắc cho được. Tôi không chịu đi. Đi thì ai muốn đến làm việc trong huyện nhỏ bé này cho!

- Ủa!...Này...Này!

A Q đánh bạo thốt ra được mấy tiếng lúc lão Tây già vừa ngửng lại. Nhưng không hiểu vì sao lại y không gọi là "ông Tây", Bốn người đang đứng nghe, đều giật mình ngoảnh lại nhìn. "ông Tây" cũng vừa trông thấy AQ.

- Cái gì?

- Tôi...

- Ra ngay!

- Tôi định đầu hàng.

"Ông Tây" giơ cái gậy "đại tang" lên:

- Cút lập tức!

Cả Triệu Bạch Nhãn và mấy lão kia cũng mắng om sòm:

- Ông bảo mày cút đi, mày không nghe hay sao?

A Q đem hai bàn tay lên che đầu rồi không kịp suy nghĩ chuồn thẳng. May mà "ông Tây" không đuổi theo. A Q chạy rất nhanh khoảng độ năm sáu mươi bước, mới đi chầm chậm lại. Lúc bấy giờ lòng A Q bỗng lại âu sầu. Muốn làm cách mạng nhưng "ông Tây già" không cho làm. Y không còn cách nào khác nữa. Từ nay còn mong gì người mũ bạch, áo giáp bạch đến gọi! Bao nhiêu hoài bão, bao nhiêu hy vọng, bao nhiêu chí hướng và tiền đồ, thế là đi đời nhà ma! Ấy là chưa kể y sẽ chịu bao nhiêu nỗi nhục nhã khi bọn hiếu

sự sẽ đem chuyện này dồn dại lên để cho tụi Vương Râu, cu D có dịp cười cợt!

Tuồng như xưa nay A Q chưa hề bao giờ chán chường như hôm nay. Cho đến cả cái đuôi sam quấn vòng quanh trên đầu, hôm nay y cũng cho là vô vị, đáng khinh bỉ hết sức! Y muốn đem mà buông xuống cho bõ ghét, nhưng rồi cũng thôi, không buông xuống. Y đi rong mãi đến khuya, uống chịu hai bát rượu. Thế rồi tinh thần lại phấn khởi lên, và y lại mơ tưởng đến những chiếc mũ bạch, áo giáp bạch...

Một hôm, A Q theo như lệ thường đi rong mãi đến khuya, lúc các quán rượu sắp đóng cửa,mới trở về đề Thổ Cốc.

Đùng! Đùng!

Bỗng có mấy tiếng ầm rất lạ tai, giống tiếng pháo mà không ra tiếng pháo! Vốn tính thích ồn ào và thích xem nhảm, A Q mò ra xem. Đằng trước mắt như có tiếng chân người bước tới. Y lắng tai nghe. Bỗng có người từ đằng kia chạy lại. Chợt trông thấy, A Q cũng theo bóng người ấy chạy nốt. Người ấy chạy quành theo, y cũng quành theo. Người ấy đứng dừng lại, y cũng đứng dừng lại. Nhìn lại phía sau chẳng có gì. Té ra bóng người chạy đó là cu D. Y phát bẩn:

- Cái gì thế?

- Hừ...nhà cụ Trị...Triệu mất cướp!

Cu D vừa trả lời vừa thở hồng hộc.

Quả tim A Q cũng thoi thóp, dồn ngược. Nói xong cu D. lại chạy A Q cũng chạy theo, và còn đứng dừng lại mấy lần nữa. Dù sao thì A Q cũng đã làm qua nghề ấy, cho nên y

gan dạ lắm. Y nép vào một góc đường, nghe ngóng, tựa hồ như có tiếng kêu gào, và nhìn kỹ thì tựa hồ như có vô số người đội mũ bạch, mặc áo giáp bạch, tấp nập khiêng những rương hòm, đồ đạc, chuyển từ nhà chuyển ra. Cái giường Hồng Kông của mợ Tú hình như cũng chuyển ra đấy rồi! Nhưng không thấy rõ cho lắm. A Q còn muốn lại gần, nhưng chân vẫn không nhúc nhích.

Đêm ấy không có trăng. Trong bóng tối dày đặc, cảnh làng Mùi vẫn lặng lẽ như những ngày thịnh trị đời Hy Hoàng. A Q đứng nhìn, nhìn đến phát chán mà vẫn thấy chúng nó ra ra vào vào, khiêng hoài, kiêng mãi. Hết khiêng rương lại khiêng đồ vật, hết khiêng đồ vật lại khiêng cái giường Hồng Kông của mợ Tú... Chúng nó khiêng đến nỗi làm cho A Q không tin cả con mắt y nữa. Nhưng y không định lại gần, y trở về đền Thổ Cốc.

Đền Thổ Cốc cũng tối đen như mực. Y khép chặt cửa ngoài, đi lò mò vào nhà, ngả người xuống giường một hồi rất lâu. Lúc đó tâm thần y mới ổn định và y mới bắt đầu suy nghĩ về y. Rõ ràng bọn đội mũ bạch, áo giáp bạch đến rồi, thế mà chúng nó không thèm gọi mình một tiếng! Chúng nó khiêng bấy nhiêu đồ tốt thế mà cũng chả có phần mình. Thôi! Đấy lại chỉ tại cái thằng Tây già khả ố kia, nó không cho mình "làm giặc"! Nếu không lẽ nào lần này lại không có phần mình? A Q càng nghĩ càng tức điên ruột lên. Y sẽ gật đầu nói một cách độc địa:

- Không cho tớ làm giặc à! Chỉ có một mình mày làm giặc thôi à! Mẹ cái thằng Tây già này! Được! Mày làm giặc!... Làm giặc là tội chết chém. Tớ sẽ viết ngay một lá đơn phát giác để người ta bắt cổ mày, đem về huyện chặt

đầu, tru di cả nhà cho mà xem...S...sật! S...sật!

IX - ĐẠI ĐOÀN VIÊN.

Sau lúc nhà họ Triệu mất cướp thì phần đông dân làng Mùi vừa thích chí vừa sợ hãi. A Q cũng vậy, y vừa thích chí vừa hãi.

Nhưng bốn hôm sau, giữa lúc đêm khuya, y bỗng bị bắt lên huyện. Giờ tối đen. Một toán lính, một đội tuần đinh, một đội cảnh sát, năm tên mật thám, lẳng lặng đi về làng Mùi, thừa lúc đêm tối mò mò, vây kín lấy đền Thổ Cốc, lắp ngay mấy khẩu súng liên thanh chĩa mũi vào trong đền, nhưng A Q không hề xông ra. Một hồi khá lâu, trong đền vẫn im phăng phắc, tuyệt không động tĩnh gì cả. Viên lãnh binh sốt ruột, phải treo hai vạn quan tiền thưởng, mới có hai chú tuần đinh mạo hiểm trèo tường vào. Thế rồi trong ngoài hưởng ứng cùng nhau, toán quân thốc vào một loạt, tóm ngay được A Q. Mãi đến lúc bị lôi ra ngoài cửa, đứng bên khẩu súng liên thanh, A Q mới tỉnh giấc.. Về huyện, trời vừa đúng trưa. Người ta dắt y tới một nha môn đã nát, rồi rẽ quanh năm sáu góc đường nữa, người ta đẩy y vào gian nhà nhỏ. Y đương bước thấp bước cao đi vào thì cái cánh cửa làm bằng những súc gỗ nguyên phiến đã đóng sập ngay lại sau gót chân y. Ba mặt khác đều là những bức tường vôi. Nhìn kỹ vào trong góc phòng, y thấy hai người khác đã ở đây từ

trước.

A Q bụng hồi hộp nhưng không lấy làm khổ sở. Số là gian phòng này so với cái buồng ngủ của y ở đền Thổ Cốc kể còn cao ráo, sáng sủa hơn nhiều. Hai lão kia xem chừng cũng đều là nhà quê cả. Y dần dà trò chuyện hỏi thăm. Một lão nói:

- Tớ bị bắt là vì ông nội tớ còn thiếu cụ Cử một món nợ cũ.[1]

Còn lão kia thì chả biết vì sao mà bị bắt cả. Họ hỏi A Q... A Q nhanh nhẹn trả lời:

- Tớ à! Tớ định làm giặc!

Chiều hôm ấy, người ta lại dắt A Q đến một công đường to. Một lão già đầu trọc ngồi trên cao. AQ nghĩ bụng: lão già này chắc là một lão sư cụ hẳn... Nhưng nhìn thấy một toán lính đứng sắp hàng ở dưới và mười mấy người nữa ở hai bên, đều bận áo dài, người thì cũng đầu trọc như lão già, người thì đuôi sam dài có đến một thước xoã xuống như lão Tây giả, người nào người nấy, mặt bự cả thịt, hầm hầm nhìn A Q. A Q biết ngay rằng: lão trọc này chẳng phải là tay vừa. Thế là mấy khớp đầu gối của y tự nhiên như rã hẳn ra, và y quỳ sụp xuống. Bọn áo dài nạt nộ om sòm:

- Đứng mà nói! Không phải quỳ!

A Q xem chừng cũng hiểu họ nói gì nhưng không tài nào đứng dậy được. Cái thân xác mà hiện giờ phút này không tự chủ được nữa chỉ cứ ngã sụp xuống. Thế là y đành cứ thế

---

[1] Bọn địa chủ lợi dụng cách mạng để mưu lợi riêng, đòi nợ cũ của chúng.

mà quỳ[1]

- Quen cái thói nô lệ!

Bọn áo dài mắng, giọng khinh bỉ, nhưng rồi cũng không bảo y đứng dậy nữa.

Lão già đầu trọc nhìn thẳng vào mặt A Q nói rất thong thả rõ ràng:

- Cứ thú đi là hơn, khỏi phải ra khảo thêm khổ, ta biết hết rồi! Thú đi rồi tha cho...

Bọn áo dài cũng quát to lên:

- Khai đi!

AQ nghĩ ngợi, ấp úng khá lâu, rồi trả lời tiếng được tiếng mất.

Con vẫn có ý đi đầu .[2]

Lão già hỏi, giọng rất là hoà nhã:

- Vậy thì sao không đến?

- Thưa lão Tây giả nó không cho...

- Nói bậy! Bây giờ mới nói thì chậm quá rồi! Hiện nay bọn đồng đảng với mày ở đâu?

- Cái gì kia ạ?

---

[1] Người nông dân Trung Quốc bị áp bức ngàn đời nay nên một trong những khuyết điểm của AQ là tính cách nô lệ. Nhận xét của Lỗ Tấn đặt ra cho cách mạng nhiệm vụ phải phóng tay phát động quần chúng nông thôn để họ có thể "vươn mình" lên được.

[2] AQ có ý nói: y có ý đi "đầu hàng" đảng Cách mạng nhưng bấy nhiêu người nghe lại hiểu là AQ có ý đi "đầu thú" về tội ăn cướp.

- Bọn ăn cướp nhà họ Triệu hôm trước ấy mà?

- Nào chúng nó có lại gọi con đâu? Chúng nó tự mình chúng nó chuyển đi.

Nhắc lại chuyện đó, A Q còn ra vẻ căm tức.

- Chúng nó đi về đâu? Khai rồi ta tha cho...

Giọng lão trọc nói rất ngọt ngào.

- Bẩm, con không biết. Nào chúng nó có gọi con đâu!

Rồi thấy lão trọc nháy một cái. Thế là A Q lại bị dẫn về trại giam. Đến sáng hôm sau, y mới bị lôi ra lần nữa.

Quanh cảnh công đường vẫn như ngày hôm qua. Ngồi trên vẫn cái lão trọc đầu hôm qua. A Q vẫn quỳ sệp xuống đất. Lão trọc đầu ngọt ngào hỏi:

- Còn muốn nói thêm gì nữa không?

A Q nghĩ chẳng biết nói gì, sẽ trả lời:

- Không ạ.

Rồi một lão áo dài đưa một tờ giấy và một quản bút đến trước A Q, nhét vào tay. A Q lúc đó cơ hồ "hồn rơi phách rụng". Số lần này là lần đầu tiên bày tay của y mới có liên quan đến một cái quản bút. Y còn chưa biết cầm thế nào thì người đó đã chỉ cho y một chỗ trên tờ giấy, bảo ký vào đấy. Y tay nắm chặt lấy quản bút, miệng lẩm bẩm thưa, vừa sợ hãi, vừa xấu hổ:

- Con... Con... không biết chữ ạ!

- Thế thì để cho tiện, vẽ vào đây một cái vòng tròn vậy!

A Q định vẽ một cái vòng tròn, khốn một nỗi là tay

cầm bút cứ run đây đẩy. Người kia phải đem tờ giấy rải rộng lên trên mặt đất hộ y. Y bèn nằm bò xuống, rán hết sức bình sinh, vẽ một cái vòng. Sợ người ta cười, y quyết vẽ cho tròn. Nhưng cái bút đáng ghét kia không những nặng quá thể mà lại không chịu cho y điều khiển. Cứ từng khúc, từng khúc một, y dấu các nét vẽ lại, nhưng hễ cái vòng sắp khít thì cái bút lại chệch ra ngoài. Thành thử chỉ vẽ được một cái hình xiêu vẹo, méo mó in như là hạt dưa.

A Q còn thẹn về chỗ mình vẽ không được tròn, nhưng người kia không để ý đến, đã giằng lấy bút, giấy rồi. Thế rồi một tụi lại đem y trở về trại giam như cũ.

Về đến trại giam lần thứ hai này, A Q cũng không ra vẻ buồn bã cho lắm. Y nghĩ rằng: "Người ta sinh ra ở trong trời đất thì tất cũng phải có lúc bị đắt vào dắt ra trong ngoài một cái trại giam, có lúc cũng phải nắm lấy quản bút mà vẽ một cái vòng tròn. Chỉ có vẽ không được tròn thì mới thật là cái vết nhơ nhuốc trong đời mình mà thôi". Nhưng chẳng mấy chốc y đã quên ngay và tâm hồn y đã thảnh thơi hẳn. Y nghĩ bụng: "Con cháu tớ ngày sau hẳn là vẽ được tròn trĩnh hơn tớ bây giờ!" rồi ngủ thẳng.

Nhưng đêm ấy, có một người không ngủ được. Ấy là Cụ Cử. Cụ rất bình tĩnh với ông lãnh. Cụ thì chủ trương rằng: cần nhất là phải hỏi cho ra tang vật, mà ông lãnh thì bảo: phải ra oai cho chúng sợ. Gần đây, ông lãnh đã khinh cụ ra mặt. Ông ta đập bàn đập ghế nói:

- Phải giết một thằng cho trăm nghìn thằng khác sợ chứ! Ông xem, ta ra làm cách mạng chưa được hai mươi ngày trời mà đã xảy ra mười mấy vụ ăn cướp, thế mà không

vụ nào truy ra cả, còn gì là thể diện của tôi! Bây giờ truy ra được rồi, ông lại nói ngang. Không được! Việc này là phần việc của tôi...

Cụ Cử bí, chả biết trả lời thế nào... Nhưng cụ vẫn giữ ý kiến của cụ và nói rằng: nếu không tìm ra tang vật thì cụ sẽ lập tức từ chức bang biện. Ông lãnh binh trả lời:

- Cái ấy tùy ý ông.

Vì vậy, tối hôm ấy Cụ Cử không ngủ được một tí nào. Cũng mấy hôm sau, cụ không hề từ chức.

Lần thứ ba, người ta dắt A Q ra ngoài trại giam, tức là ngay sau cái đêm Cụ Cử không nhắm mắt từ đầu hôm suốt sáng. A Q ra đến công đường vẫn thấy cái lão trọc chiếu lệ ngồi đấy, AQ cũng chiếu lệ quỳ sụp xuống.

Lão trọc lại cứ ngọt ngào hỏi:

- Thế còn muốn nói gì nữa không?

A Q nghĩ một hồi, chả biết nói gì cả, trả lời:

- Bẩm không ạ!

Bọn áo dài, áo ngắn liền khoác cho y một cái áo vải tây trắng trên có mấy chữ mực đen. A Q lấy làm buồn khổ vô cùng là vì cái áo đó hơi giống áo đại tang: ăn bận như thế sợ có "xúi quẩy" chăng? Nhưng ngay lúc ấy, người ta đã bắt y trói cánh khuỷu lại và lôi ra khỏi nha môn rồi.

A Q bị người ta đẩy lên một chiếc xe không mui, ngồi chung với mấy chú áo cộc. Tức thì xe mở máy. Một toán lính và mấy chú tuần đinh vác súng đi trước, hai bên đường rất nhiều người hếch mỏ đứng xem. A Q không biết phía sau có

những gì. Bỗng y chợt nghĩ rằng: Hay là chúng nó đưa mình đi chặt đầu! Hoảng quá! Hai mắt y quáng hẳn lên, rồi hai tai nghe vù vù. Y dường như ngất đi. Nhưng y cũng chưa ngất hẳn, có lúc lo sợ, có lúc thản nhiên. Y cảm thấy rằng: người sinh ra trong trời đất, trước sau cũng có thể có một lần bị chặt đầu!

Nhưng A Q còn nhận ra đường lối, và hơi lấy làm lạ sao lại không đi thẳng tới trường chém rồi! Nào y có biết đâu rằng bây giờ người ta còn đem bêu phố để cho mọi người trông thấy đã. Nhưng dù có biết thế chăng nữa thì y cũng chỉ nghĩ rằng: người ta sinh ra trong trời đất, trước sau cũng có một lần phải bêu phố để cho mọi người trông thấy như vậy!

A Q bây giờ đã vỡ nhẽ ra! Đây là con đường quanh ra trường chém rồi! Chuyến này thì nhất định chặt đầu đánh "sật" một cái. Y thẫn thờ nhìn ra hai bên đường. Hai bên đường, người xem như kiến. Tình cờ trong đám đông, y bỗng thấy mặt vú Ngô. Đã lâu không gặp vú, thì ra vú đã lên huyện làm công. A Q bỗng thẹn thấy mình không có khí phách để hát lên vài câu[1]. Bao nhiêu tư tưởng cuồn cuộn trong đầu óc y như một cơn lốc. Bài "*Gái goá thăm mồ*" hát lên cũng chẳng oai vệ gì; còn câu "*ăn năn đã quá muộn*" trong tấu "*Long hổ đấu*" xem ra cũng yếu lắm. Thôi thì hát câu "*Thù chấp cương tiên tương nhí đá*" vậy! Rồi y dang tay lên. Lúc đó y mới nhớ ra rằng tay y đã bị trói chặt. Vì vậy mà y cũng chả hát câu "*Thù chấp cương tiên*" nữa.

---

[1] Đến lúc này mà AQ vẫn nghĩ đến giữ thể diện. Thật buồn cười , nhưng cũng thật đáng thương!

"*Hai chục năm sau sẽ có...*"[1]. Giữa lúc ngổn ngang trăm mối, A Q bỗng phụt ra một câu xưa nay y chưa hề nói được bao giờ. Thật là không có thầy mà vẫn có thể giỏi được.

- Hay lắm!

Một tiếng gào như tiếng sói gầm lên giữa đám người.

Chiếc xe cứ đi thẳng. Giữa bấy nhiêu tiếng khen ồn ào, A Q liếc mắt nhìn vú Ngô. Nhưng hình như vú không thấy A Q, chỉ đứng thần nhìn mấy khẩu súng trên vai bọn lính.

A Q lại nhìn vào đám người đang reo hò.

Trong giây phút này, tư tưởng A Q lại cuồn cuộn lên trong đầu óc y như một cơn lốc. Bốn năm về trước, y đã gặp phải một con sói đói cứ theo riết lấy y, định ăn thịt y. Lúc bấy giờ y sợ tưởng chết ngất đi. May sao trong tay còn có một con dao rựa y mới liều mạng cầm cự về được đến làng Mùi. Đến nay, y còn nhớ mãi đôi mắt con sói vừa dữ tợn, vừa khiếp sợ, cứ lấp lánh lên y như hai ngọn lửa ma trơi, chỉ mới đằng xa trông mà đã nghe đau nhói cả da thịt. Ấy thế mà trong giờ phút này, A Q lại gặp những cặp mắt ghê tởm hơn thế, ghê tởm như chưa bao giờ ghê tởm bằng, vừa lừ lừ, vừa sắc bén, gần mà như xa, theo riết y, không những nuốt chửng lời nói của y mà chực cấu xé thân hình y[2]

---

[1] Nói trọn cả câu là: Hai chục năm sau sẽ lại có một tay hảo hán. Đó là câu của những kẻ tử hình thường nói khoác lác trước khi bị hành hình.

[2] Nhắc lại về ký ức của chú AQ về chó sói, Lỗ Tấn muốn nêu rõ chế độ xã hội phong kiến là chế độ "Người ăn thịt người" mà ông thường nói đến, đặc biệt là trong bài tạp văn *Dưới đèn tuỳ bút* (Tạp văn I) "Cái gọi là văn minh Trung Quốc, kỳ thực chỉ là bữa tiệc thịt người bày ra cho bọn giàu sang hưởng thụ, mà cái gọi là Trung Quốc, kỳ thực chỉ là cái bếp sửa soạn bữa tiệc thịt người đó. Không biết mà tán dương thì còn tha thứ được, nhưng biết mà còn tán dương, thì thế hệ này sẽ bị người đời sau nguyền rủa mãi mãi".

Rồi những cặp mắt lại hoá thành một khối cấu xé cả tâm hồn y nữa.

- Cứu tôi với, ối trời ơi!

Nhưng A Q không nói lên lời được. Mắt y đã tối sầm lại, tai nghe vù vù; y cảm thấy thân hình y tan ra thành từng hạt bụi.

*

* *

Về ảnh hưởng lúc đó của sự việc trên đây thì rõ rệt nhất lại là ở nhà Cụ Cử. Cả nhà cụ đều rên rỉ về sự quan tư không chịu tìm cho ra tang vật. Sau nữa là ở nhà Cụ Cố họ Triệu. Không những trong lúc lên huyện đi báo, cậu Tú đã bị bọn cách mạng không tốt nó cắt mất cái đuôi sam,mà nhà cụ lại còn phải nộp hai vạn quan tiền thưởng cho hai tên tuần đinh đã mạo hiểm trèo tường vào bắt A Q hôm trước thành ra cả nhà cụ càng rên rỉ tợn. Hai gia đình này từ đấy về sau đều có vẻ điêu tàn như các bậc "di lão"[1]

Còn như về dư luận, thì cả làng Mùi đều nhất trí công nhận rằng: A Q không phải là người lương thiện, chứng cớ là y đã bị bắn, vì rằng: nếu là người lương thiện thì sao lại bị bắn kia chứ! Trên huyện thì dư luận không lấy gì làm hay lắm. Phần nhiều họ không thoả mãn. Họ bảo: bắn người trông không vui mắt bằng chém, mà cái tên tử tù kia trông buồn cười thế nào ấy. Đã bị đưa đi bêu phố một hồi như vậy mà cũng không hát lên được một câu thành ra đi theo nó bao

---

[1] Tức là những thân sĩ nhà Minh không chịu thần phục nhà Thanh

nhiêu đường đất, chỉ mất công toi[1]

Tháng 12 năm 1921

---

[1] Dưới ngòi bút của Lỗ Tấn quần chúng còn mê muội và tàn nhẫn quá chừng. Thời kỳ này, Lỗ Tấn đang có khuynh hướng nghi ngờ quần chúng, chưa tin vào sức mạnh của quần chúng. Cái quần chúng trong AQ chính truyện chạy theo AQ xem, khi AQ bị đưa ra pháp trường, cũng là cái quần chúng đứng chứng kiến cuộc chặt đầu tên Hán gian tay sai của đế quốc Nga, sau khi bị đế quốc Nhật bắt được trong bài *Tựa Gào thét*.
Về tính chất cách mạng của AQ xem thêm bài "Vì sao tôi viết *AQ chính truyện*" (*Tạp văn I*):
"Theo ý tôi thì nếu như Trung Quốc không làm cách mạng thì AQ cũng chẳng bao giờ làm cách mạng, nhưng nếu như Trung Quốc làm cách mạng thì thế nào AQ cũng sẽ làm. Số mạng của chú AQ của tôi nhất định phải như thế...Năm thứ nhất niên hiệu Dân quốc đã qua lâu rồi, không còn dấu vết gì nữa. Nhưng sau này, nếu còn cách mạng thì tôi chắc chắn rằng vẫn còn những tay "cách mạng" giống như AQ" Đó là một câu chứng tỏ Lỗ Tấn hết sức tin tưởng vào lực lượng cách mạng của người nông dân Trung Quốc.
(Bản dịch của Đang Thai Mai và Trương Chính, có sửa lại)

LUỒNG ÁNH SÁNG*

Ông Trần Sĩ Thành xem trong bảng yết kỳ thi ở huyện thì bỏ ra về. Đến nhà trời đã xế chiều. Lúc sáng ra đi trời còn tinh mơ; vừa thấy bảng treo lên, ông ta tìm ngay chữ *Trần*. Chữ *Trần* thì nhiều lắm, tựa hồ như cứ tranh nhau mà đập vào mắt. Nhưng sau chữ *Trần*, lại không hề thấy hai chữ *Sĩ Thành*. Ông ta tìm kỹ một lần nữa trên mười hai cái vòng tròn ở bảng[1]. Người đến xem đã về thấy hết mà tên *Trần Sĩ Thành* thì vẫn không thấy. Ông ta đứng một mình cạnh bức tường phía trước sân trường thi.

Một ngọn gió lạnh thổi qua làm bay mớ tóc hoa râm cắt ngắn của ông ta. Mặt trời đầu tiết đông vẫn còn ấm chán, nhưng ông ta lại cảm thấy chính ánh nắng đã làm cho đầu ông ta choáng váng. Mặt ông ta càng tái nhợt; cặp mắt sưng húp, đỏ mọng, mệt mỏi, sáng lên một cách cổ quái. Kỳ thực, lúc đó ông ta chẳng nhìn thấy bảng biếc gì trên tường nữa, mà có rất nhiều những vòng tròn đen ngòm đang trôi qua trôi lại trước mắt ông ta.

Đỗ tú tài rồi lên tỉnh thi hương, cứ thế một mạch mà

---

* Truyện này đăng lần đầu tiên trên tờ *Đông Phương tạp chí*, ngày 10 tháng 7-1922.

[1] Ngày trước ở Trung Quốc, tên thí sinh ghi trên bảng đều viết theo từng vòng tròn cho dễ đếm. Cứ năm mươi tên một vòng. Tên thứ nhất viết chữ to, rồi cứ thế viết theo hướng kim đồng hồ, tên thứ năm mươi sẽ nằm cạnh tên thứ nhất, ở phía trái.

thăng quan tiến chức.... Chẳng những kẻ giàu sang tìm trăm phương nghìn kế làm thân mà ai ai cũng phải kính sợ ông như thần như thánh.... Họ sẽ hối hận trước kia ăn ở bạc bẽo với ông mà ngất đi.... Ông sẽ đuổi hết những con người tạp nham đang ở thuê trong căn nhà đổ nát của ông....Không cần phải đuổi, tự họ, họ sẽ dọn đi thôi...Ông sẽ xây một toà nhà mới tinh, trước cửa sẽ treo cờ xí, hoành phi, câu đối ....Muốn thanh cao thì làm quan tại kinh, bằng không thì xin ra ngoại nhiệm ....Cả cái mộng tương lai mà bình nhật ông ta sắp đặt đâu vào đấy như thế, lúc này đổ nhào trong khoảnh khắc như một cái lâu đài bằng cát trước ngọn thủy triều, chỉ còn trơ lại từng mảnh vụn. Bất giác, ông ta thấy cả con người ông ta rã rời ra. Rồi thẫn thờ ông ta đi về.

Vừa bước chân vào nhà, bảy đứa học trò nhỏ bỗng nhao nhao ráng cổ lên học thật to. Ông ta giật mình như có ai đem chuông kề vào tai mà đánh, và trước mắt, nhìn vào đâu ông ta cũng thấy bảy cái đầu tết đuôi sam loáng thoáng nhảy múa cùng với những vòng tròn đen ngòm. Ông ta ngồi xuống. Bọn học trò nộp bài buổi chiều, đứa nào đứa nấy lấm lét nhìn thầy.

Ông ta chần chừ một lát rồi nói giọng bi thảm:

- Thôi, cho về!

Chúng nó nhốn nháo cặp sách lại, kẹp vào nách, chạy biến.

Ông Trần Sĩ Thành vẫn còn trông thấy những cái đầu nhỏ tí cùng những vòng tròn đen ngòm nhảy múa trước mắt, có khi lung tung, có khi theo những hình thể kỳ dị nhưng rồi ít dần, ít dần, không thấy rõ nữa.

- Lần này lại hỏng!

Ông ta giật mình đánh thót, nghe rõ có người nói khẽ bên tai, nhưng ngoảnh lại chẳng thấy một ai cả. Câu đó vẫn vãng vẳng như tiếng chuông. Rồi chính miệng ông ta cũng nói:

- Lần này lại hỏng!

Bỗng ông ta đưa bàn tay lên, quặp từng ngón lại mà tính, Mười một...mười ba lần rồi, kể cả năm nay nữa là mười sáu lần. Vẫn chẳng có thằng quan trường nào biết xem văn, có mắt mà như mù, thật đáng thương hại! Bất giác, ông ta cười phá lên. Nhưng ông ta lại tức giận, rút mạnh tập chế nghệ và thí thiếp[1] viết bằng chữ chân phương trong cái bao vải, cầm đi ra. Gần đến cửa thì ông ta thấy ánh trăng sáng loà. Đến đàn gà cũng đang cười ông ta. Tim ông ta đập thùm thụp. Đành phải quay trở vào.

Ông ta lại ngồi xuống, mặt sáng quắc, và lại trông thấy nhưng rất mơ hồ không biết bao nhiêu cảnh tượng trong cái mộng tương lai đã đổ nhào như toà lâu đài bằng cát. Cái mộng tương lai đó cứ to dần lên, ngăn cản bước đường đi của ông ta.

Khói cơm chiều ở các nhà xung quanh đã tản đi từ lâu: người ta cũng đã rửa đũa bát rồi, mà ông Trần Sĩ Thành thì vẫn chưa ăn. Những người tạp nham thuê trọ ở nhà ông ta cũng đã quen lệ, hễ năm nào ở huyện có kỳ thi, ông ta đi xem bảng về mà nhìn thấy ánh mắt ông ta như thế, thôi thì

---

[1] *Chế nghệ* là sách trích những câu trong Tứ thư Ngũ kinh rồi viết ra bằng lối văn bác cổ để dùng trong việc khoa cử. *Thí thiếp thi* là thơ dùng trong việc khoa cử, năm chữ tám vần, toàn lấy thơ cổ ghép lại. Thời trước hàng sách có bán những loại sách ấy để học trò đi thi dùng mà bắt chước. (N.D).

đóng cửa cho sớm, chuyện ai mặc ai! Đâu thì ai nấy lặng im, sau tắt đèn đi ngủ cả. Chỉ còn lại vừng trăng thong thả hiện ra trong đêm lạnh.

Trời trong xanh như biển cả. Một vài đám mây trôi phảng phất như có ai lấy phấn hoà vào bát rửa bút rồi khuấy lên. Mặt trăng gội xuống người ông ta một làn ánh sáng lạnh. Làn ánh sáng đó lúc đầu như một tấm gương bằng sắt mới mài, sau chiếu rọi vào thân hình ông ta một cách thần bí hình ảnh của vừng trăng lạnh.

Ông ta vẫn đi đi lại lại ngoài sân, đôi mắt trong trẻo. Bốn bề vắng lặng. Nhưng đang vắng lặng bỗng không biết vì cớ gì lại ầm ầm lên. Tai ông ta nghe rõ ràng có ai đọc, giọng khe khẽ nhưng rất vội vã:

Vòng qua tay trái,

Quay sang tay phải...

Ông ta vểnh tai lắng nghe. Câu ấy lại được lặp lại to hơn:

Quay sang tay phải

Ông ta nhớ ra rồi. Hồi cảnh nhà chưa sa sút đến như bây giờ, cứ đến mùa hè, đêm nào bà nội ông ta cũng ra giữa sân này cùng ông ta hóng mát. Hồi đó ông ta còn là một đứa bé hơn mười một tuổi đầu. Ông ta nằm trên chiếc chõng tre, bà nội ngồi cạnh kể cho nghe bao nhiêu chuyện đời xưa thú vị. Bà nội từng nói rằng, nghe người mà bà nội gọi là bà nội nói lại thì tổ tiên nhà họ Trần trước kia giầu có lắm. Cái ngôi nhà này chính là tổ tiên để lại, dưới nền chôn không biết cơ man nào là vàng bạc, con cháu đứa nào có phúc có phận nhất định sẽ đào được thôi. Nhưng cho đến nay vẫn chưa ai đào

được. Còn như chôn ở nơi nào thì đã có nói trong cái câu bí hiểm truyền lại như sau:

Vòng qua tay trái

Quay sang tay phải

Tiến về phía trước

Lùi về phía sau

Bạc vàng từng đấu...

Cái câu bí hiểm này, ngày thường ông ta cũng đã nhiều lần thầm đoán trong bụng, nhưng tiếc thay, cứ mỗi lần gần như tìm ra nghĩa rồi, bỗng lại thấy không đúng nữa. Có một lần ông ta tin chắc lắm, cho nhất định nó nằm ở dưới nền cái gian cho nhà họ Đường thuê, nhưng ông ta vẫn không có can đảm sang mà đào. Rồi ít lâu ông ta lại cảm thấy không đúng như thế nữa. Còn như ở cái gian ông ta ở thì đã có mấy lần ông ta đào rồi, hiện còn dấu vết ở đây, và toàn vào những lúc ông ta thì hỏng về, buồn bã qua mà đào mò. Về sau, cứ nhìn vào những chỗ đó, ông ta lấy làm xấu hổ lắm.

Nhưng hôm nay luồng ánh sáng trắng nhờ nhờ như màu sắt ấy bao trùm lấy người ông ta, như nhẹ nhàng khuyến khích ông ta đào nữa. Khi ông ta tỏ vẻ ngờ vực, do dự thì ông lại thấy chính nó là một chứng cứ hết sức đáng tin. Lại thêm bóng tối xung quanh thúc giục, ông ta không thể không đưa mắt nhìn vào trong gian ông ta ở.

Luồng ánh sáng đó rẽ ra như hình cái quạt màu trắng đưa qua đưa lại trong gian ông ta ở.

- Có lẽ ở chỗ này thật rồi!

Nói rồi,ông ta chạy bổ vào như một con sư tử. Nhưng

vừa bước chân qua cửa thì lại không thấy luồng ánh sáng ấy đâu nữa, chỉ có cái gian phòng cũ nát, tồi tàn và mấy chiếc bàn hư hỏng nằm trong bóng tối mà thôi. Ông ta hãng hái đứng lên, thong thả nhìn kỹ, lại thấy luồng ánh sáng ấy hiện lên rất rõ cạnh cái bàn kê ở bức tường phía đông. Lần này to hơn và trắng xanh hơn ngọn lửa lưu hoàng, mịn màng hơn cả mây mù buổi sáng.

Như một con sư tử, ông ta chạy bổ vào sau cánh cửa, đưa tay sờ lấy cái cuốc, nhưng đụng phải một vật gì đen đen. Bất giác, ông ta hơi rờn rợn, vội vã châm đèn lên. Quả là cái cuốc thật. Ông ta dịch chiếc bàn ra, lấy cuốc bẩy một lần bốn hòn gạch vuông to tướng, ngồi xổm xuống nhìn. Vẫn như mọi lần, có một lớp cát vụn vàng khè khè. Ông ta xắn tay áo, moi lớp cát thì lòi ra một lớp đất đen. Hết sức cẩn thận, ông ta lặng lẽ cuốc từng nhát một, nhưng giữa đêm khuya tĩnh mịch, tiếng cuốc chạm vào đất cứ vang lên, nặng nề, khó lòng giấu nổi ai.

Đào sâu hơn hai thước, vẫn không thấy miệng vò đâu. Ông ta đang sốt ruột thì một tiếng "cạch" giòn tan, cán cuốc dội vào tay ông đau điếng; mũi cuốc chạm vào vật gì cưng cứng. Ông ta vội bỏ cuốc ra, thò tay xuống sờ thì thấy có một viên gạch vuông to tướng ở phía dưới. Tim ông ta đập ghê quá. Ông ta hết sức chăm chú đào hòn gạch lên. Vẫn lại một lớp đất đen như lúc nãy. Ông ta moi lên được không biết bao nhiêu là đất tưởng như vô cùng vô tận. Bỗng lại chạm phải vật gì cưng cứng, tròn tròn, có lẽ là một đồng tiền đã gỉ. Lại có cả mấy miếng mẻ sành nữa.

Ông ta ngao ngán trong lòng, mồ hôi chảy đầm đìa, hấp tấp moi, moi mãi. Giữa lúc đó, tim ông ta bỗng đập mạnh.

Lại chạm phải vật gì nho nhỏ, hình thù cổ quái, giống như cái móng ngựa, nhưng đưa tay sờ thấy bở lắm. Ông ta hết sức chăm chú moi lên, cầm lấy rất cẩn thận, đưa ra dưới ánh đèn nhìn kỹ. Vật đó loang loang lổ lổ như một cái xương mục, phía trên còn dính một dãy răng không nguyên vẹn nữa. Ông ta tỉnh ngộ, biết đó là một cái xương quai hàm. Cái xương quai hàm đó lại đang cựa quậy trong bàn tay ông ta và đang nhe ra cười. Rồi ông ta nghe nó nói:

- Lần này lại hỏng nữa!

Ông ta lạnh run lên. Bàn tay cũng buông ra. Cái xương quai hàm nhè nhẹ rơi xuống đáy hố, được một lát thì ông ta bỏ chạy ra ngoài sân. Ông ta nhìn trộm vào trong nhà. Ngọn đèn vẫn sáng, cái xương quai hàm vẫn nhe răng cười chế nhạo, dễ sợ quá chừng. Ông ta không dám nhìn vào nữa. Ông ta ra nằm trong bóng tối, dưới mái hiên, thấy hơi yên tâm. Bỗng bên tai nghe như có tiếng thì thầm:

- Chỗ này không có...thì lên núi...

Ông ta nhớ như lúc ban ngày, khi đang đi ngoài phố, đã có nghe người nào nói một câu như thế rồi. Ông ta không đợi nghe hết thì đã tỉnh ngộ. Bỗng ông ta ngước mắt nhìn trời. Mặt trăng đã lặn sau dãy Tây Cao Phong. Ngọn Tây Cao Phong cách thành chừng ba mươi dặm đất, đứng sừng sững, đen ngòm như một chiếc hốt[1] xung quanh toả ra một luồng ánh sáng trắng.

Và luồng ánh sáng đó lại cứ lấp lánh xa xa trước mắt ông ta.

---

[1] Hốt là một cái thẻ, ngày trước bọn quan lại phải cầm ở tay khi vào chầu vua (N.D)

- Phải rồi, đi lên núi!

Chí đã quyết, ông ta chạy đi một cách thảm hại. Người ta đến gõ cửa mấy lần ở gian phòng ông ta vẫn không nghe động tĩnh gì cả. Ngọn đèn đã có hoa, một cái hoa to tướng, chiếu sáng gian phòng trống trải và cái hố. Tách tách mấy tiếng, ánh đèn mờ dần rồi tắt hẳn. Dầu đã cạn ráo.

- Mở cửa thành!...

Ở phía cửa Tây, có tiếng ai gọi run run, bi thảm, sợ hãi, nhưng cũng còn bao hàm chút hy vọng, gọi lên giữa lúc mới tỉnh mơ.

Trưa hôm sau, có người thấy một cái xác chết nổi lềnh bềnh giữa hồ Vạn Lưu, cách cửa Tây mười lăm dặm. Tin đồn đi, đến tai ông lý trưởng. Lý trưởng bảo người sở tại vớt lên. Đó là xác một người đàn ông ngoài năm mươi, "người tầm thước, mặt trắng, không râu", chẳng có áo quần che thân. Có kẻ nói chính là ông Trần Sĩ Thành. Nhưng những người láng giềng ông ta lười, không đến nhận diện. Bà con cũng không ai đến, nên người trên huyện phải đến khám nghiệm xong thì giao cho lý trưởng gánh đi chôn. Còn như nguyên nhân vì sao chết thì tất nhiên không thành vấn đề. Không thể nghi ai mưu hại vì việc lột áo quần một xác chết như thế cũng là việc thường. Và lại việc khám nghiệm chứng minh rằng kẻ bất hạnh đã rơi xuống nước chết đuối, bởi vì rõ ràng khi ở dưới nước, y còn giãy giụa cho nên cả mười móng tay đều đầy bùn.

Tháng 6 năm 1922.

HÁT TUỒNG NGÀY RƯỚC THẦN[*]

Hai mươi năm trở lại đây, tôi chỉ xem hát tuồng Trung Quốc có hai lần. Hai lần đều vào khoảng mười năm sau này thôi, chứ khoảng mười năm trước, tuyệt nhiên không xem lần nào; không thích xem mà cũng không có dịp xem. Nhưng cả hai lần đó, cũng chưa xem được gì thì đã bỏ về.

Lần thứ nhất là khi tới Bắc Kinh, năm Dân quốc nguyên niên[1]. Bấy giờ có một anh bạn đến rủ:

- Tuồng Bắc Kinh hay lắm. Anh không đi xem cho biết?

Tôi nghĩ bụng: xem tuồng thì cũng thú đấy, huống nữa là lại được xem ngay ở Bắc Kinh. Thế là chúng tôi hăm hở kéo nhau đến cái rạp gì đó. Đã bắt đầu hát rồi. Ở ngoài đã nghe trống đánh thùng thùng. Vừa chen lọt vào cửa thì thấy trên sân khấu màu đỏ, màu xanh loáng loáng trước mắt, và dưới sân khấu, túc nhúc những đầu người. Định thần lại nhìn

---

[*] Truyện *Hát tuồng ngày rước thần* đăng lần đầu tiên trên tờ *Tiểu thuyết nguyệt báo*, tháng 12 năm 1992. Nguyên văn là *Xã hí*. *Xã hí* là buổi hát tuồng hàng năm trong xã (ở xã Thiệu Hưng, quê tác giả, Xã là tên dùng chỉ một khu vực) hồm rước thần. Ngày trước ở Trung Quốc hàng năm có thể có hai lần rước vào mùa xuân và mùa thu. Cũng là một dịp dân làng giải trí, cho nên dân làng thuê một gánh hát tuồng đến hát. Hát từ chiều, mãi tới khuya mới tan.

[1] Năm 1912 (N.D)

bốn phía thì thấy ở khoang giữa có mấy chỗ ngồi bỏ trống. Chen vào sắp ngồi xuống thì có người xì xào. Tiếng trống ù cả tai, chú ý mới nghe ra là ông ta bảo: "Có người rồi! Không được!"

Chúng tôi lui ra. Nhưng một người đuôi sam láng bóng dẫn chúng tôi sang phía bên cạnh, chỉ cho một chỗ ngồi. Cái gọi là chỗ ngồi đó vốn là một chiếc ghế dài, nhưng mặt ván chỉ rộng bằng ba phần tư cái đùi của tôi, còn chân thì lại cao gần bằng hai chân tôi. Tôi chưa có gan trèo lên bỗng chợt liền tưởng đến một thứ dụng cụ tra tấn đặc biệt mà bất giác sởn tóc gáy, bỏ đi ra.

Đi được một quãng xa, bỗng nghe tiếng anh bạn hỏi:

- Thế nào đấy?

Quay đầu lại mới hay là anh bạn đã bị mình cầm tay kéo bừa theo. Anh ta rất đỗi ngạc nhiên hỏi tiếp:

- Sao, sao lại cứ cắm đầu bỏ đi như thế, hỏi không nói?

Tôi trả lời:

- Xin lỗi. Tai tôi ù lên, anh hỏi không nghe.

Về sau, mỗi lần nghĩ đến, tôi rất lấy làm quái lạ. Hình như lối hát tuồng đó không hay lắm, nếu không phải thì chắc là cái cách ngồi xem tuồng như thế kia, đối với tôi, không thích hợp nữa rồi!

Lần đi xem thứ hai, không nhớ vào năm nào, chỉ nhớ vào dịp quyên tiền giúp dân Hồ Bắc bị nạn lụt, và lúc đó kép Đàm Khiếu Thiên còn sống. Quyên bằng cách mua một cái vé hai đồng bạc đến xem hát ở rạp *Đệ nhất võ đài*. Rạp này

toàn là kép có tiếng đóng, trong đó có Đàm Khiếu Thiên[1]. Tôi cũng mua một vé, thật ra là nể người đi quyên mà thôi. Nhưng rồi hình như lại có một anh nào hiếu sự, nhân dịp đó nói cho biết một điều hết sức quan trọng. Thế là tôi quên mất cái nạn chiêng trống inh tai năm trước, cứ đến rạp *Đệ Nhất võ đài*. Nhưng có lẽ lần đi xem này, cái vé quý báu kia cũng quyết định một phần. Đã bỏ tiền ra mua bằng một giá đắt như thế thì phải sử dụng mới khỏi tiếc. Tôi hỏi dò biết được là kép Khiếu Thiên chỉ phần cuối vở mới ra, và *Đệ nhất võ đài* là một rạp hát kiểu tân thời, không cần phải tranh nhau chỗ ngồi, nên yên chí và chần chừ mãi đến chín giờ mới ra đi. Ai ngờ rạp vẫn chật ních như thường, tìm được chỗ đặt chân cũng khó. Tôi đành phải chen vào đám người đứng phía sau mà nhoi lên nhìn một anh kép đóng vai bà lão[2] đang hát. Bà lão miệng ngậm hai cái que quấn giấy cháy đỏ rực, đứng cạnh là một tên quỷ sứ. Nghĩ mãi mới đoán chắc có lẽ bà này là mẹ Mục Liên[3] chăng, bởi vì sau đó lại thấy có một vị hòa thượng đi ra. Nhưng tôi không rõ ai thủ vai kia, bèn hỏi một ông cụ to béo bị ép gần bẹp dí ở phía bên trái tôi. Ông cụ lườm tôi một cái, vẻ khinh thường rồi nói: "Củng Vân Phủ[4] chứ ai!" Tôi xấu hổ thấy mình quê mùa mà lại khờ dại, nóng cả mặt, định bụng quyết không hỏi nữa. Sau đó, lại xem một kép thủ vai đào tơ, một kép thủ vai tiểu thư ,một

---

[1] Đàm Khiếu Thiên tức Đàm Kim Bôi, cũng gọi là Tiểu Khiếu Thiên, một kép hát kinh kịch có tiếng.

[2] Hồi ấy, trong kinh kịch, các vai đều do kép đóng cả. (N.D)

[3] Vở "Mục Liên cứu mẫu" là một vở tuồng rất lưu hành ở Trung Quốc. Mục Liên là đệ tử Thích - ca - mâu - ni. Theo truyền thuyết mẹ Mục Liên làm nhiều điều ác nên sa xuống địa ngục. Mục Liên xuống địa ngục cứu mẹ. Hai que lửa ngậm ở miệng là để tượng trưng bà ta ác, nói thì phun ra lửa.

[4] Củng Vân Phủ là một kép có tiếng chuyên đóng vai bà lão.

kép thủ vai bà già, một kép không biết thủ vai gì, rồi xem một toán người đánh nhau loạn xạ, xem ba người đấu võ, từ hơn chín giờ đến mười giờ, từ mười giờ đến mười một giờ, từ mười một giờ đến mười một giờ rưỡi, từ mười một giờ rưỡi đến mười hai giờ...Nhưng kép Khiếu Thiên vẫn chưa ra...

Xưa nay tôi chưa hề chầu chực một cái gì nhẫn nại được như vậy, huống chi cái ông cụ to béo đứng cạnh tôi cứ thở phì phì, trống chiêng trên sân khấu cứ đánh inh cả tai, màu sắc loè loẹt cứ chói cả mắt, lại đã mười hai giờ rồi, nên tôi bỗng tỉnh ngộ, thấy việc mình đứng đây quả thực không thích hợp chút nào cả. Như cái máy tôi quay lại cố hết sức chen ra ngoài, và cảm thấy phía sau lưng, cái chỗ trống đó đã được lấp kín rồi, và cái ông cụ to béo, có thể co giãn kia, chắc đã để cho nửa người bên phải ông ta phình ra được một chút. Có muốn trở lại chỗ cũ cũng không được nữa, tất nhiên là phải chen ra. Chen mãi và cuối cùng thì chen ra được đến cửa. Ngoài đường trừ những chiếc xe chở khách, hình như không có ai nữa. Chỉ ở cửa rạp, có hơn mười người đứng nghếch đầu lên xem quảng cáo, lại có một số đứng mà không xem gì hết. Tôi nghĩ bụng: có lẽ bọn này đứng chờ xem phụ nữ tan hát đi về chăng, ấy thế mà kép Khiếu Thiên vẫn chưa ra!...

Khí trời ban đêm mát lạ, quả như "thấm vào da vào thịt". Có lẽ lần này là lần đầu tiên tôi ở Bắc Kinh được thở cái không khí trong lành như thế.

Đêm ấy là đêm tôi từ biệt hẳn hát tuồng Trung Quốc, và sau đó, không bao giờ nghĩ đến nữa. Dù đôi khi tôi có đi qua rạp hát chăng nữa, "chúng tôi" cũng phớt đều nhau như thường bởi vì tâm hồn "chúng tôi" đã là kẻ ở Nam người ở

Bắc từ lâu rồi!.

Nhưng mấy hôm trước đâu, bỗng vô tình được xem một cuốn sách Nhật Bản, - tiếc là quên mất tên sách và tên tác giả rồi - nhưng là một cuốn sách bàn về hát tuồng Trung Quốc. Có một chương đại ý nói: hát tuồng Trung Quốc thôi thì đánh trống đánh chiêng inh tai, la hét om sòm, nhảy múa loạn xạ, làm người xem choáng váng cả đầu óc; diễn trong rạp rất không thích hợp nhưng diễn ở một chỗ trống, giữa cánh đồng và đứng xa xa mà xem, cũng có cái phong vị riêng của nó. Xem xong, tôi có cảm tưởng như câu này đã nói lên được những điều đã có sẵn trong đầu óc tôi, nhưng tôi chưa hề nghĩ mà nói ra thành lời đó thôi, bởi vì tôi nhớ đích xác là đã được xem hát tuồng giữa cánh đồng và quả rất hay. Cho nên khi lên Bắc Kinh, có lại rạp hát hai lần có lẽ chính vì chịu ảnh hưởng của lần xem ấy. Đáng tiếc là chẳng hiểu thế nào mà lại quên bẵng cái tên sách đi!

Thực ra thời kỳ xem hát tuồng mà thấy hay kia thì đã "xa xăm lắm" rồi, e vào hồi mới mười một, mười hai tuổi. Theo phong tục ở Lỗ Trấn chúng tôi, phàm con gái đi lấy chồng rồi nhưng chưa phải đảm đương việc nhà thì mùa hè thường được về ở nhà mẹ chơi. Hồi đó, bà nội tôi tuy còn mạnh nhưng mẹ tôi cũng đã phải lo liệu một phần việc trong gia đình, nên mùa hè không thể về ở lâu được, đành phải chờ tảo mộ xong xuôi, rồi rãi mới về ít ngày thôi. Mỗi năm nhân dịp này tôi cũng theo mẹ tôi về ở nhà bà ngoại. Nhà bà ngoại tôi ở làng Bình Kiều[1] một làng nhỏ ở bên bờ sông, cách biển

[1] Nhà bà ngoại Lỗ Tấn Chính ở làng gọi là An Kiều, cũng thuộc phủ Thiệu Hưng, gần miền biển. Đó là một làng hẻo lánh, gồm hơn 30 nhà. Toàn người họ Lỗ (N.D).

không xa lắm và rất hẻo lánh. Cả làng không đầy ba mươi nóc nhà, đều làm ruộng, đánh cá, chỉ có một phố bán hàng xén nho nhỏ. Tuy vậy đối với tôi, Bình Kiều là một cảnh thiên đường; ở đâu không những tôi được chiều chuộng mà lại không còn phải học những câu: "*Trật tự tư can, u u Nam Sơn*[1]" nữa.

Tôi có rất nhiều bạn nhỏ. Vì tôi là khách đường xa nên cha mẹ các anh bạn tôi cũng bớt công việc cho họ để đến chơi với tôi. Ở làng nhỏ, khách của một nhà mà hầu như cũng là khách chung của cả làng. Chúng tôi xuýt xoát bằng tuổi nhau, nhưng kể thứ bực thì nhất nhất các anh ấy cũng là bác, chú tôi, có mấy người, tôi còn phải gọi bằng ông nữa kia, bởi vì cả làng đều người cùng họ, bà con với nhau hết. Nhưng chúng tôi là bạn, giá thử đôi khi cãi lộn nhau rồi cháu có nhè ông mà đánh thì trong làng từ già đến trẻ, quyết chẳng ai nghĩ ra hai chữ "Phạm thượng" mà luận tội, bởi vì ở đây chín mươi chín phần trăm đều không biết chữ.

Việc của chúng tôi hàng ngày đại khái là đào giun, mắc vào lưỡi câu nhỏ làm bằng dây đồng rồi ra nằm bẹp ở bờ sông câu tôm. Tôm là giống khờ dại nhất trong các giống vật ở dưới nước; chúng nó cứ lấy hai cái càng ôm lấy lưỡi câu chẳng sợ sệt gì cả, nên không mấy chốc đã có thể câu được một bát to tướng. Lệ thường tôm ấy tôi được ăn tất. Rồi ngoài ra, chúng tôi cùng nhau đi chăn trâu. Có lẽ trâu bò là động vật cao đẳng chăng nên đều xem thường người lạ và dám coi tôi chẳng ra gì, vì vậy, tôi cũng chẳng dám lại gần, đành chỉ đi theo xa xa, hoặc đứng cách một quãng. Những

---

[1] Đó là hai câu đầu *Thiên can* ở Tiểu nhã *Kinh thi*.

lúc ấy, mấy anh bạn nhỏ của tôi không vì tôi biết chữ, có thể đọc được "*Trật tự tư can*" mà tha thứ cho tôi. Các anh ấy cứ nhè tôi chế giễu.

Điều tôi mong mỏi nhất khi ở đấy là được sang làng Triệu xem hát. Làng Triệu lớn hơn Bình Kiều và cách năm dặm đường. Bình Kiều nhỏ quá, không tổ chức hát riêng được, năm nào cũng phải đóng cho làng Triệu ít tiền gọi là để tổ chức hát chung. Hồi đó, tôi không hề nghĩ vì sao hàng năm, người ta lại phải tổ chức hát như thế. Bấy giờ nghĩ lại thì đoán hoặc giả là nhân dịp mùa xuân tế thần mà hát chăng. Đó tức là "xã hí"[1].

Cái ngày hát tế thần năm tôi mười một mười hai tuổi đó đã gần đến nơi rồi. Đen quá, không ngờ buổi sớm không thuê ra thuyền. Làng Bình Kiều chỉ có một chiếc thuyền lớn chở khách sáng đi tối về, không có lý giữ lại dùng riêng. Còn ngoài ra, đều là thuyền nhỏ không đi được. Nhờ người sang làng bên cạnh hỏi, cũng không có, chiếc nào người ta cũng thuê trước cả rồi. Bà ngoại tôi lấy làm bực lắm, phàn nàn mãi, trách người nhà sao không thuê trước đi. Mẹ tôi tìm lời an ủi bà cụ, nói rằng ở bên Lỗ Trấn chúng tôi hát hay hơn cái làng nhỏ này nhiều, mỗi năm xem những mấy lần, bây giờ không đi xem cũng chẳng sao. Chỉ có tôi là sốt ruột sắp khóc. Mẹ tôi hết sức dỗ dành, bảo không được giả vờ làm nũng để cho bà ngoại giận. Nhưng mẹ tôi lại không cho tôi đi với người khác, nói rằng như thế sợ bà ngoại không yên tâm.

Thế là hết. Đến chiều, các anh bạn tôi đều đi cả. Người

---

[1] Xem chú thích ở trang đầu.

ta bắt đầu hát rồi. Tôi phảng phất như nghe thấy tiếng trống, tiếng chiêng. Và tôi biết thế nào các anh bạn tôi cũng mua sữa đậu nành vừa xem vừa chén.

Ngày hôm đó, tôi không đi câu tôm, mà cơm cũng nhác ăn. Mẹ tôi khó nghĩ quá nhưng cũng chẳng biết làm sao. Đến bữa cơm chiều, bà ngoại tôi thấy được và nói rằng tôi buồn là phải. Chúng nó "khinh rẻ quá, xưa nay đãi khách không ai bao giờ lại như vậy. Ăn xong thì các anh bạn tôi đi xem hát về, kéo nhau đến, say sưa kể lại với tuồng cho tôi nghe. Chỉ có tôi là ngồi làm thinh. Các anh bạn tôi cũng thở dài ái ngại cho tôi. Bỗng Song Hỷ, anh bạn thông minh nhất trong bọn như sực nhớ ra, nói:

- Thuyền lớn à? Không phải là thuyền chú Tám đã chèo về rồi cơ mà?

Mười mấy anh bạn kia cũng tỉnh ngộ, liền bàn góp vào, nói có thể cùng đi thuyền với tôi. Tôi mừng lắm, nhưng bà ngoại tôi ngại là toàn một bầy trẻ con, không tin cậy được. Mẹ tôi lại nói, nếu bảo người lớn đi thì họ vừa phải làm việc suốt ngày, bây giờ bắt thức suốt đêm không hợp tình lý chút nào cả. Đang do dự thì Song Hỷ hiểu được ý bà ngoại tôi, liền nói to:

- Bà cứ để cháu xin cam đoan cho. Thuyền thì lớn, mà anh Tấn cũng không hay nghịch. Còn chúng cháu thì đứa nào mà chẳng biết bơi!.

Quả có như thế. Hơn mười anh bạn nhỏ của tôi, ai cũng đều biết bơi cả. Có hai ba anh lại là tay bơi cừ nữa kia!

Bà ngoại tôi và mẹ tôi cũng tin, mỉm cười, không cản trở nữa. Tức thì chúng tôi ùa nhau chạy đi.

Lòng tôi đang nặng trĩu bỗng nhẹ hẳn. Người tôi cũng khoan khoái ra không biết bao nhiêu mà kể.

Vừa ra khỏi cổng đã nhìn thấy chiếc thuyền mui trắng đậu ở gần cầu Bình Kiều, dưới ánh trăng. Chúng tôi nhảy xuống thuyền. Song Hỷ nhổ sào mũi. Phát nhổ sào lái. Bọn nhỏ tuổi thì cùng tôi ngồi trong khoang thuyền. Những anh lớn hơn ngồi ở đằng lái. Lúc mẹ tôi ra dặn dò là "phải cẩn thận" thì chúng tôi đã bắt đầu cho thuyền rời khỏi bến. Các anh ấy cắm sào vào đầu cột, ấy một cái thật mạnh, cho thuyền lui ra phía sau mấy thước rồi cho ra khỏi gậm cầu. Rồi lắp hai mái chèo, cứ hai người một chèo, chèo một dặm lại thay phiên nhau. Tiếng cười nói, tiếng reo hò hoà lẫn tiếng nước vỗ róc rách vào mạn thuyền. Hai bên bờ là những ruộng lúa, ruộng đậu, một màu xanh rờn. Chiếc thuyền chúng tôi vút đi như bay về phía làng Triệu.

Mùi thơm ngát của lúa, đậu hai bên bờ và mùi thơm của cỏ rong dưới đáy sông, lẫn trong hơi nước, nhẹ đưa vào mặt. Trong sương đêm, mặt trăng trở thành mờ ảo. Xa xa, dãy núi màu đen nhạt nhấp nhô, trông giống như lưng một con thú đúc bằng sắt đang chồm lên, cứ thế mà nhảy lùi mãi về phía lái. Ấy thế mà tôi vẫn cứ có cảm tưởng là thuyền đi chậm lắm. Các anh bạn tôi thay tay chèo bốn lần mới trông thấy làng Triệu thấp thoáng ở đằng xa. Lại như có nghe cả tiếng sáo, tiếng hát nữa. Còn có mấy đốm lửa lập lòe, chúng tôi đoán là đèn đám hát, nhưng có thể là đèn của thuyền đánh cá cũng nên.

Tiếng ấy chắc là tiếng sáo thật, nghe trầm bổng, véo von lắm. Lòng tôi như lắng xuống. Nhưng rồi tôi lại có cảm giác lâng lâng như cùng tiếng sáo bay đi rồi tan vào trong

sương đêm đậm mùi thơm của lúa, đậu, cỏ, rong.

Đến gần đốm lửa thì ra là đèn thuyền đánh cá thật. Và lúc đó mới nhớ ra rằng cái chỗ trông thấp thoáng hồi nãy cũng không phải là làng Triệu. Phía thẳng chiếc mũi thuyền chính là một rừng thông. Năm ngoái tôi đã có dịp đến chơi, ở đây còn có một con ngựa đá sứt nằm lăn kềnh dưới đất, và một con dê đá ngồi chồm chỗm trong cỏ. Qua khỏi rừng thông, thuyền quành vào ngã ba sông. Bây giờ trước mắt mới là làng Triệu thật.

Nổi bật đập vào mắt chúng tôi, trước tiên là cái sân khấu đứng sừng sững ở khoảng đất trống, giữa cánh đồng cạnh bờ sông, đằng xa trong ánh trăng, thấy mờ ảo hiện lên giữa không gian bát ngát, tưởng chừng như đấy là cảnh tiên mình đã từng gặp trong tranh. Thuyền lướt càng nhanh, và trong chốc lát đã trông rõ các vai trò mặc áo xanh áo đỏ đi đi lại lại trên sân khấu, và gần sân khấu, dưới sông, một đám đen ngòm: ấy là thuyền của người ta đi xem hát.

Phát nói:

- Gần sân khấu chẳng có chỗ nào trông cả. Cho thuyền đậu xa xa mà xem thôi.

Thuyền đã đi chậm lại, một lát thì đến nơi. Quả thật không thể nào cho vào gần sân khấu được, đành phải cắm sào ở một chỗ, so với cái bàn thờ thần đối diện sân khấu, còn xa hơn nhiều. Thật ra, chúng tôi cũng không muốn cho chiếc thuyền mui trắng của chúng tôi đậu chung một chỗ với những chiếc thuyền mui đen kia, huống chi lại không tìm ra chỗ cho thuyền đậu!

Trong khi vội vã cắm thuyền thì thấy trên sân khấu một

ông râu dài đen láy, trên lưng giắt bốn lá cờ, tay cầm thương, đang đánh nhau với một toán người mình trần trùi trụi. Theo Song Hỷ nói thì kép đó là "ông già đầu sắt" ai cũng biết tiếng, có thể lộn nhào tám mươi cái liền, chính lúc ban ngày anh đã có đếm rồi.

Chúng tôi dồn lại cả đằng mũi thuyền ngồi xem họ đánh trận. Nhưng "ông già đầu sắt" chẳng lộn cái nào cả, chỉ có mấy người ở trần lộn thôi, lộn một hồi rồi đi vào Tiếp theo, một vai đào đi ra, hát ê a.

Song Hỷ nói:

- Ban đêm ít người xem mà "ông già đầu sắt"cũng đã mệt rồi. Ai lại đi trổ tài giữa chỗ trống, cho đất xem à?

Tôi tin Song Hỷ nói đúng, bởi vì lúc đó dưới sân khấu vắng lắm. Người nhà quê ngày mai phải đi làm, không thức đêm được, đã về đi ngủ cả. Chỉ còn lại lác đác mấy anh vô công rồi nghề ở làng Triệu và ở các làng lân cận. Cố nhiên vợ con những tay nhà giàu thì còn đó cả, họ ngồi trong các truyền mui đen chẳng để ý gì đến xem hát, phần lớn đến đây chỉ là để ăn quà ăn bánh, nhá hạt dưa. Cho nên quả có thể nói là không có ai thật. Trong thâm tâm, tôi cũng chẳng thiết gì xem nhào lộn. Thiết xem là xem Tinh rắn, đo một kép mình quấn vải trắng, hai tay để trên đầu cầm một cái đầu rắn y như một cái gậy. Thứ đến là vai cọp nhảy, do một người mặc áo vàng đóng. Nhưng chờ mãi chẳng thấy ra. Vai đào vào thì một kép già đóng vai thanh niên ra liền. Tôi đã thấy hơi mỏi, nhờ Quế Sinh đi mua sữa đậu nành cho. Quế Sinh đi một lát, trở về nói:

- Không có. Cái ông điếc bán sữa đậu nành cũng về rồi.

Thôi, múc một gáo nước là uống tạm vậy.

Tôi không uống, cố gắng đứng xem, nhưng cũng không thể nói là đã xem được những gì, chỉ thấy mặt các vai tuồng dần dần trở thành kỳ quái, tai, mắt, mũi dần dần mờ đi trông chẳng rõ nữa. Trong bọn chúng tôi, những anh nhỏ thì cứ ngáp dài, mấy anh lớn thì nói chuyện riêng. Đến khi có một vai hề mặc áo đỏ bị trói vào cái cột trên sân khấu để cho một người đeo râu lốm đốm bạc lấy roi ngựa đánh thì ai nấy tinh thần mới phấn chấn lên, vừa xem, vừa cười. Tôi cho đó là màn hay nhất đêm hát ấy.

Cuối cùng một vai bà già ra. Tôi vốn sợ cái vai bà già ấy lắm, nhất là lúc bà ta ngồi xuống mà hát. Lúc đó thay ai cũng tỏ vẻ cụt hứng cả, mới biết là mấy anh bạn tôi cũng nghĩ như tôi. Khi mới ra, bà ta còn đi đi lại lại mà hát, sau thì bà ta ngồi hẳn xuống cái ghế đặt giữa sân khấu. Tôi ngại quá. Bọn Song Hỷ thì chửi lầu nhầu. Tôi kiên nhẫn chờ. Một hồi lâu, bà ta giơ tay lên, tưởng là bà ta đã đứng dậy, không ngờ bà ta lại bỏ tay xuống như cũ và vẫn tiếp tục hát. Trong thuyền chúng tôi anh thì thở dài, anh thì ngáp vặt. Song Hỷ không chịu đựng được nữa, nói:

- Cái con mụ này thì nó có thể hát suốt đêm đấy! Hay là ta về đi thôi!

Ai nấy tán thành ngay, và cũng hăng hái như khi ra đi, ba bốn người chạy ra đằng lái, nhổ sào, đẩy thuyền lùi vài thước, cho quay mũi, lắp chèo vào, vừa chửi vai bà già, vừa chèo thuyền về phía rừng thông.

Trăng chưa lặn. Hình như chúng tôi xem hát cũng không lâu lắm. Ra khỏi làng Triệu, trăng càng tỏ. Ngoảnh lại

nhìn sân khấu trong ánh đèn, tôi có cảm tưởng giống như khi mới đến, cũng thấy đẹp như một tòa lâu đài xây trên núi tiên, có một lớp sương màu đỏ bao phủ. Và cũng có tiếng sáo vẳng lại, rất véo von. Tôi đoán vai bà già đã vào rồi, nhưng cũng ngại, không rủ anh em trở lại xem nữa.

Không bao lâu, thuyền đã đi quá rừng thông. Thuyền đi cũng không chậm lắm nhưng xung quanh bóng tối dày đặc, biết là đã khuya rồi. Các anh bạn bàn tán về đám hát, anh thì chửi, anh thì cười, và ra sức chèo. Bây giờ tiếng nước vỗ vào mũi thuyền nghe càng rõ. Chiếc thuyền như một con cá trắng lớn cõng một bầy trẻ con vượt sóng. Mấy ông già đánh cá đêm cũng dừng xuống lại, nhìn thuyền chúng tôi lướt qua, ngợi khen.

Cách Bình Kiều chừng một dặm, thuyền đi chậm lại. Mấy tay chèo thuyền đều kêu rất mệt vì chèo hăng quá, và nhiều anh vẫn chưa có gì trong bụng. Lần này người bàn kế là Quế Sinh. Anh nói rằng bấy giờ là mùa đậu la hán, củi đuốc sẵn, có thể trộm một ít nấu ăn. Ai nấy tán thành. Rồi chúng tôi ghé thuyền vào bờ. Ruộng trên bờ toàn là đậu la hán, quả chắc nịch và đen nhánh.

Song Hỷ nhảy lên trước, nói:

- Phát à? Bên này là đậu nhà cậu, còn bên kia là đậu nhà ông Sáu Mốt, trộm bên nào?

Chúng tôi cũng nhảy lên cả. Phát vừa nhảy lên vừa nói:

- Hẳng khoan. Để tớ xem đã nào!

Rồi anh ta đi đi lại lại, sờ nắn một lúc, đứng thẳng dậy, nói:

- Trộm của nhà tớ thôi. Đậu nhà tớ to hơn nhiều.

- Ừ.

Ai nấy chạy lại ruồng nhà phát, hái mỗi người một ôm lớn, quăng vào thuyền. Song Hỷ bàn, nếu lấy trộm của nhà Phát nữa, mẹ anh biết sẽ khóc và chửi chết, nên chúng tôi lại sang ruộng ông Sáu Mốt trộm một ôm nữa.

Mấy anh lớn chèo thuyền cho đi chầm chậm. Mấy anh nữa lại đằng lái nhen lửa; còn mấy đứa nhỏ chúng tôi thì bóc đậu. Một lái đậu chín. Chúng tôi để mặc cho thuyền trôi, xúm nhau lại, lấy tay bốc ăn. Ăn xong lại chèo. Nồi niêu rửa sạch, vỏ đậu ném xuống sông, chẳng còn tang tích gì nữa. Song Hỷ lo rằng lấy củi muối trong thuyền ông Tám, ông ta tinh lắm, thế nào ông ta cũng biết, sẽ mắng cho mà xem. Nhưng bàn tán một hồi, chúng tôi cho là không sợ. Ông ta có mắng thì sẽ đòi ông ta trả lại nhánh bách khô năm ngoái ông ta nhặt ở trên bờ sông, và gặp đâu thì cứ gọi là " Ông Tám sẹo".

Song Hỷ đứng dầu mũi, bỗng nói to:

- Về đây cả rồi ạ! Chẳng xảy ra chuyện gì hết. Cháu đã bảo đảm mà!

Tôi nhìn về phía mũi thuyền. Đằng trước đã là cầu Bình Kiều rồi. Có một người đứng ở trên cầu. Chính là mẹ tôi. Song Hỷ nói là nói với mẹ tôi. Tôi chui ra ngoài khoang thuyền. Thuyền vào dưới gậm cầu, đỗ lại. Chúng tôi rộn rịp nhảy lên bờ. Mẹ tôi hơi giận, nói là đã quá canh ba rồi, sao về khuya thế, nhưng rồi cũng vui lên. Mẹ tôi cười và bảo tất cả về nhà ăn cơm rang.

Mọi người trả lời là ăn lót lòng rồi, bây giờ buồn ngủ lắm, được ngủ là thích nhất. Thế là ai về nhà nấy.

Hôm sau mãi đến trưa, tôi mới thức dậy và cũng chẳng nghe chuyện gì lôi thôi về ông Tám với chỗ củi muối cả. Buổi chiều, vẫn lại đi câu tôm.

- Song Hỷ! Đồ quỷ sứ đâu ấy! Hôm qua chúng bay trộm đậu nhà phải không? Lại không chịu hái cho tử tế, giẫm nát cả.

Tôi ngửng đầu nhìn lên. Thì ra là ông Sáu Mốt. Ông ta chèo chiếc thuyền con đi bán đậu về, trong lòng thuyền còn cả một đống đậu.

Song Hỷ nói:

- Vâng. Chúng cháu đãi khách đấy! Chúng cháu lúc đầu không định lấy của nhà ông đâu... Ơ kìa! Ông làm tôm sợ chạy cả rồi kìa!

Ông Sáu Mốt nhìn thấy tôi, ngừng tay chèo. Cười nói:

- Đãi khách à? Thế thì được.

Rồi hỏi tôi:

- Anh Tấn! Hôm qua hát có hay không?

Tôi gật đầu nói:

- Hay.

- Thế đậu ăn có ngon không?

Tôi lại gật đầu, nói:

- Ngon lắm.

Tôi không ngờ nghe tôi nói thế, ông ta lại tỏ vẻ rất cảm động, giơ ngón tay cái lên[1] nói, đắc ý:

- Người có học có hành với lại ở thành phố về có khác. Biết người biết của. Đậu nhà chú, chọn từng hạt một mà gieo đấy! Người nhà quê chẳng biết đếch gì cả lại bảo là không bằng đậu nhà người ta. Chú định hôm nay đem một ít biếu cô ăn thử xem...

Rồi ông ta chèo thuyền đi.

Lúc mẹ tôi gọi tôi về ăn cơm tối thì thấy trên bàn có một bát lớn đậu la hán luộc rồi. Đó là đậu của ông Sáu Mốt đưa lại biếu mẹ tôi và tôi. Nghe nói ông ta còn khen với mẹ tôi rằng tôi còn nhỏ mà đã biết điều, sau này nhất định sẽ đỗ Trạng nguyên cho mà xem.

- Cô này! Cam đoan thế nào cô cũng sẽ được sung sướng.

Nhưng tôi lấy đậu ăn thì lại thấy không ngon bằng đậu đêm hôm qua.

Quả thật cho đến bây giờ, tôi chưa hề được ăn đậu nào ngon như đậu hôm ấy và cũng chưa xem buổi hát tuồng nào hay như buổi tuồng đêm hôm ấy!

Tháng 10 năm 1992

---

[1] Một cử chỉ đặc biệt của người Trung Quốc khi muốn khen một cái gì để tỏ ý cái đó vào bậc nhất, tuyệt thế vô song (N.D)

BÀNG HOÀNG
(1924 - 1925)

LỄ CẦU PHÚC*

Những ngày cuối năm âm lịch quả thật có vẻ đúng là cuối năm. Quang cảnh thôn xóm làng mạc thì đã đành, không cần phải nói, mà ngay giữa bầu trời cũng thấy rõ không khí sắp sửa sang năm mới rồi. Thỉnh thoảng, pháo tiễn đưa ông Táo về chầu thời lại loé sáng, rồi nổ vang. Tiếng nổ gần, nghe càng vang tợn, tai cứ ù lên mãi, liên tiếp và mùi thuốc pháo thoang thoảng thơm tản mác trong không trung. Tôi về đến Lỗ Trấn, quê nhà, đúng vào một đêm như thế. Nói là quê nhà, chứ thật ra tôi chẳng còn nhà cửa ở đây nữa, nên đành tạm đến ở nhà ông Tư, cũng như người họ Lỗ, ngang hàng với thầy tôi mà tôi phải gọi là chú Tư mới đúng. Ông ta là một vị cựu giám sinh[1], theo lý học[2]. Ông ta cũng không khác ngày trước mấy, chỉ có già hơn đôi chút, nhưng chưa để râu. Vừa gặp, ông ta đã vồn vã hỏi thăm. Hỏi thăm xong thì khen tôi "mập ra", rồi tức thì chửi bọn tân đảng. Nhưng tôi biết không phải là chửi cạnh tôi, bởi vì khi chửi như thế, ông

---

* Truyện này đăng lần đầu tiên trên *Đông phương tạp chí* ngày 25 tháng 3 năm 1924.

[1] Giám sinh - là sinh viên trường Quốc tử giám, trường của triều đình. Đời Thanh chỉ còn giữ cái tên mà thôi, chứ ở đây không dạy học nữa. Chức giám sinh cũng như chức ấm sinh, tổ tiên có công với triều đình thì con cháu được chức giám sinh.

[2] Lý học tức là Tống học, mọi thứ nho giáo bị người đời Tống xuyên tạc đi nhiều.

ta vẫn nhắc đến tên Khang Hữu Vi[1]. Có điều, chuyện trò chẳng ăn ý chút nào cả, cho nên được một lúc, chỉ còn lại một mình tôi trong phòng sách mà thôi.

Sáng hôm sau, tôi dậy rất muộn. Ăn cơm trưa xong, tôi đi thăm mấy người bà con và mấy ông bạn. Hôm sau nữa, cũng thế. Bà con, bạn bè cũng chẳng ai thay đổi gì mấy, chỉ có điều người nào cũng già hơn một ít. Nhà nào nhà nấy đều bận rộn, sắm sửa làm lễ "cầu phúc"[2] cả. Ở Lỗ Trấn, lễ cầu phúc là một lễ lớn cuối năm, bày biện linh đình, thành kính để đón rước phúc thần, cầu xin cho sang năm làm ăn được may mắn. Họ giết gà, giết ngỗng, mua thịt lợn, làm rất tinh khiết. Đàn bà, con gái, có kẻ còn đeo vòng bạc kéo xoắn thừng, phải dầm tay luôn trong nước đến đỏ ửng. Nấu nướng xong, rồi cắm đũa vào, lung tung, chẳng theo hàng lối nào hết. Đó là "cỗ cầu phúc", chờ đến canh năm, bày ra, thắp đèn, dâng nhang, khấn vái chư vị phúc thần về hâm hưởng. Chỉ có đàn ông mới được ra cúng mà thôi. Cúng xong tất niên lại đốt pháo. Năm nào cũng thế, và nhà nào cũng thế, và nhà cũng như nhà nấy, miễn là có tiền sắm được lễ vật, mua được pháo, thế thôi. Và năm nay, tất nhiên cũng lại thế. Sắc trời u ám. Về chiều, tuyết lại bắt đầu xuống nhiều. Hoa tuyết có cái to bằng hoa mai, bay khắp không trung. Rồi thì khói pháo, cộng với sự rộn rịp xung quanh làm cho Lỗ Trấn trở thành nhốn nháo hẳn lên. Lúc tôi trở về phòng sách nhà chú Tư thì mái ngói đã phủ đầy tuyết trắng phau, rọi vào làm cho căn phòng sáng hẳn. Bức chữ "Thọ" to tướng, nét son, dập

---

Khang Hữu Vi (1858 - 1927) người lãnh đạo cuộc duy tân năm Mậu Tuất, cuối đời Thanh.

Theo tục lệ Trung Quốc ngày trước, lễ này thường là vào khoảng từ 24 đến 30 tháng Chạp.

theo chữ Trần Đoàn lão tổ[1] treo trên vách, trông cũng nổi. Đôi câu đối treo hai bên thì một vế đã rơi mất rồi, cuộn lại lồng phồng để trên án thư, một vế còn đây, đề là: *Sự lý thông đạt tâm khí hoà bình*[2]. Buồn tình, tôi đến trước bàn sách kê cạnh cửa sổ, lục xem. Chỉ thấy một chồng Khang Hy *tự điển*, không chắc còn trọn bộ *Cận tư lục tập chú*[3] và một bộ *Tứ thư thân*[4]. Tôi định bụng nhất quyết thế nào ngày mai cũng rời khỏi nơi này.

Huống chi, mỗi lần sực nghĩ đến chuyện hôm qua gặp thím Tường Lâm thì tôi lại thấy khó chịu trong người. Hôm qua, vào buổi chiều, tôi sang xóm Đông thăm người bạn, trở về đến bờ sông thì gặp thím. Thấy thím cứ tráo mắt nhìn, biết ngay là thím cố ý đón gặp tôi. Có thể nói những người tôi đã được gặp lại ở Lỗ Trấn lần về chơi này, không ai thay đổi nhiều như thím. Mái tóc hoa râm năm năm trước đây bây giờ bạc trắng, trông không còn ra vẻ người trên dưới bốn mươi tuổi nữa; khuôn mặt hốc hác quá, nước da vàng xạm, cả đến cái vẻ u sầu xưa kia cũng mất hẳn, trông giống như tạc bằng gỗ, họa chăng chỉ đôi tròng con mắt lâu lâu đưa đi đưa lại mới chứng tỏ rằng thím còn là một con người đang sống mà

---

[1] Trần Đoàn, người đời Tống, ẩn cư ở Vũ Dương Sơn và Hoa Sơn tu đạo. Đời xưng là "Thần tiên".

[2] Theo Vương Sĩ Thanh kể lại trong cuốn "*Lỗ Tấn thân thế và sáng tác*" do Nhà xuất bản Thanh niên Trung Quốc xuất bản năm 1985 thì trong nhà Lỗ Tấn trước kia cũng có treo một câu liễn đề: Phẩm tiết tương minh đức hạnh kiêm định sự lý thông đạt tâm hoà khí bình (Phẩm hạnh khí tiết sáng chói, đạo đức hạnh kiểm đều rõ ràng, thông hiểu mọi sự lý, tâm thần ý khí bình ổn).

[3] *Cận tư lục* là sách nhập môn của những nhà lý học, đời Tống soạn, và đời Thanh chú thích.

[4] *Tứ thư thân* là một tác phẩm đời Thanh, chú thích bộ *Tứ thư*, tác giả là Lạc Bôi.

thôi. Thím một tay xách chiếc giỏ tre trong có cái bát mẻ, không đựng gì cả, một tay chống cái gậy trúc, dài hơn người, phía dưới đã xơ ra. Rõ ràng thím bây giờ hoàn toàn là một mụ ăn mày.

Tôi đứng dừng lại, yên trí thế nào thím cũng xin tiền.

Thím bắt đầu bằng một câu hỏi:

- Ông về chơi?

- Vâng.

- Thật là may quá. Ông là người có chữ nghĩa, lại đi đây đi đó, hiểu biết nhiều. Gặp ông, tôi muốn hỏi một điều.

Đôi mắt lờ đờ của thím bỗng sáng hẳn lên.

Tôi không thể nào ngờ thím lại nói những câu như thế thành ra cứ đứng sững, ngạc nhiên hết sức.

- Ông à! - Thím bước lại hai bước cho gần hơn, hạ thấp giọng xuống, rồi nói thủ thỉ như có điều gì bí mật lắm - Con người ta chết rồi thì còn có linh hồn nữa không, ông?

Tôi rợn cả người. Thấy mắt nhìn tôi chòng chọc, tôi có cảm giác như gai đâm vào lưng, luống cuống hơn là khi còn đi học, bất thình lình phải thi một bài chưa kịp chuẩn bị, mà ông giáo thì cứ đứng ngay bên cạnh mình. Có linh hồn hay không có linh hồn, xưa nay nào tôi có hề nghĩ tới! Nhưng bây giờ phải trả lời thím thì trả lời thế nào đây! Trong giây phút ngắn ngủi, tôi nghĩ bụng: người vùng này, ai cũng còn tin ma quỷ mà thím thì thím lại nghi hoặc, không chắc là thím hy vọng, hy vọng có linh hồn, nhưng lại cũng hy vọng không có linh hồn...Người ta đã đến cùng đường như thế này rồi, hà tất phải làm cho đau khổ thêm, chi bằng để vui lòng

thím, thôi thì cứ bảo là có đi...

Thế rồi, tôi ấp úng trả lời:

- Tôi nghĩ... có thể có đấy.

- Thế thì cũng có địa ngục à?

- À, địa ngục ấy à? - Tôi hết sức kinh ngạc, dành phải nói chống chế cho qua - Địa ngục à! Lý ra thì phải có đấy. Mà cũng vị tất. Nhưng ai hơi đâu để tâm đến những chuyện ấy làm gì!

- Thế thì người trong một nhà, chết rồi, có thể gặp mặt nhau nữa hay không?

- Hừ! Có thể gặp nhau nữa hay không à? - Lúc này tôi mới rõ mình dối hết sức. Ngần ngừ mãi, suy nghĩ mãi, mà hỏi cho ba câu là tịt cứng. Tôi đâm ra rụt rè, muốn nói trái lại những điều mình đã nói - Cái đó... thực tình tôi không được rõ...Thú thực, chết rồi còn linh hồn nữa hay không, tôi cũng không được rõ.

Thừa lúc thím chưa hỏi tiếp, tôi liền rảo bước đi thẳng một mạch về nhà chú Tư, trong lòng cảm thất bứt rứt quá, cứ nghĩ bụng: Mình trả lời với thím như thế chẳng biết có thể nguy hiểm gì cho thím không. Chắc là vì trong khi nhà ai cũng làm lễ cầu phúc cả, thím cảm thấy mình cô đơn, trơ trọi, nên mới hỏi như thế. Nhưng biết đâu câu hỏi đó lại không hàm một ý gì khác? Hay là thím cảm thấy trước có điều gì sẽ xảy ra chăng? Giả thử, vì một nguyên do gì khác mà hỏi, rồi nhân câu trả lời của mình, mà có xảy ra như thế nào thì thật mình phải chịu trách nhiệm một phần về những lời nói của mình... Nhưng ngay sau đó, tôi lại cười mình khéo vớ vẩn. Chẳng qua thím ta ngẫu nhiên mà hỏi như thế

chứ vốn chẳng có gì sâu sắc cả, mà mình lại cứ chê sợi tóc làm tư, chả trách nhà giáo dục nọ bảo mình mắc bệnh thần kinh cũng phải. Huống chi, mình đã có nói là "không được rõ" rồi, mình đã chối hết những điều mình nói lúc đầu rồi. Vậy thì, dù có xảy ra chuyện gì cũng chẳng liên quan đến mình nữa.

"Không được rõ", quả thật là một câu trả lời hết sức đắc sách. Có những người trẻ tuổi, việc đời chưa từng trải, nhưng rất to gan, ai có điều gì nghi hoặc, hỏi đến, là cứ bạo miệng trả lời liều, thậm chí còn dám mách thầy mách thuốc cho con bệnh, vạn nhất xảy ra việc gì không hay, thế là oán đổ lên đầu cả. Nhưng nếu biết dùng câu "không được rõ" mà trả lời để kết thúc câu chuyện đi, thì ung dung tự tại biết mấy! Lúc đó, tôi càng cảm thấy cái câu "không được rõ" quả là cần thiết, dù có trả lời cho một mụ ăn mày cũng nhất thiết không thể bỏ đi, không dùng.

Tuy vậy, tôi vẫn không yên tâm. Qua một đêm rồi mà vẫn thỉnh thoảng cứ sực nhớ đến, và hình như cảm thấy trước có điều gì không lành sắp xảy ra. Ngoài trời, tuyết xuống ầm ư; một mình ngồi trong phòng sách, buồn thiu, lòng tôi lại thêm day dứt. Thôi, chi bằng đi đi thôi, ngày mai lên tỉnh là hết. Chẳng biết món vây rán hiệu *Phúc hưng lâu*, một đồng một đĩa lớn, vừa ngon vừa rẻ, bây giờ đã tăng giá chưa? Bạn bè chơi bời với nhau ngày trước, nay tan tác mỗi người một ngả rồi, nhưng mà món vây rán thì không thể không nếm lại xem sao, mặc dù chỉ có một mình mình...Thế nào ngày mai nhất định cũng phải đi.

Thường thường tôi thấy có nhiều việc mình không muốn xảy ra như mình đoán và cho rằng vị tất đã xảy ra y

như thế, nhưng rồi nó lại cứ xảy ra y như thế, cho nên tôi rất lấy làm lo chuyện này rồi cũng sẽ theo một quy luật nào đó thôi. Quả nhiên, cái chuyện lạ lùng đó đã bắt đầu rồi. Vào khoảng gần tối, tôi nghe có mấy người xúm lại trong nhà trong, hình như bàn tán với nhau chuyện gì. Nhưng một lát sau, không nghe gì nữa, chỉ thấy chú Tư vừa đi ra vừa nói to...

- Không nhè lúc nào, lại nhè ngay vào giữa lúc này! Rõ là đồ khốn khiếp!

Lúc đầu tôi còn ngạc nhiên, sau thì áy náy trong lòng, tựa hồ như câu nói vừa rồi có liên quan đến mình. Thử nhìn ra cửa, chẳng có ai cả. Chờ mãi đến tối, trước lúc ăn cơm, người ở vào pha trà, mới có dịp dò hỏi.

- Vừa rồi, cụ Tư giận ai mà gắt thế nhỉ?

Anh ta trả lời gọn thon lỏn:

- Chắc là thím Tường Lâm chưa ai!

Tôi lại hỏi dồn:

- Thím Tường Lâm à? Sao thế?

- Chết rồi.

- Chết rồi à?

Tim tôi bỗng thắt lại, rồi đập dữ dội. Mặt tôi chắc cũng tái đi, nhưng người ở không hay biết gì cả, vì anh ta không hề ngửng đầu lên. Tôi trấn tĩnh lại được và hỏi thêm:

- Chết lúc nào?

- Chết vào lúc nào à? Chừng như đêm qua hay là sáng nay gì đó. Cháu cũng không được rõ.

- Làm sao mà chết, hở?

- Làm sao mà chết à? Chắc là đói quá rồi chết thôi.

Anh ta trả lời vẻ thờ ơ, vẫn không ngừng đầu lên nhìn tôi, rồi đi ra.

Nhưng nỗi kinh hoàng của tôi chỉ thoáng qua trong giây lát. Sau đó, tôi liền nghĩ bụng: cái việc phải xảy ra, giờ đã xảy ra rồi, bất tất mình phải nhờ đến câu "không được rõ" của mình hay câu "đói quá rồi chết"của người ở để tự an ủi. Thế nào là lòng lại nhẹ nhõm dần, chỉ thỉnh thoảng mới lại thấy đau nhói lên một tí. Cơm tối bưng lên, chú Tư cùng ngồi ăn, vẻ mặt nghiêm nghị. Tôi định hỏi thăm thêm về thím Tường Lâm, nhưng biết ông ta đã suy đọc qua sách: "*Quỷ thần giả, nhị khí chi lương năng dã*"[1] nhưng vẫn hay kiêng kỵ lắm thứ lắm; đang sắp sửa làm lễ cầu phúc mà đem chuyện chết chóc, ốm đau ra nói là nhất thiết không được. Nếu bất đắc dĩ phải đề cập đến thì phải dùng những tiếng bóng gió mà nói chệch đi. Khốn nỗi, tôi lại không biết nói thế nào cho ổn, nên nhiều lần định hỏi, lại thôi. Thấy bộ mặt ông ta nghiêm nghị như thế, tôi bỗng lại ngờ rằng câu nói trên kia ông ta ám chỉ tôi, không nhè lúc nào mà lại nhè vào giữa lúc này đến quấy rầy ông ta, và tôi là đồ khốn kiếp!... Cho nên lập tức, tôi tin cho ông ta biết rằng ngày mai tôi sẽ rời Lỗ Trấn lên tỉnh, để cho ông ta sớm khỏi bận lòng vì tôi. Ông ta cũng không thiết tha giữ tôi ở lại. Bữa cơm đó tẻ nhạt hết sức.

---

[1] *Quỷ thần là lương năng của hai khí.* Nghĩa là quỷ là do âm dương biến hóa mà có. Câu này là của Trương Tải, một nhà lý học đời Tống. Tác giả muốn nói: mặc dù ông Tư đã biết rằng: quỷ thần chỉ là một hiện tượng tự nhiên, nhưng ông ta vẫn mê tín như thường.

Mùa đông ngày ngắn, lại có tuyết xuống, nên bóng đêm đã bao trùm lấy xóm làng rồi. Dưới ánh đèn, mọi người bận rộn tíu tít, nhưng ngoài cửa sổ thì cảnh vật lại im lìm. Hoa tuyết rơi xuống lớp thảm tuyết phủ dày mặt đất, nghe rào rào, khiến cho người ta càng thêm hiu quạnh. Ngồi một mình cạnh ngọn đèn dầu lạc, ánh sáng vàng khè, tôi nghĩ đến thím Tường Lâm. Một đời người không nơi nương tựa, như một thứ đồ chơi cũ kỹ, chơi lâu ngày chán, người ta vứt vào đống rác, bấy lâu nay vẫn lăn lóc ở đấy làm cho những kẻ sống sung sướng phải ngạc nhiên sao thím ta lại cố bám vào cuộc đời mãi làm chi. Bây giờ thì thần chết đã đưa thím ta đi rồi! Con người chết đi, còn có linh hồn nữa hay không, nào tôi có biết, nhưng trên đời này, cái người sống cầu bơ cầu bất ấy không còn nữa, thì kẻ ghét không muốn nhìn, cũng không còn phải nhìn thấy nữa. Như vậy, đối với thím ta cũng như đối với họ, chết đi cũng là một cái hay. Vừa lắng nghe tiếng tuyết rơi ngoài cửa sổ, vừa suy nghĩ lan man như thế, tôi thấy lòng tôi dần dần nhẹ nhõm hẳn đi.

Tuy thế, những mẩu chuyện rời rạc mà tai tôi đã nghe, mắt tôi đã thấy về quãng đời trước kia của thím lại chắp nối và hiện lên trong ký ức tôi.

Thím không phải là người Lỗ Trấn này. Đầu mùa đông năm nọ, nhà chú Tư cần thay đầy tớ gái; người đưa mối là bà Vệ dẫn thím đến. Hồi đó, thím vào khoảng hai sáu hai bảy, nước da xanh xao vàng vọt, nhưng hai gò má còn hồng hào. Thím mặc chiếc quần đen, áo kép mầu chàm, ngoài khoác chiếc áo cánh chẽn màu nguyệt bạch, đầu chít khăn tang. Bà Vệ gọi thím là Tường Lâm, và nói rằng thím là hàng xóm

láng giềng bên quê ngoại bà ta, chồng chết nên mới phải đi ở. Nghe nói thế, chú Tư nhíu đôi lông mày lại. Thím Tư biết ý chồng không muốn nuôi một người đàn bà góa trong nhà, nhưng thấy cung cách thím cũng đứng đắn, tay chân vạm vỡ, lại hiền lành, ít mồm ít miệng, ra người biết chịu khó làm ăn, an phận thủ thường, nên mặc chồng chau mày thì chau mày, thím Tư vẫn cứ giữ lại. Trong thời gian ở thử, thấy thím Tường Lâm làm quần quật suốt cả ngày, có vẻ như ngồi không thì buồn, sức lực lại khoẻ chẳng thua gì đàn ông, cho nên đến ngày thứ ba thì nhất định thuê hẳn, mỗi tháng năm quan.

Ai cũng gọi thím là thím Tường Lâm cả. Chẳng ai hỏi thím họ gì, nhưng người đưa mối là người bên Vệ Gia Sơn lại bảo là hàng xóm láng giềng, nên chắc cũng là họ Vệ thôi. Thím ít nói lắm, có hỏi thì mới nói, mà nói cũng rất vắn tắt. Mãi đến mười mấy hôm sau, dần dần mới biết rằng, thím ở nhà còn có bà mẹ chồng cay nghiệt lắm, và một chú em chồng hơn mười tuổi, đã đi kiếm củi được rồi. Chồng thím chết mùa xuân vừa qua: anh ấy cũng sống về nghề hái củi, và kém thím những mười tuổi. Về thân thế thím, người ta chỉ biết có ngần ấy.

Ngày tháng trôi qua rất nhanh. Công việc thím không hề bê trễ, ăn gì xong bữa thì thôi, đã làm thì làm cật lực, không suy tính thiệt hơn. Ai cũng khen nhà ông Tư nuôi được một người ở gái siêng năng, lanh lẹn hơn cả đàn ông nữa. Công việc cuối năm, một mình thím đảm đương hết, nào là quét dọn, lau nền nhà, giết gà, mổ ngỗng, thức suốt đêm nấu nướng, sửa soạn lễ cầu phúc, chẳng phải thuê mướn ai thêm. Thế nhưng thím lại rất làm hể hả, trên môi thoáng thấy

có nụ cười và mặt mày cũng ngày càng béo trắng ra.

Vừa sang năm mới, một hôm, thím ra sông vo gạo về, thấy mặt cứ tái nhợt đi. Hỏi thì nói rằng thím trông thấy xa xa, bờ bên kia, có một người đàn ông cứ quanh quẩn đấy mãi, giống như người bác họ chồng thím, e có khi ông ta đến tìm thím cũng nên. Thím Tư nghe ngạc nhiên lắm, hỏi cặn kẽ, thì thím lại không nói nữa. Chuyện đến tai chú Tư. Chú Tư chau mày lại nói:

- Không xong rồi! Chắc là con mẹ này bỏ nhà trốn đi đấy thôi!

Quả đúng như điều chú Tư đoán, không bao lâu vỡ chuyện biết thím bỏ nhà trốn đi thật. Câu chuyện trên đây người ta đã dần dần bẵng quên đi rồi, thì chừng mười hôm sau, bỗng thấy bà Vệ đưa một người đàn bà trạc ba mươi tuổi đến, nói là mẹ chồng thím Tường Lâm. Người đàn bà này tuy có vẻ là người miền núi nhưng cách thù ứng ung dung lắm, nói năng cũng hoạt bát. Chào hỏi đâu vào đấy rồi, chị ta ngỏ lời xin lỗi, nói là đến để xin cho con dâu về. Vì ra giêng, công việc nhiều, mà nhà neo người, toàn là người già trẻ con cả.

Chú Tư nói:

- Nếu là mẹ chồng gọi về thì còn nói năng gì nữa!

Thế là tính tiền công. Cả thảy được mười bảy quan năm, còn gửi đây cả, chưa tiêu mất đồng nào, bèn giao hết cho mẹ chồng thím. Người đàn bà này lại xin gói quần áo của con dâu, tạ ơn đâu đấy. Lúc đó đã đúng ngọ.

Tranh minh họa "Lễ cầu phúc" của Cố Nguyên

Ngồi một lúc, thím Tư mới giật mình, hỏi to lên:

- Ối chà! Gạo đâu rồi nhỉ? Không phải là thím Tường Lâm đã đem đi vo rồi à?

Chắc là thím Tư hơi đói bụng, sực nhớ đến cơm trưa. Bấy giờ, người trong nhà mỗi người một ngả, đi tìm rá gạo, Thím Tư xuống bếp, rồi lên nhà trên, lại vào buồng ngủ tìm, chẳng thấy rá gạo đâu cả. Chú Tư ra ngoài đồng tìm, cũng không thấy: đến khi đi thẳng đến bờ sông, mới thấy rá gạo để ngay ngắn trên bờ, bên cạnh còn cả bó rau nữa.

Những người được mục kích kể lại rằng, hồi sáng có một chiếc thuyền mui trắng đỗ ở bến, mui che kín mũi chẳng biết trong có những ai và trước khi chuyện xảy ra, không ai để ý đến cả. Khi thím Tường Lâm ra vo gạo, thím vừa quỳ xuống, thì có hai anh đàn ông bỗng từ trong thuyền nhảy xổ ra, trông có vẻ người miền núi: một anh ông chặt lấy thím, anh kia giúp sức, lôi bừa vào thuyền. Thím khóc và có la lên mấy tiếng nhưng sau đó thì không nghe thấy gì nữa. Có lẽ là chúng nó nhét cái gì vào miệng thím cũng nên. Sau đó, có hai người đàn bà lên bờ, một người không rõ là ai, còn người kia là bà Vệ. Có dòm vào trong thuyền, nhưng không trông được rõ lắm. Hình như thím bị trói lại, nằm trên sạp thì phải.

Chú Tư nói:

- Khá ố nhỉ! Nhưng mà...

Hôm ấy, thím Tư phải thổi cơm trưa lấy, và thằng Ngưu, con thím, phải nhóm lửa.

Sau bữa cơm trưa, bà Vệ lại trở lại.

Chú Tư nói:

- Khả ố quá!

Thím Tư vừa rửa bát, vừa nói vẻ giận dữ:

- Già này! Thế là nghĩa thế nào? Khen cho già còn dám trở lại đây nhìn mặt chúng tôi được. Chính già đưa thím ấy lại, rồi già lại đồng loã với chúng nó bắt cóc đi, làm người ta dồn ầm lên, ai trông vào còn ra thể thống gì nữa. Già định đem nhà chúng tôi ra làm trò cười cho thiên hạ đấy phỏng?

- Trời ơi! Quả thật con bị mắc hợm đấy ạ! Con trở lại đây là để thưa với ông bà cho ra ngành ngọn. Thím ấy nhờ con kiếm cho chỗ làm. Con có biết đâu là thím ấy giấu mẹ chồng thím ấy trốn đi như thế! Thật là con không phải với ông bà quá. Chỉ vì già rồi lẩm cẩm, lú lấp đi, không cẩn thận, thành ra không phải với ông bà. May gặp được ông bà đây xưa nay là người rộng lượng, không thèm chấp kẻ dưới. Nhất định lần này, con phải đem đến ông bà một người tử tế để chuộc tội.

Chú Tư nói:

- Nhưng mà...

Thế là chuyện thím Tường Lâm đến đấy là chấm dứt. Chẳng bao lâu, người ta cũng quên khuấy đi.

Chỉ có mình thím Tư là còn nhớ, bởi vì những người ở gái sau đó, đại để, đứa không lười biếng thì tham ăn, có đứa lại vừa tham ăn vừa lười biếng, chẳng vừa ý chút nào cả, cho nên thường mới nhắc đến thím Tường Lâm. Mỗi lần nhắc đến, thím lại lẩm nhẩm một mình:

- Chả biết bấy giờ ra sao rồi?

Ý thím Tư là mong thím Tường Lâm sẽ trở lại. Nhưng đến tết năm sau, thì thím không còn mong mỏi gì nữa.

Số là hôm gần hết tết, bà Vệ đến mừng năm mới. Lúc đến bà ta rượu đã say mềm. Bà ta nói là bà ta về bên quê ngoại ở Vệ Gia Sơn, ở lại chơi mấy hôm, nên bây giờ mới đến chậm. Nói chuyện một lúc, tự nhiên hai người nhắc đến Tường Lâm.

Bà Vệ nói, vẻ thích chí:

- Thím ấy à! Bây giờ thì gặp vận may rồi! Khi bà mẹ chồng ra đây bắt thím ấy về, bà ta đã nhận lời gả cho anh Sáu, người bên Hạ Gia Úc, nên về nhà được vài hôm là người ta đưa kiệu hoa đến rước đi ngay.

Thím Tư sửng sốt nói:

- Ái chà chà! Cái mụ mẹ chồng!..

- Ấy! Thưa bà, bà quả thật là nhà đại gia nên lời lẽ có khác. Chứ chúng con, người miền núi, nghèo hèn, như thế có hề gì! Thím ta còn có một chú em, cũng phải hỏi vợ cho chú ấy chứ! Không gả thím ta đi, thì lấy tiền đâu mà cưới xin? Bà mẹ chồng thím ta thế mà là người sành sỏi, tháo vát, khéo tính toán lắm mới đem gả thím ta lên trên ấy đấy. Chứ gả cho người trong làng thì được bao nhiêu! Có gả về những nơi thâm sơn cùng cốc, nơi đàn bà con gái ít ai muốn lấy, nên mới được những tám chục quan tiền! Bây giờ thì đã cưới được vợ cho chú em rồi. Lễ vật chỉ hết có năm chục quan. Trừ phí tổn này nọ rồi, cũng còn lại được hơn mươi quan. Đấy! Bà xem, tính toán như thế có khéo không?...

- Thế mà thím ấy cũng chịu theo à?

- Bẩm, có gì mà theo với không theo ạ!...Làm ồn thì ai mà chẳng làm ồn lên một lúc. Có điều cứ lấy dây thừng trói lại, đẩy vào kiệu hoa, khiêng về nhà trai, chụp chiếc mũ cưới vào đầu, dắt đi lạy ông bà ông vải, rồi đóng cửa buồng lại, thế là yên chuyện tất! Nhưng thím Tường Lâm thì khác người lắm. Nghe nói, lúc bấy giờ, thím ta làm dữ lắm cơ! Ai cũng bảo rằng bởi vì thím ta có đến ở nhà người có chữ có nghĩa, nên mới kỳ khôi như thế! Thưa bà mắt chúng con đã trông thấy nhiều đám cũng bước đi bước nữa như thế này, có người thì kêu van khóc lóc, có người thì đòi trầm mình thắt cổ, có người khiêng về nhà trai rồi vẫn nguây nguẩy không chịu lạy ông bà ông vải cho, thậm chí có kẻ còn đạp đổ cả cây hoa khi làm lễ động phòng nữa cơ! Nhưng thím Tường Lâm này thì mới lạ đời. Họ kể chuyện rằng thím ta suốt dọc đường cứ la hét, chửi bới ầm ĩ lên. Lúc về đến Hạ Gia Úc thì khản tịt cả cổ. Lôi ra khỏi kiệu, hai người đàn ông và cả chú em nữa ra sức kìm giữ thím ta lại, mà thím ta cũng chẳng chịu lễ bái cho ra trò. Vừa sơ ý, hở tay ra một cái, là ối giời ơi, a di đà phật, thím ta đã đập đầu ngay vào góc hương án rồi, thủng một lỗ sâu hoáy, máu tươi chảy vọt ra, phải lấy hai vuông vải điều buộc chặt lại mà vẫn không cầm nổi. Mãi đến khi mỗi người một tay xúm lại vực thím ta vào trong buồng với chồng, rồi khoá trái lại, mà thím ta vẫn chửi. Ô chào!..Thật là...

Bà Vệ lắc đầu, nhìn xuống đất, im lặng.

Thím Tư còn hỏi.

- Thế sau ra làm sao?

Bà Vệ ngước mắt lên trả lời:

- Bẩm, nghe nói hôm sau thím ta vẫn nằm lì, không dậy.

- Thế rồi sao nữa?

- Sao nữa à? Sau thì dậy. Cuối năm thím ta đẻ một thằng con trai, sang năm mới này là lên hai rồi đấy. Mấy hôm con về chơi quê ngoại, có người sang Hạ Gia úc về, nói chuyện có gặp hai mẹ con, mẹ cũng béo, mà con cũng béo. Thím ra chẳng làm dâu ai cả. Anh chồng thì khoẻ như trâu, biết làm ăn. Cũng có một căn nhà riêng hẳn hoi, Hì hì....Thím ta quả thật là gặp may!

Từ đó về sau, thím Tư cũng không hề nhắc đến thím Tường Lâm nữa. Nhưng mùa thu năm nọ, chừng hai năm sau khi nghe cái tin " gặp vận may" ấy, thì bỗng thấy thím ta lại đến nhà chú Tư. Thím ta đặt lên bàn một cái giỏ tròn hình củ mã- thầy và để gói chăn áo dưới mái hiên. Cũng như lần trước, thím ta mặc quần áo đen, áo kép màu chàm, ngoài khoác chiếc áo chẽn màu nguyệt bạch, trên đầu cũng chít khăn trắng, nước da cũng xanh xao, vàng vọt, có điều hai gò má thì không hồng hào như trước nữa. Thím ta cứ cúi mặt xuống đất, khóe mắt ươn ướt và con mắt cũng không được lanh lợi như trước. Vẫn là bà Vệ đưa thím ta đến. Vẻ mặt từ bi, bà ta nói với thím Tư liến thoăng:

- Bẩm người ta thường nói: "Trời mưa nắng không chừng". Cái anh chồng thím ta sức vóc thế, lại còn trẻ, ai có ngờ ốm một trận thương hàn là lăn đùng ra chết...ốm đã khỏi rồi, thế mà, chỉ ăn có một bát cơm nguội vào, là lại trở lại. May mà còn để lại một chút con trai. Thím ta là người siêng năng: đốt củi, hái chè, nuôi tằm, làm được tất cả nên cũng đủ ăn. Ai có ngờ thằng con trai thím ta lại bị chó sói tha mất!

Gần hết mùa xuân rồi đấy, thế mà chó sói còn lảng vảng về làng!..Ai có ngờ được. Bây giờ thím ta thân một mình trơ trọi. Ông anh chồng đến đòi nhà, đuổi thím ta đi. Thím ta thực bước đường cùng, chỉ còn cách đến nhờ vả ông bà đây là chỗ thím ta đã từng hầu hạ. Được cái là thím ta bây giờ không bị ràng buộc gì nữa. Mà thím ta lại gặp lúc bà đây đang muốn thay người ở, nên con lại đưa thím ta đến. Con nghĩ, thím ta đã quen đường quen ngõ rồi, thế nào cũng còn hơn kẻ lạ nước lạ cái nhiều.

Thím Tường Lâm ngước đôi mắt còn lờ đờ, nhìn lên nói:

- Con thật là ngu đần quá. Thật đấy con cứ tưởng chỉ có mùa tuyết xuống, trong núi không có gì ăn, thú dữ mới mò về làng. Biết đâu là giữa mùa xuân mà nó cũng ra. Hôm đó, hừng sáng con đã dậy, mở cửa, lấy cái gió con, xúc một gió đậu bảo thằng Mao ra ngồi ở chỗ bậc cửa mà bóc đi. Cháu nó dễ bảo lắm cơ. Con bảo gì là nó nghe nấy, thế là cháu nó ra ngồi đấy. Còn con thì ở sau nhà chẻ củi, vo gạo, bỏ gạo vào nồi xong, định luộc đậu. Con gọi "Mao ơi!", không thấy thưa, chạy ra xem thì thấy đậu vung vãi ra cả đất, mà chẳng thấy thằng Mao đâu cả. Thường cháu chẳng đi chơi nhà ai. Đi đâu hỏi, cũng không có. Con nóng ruột quá, nhờ người đi tìm. Tìm khắp mọi nơi, cho đến chiều, vào núi thì thấy chiếc giày của nó mắc vào bụi gai. Ai cũng nói: "Thôi hỏng rồi, chắc là bị sói tha đi cũng nên". Đi vào nữa, quả nhiên thấy thằng bé nằm trong một đống cỏ, ruột gan bị moi ăn hết, tay còn cầm chặt lấy cái gió đậu...

Rồi thím nức nở nghẹn ngào, nói không ra lời.

Thím Tư lúc đầu còn chần chừ, nhưng khi nghe kể

chuyện xong, thì quẩng mắt cũng đỏ lên, suy nghĩ một lát, rồi bảo thím Tường Lâm xách giỏ và gói áo quần xuống nhà dưới. Bà Vệ thở ra một cái như người cất được gánh nặng trên vai. Còn thím Tường Lâm thì có vẻ khoan khoái hơn lúc vừa đến. Không cần phải chỉ dẫn, thím tự sửa soạn giường chiếu, quen thuộc lắm rồi. Từ đó, thím lại đến Lồ - Trấn ở thuê.

Người ta vẫn gọi thím là thím Tường Lâm.

Nhưng lần này, cảnh ngộ thím thay đổi khác trước nhiều lắm. Đến ở được hai ba hôm, thì chú thím Tư thấy thím tay chân không được lanh lợi như trước nữa, lại đặn gì quên nấy, mặt cứ đờ đẫn ra như mặt người chết, cả ngày không được một tiếng cười. Nghe giọng điệu thím Tư, biết thím Tư có ý không bằng lòng lắm. Lúc thím Tường Lâm mới đến, tuy chú Tư cũng chau mày lại như lần trước, nhưng thấy lâu nay khó thuê ra người ở gái, nên chú cũng không phản đối gì mấy. Chú chỉ dặn riêng thím Tư rằng, con người như thế thìkhông cũng đáng thương thật, nhưng vì đã làm bại hoại phong hóa nên chỉ dùng làm việc thường đỡ đần tay chân thôi, chứ khi tết nhất, cúng đơm, chớ để cho mó tay vào. Cỗ bàn nhất thiết phải tự tay mình làm lấy, không thì dơ dáy bẩn thỉu, ông bà ông vải không hưởng đâu!

Trong nhà chú Tư thì việc quan hệ nhất là giỗ Tết. Trước kia, khi trong nhà có giỗ Tết là thím Tường Lâm bận rộn nhất, nhưng bây giờ thì thím hết sức rảnh rang. Thấy chiếc bàn đã khiêng ra đặt giữa nhà và tấm vải màu đã được treo lên, thím nhớ ngay phải đem cốc chén và đũa bày ra theo thường lệ.

- Thím Lâm! Thím cứ để đấy cho tôi! - Thím Tư vội vàng nói.

Thím Tường Lâm sượng sùng, vội thụt tay lại, rồi lại đi tìm đôi đèn nến.

- Thím Lâm! Thím cứ để đấy. Tôi đi lấy cho.

Thím quanh đi quẩn lại, chẳng có việc gì làm, đành bỏ đi xuống nhà dưới, không hiểu ra làm sao cả. Cả ngày hôm đó, các việc thím có thể làm được là ngồi đun bếp.

Người Lỗ Trấn vẫn gọi thím là thím Tường Lâm, nhưng giọng điệu thì khác trước nhiều lắm. Họ vẫn chuyện trò với thím, nhưng nhạt nhẽo hơn xưa. Thím không hề để ý đến, mắt cứ đăm đăm nhìn thẳng, kể cho mọi người nghe câu chuyện mà thím không khi nào quên.

- Tôi thật là ngu đần quá! Tôi cứ tưởng là chỉ có mùa tuyết xuống, trong rừng không có gì ăn, thì thú dữ mới mò về làng. Chứ biết đâu sang xuân rồi mà nó cũng mò về. Hôm đó, bừng sáng tôi đã dậy, ra mở cửa, lấy cái giỏ con, xúc môth giỏ đậu, bảo thằng Mao nhà tôi ra ngồi ở bậc cửa mà bóc đi. Cháu nó dễ bảo lắm, tôi bảo gì làm lấy. Thế là cháu ra ngồi đó. Tôi thì ở đằng sau nhà chẻ củi, vo gạo, cho gạo vào nồi xong, định đi luộc đậu. Gọi "Mao ơi" không thấy thưa. Chạy ra xem thì thấy đậu vung vãi ra cả đất, mà chẳng thấy thằng Mao nhà tôi đâu cả. Nóng ruột quá, tôi nhờ người đi tìm. Mãi đến chiều, mấy người vào núi thì tìm thấy một chiếc giầy của cháu mắc vào bụi gai. Ai cũng nói: "Thôi hỏng rồi! Chắc là bị chó sói tha mất rồi cũng nên". Đi vào nữa, quả nhiên nhìn thấy cháu nằm trong một đống cỏ, ruột gan bị moi ăn hết. Trông còn thương quá, cháu còn nắm chặt

cái giỏ đậu trong tay...

Thế là nước mắt ròng ròng, thím khóc nức nở.

Câu chuyện ấy thế mà lại có hiệu nghiệm. Bọn đàn ông nghe kể đến đó thường thường là thôi không cười nữa, tiu nghỉu bỏ đi. Còn đàn bà thì không những có vẻ tha thứ cho thím về chỗ thím bước đi bước nữa, mà bỏ ngay cái bộ khinh bỉ lúc đầu, lại còn khóc theo thím nữa là khác. Có mấy bà cụ không đứng đấy nghe thím kể, thì cố đi tìm, nài thím kể lại câu chuyện bi thảm đó cho nghe. Đến khi thím khóc nức lên, thì những giọt nước mắt ở khóe mắt các bà cũng rơi xuống. Các bà thở dài một hồi, rồi ra về thoả mãn, vừa đi vừa bàn tán.

Câu chuyện bi thảm đó, thím kể đi kể lại nhiều lần rồi, thường thường vẫn có năm ba người nghe, nhưng không bao lâu, người ta nghe mãi thuộc lòng, đến nỗi ngay những bà từ bi, niệm phật ăn chay, cũng chẳng có giọt nước nắt nào trên mi nữa. Về sau, cơ hồ tất cả người Lỗ Trấn đều có thể nhắc lại y nguyên từng lời nói của thím, cho nên vừa nghe thím kể là họ chán ngấy lên rồi.

Thím bắt đầu kể:

- Tôi thật ngu đần quá...

Họ đã cắt ngang nói:

- Ừ, thím thì tưởng mùa tuyết xuống, trong rừng không có gì ăn, thú dữ mới mò vào làng...

Rồi bỏ đi cả.

Thím đứng há miệng ngơ ngác, đăm đăm nhìn họ, rồi cũng bước đi, hình như chính thím cũng thấy câu chuyện của

mình nhạt phèo. Nhưng thím vẫn cứ mong mỏi, nhân việc gì đó- thí dụ nhân nói đến cái gió, nói đến dậu, hay nói đến một đứa trẻ nào đó chẳng hạn, - mà kể chuyện thằng Mao của thím. Hễ nhìn thấy một đứa trẻ lên hai lên ba là y như thím than phiền:

- Ừ. Giá mà thằng Mao nhà tôi còn sống thì cũng bằng chừng này rồi đấy!...

Đứa bé nhìn thấy cặp mắt thím, hoảng lên, níu lấy áo mẹ lôi đi. Thế làm thím đứng trơ một mình; cuối cùng thím cũng ngán bỏ đi nốt. Về sau ai cũng biết tính thím như thế rồi, hễ có đứa trẻ nào đứng đấy là người ta hỏi thím trước, nửa đùa nửa thật:

- Thím Lâm! Thằng Mao nhà thím còn sống chắc cũng bằng chừng này chứ gì?

Vị tất thím đã biết rằng câu chuyện thương tâm của thím, người ta thưởng thức bao nhiêu lâu nay, bây giờ đã như cái bã, nhai đi nhai lại mãi, chán lắm rồi phải nhổ đi. Nhưng nhìn nụ cười của họ, thím hình như cũng thấy được đó là một nụ cười vừa lạnh lùng, vừa chế giễu, thôi thì mình cũng chẳng chuyện ấy nữa làm chi. Rồi thím chỉ lườm họ một cái, chứ cũng không mở miệng đối đáp một lời.

Lỗ Trấn, bao giờ cũng từ hai mươi tháng chạp trở đi là người ta rôn rịp sửa soạn ăn Tết. Nhà chú Tư Tết năm nay phải mướn thêm một người ở trai nữa mà vẫn không hết việc, nên lại phải gọi u Liễu đến làm giúp, giết gà, làm ngỗng. Nhưng u Liễu lại theo đạo Phật, ăn chay, không sát sinh, chỉ chịu rửa bát đĩa cho thôi. Thím Tường Lâm thì ngoài việc đun bếp, chẳng còn việc gì khác, thành ra rỗi rãi, chỉ ngồi

nhìn u Liễu làm. Tuyết lấm tấm rơi.

- Ừ, tôi là thật là ngu dần...

Thìm Tường Lâm nhìn trời, thở dài như nói một mình. u Liễu vẻ sốt ruột, nhìn vào mặt thím, nói:

- Thím Lâm, thím kể lại chuyện ấy đấy à? Tôi hỏi thím nhé! Chứ cái sẹo ở trán thím, có phải hồi đó là thím đập đầu vào hương án mà thành ra như thế phải không?

Thím trả lời ấp úng:

- Ờ, ...ờ.

- Thế tôi hỏi thím, tại sao về sau thím lại bằng lòng...?

- Tôi ấy à?

- Ừ, thím chứ còn ai nữa? Tôi chắc thím phải bằng lòng, không thì...

A! A! U không biết chứ hắn khéo lắm cơ!

- Tôi chẳng tin. Tôi chẳng tin thím sức vóc như thế mà lại không chống cự nổi hắn. Nhất định là về sau thím bằng lòng, lại còn đổ cho là vì hắn khỏe!

- A, a, rõ u này!..U cứ thử xem.

Thím cười. U Liễu cũng cười; cái mặt nhăn nheo của u dúm lại như một hạt đào. Rồi đôi mắt nhỏ ti hí, héo hắt của u cứ nhìn vào cái sẹo trên trán thím Tường Lâm, rồi lại nhìn chòng chọc và con mắt thím, làm thím ngượng quá, không cười được nữa, quay ra nhìn tuyết rơi.

U Liễu nói, vẻ kín đáo:

- Thím Lâm này! thật ra thím cũng vụng tính đấy! Cứ

làm mạnh nữa, đập đầu cho chết quách đi có phải hơn không. Còn như bây giờ, thím với người chồng sau của thím ăn ở với nhau chưa được hai năm, mà thím mang vào mình một cái tội tầy đình. Thím nghĩ mà xem, mai sau thím chết xuống âm phủ, hai người chồng tranh nhau thì thím sẽ về ở với người nào? Vua Diêm Vương đành phải cưa đôi thím ra, chia cho mỗi người một nửa. Tôi thấy thật mà...

Thím Tường Lâm sợ hãi quá, nỗi sợ hãi lộ rõ trên thần sắc. Ở trên miền núi nhà thím, chưa nghe ai nói như thế bao giờ cả.

- Tôi nghĩ chi bằng thím nên lo liệu trước đi thì hơn. Thím hãy cúng một cái bậc cửa vào miếu Thành hoàng thế mạng cho thím, để cho người qua kẻ lại giẫy đạp lên chuộc cái tội kiếp này cho thím, khỏi phải chết rồi còn chịu khổ!

Lúc bấy giờ, thím không nói ra làm sao cả, nhưng xem chừng thím buồn bã khổ sở lắm. Sáng hôm sau, ngủ dậy hai mắt thím thâm quầng. Ăn cơm sáng xong, thím đến miếu Thành hoàng ở xóm Tây, xin cúng một cái bậc cửa. Lúc đầu, ông từ một mực không chịu: đến khi thím sắp phát khóc lên, ông ta mới miễn cưỡng nhận lời. Cái bậc cửa làm mất mười hai quan tiền.

Đã lâu không chuyện trò với ai cả, vì câu chuyện thằng Mao người ta nghe đến chán tai rồi, nhưng từ hôm thím và u Liễu ngồi nói chuyện với nhau hình như tiếng phao đồn ra, nên nhiều người lại thích gợi cho thím nói. Cố nhiên đầu đề câu chuyện đổi khác, chỉ xoay cái sẹo trên trán thím.

Người này hỏi:

- Thím Lâm, tôi hỏi thím nhé! sao hồi đó thím lại bằng

lòng?

Người khác nhìn cái sẹo cà thím, phụ hoạ theo:

- Hừ? Có uổng không. Đập vỡ đầu mà cũng chẳng đi đến đâu cả!

Nghe giọng nói, thấy vẻ cười của họ, có lẽ thím cũng biết là họ đang chế giễu mình, cho nên thím cứ nhìn họ trừng trừng, không nói một câu. Về sau, mặc kệ họ nói gì thì nói thím cũng không ngoảnh đầu lại. Cả ngày thím cứ ngậm tăm âm thầm làm các việc: ra phố, quét nhà, rửa rau, vo gạo, mang trên trán cái sẹo mà mọi người cho là một vết nhơ.

Ở sắp đầy năm, thím mới xin thím Tư cho thím xin số tiền công dồn lại bao nhiêu nay, đem đổi được mười hai đồng bạc"chim ưng", rồi xin phép đi ra xóm Tây. Chỉ trong khoảng thời gian chưa ăn xong một bữa cơm, thím đã trở về, sắc mặt tươi tắn, con mắt cũng lanh lợi hẳn lên, vui vẻ nói với thím Tư rằng thím đã cúng một cái bậc cửa vào miếu Thành hoàng rồi.

Đến hôm giỗ tổ vào tiết đông chí, thím ta làm việc càng hăng. Thấy thím Tư sửa soạn mâm cỗ xong, rồi cùng với cậu Ngưu khiêng cái bàn ra để giữa nhà, thì thím thản nhiên đi lấy cốc chén và đũa.

Thím Tư hốt hoảng nói to:

- Thím để đấy thôi, thím Lâm!

Thím thụt tay lại như bị bỏng, mặt xám ngắt. Thím không đi lấy đôi đèn nến nữa, cứ đứng ngẩn ra đó. Đến khi chú Tư thắp hương, bảo thím đi chỗ khác, thím mới đi. Lần này thì thím thay đổi chóng quá. Hôm sau, chẳng những con

mắt thím sâu hoắm xuống, mà tinh thần lại càng tiều tụy. Thím đâm ra nhút nhát, sợ đêm tối, sợ bóng đen, bất cứ gặp ai, thậm chí gặp chú Tư, cũng cứ lấm la lấm lét như chuột nhắt ra khỏi hang giữa ban ngày. Hoặc có khi thím ngồi ngay ra chẳng khác gì pho tượng gỗ. Chưa đầy nửa năm, tóc thím đã bạc ra, thím không nhớ được cái gì cả, thậm chí quên cả việc đi vo gạo nữa.

- Thím Lâm làm thế nào mà lại như thế? Biết vậy hồi ấy chả giữ lại cho xong!

Thím Tư đôi lần đã thốt ra như thế trước mặt thím Tường Lâm, hình như có ý bảo cho thím biết mà liệu chừng.

Nhưng thím Tường Lâm vẫn cứ như thế, chẳng mong có thể lanh lợi được chút nào. Thế rồi, chú thím Tư định đuổi thím ra, bảo thím về với bà Vệ. Khi tôi còn ở Lỗ Trấn chú thím Tư chỉ mới nói như thế thôi, nhưng xem tình trạng thím bây giờ, thì biết sau đó họ đuổi thím đi thật. Còn như ra khỏi nhà chú thím Tư, thím Tường Lâm phải đi ăn xin liền, hay về nhà bà Vệ rồi sau mới phải đi ăn xin, thì điều đó tôi không được rõ.

Tiếng pháo nổ gần, kêu to quá làm tôi giật mình thức giấc. Nhìn thấy ngọn đèn dầu vàng khè, nhỏ bằng hạt đậu, rồi lại nghe tiếng pháo dày nổ lạch tạch, biết là chút Tư đang làm lễ cầu phúc và đã gần sang canh năm rồi. Tôi nằm mơ màng, nghe tiếng pháo văng vẳng ở đâu xa, liên hồi không ngớt, có cảm tưởng như có một đám mây dày đặc vang rộn tiếng pháo cùng với hoa tuyết phấp phới bay đang bao phủ lên cả cái thị trấn này. Giữa những tiếng ồn ào xung quanh,

tôi cảm thấy con người nhớn nhác ra mà cũng rất thoải mái. Bao nhiêu nỗi lo ngại từ sáng sớm đến chiều tối hôm qua bây giờ tiêu tan đi trong bầu không khí cầu phúc. Tôi có cảm tưởng như nhìn thấy trời đất quỷ thần sau khi về hâm hưởng rượu thịt, hương hoa, đều say mềm. bây giờ đây đang bước đi chếnh choáng giữa không trung và đang chuẩn bị đem lại cho tất cả những người ở Lỗ - Trấn một nguồn hạnh phúc vô cùng tận.

Ngày 7 tháng 2 năm 1924.

TRONG QUÁN RƯỢU*

Tôi từ miền Bắc đi về miền Đông-nam, nhân tiện ghé thăm quê nhà, nên mới qua thành S. Thành này cách quê tôi chừng ba mươi dặm đường, ngồi thuyền non nửa ngày là về tới nơi. Tôi đã từng dậy một năm trời trong trường học ở đây. Giữa mùa đông, tuyết lại vừa xuống nên phong cảnh thê lương lắm. Lòng đã bần thần, lại thêm nhớ cảnh cũ người xưa, nên tôi tạm dừng chân vào nghỉ ở khách sạn *Lạc Tư*. Khách sạn này trước kia chưa có. Thành vốn nhỏ, đi một lát đã đến khắp các nhà mấy người đồng sự ngày trước mà mình định gặp, nhưng chẳng gặp ai cả. Không biết họ tản mát đi đâu hết rồi. Đi qua trường học, trường học cũng đã đổi tên, mà quanh cảnh cũng đã khác xưa. Tôi cảm thấy lạc lõng đi. Không đến hai tiếng đồng hồ, tôi đã thấy không còn hứng thú nữa và hối hận mình cũng hay đa sự, nán ở lại làm gì.

Cái khách sạn tôi trọ chỉ cho thuê phòng, chứ không bán cái ăn. Cơm nước phải mua nơi khác đưa tới, nhưng chẳng ngon lành gì cả, nhai như nhai đất. Trước cửa sổ có một bức tường chắn ngang, loang nổ vết nước mưa, rêu bám vào đã khô héo. Nền trời màu chì, nhờ nhờ, hết sức u ám. Tuyết lại lác đác rơi. Bữa cơm trưa ăn không no, và lại không

---

* Truyện này đăng lần đầu tiên trên tờ *Tiểu thuyết nguyệt báo*, tháng 5 năm 1924.

có gì tiêu khiển, tất nhiên tôi nhớ đến cái quán rượu nhỏ ngày trước rất quen, tên là *Nhất Thạch Cư*, cách khách sạn kể cũng không bao xa. Thế là tôi khóa phòng lại, ra phố đi tìm. Thực ra chẳng phải vì thèm rượu, mà chỉ vì muốn tránh cái cảnh cô liêu nơi đất khách . Quán *Nhất Thạch Cư* vẫn còn đấy, mặt ngoài vẫn chật hẹp, ẩm thấp, tối tăm và tấm biển hỏng nát vẫn như xưa. Nhưng từ ông chủ cho đến người hầu sáng, chẳng quen ai hết. Trong quán *Nhất Thạch Cư* tôi hoàn toàn là một người khách xa lạ. Nhưng rồi tôi vẫn cứ bước lên cái thang gác quen thuộc ở góc nhà mà lên thẳng cái gác xép. Ở đây, vẫn y nguyên năm cái bàn nhỏ như trước, độc mỗi cái cửa sổ sau là có khác; trước kia song gỗ, nay thì đã lắp kính rồi.

- Cho một cân rượu Thiệu[1]. Còn thức nhắm thì cho mười khuông đậu rán. Tương ớt nhiều nhiều đấy nhé!

Tôi vừa dặn anh hầu sáng đang theo tôi nên gác, vừa đi lại phía cửa sổ sau, ngồi vào cái bàn kê ngay đấy. Gác vắng tanh vắng ngắt, tôi tha hồ chọn chỗ ngồi tốt nhất, có thể nhìn xuống mảnh vườn hoang phía dưới. Mảnh vườn này hình như không phải của quán *Nhất Thạch Cư*. Trước kia tôi cũng đã nhiều lần ngồi đây nhòm xuống, có lúc cũng gặp ngày tuyết như thế này. Nhưng bây giờ mắt tôi đã quen với cảnh trí miền Bắc, nên nhìn thấy lạ lắm. Tuyết xuống mà mấy gốc cây mai già, hoa vẫn nở đầy, mà hình như bất chấp cả ngày đông tháng giá. Cạnh cái đình đổ lát, có một cây sơn trà, giữa nền lá xanh sẫm, nổi bật lên mươi cánh hoa đỏ chói, xung quanh là tuyết trắng, nên trông đỏ như là những ngọn

---

[1] Rượu Thiệu tức rượu sản xuất ở Thiệu Hưng. Thiệu Hưng tức là thành S. nói trên và là quê Lỗ Tấn.

lửa. Nhìn hoa mà tưởng hoa như có vẻ phẫn nộ, ngạo mạn, khinh thị người du khách từ phương xa đến đây thưởng thức. Lúc ấy tôi mới sực nhớ ra rằng tuyết ở miền này ướt đẫm, rơi vào đâu là bám chặt vào đó, mà lại sáng long lanh như thủy tinh, khác hẳn với tuyết miền Bắc, khô như phấn bột sẵn nổi lên là cứ bay vù trời như khói tỏa.

- Thưa ông, rượu....

Người hầu sáng nói uể oải, rồi đặt chén, đũa, hồ rượu và bát đĩa xuống bàn. Tôi quay lại sắp đặt các thứ, rồi rót rượu ra. Nghĩ mình không phải quê miền Bắc, mà về miền Nam, thì cũng lại như một người khách thôi, nên dù tuyết ở miền Bắc khô và bay vũ như bụi phấn hay là tuyết miền Nam ướt đẫm và bám chặt vào cỏ cây, tôi cũng thấy đều chẳng có quan hệ gì với mình cả. Tôi hơi buồn nhưng lại uống một ngụm rượu rất khoái chí. Rượu rất ngon, đậu cũng rán thật khéo, chỉ tiếc món tương ướt không mùi mè gì, người thành S, vốn không thích ăn cay.

Có lẽ là vì đang lúc buổi chiều chăng, thành ra nói là quán rượu, nhưng lại chẳng có vẻ gì là quán rượu cả. Tôi đã cạn ba chén rồi, mà ngoài tôi ra, bốn chiếc bàn kia vẫn bỏ trống. Tôi nhìn xuống mảnh vườn hoang, dần dần cảm thấy cô đơn, nhưng lại muốn đừng có ai tới nữa. Thỉnh thoảng nghe tiếng bước chân lên thang gác là tự dưng tôi lại buồn, đến khi thấy là hai anh hầu sáng thì mới yên tâm. Thế là lại uống thêm hai chén nữa.

"Lần này chắc là khách!" tôi nghĩ bụng như thế, vì nghe tiếng bước chân khoan thai hơn bước chân anh hầu sáng. Xem chừng người đó đã lên hết thang gác thì tôi như có vẻ sợ sệt, ngừng đầu nhìn lên cái ông khách cũng đến đây

uống rượu như mình, chẳng liên quan gì tới mình cả. Nhưng tức thì, tôi hết sức ngạc nhiên, đứng dậy. Tôi không ngờ lại gặp được ở đây một người bạn, nếu quả anh ta bây giờ vẫn cho phép tôi gọi là bạn. Người vừa đi lên đó rõ ràng là bạn đồng song của tôi và cũng là bạn đồng nghiệp của tôi, hồi tôi còn là một nhà giáo. Diện mạo tuy có hơi đổi khác nhưng thấy là nhận ra ngay, chỉ có cử chỉ là chậm chạp vô cùng, thật chẳng giống chút nào với anh Lã Vĩ Phủ nhanh nhẹn, hoạt bát, ngày xưa cả.

- À, anh Vĩ Phủ! Anh đây à? Tôi thật không ngờ lại gặp anh ở đây!

- A, a! Anh? Tôi cũng không ngờ...

Tôi liền mời anh cùng ngồi. Anh có ngần ngừ một chút rồi mới ngồi xuống. Lúc đầu tôi rất lấy làm lạ, sau đó thì hơi buồn, không làm sao vui lên được. Nhìn kỹ thì thấy mái tóc, bộ râu của anh vẫn bờm xờm như hồi nọ, khuôn mặt vẫn dài dài và xanh xao, có điều gầy tóp đi. Trông anh có vẻ rất trầm tính, nói là tiều tụy thì đúng hơn. Dưới cặp lông mày vừa rậm vừa đen, mắt anh không còn gì là tinh nữa. Nhưng sau khi anh chậm rãi nhìn xung quanh, tôi nhìn thấy mảnh vườn hoang thì bất chợt tôi lại thấy mắt anh sáng hẳn lên như hồi còn đi học.

Tôi vui vẻ nói, nhưng không được tự nhiên lắm:

- Chúng ta xa nhau độ ấy, có đến mười năm rồi nhỉ? Tôi vẫn biết anh ở Tế Nam nhưng, quả thực lười lắm, chẳng thư từ gì cho anh cả.

- Tôi cũng thế. Nhưng bây giờ tôi lên Thái Nguyên rồi. Đã hơn hai năm nay. Ở với bà cụ tôi. Lần về đón bà cụ, thì

được tin anh đã dọn đi, không còn gì ở đây nữa.

Tôi hỏi:

- Thế, anh lên Thái Nguyên làm gì trên ấy?

- Gõ đầu trẻ, ở nhà một người đồng hương.

- Còn trước kia?

- Trước kia à?- Anh ta móc trong túi ra một điếu thuốc, châm lửa, ngậm vào miệng hút, rồi thì làn khói bay, nói một cách trầm tư- Cũng là những việc chẳng ra gì, coi như là không làm gì cả.

Anh ta hỏi tình cảnh tôi sau ngày từ biệt. Tôi vừa kể cho anh ta nghe qua loa, vừa bảo người hầu sáng mang chén, đũa ra, uống nốt chén rượu này rồi hãy lấy thêm hai cân nữa. Trong lúc đó thì gọi thêm thức nhắm. Trước kia, chúng tôi rất thật tình với nhau, nhưng bây giờ thì lại đâm ra khách khí lôi thôi, cuối cùng chẳng biết ai gọi và gọi món gì cả. Thành ra cứ để người hầu sáng kê ra mà chỉ định lấy bốn món, một đĩa đậu hồi hương, một đĩa thịt đông, một đĩa đậu phụ rán và một đĩa cá khô.

Anh ta cầm lấy điếu thuốc, tay bưng chén rượu, nhếch miệng tươi cười gượng, nói:

- Tôi vừa trở lại đây, sực nghĩ đến mình tôi mà buồn cười. Hồi còn bé nhìn thấy con ong hay con ruồi đang đậu, hễ có cái gì làm kinh động là bay vù đi: bay quành được một vòng bé tị, lại trở lại đậu vào chỗ cũ mình cho là buồn cười đáng thương hại. Không ngờ chính mình bây giờ cũng như chúng nó: vừa bay quanh được một vòng bé tị, đã bay trở về. Mà không ngờ anh cũng thế. Anh không thể bay xa hơn chút

nữa hay sao?

Tôi cũng nhếch miệng cười gượng, nói:

- Khó nói quá. Có lẽ cũng chỉ có thể bay quanh được một vòng nho nhỏ thôi. Nhưng anh thì vì sao mà bay trở lại?

- Cũng là một việc hết sức chán ngắt. Anh ta uống một hơi cạn chén, rít mấy khói thuốc, mắt hơi mở to- hết sức chán ngắt. Nhưng anh với tôi thì ta cứ nói.

Người hầu sáng đem thêm rượu, thức ăn lên bày một bàn đầy. Có khói thuốc lá và hơi khói dầu rán, gian gác như có vẻ rộn ràng lên, ngoài trời, tuyết cũng rơi càng dày đặc.

Anh ta nói tiếp:

- Chắc anh cũng biết tôi trước kia có một đứa em trai, chết lên ba, chôn quê ở đây. Nó hình dáng như thế nào tôi cũng không nhớ rõ. Nhưng nghe bà cụ tôi nói thì nó dễ thương lắm và rất mến tôi. Cho đến bây giờ mỗi lần bà cụ nhắc đến thì nước mắt lại cứ như muốn trào ra. Mùa xuân năm nay, một người anh họ gửi thư nói cho biết là nấm mộ của nó gần bờ sông bị nước xói lở, chẳng bao lâu nữa, e là không còn, phải liệu ngay từ bây giờ. Bà cụ được tin, sốt ruột lắm, cơ hồ mấy đêm liền không ngủ. Bà cụ cũng biết chữ, nên xem thư lấy. Nhưng tôi biết làm thế nào? Không có tiền, không có thì giờ, lúc đó tôi chẳng nghĩ ra cách gì cả.

Lẫn lữa đến nay, nhân dịp nghỉ tết rỗi rãi, tôi mới về đây được mà đời mộ cho nó - Anh ta lại uống một chén rượu nữa, nhìn ra ngoài cửa sổ rồi nói tiếp- Ở trên kia làm gì được thế này? Hoa nở trong tuyết, tuyết xuống mà hoa không bị giá...Thế là hôm kia, tôi mua một chiếc tiểu ở ngoài phố- vì

tôi đoán là chiếc quan tài chôn ở dưới đất đã mục đi rồi- đem theo bông và chăn nệm, thuê bốn người về làng dời mộ. Lúc đó, tôi bỗng thấy rất hứng thú, muốn đào ngay nấm mộ lên, muốn thấy ngay hài cốt của đứa em từng thương mến tôi. Những việc như thế đời tôi chưa từng trải qua bao giờ cả. Đến nghĩa địa, quả nhiên thấy con sông đã lở dần, cách nấm mộ không đầy hai mươi thước nữa. Tội nghiệp, hai năm nay không ai đắp điếm cho, bây giờ bằng xuống rồi. Tôi đứng giữa mưa tuyết, chỉ nấm mộ và bảo với mấy người làm thuê một cách cương quyết: "Đào lên". Tôi vốn là một người tầm thường, nhưng lúc này tôi cảm thấy giọng nói của tôi có vẻ khác thường. Cái mệnh lệnh đó của tôi cũnglà mệnh lệnh oai nhất trong đời tôi. Nhưng mấy người kia không cho là quái lạ, liền bắt tay đào. Chờ đào đến huyệt, tôi bước lại xem. Quả nhiên quan tài sắp mục hết rồi, chỉ còn lại một ít miếng gỗ và một đống vụn. Tim tôi đập mạnh. Tôi tự tay bốc lên, rất cẩn thận, cốt nhìn mặt đứa em cho được. Nhưng không ngờ chăn nệm, quần áo, xương cốt chẳng còn gì hết. Tôi nghĩ bụng, chắc là tiêu đi hết rồi chăng. Thường nghe nói tóc lâu tiêu nhất, cho nên ghi là còn tóc. Tôi cúi nhìn xuống vào đống bùn, chỗ mà cái gối kê đầu trước kia phải đặt đấy. Cũng không có. Thật chẳng còn gì nữa.

Tôi bỗng thấy mắt anh bạn tôi đỏ lên, nhưng biết ngay là vì hơi men. Anh ta không gắp thức nhắm mấy, chỉ uống liên tiếp, uống một hơi hết hơn cân rượu, rồi tinh thần, cử chỉ xem hoạt bát lên, gần giống được như anh Lã Vĩ Phủ tôi biết ngày trước. Tôi gọi người hầu sáng lấy thêm hai cân rượu nữa, rồi quay lại cầm chén trong tay, nhìn anh, im lặng nghe anh kể tiếp:

- Thật ra, như thế này thì bất tất phải dời làm gì? Đắp đất bằng lại, bán cái tiểu đi là song chuyện. Đem bán tiểu là hết sức kỳ, nhưng quý hồ giá thật rẻ thì cái cửa hàng bán cho tôi chắc cũng lấy lại thôi. Tối thiểu cũng vớt vát được ít tiền uống rượu. Nhưng tôi không làm thế, cứ trải chăn nệm ra, lấy bông bọc nắm bùn nơi em tôi đã nằm xuống, gói lại, bỏ vào chiếc tiểu mới, bảo khiêng về chỗ đặt ngôi mộ thầy tôi, chôn kề đấy. Vì còn phải xây lăng nữa, nên hôm qua còn bận hơn nửa ngày coi thợ làm. Nhưng như thế cũng cho là xong đi một việc, có thể nói dối, nói dá với bà cụ, cho bà cụ yên lòng. Ơ! Ơ! Anh nhìn gì tôi mà nhìn như thế? Chắc anh lấy làm lạ, so với ngày trước, tôi thay đổi quá nhiều, có phải không? Đúng thế đấy. Tôi còn nhớ những lúc chúng mình rủ nhau đến đền Thành hoàng nhổ râu các ông tướng ở đấy, rồi bàn hết ngày này sang ngày khác phương pháp cải cách nước Trung Quốc, hăng đến nỗi có thể đánh nhau được. Nhưng bây giờ thì tôi ra như thế này đấy. Cái gì cũng muốn qua loa cho xong chuyện thì thôi. Có lúc chính tôi cũng nghĩ rằng giá bạn bè ngày trước có gặp lại, e họ cũng không nhận mình là bạn bè nữa cũng nên... Nhưng bây giờ thì tôi ra như thế này đây- Anh ta lại móc ra một điếu thuốc nữa, ngậm vào miệng, châm hút- Nhìn anh thấy hình như anh cũng còn mong đợi ở tôi ít nhiều thì phải. Bây giờ tất nhiên tôi mụ mẫm đi nhiều rồi, nhưng cũng có đôi điều còn nhận ra được. Lòng tin tưởng của anh làm cho tôi rất cảm kích nhưng cũng làm cho tôi thấy áy náy. Tôi sợ rồi lại phụ lòng một người bạn cũ đến nay vẫn có ý tốt với mình....

Anh ta bỗng ngừng lại, rít mấy khói thuốc, mới lại thong thả nói:

- Chính ngày hôm nay, trước khi đến quán *Nhất Thạch Cư* này, tôi cũng vừa làm một chuyện hết sức chán ngắt, nhưng là chuyện tôi vui lòng làm. Trước kia, hồi còn ở đây tôi có một ông láng riềng ở phía đông là lão Trường Phú,làm nghề chở thuyền. Ông ta có một người con gái tên là cái Thuận. Hồi đó, anh đến tôi chơi, có lẽ cũng có gặp nhưng chắc không để ý bởi vì nó còn bé tí tẹo. Sau này, lớn lên cũng chẳng lấy gì làm nhan sắc, có điều mặt trái soan, hơi gầy, trông bình thường, nước da vàng vàng , chỉ được cặp mắt rất to, lông mi cũng rất dài, lòng trắng thì trong như nền trời một đêm quang tạnh, nhưng là trời quang tạnh ở miền Bắc khi không nổi gió cơ, chứ ở đây làm gì được trong như thế! Con bé đảm lắm. Mẹ chết lúc mười tuổi, một mình săn sóc hai đứa em dại, một gái, một trai lại phải hầu hạ ông bố nữa, nhưng rất chu đáo. Và cũng cần cơ, nên cảnh nhà dần dần khá lên. Láng giềng hàng xóm không ai là không tấm tắc khen, cả đến lão Trường Phú cũng phải nói lên những câu tỏ vẻ cảm động. Lần này trước khi tôi lên đường về đây bà cụ tôi sực nhớ đến con bé, các bà được cái nhớ dai. Bà cụ nói là có một lần cái Thuận thấy con nhà ai có một cái "nơ" nhung đỏ cài đầu, cũng muốn có một cái nhưng không làm sao có được. Thế là khóc, khóc non nửa đêm, ông bố đánh cho một trận, mắt sưng húp hai ba ngày. Thứ "nơ" nhung đó thì các tỉnh miền Bắc mới có, chứ ở thành S tìm đâu ra, tìm đâu ra; con bé muốn có thì có làm sao được! Nhân thể chuyến này tôi về Nam, bà cụ bảo tôi mua hai cái làm quà cho nó.

Việc này thì tôi thấy cũng chẳng phiền hà gì mà lại lấy làm thích nữa. Thật ra thì, vì cái Thuận mà có phải mệt nhọc tí chút, tôi cũng vui lòng. Năm trước, tôi về đón bà cụ lên; một hôm lão Trường Phú có ở nhà, tôi sang thăm, rồi chẳng

biết làm sao ngồi tán gẫu mãi. Lão ta mời tôi ăn điểm tâm, - ăn chè kiểu mạch - và bảo cho tôi biết là nấu với đường trắng. Anh tính làm nghề chở thuyền mà trong nhà có đường trắng ăn thì đủ biết quyết không phải là nghèo đâu nhé, cho nên lão ta mới ăn sang như vậy. Lão ta mời mãi: thành ra phải nhận lời, nhưng chỉ xin ăn một bát cơm thôi. Lão ta cũng là người thạo đời lắm, nên liền dặn cái Thuận: "Con à, các ông ấy người nhà nho nhã. Không ăn nhiều đâu. Con múc vào bát con và cho thêm thật nhiều đường vào!". Nhưng đến khi nấu xong, bưng lên, tôi nhìn thấy mà thất kinh. Một bát to tướng, tôi ăn một ngày e không hết. Có điều so với bát lão Trường Phú ăn thì bát của tôi đúng là một cái bát nhỏ. Bình sinh, tôi chưa hề ăn chè bột kiểu mạch bao giờ, lần này ăn thử, quả thật không ngon, mặc dù ngọt lắm. Tôi thong thả ăn mấy miếng, định thôi, bỗng vô tình, nhìn thấy cái Thuận đứng xa xa ở góc nhà, thì thôi không có cam đảm bỏ bát đũa xuống được nữa. Xem bộ điệu con bé, thấy nó vừa sợ vừa mong, chắc sợ là sợ nấu, không được khéo và mong là mong tôi ăn thấy ngon. Tôi nghĩ bụng, để lại già nửa bát bỏ đấy, nhất định nó sẽ buồn tủi lắm . Thế rồi tôi kiên quyết há to họng ra, đổ vào, ăn gần nhanh bằng lão Trường Phú. Do đó tôi mới biết cái khổ tâm phải ăn gượng. Nhớ lại chỉ có hồi còn bé phải uống hết bát thuốc giun khuấy với nước đường mới khổ tâm như thế mà thôi! Nhưng tôi vẫn không oán thán chút nào, bởi vì cái nụ cười sung sướng mà con bé cố dấu đi khi nó thu dọn mấy cái bát không, cũng đã thừa đủ để bù đắp lại nỗi khổ tâm của tôi rồi. Cho nên mặc dù hôm đó, tôi no kềnh, ngủ không ngon giấc, lại nằm mơ thấy những điều quái gở, tôi cứ cầu trúc cho con bé được hưởng hạnh phúc trọn đời và mong mỏi thế giới sẽ biến đổi cho con bé được sung

sướng hơn. Nhưng những ý nghĩ đó chẳng qua là dấu vết của những mộng cũ của tôi ngày trước mà thôi, chứ ngay lúc đó, tôi đã cười mình khéo hão huyền và tôi cũng bẵng quên đi mất.

Trước kia tôi chưa biết chuyện cái Thuận vì cái "nơ" nhung mà bị đòn, nay nhân bà cụ nói cho biết, thì cũng sực nhớ đến chuyện ăn chè bột kiểu mạch, rồi đâm ra vồn vã đi tìm mua "nơ" cho được. Tìm tất cả các hiệu ở Thái Nguyên, không đâu có. Mãi về đến Tế Nam....

Ngoài cửa sổ có tiếng ào ào. Tuyết dọng trên cành sơn trà cong oằn bỗng đổ xuống. Cành cây lại vươn thẳng lên để lộ những cụm lá đen thẫm bóng loáng và những bông hoa màu đỏ chói. Nền chì màu trời càng xẫm lại, chim kêu chíu chít. Có lẽ sắp tối rồi, mặt đất tuyết lại phủ dày, chúng kiếm không ra cái ăn, phải bay về tổ sớm hơn ngày thường. Anh ta nhìn ra cửa sổ một hồi, quay lại uống một chén rượu, lại rít mấy khói thuốc, rồi nói tiếp.

- Mãi về đến Tế Nam mới mua được "nơ" nhung này. Cũng không rõ con bé bị đòn có phải vì thứ "nơ" nhung này hay không, dù sao đây cũng là "nơ" nhung. Và cũng không còn rõ con bé thích màu đậm hay màu nhạt nữa, tôi bèn mua một cái màu đỏ thẫm và một cái màu hồng đem về đây.

Thế là trưa hôm nay, ăn cơm xong, tôi đến thăm lão Trường Phú. Chỉ vì chuyện ấy, tôi phải nán ná lại một ngày. Nhà lão vẫn còn ở chỗ cũ, nhưng trông có vẻ tiêu điều. Tôi nghĩ bụng đó chỉ là cảm tưởng riêng của mình mà thôi. Đứa con trai và cái Chiêu, đứa con gái thứ hai lão đứng ở cửa. Nhớn rồi. Cái Chiêu không giống con chị nó chút nào, xấu như ma lem, nhưng thấy tôi đi vào thì chạy tròn vào nhà mất.

Tôi hỏi thằng bé, biết là lão Trường Phú đi vắng " Chị nhớn em đâu?. Nó liền giương mắt nhìn tôi, vội hỏi tôi tìm có việc gì, lại có vẻ nhìn hầm hầm như muốn nhảy sổ tới, cắn một miếng. Tôi trả lời ấp úng rồi tháo lui, bởi vì bây giờ cái gì tôi cũng không muốn bỏ qua cho xong chuyện thì thôi.

Anh không biết chứ tôi ngại đến thăm hỏi người ta lắm, ngại hơn dạo trước nữa, bởi vì mình biết rõ mình đáng ghét lắm, chính mình cũng không thương được mình nữa, huống hồ ai. Đã biết thế rồi thì đến làm gì để cho người ta phải buồn trong lòng? Nhưng lần này bà cụ tôi dã dặn dò như thế, không lẽ không làm cho đến nơi đến chốn. Cho nên nghĩ lại, tôi lại đến cái cửa hàng bán củi ở xế cửa nhà lão Trường Phú. Bà cụ Phát, mẹ ông chủ hàng vẫn còn sống và còn nhận ra tôi, tôi mời vào ngồi chơi. Chào hỏi mấy câu xong, tôi nói rõ cho bà cụ biết tôi trở về đây và tìm lão Trường Phú để làm gì. Không ngờ bà cụ thở dài, nói:

- Thương cho cái Thuận bạc phước không được cái cái "nơ" nhung ấy rồi!

Thế thôi bà cụ kể tường tận cho tôi nghe nói rằng: "Từ mùa xuân năm ngoái, thấy con bé người cứ gầy héo đi, nước da cứ vàng ra, về sau bỗng thường thường ngồi đâu khóc đấy. Hỏi sao khóc. Có khi khóc suốt đêm, đến nỗi ông Phú cũng phải gắt lên, mắng là lớn rồi, chưa có chồng mà phát điên hay sao. Nhưng sang thu, con bé bị cảm, đầu thì cảm xoàng sau thì nằm xuống và từ đấy liệt giường, liệt chiếu. Mãi đến mấy ngày trước khi tắc thở con bé mới chịu nói với ông Phú rằng: Lâu nay thỉnh thoảng khạc ra máu, đêm đổ mồ hôi trộm, y như mẹ nó ngày trước, nhưng cứ dấu đi sợ ông ta lo. Có một đêm lão Trường Canh, bác con bé đến đòi mượn tiền-

lão này thường cũng đến đòi mượn tiền như thế nhiều lần rồi- con bé không cho mượn. Thì lão cười lạ, nói: "Mày đừng có lên mặt, chắc gì thằng chồng mày đã được như tao!". Con bé từ đạo ấy buồn lắm. Nhưng xấu hổ không dám hỏi ai chỉ cứ nằm khóc. Ông Phú vội vàng đem chuyện thằng chồng chưa cưới nói cho con bé nghe, nào là có đức tính này, đức tính nọ... Nhưng muộn rồi! Vả lại con bé cũng không tin, lại nói: "Bấy giờ con đã như thế này rồi gì thì gì cũng không thích nữa".

Bà cụ nói: "Giá như thằng chồng con bé quả không bằng lão Canh, thì cũng tởm thật. Không bằng anh trộm gà thì còn ra cái quái gì? Nhưng anh ta đến đưa đám con bé, con mắt tôi trông thấy, ăn mặc tươm tất lắm, trông con người cũng ra dáng đáo để.Nước mắt lưng tròng, anh ta còn kể lể nào là đi chống thuyền bao nhiêu năm nay, làm ăn cực khổ, thắt lưng buộc bụng, cốt dành dụm đồng tiền cưới vợ thì bỗng dưng vợ lăn đùng ra chết....Thì ra, anh ta cũng tốt đấy chứ, lão Canh toàn nói vu. Chỉ thương cho cái Thuận lại đi tìm những lời dèm pha của một thằng ăn trộm, để chết đi uổng cả đời. Nhưng mà điều đó cũng không thể trách ai được, trách là trách cái số con bé không ra gì".

Thế là thôi. Công việc của tôi thế là cũng cho xong đi. Nhưng cái 'nơ" nhung mang theo thì đem đi làm gì đây? Được rồi! Thì tôi nhờ bà cụ đưa lại cho cái Chiêu vậy. Cái Chiêu này vừa thấy mặt tôi là chạy mất tang, có lẽ tôi là một con chó sói hay sao ấy, nên trong bụng tôi cũng không muốn cho. Nhưng rồi tôi cũng cứ cho và cứ về thưa với bà cụ rằng cái Thuận thấy "nơ" nhung mừng đáo để. Thế là được việc. Nhưng cái chuyện chán ngắt như thế thì kể gì? Chỉ cần qua

loa cho xong thôi. Tết cũng ăn qua loa. Và cứ "Tử viết Thi vân" mà gõ đầu trẻ.

Tôi thấy làm ngạc nhiên, hỏi:

- Thế nào? Anh dạy "Tử viết Thi vân"à?

- Tất nhiên . Anh vẫn tưởng tôi dạy ABCD hay sao? Lúc đầu tôi, tôi có hai đứa học trò, một đứa học *Kinh thi*, một đứa học *Mạnh tử*. Mới rồi, thêm một đứa nữa, con gái, học *Nữ nhi kinh*. Đến môn toán mà cũng không dạy; không phải là tôi không muốn dạy, mà bố mẹ chúng nó không muốn tôi dạy.

- Thật không ngờ anh mà lại đi dạy những thứ sách ấy?

- Bố mẹ chúng nó muốn chúng nó học những thứ ấy. Tôi chỉ là người ngoài; dạy gì mà chẳng được. Những chuyện chán ngắt như thế kể làm gì? Miễn thế nào xong thôi.

Anh mặt đỏ gay, hình như có ý say và con mắt lại lờ đờ như trước. Tôi khẽ thở dài, một lúc lâu, không tìm câu gì để nói. Có tiếng chân bước lên thang gác sầm sập. Mấy ông khách kéo nhau lên. Người bước lên trước là một anh chàng lùn tịt, khuôn mặt tròn xoe và bầu bệu, rồi đến một anh chàng cao lông ngông, cái mũi đỏ lòm trông rất chướng. Theo sau, còn có nhiều người nữa, bước dồn dập rung chuyển cả gian gác. Tôi đưa mắt nhìn Lã Vĩ Phù. Anh ta cũng đưa mắt nhìn tôi. Tôi liền gọi anh hầu sáng đến tính tiền.

Tôi vừa sửa soạn đi ra, vừa hỏi:

- Anh ta dạy học như thế, đủ sống chứ?

- Vâng mỗi tháng kiếm được hai chục đồng, cũng chẳng lấy gì làm đủ.

- Thế thì, anh có định sau này làm gì không?

- Sau này à? Chẳng ai biết nữa. Anh xem, những việc dạo đó chúng ta định làm, hỏi có việc nào được vừa ý? Tôi bây giờ không biết một cái gì hết, ngày mai đây làm gì cũng không biết, phút sắp đến cũng thế...

Anh hầu sáng đem đơn tính tiền lên đưa cho tôi. Anh bạn tôi cũng không có vẻ khách khí như lúc mới vào nữa. Anh chỉ đưa mắt nhìn tôi một cái, rồi cứ hút thuốc để mặc tôi trả tiền.

Chúng tôi cùng đi ra. Khách sạn của anh ta trọ và khách sạn của tôi trọ, ở cái nẻo nhau, nên ra đến cửa là chia tay. Tôi đi về khách sạn một mình. Gió lạnh và tuyết cứ phả vào mặt, nhưng lại thấy trong người rất dễ chịu. Nhìn thấy trời đã nhá nhem tối và nhà cửa, đường phố đều như nằm trong một màng lưới tuyết dày đặc, trắng xoá và luôn luôn di động.

Ngày 6 tháng 2 năm 1924

CÂY TRƯỜNG MINH ĐÀNG*

Một buổi chiều mùa xuân u ám. Thế mà không khí trong cái quán trà độc nhất của cái thôn Cái Quang này có vẻ ồn ào khác ngày thường. Ai cũng còn nghe phảng phất bên tai cái câu nói giọng trầm trầm khe khẽ đó:

- Thôi cho tất quách đi thôi !

Nhưng tất nhiên, không phải ai trong thôn này cũng đều nghĩ như thế cả. Dân ở đây ít đi ra ngoài, động có muốn đi đâu thì giở hoàng lịch[1] ra xem, xem trong cái đó người ta có ghi câu " bất nghi xuất hành " không cái đã, nếu không ghi mới đi, mà đi cũng phải đi theo cái hướng "hỉ thần ". Để gặp được" cát lợi". Mấy người bạt tử, không kiêng kị gì cả, đang ngồi trong quán chẳng qua là mấy anh thanh niên tự cho là khoáng đạt, nhưng theo ý những người thường chỉ co ro trong xó bếp thì bọn họ chỉ là những đứa con hư hỏng.

Bây giờ cũng không phải là không có chuyện gì mà quán trà lại ồn ào như thế.

Một anh mặt lưỡi cày, bưng chén trà lên, hỏi :

- Vẫn cứ thế à ?

---

* Truyện này đăng lần đầu có kể trên tờ *Quốc dân nhật báo Bắc Kinh* vào tháng 3 năm 1925. Hiện chưa tìm ra tờ báo nào chưa xác định được.

[1] Lịch Trung Quốc ngày trước in trên giấy màu vàng nên gọi là hoàng lịch. Trong lịch thường có ghi những câu như " kỵ xuất hành", "nghi tế tự", chỉ rõ ngày nào không nên xuất hành, ngày nào nên cúng tế.

Anh đầu vuông nói :

- Nghe nói vẫn cứ thế, vẫn cứ luôn miệng nói : "thổi cho tắt quách đi. Thổi cho tắt quách đi". Con mắt thì lại càng sáng quắc lên. Ghê quá! Thật là thôn ta mắc một cái vạ. Anh không nên xem thường. Chúng ta tìm cách khử nó đi.

- Khử đi thì khó khăn gì. Chẳng qua hắn ta chỉ là..... Thật không là người nữa ! Hồi xây đền, cha ông hắn ta cũng góp cũng có quyền góp nhiều, thế mà bây giờ hắn đòi thổi tắt cây trường minh đăng đi ! Không phải đứa con bất hiếu là gì? Chúng ta cứ trói giải lên trình huyện, bảo hắn ta là một thằng ngỗ nghịch....

Anh ta trán rộng nắm tay lại, đập bàn, nói giọng khẳng khái. Cái nắp chén trà, đặt không ngay ngắn, rơi một cái bịch suống bàn.

Anh đầu vuông nói:

- Không xong. Bảo là ngỗ nghịch trói lên huyện thì phải là cha hay là cậu hắn mới được....

Anh trán rộng liền xìu đi:

- Tiếc là bây giờ hắn chỉ có mỗi ông bác... Anh đầu vuông nói rõ to : -

- Anh trán rộng này ! Canh bạc hôm qua có khá đông đấy ?

Anh trán rộng giương cặp mắt nhìn anh đầu vuông một chặp, chưa trả lời thì Trang Thất Quang mặt béo đã rán cổ lên nói :

- Thổi tắt cây đèn đi thì cái thôn Cát Quang nhà ta còn

phải là thôn Cát Quang nữa đâu? Như thế không phải sẽ đi đời à ? Các ông già bà lão chẳng nói là gì : Cây đèn ấy chẳng là do vua Lương Võ Đế thắp lên đấy, cứ thế truyền lại đời nay, chưa bao giờ tắt. Cái hồi loạn Trường Mao[1] cũng không tắt. Anh nhìn xem. Chặc ! Không phải là cái ngọn đèn nó cứ xanh lè lè đi đó à ? Ai đi qua cũng muốn nhìn một tí và tấm tắc khen. Chặc ! Đẹp thật ! Bây giờ nó phá hoẳng đi như thế là nghĩa thế nào ?

Anh đầu vuông nói có vẻ khinh bỉ:

- Không phải là hắn ta điên à ? Anh còn không biết sao?

Trang Thất Quang đổ mồ hôi hột :

- Hừ !.... Thì anh biết !

Thím Năm Khôi, chủ nhân cái quán trà này đồng thời cũng là người hầu hạ trong quán, nãy giờ chỉ đứng nghe, thấy mấy người kia nói không ăn nhập với việc bà đang chú ý, liền vội nói xen vào để lái sang câu chuyện chính:

- Tôi cho rằng cứ dùng cái mưu ngày trước mà lừa hắn ta thì mới được!

Trang Thất Quang ngạc nhiên hỏi :

- Cái mưu nào ngày trước?

- Chẳng phải là trước kia hắn ta cũng phát điên một lần rồi à? Y như bấy giờ. Hồi đó, ông bố hắn còn sống, lập mưu lừa hắn, mới trị khỏi bệnh đó chứ !

Trang Thất Quang càng ngạc nhiên hỏi:

---

[1] Loạn Trường Mao chỉ cuộc khởi nghĩa Thái Bình thiên quốc.

- Lừa thế nào ? Sao tôi lại không biết nhỉ ?

- Anh làm thế nào mà biết được ! Hồi đó anh còn bé tí tẹo, chỉ biết ngậm vú mẹ, chứ biết gì ? Còn tôi, thì lúc bấy giờ đã nhớn. Hai bàn tay hồi ấy còn cứ là trắng nõn...

Anh đầu vuông nói :

- Thì bây giờ vẫn còn trắng nà trắng nõn đấy chứ !

- Đồ phải gió !- Thím Năm trợn mắt, cười - Đừng có nói lếu láo ! Nói chuyện cho đứng đắn. Hồi đó hắn còn trẻ. Ông bố hắn hơi có máu điên. Nghe nói : một hôm ông nội hắn dắt hắn vào đền, bắt lạy thần thổ địa, thần ôn dịch, ông Vương Linh Quan[1]. Hắn sợ quá, nhất định không chịu lạy, bỏ chạy, từ đó sinh ra dở người. Về sau thì cứ như bây giờ, hễ gặp ai thì cũng bàn thổi tất cây mình đăng ở chính điện. Hắn nói: tất đi thì có hoàng trùng, bệnh tật nữa, ra vẻ là một chuyện đứng đắn lắm. Có lẽ bị ma ám nên mới sợ đường ngay lẽ thẳng chứ? Còn như chúng ta, ai mà sợ thổ thần ? Trà đã nguội chưa ? Cho thêm vào ít nước sôi ! Được rồi ! Sau hau cứ sông vào đền cho được, đòi thổi cho tất đi. Ông bố hắn thương con quá, không chịu bắt bỏ vào trong phòng mà nhốt lại. A, sau không phải là toàn thôn người ta điên tiết lên, người ta đến làm ầy rà với ông bố hắn. Nhưng không có cách gì. May mà ông nhà tôi[2] hồi đó còn sống, nghĩ ra được mot cách: lấy một cái chăn bông dày, che kín cây trường minh đăng lại, tối om om, rồi bảo hắn vào xem, nói là đã

---

[1] Vương Linh quan theo truyền là một vị thiên tướng, được phong là thần trấn Sơn Môn.

[2] Chỉ chồng bà chủ quán.

thổi đi rồi.

Anh mặt lưỡi cày thở dài, phục lăn, nói:

- Hì, hì! May mà có ông nhà bà nghĩ ra được cách đó nhỉ!

- Việc gì mà phải làm như thế! - Anh trán rộng giận dữ nói - Cái thứ người như thế, cứ đánh cho chết đi là xong chuyện. Hừ!

Thím Năm thất kinh nhìn anh trán rộng, khua tay liên tiếp, nói:

- Làm thế nào được? Ông nội hắn ta ngày trước cũng ra cầm triện[1] rồi đấy nhé !

Bọn "trán rộng" nhìn nhau, cảm thấy ngoài cách hay ho của "ông nhà tôi" ra, quả thật không còn thể nghĩ ra cách nào nữa.

Thím Năm lại đưa sống tay chùi nước miếng ở mép, nói càng nhanh:

- Rồi sau thì lành đấy! Lành hẳn. Từ đó hắn cũng không vào đền nữa, mà cũng không nhắc đến chuyện đó nữa. Như thế bao nhiêu năm. Không hiểu thế nào mà lần này, sau cái hôm tế thần xong được mấy ngày, lại phát điên lại. Ừ, y như trước kia. Lúc quá trưa, hắn đi ngang qua đấy, nhất định là lại đến đằng đền thôi! Các anh đến bàn với cụ Tứ xem, lập mưu lừa hắn là hay hơn cả. Cây đèn đó chẳng phải là vua Lương Ngũ Đế[2] thắp lên là gì! Không phải người ta nói rằng

---

[1] Ý nói làm quan.

[2] Đáng lẽ phải nói là Lương Võ Đế. Thím Năm dốt nên nói lạc ra là Lương Ngũ Đế.

nó mà tắt đi một cái thì chỗ này sẽ sụt xuống thành biển, mà chúng ta thì thành cá[1] hết. Các anh đi đến ngay đằng nhà cụ Tứ mà bàn thử xem, bằng không thì...

Anh đầu vuông nói:

- Chúng ta hãng đến đằng đền xem sao đã.

Rồi hiên ngang đi ra.

Anh trán rộng và anh Trang Thất Quang cũng đi theo. Anh mặt lưỡi cày đi sau cùng, gần đến cửa thì quay lại, nói:

- Lần này cho tôi chịu đã nhé!.... Con mẹ nó! Thím Năm ừ ừ, rồi đi về phía bức tường phía Đông lấy một hòn than, vẽ lên tường một cái hình tam giác nhỏ và gạch một dẫy gạch ngắn ngắn, nho nhỏ ở phí dưới và vẽ thêm hai đường dài nữa[2].

Khi bọn này đi gần đến đền thì quả nhiên thấy có mấy người đã đứng đấy rồi: hắn ta là một, và hai người khác đứng xem, cùng ba đứa trẻ con.

Nhưng cửa đền vẫn đóng chặt.

Anh trán rộng mừng rỡ nói:

- May, cửa đền còn đóng!

Bọn họ đến, thì mấy đứa trẻ con hình như mạnh dạn hơn, sấn lên, vây xung quanh người điên. Hắn ta nãy giờ đứng ngoảnh mặt vào cửa đền, bỗng quay lại nhìn bọn họ.

---

[1] Nguyên văn là "nê thu" (Misgurus anguillican datus), một loại cá mình dài như lươn, thường ở dưới bùn.

[2] Một cách ghi số nợ của thím Năm Khôi.

Trông hắn ta vẫn như mọi hôm: mặt vuông vàng khe, cái áo dài xanh rách tươm, chỉ có hai con mắt to và dài, dưới cặp lông mày rậm, ánh lên hơi khang khác, nhìn ai cứ nhìn chằm chặp, không chớp, mà lại có vẻ đau xót, giận dữ, nghi ngờ, sợ hãi. Trên mớ tóc cắt ngắn, thấy có hai lá lúa, chắc là bọn trẻ con nghịch ngợm lén bỏ lên lúc nào, bởi vì thấy hắn cứ nhìn lên đầu hắn ta, rụt cổ lại rồi thè lưỡi ra rất nhanh mà cười.

Bọn họ đứng lại, nhìn nhau. Cuối cùng, anh mặt lưỡi cày sấn lại, hỏi

- Ông làm gì thế?

Hắn ta trả lời khe khẽ, giọng ôn hòa:

- Tôi đứng gọi lão đen mở cửa vì phải tắt cây đèn ấy đi.

Anh xem: cái ông mặt xanh ba đầu sáu tay, cái ông ba mắt, cái ông mũ cao, cái ông nửa đầu, cái ông đầu trâu răng lợn... phải thổi tắt đi! Thổi tắt đi thì không còn hoàng trùng nữa, không còn dịch miêng lợn nữa.

Anh trán rộng cười khinh bỉ, bước tới:

- Hì hì, chỉ động ngộ động đại. Ông mà thổi tắt đi thì hoàng trùng lại càng nhiều, và không khéo ông lại mắc bệnh dịch miệng lợn cho mà xem!

Trang Thất Quang cũng cười hùa theo:

- Hì! Hì!

Một đứa bé ở trần giơ cái cây sậy cầm chơi ở tay, nham vào người hắn ta như để bắn, rồi hé cái miệng nho nhỏ như một bông hoa anh đào, nói:

- Pằng!

Anh trán rộng nói to:

- Ông nên về nhà đi ông ạ! Ông không về thì ông bác ông sẽ ra đánh cho ông gẫy xương! Còn đèn thì để đấy, tôi thổi giùm ông. Vài hôm nữa ông lại đây sẽ thấy.

Hai con mắt hắn ta chớm chớp, nhìn xoáy vào mắt ông trán rộng, làm cho anh ta phải nhìn đi chỗ khác. Hắn ta mỉm cười, có vẻ mỉa mai:

- Anh thổi à?

Và quả quyết nói tiếp:

- Không thể được. Không cần các anh thổi tắt. Để tôi thổi lấy tắt ngay bây giờ.

Anh trán rộng xìu đi và người nhủn ra như sau khi tính rượu. Anh đầu vuông đã lại bước lên, thong thả nói:

- Ông xưa nay là người biết điều cơ mà, sao bây giờ lại quẩn đi như thế này! Để tôi nói cho ông vỡ nhẽ, chắc ông sẽ hiểu ra. Giả thử ông thổi tắt cây đèn đó đi thì những ông tướng kia vẫn còn kia mà! Đừng có dại dột! Thôi đi về nhà đánh một giấc cho khoẻ!

Hắn ta bỗng cười gằn lên, nhưng nghiêm sắc mặt lại ngay, nói giọng chầm chậm:

- Tôi biết. Dù có thổi cho tắt đèn đi, những cái kia vẫn còn. Bây giờ tạm thời chỉ có cách là cứ thổi cho tắt đèn đi đã. Làm như thế trước dễ hơn. Tôi phải thổi cho tắt đi. Và tôi phải tự thổi lấy.

Vừa nói, hắn ta vừa quay lại, ra sức đẩy mạnh cánh cửa đền. Anh trán rộng nổi nóng:

- Ô hay! Ông không phải là người thôn này hay sao? Ông nhất định muốn cho người thôn này biến thành cá cả hay sao? Thôi, về đi thôi! Ông có đẩy cũng không mở được. Và ông cũng không có cách nào mở được đâu! Và thổi cũng không tắt cơ mà! Ông về nhà đi là hơn.

- Tôi không về. Tôi phải thổi cho tắt đi!

- Không được. Ông không có cách nào mở được cửa đâu mà!

-...

- Ông không có cách nào mở được cửa đâu mà!

Hắn ta quay lại nhìn bọn họ, nói trầm tĩnh:

- Thế thì sẽ liều cách khác.

- Ừ... để xem ông làm thế nào?

-....

- Để xem ông làm thế nào?

- Tôi cho một mồi lửa!

Anh trán rộng nghi là tai mình nghe không rõ:

- Sao?

- Cho một mồi lửa.

Im lặng như sau khi đánh một tiền ttiếng khánh trong trèo, chỉ còn lại cái dư âm ngân vang. Xung quanh, cảnh sống như ngưng đọng lại trong cái không khí ảm trầm đó. Nhưng một lát, có mấy người thì thầm với nhau, một lát nữa, họ lùi ra. Hai ba người đứng xa xa nhìn. Bỗng có tiếng Trang Thất Quang đứng sau bức tường ở cổng sau đền gọi to:

- Lão đen à? Nguy to rồi! Ông đóng cửa đền cho chặt nhé! Ông có nghe rõ không? Đóng cho thật chặt vào! Chúng tôi đi tìm cách đối phó rồi sẽ quay lại ngay!

Nhưng hắn ta hình như không để ý đến cái gì khác, chỉ chớp chớp mắt, điên cuồng, vội vàng tìm trên đất, tìm trên không, tìm trong người hắn ta, hình như tìm lửa.

Anh đầu vuông và anh trán rộng đến nhà này rồi lại đến nhà kia như con thoi, cả thôn Cát Quang bỗng náo động lên. Trong tai, trong óc người nào người nấy còn vang lên câu nói hãi hùng: "Cho một mồi lửa!" Tất nhiên trong tai trong óc của số người xưa nay chỉ cúm rúm ở nhà, thì không có gì vang lên cả. Nhưng mà không khí toàn thôn chuyện này nghiêm trọng, thì không thể nào yên tâm được. Hình như họ sắp phải biến thành cá, và từ đây thiên hạ sẽ bị tiêu diệt. Đành rằng họ cũng biết lờ mờ rằng chẳng qua chỉ cái thôn Cát Quang bị tiêu diệt mà thôi, nhưng họ cũng cảm thấy thôn Cát Quang tức là cả thiên hạ rồi!

Không bao lâu, phòng khách cụ Tứ trở thành nơi người tụ tập lại để bàn về câu chuyện này. Ngồi phía trên là cụ Quách, tuổi cao, đức trọng. Mặt cụ ta đã nhăn nheo như một quả chanh héo. Cụ ta cứ đưa tay vuốt mãi chòm râu bạc ở má, như cầm nhổ đi. Rồi cụ bỏ tay ra, nói thong thả:

- Lúc sáng, ông Phú ở xóm Tây trúng phong. Người con ông ta nói là vì động thổ thần. Như thế này thì rồi đây, vạn nhất xảy ra điều gì, thí dụ gà, chó nhà ai giở quẻ, thì họ không khỏi đến nhà cụ đây, phải đến nhà cụ đây mè nheo. Phiền lắm!

Cụ Tứ cũng vuốt bộ râu cá trê hoa râm trên mép, nhưng

và bình thản, như không để tâm gì đến chuyện đó , nói:

- Đúng thế đấy. Đó là bố nó bảo đấy! Lúc chú ấy còn sống, không phải là chú ấy cũng chẳng tin gì thần phật cả ư? Hồi đó, tôi với chú ấy cứ rầy rà với nhau mãi, nhưng không làm sao cho chú ấy thay đổi được. Bây giờ bảo tôi còn có cách gì?

- Theo tôi thì chỉ còn một cách. Phải, còn có một cách. Ngày mai cụ bắt hắn ta trói lại đưa lên thành, bỏ vào cái đền Thành Hoàng ở đấy, giam một đêm, phải giam một đêm đuổi cái con ma ám vào người hắn ta.

Anh đầu vuông và anh trán rộng lấy tư cách là người có công bảo vệ cho toàn thôn, không những được vào lần đầu tiên trong cái phòng khách này của cụ Tứ, mà ngày thường thì không dễ gì vào chiêm ngưỡng được; họ lại còn được ngồi vắt mảy dưới cụ Quách và trên cụ Tứ nữa, rồi lại còn được uống trà. Họ theo cụ Quách vào đâu, và kể xong đầu đuôi câu chuyện, thì chỉ ngồi uống trà, uống hết trà cũng cứ ngồi im, không nói gì nữa. Nhưng lúc này, anh trán rộng bỗng lại trình bày ý của y:

- Bẩm, làm như thế sợ chậm quá. Hiện có hai người đang theo riết ông ta ngoài ấy. Cần nhất là phải có cách gì gấp gáp ngay bây giờ đây. Nếu quả thật mà ông ta châm lửa vào thì...

Cụ Quách nhảy nhót lên, cằm run run.

Anh đầu vuông cướp lời:

- Nếu quả thật châm lửa vào thì...

Anh trán rộng nói to

- Thì...hỏng hết!

Một đứa ở gái, tóc vàng khè, đi lên pha trà. Anh trán rộng không nói nữa, liền rót uống. Anh ta rùng mình một cái, bỏ chén xuống, thè lưỡi ra liếm mép, mở nắp chén, thổi phù phù...

Cụ Tứ giơ tay đập khe khẽ xuống bàn một cái, nói:

- Thật là làm liên lụy đến người ta! Thứ người gì mà lại như thế! Đáng kiếp! Hì!...

Anh trán rộng ngửng đầu lên:

- Vâng, đúng thế đấy ạ! Đáng kiếp lắm! Năm ngoái bên thôn Liên Các, họ cũng đánh chết một người như thế đấy ạ! Người ta bàn định với nhau là sẽ hùa vào đánh một lúc. Thế là họ cũng đánh một lúc, không thể biết ai là người đánh trước, cho nên sau chẳng việc gì hết!

Anh đầu vuông nói:

- Nhưng đó lại là một chuyện. Bây giờ họ đang theo riết ông ta ngoài ấy. Ta phải tìm ngay cách gì đây mà đối phó... Con cho rằng...

Cụ Quách và cụ Tứ nghiêm nghị nhìn vào mặt y.

- Con cho rằng không gì bằng hãy tạm nhốt ông ta lại cái đã.

Cụ Tứ khe khẽ gật đầu:

- Cũng là một cách hay đấy!

Anh trán rộng nói:

- Hay đấy!

Cụ Quách nói:

- Ừ...cũng là một cách...hay đấy. Bây giờ, chúng ta ...bắt hắn Về nhà cụ đây...Rồi cụ đây...tìm ngay...một cái phòng nào...Phải còn chuẩn bị... khoá lại...

Cụ Tứ ngẩng mặt lên, suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Phòng à?...Nhà này chẳng có gian phòng nào như thế cả... vả lại biết khi nào nó mới khỏi?

Cụ Quách nói:

- Thì cứ dùng... cái gian phòng của hắn ta.

Cụ Tứ bỗng nghiêm nghị nói có vẻ bi ai, giọng hơi run run:

- Nhưng thằng Lục Thuận nhà tôi sang thu này lại cưới vợ mới chết chứ!...Cụ xem! Nó tuổi nhiều như thế, mà cứ điên hoài, không chịu lấy vợ lấy con cho. Chú ấy đã qua đời rồi, tuy cũng không được an phận cho lắm, nhưng mà hương khói thì không thể nào để cho tắt đi được.

Cả ba người cùng nói một lúc:

- Cái đó tất nhiên!

- Thằng Lục Thuận sinh con đẻ cái ra thì đứa con thứ hai, tôi có thể để cho nó thừa tự. Nhưng mà...không phải con nó đẻ ra... có thể nào thừa tự mà không được cái gì cả hay sao?

Cả ba người cùng nói một lúc:

- Cái đó không thể được!

- Cái gian phòng nát ấy không liên quan gì đến tôi cả. Thang Lục Thuận cũng không hề để ý đến. Nhưng mà con dứt ruột đẻ ra, bắt đi thừa tự người khác thì răng mẹ nó không thể để cho dễ dàng như thế được.

Cả ba người cùng nói một lúc:

- Tất nhiên là như thế!

Cụ Tứ trầm ngâm. Ba người kia nhìn nhau.

Trầm ngâm một hồi, cụ Tứ mới thong thả nói:

- Tôi ngày ngày mong sao cho nó lành đi. Nhưng nó vẫn không lành cho. Cũng không phải là bệnh không lành, mà chính nó lại không muốn lành bệnh. Không biết làm thế nào, thì phải như anh kia nói, là đem nhốt lại, khỏi hại đến người khác. Có làm cho chú ấy xấu mặt thì có lẽ nó mới lành được và như thế mới phải với chú ấy.

Anh trán rộng cảm động nói

- Vâng tất nhiên là như thế. Nhưng mà gian phòng...

Cụ Tứ hết sức thư thả hỏi:

- Ở dằng đền có cái phòng nào không nhỉ?

Anh trán rộng sực nhớ ra nói:

- Bẩm có, có đấy ạ! Ở cửa đi vào, về phía tây, có một gian phòng bỏ trống, lại chỉ có một cái cửa sổ vuông nho nhỏ, có song gỗ chắn ngang, không thể nào bẻ gẫy được. Rất tốt.

Cụ Quách và anh đầu vuông bỗng mừng rỡ, anh trán rộng thở dài một cái, nhọn miệng uống trà.

Chưa chập tối, thiên hạ đã thái bình. Có lẽ họ đã lãng quên đi rồi cũng nên. Không những mặt ai cũng không còn thấy vẻ lo lắng nữa mà đến vẻ vui mừng trước cũng biến đâu mất. Trước đền, tất nhiên dấu chân người ta cũng nhiều hơn bình thường. Nhưng rồi không bao lâu nữa cũng lại thưa thớt dần. Bởi vì cửa đền đóng lại mấy ngày, bọn trẻ con không vào chơi được nữa. Chúng nó cảm thấy bây giờ có vào sân đền chơi được mới thú, cho nên ăn cơm chiều xong, có mấy đứa chạy đến đấy chơi, ra câu đố cho nhau đoán.

Đứa lớn nhất nói:

- Mày đoán nhé! Tao nói lại một lần nữa:

Mái chèo đỏ thắm

Mui thuyền trắng phau

Chèo sang cho mau

Nhảy lên nằm nghỉ

Nghỉ được một tí

Lại tìm cái ăn

Ăn xong thì hát...

Một em gái nói:

- Thế là cái gì? Cái gì mà lại "Mái chèo đỏ thắm!"

- Tao đoán ra rồi. Đó là...

Cu Seo nói:

- Hượm ! Để tao đoán: Chiếc đò ngang phải không?

Một em ở trần cũng nói:

- Đò ngang đúng rồi!

Em lớn nhất nói:

- Ha! Đò ngang à? Đò ngang thì chống bằng sào chứ? Với lại đò ngang mà biết hát à? Chúng bay đoán sai cả. Tao nói nhé!

Cu Sẹo nói:

- Hẵng thong thả đã.

- Hừ! Mày đoán không ra đâu. Để tao nói cho mà nghe. Đó là con ngỗng.

Em gái nói:

- Ừ, con ngỗng. Con ngỗng mới có cái chèo đỏ thắm chứ!

Em ở trần hỏi:

– Thế sao lại nói "mui trắng"?

- Tao châm lửa đốt sạch!

Bầy trẻ thất kinh sực nhớ ra. Chúng nó nhìn sang gian phòng phía Tây, thấy ông điên, một tay cầm lấy chấn song gỗ ở cửa, một tay bóc vỏ ở ngoài, hai con mắt ông ta chớp chớp, sáng loáng.

Im lặng một lúc, cu Sẹo bỗng thét lên ù té chạy. Mấy đứa kia vừa cười vừa thét, cũng chạy nốt. Em ở trần còn giơ cái ống sậy lên về phía sau, nhằm vào người ông điên, rồi cái miệng chúm chím như một bông hoa anh đào, vừa thở hổn hển, vừa hô lên một tiếng giòn tan:

- Pằng!

Sau đó im lặng hẳn. trời cũng tối dần. Ngọn lửa xanh lè của cây trường minh đăng càng sáng, chiếu khắp điện thần, long ngai, chiếu cả ra sân, chiếu đến cái cửa sổ song gỗ tối om.

Bọn trẻ chạy ra khỏi đền thì đứng dừng lại, tay cầm tay thong thả về nhà. Chúng nó vừa cười khì khì, vừa đồng thanh hát cái câu đó lúc nãy theo nhịp điệu chúng nó đặt ra:

Mui thuyền trắng phau
Đến nơi thì nghỉ
Thổi tắt đi thôi
Để tôi thổi tắt
Hát một câu tuồng
Ta châm lửa đốt!
Ha! Ha! Ha!
Lửa, lửa, lửa
Ăn chút điểm tâm
Hát một câu tuồng

.....
.....
.....

Ngày 1 tháng 3 năm 1925

CAO PHU TỬ

Hôm đó, từ sáng sớm đến xế chiều, ông ta mất cả thì giờ vào việc xem cuốn *Trung Quốc lịch sử giáo khoa thư* và cuốn *Viên Liễu Phàm cương giám*[1] qua chiếc kính lúp[2]. Quả như người đời thường nói: "Nhân sinh thức tự ưu hoạn thuỷ" - ở đời, biết chữ là bắt đầu phải lo lắng - ông ta bỗng cảm thấy mình có ý bất bình với thế sự. Xưa nay, ông ta có bất bình như thế bao giờ đâu.

Trước hết, ông ta nghĩ đến bố mẹ xưa kia quả thật ít khi để tâm đến con cái trong nhà. Hồi còn nhỏ, ông ta thích nhất là trèo lên cây dâu hái trộm quả dâu ăn, nhưng ông bà cụ cứ mặc kệ. Có một lần ông ta ngã đập đầu xuống đất chảy máu, thế mà ông cụ bà cụ cũng không săn sóc cho ra trò để đến nỗi ngày này vẫn còn vết sẹo như nhát dao chém ở mày bên trái, không bao giờ mất đi được. Bây giờ, tuy ông ta để tóc rõ dài, rẽ giữa, lại chải xiên xiên thì cũng tạm che lấp đi được, nhưng vẫn còn trông thấy cái đuôi vết sẹo lò ra ngoài. Kể đó cũng là một khuyết điểm, vạn nhất bọn nữ sinh phát hiện ra thì nhất định họ chẳng xem ra gì nữa. Ông ta bỏ chiếc kính lúp xuống, thở dài, oán giận.

Truyện này đăng lần đầu tiên trên tờ *Ngữ ti* ngày 11 tháng 5 năm 1925.

Viên Liễu Phàm, tên Hoàng, người thời Vạn Lịch, triều Minh (1573 - 1620), tác giả *Lịch pháp tân thư* và *Quan thư hước khảo*. Cuốn Cương giám hiệu thường dùng của Viên Liễu Phàm và Vương Phượng Châu, gọi là *Cương giám hợp biên*, 39 quyển.

Kính soi để đọc những sách in chữ nhỏ.

Thứ đến cuối *Trung Quốc lịch sử giáo khoa thư*. Người biên soạn quả thật không chú ý biên soạn cho giáo viên dùng. Sách tuy có nhiều đoạn gần khớp với cuốn *Liễu Phàm cương giám*, nhưng phần lớn thì lại khác hẳn. Chỗ giống, chỗ không, như thế làm cho người ta khi giảng bài không biết làm thế nào để dùng được tài liệu ở cả hai cuốn. Nhưng khi chợt nhìn thấy mảnh giấy kẹp trong cuốn giáo khoa thư thì ông ta lại giận cái ông giáo dạy sử kia đang giữa năm học mà lại xin từ chức đi, bởi vì trên mảnh giấy đó có ghi câu:

Bắt đầu từ chương Tám: "Sự thương vong của Đông Tấn"

Giá thử như cái ông giáo kia chưa giảng xong đoạn nói về Tam Quốc thì việc soạn bài của ông ta bây giờ cũng không đến nỗi chật vật như thế này. Ông ta thuộc nhất là lịch sử đời Tam Quốc. Nào là Đào viên kết nghĩa, Khổng Minh tá tiễn, Tam khí Chu Du, Hoàng Trung đỉnh Quân sơn trảm Hạ Hầu Uyên, v.v... đoạn nào chả thuộc lòng như cháo, giảng một học kỳ cũng chưa hết. Sang đến đời Đường, thì lại có những việc như Tần Quỳnh bán ngựa, cũng là những việc ông ta biết rõ lắm. Ai có ngờ hôm nay lại phải giảng về Đông Tấn! Ông ta thở dài oán giận, rồi kéo cuốn *Liễu Phàm cương giám* lại xem.

- Gớm, cái anh này! Đứng ngoài nhìn chưa đủ sao mà lại còn phải chui vào trong mà nhìn?

Người nào đứng sau lưng ông ta vòng tay ra phía trước, hất cằm ông ta lên. Nhưng ông ta vẫn ngồi yên, vì theo giọng nói và cử chỉ đó, ông ta cũng biết người rón rén đi vào đó là Hoàng Tam, bạn đánh mạt chược với ông ta. Hoàng Tam tuy là chỗ chơi thân với ông ta - mới tuần trước đấy thôi, hai

người rủ nhau đi đánh mạt chược, xem tuồng, uống rượu, theo gái - nhưng từ khi ông ta đăng *cái bài: "Nhiệm vụ của quốc dân là phải chỉnh lý quốc sử"* trên tờ Đại trung nhật báo, một bài văn hết sức kêu, đọc lên hết sức sướng miệng rồi được giấy mời của trường Nữ học Hiền Lương đến dạy học, thì ông ta thấy cái anh Hoàng Tam này quả thật không được cái trò trống gì, trông lại có vẻ bẩn tiện nữa. Cho nên ông ta không ngoảnh lại nhìn, cứ nghiêm sắc mặt trả lời:

- Đừng nói nhảm. Tôi đang soạn bài...

- Không phải là chính miệng anh nói ra với thằng Bát rằng anh muốn làm nhà giáo là để ngắm các cô nữ sinh à?

- Anh không nên tin lời thằng Bát chó chết ấy!

Hoàng Tam ngồi xuống cạnh bàn, liếc nhìn qua trên bàn, liền phát hiện thấy, giữa chiếc kính lúp và chồng sách, một cái thiếp mời màu hồng, mở rộng. Y cầm lấy, giương mắt, đọc từng chữ một:

Chúng tôi xin trân trọng mời ông Cao Nhĩ Sở phu tử đến giảng bài cho trường chúng tôi mỗi tuần bốn giờ lịch sử. Mỗi giờ xin tính ba hào tiền thù lao. Dạy giờ nào tính giờ ấy.

Hà Vạn Thục Trinh, hiệu trưởng trường Nữ học Hiền Lương.

Trung Hoa dân quốc năm thứ 13, cúc nguyệt, cát nhật[1]

- Cao Nhĩ Sở phu tử? Là ai? Anh à? Anh đổi tên rồi à?

Cúc nguyệt, cát nhật: Ngày tốt, tháng hoa cúc, tức tháng thu. Bọn phụ trách trường Nữ học này là một bọn phục cổ nên gọi các ông giáo là phu tử, mà để ngày tháng thì để theo âm lịch.

Hoàng Tam xem xong liền vội hỏi.

Nhưng Cao phu tử chỉ cười một cách ngạo nghễ. Quả thật ông ta đã đổi tên. Nhưng mà Hoàng Tam chỉ biết đánh mạt chược chứ xưa nay có để ý gì đến nền học vấn mới, nghệ thuật mới đâu! Y đã không biết có một nhà đại văn hào nước Nga tên là Cao Nhĩ Sơ[1] thì làm sao hiểu được ý nghĩa sâu sắc của Cao Nhĩ Cơ được. Cho nên ông ta chỉ cười ngạo nghễ mà không trả lời

Hoàng Tam bỏ chiếc thiếp mới xuống nói:

- Hừ hừ, anh Cán ! Anh không nên đùa như thế. Chán lắm! Ở đây đã có một cái trường con trai, đủ để làm cho phong hóa suy đồi rồi, thế mà họ còn muốn mở một trường con gái nữa. Chẳng biết rồi tương lai sẽ đến như thế nào! Anh tội gì mà cũng nhúng tay vào ? Tôi gì?

- Đâu có thể ! Hơn nữa là bà Hà Vạn Thục Trinh nhất định mời tôi cho được. Từ chối không tiện.

Vì thấy Hoàng Tam có ý phi báng trường, lại nhìn đồng hồ tay, đã hai rưỡi, chỉ còn nửa giờ nữa thì lên lớp nên ông ta hơi bực mình, và vẻ sốt ruột lộ ra mặt.

Hoàng Tam cũng nhanh ý liền nói lảng sang chuyện khác.

- Thôi thì không nói đến chuyện đó nữa. Chúng ta nói chuyện đứng đắn nhé! Tối hôm nay có một đám. Thằng con cả lão Mao Tư Phủ bên Mao gia - đồn ấy mà, hắn ta hiện ở đây, định mời thầy địa về xem mồ mả. Hắn ta mang theo hơn

---

[1] Marxime Gorki. Chữ Trung Quốc phiên âm là Cao Nhĩ Cơ.

hai trăm bạc. Bọn mình đã hẹn với hắn là tối nay đánh vài hội, tôi một chân, anh một chân và Bát một chân. Thế nào cũng đến nhé, đừng để nhỡ. Ba thằng ta sẽ bóp mũi hắn.

- Cán - Tức là Cao phu tử - trầm ngâm, không nói gì cả.

- Thế nào cũng lại nhé! Nhất định nhé! Tôi còn phải lại đằng lão Bát bàn chuyện với lão ta. Đánh ở đằng nhà tôi Thằng ngốc ấy lần này là lần đầu tiên đi ra ngoài. Nhất định là chúng mình sẽ bóp mũi hắn. Anh đưa cỗ bài có vẽ cây trúc ấy cho tôi nào.

Cao phu tử thong thả đứng dậy, đi lại lấy cỗ mạt chược để đầu giường nằm, đưa cho Hoàng Tam. Xem đồng hồ tay thì đã hai giờ bốn mươi. Ông ta nghĩ bụng: Hoàng Tam tuy cũng được việc, nhưng hắn đã biết mình đi dạy học rồi, mà lại đến phi báng nhà trường trước mặt mình, phá rầy mình, không cho mình chuẩn bị bài lên lớp, thật là những cái không nên chút nào. Rồi ông ta nói, lãnh đạm.

- Ừ thì chiều hẳng bàn. Tôi cần phải lên lớp cái đã.

Vừa nói, ông ta liếc nhìn bộ *Liễu Phàm cương giám* vẻ mặt hầm hầm, cầm cuốn sách giáo khoa bỏ vào cái cặp da mới mua, rồi cẩn thận đội chiếc mũ cũng mới mua, cùng Hoàng Tam đi ra. Ra đến cửa, ông ta liêu rào bước, hai cánh tay đưa đi đưa lại như người thợ mộc khoan gỗ. Một lát, cả hai người đã đi khuất, không thấy bóng dáu nữa.

Cao phu tử đến trường Nữ học Hiền Lương thì liền đem tam danh thiếp mới in của mình cho lão lưng gù ngồi các cổng. Một lát, nghe có tiếng: "Xin mời vào" thế là ông ta đi theo lão lưng gù, rẽ quặt hai lần, đến "phòng giáo sư". Phòng này kiêm phòng khách luôn thể. Bà hiệu trưởng đi vắng, ông

trưởng phòng giáo vụ, rau hoa râm tiếp. Ông ta đại danh là Vạn Đao Phó, biệt hiệu "Ngọc hoàng hương án lại". Vừa rồi, ông ta có lần lượt cho đăng trên tờ *Đại trung nhật báo* những bài thơ trong cuốn *Trên đàn thù xướng tập* của ông ta, tức là những bài thơ ông ta xướng hoạ với nữ tiên.

- Ái chà, ông Sở[1], chúng tôi mong mỏi được gặp ngài từ lâu!

Ông phó chắp vái lia lịa, đầu gối cũng khuỵu xuống năm sáu cái liền, tưởng chừng như ông ta sắp ngồi thụp xuống đất

Cao phu tử, tay ôm chiếc cặp da, cũng làm như ông kia và cũng nói:

- Ái chà, ông Phó...! Chúng tôi cũng mong mỏi được gặp ngài từ lâu.

Rồi hai người cùng ngồi. Một bác chạy giây, lờ đờ như người sắp chết, mang đến hai chén nước sôi. Cao phu tử nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường đối diện. Chỉ mới hai giờ bốn mươi. Chậm hơn đồng hồ tay của ông ta đến nửa giờ.

- Ái chà! Cái bài báo của ngài quả thật là tuyệt tác... Vâng. Quả thật là... Cái bài *Bàn về bổn phận đối với quốc tuý Trung Quốc* ấy mà! Quả thật rõ ràng, sáng sủa, đọc mãi không biết chán. Thật nên đem ra viết mà treo lên làm châm ngôn khuyên răn bọn thanh niên. Tôi cũng rất thích văn chương, nhưng chẳng qua là làm chơi thôi, chứ không thể so sánh với ngài được.

Ông ta lại chắp tay vái vái và nói khe khẽ:

---

[1] Tức Cao Nhi Sở

- Cái đàn Thịnh Đức của chúng tôi thường vẫn cầu tiên đây! Tôi cũng thường đến đó xướng họa. Xin mời ngài lúc nào rảnh, bớt chút thì giờ quá bộ đến đây chơi. Vị bói tiên ở đó tức là vị Nhụy Châu tiên tử, theo giọng nói của cô ta, thì tựa hồ như là một vị hoa thần bị đầy xuống hạ giới. Rất thích xướng họa với các bậc danh nhân, và cũng rất tán thành những người tân đảng. Những vị học giả như ngài đây chẳng hạ, thế bào cũng được cặp mắt xanh của cô ta hết sức chú ý. Ha...Ha...Ha...

Nhưng Cao phu tử cũng không thể ngồi cao đàm khoát luận được, bởi vì bài ông sắp giảng. - Sự hưng vong của Đông Tấn - ông ta chưa chuẩn bị được đầy đủ lắm. Đã thế, bây giờ lại quên ít nhiều rồi. Ông ta lo lắng, trông đau khổ hết sức. Trong lúc tâm trí ông ta rối loạn như thế, lại thêm có những điều lo nghĩ khác xen vào nữa, nào là khi lên lớp thì tư thế phải như thế nào cho được oai nghiêm, nào là cái vết sẹo trên trán phải làm sao che lấp đi được, nào là khi cầm sách giáo khoa đọc thì phải đọc cho thật thong thả, nào là đối với học sinh thì phải cho rộng lượngv..v...Ông ta vẫn mơ màng nghe ông Phố nói:

- Cho ít quả lật vào đấy nhé!...Câu "*Tuỳ ý thanh loan thượng bích tiêu*"[1]siêu thoát quá!...Cái ông Đặng Hiếu xin năm lần, mới được một bài ngũ tuyệt...

Hồng tự phất thiên hà[2]

Mạc đạo...

Nhụy Châu tiên tử nói... Lần này là lần đầu tiên, ngài

---

[1] Khi say dựa vào cánh chim loan bay lên mây xanh.

[2] Tay áo hồng quyét dải Ngân Hà. Chớ nói...

đến đây...xin giới thiệu đây là vườn thực vật của nhà trường...

- A a...

Cao phu tử đang nghĩ lung tung, bỗng thấy ông Phố giơ một ngón tay lên thì giật nẩy mình tỉnh ra, nhìn theo ngón tay ông ta. Phía ngoài cửa sổ có một đám đất trống, trồng bố năm gốc cây...và đối diện là một ngôi nhà nhỏ một tầng, ba phòng...

Ông Phố vẫn không động đậy ngón tay, vừa chỉ vừa nói:

- Thưa, đấy là giảng đường đấy a!

- À à...

- Thưa học sinh trường chúng tôi dễ bảo lắm. Các em ngoài việc lên lớp nghe giảng bài chỉ chuyên tâm may vá thôi...

- À, à...

Cao phu tử quả thật hơi lúng túng. Ông ta mong ông Phố đừng nói nữa, để cho ông ta có thể tập trung tư tưởng một tí, tranh thủ nghĩ đến sự "hưng vong của Đông Tấn".

- Chỉ đáng tiếc là trong học sinh cũng có mấy em học đòi làm thơ. Cái đó thật không nên. Duy tân, tất nhiên là được, nhưng làm thơ thì con cái nhà đại gia không nên. Nhụy Châu tiên tử cũng không tán thành mở trường nữ học, cho rằng làm như thế là làm hỗn loạn lưỡng nghi[1] không phân biệt nam nữ nữa. Thiên tào không thể đồng ý được. Tôi cũng

---

[1] Lưỡng nghi: vốn dùng để chỉ trời đất, sau dùng để chỉ nam nữ.

đem câu chuyện đó thảo luận mấy lần với cô ta rồi.

Cao phu tử bỗng giật nẩy mình. Ông ta nghe chuông đánh.

- Không...không...Mời ngài cứ ngồi đã. đó là chuông hết giờ...

- Chắc ngài bận việc làm, bất tất phải khách khí.

- Không ạ! không ạ! Cũng không bận việc gì cả!

Tôi cho rằng việc mở trường nữ học là thuận theo trào lưu chung của thế giới thì ta cứ mở. Nhưng nếu làm không ra trò thì dễ lệch lạc, cho nên Thiên tào mới không bằng lòng. Có lẽ chẳng qua là vì cẩn thận mà Thiên tào phòng chi thế thôi. Còn nếu như được người quản lý tố, không để cho lệch lạc đi, hợp với đạo trung dung, hết sức chú trọng đến quốc hồn, quốc tuý, thì quyết không để xảy ra điều gì tệ hại. Ngài nghĩ xem, có phải thế không ạ? Nhụy Châu tiên nữ cũng cho rằng nói như thế là đúng, vừa phải Hà...Hà...

Người chạy giấy lại bưng lên hai chén nước đun sôi, nhưng chuông lại đánh lần nữa.

Ông Phố mời Cao phu tử uống hai ngụm nước đun sôi rồi mới thong thả đứng lên, dẫn ông ta đi qua mảnh vườn nhà trường đến giảng đường.

Tim đập thình thịch. Cao phu tử đứng cạnh bàn, người thẳng ro. Ông ta nhìn that nửa phòng học toàn là những mái tóc lồng phồng. Ông Phố rút trong túi áo ra một tờ giấy, mở rộng vừa nhìn vừa nói với học sinh:

- Xin giới thiệu với các em đây là giáo sư Cao Nhĩ Sở, một nhà học giả nổi tiếng, tác giả bài báo "*Nhiệm vụ của*

quốc dân là phải chính lý quốc sử" mà mọi người đều biết. *Đại Trung nhật báo* có nói: Cao phu tử là người hâm mộ nhà văn hào Nga Cao Nhĩ Cơ, nên đổi tên là Cao Nhĩ Sở để tỏ lòng ngưỡng mộ của mình. Trên văn đàn ta có một người như thế thật là một điều hết sức may mắn! Nay bà hiệu trưởng chúng ta viết giấy mời hai ba lần, ngài mới bằng lòng nhận lời đến giảng dạy môn lịch sử cho trường chúng ta...

Cao phu tử bỗng cảm thấy vắng vẻ. Thì té ra ông Phố đã đi biến đâu mất rồi, chỉ còn trơ lại một mình ông ta đứng cạnh chiếc bàn. Ông ta đành phải bước chân lên bục, cúi đầu chào, định thần, nhớ lại những điều mình dự định trước để làm thế nào cho thái độ của mình được oai nghiêm, rồi thong thả mở sách ra, bắt đầu giảng về sự "hưng vong của Đông Tấn".

- Hi hi...

Hình như có ai cười trộm ở đâu đây.

Tức thì Cao phu tử thấy mặt mình nóng bừng bừng.Ông ta vội vàng nhìn vào sách, thấy mình nói cũng không sai; trên sách quả in rõ mấy chữ "*Đông Tấn thiên an*"[1]: Đối diện mình vẫn là mái tóc lồng phồng chóan nửa gian phòng, không thấy động tĩnh gì khác; Ông ta đoán là vì mình nghi ngờ nên nghe như thế, chứ kỳ thực chả có ai cười cả. Thế rồi, ông ta lại định thần lại, chăm chú nhìn vào sách, thong thả giảng tiếp. Lúc đầu, tai ông ta còn nghe rõ những điều miệng ông ta nói, nhưng dần dần thì không nghe nữa, thậm chí không biết mình đang nói gì. Đến khi ông ta đang phát triển đoạn nói về "mưu đồ to lớn của Thạch Lặc" thì ông ta nghe

---

[1] Nhà Đông Tấn dời đô xuống Giang Nam

có tiếng cười sằng sặc.

Không giữ được, ông ta nhìn xuống phía học sinh. Tình hình khác hẳn lúc đầu. Nửa gian phòng toàn thấy con mắt là con mắt. Lại có rất nhiều những hình tam giác đều, xinh xắn. Giữa những hình tam giác đó, có hai lỗ mũi, tất cả kết thành một cái biển sâu thẳm, chuyển động, cứ trào lên, lấp lánh, dồn về phía ánh mắt ông ta. Nhưng khi ông ta liếc nhìn thì bỗng lại biến dâu mất cả và trở thành những mái tóc lồng phồng choán nửa gian phòng.

Ông ta lại vội vàng cúi đầu xuống, không dám rời mắt khỏi cuốn sách giáo khoa nữa, bất đắc dĩ lắm mới dám ngước mắt lên nhìn trần nhà. Trần nhà trát xi măng, quét vôi trắng, nay đã ngả sang màu vàng. Ở chính giữa có vẽ một đường vòng tròn, nhưng cái vòng tròn này bỗng lại trở thành sinh động, khi mở rộng ra, khi thu nhỏ lại: làm cho con mắt ông ta hoa lên. Ông ta nghĩ bụng: nếu mình lại nhìn xuống thì thế nào cũng không tránh được cái biển mũi và mắt đáng sợ kia, nên ông ta đành nhìn vào sách vậy. Lúc đó, ông ta đã giảng đến đoạn "Chiến tranh ở Phi Thuỷ", "Bồ Kiên sắp đến lúc hoảng sợ" thấy cỏ cây cũng tưởng là binh lính[1].

Ông ta vẫn nghĩ rằng có nhiều người đang cười trộm ông, nhưng ông ta vẫn cố gắng giảng tiếp. Rõ ràng là ông ta đã giảng lâu lắp rồi, thế mà chuông vẫn chưa đánh. Nhìn đồng hồ tay thì không nên, sợ học sinh xem thường. Giảng một hồi nữa, lại đến "sự bột khởi của họ Thác - Bạt", tiếp

---

[1] Sử chép Bồ Kiên đánh với Tạ Huyền ở sông Phi Thuỷ, Bồ Kiên đại bại. Y cùng với em kèn thành nhìn về phía quân nhà Tấn, thấy cây cỏ trên núi Bát Công Sơn tưởng là quân đội của đối phương. Câu "Thảo mộc giai binh" lấy ở tích này.

theo là cái biểu về "sự hưng vong của Lục Quốc". Ông ta vốn chưa định giảng đến đoạn này, nên chưa chuẩn bị.

Ông ta bỗng cảm thấy bài giảng của mình đến đây phải đình chỉ lại.

- Hôm nay là ngày đầu tiên, hãy tạm giảng đến đây...

Ông ta lúng túng một hồi rồi mới nói tiếp, chữ được chữ mất. Vừa gật đầu, vừa bước chân xuống bục, ông ta đi ra khỏi lớp,

- Hi hi hi...

Ông ta tựa hồ nghe sau lưng có nhiều người đang cười ông ta và lại phảng phất thấy những tiếng cười đó phát ra từ cái biển mũi sâu thẳm. Buồn rười rượi, ông ta đi qua vườn nhà trường, rảo bước về phía phòng giáo sư.

Ông ta giật mình một cái, đến nỗi cuốn sách lịch sử Trung Quốc rời khỏi tay rơi xuống đất, bởi vì bỗng có cái gì đụng mạnh vào đầu ông ta. Ông ta lùi lại hai bước, chăm chú nhìn thì thấy một cành cây chắn ngay trước mắt, và đã bị cái đầu của ông ta chạm mạnh vào làm cho lá phải lay động. Ông ta vội cúi xuống, nhặt sách lên, thì thấy cạnh sách có một miếng gỗ, trên đề mấy chữ:

CÂY DÂU

Khoa trồng dâu

Ông ta tựa hồ nghe sau lưng có nhiều người đang cười ông ta và lại phảng phất những tiếng cười đó phát ra từ cái biển mũi sâu thẳm. Thế là ông ta xấu hổ, không dám đưa tay lên xoa chỗ đầu đang đau nhói lên. Ông ta một mạch rảo bước về phòng giáo sư.

Ở đây, hai chén nước đun sôi vẫn để nguyên, nhưng không thấy người chạy giấy tờ lờ đờ như sắp chết đâu nữa. Ông Phó cũng chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Mọi vật đều trở thành ảm đạm, trong cái ảm đạm đó, chỉ có cái cặp da mới và cái mũ mới của ông ta sáng chói. Nhìn lên chiếc đồng hồ treo trên tường, chỉ mới có ba giờ bốn mươi.

Cao phu tử về đến nhà khá lâu rồi, mà có lúc vẫn thấy người nóng bừng lên. Rồi ông ta lại giận dữ vu vơ. Cuối cùng, ông ta cảm thấy quả thật nhà trường đã làm cho phong hoá suy đồi, cứ đóng quách cửa lại đi là xong. Nhất là các trường nữ học... Chẳng có nghĩa lý gì cả. Chẳng qua thích hư danh mà thôi!

- Hi... Hi

Ông ta vẫn phảng phất nghe tiếng cười. Điều đó làm cho ông ý quyết tâm xin từ chức. "Tối đến sẽ viết thư cho bà hiệu trưởng họ Hà. Chỉ cần nói vì mình đau chân không đi dạy được là ổn. Nhưng giá bà ta đến cố kéo đi thì làm thế nào? Cũng không nhận. Trường nữ học quả không biết còn làm cho phong hóa suy đồi đến nước nào nữa, tội gì mình lại đi nhập bọn với họ. Không nên" Ông ta nghĩ thế.

Thế rồi, ông ta ấy quyển *Liêu Phàm cương giám* ra một bên tỏ ý quyết tuyệt. Cái kính lúp cũng quẳng ra ở góc. Cái thiếp mời thì gấp lại. Ông ta định ngồi xuống bỗng thấy cái màu đỏ của tấm thiếp mới đáng ghét quá. Ông ta liền cầm lay và đem nhét vào ngăn kéo cùng cuốn *Trung Quốc lịch sử giáo khoa thư.*

Sách vở chồng đâu vào đấy, trên bàn chỉ còn lại chiếc kính lúp, bấy giờ nhìn thấy quang đãng hẳn ra. Nhưng ông ta

vẫn không thất khoan khoái trong lòng, giống như người thiếu đi nửa linh hồn. Nhưng ông ta liền tỉnh ra: Ông ta đội cái mũ dạ quai đỏ vào, đi thẳng đến nhà Hoàng Tam.

Lão Bát nói to:

- Giáo sư Nhĩ Sở họ Cao đến đây rồi!

Ông ta trau mày, gõ vào đỉnh đầu lão Bát một cái, nói:

- Chỉ láo!

- Lên lớp chưa? Thế nào? Cô cô nào nhớ không? Hoàng Tam hỏi vẻ sốt sắng.

- Tôi không định đi dạy nữa. Trường nữ học quả thật không biết còn sẽ làm cho phong hóa suy đồi đến nước nào nữa. Chúng ta không thể trà trộn vào với họ được.

Người con cả nhà họ Mao đi vào, béo tròn như cục bột.

- Ái chà! Mong mãi.

Cả Bát chỉ tay vái, đầu gối khuỵu xuống hai ba lần như sắp ngồi xổm xuống cả.

Lão Bát chỉ Cao phu tử nói với người con cả nhà ông Mao:

- Xin giới thiệu đây là anh Cao Cán Đình mà hôm nọ tôi đã nói chuyện với ông.

- A a... rất lấy làm hân hạnh.

Người con cả nhà họ Mao liền đặc biệt chắp tay vái và gật đầu.

Phía tay trái gian phòng đã bày sẵn một chiếc bàn đặt xiên xiên. Hoàng Tam một mặt chào khách, một mặt cùng

dứa ở gái bố trí chỗ ngồi và sắp đặt những chiếc thẻ gỗ thay tiền mặt. Một lát, ở mỗi một góc bàn đã cắm một cây nến gầy guộc thấp sẵn. Cả bốn người ngồi vào bàn.

Im phăng phắc, chỉ nghe tiếng con bài mạt chược bằng xương đập lách cách vào mặt bàn bằng gỗ tứ đàn, trong cái tĩnh mịch buổi đầu hôm, nghe càng vang tợn.

Bài của Cao phu tử không đến nỗi xấu lắm, nhưng ông ta vẫn không được vui, trong lòng bất bình cái gì. Ông ta tính vốn hay quên, chỉ có lần này là ông ta lại cứ thấy lo lo cho nên phong hoá. Tuy trước mắt ông ta số thẻ tăng lên nhưng cái đó cũng không thể làm cho ông ta thư thái, vui vẻ lên được. Nhưng rồi thời thế thay đổi, phong hoá cuối cùng cũng thấy tốt hơn. Có điều, lúc ấy đã khuya, đánh đến hồi thứ hai rồi, và ông ta sắp ù một ván" thanh nhất sắc"

Ngày 1 tháng 5 năm 1925

CON NGƯỜI CÔ ĐỘC*

I

Bây giờ hồi tưởng lại mới thấy mối tình bạn giữa tôi và anh Ngụy Liên Thù cũng hơi khác thường: bắt đầu bằng một đám ma và kết thúc cũng bằng một đám ma.

Hồi đó, tôi đang ở thành S. Thường thường mỗi khi nghe nhắc đến tên anh thì người ta ai cũng bảo anh người kỳ quái lắm. Học thì học môn động vật học, thế mà lại đi dạy lịch sử ở một trường trung học: đối với ai cũng có vẻ thờ ơ, thế mà lại thích xem vào việc người khác; lúc nào cũng bảo là phải phá bỏ gia đình, thế mà cứ đến tháng lĩnh lương thì lại nhất định gửi tiền ngay về cho bà nội, một ngày cũng không để chậm. Ngoài ra, người ta còn kháo nhau bao nhiêu chuyện lặt vặt khác về anh nữa. Tóm lại, ở thành S, anh cũng có thể kể là người làm đầu câu chuyện cho thiên hạ. Mùa thu năm nọ, tôi đến ở chơi nhà một người bà con ở Hàn Thạch Sơn. Người này cũng họ Ngụy, bà con với anh Liên Thù, nhưng lại không hiểu gì hơn về anh cả. Người ấy xem anh hình như là một người ngoại quốc, và thường nói: "Anh ta thì khác chúng tôi lắm!". Cái đó cũng không lấy gì làm lạ. Trung Quốc mang tiếng là mở mang việc học đã vài chục năm rồi, nhưng ở Hàn Thạch Sơn thì đến một trường tiểu học cũng chưa có. Cả cái làng miền núi này chỉ có mỗi một mình

---

Truyện này và truyện "*Tiếc thương những ngày đã mất*" chưa hề đăng báo.

anh Liên Thù là đi ra ngoài du học mà thôi. Vì thế, theo con mắt người ở đây, anh quả là một người khác giống. Tuy nhiên, đối với anh, họ lại rất ganh tị và có vẻ thèm muốn được như anh. Họ nói rằng anh làm ra nhiều tiền lắm.

Đến cuối thu, làng này có bệnh lỵ. Tôi cũng sợ lây, định trở về thành. Chợt nghe nói bà nội anh Liên Thù cũng bị bệnh, và vì tuổi già, nên dâm ra nặng lắm, mà quanh vùng thì lại không có lấy một ông thầy thuốc nào.

Gia đình anh Liên Thù gọi gia đình là gọi thế thôi, kỳ thực chỉ có mỗi bà cụ. Bà cụ có thuê một người ở gái, và sống đơn giản lắm. Anh mồ côi cả cha lẫn mẹ từ khi còn tấm bé, chính bà cụ nuôi nấng anh thành người. Nghe nói trước ka bà cụ cũng cực khổ lắm. Nhưng bây giờ thì thanh thả rồi. Hiềm vì một điều anh không có vợ con gì, nên trong nhà vắng vẻ lắm. Có lẽ đó cũng là điều mà người ta cho anh là khác thường.

Hàn Thạch Sơn cách thành, theo đường bộ thì một trăm dặm, mà đường thủy thì chỉ bảy mươi dặm, nhưng cho người đi gọi anh về, khứ hồi ít nhất cũng phải bốn ngày. Ở làng núi hèo lánh, những việc như thế này được xem là những "tin tức" quan trọng, ai cũng cần phải hỏi dò cho biết. Ngày hôm sau, đã đồn ầm lên rằng bệnh bà cụ nặng lắm, và đã cho người đi gọi anh Liên Thù về. Nhưng đến canh tư thì bà cụ tắt thở. Câu nói cuối cùng của bà cụ là: "Làm sao lại không để cho tôi trông mặt thằng Liên Thù một tí!".

Ông trưởng tộc, bà con bên nội, bà con bên ngoại, cả những người rỗi việc nữa, đến chật một nhà. Họ tính rằng anh Liên Thù có về đến nơi thì cũng đã nhập liệm rồi. Cỗ

hậu sự cũng như áo quan, bà cụ đã sắm sẵn, nên không phải lo liệu gì hết. Đối với họ, vấn đề quan trọng nhất là nên đối phó với cái ông "cháu thừa trọng"[1] ấy như thế nào đây, bởi vì họ đoán trước rằng, tất cả các lễ nghi đình đám, nhất định thế nào anh cũng thay đổi hết cho mà xem. Sau khi bàn bạc, họ quyết định đại khái sẽ bắt buộc anh phải theo cho ba điều chính: một là mặc tang phục trắng, hai là lạy hẳn hoi, ba là mời thầy chùa, thầy phù thủy về làm chay. Nói tóm lại phải làm y như tục lệ cũ.

Bàn định xong xuôi, họ hẹn nhau hôm nào anh về thì tất cả mọi người sẽ tụ tập ở phòng khách, bày sẵn thế trận, kẻ tung người hứng, trợ lực nhau, đàm phán thật nghiêm nghị. Người làng ai nấy nuốt nước dãi, tò mò chờ nghe tin tức. Họ biết anh là người "phái mới", cái gì cũng "học theo tây" từ trước đến nay không hề kể gì đến phải trái cả. Nhất định cuộc đấu tranh giữa hai bên sắp sửa bắt đầu, và chưa biết chừng sẽ to chuyện cũng nên. Và lúc đó sẽ có nhiều cái lạ lắm, không thể đoán trước được.

Có tin cho biết anh về đến nhà thì đã xế chiều. Vừa bước chân vào nhà thì anh đến trước linh sàng bà cụ, chỉ cúi mình một cái mà thôi. Ông trưởng tộc, bà con nội ngoại bèn lạp tức thi hành kế hoạch đã định, mời anh ra ngoài nhà khách lớn, nói giáo đầu một thôi đã, mới vào đề, rồi kẻ xướng người họa, chín người mười miệng, không để hở một tí làm cho anh không có dịp cãi lại. Cuối cùng, nói mãi cũng phải hết, cả phòng khách lại im lìm, ai nay lo sợ, chăm chú

---

[1] Theo tang lễ Trung Quốc cũng như nước ta ngày trước, khi một người chết đi mà trưởng nam người đó đã chết trước thì cháu đích tôn sẽ đe tang như tang mẹ cha. Đứa cháu đó gọi là cháu thừa trọng.

nhìn vào miệng anh. Anh sắc mặt không chút thay đổi, chỉ trả lời vẻn vẹn mỗi câu:

- Được tất!

Lại là một điều họ không ngờ trước. Cái gánh nặng trong lòng họ đã được cất đi rồi, nhưng họ vẫn cảm thấy lại có bề nặng hơn trước, và như thế này thì anh này quả là "kỳ dị" quá, càng đáng phải lo ngại. Những người trong làng nghe ngóng tin tức cũng thất vọng. Họ kháo nhau: "Lạ thật! Ông ta bảo "được tất". Để xem xem ra làm sao" Cái gì cũng có thể theo như cũ tất thì không có gì mà xem nữa. Thế nhưng họ vẫn cứ muốn xem, cho nên trời vừa tối, họ đã tíu tít xúm chật trước nhà.

Tôi cũng là một người đến để xem. Tôi cho người đem đèn nhang sang trước. Khi tôi đến nơi thì thấy anh đang mặc quần áo cho bà cụ. Anh khổ người nhỏ bé, gầy gò, khuôn mặt dài. Mái tóc bù xù với bộ râu và cặp lông mày rậm rì đen ngòm đã choán mất một nửa mặt rồi, chỉ còn thấy mỗi đôi mắt sáng lấp lánh trong bóng tối. Anh mặc áo quần cho bà cụ rất khéo, đâu vào đấy, như một tay chuyên môn đi liệm thuê, làm cho người xem bất giác đều thán phục. Theo phong tục ở Hàn Thạch Sơn thì vào những lúc này, thế nào người bên họ ngoại cũng tìm cách bắt bẻ. Nhưng anh vẫn cứ làm thinh, bắt bẻ đâu thì sửa chữa đấy,thản nhiên như không. Một cụ đã hai thứ tóc trên đầu đứng đằng trước tôi, phải tấm tắc khen.

Thế rồi, làm lễ. Lễ xong thì khóc. Các bà hết thảy đều khấn lâm râm. Sau đó là nhập quan. Nhập quan xong, làm lễ, rồi lại khóc, cho đến khi đóng nắp hòm mới thôi. Im lặng một phút, bỗng mọi người nhôn nháo lên. Hình như có điều

gì làm cho họ ngạc nhiên lắm và không được bằng lòng. Và tôi bỗng tình cờ nhận ra rằng thủy chung anh không hề nhỏ lấy một giọt nước mắt nào, mà chỉ ngồi trên tấm nệm rơm, hai con mắt cứ sáng ngời, lấp lánh giữa mái tóc bù xù và bộ râu, đôi lông mày đen nghịt.

Việc nhập quan đã làm xong trong cái không khí ngạc nhiên và bất mãn đó. Ai cũng như muốn bỏ ra về ngay, nhưng anh thì vẫn cứ ngồi trên chiếc đệm rơm, vẻ trầm ngâm. Bỗng anh chảy nước mắt ròng ròng, rồi khóc thật thanh, sau đó, lại rống lên, như con chó sói bị thương rống lên giữa cánh đồng vắng đêm khuya, nghe vừa thảm thiết, vừa phẫn nộ, vừa bi ai. Theo phong tục thì không ai lại khóc như thế bao giờ. Vì không đề phòng trước, nên mọi người đều thấy lúng túng, không biết xử trí ra làm sao. Ngần ngừ một lát rồi có mấy người đến khuyên giải anh đừng khóc nữa. Lúc đầu thì chỉ mấy người, sau họ xúm nhau lại thành một đám đông. Nhưng anh vẫn cứ ngồi đờ ra, không động đậy, như một chiếc tháp bằng sắt, mà rống to mãi.

Chán ngán, người ta đành phải tản ra, còn anh thì anh ta cứ khóc, khóc mãi, có đến nửa tiếng đồng hồ, lúc đó mới bỗng dưng ngừng lại, cũng không chào hỏi khách đến viếng, cứ đi thẳng tuột vào nhà trong. Sau đó, có mấy người đi vào đòm; trở ra họ nói rằng, anh đi vào buồng bà cụ, rồi nằm dài trên giường và hình như đã ngủ thiếp đi rồi.

Cách hai ngày sau, tức là trước khi tôi lên đường về tỉnh một ngày, thì nghe người làng bàn tán dữ quá. Họ nói rằng anh sẽ đem già nửa đồ đạc trong nhà đốt cho bà cụ, còn bao nhiêu sẽ cho người ở gái, là người đã hau hạ bà cụ lúc còn sống, và nay bà cụ chết đi thì chị ta lại đã đưa bà cụ ra

tận huyệt. Mà cả cái ngôi nhà cũng để cho chị ta ở đây luôn, muốn ở đến lúc nào thì ở. Bà con thân thích đều can ngăn nói rát hơi bỏng cổ cũng chẳng ăn thua gì.

Có lẽ cũng vì tò mò mà khi tôi ra về, đi qua cổng nhà anh, tôi lại ghé vào chia buồn nhân thể. Anh mặc áo trắng sổ gấu, ra tiếp, nét mặt vẫn lạnh lùng như thế. Tôi khuyên giải một hồi. Anh chỉ vâng vâng dạ dạ, và đáp lại vẻn vẹn mỗi một câu:

- Cám ơn anh có lòng tốt...

II

Lần thứ ba, hai chúng tôi gặp nhau vào đầu mùa đông năm nọ, trong một hiệu sách ở thành S. Cả hai bên gật đầu chào nhau, cùng một lúc, tỏ ý là đã quen nhau rồi. Nhưng chúng tôi bắt đầu gần gũi nhau là vào cuối năm ấy, sau khi tôi mất việc làm. Hồi đó, tôi thường đến thăm anh, một là tất nhiên vì buồn rầu, hai là vì nghe người ta nói, anh tuy tính lạnh lùng như thế, nhưng lại thích chơi với những người gặp chuyện không may. Có điều, thế sự thăng trầm không nhất định, người không may không thể không may mãi, cho nên anh ta cũng ít khi chơi với ai được lâu dài. Lời đồn đại ấy quả thật không sai. Tôi đưa danh thiếp vào là anh tiếp ngay. Phòng khách của anh là hai gian nhà ăn thông nhau, chẳng bày biện gì cả. Ngoài bàn ghế, chỉ có mấy cái giá để sách. Ai cũng nói anh là một nhà thuộc "tân đảng" ghê lắm, thế mà trên giá sách không có tân thư mấy. Anh đã biết tôi mất việc rồi, nhưng nói xong vài câu khách sáo, thì chủ cũng như khách chỉ ngồi lẳng lặng nhìn nhau. Không khí dần dần trở

thành nặng nề. Tôi chỉ thấy anh ngồi hút thuốc liên tiếp, điếu thuốc hết nhanh quá, sắp cháy đến ngón tay, anh mới vứt đi. Anh đưa tay lấy điếu thứ hai, bỗng dưng nói:

- Hút đi!

Tôi cũng lấy một điếu, hút, rồi nói vài câu về chuyện dạy học và chuyện sách vở, nhưng vẫn thấy không khí nặng nề thế nào. Tôi định đứng dậy ra về thì nghe có tiếng la hét và tiếng bước chân rầm rập ngoài cửa. Bốn đứa trẻ vừa trai vừa gái chạy thốc vào. Đứa lớn nhất tám chín tuổi, đứa bé nhất, bốn năm tuổi. Đứa nào đứa nấy mặt mũi áo quần nhem nhuốc, mà lại không dễ thương chút nào cả. Nhưng trông thấy chúng, anh lại vui, mắt bỗng sáng ngời lên. Anh ta vội vàng đứng dậy, đi sang phòng bên cạnh, miệng hỏi:

- Lương anh, Lương em lại đây! Hôm qua các cháu đòi *ắc - mô - ni - ca*, chú đã mua cho đây này. Lũ trẻ theo anh ta ùa vào rồi mỗi đứa được một cái *ắc - mô - ni - ca*, vừa thổi vừa đi ra. Ra khỏi phòng khách, chẳng biết thế nào, lại đánh nhau. Một đứa khóc lên. Anh ta đi theo sau chúng dặn dò:

- Mỗi cháu một cái. Như nhau cả. Không được tranh giành nhau nhé!

Tôi hỏi:

- Con ai mà đông thế?

- Con ông chủ nhà này cả đấy. Mẹ chúng nó chết rồi. Chỉ còn bà nội .

- Thế ông chủ nhà ở vậy một mình thôi à?

- Vâng. Bà ta mất có lẽ đã bốn năm nay rồi nhưng ông ta vẫn chưa lấy ai cả. Không thì đâu đã chịu cho người một

thân một mình như tôi thuê mấy gian phòng bỏ trống này.

Anh vừa nói,vừa mỉm cười lạnh lùng.

Tôi rất muốn hỏi anh vì sao đến nay anh vẫn chưa lấy vợ, nhưng vì chưa quen lắm, nên không tiện hỏi.

Đã quen thân với nhau rồi, thì dễ nói chuyện với anh lắm. Anh hay nói những tràng nghị luận, thỉnh thoảng đưa ra những ý kiến rất ngộ nghĩnh. Điều làm cho người ta không chịu được, là anh có mấy ông khách, có lẽ là những người đã đọc cuốn "*Trầm luân*"[1] cả rồi chăng, nên thường tự ví mình là những"thanh niên bất hạnh", hoặc là " những người thừa". Họ ngồi vắt vẻo trên ghế, vẻ nhác nhớn và kiêu ngạo, vừa than vãn thở dài, vừa chau mày hút thuốc. Lại có lũ con ông chủ nữa, lúc nào cũng cãi cọ nhau, đánh vỡ bát đĩa, vòi quà, ồn ào nhức cả óc. Nhưng anh Liên Thù hễ thấy chúng nó thì lại không có vẻ lạnh lùng như lúc bình thường, anh còn quý chúng nó hơn tính mạng mình nữa. Nghe nói có lần thằng Lương ba lên sởi, anh hốt hoảng đến nỗi bộ mặt trông đã đen rồi, bây giờ lại càng xạm thêm. Không ngờ bệnh chỉ nhẹ thôi. Về sau bà nội lũ trẻ đem chuyện ấy nói ra, người ta lại có dịp chế giễu anh. Hình như anh cũng thấy tôi tỏ vẻ hơi khó chịu, cho nên một hôm anh có cơ hội là nói ngay với tôi:

- Trẻ con đứa nào cũng tốt. Đứa nào cũng chất phác hồn nhiên cả.

Tôi chỉ trả lời cho qua chuyện:

---

[1] *Trầm luân* là một tập truyện của Úc Đạt Phu, một nhà văn hồi Ngũ Tứ. Tác phẩm này xuất bản năm 1921. Gồm ba truyện đều tả tâm trạng u uất, bệnh tật của thanh niên, có khuynh hướng đồi trụy. Nhân vật trong các truyện của Úc Đạt Phu đều là "một chàng thanh niên bất hạnh " hoặc " một người thừa".

- Cũng chưa hẳn đã như thế!

- Không. Trẻ con không có những tính xấu của người lớn. Về sau con người hỏng đi, như anh thường vẫn công kích, là hoàn cảnh làm cho hư hỏng đi mà thôi. chứ vốn không phải hư hỏng, mà là chất phác, hồn nhiên... Tôi cho rằng Trung Quốc ta mà còn có hy vọng là chỉ hy vọng ở chỗ đó...

- Không phải. Nếu trong người đứa bé mà không có mầm mống xấu thì sau lớn lên, làm sao lại trở thành xấu được. Ví như một hạt giống, chính vì trong hạt giống đã có mầm mống của cành, lá, hoa, quả rồi, cho nên khi mọc thành cây mới có thứ đó được chứ? Đâu có lẽ tự dưng mà lại như thế được!

Hồi đó tôi nhàn rỗi, không có việc gì làm, nên đành xem kinh Phật, giống như các cụ lớn hễ không làm quan nữa, về hưu một cái là niệm Phật ăn chay. Tất nhiên tôi không hiểu gì Phật lý cả, nhưng cũng không giữ gìn, cứ nói bừa như thế.

Anh Liên Thù bực mình lắm, lườm tôi một cái, không nói nữa. Tôi cũng không đoán được là anh đuối lý không trả lời hay là không thèm tranh cãi với tôi. Có điều lại thấy cái thái độ lạnh lùng của anh mà đã lâu không thấy nữa. Anh im lặng hút hai điếu thuốc liền. Đến khi anh sắp lấy điếu thứ ba, thì tôi đành phải rút lui.

Anh giận tôi có đến ba tháng mới nguôi, có lẽ một phần vì quên đi, một phần vì chính anh bị lũ trẻ con "chất phác ngây thơ" kia oán ghét, do đó mà anh thấy rằng những lời tôi nói xúc phạm đến trẻ con cũng có chỗ tha thứ được.

Nhưng đó chẳng qua là tôi đoán phỏng thôi. Lúc bấy giờ, anh đến chỗ tôi ở. Uống rượu xong, anh có vẻ bi ai, hơi ngửng mặt lên, nói:

- Nghĩ lại mà lấy làm quái! Khi tôi đi đến đây, giữa đường gặp một đứa trẻ con, bé tí tẹo, nó cầm một lá sậy ở tay, chỉ vào người tôi, hét: "Giết !" Nó đi còn chập chững, chưa vững bước.

- Đó hoàn toàn cảnh làm cho hư hỏng đo đấy chứ!

Nói xong, tôi rất lấy làm hối hận. Nhưng hình như anh ta không để ý, cứ uống rượu thục mạng và giữa hai ngụm rượu lại hút thuốc lia lia.

Tôi liền nói lảng sang chuyện khác:

- À quên, chưa hỏi anh. Anh thường ít đi chơi nhà ai, sao hôm nay cao hứng cái gì lại đến đây thế? Chúng ta quen biết nhau kể cũng đã hơn một năm trời nay, nhưng anh đến đây lần này là lần thứ nhất đấy nhé!

- Chính tôi đang định nói chuyện với anh ấy đây. Mấy ngày này, nhất thiết anh đừng lại đằng tôi nhé! Đằng tôi đang có một người lớn và một trẻ con đáng ghét quá. Thật ra không ra người nữa!

Tôi hơi kinh ngạc:

- Một người lớn và một đứa trẻ con? Là ai thế?

- Ông anh họ tôi và thằng con ông ta. Ha ha!... Con cũng giống bố như đúc.

- Chắc lên thăm anh, rồi nhân thể ở lại chơi chứ gì?

- Không phải. Nói là lên bàn với tôi để tôi nhận thằng

bé làm con thừa tự!

- À. Làm con thừa tự cho anh à? - Tôi kinh ngạc quá không thể không kêu lên - không phải là anh chưa lấy vợ kia mà?

- Họ biết là tôi không lấy vợ. Nhưng đó không phải là điều quan trọng. Kỳ thực. họ chỉ muốn thừa tự cái ngôi nhà nát của tôi ở Hàn Thạch Sơn thôi! Chắc anh biết. ngoài ra, tôi còn có gì nữa đâu! Tiền, được đồng nào vào tay là tiêu sạch. chỉ có mỗi ngôi nhà nát đó. Mục đích ở trên đời của cả hai bố con họ là đuổi người ở gái tôi cho ở nhờ đấy.

Câu nói trắng trợn của anh làm cho tôi ghê rợn. Nhưng tôi cứ tìm lời an ủi:

- Tôi nghĩ người bà con anh cũng không đến nỗi như thế. Chẳng qua óc họ còn cũ một tí thế thôi. Đấy, như cái năm nọ, lúc anh khóc dữ quá, họ đến vây lấy anh. hết sức khuyên giải anh. Nhiệt tình lắm đấy chứ!...

- Lúc thấy tôi mất, họ định cướp ngôi nhà của tôi. ép tôi ký tên vào văn tự, tôi khóc to. họ cũng đến vây lấy tôi và cũng khuyên giải nhiệt tình như thế!...

Hai con mắt anh đăm đăm nhìn lên không trung. như đang hình dung lại tình cảm lúc bấy giờ.

- Nói tóm lại. cũng là tại anh không có con nối dõi. Nhưng mà tại sao anh lại cứ không chịu lấy vợ thế?

Tôi bỗng tìm ra được cách chuyển câu chuyện sang hướng khác và cũng để hỏi điều tôi muốn hỏi anh từ lâu. Không có dịp nào tốt hơn nữa.

Anh nhìn tôi. ngạc nhiên. Một lát. anh cúi xuống nhìn

vào đầu gối, thế rồi cứ hút thuốc không trả lời.

III

Tuy anh Liên Thù sống trong cảnh cô liêu như vậy mà người ta cũng có để anh yên thân đâu. Dần dần, có kẻ giấu tên viết bài công kích anh trên mấy tờ lá cải. Trong giáo giới, cũng thường có những tin đồn nhảm về anh, nhưng bây giờ, không phải là lời nói đùa chế giễu chơi như trước nữa mà là những lời thương tổn đến anh. Tôi cũng không để ý lắm, tôi biết đó là kết quả những bài văn mấy lâu anh thường đăng trên các báo. Ở thành S.,người ta chúa ghét những anh viết những bài nghị luận không kiêng nể ai cả. Ai như thế là họ ngấm ngầm quật lại. Xưa nay vẫn như thế. Chính anh Liên Thù cũng biết. Nhưng đến mùa xuân. Bỗng nghe nói anh bị ông hiệu trưởng mời ra khỏi trường. Tin đó làm cho tôi thấy hơi đột ngột. Thật ra, xưa nay vẫn như thế rồi, chẳng qua là vì tôi mong cho những người mình quen biết được may mắn hơn mà tránh khỏi, cho nên mới thấy đột ngột. Chứ không phải là lần này người ở thành S, có ác gì hơn trước đâu!

Lúc đó, một phần vì tôi đang bận vì sinh kế, một phần lại đang chạy vạy để mùa thu sắp tới có thể lên Sơn Dương dạy học được, nên không có thì giờ đến thăm anh. Đôi lúc nhàn rỗi một tí - chừng ba tháng sau khi anh mất việc - thì lại không nghĩ đến chuyện đến thăm nữa. Có một hôm, đi qua phố chính, tình cờ dừng lại trước hàng sách cũ tôi không thể không sửng sốt khi thấy ở đây có bày một bộ *Sử ký sách ẩn*[1] do Cấp - Cố - Các in lần thứ nhất. Bộ này chính là của

---

[1] *Sử ký sách ẩn* gồm 30 quyển, của Tư Mã Trịnh đời Đường soạn thảo là sách chú thích sách *Sử ký* của Tư Mã Thiên. Cấp - Cố - Các là tên nhà thư

Liên Thù. Anh ta rất thích sách, nhưng không phải là một người chơi sách. Bộ này cũng kể là một bộ anh cho là quý lắm . Không phải là vạn bất đắc dĩ thì đời nào chịu đem bán đi, lẽ nào vừa mất việc hai ba tháng mà đã túng thiếu như thế rồi ư? Mặc dù từ trước đến nay, hễ có tiền là anh tiêu hết, không dành dụm gì cả. Thế là tôi nhất định đến thăm anh. Dọc đường nhân tiện, tôi mua hai chai rượu, hai gói lạc rang và hai cái đầu cá nướng. Của phòng anh đóng kín. Gọi to hơn mấy tiếng không thấy thưa. Tôi nghĩ là anh đang ngủ, lại gọi hơn và đập cửa.

- Đi vắng rồi!

Một người đàn bà béo, con mắt xếch, đứng ở cửa sổ đối diện, thò cái đầu hoa râm ra, cũng nói to, hình như có ý bực. Đó là bà nội mấy thằng Lương anh, Lương em.

Tôi hỏi:

- Đi đâu ạ?

- Đi đâu, ai biết được? Ông ấy thì còn đi đâu! Cứ đợi đấy, lát nữa thế nào cũng về thôi!

Tôi đẩy cửa đi vào phòng khách anh. Quả thật là "nhất nhất bất kiến như tam thu hề!", nhìn đâu cũng thấy trống không, lạnh lẽo, không những đồ đạc chẳng còn mấy cái mà đến sách vở cũng chỉ còn trơ lại các quyển đóng kiểu tây mà ở thành S, chẳng có ai thèm mua. Cái bàn tròn đặt giữa nhà vẫn còn đó, trước đây mấy bố thanh niên kháng khái, chán nản, mấy bậc kỳ sĩ hoài tài bất ngộ và lũ trẻ ồn ào, bẩn thỉu, thường cứ vây quanh đấy, bấy giờ thì vắng tanh và mặt bàn

---

viên của Mao Tấn đời Minh. Ông ta thích in sách. *Sử ký sách ấn* là một trong những cuốn ông đã khắc và in lại theo bản cũ đời Tống

phủ một lớp bụi mỏng. Tôi đặt chai rượu và mấy cái gói xuống, kéo một chiếc lại, dựa lưng vào bàn, ngồi ngoảnh nhìn ra cửa.

Quả đúng một lát thì cửa mở. Một người đi vào, lặng lẽ như cái bóng. Chính là anh Liên Thù. Có lẽ là vì trời gần tối chăng, nên trông anh đen hơn trước, nhưng vẻ mặt vẫn không đổi khác.

Anh có vẻ vui mừng, hỏi:

- À, anh! Đến lâu chưa?

Tôi nói:

- Cũng mới đến thôi. Anh đi đâu về thế?

- Chả đi đâu cả. Đi lăng nhăng một tí.

Anh cũng kéo ghế lại, ngồi cạnh bàn. Hai chúng tôi bắt đầu uống rượu và nói chuyện về việc anh mất việc. Nhưng anh lại không muốn nói nhiều về chuyện đó. Anh cho rằng đó cũng là một việc đã liệu trước rồi, thường cũng đã vấp nhiều rồi, không lấy gì làm lạ, và cũng không có gì đáng nói. Như thường lệ, anh vẫn ngồi uống hết chén nầy đến chén khác, và vẫn đem chuyện xã hội, chuyện lịch sử ra bàn. Không biết thế nào, thấy giá sách trống rỗng, tôi lại sực nhớ đến bộ *Sử ký sách ẩn do* Cấp - Cô - Các in lần thứ nhất. Tôi bỗng có một cảm giác quạnh hiu, buồn thương vơ vẩn:

- Phòng khách anh lạnh lẽo thế này... Độ này chắc ít ai đến chơi nhỉ!

- Chẳng ai đến cả. Họ cho rằng tôi đang buồn bực, đến chơi cũng chẳng thú vị gì. Mình buồn bực thì quả cũng làm cho người khác khó chịu. Mùa đông ai lại dạo vườn hoa bao

giờ!

Anh uống liền hai hớp rượu, ngồi im lặng, suy nghĩ. Bỗng anh ngẩng lên nhìn tôi, hỏi:

- Cái chỗ anh chạy chọt dạo nọ cũng lại không xong gì phải không?

Tuy biết anh có ý say, nhưng nghe hỏi thế, tôi cũng hơi bực, đang định nói, thì thấy anh vểnh tai nghe ngóng rồi cầm một nắm lạc đi ra. Ngoài cửa có tiếng bọn thằng Lương cười cười nói nói ồn ào.

Nhưng anh vừa đi ra thì bọn chúng nó đã im bặt và hình như đã bỏ chạy cả. Anh chạy theo, nói gì gì, nhưng không nghe có tiếng trả lời. Anh ta lại trở vào lẳng lặng như một cái bóng rồi bỏ nắm lạc vào gói giấy.

Anh nói nhỏ, giọng mỉa mai:

- Đến cái mình cho chúng nó mà chúng nó cũng không thèm ăn.

Tôi cảm thấy buồn quá, nhưng cũng cố làm bộ mỉm cười, nói:

- Anh Thù, tôi thấy anh chỉ chuốc lấy khổ vào người. Anh cho người đời ai cũng xấu cả.

Anh cười gằn một tiếng.

- Tôi nói chưa hết. Đối với chúng tôi là những người thỉnh thoảng lại thăm anh, anh cũng cho là vì rỗi rãi không có việc gì làm, nên đến đây, lấy anh ra làm trò tiêu khiển chứ gì?

- Đâu có. Nhưng cũng có lúc nghĩ như vậy. Hoặc là đến

tìm ít mẩu chuyện về tôi để đi chỗ khác có cái nói.

Tôi thở dài nói:

- Thế thì anh nhầm rồi. Người ta thực ra có ai như thế đâu. Chính anh làm cho anh cô độc. Như con tằm, anh tự bua xung quanh anh một tổ kén, rồi nhốt mình vào trong đó. Anh nên nhìn đời sáng sủa hơn một chút.

- Cũng có lẽ như thế thật: Nhưng tôi hỏi anh, những sợi tơ mà tôi xây tổ kén đó, tôi lấy đâu ra? Tất nhiên là trên đời cũng có nhiều người như thế rồi. Như bà nội tôi chẳng hạn. Tôi tuy không cùng máu mủ với bà cụ, nhưng có lẽ tôi sẽ thừa kế cái số phận của bà cụ. Có điều cũng không hề gì. Tôi đã khóc trước cho số phận của tôi khi tôi khóc bà cụ...

Cái cảnh hôm nhập liệm bà cụ anh bỗng hiện ra trước mắt tôi. Tôi hỏi đột ngột:

- Tôi vẫn không hiểu làm sao lúc bấy giờ anh lại khóc to như thế?

- Lúc nhập liệm bà nội tôi ấy à? Ừ, anh không hiểu là phải.

Anh châm đèn lên rồi bình tĩnh nói tiếp:

- Tôi chắc chính vì lần đó tôi khóc như thế mà anh đi lại với tôi, phải không? Anh không biết đấy chứ, bà cụ ấy là mẹ kế của thầy tôi, còn cụ bà đẻ ra thầy tôi thì đã qua đời lúc thầy tôi mới lên ba tuổi cơ!

Rồi anh có vẻ trầm tư, ngồi uống rượu và ăn hết cả cái đầu cá nướng.

- Những điều dĩ vãng ấy, tôi vốn không biết. Và hồi

còn nhỏ tôi cảm thấy không sao hiểu được. Hồi đó, thấy tôi còn sống, cảnh nhà còn khác, cứ đầu năm mới là thầy tôi lại đem những bức chân dung tổ tiên ra thờ, trọng thể lắm. Hồi đó, được ngắm những người mặc quần áo đẹp đẽ như thế, tôi lấy làm sướng mắt lắm. Nhưng cái u em bố tôi lại chỉ vào một bức mà nói:

- Đây mới thật là bà nội đây này! Lạy bà đi để bà phù hộ cho chóng lớn!

Tôi thật không hiểu tại sao đã có một bà nội rành rành đó rồi, mà lại còn có một bà "mới thật là bà nội" nữa. Nhưng tôi cũng thích cái bà "thật là bà nội" đó lắm. Bà ta không già như bà nội ở trong nhà, còn trẻ, trông rất đẹp, mặc áo đỏ thêu kim tuyến, đội mũ giắt hạt trai, không khác mẹ tôi mấy. Khi tôi nhìn bà thì con mắt bà cũng nhìn chòng chọc vào tôi, và nụ cười ở khoé miệng càng lâu càng rõ. Tôi chắc chắn rằng nhất định bà yêu tôi lắm. Nhưng tôi cũng yêu bà nội hiện ở trong nhà, suốt ngày ngồi trước cửa sổ khâu vá. Bà cụ khác với bà nội người ta ở chỗ dù tôi vui vẻ nô đùa trước mặt bà cụ, hoặc giả có gọi bà cụ, cũng không làm cho bà cụ vui lên được. Tôi thấy bà cụ lạnh lùng quá. Về sau, tôi dần dần xa bà cụ. Cũng không phải vì tôi lớn rồi, và biết bà cụ không phải là người đẻ ra thầy tôi, mà chính là vì cứ thấy bà cụ ngồi lì khâu vá, năm này sang năm tháng khác, như cái máy, tự nhiên tôi đâm ra khó chịu. Có điều bà cụ thì vẫn vứ như trước, vẫn cứ ngồi khâu vá, vẫn săn sóc tôi, chiều chuộng tôi, tuy ít khi vui cười, nhưng cũng không quở mắng. Cho nên khi thấy tôi mất, bà cụ vẫn cứ thế. Về sau, thì cơ hồ chung tôi hoàn toàn sống nhờ vào đường kim mũi chỉ của bà cụ, mà bà cụ thì tất nhiên vẫn không đổi khác, cho nên đến khi tôi đi

học.

Ngọn đèn mờ dần. Dầu đã cạn. Anh đứng dậy mò dưới giá sách ra một cái bình sắt tây nho nhỏ, rót thêm dầu.

- Chỉ trong mỗi tháng này thôi mà dầu hỏa đã tăng giá hai lần rồi đấy nhé! - Anh vừa xoay cái cổ đèn vào, vừa nói thong thả - Đời sống càng ngày càng khó khăn tệ!... Bà cụ vẫn cứ như thế. Cho đến khi tôi tốt nghiệp, có việc làm, đời sống trong nhà mới được thư thả hơn trước. Mà tôi e bà cụ vẫn cứ như thế cho đến khi lâm bệnh, thật tình không gắng gượng được nữa, mới phải nằm xuống...Theo tôi nghĩ thì trong tuổi già, bà cụ kể cũng không đến nỗi vất vả lắm. Và sống được như thế kể cũng đã gọi là thọ rồi, tôi không cần phải khóc làm chi. Vả lại, đã có bao nhiêu người khóc rồi. Cả những người trước kia làm nhục bà cụ cũng khóc, ít ra ai cũng làm ra vẻ cảm cảnh. Ha...ha...Nhưng không hiểu làm sao lúc đó, cả cuộc đời bà cụ lại thu gọn và hiện ra trước mắt tôi, cuộc đời một người chính mình làm cho mình cô độc, rồi ngồi nghiền ngẫm cái cảnh cô độc của mình. Tôi cảm thấy những người như thế không phải là ít. Và những người đó làm cho tôi phải khóc lên. Nhưng phần lớn có lẽ vì tôi hồi đó hơi nhiều tình cảm quá!...

Ý kiến của anh đối với tôi bây giờ chính là ý kiến của tôi đối với bà cụ tôi ngày trước. Nhưng ý kiến của tôi hồi đó kỳ thực không đúng. Ngay tôi đây, từ khi bắt đầu hơi hiểu cuộc đời, thì quả tôi đã dần dần xa bà cụ.

Anh trầm ngâm, kẹp điếu thuốc ở ngón tay, cúi đầu, nghĩ ngợi. Ngọn đèn cũng khi tỏ khi mờ.

- Hừ! Muốn làm sao cho khi mình chết, không ai phải

vì mình mà khóc, cũng không phải là việc dễ.

Anh lẩm bẩm như nói một mình. Ngừng lại một tí anh ta lại ngửng lên nhìn tôi, nói tiếp:

- Nghĩ lại thì anh cũng chẳng có cách nào giúp tôi cả. Tôi cần phải tìm gấp việc gì làm...

- Anh không có người bạn nào có thể nhờ cậy được ư?

Quả lúc đó tôi cũng đang lo cho thân tôi chưa xong.

- Kể ra thì có mấy người đấy, nhưng cảnh ngộ của họ cũng chẳng khác gì tôi cả.

Lúc tôi từ biệt anh Liên Thù ra cửa thì trăng đã lên giữa đỉnh đầu, tròn vành vạnh. Đêm về khuya rất tĩnh mịch.

Tình cảnh tôi dạy học ở Sơn Dương không lấy gì làm tốt đẹp lắm. Dạy hai tháng rồi mà vẫn không nhận được đồng lương nào trong tay, đến nỗi món thuốc lá mà cũng phải giảm đi. Có điều những người trong trường này, kể cả những anh viên chức nhỏ, lương bổng mười lăm, mười sáu đồng thôi, nhưng mà ai cũng tỏ ra là những người lạc thiên tri mệnh cả. Họ đã chịu đựng quen nên đã thành xương đồng da sắt. Mặt có vàng ra, người có tóp đi, họ vẫn cứ làm việc từ sáng đến tối. Khi thấy người nào địa vị cao hơn họ một tí họ còn phải đứng dậy chào hết sức cung kính nữa. Quả họ là những người không cần "ăn no mặc đủ" rồi mới biết lễ nghĩa. Mỗi khi tôi nhìn thấy tình cảnh đó, không hiểu sao tôi lại sực nhớ đến những lời anh Liên Thù nhờ cậy tôi, khi chia tay nhau. Dạo ấy, đời sống của anh khó khăn quá, sự túng quẫn thường lộ ra cả nét mặt. Nhìn anh tựa hồ không thấy cái vẻ trầm ngâm ngày trước nữa. Biết tôi sắp lên đường, đang đêm,

anh đến thăm. Ngần ngừ hồi lâu, anh ta mới ấp úng:

- Không biết trên đó có cách gì không nhỉ? Sao chép mỗi tháng hai ba mươi đồng cũng được. Tôi...

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên, không ngờ anh lại chịu làm những việc như thế. Trong khoảnh khắc tôi không nói ra lời.

- Tôi... Tôi còn phải sống ít lâu nữa.

- Để lên đó tôi xem xem... Thế nào cũng hết sức giúp anh.

Tôi cương quyết hứa với anh như vậy, và lời hứa hẹn đó vẫn thường văng vẳng bên tai, đồng thời hình ảnh của anh cũng hiện lên trước mắt. Tôi như thấy anh đang ấp úng nói câu: "Tôi còn phải sống ít lâu nữa". Những lúc đó, tôi liền tìm hết cách chạy chọt cho anh khắp nơi. Nhưng có được gì đâu! Việc ít, người nhiều. Kết quả là họ nói với tôi một vài câu xin lỗi, và tôi cũng lại gửi cho anh một bức thư xin lỗi. Tôi dạy gần hết một học kỳ, tình hình lại rắc rối. Tờ *Học lý chu báo* của mấy tay cự phách ở đây chủ trương bắt đầu công kích tôi. Tất nhiên là họ không chỉ đích danh, nhưng họ nói bóng gió rất khéo, làm cho ai đọc cũng cho là tôi đang gây phong trào trong học sinh phản đối nhà trường. Và việc tôi đề cử anh Liên Thù dạy ở đây, họ cũng nói là tôi cốt gây bè kéo cánh.

Tôi đành phải ngồi yên không dám làm gì cả. Ngoài giờ lên lớp ra là ở nhà đóng cửa lại ,trốn tránh. Đến cả khói thuốc là lọt qua khe cửa sổ mà có khi cũng sợ tình nghi là gây phong trào phản đối nhà trường! Việc của anh Liên Thù lại càng không thể đả động tới. Như thế cho đến giữa mùa đông.

Hôm ấy, tuyết xuống, mãi đến khuya vẫn chưa tạnh. Bên ngoài vắng lặng quá, vắng lặng đến nỗi như có thể nghe được thanh âm của sự vắng lặng. Dưới ánh đèn heo hắt, tôi nhắt mắt ngồi khàn, tưởng tượng đã phủ dày mênh mông trên mặt đất, tưởng tượng thấy hoa tuyết rơi từng đóa từng đóa xuống lớp tuyết đã phủ dày mênh mông trên mặt đất, tưởng thấy quê hương tôi đang chuẩn bị ăn tết, ai nấy bận tíu tít, còn tôi thì vẫn còn là một đứa bé đang cùng với bọn trẻ con lấy tuyết đắp tượng La Hán ở chỗ đất bằng trong mảnh vườn sau nhà, rồi lấy hai cục than nhỏ điểm vào làm mắt cho ông La Hán, đen láy. Bỗng hai con mắt đó nhấp nháy, biến thành hai con mắt của anh Liên Thù.

"Tôi cần phải sống thêm ít nữa"

Vẫn là cái giọng dạo nọ.

- Tại sao vậy?

Tự dưng, tôi hỏi như thế, và liền cảm thấy buồn cười. Câu hỏi buồn cười đó làm cho tôi chợt tỉnh. Tôi ngồi ngay ngắn lại, châm một điếu thuốc, ấy cánh cửa sổ nhìn: quả tuyết xuống càng nhiều. Nghe có tiếng gõ cửa. Một lát sau, nghe có người đi vào, nhưng là bước chân đã quen của người làm vặt trong khách sạn. Anh ta đẩy cửa, đưa cho tôi một phong thư dài hơn sấu tấc[1], chữ viết nguệch ngoạc, nhưng liếc qua cũng nhận ra được hai chữ "*Ngay gửi*". Thư của anh Liên Thù!

Đây là bức thư đầu tiên anh gửi cho tôi từ ngày tôi xa thành S.. Vốn biết tính anh lười, nên mấy lâu không nhận

---

[1] Sấu tấc Trung Quốc bằng 20 cm.

được thư của anh, tôi cũng không lấy làm lạ. Tuy nhiên lắm lúc cũng giận anh không cho mình biết một tin tức gì về anh cả. Đến khi nhận được thư này, thì bỗng dưng tôi lại lấy làm lạ, vội vàng mở ra xem. Chữ trong thư cũng nguệch ngoạc như thế. Thư viết như sau:

Gửi anh Thân Phi...

Biết xưng hô với anh như thế nào đây cho phải? Thôi thì để trắng vậy. Rồi anh muốn tôi xưng hô với anh như thế nào thì anh cứ việc điền vào. Thế nào cũng được.

Sau buổi chia tay, tôi nhận được của anh ba bức thư tất cả, nhưng tôi không trả lời. Lý do rất đơn giản: cả đến nếu mua tem gửi thư, tôi cũng không có.

Có lẽ anh cũng muốn biết một ít tin tức về tôi nhỉ? Nói ngay để anh rõ: Tôi thất bại rồi! Trước kia, tôi cứ tưởng mình như thế là thất bại, bây giờ mới rõ là chưa phải, mà chính ngày nay tôi mới thất bại thật sự. Trước kia, còn có người muốn cho tôi sống thêm ít lâu nữa. Và tôi cũng muốn như thế, nhưng không sống nổi. Đến bây giờ, thì không cần thiết phải sống nữa, song vẫn cứ phải sống.

Nhưng cứ như thế nào mà sống ư?

Cái người muốn tôi sống thêm ít nữa, mà rồi tôi không sống nổi đó, cái người ấy đã bị kẻ thù lừa giết mất rồi. Ai giết? chả ai biết cả.

Đời người thay đổi chống quá mất thôi! Nửa năm nay, tôi chẳng khác gì người ăn xin rồi. Tuy nhiên tôi thấy mình còn có nhiều việc phải làm, vì thế, tôi vui lòng ăn xin, chịu đói chịu rét, chịu hiu quạnh, chịu đắng cay. Cốt sao đừng chết mất thôi. Anh tính, đời còn có người muốn cho mình

sống thêm ít lâu nữa, điều đó có sức mạnh lớn lao dường nào! Nhưng gì đây thì không còn có sức mạnh đó nữa, con người đó cũng không còn nữa. Và chính tôi cũng cảm thấy mình không đáng sống nữa. Cả những người khác cũng thế. Nhưng đồng thời, tôi lại cảm thấy rằng, chính vì những người không muốn cho tôi sống, mà tôi lại phải sống. Có điều hay cho tôi là cái người muốn cho tôi sống nay không còn nữa, cho nên tôi không sợ ai vì tôi mà đau lòng. Làm cho một người như thế đau lòng, điều đó thật tôi không muốn chút nào cả. Nhưng bây giờ thì không còn nữa rồi, cả đến người ấy cũng không còn nữa rồi. Khoan khoái lắm! Thoải mái lắm! Tất cả những cái gì xưa kia tôi thù ghét, phản đối, bấy giờ tôi làm hết. Tất cả những cái gì xưa kia tôi sùng bái, chủ trương, bây giờ tôi bỏ hết. Tôi đã thất bại thực sự rồi!... Nhưng mà tôi đã thắng lợi.

Anh cho tôi là điên ư? Cho tôi đã thành anh hùng hoặc vì nhân ư? Không. Không đâu. Chỉ giản đơn như thế này thôi: ít lâu nay tôi đã làm cố vấn cho sự trưởng họ Đỗ, lương tháng tám chục đồng.

Anh Thân Phi...

Anh cho tôi là hạng người thế nào, cái đó tuỳ anh. Muốn cho là gì cũng được.

Chắc anh còn nhớ cái phòng khách của tôi ngày trước chứ? Cái phòng chúng mình gặp nhau lần đầu và từ biệt nhau lần cuối ấy mà! Bấy giờ tôi vẫn dùng phòng ấy làm phòng khách. Ở đây, có những ông khách mới, có những lễ lạt mới, những lời tâng bốc mới, những cuộc chơi bài, đánh đố mới, những cái nhìn lạnh lùng, hàn học mới, những đêm thức trắng mới và những lúc thổ huyết mới.

Trong bức thư trước, anh có nói rằng việc anh dạy học không được như ý. Thế có muốn làm cố vấn không nào? Cứ bảo tôi, tôi xoay cho. Thực ra, làm một anh gác cửa cũng không hề gì. Cũng có những ông khách và những món lễ lạt mới, những lời ton hót mới...

Ở đây, tuyết xuống nhiều rồi. Trên ấy thế nào? Bây giờ đã khuya, tôi vừa học ra hai cốc máu, thấy người tỉnh hẳn ra, sực nhớ từ sang thu đến nay, anh đã lần lượt gửi cho tôi ba bức thư. Thật là một điều kinh ngạc hết sức. Cho nên tôi nghĩ phải cho anh biết một ít tin tức về tôi mới được. Mong anh không đến nỗi phải bực mình, chán ngán.

Sau này, có lẽ tôi không thư từ gì cho anh nữa đâu. Cái tính tôi anh còn lạ gì . Bao giờ thì anh trở về đây? Nếu về sớm, chắc có thể gặp nhau đây! Nhưng tôi nghĩ chúng ta đã không còn đi cùng một con đường nữa rồi, thế thì mong anh quên tôi đi là hơn. Tôi thành thực cảm ơn anh trước kia thường lo lắng cho đời sống của tôi. Nhưng bây giờ thì anh quên tôi đi. Tôi nay đã "tươm" lắm rồi!

Liên Thù

Ngày 14 tháng 12...

Mặc dù bức thư này không làm cho tôi "bực mình chán ngán", nhưng sau khi xem qua một lần, rồi xem kỹ một lần nữa, tôi cũng cảm thấy hơn khó chịu, đồng thời cũng cảm thấy hơi khoái chí. Tôi lại nghĩ bụng, bây giờ sinh kế không còn là vấn đề với anh nữa, tôi cũng có thể trút hết được một gánh nặng, mặc dù về mặt này, thuỷ chung tôi chưa hề giúp được gì cho anh. Bỗng tôi lại nghĩ đến chuyện viết thư trả lời anh, nhưng viết thì biết nói gì bây giờ, nên lại thôi không

muốn viết nữa.

Và dần dần thực tình tôi đã quên anh. Hình ảnh của anh không mấy khi hiện lên trong ký ức tôi nữa. Nhưng nhận được thư của anh chưa được mười ngày thì toà soạn *Học lý tuần báo* ở thành S., bỗng lại tiếp tục gửi báo của họ đến cho tôi. Tôi thường ít đọc những của ấy, nhưng đã gửi tới thì cũng tiện tay lật xem. Không ngờ, tờ báo đó lại làm cho tôi nhớ đến anh Liên Thù bởi vì thường ở đấy có đăng những bài thơ vần liên quan đến anh, như bài *Đến chơi nhà Liên Thù tiên sinh một đêm tuyết xuống* hoặc *bài Một buổi gặp mặt của các nhà thơ ở thư trai quan Cố vấn Liên Thù.*

Có một lần ở mục *Nhàn đàm*, có đăng một bài dài kể lại những mẩu chuyện trước kia người ta truyền cho nhau để chế giễu anh, nhưng mẩu chuyện đó gọi là "*dật văn*" nghĩa là những mẩu giai thoại. Tuy ý tại ngôn ngoại, nhưng đọc lên người ta cũng thấy tác giả muốn nói rằng "Phàm những con người phi thường tất có thể làm những việc phi thường"

Không hiểu sao, tuy những bài báo đó làm cho tôi nhớ đến anh, nhưng trong ký ức tôi thì hình ảnh lại cứ không rõ gì cả, có điều tựa hồ như lại càng thân mật hơn. Điều đó làm cho tôi bỗng dưng thường thấy khó chịu và hơi rùng mình, mà không biết duyên cớ vì đâu. May sao, đến mùa thu thì không thấy tờ *Học lý tuần báo* gửi đến nữa. Nhưng tờ *Học lý tuần báo* ở Sơn Dương lại đăng liên tiếp một bài nghị luận khá dài đề là: "*Lời đồn đại cũng là sự thực*". Trong đó có nói rằng: những lời đồn đại về mấy ông nọ đã được truyền đến tai những vị thân sĩ đứng đắn rồi! Bài đó ám chỉ một số người trong đó có tôi. Tôi đành phải hết sức cẩn thận, và cứ như trước, cả đến khói thuốc lá cũng phải giữ gìn không cho

bay ra ngoài. Giữ gìn cẩn thận như thế thật khổ và mất cả thì giờ, thành ra trăm việc đều bỏ phế, và tất nhiên là không có thì giờ rồi để nhớ đến anh Liên Thù. Tóm lại, kỳ thực tôi đã quên hẳn anh rồi.

Nhưng rốt cuộc tôi cũng không nấn ná đến nghỉ hè được. Cuối tháng năm tôi đã rời khỏi Sơn Dương.

Từ Sơn Dương dời đến Lịch Thành, rồi lại từ Lịch Thành dời đến Thái Cốc, dời đi dời lại , mất già nửa năm mà vẫn không tìm ra việc làm, tôi liền nhất định trở về thành S.. Về đến nơi vào một buổi chiều đầu xuân, trời muốn mưa và không mưa được. Một màu xám bao trùm lấy cảnh vật. Chỗ trọ cũ còn có phòng để không, tôi lại đến ở đó. Trên đường về sực nhớ đến anh Liên Thù, nên tới nơi tôi liền định cơm chiều xong là đi thăm anh. Tôi mang theo hai gói bánh nướng *Vân Hí*, ngon có tiếng. Phải đi qua bao nhiêu chặng đường ướt át, và phải tránh bao nhiêu con chó nằm kềnh giữa lối đi, mới tới được trước cửa nhà anh. Trong nhà đèn đuốc có vẻ khác thường. Tôi nghĩ bụng: đã là cố vấn thì đến chỗ ở cũng phải cho thật sáng sủa chứ, rồi bất giác cười thầm. Nhưng khi ngừng đầu lên nhìn thì thấy trong cánh cổng có cái gì trắng trắng. Rõ ràng là một tờ giấy dán chéo[1]. Tôi lại nghĩ: Chắc là bà nội mấy thằng Lương lớn. Lương bé chết chứ gì! và tôi bước qua cổng đi thẳng vào trong.

Một chiếc quan tài đặt giữa sân, dưới ánh sáng một ngọn đèn lù mù. Một người lính mặc quần phục đứng cạnh.

---

[1] Theo phong tục dân gian Trung Quốc ngày trước, thì khi trong nhà có người chết, ở trước cổng người ta dán chéo một tờ giấy trắng viết tên, tuổi người chết, để những người có tuổi hên quan đến tuổi người chết biết mà tránh khi nhập quan.

Có lẽ là anh lính hầu cận. Và có một người nào đang nói chuyện với y. Nhìn ra thì lại là bà nội thằng Lương. Ngoài ra, còn có mấy người phu mặc áo cộc đứng ở đó chẳng làm gì cả. Tim tôi bỗng đập mạnh. Bà cụ quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi, bỗng nói to:

- Trời ơi! Ông về đây rồi à? Sao không về sớm lấy ít ngay trước?

- Ai...ai mất đấy ạ?

Thực ra tôi cũng đại khái đoán ra rồi, nhưng cứ hỏi.

- Cụ lớn Thuỵ. Ngài mất từ hôm qua.

Tôi nhìn xung quanh. Phòng khách tối om. Hình như chỉ có một ngọn đèn. Ở nhà giữa lại treo một bức màn tang trắng. Có mấy đứa trẻ xúm nhau ở ngoài nhà. Đó là bọn thằng Lương lớn, Lương bé.

Bà nội thằng Lương đi lên trước, đưa tay chỉ cho tôi, nói:

- Ngài nằm ở đây này. Sau khi ngài ăn mừng xong, tôi để cả gian nhà giữa cho ngài thuê. Bây giờ ngài nằm ở đấy.

Bức màn tang trơ trụi, không treo gì cả. Phía trước có một chiếc bàn vuông, trên chiếc bàn vuông, trên chiếc bàn vuông bày mươi đĩa thức ăn và cơm. Tôi vừa bước vào, bỗng có hai người mặc áo tang cản lại, mắt như mắt cá chết trôi, trợn lên lộ vẻ kinh ngạc và ngờ vực, nhìn chòng chọc vào mặt tôi. Tôi vội vàng nói rõ mối quan hệ giữa tôi và anh Liên Thù. Bà nội thằng Lương cũng đứng ra làm chứng cho. Bây giờ họ mới dần dần buông tay ra và cũng không nhìn tôi như trước nữa, mặc nhiên để cho tôi đi đến nghiêng mình trước

linh sàng.

Tôi vừa nghiêng mình một cái, bỗng có người nào ngồi dưới đất khóc hu hu... Định thần nhìn thì thấy một đứa bé hơn mười tuổi, phủ phục trên chiếc đệm rơm, cũng mặc áo tang, đầu cạo nhẵn thín, đội chiếc mũ bện bằng gai to tướng.

Trò chuyện với hai người họ, mới biết một người là anh em họ với anh Liên Thù, kể là người bà còn gần nhất của anh. Còn người kia là cháu họ xa. Tôi xin được vào nhìn mặt người bạn cũ lần chót. Họ hết sức ngăn cản, nó là "không dám". Sau nói mãi, họ mới nghe và chịu vén bức màn tang lên cho nhìn.

Lần này là lần tôi gặp anh Liên Thù khi anh đã chết rồi. Nhưng sao lạ! Tuy anh mặc bộ quần áo lót ngắn và nhàu nát, trên thân áo còn có vết máu, mặt hốc hác đến thảm hại, nhưng diện mạo thì vẫn như trước kia, miệng mím chặt, mắt nhắm lại, vẻ yên tĩnh, như đang ngủ, khiến cho tôi có ý muốn đặt tay trước mũi anh xem có phải anh vẫn còn đang thở thật đấy không?

Ai đấy đều im lặng như chết, cả người chết lẫn người sống. Tôi lùi ra. Người anh em họ của anh đến nói chuyện: Nào là "chú nó" đang giữa lúc trẻ trung, đường công danh còn rộng rãi, thế mà bỗng "hóa ra người thiên cổ". Đó không những là điều bất hạnh cho "họ hàng" mà cũng làm cho "bầu bạn đau lòng". Ông ta không nói ra, nhưng có ý như xin lỗi hộ cho anh Liên Thù. Người miền núi biết ăn nói như thế cũng hiếm. Nhưng sau đó thì không khí lại trầm mặc. Ai nấy đều im lặng như chết, cả người chết lẫn người sống.

Tôi thấy chán ngắt, chẳng thương xót gì cả, nên lùi ra

sân nói chuyện với bà nội thằng Lương. Nhân đó mới biết là sắp đến giờ nhập liệm, chỉ còn chờ bộ áo quần mới đang đi may cho người chết về nữa thôi. Lại biết khi nào đậy nắp quan tài thì bốn tuổi "*tí, ngọ, mão dậu*" nhất thiết phải tránh cho xa. Bà cụ nói về thích thú lắm, thao thao bất tuyệt,như nước suối chảy. Bà cụ kể lại bệnh tình anh Liên Thù, nói đến tình lúc anh còn sống, và cũng xen vào một vài câu bình phẩm.

- Để tôi nói cho ông nghe. Ông lớn Ngụy từ khi gặp vận hội, thì khác trước lắm, mặt lúc nào cũng vênh lên, trông nghênh ngang lắm. Đối với mọi người cũng không phải quá lạnh lùng như trước. Ông biết đấy, ngày trước, cứ như là người câm, một ngày không được một tiếng. Với lại, trước đây chẳng gọi tôi bằng "cụ" là gì, thế mà sau này thì gọi là"già". Hì! Hì! Thật là hay đáo để! Người ta đưa biếu món truật Tiên Cư[1], không ăn, lại đem quẳng ra sân - ở chỗ này đây - gọi tôi bảo: "Già này! Già có ăn thì ăn". Sau khi ông ta gặp vận hội, kẻ lui người tới đông lắm, tôi phải nhường cái gian nhà giữa cho mà ở, còn tôi thì dọn vào cái gian xép này. Từ khi gặp vận hội thì ông ta khác hẳn người thường, chúng tôi thường nói đùa với nhau như thế. Giá mà ông về đây chừng một tháng trước thì ông còn thể thấy được cảnh tấp nập ở đây. Cứ mỗi tuần là hai ba lần tiệc tùng, rồi thì nói nói, cười cười, hát xướng, ngâm thơ, đánh mạt - chược.

Ngày trước, ông ta sợ trẻ con hơn là sợ bố nữa, lúc nào cũng nhỏ nhẻ, dịu dàng với chúng nó. Gần đây, thì khác hẳn,

---

[1] Truật Tiên Cư là một thứ *Bạch truật*, một vị thuốc bắc, lấy ở vùng Tiên Cư, tỉnh Chiết Giang.

hay nói,hay đùa. Bọn thằng Lương thích đùa cợt ông ta lắm, hễ hở ra là lại chạy vào phòng ông ta. Ông ta nghĩ ra lắm cách đùa với chúng nó. Chúng nó vòi mua cái gì, thì ông ta bắt chúng nó giả làm chó sủa, hoặc cúi đầu lạy sát đất, mới mua cho. Ha! Ha! Thật là vui đáo để. Hai tháng trước, thằng Lương con vòi ông ta mua giày, nó phải cúi đầu lạy ba cái đấy! Hiện giờ giày còn đi đấy, chưa rách.

Một người mặc áo trắng dài đi ra. Bà cụ ngừng lại. Tôi do hỏi về chứng bệnh anh Liên Thù, nhưng bà cụ không rõ lắm, chỉ nói rằng người anh sút đi từ lâu, có điều không ai để ý, bởi vì thấy anh vẫn vui vẻ lắm. Cho đến cách đây hơn một tháng, mới nghe anh nói thổ huyết mấy lần, nhưng hình như cũng chẳng đi xem thầy xin thuốc gì cả. Sau thì nằm liệt xuống. Ba hôm trước khi chết, cổ khản hẳn đi, không nói ra tiếng nữa. Ông Mười Ba, bà con với anh, tận Hàn Thạch Sơn mò lên, hỏi anh có tiền bạc dành dụm gì không. Anh không nói gì cả. Ông Mười Ba nghi là anh giả vờ. Cũng có người nói rằng, kẻ chết về lao cũng nói không ra tiếng. Chẳng biết thế nào..

Bỗng bà cụ nói khẽ lại:

- Nhưng mà tính khí ông lớn Ngụy cũng lạ lùng lắm cơ. Ông ta chẳng chịu dành dụm chút gì cả, tiền cứ tiêu như nước. Ông Mười Ba ngờ là chúng tôi được nhờ cậy nhiều. Nhưng nhờ cậy cái gì? Ông ta cứ tiêu tầm bậy tầm bạ hết sạch. Ví dụ, mua vật gì, mới mua hôm nay, ngày mai đã lại bán đi, hay lại phá cho hỏng. Chẳng hiểu ra làm sao cả. Đến khi chết thì chẳng có cái gì nữa, hết sạch. Nếu không thì hôm nay đâu đến nỗi lạnh tanh đi như thế này!

Ông ta chỉ chơi bời phá phách, chẳng lo gì đến chuyện

đứng đắn cả. Tôi đã nghĩ đến điều đó và đã khuyên nhủ ông ta. Tuổi tác như thế đáng lẽ phải có vợ có con. Cứ như địa vị ông ta hỏi ai chẳng được! giá chưa gặp nơi môn đăng hộ đối, thì hẵng cưới vài ba cô hầu đã, cũng được. Đã làm người thì phải cho ra người chứ! Nhưng ông ta cứ nghe tôi nói là lại cười và nói: "Già này? Sao già lại cứ lo những chuyện như thế cho người khác?". Ông xem, ít lâu nay ông ta trở thành phù phiếm như thế, chẳng thực tế chút nào cả. Người ta nói điều phải lại không chịu nghe. Giá mà nghe tôi thì đâu đến nỗi bây giờ nằm xuống, một thân một mình trơ trọi như vậy. Ít ra cũng được nghe vài tiếng khóc của người thân.

Một người ở hiện may đưa quần áo về. Ba người bà con liền lấy bộ đồ lót, rồi đi vào sau màn. Một lát, màn vén lên, đồ lót đã thay đổi rồi. Bây giờ đến lượt mặc áo ngoài. Tôi thật không ngờ tới. Người ta mặc cho anh một cái quần nhà binh màu vàng đất, có nẹp đỏ rộng, rồi mặc chiếc áo nhà binh màu vàng đất, có nẹp đỏ rộng, rồi mặc chiếc áo nhà binh vào có cầu vai kim tuyến chói sáng. Cũng không rõ anh phẩm tước gì, và phẩm tước ấy ai cho. Khi nhập quan thấy anh nằm không được thoải mái lắm, cạnh chân để một đôi giầy, và cạnh cái mặt đen xạm khô đét, để một chiếc mũ lưỡi trai viền kim tuyến.

Ba người bà con anh vịn vào thành quan tài khóc một hồi, rồi ngừng khóc, lau nước mắt. Đưa bé đội mũ gai lùi ra, thằng Lương ba cũng chạy trốn mất, có lẽ bọn chúng nó cũng thuộc vào một trong bốn tuổi *tí, ngọ, mão, dậu* chăng.

Mấy người phu khiêng nắp quan tài vào. Tôi lại gần, nhìn mặt anh lần cuối cùng trước khi vĩnh biệt. Trong bộ áo quần cứng nhắc đó, anh nằm yên tĩnh, mắt nhắm, miệng

mím, mỉa mai cái xác chết đáng buồn cười đó.

Tiếng đóng nắp quan tài vang lên, thì tiếng khóc cũng òa lên theo. Tôi không tài nào ngồi mà nghe họ khóc được: đành phải đi ra sân, rồi thuận chân bước. Không ngờ đã ra đến cổng. Đường ướt át, trông rõ lắm. Ngửng lên nhìn trời, mây đen đã tan hết. Một vừng trăng tròn treo lơ lửng toả xuống một làn ánh sáng lạnh lẽo.

Tôi bước rất gấp, như muốn thoát ra khỏi một cái gì nặng nề đang đè tôi xuống, nhưng không thể nào thoát ra được. Tai tôi như văng vẳng nghe một thanh âm ấm ức, mãi rất lâu, mới bật ra thành một tiếng rống to, kéo dài như còn chó sói bị thương rống lên giữa cánh đồng vắng đêm khuya,vừa thảm thiết, vừa phẫn nỗ vừa bi ai.

Bỗng thấy lòng nhẹ nhõm, tôi thản nhiên bước đi trên con đường đa ướt át, dưới ánh trăng.

Ngày 17 tháng 10 năm 1925

TIẾC THƯƠNG NHỮNG NGÀY ĐÃ MẤT.

Bút ký của Quyên Sinh

Nếu như có thể được thì tôi sẽ vì hương hồn Tử Quân và vì chính mình tôi mà ghi lại đây lòng hối hận, nỗi đau thương của tôi.

Gian phòng đổ nát, hẻo lánh, như bị bỏ quên trong cái hội quán này sao mà buồn bã, trống trải thế! Thời gian đi nhanh quá! Từ ngày tôi yêu Tử Quân, và nhờ nàng mà thoát ra được khỏi cái nơi buồn bã, trống trải đó, tính đến nay, đã trọn một năm rồi. Thật là không may chút nào cả! Khi tôi trở về đây, lại chỉ có cái gian phòng này là còn bỏ trống, chưa ai ở. Vẫn cái cửa sổ hư hỏng ấy. Vẫn cây hòe gần chết khô và cây tử đằng già cỗi ngoài cửa sổ. Rồi chiếc bàn vuông đặt trước cửa sổ, bức tường nát, tấm phản kê sát tường cũng vẫn y nguyên như trước. Đêm khuya, một mình nằm trơ trên tấm phản, tôi có cảm tưởng giống y như hồi tôi chưa cùng ở chung với nàng. Thời gian một năm qua như chưa hề dọn ra khỏi cái gian phòng đổ nát này để xây dựng một cảnh gia đình nho nhỏ, chứa chan hy vọng, ở ngõ Cát Triệu bao giờ cả!

Chẳng những thế mà thôi. Một năm về trước, cảnh vắng vẻ, trống trải ấy cũng đâu có như thế này, bởi vì hồi đó còn có sự mong chờ, mong chờ nàng đến. Ngồi mong chờ mãi,

sốt ruột, cứ nghe tiếng giày cao gót nhẹ nhàng đi trên con đường lát gạch là tôi bỗng lại vui hẳn lên. Rồi thì được nhìn khuôn mặt tròn trĩnh, nước da hơi xanh, với hai má lúm đồng tiền của nàng, được nhìn đôi cánh tay trắng và gầy, chiếc áo vải sọc, chiếc quần màu huyền của nàng. Nàng còn hái một ít lá non ở cây hòe gần chết khô trước cửa sổ đem vào cho tôi xem, và cả những chùm hoa nửa trắng nửa tím của cây tử - đằng lủng lẳng trên cái cành trông như sắt nữa.

Thế mà bây giờ trước, chỉ có cái cảnh vắng vẻ, trống trải là y nguyên như trước, còn Tử Quân thì không đến nữa, vĩnh viễn không bao giờ đến nữa!...

Khi Tử Quân không ở trong gian phòng đổ nát, thì xung quanh tôi, tôi không nhìn thấy gì nữa hết. Ngồi buồn, tôi tiện tay quờ lấy một cuốn sách, sách khoa học hay là sách văn học, sách nào thì cũng thế thôi, như nhau cả, rồi cứ đọc bừa. Bỗng nhận thấy mình đã lật qua hơn mười trang giấy rồi, mà nào có nhớ trong sách họ nói cái gì đâu! Chỉ có lỗ tai thì thích lắm, như nghe được tất cả mọi thứ tiếng giày qua lại trước cổng, trong đó có tiếng giày của nàng, và tiếng giày nghe lóc cóc càng gần dần...nhưng thường thường thì lại dần dần xa vắng rồi mất hút đi trong những bước chân dồn dập. Tôi rất ghét cái thằng con lão gác cổng: nó đi đôi giày vải, nghe chẳng giống tiếng giày của Tử Quân chút nào cả. Tôi cũng rất ghét cái anh chàng, mặt trát kem bừ bự, ở gian phòng bên cạnh, hắn thường đi đôi giày da mới đóng, nghe y như là tiếng giày của Tử Quân ấy!

Nàng ngã xe rồi chăng? Hay là ô tô cán bị thương rồi chăng?..

Tôi muốn cầm mũ đi tìm nàng, nhưng mà người chú

ruột của nàng đã có lần mắng vào mặt tôi.

Bỗng tiếng giày của nàng đến gần, càng lâu càng rõ. Chạy ra đón thì nàng đã đi quá giàn tử - đăng rồi, tủm tỉm cười, để lộ hai lúm đồng tiền trên má. Như thế chắc là ở nhà, nàng không bị ông chú rầy la rồi. Tôi yên tâm. Chúng tôi ngồi phẳng lặng nhìn nhau một lúc, rồi tiếng nói của tôi vang lên trong gian phòng đổ nát này. Tôi nói về cảnh gia đình chuyên chế, nói về việc xoá bỏ tục lệ cũ, nói về nam nữ bình đẳng, nói về Ip-xen, Ta-go, Se-li[1]... Nàng chỉ mỉm cười, gật đầu, đôi mắt tò mò sáng lên một cách hết sức ngây thơ. Trên tường, tôi có treo một bức ảnh bán thân của Se-li khắc đồng, cắt trong một tờ tạp chí. Đó là bức ảnh đẹp nhất của ông ta. Tôi chỉ cho nàng xem, nhưng nàng chỉ nhìn qua, rồi cúi đầu xuống, hình như có ý ngượng, về phương diện này, có lẽ nàng còn chưa thoát khỏi ràng buộc của tư tưởng cũ. Về sau, tôi nghĩ có lẽ nên lấy bức ảnh kỷ niệm của Se-li chụp khi ông ta chết đuối ngoài biển hoặc là bức ảnh của Ib-xen thay vào. Nhưng rồi tôi cũng không thấy. Bây giờ thì đến cái bức ảnh kia đã biến đi đâu rồi, cũng chẳng biết nữa.

"Người em là của em, không ai có quyền can thiệp vào đời em cả"

Đó là những câu nàng nói với tôi, khi chúng tôi đã gần gũi nhau nửa năm. Hôm ấy chúng tôi nói chuyện đến chú ruột của nàng ở đây và ông thân sinh nàng ở quê nhà. Nàng ngồi lặng suy nghĩ một lát, rồi nói như thế, hết sức rành rọt.

---

[1] Ibsen (1828 - 1906), một nhà viết kịch nổi tiếng người Na Uy. Tagore (1861 - 1941), một nhà thơ và nhà triết học người Ấn Độ. P.S.Shelley (1792 - 1822), một nhà thơ người Anh.

kiên quyết trầm tĩnh. Lúc đó là tôi đã bày tỏ hết ý nghĩ của tôi và nói cho nàng hiểu thân thế, khuyết điểm của tôi không giấu giếm điều gì. Và nàng cũng biết như thế. Câu nói trên làm cho tâm hồn tôi rung động, bao nhiêu ngày sau còn vang dội trong tai tôi. Tôi vui mừng không sao kể xiết, thấy phụ nữ Trung Quốc đâu phải là "nan hoá"[1] như những ông chán đời thường nói. Trong một tương lai không xa nữa, ánh sáng ban mai sẽ rự rỡ lên cho mà xem!

Tôi tiễn nàng ra tới cổng. Theo thường lệ, chúng tôi đi cách nhau mươi bước. Và theo thường lệ, cái lão râu cá trê kia lại dán mặt vào tấm kính cửa sổ bẩn thỉu, đến nỗi cái mũi bẹp dí xuống. Đến sân theo thường lệ, lại thấy anh chàng mặt bự kem, đứng sau cửa sổ kính sáng loáng. Mắt nhìn thẳng phía trước, nàng bước đi một cách kiêu hãnh, nên không thấy. Và tôi cũng kiêu hãnh trở vào.

"Người em là của em, không ai có quyền can thiệp vào đời em cả". Trong óc nàng niềm tin tưởng triệt để đó kể còn dứt khoát, mạnh mẽ hơn tôi nhiều. Cái mũi bẹp dí kia, đối với nàng, có nhiều lý do gì?

Bây giờ tôi không nhớ rõ lúc đó tôi đã thổ lộ với nàng mối tình yêu trong trắng, nồng nàn của tôi như thế nào. Mà không những bây giờ, ngay sau lúc đó, tôi cũng không còn nhớ được ra sao nữa. Đêm nằm mường tượng lại cũng chỉ mường tượng được một đôi điều vụn vặt mà thôi. Và sau khi ở chung với nhau một vài tháng rồi thì cả những điều vụn vặt đó cũng trở thành mộng ảnh, hết sức mơ hồ, không tài nào

---

[1]. Lấy ở câu: "Phụ nhân nan hóa" nghĩa là người phụ nữ thì khó giáo dục. Tư tưởng Không Mạnh.

hình dung được. Chỉ còn nhớ rằng mười hôm trước đó, tôi đã nghiên cứu thái độ của mình khi tỏ tình với nàng, sắp đặt sẵn, nên nói cái gì trước, cái gì sau, và cũng nghĩ đến cách xử trí như thế nào giá như nàng cự tuyệt. Nhưng đến lúc đó thì trở thành vô dụng hết. Và trong lúc hoảng hốt, không tự chủ được, tôi đã bắt chước cái trò thường thấy trên màn ảnh. Về sau, mỗi lần nghĩ đến, tôi lại rất lấy làm xấu hổ. Có điều trong ký ức tôi thì lại chỉ còn lại cái cảnh đó không phai mờ. Và đến nay, nó vẫn như ngọn đèn duy nhất trong một phòng tối mịt và dưới ánh ngọn đèn đó, tôi mới nhìn lại thấy tôi, mắt đẫm lệ, cầm lấy tay nàng, quỳ xuống...

Không những tôi không rõ chính tôi đã làm gì, mà đến Tử Quân cử chỉ nói năng ra làm sao, tôi cũng không biết nữa. Chỉ biết là nàng đã đồng ý. Nhưng tôi cũng phảng phất nhớ là cái mặt nàng tái đi, sau đó lại dần dần đỏ ửng lên. Trước kia tôi chưa từng thấy mặt nàng đỏ ửng lên như thế bao giờ và sau này cũng không hề thấy lại một lần nào nữa.

Đôi mắt nàng ngây thơ như con mắt trẻ con, ánh lên một niềm vui mừng lẫn lộn buồn thương, trong đó lại có sự ngạc nhiên, sự nghi hoặc nữa. Tuy vậy, nàng cố tránh tầm mắt tôi và hoảng hốt, nàng như muốn bay ra ngoài, qua khung cửa sổ hư nát. Nhưng tôi biết nàng đã nhận lời tôi rồi, mặc dù tôi không nhớ nàng đã nói như thế nào hay là chẳng nói gì hết.

Còn nàng thì nàng nhớ rõ. Những lời tôi nói với nàng, nàng như thuộc lòng, có thể nhắc lại được một cách trơn tru. Và những cử chỉ của tôi thì như đã được in vào một cuốn phim ảnh để trước mắt nàng mà tôi không nhìn thấy được, ghi lại ràng rọt, tỉ mỉ tất cả và tất nhiên ghi lại cả cái trò khá

bỉ ổi bắt chước màn ảnh, mà tôi không muốn nhớ lại tí nào. Những khi đêm khuya thanh vắng, mặt nhìn mặt ôn lại chuyện cũ, tôi thường bị nàng chất vấn, khảo sát, bắt nhắc lại những lời tôi đã nói lúc bấy giờ, nhưng luôn luôn phải nhờ nàng bổ sung, đính chính cho, y như là một anh học sinh hạng bét.

Về sau, dần dần cũng thưa đi, không mấy khi như thế nữa. Có điều mỗi lần thấy nàng ngồi, mắt đăm đăm nhìn vào quãng không, vẻ trầm tư, nét mặt dịu hiền, má lúm đồng tiền càng lúm xuống là biết ngay nàng đang ôn chuyện cũ. Tôi chỉ sợ nhất là nàng thấy lại cái trò buồn cười mà tôi bắt chước được trên màn ảnh. Tôi biết, thế nào nàng cũng thấy lại và không thấy lại cũng không được.

Có điều nàng thì nàng không cho là buồn cười đâu! Dù tôi có cho là buồn cười, thậm chí cho là bỉ ổi đi nữa, nhất định nàng cũng không bao giờ cho là buồn cười chút nào. Điều đó tôi biết rất rõ, bởi vì nàng yêu tôi, yêu tha thiết như thế, trong trắng như thế.

Cuối mùa xuân năm ngoái là quãng đời hạnh phúc nhất mà cũng là bận rộn nhất của tôi. Lòng tôi thì đã yên tĩnh lắm rồi, nhưng những phần khác trong người tôi cùng với thân thể tôi lại tíu tít lên. Lúc đó, chúng tôi mới dắt nhau đi chơi ngoài phố, cũng có mấy lần dạo vườn hoa, nhưng nhiều nhất là dắt nhau đi tìm nhà. Dọc đường, thỉnh thoảng tôi lại cảm thấy có những con mắt nhìn chúng tôi tò mò, chế nhạo, đểu cáng, khinh bỉ, nếu không giữ gìn cẩn thận thì cả con người tôi đến phải co rúm lại. Tôi đành phải dùng đến cái tính kiêu ngạo, cái tinh thần phản kháng của tôi mà chống chọi lại. Nhưng nàng thì bất chấp tất cả, không thèm bận lòng vì

những điều ấy, cứ khoan thai, bình tĩnh bước tới, thản nhiên như đi giữa chốn không người.

Tìm ra cho được một cái nhà để thuê không phải là chuyện dễ. Phần nhiều người ta từ chối bằng cách này, cách khác, chỉ một vài nơi chúng tôi không thuê là vì không vừa ý. Lúc đầu thì chúng tôi còn hơi khó tính, mà có lẽ cũng không phải khó tính, bởi vì nhìn qua cũng thấy không phải là chỗ chúng tôi có thể yên thân được. Về sau, thì miễn người ta bằng lòng cho thuê là tốt rồi. Đi xem hơn hai mươi chỗ, mới tìm được một chỗ tàm tạm có thể ở được, tức là hai gian phòng hướng nam của một ngôi nhà nhỏ, ngõ Cát Triệu. Chủ nhà là một ông công chức nhỏ, nhưng cũng là người biết điều, ông ta ở gian giữa và cái phòng xép. Ông ta có vợ và một đứa con gái vừa lên một, và một đưa đầy tớ gái thuê nhà ở quê ra. Đứa bé mà không khóc thì yên tĩnh vắng lặng lắm!

Chúng tôi chẳng sắm sửa mấy, thế mà cũng tiêu hết nửa số tiền dành dụm được. Tử Quán còn phải bán đôi hoa tai và chiếc nhẫn vàng duy nhất của nàng. Tôi không cho nàng bán, nhưng nàng cứ nhất định bán cho kỳ được, nên tôi cũng không ngăn cản nữa. Tôi biết nếu không để nàng góp phần của nàng vào thì nàng không yên tâm.

Trước đây nàng đã to tiếng với ông chú đến nỗi ông chú giận không nhận nàng là cháu nữa. Còn tôi thì tôi cũng đã lần lượt tuyệt giao với những ông bạn tự cho là thành thực khuyên bảo tôi, nhưng thật ra họ sợ giùm cho tôi, hoặc giả là ghen tị với tôi. Nhưng như thế mà lại yên thân. Mỗi ngày tan sở tuy trời đã gần tối, anh phu xe lại chạy rất chậm, thế mà tôi về đến nhà chúng tôi còn có thì giờ ngồi đối diện với nhau được một lát. Lúc đầu thì chúng tôi im lặng nhìn nhau,

sau khi trò chuyện cởi mở thân mật và cuối cùng thì im lặng. Hai người cúi đầu suy nghĩ, nhưng thật ra chẳng suy nghĩ gì cả. Dần dần tôi thấu hiểu nàng cả về tâm hồn lẫn thể xác. Và chưa đầy ba tuần lễ, tựa hồ như không có gì về nàng tôi không biết nữa. Tôi đã tìm ra được cả những điều làm cho chúng tôi không gần nhau, trước kia tưởng không có, nhưng bây giờ thì vẫn thấy cách bực, tức là những cái cách bức thực sự.

Càng ngày, Tử Quân càng vui vẻ hoạt bát lên. Nhưng nàng không thích chơi hoa. Hai chậu hoa nho nhỏ tôi mua ở chợ về, để bốn ngày không có giọt nước, chết khô ở góc tường, còn tôi thì lại không rỗi để làm những việc ấy. Tóm lại, nàng thích nuôi gà nuôi chó, có lẽ là bà quan nọ truyền nhiễm cho chăng. Chưa đầy một tháng, quyến thuộc của chúng tôi bỗng dưng đông hẳn lên. Bốn con gà của bà chủ nhà. Cả hai người đều nhận được mặt gà, biết con nào là của mình. Lại còn một con chó đốm con nữa, mua ở chợ về. Nhớ như nguyên nó đã gọi là con gì rồi, nhưng Tử Quân lại đặt cho một tên khác, con Tùy. Tôi không thích cái tên đó, nhưng cũng gọi là con Tùy.

Thật thế, tình yêu phải được đổi mới luôn, lớn dần lên và phải sáng tạo. Tôi đem điều đó nói với Tử Quân. Nàng cũng gật đầu cho là đúng.

Trời ơi! Ban đêm sao mà thấy êm ả và hạnh phúc đến thế nhỉ.

Phải giữ cho cuộc sống êm ả và hạnh phúc được vững bền, mãi mãi êm ả như thế. Hồi còn ở hội quán, đôi khi chúng tôi còn xung đột về quan niệm, hiểu lầm về tư tưởng của nhau, chứ từ khi dời đến ở ngõ Cát Triệu này thì đến

những cái đó cũng không còn nữa. Ngồi đối diện dưới ánh đèn, nhắc lại chuyện cũ, chúng tôi thường thức lại nỗi vui sướng làm lành với nhau sau những cuộc xung đột, vui sướng như chết đi mà được sống lại.

Tử Quàn cũng càng ngày càng béo ra, sắc mặt cũng hồng hào lên. Chỉ hiềm điều nàng bận lắm. Bận việc cửa việc nhà đến nỗi thì giờ nói chuyện gẫu với nhau cũng không có nữa, nói gì đến thì giờ đọc sách và đi chơi! Chúng tôi thường bàn với nhau thế nào cũng phải thuê một người ở gái.

Có điều này làm cho tôi không được vui là cứ buổi chiều đi làm về, tôi thường thấy vẻ mặt nàng buồn rười rượi, nhất là khi thấy nàng cố gượng nói gượng cười thì tôi lại càng buồn hết sức. May mà dò biết được rằng, nguyên nhân vì có sự lục đục với bà quan nọ về chuyện gà quê giữa hai người. Nhưng chuyện như thế sao mà hỏi lại nhất định không nói? Con người ta nhất định phải ở riêng biệt ra. Chỗ như thế này thì không thể ở được.

Cuộc đời của tôi đã thành nếp rồi. Mỗi tuần lễ sáu ngày, ngày nào cũng từ nhà đến sở, rồi lại từ sở về nhà. Ở sở thì ngồi vào bàn giấy, sao sao chép chép công văn và thư từ, về nhà thì ngồi cùng nàng, mặt nhìn mặt, hoặc giúp nàng nhóm bếp, nấu cơm, hấp bánh bao. Tôi biết nấu cơm là từ hồi đó.

Ở đây tôi được ăn ngon hơn khi ở hội quán nhiều. Tử Quàn tuy không có tài về khoa nấu nướng, nhưng nàng làm hết lòng hết sức. Nhưng điều làm cho nàng lo nghĩ đêm ngày cũng làm cho tôi lo nghĩ theo, gọi là vui buồn có nhau. Huống chi nàng lại phải suốt ngày mồ hôi đầm đìa, tóc cứ

dính bết vào trán và hai bàn tay thì càng lâu càng thô tháp đi như thế!

Rồi lại phải cho con Tuỳ ăn, cho gà con ăn... đều là việc không có nàng không xong.

Có lần tôi đã nói thật với nàng rằng "Anh không ăn cũng được, chứ không thể để cho em vất vả thế kia". Nàng chỉ lườm tôi một cái, không nói gì, nhưng nét mặt lại buồn rũ rượi. Tôi đành phải làm thinh. Nhưng nàng thì vẫn cứ vất vả như thế.

Cái điều không hay mà tôi dự đoán quả nhiên đã xảy ra. Buổi chiều trước tế Song Thập, tôi đang ngồi thần thờ và nàng thì đang rửa chén bát. Nghe có tiếng gõ cửa, tôi ra mở. Thì ra là anh chạy giấy ở sở, anh ta đưa cho tôi một tờ, công văn in thạch. Tôi đã hơi đoán ra chuyện gì rồi. Đem lại trước đèn xem, quả nhiên tờ công văn viết như thế này đây.

Theo lệnh ông thủ trưởng cơ quan thì ông Sử Quyên Sinh có thể nghỉ việc bắt đầu từ hôm nay.

Phòng bí thư

Ngày 9 tháng 10

Việc này khi còn ở hội quán, tôi đã dự đoán rồi. Cái thằng mặt bự kem kia là bạn cờ bạc với thằng con ông thủ trưởng. Nhất định hắn đã đặt điều xuyên tạc mối quan hệ giữa tôi và Tử Quân, rồi tìm cách nói đến tai cấp trên của tôi. Mãi đến nay mới hiệu nghiệm thì cũng có thể cho là hơi muộn! Thật ra, đối với tôi, đó không phải là một tiếng đồn đau, bởi vì tôi đã quyết định sẵn rồi, hoặc là đi sao chép ở nơi khác, hoặc là đi gõ đầu trẻ, hoặc là dịch một ít sách, tuy

có mệt hơn, huống nữa ông chủ bút tờ *Người bạn của tự do* là người quen, đã gặp nhau mấy lần, cách đây hai tháng còn gửi thư cho tôi. Tuy vậy tim tôi vẫn đập mạnh. Rồi thì Tử Quân xưa nay vốn không sợ cái gì, bỗng cũng biến sắc đi: điều này làm cho tôi hết sức đau khổ. Gần đây xem nàng hình như có ý khiếp nhược hơn trước.

Nàng nói:

- Chẳng hề gì! Hừ! không làm việc này thì làm việc khác. Chúng ta...

Nàng không nói hết câu. Không hiểu gì vì sao mà giọng nói của nàng tôi nghe cứ như thoang thoảng. Và ngọn đèn trông cũng thấy ảm đạm khác thường. Con người ta nghĩ cũng buồn cười. Một việc nhỏ mọn hết sức cũng có thể có một ảnh hưởng rất sâu sắc. Lúc đầu chúng tôi ngồi nhìn nhau im lặng, dần dần chúng tôi bàn bạc với nhau, cuối cùng thì quyết định số tiền hiện còn phải hết sức dè sẻn, một mặt thì đăng quảng cáo trên báo tìm chỗ làm thư ký hay dạy học, một mặt thì viết thư cho ông chủ bút *Người bạn của tự do*, nói rõ cảnh ngộ tôi hiện nay, mong ông ta nhận sử dụng những bản dịch tôi sẽ gửi đến, giúp tôi chút đỉnh trong lúc hoạn nạn.

- Đã nói thì làm. Quyết tìm một con đường khác vậy!

Tôi liền đứng dậy đi lại bàn viết, đẩy lọ đựng dầu thơm và đĩa giấm sang một bên, Tử Quân thì mang cái đèn leo lét đến. Tôi thảo mẫu đăng quảng cáo trước rồi ngồi chọn những quyển sách có thể dịch được.Đống sách này từ khi dọn nhà đến nay chưa hề giở ra xem, cho nên quyển nào quyển nấy trên đầu cũng bám đầy bụi. Sau cùng thì viết bức thư.

Tôi ngần ngừ mãi, chẳng biết nên nói thế nào cho tiện. Đang dừng bút suy nghĩ thì liếc qua nhìn nàng. Dưới ánh đèn heo hắt, trông mặt nàng thảm hại quá chừng. Tôi không ngờ một việc cỏn con như thế mà lại có thể làm cho một người kiên quyết, can đảm như Tử Quân thay đổi hẳn đi như thế được. Quả thực, gần đây nàng trở thành khiếp nhược lắm rồi, chứ không phải chỉ mới bắt đầu từ đêm hôm nay mà thôi! Vì thế lòng tôi càng thêm rối loạn. Bỗng hình ảnh cuộc sống yên lành trong cảnh thanh vắng của cái hội quán đổ nát kia, cứ thoảng qua trước mắt tôi. Tôi định tâm nhìn cho thật rõ thì lại chỉ thấy cái ánh đèn heo hắt.

Một hồi lâu, thư cũng đã viết xong. Bức thư hơi dài. Tôi thấy người rã rời hẳn ra. Hình như gần đây tôi cũng khiếp nhược hơn trước. Thế rồi chúng tôi quyết định nội ngày mai sẽ gửi cái quảng cáo và bức thư đi. Không hẹn mà hai chúng tôi đều vươn vai cùng một lúc. Không ai nói gì, nhưng chúng tôi đều như cảm thấy được tinh thần bền bỉ, quật cường của nhau. Và chúng tôi còn như thấy được mầm hy vọng tương lai đang chớm nở.

Thật ra, miếng đòn từ ngoài đánh vào đó lại làm cho tinh thần chúng tôi phấn chấn lên, đổi mới hẳn đi. Cuộc đời của tôi ở sở vốn chẳng khác gì cuộc đời con chim trong tay chú bán chim. Chỉ được có ít gạo tấm cầm hơi, quyết không thể nào cho béo mập ra được. Càng lâu, đôi cánh càng tê dại đi, dù có đem thả ra khỏi cũng không bay nổi nữa. Bấy giờ thì có thể cho như là đã thoát khỏi lồng rồi đấy. Nhân lúc chưa quen sử dụng đôi cánh, từ đây tôi phải vút lên, bay liệng trong những khoảng trời mát mẻ, rộng thênh thang.

Quảng cáo vừa đăng có nhiên không thể có kết quả

ngay được. Mà dịch sách cũng không phải chuyện dễ. Những quyển trước kia xem cho là hiểu hết cả, bây giờ cầm bút dịch lại thấy hàng trăm chỗ nghi ngờ, khó khăn, nên dịch rất chậm. Nhưng tôi quyết tâm tiến hành. Không đầy một tháng mà mép cái cuốn tự điển còn khá mới kia đã đầy dấu ngón tay đen thui. Đủ rõ tôi làm việc kỹ lưỡng như thế nào. Ông chủ bút Ng*ười bạn của tự do* từng có nói với tôi rằng tạp chí cầu ông ta nhất định không bỏ qua những bài tốt gửi đến mà không đăng.

Hiềm một điều tôi không có được một gian phòng tĩnh mịch để làm việc, mà Tử Quân thì cũng không lặng lẽ và khéo chiều như trước nữa. Trong nhà, bát đĩa cứ quăng bừa bãi, khói cứ um lên, không thể nào an tâm mà làm việc được. Những cái đó thì chỉ có thể trách mình không có tiền mà bố trí một chỗ làm việc riêng. Đã thế lại còn thêm có con Tùy và đàn gà con nữa. Rồi đàn gà càng ngày càng lớn lên, càng dễ gây ra những cuộc cãi cọ giữa hai gia đình.

Lại còn chuyện cơm nước. Cơm thì ngày nào cũng phải ăn, như "nước sông ngày nào cũng chảy", không đừng được. Công việc của Tử Quân hoàn toàn hình như ở chỗ cơm nước. Ăn xong lại chạy tiền, chạy tiền được rồi thì lại ăn. Lại còn phải cho con Tùy và đàn gà con ăn nữa. Bao nhiêu điều trước kia nàng đã biết rồi bây giờ hình như quên đi cả. Và nàng cũng không hề nghĩ rằng mỗi khi thúc giục tôi đi ăn cơm là thường làm cho tứ văn của tôi phải đứt đoạn. Dù trong bữa cơm tôi có làm mặt giận, nàng cũng không hề sửa đổi. Như không cảm thấy gì hết nàng cứ ngồi ăn ngon lành.

Tôi phải mất đến năm tuần lễ mới làm cho nàng hiểu được rằng công việc của tôi không thể gò bó theo việc cơm

nước đúng giờ đúng buổi. Nàng hiểu ra, nhưng có lẽ nàng không được vui, có điều không nói gì hết. Từ đó công việc của tôi quả tiến hành có nhanh hơn trước. Không bao lâu đã dịch được năm vạn chữ. Chỉ cần sửa chữa một ít nữa là có thể cho *Người bạn của tự do*, cùng một thể với hai bài báo khác cũng vừa viết xong. Nhưng chuyện cơm nước vẫn làm cho tôi khổ sở. Cơm canh nguội lạnh, cái đó không hề gì, nhưng mà lại không đủ no. Có khi đến cơm cũng thiếu nốt, mặc dù cả ngày ngồi trong nhà dùng sức óc, tôi đã ăn kém trước nhiều rồi. Thiếu cơm là vì cho Tùy ăn trước. Có lúc lại còn cho nó vài miếng thịt đê là món gần đây chúng tôi cũng không dễ gì có mà ăn. Nàng nói độ rày con Tùy nó gầy đến thảm hại, bà chủ nhà chê cười nghe không chịu được.

Thế là chỉ có đàn gà là ăn cơm thừa của tôi. Điều này mãi lâu tôi mới nhận thấy, đồng thời cũng nhận thấy được "vị trí của loài người trong vũ trụ", để dùng chữ của Hớc - sli [1], vị trí của tôi chẳng qua là ở giữa con chó đốm và đàn gà con mà thôi!

Về sau, qua bao nhiêu lần phản đối và thúc giục, đàn gà đã lần lượt biến thành những món ăn thịnh soạn. Chúng tôi và con Tùy được hưởng chất béo trong hơn mười ngày. Thật ra, phải nói chúng nó gầy lắm, vì đã từ lâu, mỗi ngày chúng nó chỉ còn được vài hạt ngô nữa thôi. Từ đấy trở đi, trong nhà yên tĩnh lắm. Có điều Tử Quân thì trông tiều tuỵ hẳn. Hình như nàng cảm thấy buồn bực, chán nản, đến nỗi không buồn mở miệng nói năng gì cả. Tôi nghĩ bụng: "A!

---

[1] T.H. Huxley (12825 - 1895), một nhà sinh vật học người Anh và cũng là kẻ tuyên truyền cho chủ nghĩa Darwin. "*Vị trí của loài người trong vũ trụ* là tên một tác phẩm nổi tiếng của ông.

con người ta sao mà dễ thay đổi đến thế!"

Nhưng rồi đến con Tùy cũng không thể giữ nuôi được nữa. Chúng tôi không còn hy vọng nhận được thư ở đâu gửi tới giúp đỡ nữa nên đã từ lâu Tử Quân cũng không có thức gì cho nó ăn để bắt nó cúi chào hoặc đứng thẳng hai chân như trước. Mùa đông lại sắp sửa đến nơi rồi. Lò sưởi đã thành một một vấn đề lớn. Con Tùy với mức ăn của nó thực ra là một gánh nặng mà chúng tôi đã cảm thấy rõ từ trước. Thế là không thể giữ nuôi được nữa.

Giá cột vào cổ nó một nhánh rơm[1] rồi đưa ra chợ bán, có lẽ cũng được ít tiền đấy, nhưng chúng tôi không thể và cũng không muốn làm như vậy. Cuối cùng, tôi lấy một cái bao tải chụp vào đầu nó rồi dắt ra bỏ ở ngoại ô phía tây.

Nó còn chạy theo. tôi liền xô xuống một cái hố cũng không sâu lắm.

Trở về nhà thấy càng yên tĩnh hơn nhiều. Nhưng tôi phải giật mình khi nhìn thấy nét mặt Tử Quân thê thảm quá chừng, chưa bao giờ thê thảm đến thế! Tất nhiên là về chuyện con Tùy. Nhưng việc gì mà đến nông nỗi ấy? Đó là tôi chưa nói lại cho nàng biết việc xô con Tùy xuống hố đấy!

Đến đêm nét mặt thê thảm của nàng lại thêm có cái gì gía lạnh. Tôi cầm lòng không đậu. phải hỏi:

- Lạ chưa? Em hôm nay sao lại như thế?

Cũng chẳng ngước mắt nhìn tôi, nàng hỏi lại:

- Cái gì?

---

[1] Theo thói tục, cột nhánh rơm như thế vào cổ chó là có ý để bán.

- Nét mặt em...

- Có gì đâu... không có gì hết!

Cuối cùng xem lời lẽ, hành động của nàng, tôi cũng hiểu ra rằng có lẽ nàng cho tôi là một người nhẫn tâm. Thật ra, một mình tôi thì sự sống cũng dễ dàng thôi... mặc dù xưa nay, vì có tính kiêu ngạo, tôi không hề lui tới những nơi quen biết với gia đình tôi ngày trước, rồi sau khi dời đến ở đây thì lại cũng xa dần những người bạn cũ của mình nốt. Nhưng quý hồ có thể bay nhảy được thì con đường làm ăn sinh sống của tôi cũng còn rộng rãi chán. Bây giờ, chịu đau khổ cho đời sống giày vò như thế này, phần lớn chính là vì nàng. Cho đến cái việc đem con Tùy vứt đi, há lại cũng không phải vì nàng đó sao? Nhưng sự hiểu biết của Tứ Quân hình như lại cứ càng ngày càng nông nổi, hời hợt, đến nỗi có một điều đó mà cũng nghĩ không ra.

Tôi tìm một cơ hội đem cái sự thật đó nói bóng gió xa xôi cho nàng hiểu. Nàng gật đầu ý chừng đã hiểu. Nhưng xem tình hình về sau thì nàng vẫn chưa hiểu, hoặc giả không tin điều tôi nói là đúng.

Khí trời lạnh và nét mặt của nàng càng lạnh làm cho tôi không thể ngồi yên thân ở trong nhà được. Nhưng đi đâu bây giờ? Trên đường phố, trong vườn hoa, tuy không gặp phải những vẻ mặt lạnh lùng như thế, nhưng gió lạnh thổi thốc vào người như cắt da cắt thịt. Cuối cùng tôi đã tìm ra được cảnh thiên đường của tôi trong Thư viện bình dân.

Vào đấy không phải mua vé. Trong phòng đọc sách lại có sẵn hai cái lò sưởi bằng sắt. Mặc dù than trong lò cũng nửa tắt nửa đỏ, nhưng mắt nhìn thấy có lò là đã tưởng tượng

thất ấm rồi. Có điều sách không có quyển nào xem được; sách cũ thì cổ hủ quá rồi, mà sách mới hình như không có quyển nào.

Cũng may tôi đến đấy không phải là để xem sách. Ngoài tôi ra, thường có mấy người nữa, lúc nhiều nhất là hơn mười người.Ai cũng áo quần mỏng manh như tôi cả. Và ai cũng xem sách để lấy cớ ngồi sưởi nhờ. Cảnh này thích hợp với tôi lắm. Đi ngoài đường thế nào cũng gặp người quen, họ sẽ lườm nguýt mình, khinh bỉ. Nhưng ở đây thì quyết không thể vấp phải cái tai họa giữa trời ấy bởi vì những người đến xem sách ở đây, hoặc giả họ ngồi xa, vây quanh những lò sưởi khác, hoặc giả họ dựa vào cái lồng ấp bằng đất sét họ mang theo.

Ở đây, tuy không có sách để xem, nhưng tôi lại được an nhàn để suy nghĩ. Một mình, ngồi thừ ra, nhớ lại khoảng thời gian vừa qua, tôi mới nhận ra rằng, hơn nửa năm nay, tôi chỉ sống vì tình yêu, một tình yêu, một tình yêu mù quáng, mà quên hẳn những ý nghĩa quan trọng khác của cuộc đời. Trước hết quên rằng phải sống cái đã.Con người ta có sống thì tình yêu mới có chỗ dựa. Trên đời, đối với những người chịu phấn đấu thì không phải không có con đường sống. Mà tôi thì cũng chưa quen sử dụng đôi cánh của tôi,mặc dù so với trước đã thấy yếu đuối hơn nhiều!...

...Cả gian phòng đọc sách và những người ngồi đọc sách mờ dần. Bỗng trước mắt tôi hiện ra cảnh người đánh cá giữa lớp sóng cồn, người binh sĩ nằm trong chiến luỹ, kẻ quyền quý ngồi trong ô tô, bọn đầu cơ công trái ở sở giao dịch [1], đấng hào kiệt giữa chốn rừng sâu núi thẳm, vị giáo

---

[1] Sở giao dịch là nơi buôn bán công trái ở các nước tư bản (Bourse)

sư trên giảng đàn, nhà thể thao lúc hoàng hôn, tên kẻ trộm giữa đêm khuya...Tử Quân không có cạnh tôi. Cái dũng khí của nàng không còn nữa. Nàng chỉ biết buồn giận vì con Tùy, chỉ biết chăm chú vào việc cơm nước mà thôi. Nhưng kỳ quái làm sao, nàng chẳng gầy ốm đi tí nào cả...

Tôi bỗng thấy lạnh. Mấy cục than nửa tắt nửa đỏ trong lò sưởi cũng đã tàn. Đã đến giờ thư viện đóng cửa. Lại phải trở về ngõ Cát Triêu mà chịu đựng cái vẻ mặt đó cũng thoáng hiện lên một chút tình đầm ấm, nhưng như thế lại càng làm cho tôi thêm đau khổ. Còn nhớ có một đêm tôi chợt thấy đôi mắt Tử Quân bỗng ánh lên cái niềm nở ngây thơ thủa nọ đã mất từ lâu. Lúc ấy nàng vừa cười vừa nhắc lại cho tôi nghe cảnh ở hội quán. Cười nhưng lâu lâu cũng tỏ vẻ sợ sệt, hoảng hốt.

Tôi biết mấy lâu nay, đối với nàng, tôi còn lạnh lùng hơn nàng đối với tôi nữa, và thái độ đó của tôi đã làm nàng lo ngại. Cho nên tôi đành phải gượng nói, gượng cười để an ủi nàng chút ít. Nhưng nụ cười của tôi vừa hé nở trên môi, lời nói của tôi vừa buột ra khỏi miệng thì đã biến thành hư không. Cái hư không đó lập tức dội trở lại vào tai vào mắt tôi, đưa đến cho tôi một sự mỉa mai cay đắng không thể chịu được.

Tử Quân hình như cũng cảm thấy thế. Từ đó nàng mất hẳn cái trầm tĩnh đến như tê dại trước kia. Mặc dù hết sức che giấu đi, nàng cũng thường thường để lộ sự lo ngại trên thân sắc. Nhưng đối với tôi nàng lại ôn tồn hơn trước nhiều.

Tôi muốn nói rõ những điều tôi suy nghĩ cho nàng biết nhưng còn chưa dám, bởi vì khi định nói ra thì lại bắt gặp đôi mắt thơ ngây như con trẻ của nàng, thành thử tôi đành phải

tạm thời tự tạo ra một vẻ mặt vui tươi gắng gượng. Nhưng điều đó lại lập tức trở thành một sự mỉa mai cay đắng không thể trấn tĩnh, lạnh nhạt được nữa.

Từ đó nàng lại bắt đầu ôn lại chuyện cũ và khảo tra tôi, bắt tôi phải bịa ra những câu trả lời yêu thương giả dối. Cái yêu thương thì tỏ cho nàng thấy, còn cái giả dối thì giữ lại trong lòng. Ngày lại ngày cái giả dối chất chứa, tràn ứ lên, làm cho tôi tắc thở. Trong lúc đau khổ, tôi thường nghĩ rằng: "Nói sự thật tất hiên cần phải dũng cảm lắm. Giá thử không có cái dũng cảm đó, cứ yên thân trong sự giả dối thì con người ấy quết không phải là người có thể tìm ra con đường sống. Chẳng nhưng không tìm ra con đường sống mà ngay con người đó cũng chẳng còn tồn tại nữa".

Một buổi mai, trời lạnh lắm. Tử Quân có vẻ oán giận. Tôi chưa từng thấy nàng có vẻ mặt ấy bao giờ. Nhưng cũng có lẽ tôi tưởng tượng ra chăng? Lúc đó tôi hờn mát và cười thầm trong bụng. Cái tư tưởng nàng đã rèn luyện được và những lời lẽ sáng suốt can đảm của nàng rút cục lại cũng chỉ là hư không, mà nàng lại không cảm thấy cái hư không đó mới chết chứ! Đã lâu, nàng không hề cầm đến sách nữa. Nàng quên rằng mục đích thứ nhất của đời người là mưu sống. Và trên con người mưu sống đó thì cần phải hoặc nắm tay cùng đi, hoặc nắm tay cùng đi, hoặc một mình can đảm tiến lên. Còn như chỉ biết cầm lấy vạt áo người ta mà đi theo thì dù người kia là một chiến sĩ đi nữa, cũng khó mà chiến đấu cho được. Rút cục cả hai người sẽ bị tiêu diệt.

Tôi nhận thấy chúng tôi có lìa nhau ra thì mới có thể có một người hy vọng mới được. Nàng phải cương quyết bỏ tay ra... Tôi bỗng nghĩ nàng có thể chết đi cho rảnh, nhưng tôi

liền tự trách mình và lấy làm hối hận. May mà là buổi mai, nhiều thì giờ nên tôi có thể đem hết sự thực của tôi nói cho nàng nghe. Chúng tôi có mở được con đường mới hay không là ở một chuyện này!

Ngồi nói chuyện với nàng, tôi cố ý gợi lại quãng đời quá khứ của chúng tôi, bàn về văn chương và do đó đề cập đến các nhà văn ngoại quốc, đến tác phẩm của họ như *Nora, Người đàn bà của biển cả*[1]. Tôi ca tụng đức tính quả quyết của Nora[2]... Cũng vẫn là những lời năm ngoái tôi đã nói với nàng ở gian phòng đổ nát của hội quán, có điều bấy giờ thì trở thành những lời trống rỗng, từ miệng của tôi nói ra rồi lại truyền vào tai tôi. Tôi luôn luôn có cảm tưởng có một em bé nào tinh nghịch ẩn nấp sau lưng tôi và lặp lại những lời tôi nói một cách ác ý, cay độc.

Nàng vẫn cứ vừa lắng nghe vừa gật đầu, sau thì trở nên trầm mặc. Còn tôi cũng chắp chắp nối nối cố nói cho hết: Lên cái dư âm những lời tôi nói cũng mất đi trong hư không.

- Phải đấy! - Nàng lại im lặng một lát rồi nói tiếp - nhưng mà, anh Quyên Sinh này, em thấy độ này anh khác trước nhiều, có phải thế không? Anh...anh cứ nói thật với em!

Tôi cảm thấy tựa hồ như nàng vừa giáng cho tôi một gậy vào đầu, nhưng lập tức tôi trấn tĩnh được rồi nói ý kiến và chủ trương của tôi, tức là mở một con đường mới, làm lại

---

[1] *Nora* và *Người đàn bà của biển cả* là hai vở kịch nổi tiếng của Tbsen, bàn về vấn đề phụ nữ.

[2] Nora ở trong gia đình thấy mình chỉ là con - pu - pê của chồng, và con cái chỉ là pu - pê chính mình, nên bỏ nhà ra đi. Do đó vở Nora còn có tên là *Gia đình pu - pê.*

một cuộc đời mới để cho cả hai cùng khỏi bị tiêu diệt.

Cuối cùng tôi nói thêm mấy câu, giọng hết sức quả quyết:

- Huống chi em đã có thể không cần phải đắn đo, cứ dũng cảm mà bước tới. Em muốn anh phải nói thật. Đúng thế. Người ta không nên giả dối. Anh cứ nói thật ra, bởi vì... bởi vì anh không yêu em nữa. Nhưng như thế càng hay cho em, bởi vì như thế em có thể đi tìm việc mà làm, không phải bận lòng gì cả.

Tôi đang đoán thế nào cũng sẽ có một biến cố gì xảy đến. Nhưng không, nàng chỉ ngồi im lặng. Mặt nàng bỗng tái dần rồi vàng ệch ra như người chết, rồi trong nháy mắt lại trở lại bình thường, cặp mắt nàng lại ánh lên một niềm trong trắng, ngây thơ. Nàng nhìn quanh quất như đứa trẻ đói khát tìm người mẹ hiền, nhưng nàng chỉ nhìn trong không trung, cố tránh mắt tôi, vẻ sợ hãi lắm.

Tôi không thể ngồi nhìn quanh cảnh đó mãi. May mà là buổi sáng, nên tôi liền chạy ra Thư viện bình dân, không kể mưa ướt gió lạnh.

Ở thư viện, thấy có tờ *Người bạn của tự do*. Hai bài văn ngắn của tôi đã được đăng rồi. Tôi rùng mình một cái hình như vừa tiếp được một luồng sinh khí. Tôi nghĩ bụng: Con đường sống hãy còn nhiều...nhưng bây giờ, chỉ mới được chừng ấy, chưa thấm vào đâu.

Tôi bắt đầu tìm gặp những người quen lâu nay không hề lui tới. Nhưng cũng chỉ đến một vài lần thôi. Nhà họ tất nhiên vẫn ấm cũng nhưng tôi cảm thấy lạnh buốt thấu xương. Đêm về, tôi nằm co ro trong căn nhà của tôi còn lạnh hơn là

băng giá nữa. Nỗi lạnh lẽo buốt như kim châm đó thấm tận tâm hồn tôi, cứ làm cho tôi đau đớn, tê dại đi. "Con đường sống còn nhiều... Mình cũng chưa quên sử dụng đôi cánh của mình", tôi nghĩ thế. Tôi bỗng lại mong cho nàng chết đi, nhưng lập tức lại tự trách mình và lấy làm hối hận.

Ngồi trong Thư viện bình dân, lâu lâu tôi lại nhìn thấy con đường sống mới loé lên, thoáng qua trước mắt. Tôi tưởng tượng thấy Từ Quân đã nhìn thẳng vào sự thật một cách can đảm, kiên quyết đi ra khỏi căn nhà giá lạnh này, và không có vẻ oán giận chút nào cả. Còn tôi thì nhẹ nhàng như một đám mây bay bồng bềnh giữa không trung, trên là nền trời xanh biếc, dưới là núi thẳm biển lớn, nhà rộng lầu cao, chiến trường, xe ô-tô, giao dịch, biệt thự, thành phố náo nhiệt, sáng trưng, đêm tối mịt mùng...

Và, đúng thế tôi tự cảm thấy cuộc đời với cái bộ mặt mới mẻ đó nhất định sẽ đến.

Thế rồi chúng tôi cũng sống qua những ngày đông cực kỳ khó chịu của Bắc Kinh. Chúng tôi khác nào con chuồn chuồn rơi tay đứa bé ác nghịch: nó buộc vào một sợi chỉ nhỏ rồi đưa ra đùa bỡn, hành hạ đủ cách; may một điều là chưa chết, nhưng rút cục cũng đã nằm lăn kềnh trên mặt đất rồi sớm muộn cũng sẽ toi mạng.

Viết cho ông chủ bút *Người bạn cú tự do* kể có ba bức thư mới được trả lời. Trong thư trả lời chỉ có hai phiếu mua sách, một cái giá trị hai hào, một cái ba hào. Thế mà chỉ tính mỗi một việc viết thư giục trả tiền nhuận bút cũng đã mất đứt đi chín xu rồi, nhịn đói một ngày mà chẳng được cái gì hết.

Nhưng cái việc tôi dự cảm thế nào cũng đến thì bây giờ

đã đến.

Nó xảy ra khoảng cuối đông, đầu xuân. Bấy giờ gió không còn lạnh lắm nữa nên tôi cũng bỏ nhà đi vơ vẩn ở ngoài lâu hơn trước, mỗi khi trở về, trời đã sẩm tối. Một hôm cũng vào lúc trời sẩm tối như vậy, theo thườnglệ, tôi uể oải về nhà. Nhìn thấy cổng đã lại buồn thiu, bước càng chậm . Nhưng cuối cùng rồi cũng đi vào. Không có đèn đóm gì cả. Tôi sờ được bao điếm đánh lên thì thấy nhà vắng tanh vắng ngắt.

Đang sừng sốt thì bà chủ nhà đứng ngoài cửa sổ gọi tôi ra.

- Hôm nay ông thân sinh chị ấy đến đây đưa chị ấy về quê rồi.

Bà ta chỉ nói vẻn vẹn có thế.

Hình như đó lại là một việc tôi không ngờ trước nên tôi có cảm tưởng như bị ai đánh vào gáy. Tôi đứng thừ ra, không nói được nửa lời.

Một lát sau, tôi mới hỏi được một câu:

– Nhà tôi về rồi sao?

- Vâng, chị ấy về rồi.

- Thế nhà tôi... nhà tôi có dặn gì không?

- Chị ấy chẳng nói gì hết. Chỉ dặn khi nào ông về thì nhờ nói lại với ông là chị ấy đã về quê, thế thôi.

Tôi không tin. Nhưng sao nhà lại vắng tanh vắng ngắt đi như thế này! Tôi nhìn khắp xung quanh, tìm Tử Quán. Chỉ thấy mấy cái bàn ghế cũ nát, ảm đạm và cũng đơn sơ lắm, không thể che giấu được một người nào hay một vật gì. Tôi

xoay ra nghĩ thử đi tìm bức thư hay mảnh giấy nào nàng có thể để lại chăng. Cũng không có, chỉ có muối, ớt khô, bột mì, nửa bắp cải để dồn vào một chỗ, bên cạnh còn mấy chục đồng xu. Đó là tất cả những cái nuôi sống chúng tôi, bây giờ nàng trịnh trọng để lại cho một mình tôi, và không nói ra nhưng có ý bảo tôi là sẽ nhờ vào đó mà cầm giữ sự sống cho được lâu dài hơn.

Có cảm tưởng như tất cả những vật xung quanh mình dồn ép lại, tôi chạy ra đứng giữa sân. Trời tối om. Chỉ cái khung cửa sổ dán giấy ở gian nhà giữa là có ánh đèn. Tôi trông thấy bóng hai vợ chồng chủ nhà đang đùa giỡn với đứa con. Lòng tôi lắng xuống và dần dần thấy hiện lên thấp thoáng con đường thoát ra khỏi cảnh nặng nề, khó thở này: núi sâu, đầm rộng, sở giao dịch, bữa tiệc linh đình dưới ánh đèn điện, hầm hố, đêm khuya mịt mùng, một mũi dao nhọn đâm phật một cái, những bước chân lặng lẽ...

Trong chốc lát, lòng tôi nhẹ nhõm, khoan khoái. Tôi nghĩ đến tiền đi đường, rồi thở phào.

Tôi nằm nhắm mắt, thấy hiện lên cái tiền đồ dự đoán trước. Chưa đến nửa đêm mà đã duyệt qua hết. Trong bóng tối, tôi phảng phất thấy một đống thức ăn rồi lại thấy Tử Quân, mặt vàng sạm, giương đôi mắt ngây thơ nhìn tôi, vẻ cầu khẩn. Tôi định thần lại thì biến đâu mất cả.

Nhưng lòng tôi lại thấy nặng trĩu. Tại sao tôi không rán chịu thêm ít ngày nữa mà đã vội vàng nói thẳng sự thực với nàng như thế? Bây giờ nàng biết rằng từ này về sau, nàng chỉ còn việc là chịu đựng cái uy nghiêm gay gắt như mặt trời của ông bố - người chủ nợ của con cái - và cái khinh bỉ lạnh lùng, lạnh lùng hơn cả băng giá, của người xung quanh.

Ngoài ra là hư không tất cả. Mang cái gánh hư không nặng trĩu đó trên vai mà bước đi trên cái gọi là đường đời, trước cái uy nghiêm của ông bố và sự khinh bỉ của người xung quanh, hỏi còn gì ái ngại hơn! Huống chi cuối con đường ấy lại chẳng qua chỉ là một nấm mồ, một nấm mồ mà đến một tấm bia cũng không có nốt.

Đáng lý tôi không nên đem sự thật nói với Tử Quân. Hai chúng tôi đã từng có lần yêu nhau thì bây giờ tôi nên nói dối dá với nàng là hơn. Nếu quả thực là đáng quý thì đâu đến nỗi nàng phải chịu mang cái gánh hư không nặng nề đó. Sự dối dá tất nhiên cũng là hư không, có điều cuối cùng, quá lắm thì cũng chỉ nặng nề đến như thế là cùng.

Tôi tưởng đem sự thật nói cho nàng rõ thì nàng sẽ không còn phải lo ngại gì nữa, cứ kiên quyết, mạnh dạn bước tới như hồi chúng tôi sắp sửa ở chung. Nhưng có lẽ tôi nhầm rồi. Hồi đó sở dĩ nàng dũng cảm được, bất chấp được tất cả chính là vì yêu tôi.

Tôi đã không có cái dũng cảm mang cái gánh nặng hư không đó nên mới đem cái gánh nặng sự thật đặt lên vai nàng. Bây giờ sau khi yêu tôi thì nàng phải gánh cái gánh đó, bước đi trên cái gọi là đường đời, trước sự uy nghiêm của ông bố và sự khinh bỉ lạnh lùng của người xung quanh.

Tôi lại nghĩ đến việc nàng nên chết đi... Tôi thấy rõ tôi là một thằng khiếp nhược, phải gạt ra khỏi hàng ngũ những kẻ mạnh, dù họ là những người chân thật hay giả dối. Thế mà tự thủy chí chung, nàng vẫn mong mỏi cho tôi cầm giữ được sự sống lâu dài hơn.

Tôi phải rời cái ngõ Cát Triệu này. Ở đây vắng vẻ,

trống trải quá. Tôi nghĩ bụng, có lẽ quý hồ rời khỏi nơi này thì tôi lại có cảm tưởng như Tứ Quân còn ở cạnh tôi, hay ít nhất thì cũng có cảm tưởng như nàng còn ở trong thành phố này. Và một ngày kia sẽ thình lình đến thăm tôi, giống như hồi tôi còn ở hội quán.

Nhưng bao nhiêu lời nhờ cậy, bao nhiêu thư từ về đều không có hiệu quả gì cả. Cực chẳng đã tôi đành phải tìm đến một bậc thế giao mà lâu nay tôi không hề lai vãng. Ông này là bạn đồng song với ông bác hồi còn nhỏ và là một vị bạt cống[1] nổi tiếng về chỗ thông hiểu kinh truyện, lên ở Bắc Kinh đã lâu, đường giao du cũng rất rộng.

Chừng vì quần áo tôi lùi xùi quá nên vừa bước chân vào cửa thì anh gác cổng đã trợn trắng con mắt lên mà nhìn.

Nói khó dễ mãi mới vào gặp được. Ông ta còn nhân ra tôi, có điều lạnh nhạt lắm. Chuyện của chúng tôi, ông ta biết cả. Sau khi nghe tôi nói là nhờ tìm cho tôi một việc ở một nơi nào khác cũng được, ông ta nói về thờ ơ:

- Tất nhiên anh không thể ở đây được nữa. Nhưng đi đâu bây giờ? Khó khăn lắm. à...gì đấy!... Cứ gọi là bạn đi... người bạn của anh, cô Tứ Quân ấy mà? Chết rồi, anh biết rồi chứ!

Tôi sửng sốt không nói lên lời, mãi mới hỏi được một câu:

- Thật không ạ?

---

[1] Trong chế độ khoa cử triều Thanh cứ sáu năm một lần (về sau đổi là 12 năm) thì chọn những người tú tài "văn hạnh kiêm ưu" đưa lên kinh sư ứng thi. Những người đó gọi là bạt cống, tức là một loại công sinh.

- Ha ha, tất nhiên là thật rồi. Chú Vương Thăng ở nhà đây là người làng cô ta.

- Nhưng mà không biết chết như thế nào?

- Ai biết được. Chỉ biết chết rồi, thế thôi. Tôi không nhớ rõ tôi đã từ giã ông ta như thế nào để lui về nhà trọ nữa. Tôi biết ông ta không nói dối, và như thế là Tử Quân sẽ không bao giờ trở lại đây như thế năm ngoái. Nàng tuy muốn mang cái gánh hư không nặng trĩu trên vai mà bước đi trong cái gọi là con đường đời, trước sự uy nghiêm của ông bố và sự kinh bỉ lạnh lùng của người xung quanh, nhưng cũng không thể được. Số phận nàng đã định cho nàng phải chết trong cái cõi người không có tình yêu - tức là cái sự thật tôi đã nói cho nàng rõ.

Tất nhiên tôi không thể ở lại đây được nữa. Nhưng "đi đâu bây giờ"?

Xung quanh tôi là một sự hư không rộng lớn cộng thêm cái tĩnh mịch của sự chết chóc. Tôi phảng phất như được nhìn thấy cái bóng đen bao trùm lấy kẻ phải chết trước mắt những người không có tình thương và lại còn nghe được tất cả những tiếng vật vã đau đớn tuyệt vọng của kẻ đó nữa.

Tôi vẫn chờ đợi một cái gì mới, một cái gì không có tên và không ngờ trước được. Nhưng ngày lại ngày, chỉ có sự quạnh hiu của cái chết mà thôi.

Tôi không hay đi lang thang như trước nữa, hết ngồi lại nằm trong cái hư không rộng lớn, mặc cho sự quạnh hiu của cái chết đục khoét tâm hồn tôi. Nhưng chính sự quạnh hiu của cái chết cũng có khi run sợ thụt lùi và ẩn náu đi, và trong khoảnh khắc đó thì thoáng hiện lên mối kỳ vọng mới, không

có tên và không ngờ trước được.

Một buổi mai âm u, mặt trời không làm sao thoát ra khỏi đám mây dày đặc bao bọc xung quanh; cả đến không khí cũng ra bề mệt mỏi. Bỗng nghe có tiếng chân người bước nhè nhẹ nhưng vội vã và tiếng thở đằng mũi xì xì... Tôi giượng mắt nhìn. Nhìn qua một lượt, nhà vẫn trống không. Nhưng rồi tình cờ nhìn xuống đất thì thấy một con vật nho nhỏ, gầy còm, chết dở, đất bụi bám đầy mình, đang quanh quẩn ở đấy...

Tôi nhìn kỹ. Quả tim tôi bỗng ngừng lại. Rồi tôi nhảy vùng dậy.

Té ra là con Tùy! Nó lại trở về.

Tôi rời khỏi ngõ Cát Triệu, cũng chẳng phải chỉ vì sự khinh miệt của ông bà chủ nhà và người ở gái, mà phần lớn là vì con Tùy này. Nhưng "đi đâu bây giờ?"' tất nhiên con đường sống mới đang còn nhiều, tôi biết sơ qua như thế,và đôi khi cũng trông thấy thấp thoáng, hình như gần trước mắt tôi thôi. Nhưng làm thế nào mà bước được bước thứ nhất để đi đến đó thì tôi chưa biết.

Suy nghĩ và dằn đo mãi, tôi thấy chỉ có hội quán là chỗ còn có thể dung thân được. Vẫn cái gian phòng đổ nát ấy, cái tâm phản ấy, gốc hồe gần chết không ấy, cây tử - đằng ấy, nhưng cái làm cho tôi hy vọng, sung sướng, yêu đương và sống được lúc bây giờ nay không còn nữa. Chỉ trở lại cái hư không mà tôi đã đánh bằng sự thật.

Con đường sống mới vẫn còn nhiều. Tôi cần phải tiến vào vì tôi còn sống. Nhưng tôi vẫn chưa biết làm như thế nào để bước được bước thứ nhất. Có lúc tôi phảng phất thấy con

đường đó như con rắn dài, màu xám, đang trườn về phía tôi rất nhanh. Tôi cứ đứng chờ, nhưng gần đây thấy đến nơi thì bỗng lại mất hút đi trong bóng tối.

Đêm đầu xuân vẫn dài dằng dặc. Ngồi thừ ra một hồi lâu, bỗng sực nhớ đến đám ma ở đầu phố buổi sáng. Đi đầu là một đoàn người giấy, ngựa giấy, theo sau là những người mà tiếng khóc nghe như tiếng hát. Bây giờ tôi mới biết họ thông minh thật. Nhẹ nhàng đơn giản biết bao nhiêu!

Nhưng đám ma của Tử Quân cũng lại hiện lên trước mặt tôi. Nàng một mình mang cái gánh hư không nặng trĩu, bước đi trên con đường dài, màu xám, nhưng bỗng lại mất hút đi trong sự uy nghiêm và trong sự khinh bỉ xung quanh.

Tôi muốn có cái gọi là linh hồn và có cái gọi là địa ngục thật sự. Lúc đó dù phải đi giữa ngọn gió dữ gầm vang, tôi cũng quyết tìm cho được Tử Quân, nói cho nàng biết hết lòng hối hận, nỗi đau thương của tôi và xin nàng tha thứ cho tôi. Không nữa thì tôi sẽ cầu cho ngọn lửa độc của địa ngục bao vây tôi thiêu cho hết lòng hối hận, nỗi đau thương của tôi đi.

Trong cơn gió dữ, lửa độc, tôi sẽ ôm lấy nàng, van lạy nàng khoan dung cho tôi, hoặc làm cho nàng được thoả nguyện...

Nhưng như thế lại càng hư không hơn con đường sống mới. Hiện bây giờ, trước mắt chỉ có cái đêm đầu xuân dài dằng dặc. Còn sống thì nhất định tôi phải nhằm con đường sống mà tiến lên. Và cái bước thứ nhất... Chẳng qua lại là những dòng chữ này ghi lòng hối hận, nỗi đau thương của tôi vì hương hồn của Tử Quân và vì chúng tôi.

Tôi vẫn chỉ có tiếng khóc, nghe như tiếng hát để tiễn đưa Tử Quân lần cuối cùng, tiến đưa vào trong quên lãng.

Tôi cần phải quên, chỉ nghĩ đến mình tôi nữa thôi, và cần phải quên cả việc tiễn đưa Tử Quân vào trong quên lãng.

Tôi cần phải bước cái bước thứ nhất vào con đường sống. Tôi cần phải đem sự thật giấu kín trong vết thương lòng, lặng lẽ mà tiến lên, lấy sự dối trá và sự lãng quên làm kẻ đưa đường chỉ lối.

Viết xong ngày 21 tháng 10 năm 1925

LY HÔN*

- À! Chú Mộc! Năm mới chúc chú làm ăn phát tài!

- Anh Bát Tam, chào anh, chúc anh năm mới!

- Hi ! Hi! Năm mới Cô Ái cũng có đấy à?

- A ! Ông Mộc !

Ông Trang Mộc Tam với người con gái của ông - cô Ái - từ đầu cầu Mộc Liên vừa bước xuống thuyền, thì trong thuyền đã nhao nhao lên chào hỏi. Một vài người còn chắp tay vái. Đồng thời, người ta cũng dồn nhau lại để trống một chỗ đủ cho bốn người ngồi. Ông Mộc vừa chào vừa ngồi xuống, rồi đặt cái ống điếu dựa vào mạn thuyền. Cô Ái ngồi cạnh bố, phía tay trái, duỗi đôi chân vòng kiềng ra trước mặt Bát tam thành một hình chữ "bát"

Một ông mặt như vỏ cua hỏi:

- Ông Mộc lên tỉnh phải không đấy?

Ông Mộc hơi có vẻ buồn rầu, nhưng vì mặt ông như màu đường đen, lại vốn đã nhăn nheo cho nên không thấy rõ sắc mặt ông có biến đổi.

- Không phải lên tỉnh mà sang bên Bàng Trang một tí.

Truyện này đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Ngữ ti* ngày 23 tháng 11 năm 1928.

Cả thuyền im lặng. Mọi người nhìn bố con ông.

Một lúc lâu Bát Tam hỏi:

- Chắc cũng lại vì chuyện cô Ái chứ gì?

- Vâng. Vẫn là chuyện nó. Thật là phiền chết người đi được! Kéo dằng dai ba năm trời, đánh nhau bao nhiêu bận rồi lại làm lành với nhau bao nhiêu bận, vẫn không xong...

- Lần này chắc sang cụ Úy phải không?

- Vâng. Lại sang đấy. Cụ ta đứng ra xử hoà cho chúng nó hai ba lần rồi nhưng tôi vẫn không chịu. Cũng chẳng sao. Lần này năm mới, nhà cụ họp đông đủ mặt bà con. Có ông lớn Thất trên tỉnh về.

Bát Tam trợn tròn con mắt nói:

- Ông lớn Thất ấy à? Ông lớn cũng đứng ra xử hòa à? Thế thì... Kỳ thực, nằm ngoái chúng tôi sang đập ông táo của nhà họ, kể ra cũng hả cơn giận. Huống chi cô Ái mà về bên đó thì thật cũng vô duyên lắm!

Anh ta đưa mắt nhìn xuống.

Cô Ái, vẻ giận dữ, ngửng đầu lên nói:

- Anh Tam ạ! Tôi cũng không muốn về bên đó làm gì. Tôi tức lắm. Anh nghĩ xem, thằng chó ấy nó mê một con đàn bà góa, thế là nó bỏ tôi. Tưởng dễ lắm đấy! Còn ông Thất lớn? Lẽ nào ông ta chơi thân với ông huyện thì không kể gì lẽ phải nữa hay sao? Chắc ông ta không thể như cụ Úy, chỉ nói: "Thôi, về đi thôi mà !". Tôi sẽ nói cho ông ta biết những nỗi đau khổ tôi phải chịu bao nhiêu năm trời nay để xem ông ta nói ai phải, ai trái.

Bát Tam bị thuyết phục không nói gì được nữa.

Chỉ nghe tiếng nước róc rách vỗ mạn thuyền. Trong thuyền rất im lặng. Ông Mộc giơ tay với lấy cái ống điếu, hút một mồi thuốc.

Một người beo béo, ngồi cạnh Bát Tam, ở phía trước móc trong túi áo ra một cái bật lửa, bật lên châm vào đóm đặt lên đầu nõ điếu cho ông ta hút.

Ông Mộc gật đầu nói:

- Không dám! Không dám!

Người béo nói vẻ lễ phép:

- Chúng tôi tuy mới gặp ông lần đầu nhưng cũng đã được nghe tiếng từ lâu rồi. Phải, mười tám thôn miền duyên hải này, ai mà lại không biết? Thằng con nhà Thi mê mụ đàn bà góa, chúng tôi lạ gì! Năm ngoái ông đem sáu người sang dỡ ông táo nhà hắn ai cũng cho là đáng lắm!. Ông bây giờ đã có tuổi, đi vào chỗ quyền cao chức trọng dễ dàng lắm, sợ đếch gì chúng nó!

Cô Ái vui vẻ nói:

- Tuy không biết chú là ai nhưng nghe chú nói phải lắm.

Người béo vội nói:

- Tôi là Uông Đắc Quý.

Gạt tôi ra không được. Ông lớn Thất cũng thế mà ông lớn Bát cũng thế thôi. Tôi phải làm cho là chúng nó vong gia bại sản đi mới chịu. Cụ Ủy chẳng đã khuyên nhỏ tôi ba bốn lần rồi đó ư! Và thấy nghe chúng nó nói xin đền tiền thì mắt

cũng mờ đi...

Ông Mộc khẽ mắng con gái:

- Con mẹ mày.

Người mặt vỏ cua nói:

- Nhưng tôi nghe nói cuối năm vừa rồi nhà Thi có mang một mâm rượu sang biếu cụ Ủy đấy!

Quý nói:

- Cũng không ngại. Rượu không thể làm mờ mắt người ta được. Rượu mà có thể làm mờ mắt người ta được thì đem lễ vật hậu hơn nữa, sẽ ra thế nào? Các cụ là người biết chữ nghĩa, các cụ chỉ bày lẽ phải cho người ta thôi chứ! Ví dụ ai bị kẻ khác làm nhục thế là các cụ đứng ra bênh vực, chứ kể gì được uống rượu hay không được uống rượu! Cuối năm vừa rồi bên thôn chúng tôi có cụ Vinh vừa ở Bắc Kinh về, cụ ta là người đi nhiều, biết nhiều chứ không phải như bọn nhà quê chúng ta. Cụ ta nói, trên ấy người bậc nhất là bà cụ Quang, lại cứ...

- Khách bến Uông Gia Hối thì lên này!

Người lái thuyền gọi to, chiếc thuyền sắp đỗ lại.

- Có tôi, có tôi.

Người béo liền cầm ống điếu, từ trong khoang thuyền nhảy ra, theo đà chiếc thuyền bước lên bờ.

- Chào các ông các bà nhé!

Lão ta còn ngoảnh đầu lại trong thuyền, gật đầu chào.

Chiếc thuyền lại tiếp tục đi trong im lặng. Tiếng nước

vỗ mạn thuyền càng nghe rõ. Bát Tam bắt đầu ngủ gật, há hốc miệng trước cập giò vòng kiềng. Hai bà cụ ở phía mũi ngồi niệm phật, khe khẽ, lần tràng hạt, hết nhìn cô Ái lại nhìn nhau, bĩu môi, gật đầu.

Cô Ái giương mắt nhìn mui thuyền, đang nghĩ cách rồi đây làm cho chúng nó khuynh gia bại sản; thằng bố cũng như thằng con, đồ chó chết ấy, sẽ không còn đường làm ăn. Cụ Úy thì cô không coi vào đâu. Cô đã gặp cụ ta hai lần rồi nhưng chẳng qua chỉ là một anh lùn tịt mà thôi. Cái thứ người như cụ ta thì trong làng hiếm gì! Không phải là không ai có cái bộ mặt đa đồng điếu như cụ ta!

Mồi thuốc trong ống điếu ông Mộc đã tàn; lửa gặp nước trong điếu kêu xè xè nhưng ông ta vẫn rít. Ông ta biết qua Uông Gia Hối là bến Bàng Trang, mà cái lầu Khôi tinh các của làng đó đã thấp thoáng đằng xa rồi! Làng Bàng Trang thì ông ta đến đấy nhiều lần rồi, không có gì đáng kể. Và cụ Úy cũng thế. Ông ta còn nhớ cảnh đứa con gái của ông ta trở về nhà khóc như ri, nhà thông gia và cả thằng rể nữa, đáng ghét quá và ông ta đã làm cho chúng nó bẽ mặt. Nghĩ đến đó, ông ta liền thấy chuyện cũ hiện lên trước mắt. Khi nghĩ đến việc trừng trị nhà thông gia, trước nay ông ta vẫn mỉn cười lãnh đạm. Nhưng lần này thì không thế. Bỗng chẳng biết thế nào mà hình ảnh cụ lớn Thất to béo lại lù lù hiện lên, làm cho đầu óc ông ta trở thành lộn xộn.

Chiếc thuyền vẫn tiếp tục tiến lên trong im lặng. Chỉ có tiếng niệm phật là nghe to dần, còn ngoài ra cái gì cũng có vẻ trầm tư như ông Mộc và cô Ái.

- Chú Mộc à? Chú sửa soạn mà lên đi thôi. Đến Bàng

Trang rồi đấy!

Tiếng người lái thuyền làm cho hai cha con ông sực tỉnh. Trước mặt đã là lầu Khôi tinh các rồi!

Ông Mộc lên bờ, cô Ái theo sau. Qua lầu Khôi tinh các, hai cha con đi thẳng đến nhà cụ Ủy. Đi về hướng nam, qua ba mươi nhà, lại vào một con đường rẽ là đến. Đằng xa đã trông thấy một dãy bốn chiếc thuyền mui đen đỗ trước cổng nhà.

Hai bố con bước qua cái cổng sơn hắc ín liền được cho vào. Các bác phu thuyền và một bọn thầy tớ, ngồi chật hai cái bàn sau cái cổng. Cô Ái không dám nhìn, chỉ nhìn liếc qua nhưng không thấy bóng dáng thằng bố và thằng con chó đểu ấy đâu cả.

Khi người hầu mang bát thang cao lên, cô Ái càng thấy lúng túng, không yên tâm. Chính cô cũng không hiểu vì sao mà lại thế. Cô nghĩ bụng: "Lẽ nào chơi với ông huyện rồi thì không kể gì lễ phải nữa. Những người biết chữ, biết nghĩa thì phải biết điều chứ! Mình sẽ nói rõ cho cụ lớn Thất biết đầu đuôi ngành ngọn, từ cái hồi mình bắt đầu đi làm đâu khi mười lăm tuổi..."

Cô ta uống xong bát thang, biết là đã đến lúc. Quả nhiên một lát, cô ta đứng dậy đi theo một người thầy tớ, rồi cùng bố, đi qua nhà lớn lại rẽ quặt sang rồi bước vào phòng khách.

Trong phòng khách, đồ đạc bầy biện rất nhiều, cô ta không kịp nhìn kỹ. Khách khứa cũng đông, ai nấy mặc áo khoác ngoài bằng đoạn màu xanh, màu đỏ sáng chói. Trong

đám đó, liếc qua thấy một người, chắc là cụ lớn Thất, ông ta cũng lùn nhưng còn cao hơn cụ Úy nhiều. Trên khuôn mặt tròn xoe, to tướng thấy hai con mắt nhỏ tí hí và một bộ râu đen ngòm. Đầu trọc lốc, nhưng da đầu và da mặt đỏ hồng và bóng loáng. Cô Ái rất lấy làm lạ nhưng cô ta liền bụng bảo dạ: "Chắc là ông ta tô mỡ lợn mới bóng thế!"

Cụ lớn Thất cầm một cái gì như một cục đá vụn, đưa xát vào cạnh mũi hai cái, nói:

- Đây là cái "tì tắc" đây tức là hòn ngọc cổ nhét vào đít người chết khi khâm liệm. Chỉ hiếm điều là "tân khanh". Nhưng bán cũng có tiền. Ít nhất là cũng thuộc về đời Hán.... Ngài xem, cái tì này là "thuỷ ngân tẩm"[1] đây.

Tức thì bốn năm cái đầu chụm lại quanh cái " thuỷ ngân tẩm". Một trong những cái đầu đó là đầu cụ Úy, lại còn mấy cậu con quan khác nữa, nhưng cô Ái bị cái oai phong của họ áp đảo, giống như một con rận gầy bị ép dẹp xuống nên lúc đầu cô ta không nhìn thấy gì cả.

Nghe đoạn sau câu nói trên, cô ta không hiểu. Cô ta không có ý mà cũng không dám tìm hiểu xem "thủy ngân tẩm" là cái gì. Nên nhân cơ hội, cô ta liếc nhìn xung quanh thì thấy phía sau cô ta thằng chó đểu đang ngồi dựa vào tường cạnh cửa sổ ra vào. Tuy chỉ liếc nhìn qua nhưng cô ta cũng thấy so với nửa năm trước khi cô ta ngẫu nhiên gặp mặt thì bây giờ có già đi.

---

[1] Thời trước ở Trung Quốc người ta lấy ngọc nhét vào miệng, mắt, lỗ đít người chết, cho rằng làm như thế thì tử thi lâu rữa. Những vật đó sau đào lên. Đào lên lâu thì gọi là "cưu khanh" mới đào thì gọi là "tân khanh". Khi nhập quan người ta lại lấy thủy ngân tẩm vào tử thi. Những cái có vết thủy ngân gọi là thuỷ ngân tẩm.

Sau đó những người tụ tập quanh cái "Thuỷ ngâm tầm" cũng tản ra. Cụ Ủy cầm lấy cái "ti tắc", ngồi xuống lấy đầu ngón tay xát, xát, rồi ngoảnh lại nói với ông Mộc:

- Chỉ có hai bố con ông thôi à?

- Vâng ạ!

- Con trai ông không thằng nào đến à?

- Chúng nó bận lắm ạ!

- Thật ra thì đầu năm mới, đáng lý ra cũng không phải để cho bố con ông phải đi lại mệt nhọc làm gì, nhưng là vì câu chuyện đó... Theo tôi thì bố con ông làm rắc rối như thế thì cũng đủ rồi! Không phải là đã hơn hai năm rồi đó sao? Theo tôi thì nên làm lành với nhau đi, không nên thù oán nhau... Còn cô Ái thì chồng ăn ở không phải, bố mẹ chồng cũng không ưa... Thôi thì lần trước tôi đã nói... bỏ nhau đi là hơn! Tôi không có uy quyền gì nên nói các người không thông. Bây giờ có cụ Thất đây là người chỉ nói điều phải, chắc các người cũng biết. Bây giờ ý cụ Thất cũng như thế: Cũng giống ý tôi. Nhưng mà cụ Thất còn nói hai bên cũng nên chịu thiệt đi ít nhiều, bắt nhà Thi bỏ ra mười đồng nữa, vị chi là chín mươi đồng...

- Chín mươi đồng! Các người có kiện đến ông giời nữa thì cũng có thể được hơn thế đâu! Chỉ có cụ Thất thì mới nói được như thế.

Cụ lớn Thất giương cặp mắt tí hí nhìn ông Mộc, gật đầu.

Cô Ái thấy tình hình nguy kịch. Cô ta rất lấy làm lạ rằng bình thời, dàn miền duyên hải này ai cũng có vẻ sợ ông

bố mình, thế mà tại sao đến đây, bố mình lại không mở miệng nói được câu gì. Cô ta cho rằng bất tất phải đến thế? Sau khi nghe cụ lớn Thất nghị luận một trăng, tuy không hiểu lắm, nhưng không biết thế nào cô ta cũng cảm thấy cụ ta là người hoà nhã, dễ gần, chứ không đến nỗi sợ như cô ta nghĩ lúc đầu.

Cô mạnh dạn nói:

- Cụ lớn là người có chữ có nghĩa, rất sáng suốt, không như người nhà quê chúng cháu. Cháu oan ức lắm không biết kêu ai, nên cháu trình bày rõ đầu đuôi. Từ khi cháu về làm dâu, thật là vào luồn ra cúi, lễ phép đủ điều. Thế mà họ cứ bới lông tìm vết, hành hạ cháu, người nào cũng dữ như quỷ sứ. Năm ấy cáo nó bắt mất con gà sống to, có phải là tại cháu không đóng chuồng gà đâu! Đó là tại con chó ăn vụng cắm trong chuồng gà rồi nó đẩy cửa chuồng ra như thế chứ! Thế mà cái thằng chó đểu không kể trắng đen, cứ nhè cháu mà tát lấy tát để.

Cụ lớn Thất liền nhìn cô ta.

- Cháu biết duyên cớ vì sao mà hắn lại đối xử với cháu như thế. Cụ là đèn giời, chắc cũng không tránh khỏi mắt cụ. Những người có chữ nghĩa thì chẳng gì qua mắt được. Hắn phải bùa cái con đĩ Lam, nên muốn rẫy cháu ra. Cháu về làm dâu nhà hắn có cưới xin hẳn hoi, kiệu hoa rước đến, chứ có phải... Đã dễ mà rẫy ra được? Cháu nhất định làm cho nó biết tay, dù có phải đến cửa quan, cháu cũng cứ đến, huyện không xong thì lên phủ...

Cụ Ủy ngửng đầu lên nói:

- Những chuyện đó thì cụ lớn Thất đều rõ cả rồi. Cô Ái

này, nếu có không nghĩ lại thì không có điều lợi đâu. Trước sau cô vẫn cứ thế. Cô xem đấy, bố con cô có biết điều ít nhiều. Cô với mấy người anh em cô thật không giống bố một chút nào. Kiện đến phủ, nhưng lẽ nào quan Phủ lại không hỏi ý kiến Cụ lớn Thất đây hay sao? Đến lúc đó thì "việc công cứ thẳng cánh thi hành", tức là...cô sẽ...

- Thế thì cháu sẽ liều mạng, cùng khuynh gia bại sản luôn thể.

Lúc bấy giờ cụ lớn Thất mới thong thả nói:

- Không phải là chuyện liều mạng. Cô còn ít tuổi. Con người ta phải cho hòa khí một tí. Hòa khí kinh tài. Có phải thế không? Tôi đã bảo chúng nó phải bỏ thêm vào mười đồng nữa. Như thế là đã "tử tế lắm" rồi! Bằng không, bên nhà chồng người ta bảo "cút" thì cô cũng phải cút thôi. Đừng nói lên phủ, dù có lên Thượng Hải, Bắc Kinh hay là kiện ra cả ngoại quốc thì cũng thế thôi! cô không tin thì cô cứ hỏi cậu này vừa học trường Tây ở Bắc Kinh về đây này!

Cụ ta ngoảnh lại phía một cậu ấm cằm nhọn hoắt, hỏi:

- Có phải thế không cậu?

Cậu ấm cằm nhọn hoắt vội ngồi thẳng lên , rất lễ phép nói khẽ:

- Đúng như thế đấy ạ!

Cô Ái thấy mình lẻ loi quá. Bố thì không dám nói năng gì cả. Anh em không dám đến. Cụ Ủy thì trước sau cũng bênh vực chúng nó, cụ lớn Thất cũng không tin cậy được cậu ấm cằm nhọn hoắt cũng rụt rè như con rận gầy cũng chỉ là "nói hùa theo". Đầu óc rối bời nhưng cô vẫn quyết tranh đấu

lần cuối cùng nữa.

- Tại sao, đến cụ mà - trông mắt cô ta có vẻ nghi ngờ, thất vọng- Phải... cháu biết chúng cháu quê mùa. Chẳng biết gì cả. Cháu chỉ oán bố cháu không biết nhân tình thế cô, cứ mê mẩn đi, cứ chịu theo cha con thằng chó đểu bảo gì nghe nấy. Chúng nó vội vội vàng vàng như đi báo tang ấy, luồn lọt chỗ này chỗ khác, nịnh hót người này người khác...

Thằng chó đểu đứng im lặng sau lưng cô Ái bỗng lên tiếng:

- Bẩm, cụ lớn xem. Trước mặt các cụ mà nó vẫn cứ thế. Nó ở trong nhà thì nó làm cho chẳng ai đứng ngồi yên được với nó. Nó gọi bố cháu là " thằng chó già", gọi con là "chó đểu", là đứa " con hoang"...

Cô Ái quay mặt lại nói to:

- Cái con Lạm nó gọi mày bằng đứa "con hoang" đấy chứ?

Rồi quay lại cụ lớn Thất:

- Trước mặt mọi người, cháu xin nói thêm cho rõ. Nó cũng có phải là vừa đâu. Mở miệng, là mắng "con đĩ", "con giời đánh". Từ khi nó mê cái con đĩ kia thì đến tổ tiên nhà cháu, nó cũng chửi thậm tệ. Xin cụ xét cho, cái đó...

Cô ta rùng mình một cái, vội dừng lại, không nói được nữa vì cô ta thấy con mắt cụ lớn Thất trợn tròn, cái mắt đầy đặn của cụ ngửng lên, rồi từ cái miệng che lấp dưới chòm râu dài và nhỏ phát ra một mệnh lệnh kéo dài:

- Bay! đâu...!

Cô ta thấy quả tim dừng lại rồi bỗng lại đập mạnh. Hình như hỏng cả rồi, cụ thế cũng đã thay đổi rồi. Cô ta có cảm giác như người sẩy chân rơi xuống nước. Nhưng lại biết quả thực là mình sai.

Một người đàn ông mặc áo dài xanh, ngoài khoác áo chẽn đen liền đi tới, đứng trước cụ lớn Thất. Hai tay buông thõng xuống, giống như một cái que gỗ.

Cả phòng khách lặng ngắt như tờ. Cụ lớn Thất nhếch miệng một cái, không ai nghe rõ là cụ nói gì. Nhưng người đàn ông đó thì đã nghe ra, và cái mệnh lệnh của cụ lớn như đã thâm nhập vào cốt tuỷ y, y khom lưng xuống hai cái, sợ hãi trả lời:

- Bẩm vâng!

Y lùi lại mấy bước mới quay lại đi.

Cô Ái biết là có chuyện gì sắp xảy ra. Chuyện đó cô không ngờ trước được nên cũng không biết được mà đề phòng. Bây giờ cô ta mới biết là cụ lớn Thất thật quả là uy nghiêm. Trước đây cô ta lầm cho nên ăn nói không giữ gìn quá thô lỗ, cô ta lấy làm hối hận, bất giác nói:

- Cháu vẫn đến đây là để nghe lời cụ dạy.

Cả phòng khách lặng ngắt như tờ. Cô ta nói rất khẽ, nhưng cụ Úy nghe rõ như tiếng sấm . Cụ ta giật mình một cái. Cụ ta khen:

- Có thế chứ! Cụ lớn Thất là công bằng. Mà cô Ái cũng là người biết điều.

Rồi quay lại nói với ông Mộc:

- Ông Mộc này, tất nhiên là ông không có điều gì phải nói nữa chứ! Con gái ông đã bằng lòng rồi đây. Tôi chắc là ông có mang tờ khai giá thú đến đây chứ? Tôi đã bảo với ông rồi kia mà! Thế thì cả hai bên đều ra đây.

Cô Ái thấy bố móc trong túi ra một cái gì. Cái người đàn ông thẳng như que gỗ cũng vừa vào, cầm một vật gì bẹp bẹp, như sơn đen, hình con rùa[1], đưa cho cụ lớn Thất. Cô Ái lại sợ xảy ra chuyện không hay, vội vàng nhìn bố, thấy bố đã mở cái bao tải xanh ở trước bàn nước, lấy bạc ra.

Cụ lớn Thất cũng cầm cái hộp cùng con rùa rút ra, đổ ra một thứ gì ở lòng bàn tay. Người đàn ông như que gỗ cầm lấy cái vật bẹp, đi ra. Cụ ta liền lấy một đầu ngón tay xoa vào lòng bàn tay, đưa lên lỗ mũi, như thế hai lần. Lỗ mũi và nhân trung liền vàng khè. Cụ ta nhăn mũi lại muốn hắt xì hơi.

Ông Mộc đang đếm bạc. Cụ Ủy lấy ở chỗ bạc chưa đếm một ít tờ đưa cho thằng chó đểu già, rồi cầm hai tờ giá thú thay đổi nhau, đẩy ra hai bên, miệng nói:

- Các người hãy giữ lấy. Ông Mộc này! Đếm cho kỹ. Tiền bạc, chứ không phải là chuyện đùa.

- Hắt xì ...!

Cô Ái biết là cụ lớn hắt xì nhưng bất giác quay lại nhìn thấy cụ há hốc miệng, đang nhăn mũi lại, hai ngón tay đang mân mê cái gì, tức là cái mà người xưa nhét vào đít người chết lúc nhập liệm, và đang xát vào hai bên mũi.

---

[1] Một cái lọ thuốc ngửi mũi

Mãi hồi lâu, ông Mộc mới đếm bạc xong. Hai bên rút tờ khai giá thú về. Lưng ai cũng như thẳng ra. Những bộ mặt trước co rúm lại bây giờ cũng nở nang ra. Cả phòng khách trong chốc lát trở lên hoà khí.

- Được rồi, thế là êm!

Cụ Ủy thấy hai bên đều có ý muốn lui, liền thở dài, nói:

- Ờ, thế thì còn gì nữa không? Năm mới chúc cho may mắn nhé! Cũng là dàn xếp xong được một chuyện. Các người định về phải không? Hằng khoan đã! Lại đằng nhà tôi uống chén rượu năm mới đã! Mấy khi.

Cô Ái nói:

- Chúng cháu không dám, xin cụ để dành đấy sang năm lại xin đến uống.

- Xin cám ơn cụ. Chúng cháu không giám ạ!

Ông Mộc, cha con thằng chó đều vừa nói vừa lễ phép đi ra.

Cụ Ủy còn nhìn theo cô Ái đi sau cùng, nói:

- Ờ. Sao? Không uống một chén đã rồi lại về?

- Vâng, xin cụ, cháu không dám. Cám ơn cụ.

Ngày 6 tháng 11 năm 1925

TẠP VĂN TIỂU BIỂU

3. NÔRA ĐI RỒI THÌ RA SAO?*

Hôm nay tôi định nói chuyện "Nôra đi rồi thì sao?".

Ibsen[1] là một nhà văn Na Uy nửa cuối thế kỷ XIX. Tác phẩm của ông, trừ mấy mươi bài thơ không kể, còn đều là kịch hết. Có một thời, kịch của ông thường nêu lên những vấn đề xã hội, người ta thường gọi là "kịch xã hội", trong đó có vở *Nôra*.

Nôra còn có tên nữa là *Ein Puppenheim*. Trung Quốc dịch là *Gia đình búp bê*. Nhưng *búp bê* không phải chỉ là con

---

* Bài này là bài nói chuyện ở Ban văn nghệ Trường Nữ Cao đẳng Sư phạm Bắc Kinh, ngày 26-12-1923, sau đăng trên báo của Ban đó. Khi đăng lại trên tạp chí *Phụ nữ* (tháng 8-1924), có lời của tòa soạn ghi cuối bài như sau: "*Bài này là bài ông Lỗ Tấn nói chuyện ở Trường Nữ Cao đẳng Sư phạm Bắc Kinh, đã đăng trên tờ báo của Ban văn nghệ. Gần đây, chúng tôi nhờ ông viết bài, ông đã sửa chữa lại nguyên văn bài này, gửi cho chúng tôi đăng*".

[1] *Ibsen* (1828 - 1906): một nhà văn có ảnh hưởng rất lớn ở Trung quốc hồi Ngũ Tứ vận động. Nhiều tác phẩm của ông đã được dịch từ hồi đó.

múa rối giật bằng dây. Đồ chơi hình người, trẻ con thường ôm chơi cũng là *búp bê;* suy ra con người mà cứ chỉ hành động đều do kẻ khác chỉ huy, bảo sao làm vậy, cũng là *búp bê*. Nôra lúc đầu thỏa mãn với cuộc sống trong cái gia đình gọi là hạnh phúc của cô ta, nhưng rồi cô ta tỉnh ngộ, thấy mình là con búp bê của chồng, con cái mình lại là những con búp bê của mình. Thế là cô ta bỏ đi, chỉ nghe tiếng cửa đóng sầm lại một tiếng, rồi màn hạ xuống. Câu chuyện đó chắc ai cũng biết, không cần phải nói tỉ mỉ nữa.

Thế nào thì Nôra mới không bỏ đi? Có người nói chính Ibsen đã trả lời rồi. Bằng cuốn *Người đàn bà của biển cả (Die Frau vom Meer)*. Trung Quốc có người dịch là *Người vợ trên mặt biển*. Người đàn bà đó có chồng rồi, nhưng trước kia chị ta có một người yêu ở bờ biển bên kia. Một hôm, anh chàng tìm đến, bảo chị ta cùng trốn đi. Chị ta liền nói với chồng rằng chị ta muốn gặp mặt anh chàng nọ. Cuối cùng, chồng chị ta nói: "Bây giờ để em hoàn toàn tự do. (Đi hay không) tùy ý em quyết định, và em sẽ chịu lấy trách nhiệm". Thế rồi mọi việc thay đổi hết, chị ta không đi nữa. Xem thế thì, nếu Nôra cũng được tự do như vậy, có lẽ cô ta sẽ ở nhà yên ổn cũng nên.

Nhưng cuối cùng Nôra đã bỏ đi. Bỏ đi rồi thì ra sao? Ibsen không hề trả lời; và lại ông ta đã chết rồi. Giả thử chưa chết, ông ta cũng không có trách nhiệm phải trả lời. Bởi vì ông ta làm thơ, chứ không phải vì xã hội mà nêu vấn đề ra để rồi giải đáp thay. Cũng như con chim hoàng oanh, tự nó muốn hót thì hót, chứ không phải nó hót để người ta nghe cho vui tai, cho bổ ích. Ibsen là một người không lịch sự chút nào cả, truyền rằng trong một bữa tiệc các bà mời ông ta đến

dự, một bà đứng dậy thay mặt mọi người cảm ơn ông ta đã sáng tác vở *Gia đình búp bê* làm cho chị em tỉnh ngộ, biết mà thoát khỏi những sợi dây ràng buộc như thế, đồng thời đem lại cho người đọc những điều mới lạ... Ông ta trả lời: "Tôi viết vở kịch kia không phải vì ý ấy. Chẳng qua là tôi làm thơ đó thôi".

Nôra bỏ đi rồi thì sao? Có những người khác đã phát biểu ý kiến rồi. Một người Anh viết một vở kịch, nói rằng một người phụ nữ mà bỏ nhà đi, thì sẽ không có con đường nào nữa, cuối cùng sẽ trụy lạc, vào nhà thổ. Lại có một người Trung Quốc - tôi gọi ông ta như thế nào đây? - thôi thì gọi là nhà văn Thượng Hải vậy, - Nói rằng ở vở *Nôra* ông ta xem khác với bản dịch hiện nay, cuối cùng Nôra quay trở về. Tiếc rằng khong có người thứ hai được xem bản như thế, trừ phi chính Ibsen gửi cho ông ta. Nhưng theo sự lý mà suy luận, thì Nôra quả có lẽ cũng chỉ có hai con đường: Không trụy lạc thì tất phải quay trở về. Bởi vì nếu là một con chim chẳng hạn, thì ở trong lồng cố nhiên không tự do, mà ra khỏi cửa lồng, bên ngoài lại nào là quạ, mèo, và bao nhiêu thứ khác nữa; giá sử bị nhốt đến nỗi cánh tê liệt đi, không biết dàng bay nữa thì quả không còn có con đường nào nữa thật. Còn có một con đường, tức là chết đói, nhưng chết đói thì đã xa lìa cõi đời rồi, càng không thành vấn đề, cho nên cũng không phải là một con đường.

Đời người khổ nhất là tỉnh mộng rồi, nhưng không có con đường nào mà đi hết. Người nằm mộng là người sung sướng; giá thử không có con đường nào đi được, thì tốt hơn hết là đừng đánh thức người ta tỉnh dậy. Đấy, nhà thơ

Lý Hạ [1] đời Đường đấy, chẳng phải là khốn đốn suốt đời hay sao ? Thế mà khi sắp chết, lại nói với mẹ rằng : " Mẹ ơi, Thượng đế làm xong lầu Bạch Ngọc rồi, cho gọi con lên để làm thơ lạc thành đây !". Chẳng phải rõ ràng đó là một câu nói láo, một giấc mơ hay sao ? Nhưng, một người trẻ và một người già, một người chết và một người sống, người chết vui vẻ mà chết, người sống cũng yên tâm mà sống. Nói láo hay là mơ mộng, trong những lúc đó, cũng đều vĩ đại cả. Cho nên tôi nghĩ, giả thử không tìm ra đường đi, thì chúng ta lại cần mơ mộng.

Nhưng nhất thiết không nên mơ mộng chuyện tương lai. Acdibasep[2] đã mượn cuốn tiểu thuyết ông ta sáng tác để chất vấn những nhà không tưởng mơ ước thế giới hoàng kim tương lai, bởi vì muốn tạo ra cái thế giới đó, trước hết phải thức tỉnh bao nhiêu người đậy chịu khổ đã. Ông ta nói : " Các ngài dự định đem lại cho con cháu họ một thế giới hoàng kim, nhưng các ngài có gì đem lại cho họ không thế ?". Có thì có đấy, tức là hy vọng về tương lai. Có điều phải trả một giá quá đắt. Vì cái hy vọng đó mà người ta phải luyện cảm giác cho nhạy để rồi nhận thấy nỗi thống khổ của

---

[1] *Lý Hạ* : tự Trường Cát (709 - 816). Lý Thương Ẩn, một nhà thơ Vãn Đường, đã kể lại chuyện đó trong *Truyện Lý Hạ* : " Lúc Trường Cát sắp chết, giữa ban ngày thấy có một người mặc áo đỏ, cưỡi rồng đỏ, tay cầm bài, trên viết những chữ triện rất cổ, nói : " Đến mời ông Trường Cát đi". Người mặc áo đỏ cười nói : "Thượng đế làm xong lầu Bạch Ngọc rồi, mời ông lên ngay để làm bài ký. Ở trên trời sướng lắm, không khổ đâu"...Một lát, Trường Cát tắt thở

[2] *Artzybashev* (1878 - 1927) : nhà viết tiểu thuyết người Nga, thuộc phái cá nhân chủ nghĩa và vô chính phủ chủ nghĩa. Sau Cách mạng tháng Mười, ông ta chạy ra nước ngoài, phản đối chính quyền Xô Viết. Năm 1921 Lỗ Tấn có dịch của ông ta cuốn tiểu thuyết *Anh công nhân Sheyvret*, từ tiếng Đức

mình sâu sắc hơn, gọi linh hồn mình về để nhìn thấy xác mình tan rữa. Chỉ có nói láo và mơ mộng, trong những lúc đó, là vĩ đại. Cho nên tôi nghĩ, giá thử không tìm ra đường đi, thì chúng ta cần mơ mộng. Nhưng không nên mơ mộng chuyện tương lai, chỉ nên mơ mộng chuyện trước mắt thôi.

Nhưng Nora tỉnh dậy rồi, khó lòng mà trở về với cánh mộng được nữa, do đó mà phải bỏ đi : nhưng đi rồi, có lúc lại cũng không tránh khỏi trụy lạc hoặc quay trở về. Nếu không, thì phải hỏi : ngoài tấm lòng đã tỉnh ngộ ra, cô ta còn mang theo cái gì đi nữa không ? Giá chỉ có mỗi cái khăn trùm bằng len đỏ như các cô thôi, thì dù rộng hai thước hay ba thước, cũng hoàn toàn vô dụng. Cô ta phải có nhiều hơn thế nữa, trong va ly đã có chuẩn bị rồi, nói trắng ra, tức là phải có tiền.

Mơ mộng là hay, bằng không thì cần phải có tiền.

Nói đến tiền nghe chướng tai lắm, có thể bị các bậc quân tử cao thượng cười chết, nhưng tôi thấy rằng những lời bàn tán của người ta, không những ngày hôm qua với ngày hôm nay, mà trước bữa ăn, sau bữa ăn, cũng thường thường đổi khác. Người nào đã thừa nhận có tiền mới có cơm ăn, mà lại cho rằng nói đến tiền là bần tiện, thì thử đặt tay lên dạ dày anh ta xem chắc trong đó còn có cá thịt chưa tiêu hóa hết. Phải để cho anh ta nhịn đói một ngày đã rồi hẵng đến anh ta cho ý kiến.

Cho nên kế của Nora là tiền - nói cho nhã, tức là kinh tế - , tiền là tối cần thiết. Tự do cố nhiên không thể đưa tiền ra mà mua được, nhưng lại có thể vì đồng tiền mà bán rẻ. Con người có một nhược điểm rất lớn, là thường hay đói bụng. Để bổ cứu cho cái nhược điểm đó, để chuẩn bị đừng

làm con búp bê, thì trong xã hội hiện nay, điều quan trọng bậc nhất là phải có quyền kinh tế. Một là, trong nhà trước hết phải giành cho được sự phân phối bình quân giữa con trai và con gái; Hai là, ngoài xã hội, phải dành cho được thế lực ngang nhau giữa nam và nữ. Đáng tiếc là tôi không biết làm thế nào thì giành được cái quyền đó, chỉ biết là vẫn phải đấu tranh; có lẽ phải đấu tranh kịch liệt hơn đấu tranh đòi tham dự chính quyền nữa cũng nên.

Đòi quyền kinh tế cố nhiên là chuyện hết sức tầm thường, nhưng có lẽ còn khó khăn, phức tạp hơn đòi tham dự chính quyền là một yêu cầu cao cả, hay đòi giải phóng phụ nữ là một yêu cầu to lớn. Việc đời thường là làm cái nhỏ lại khó khăn, phức tạp hơn làm cái lớn. Thí dụ, trời lạnh như hôm nay, chúng ta chỉ có mỗi chiếc áo bông này, nhưng phải cứu giúp một người nghèo sắp chết rét, nếu không thì phải ngồi dưới gốc bồ đề mà trầm mặc suy nghĩ cách phổ độ hết thảy nhân loại[1]. Phổ độ hết thảy nhân loại so với cứu sống một con người, bên to bên nhỏ cách xa nhau lắm, nhưng nếu bảo tôi chọn thì tôi sẽ lập tức đến ngồi dưới gốc bồ đề, bởi vì khỏi phải cởi chiếc áo bông duy nhất mà chết rét mất. Cho nên, trong nhà nói đòi tham dự chính quyền thì không đến nỗi bị phản đối lắm, nhưng nói đến phân phối kinh tế bình quân, có lẽ không khỏi gặp ngay kẻ thù trước mắt, như thế tất nhiên phải đấu tranh kịch liệt.

---

[1] Đây là Lỗ Tấn mượn truyền thuyết về Thích Ca Mâu Ni. Tương truyền Thích Ca Mâu Ni, ông Tổ của Phật giáo (1027-947 Tr.CN), cảm thấy đời người khổ, nên 29 tuổi, lập chí xuất gia tu hành, đi khắp nơi, suốt sáu năm trời vẫn chưa tìm thấy đạo, sau cùng ngồi dưới gốc bồ đề mà thề rằng : " Nếu không thành chính giác thì thịt nát xương tan cũng không rời khỏi chốn này". Ngồi trầm mặc bảy ngày,liền khắc phục được mọi thứ phiền não

Đấu tranh chẳng phải là chuyện hay ho gì, chúng ta không thể đòi hỏi ai ai cũng trở thành chiến sĩ cả, thế thì, có được một phương pháp hòa bình càng qúy tức là tương lai sẽ lợi dụng quyền kẻ làm cha, làm mẹ để giải phóng cho con cái. Ở Trung Quốc, quyền kẻ làm cha, làm mẹ to nhất, lúc đó có thể đem tài sản chia đều cho con cái, để cho chúng nó được quyền kinh tế ngang nhau một cách hòa bình, không có xung đột..., sau đó hoặc giả đi học hoặc giả đi buôn, hoặc giả chúng nó hưởng dụng, hoặc giả đưa ra làm việc xã hội, hoặc giả tiêu hết, đều tùy ý, chúng nó chịu lấy trách nhiệm. Nó tuy cũng là một điều mơ ước xa vời, nhưng còn gần hơn mơ ước thế giới hoàng kim nhiều lắm. Có điều cần thiết là phải có trí nhớ. Không có trí nhớ thì có lợi cho mình đấy, nhưng lại có hại cho con cháu. Con người ta vì hay quên, nên mới có thể dần dần thoát khỏi những nỗi thống khổ mình đã trải qua, cũng vì hay quên mà thường cứ mắc lại những sai lầm của người khác. Người con dâu bị bạc đãi đến khi lên làm mẹ chồng, lại bạc đãi con dâu mình; những ông quan thù ghét bọn học sinh, chính trước kia là những anh học sinh hay chửi bọn quan lại nhất; những kẻ làm cha mẹ hiện nay áp bức con cái, có người mười năm về trước là nhà cách mạng gia đình. Cái đó có lẽ có liên quan đến tuổi tác và địa vị chăng, nhưng không có trí nhớ cũng là một nguyên nhân rất lớn. Cách cứu chữa là mỗi người đi mua lấy một cuốn *Note book*[1] về, ghi lại những điều mình suy nghĩ hành động bây giờ, để sau khi tuổi tác và địa vị thay đổi rồi, sẽ đem ra tham khảo. Thí dụ, khi thấy con cái đi vườn hoa, trong lòng lấy làm giận, thì giở ra mà xem, sẽ thấy trong đó có câu " *Mình muốn ra vườn hoa*

---

[1] *Note book* : tiếng Anh là *quyển sổ tay*

Trung ương chơi một tí", thế là sẽ hả cơn giận ngay. Chuyện khác cũng thế.

Trên đời có một thứ tinh thần vô lại, thực chất là tính dai dẳng. Nghe nói sau " loạn quyền phỉ"[1], bọn " anh chị" ở Thiên Tân [2], tức là bọn vô lại, rất ngang ngược; thí dụ xách hộ hành lý cho người ta, chúng đòi hai đồng, mình nói hành lý này nhỏ, chúng cũng đòi hai đồng, mình nói đường gần, chúng cũng đòi hai đồng, mình nói không cần phải xách nữa, chúng cũng vẫn cứ đòi hai đồng. Cố nhiên không thể đưa bọn " anh chị" ra làm luật lệ, nhưng cái tính dai dẳng ấy thì phải phục thật. Đòi quyền kinh tế cũng thế, có ai hỏi chuyện đó cũ lắm rồi, thì trả lời : cần phải có quyền kinh tế; bảo là đề tiện quá, thì trả lời : cần có quyền kinh tế; bảo chế độ kinh tế sẽ thay đổi, chả cần phải lo, cũng vẫn cứ trả lời : cần phải có quyền kinh tế.

Kỳ thực, bây giờ đây, một cô Nôra bỏ đi có lẽ cũng không đến nỗi cảm thấy khó khăn, bởi vì cô ta đặc biệt lắm, hành vi cũng mới mẻ có thể được nhiều người thương, giúp đỡ cho mà sống. Sống nhờ vào lòng thương của người ta là không còn tự do nữa rồi, nhưng giá thử có một trăm cô Nôra bỏ đi, thì đến lòng thương cũng sẽ giảm bớt, có một nghìn, một vạn cô bỏ đi thì lại sinh ra chán ghét, sao bằng được mình nắm lấy quyền kinh tế trong tay, chắc chắn hơn nhiều ?

Về mặt kinh tế được tự do, thì còn là búp bê nữa không? Cũng còn là búp bê. Tất nhiên những việc bị người ta

---

[1] *Loạn quyền phỉ* : tức phong trào Nghĩa Hòa đoàn, chống đế quốc của quần chúng nhân dân, năm 1900

[2] Nguyên văn : *Thanh bì* : tiếng thông tục gọi bọn vô lại, đây tạm dịch là "*anh chị*"

giật dây có thể ít đi, nhưng những con búp bê chính mình giật dây lại có thể tăng lên. Bởi vì trong xã hội hiện nay, không những nữ thường bị nam xem là búp bê, mà nam với nam, nữ với nữ cũng xem nhau như là búp bê, nam cũng thường là búp bê của nữ, cái đó quyết không phải một vài cô giành được quyền kinh tế mà có thể cứu vãn được. Nhưng con người ta không thể bụng đói mà lặng lẽ ngồi chờ thế giới lý tưởng đến, ít ra cũng phải giữ chút hơi tàn, giống như con cá chép nằm trên vết xe khô, phải có ngay một thăng, một đấu nước[1], nghĩa là phải cần có quyền kinh tế tương đối gần gũi cái đã, một mặt sẽ nghĩ cách khác.

Nếu chế độ kinh tế được cải cách, tất nhiên những điều vừa nói trên sẽ trở thành vô ích.

Nhưng trên kia lại xem Nôra như bất cứ một người bình thường nào khác mà bàn, giả thử cô ta là một người rất đặc biệt, tình nguyện đứng ra chịu hy sinh, thế thì lại là chuyện khác rồi. Chúng ta không có quyền khuyên ai hy sinh, và cũng không có quyền ngăn cản ai hy sinh. Huống hồ trên đời lại có những người vui vẻ mà hy sinh, vui vẻ mà chịu khổ. Bên Âu Châu có một truyền thuyết nói rằng, lúc đức Chúa

---

[1] Nguyên văn: *Hác triết chi phụ* - một chuyện ngụ ngôn trong sách *Trang Tử*. Trang Chu nhà nghèo đến nhà Giám Hà Hầu vay lúa. Giám Hà Hầu nói: "Được, để lúc nào tôi nhận được vàng ở ấp đem đến, sẽ đưa cho anh vay ba trăm lạng. Được không?". Trang Chu gận,mặt biến sắc, nói: "Hôm qua tôi đi đến đây, nghe có tiếng kêu trên mặt đường, nhìn xuống vết xe, thấy một con cá chép. Tôi hỏi: "Chép ơi, mày sao thế?".Trả lời: "Ta là thần Sông ở biển Đông; nhà ngươi có đấu nước nào cứu ta sống hay không?" Tôi nói: "Tôi hãng đi về phía Nam gặp vua nước Ngô Việt rồi sẽ lấy nước ở Tây Giang đến cho. Được không?" Cá chép giận, mặt biến sắc, nói: "Ta gặp lúc bất thường, không có chỗ mà ở, được một đấu nước cũng có thể sống rồi; nhà ngươi nói như vậy thì không bằng bắt ta mà bán cho hàng cá khô".

Giêsu sắp bị đưa ra đóng đinh ở cây thánh giá, có đến ngồi nghỉ trước thềm nhà Ahasvar. Ahasvar không cho, do đó mà y bị nguyền rủa, suốt đời không được nghỉ ngơi, cho đến ngày đưa ra xét xử lần cuối cùng[1]. Từ đó Ahasvar cứ phải lang thang, không dừng chân được, đến bây giờ vẫn còn phải đi lang thang. Đi rất khổ, nghỉ sung sướng bao nhiêu, nhưng sao y không nghỉ? Tuy nói là vì bị nguyền rủa, nhưng chắc có lẽ y cảm thấy đi như thế thích hơn, cho nên cứ đi như một người điên. Có điều, cái thích hy sinh đó thuộc về mình, không dính dáng đến cái mà các nhà chí sĩ gọi là vì xã hội. Quần chúng -nhất là dân chúng Trung Quốc- vĩnh viễn là những người xem kịch. Kẻ hy sinh ra sân khấu mà tỏ ra khảng khái, thì họ được xem một vở kịch bi tráng, nếu tỏ ra khiếp nhược thì họ được xem một vở kịch khôi hài. Ở Bắc Kinh, trước các hiệu bán thịt dê, thường có một số người há hốc miệng đứng nhìn giết dê, hình như cho là thú vị lắm: người ta hy sinh mà có thể đem lại điều gì có ích cho họ chẳng qua cũng chỉ thế mà thôi. Huống hồ xong việc, bước đi mấy bước rồi, thì đến cái chút thú vị đó, họ cũng quên nốt.

Đối với một quần chúng như thế, thì không có cách nào hết, đành phải làm sao không có kịch cho họ mới có thể cứu chữa được. Không cần thiết phải hy sinh làm náo động lên một lúc, chi bằng cứ âm thầm mà đấu tranh dai dẳng.

Đáng tiếc là Trung Quốc khó thay đổi quá; đời chiếc ghế hay là sửa chữa cái bếp lò, có khi cũng phải đổ máu; dù có đổ máu, cũng chưa chắc đã có thể rời được, sửa chữa được. Không có cái roi to tướng quất vào lưng, thì Trung

---

[1] *Ahasvar* (cũng gọi là Ahasverus): tương truyền là một người thợ đóng giày, thường gọi là "người Do Thái lang thang" (Juif errant)

Quốc để tự nó, nó không chịu nhúc nhích. Tôi nghĩ cái rơi ấy sắp đến rồi. Tốt hay xấu là chuyện khác, nhưng thế nào nó cũng quất cho một cái. Nhưng từ đâu đến, đến như thế nào, thì tôi không thể biết đích xác được.

Tôi nói đến đây là hết.

Tháng 12 năm 1923

(Tập ***Nấm mồ***)

8. TRƯỚC ĐÈN TÙY BÚT*

I

Có một thời kỳ, tức là vào những năm Dân Quốc thứ hai, thứ ba, bạc giấy của mấy nhà ngân hàng quốc gia ở Bắc Kinh phát hành ngày càng được tín nhiệm, đúng là "cứ tăng vùn vụt". Nghe nói, đến những người nhà quê xưa nay nhất thiết chỉ tiêu bạc thật, cũng thấy bạc này đã tiện lợi, lại chắc chắn, rất vui lòng nhận tiêu. Còn những người hiểu biết hơn, bất tất phải là "giai cấp trí thức đặc biệt", thì đã từ lâu không mang theo bạc thật nặng chịch vướng mắc trong người để tự chuốc lấy cái khổ một cách vô vị nữa rồi. Nghĩ lại, trừ những người có một lòng mê thích đặc biệt đối với bạc thật không kể, còn thì phần lớn có lẽ dùng bạc giấy hết, và nhất là thứ bạc giấy của ta. Nhưng đáng tiếc là về sau bỗng bị một vố khá nặng.

Tức là năm Viên Thế Khải định lên làm vua[1], ông Thái Tùng Pha bỏ Bắc Kinh xuống Vân Nam khởi nghĩa.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Mãng nguyên*, ngày 8 và 22-5-1925.

[1] *Viên Thế Khải* (1859-1916): thủ lĩnh quân phiệt Bắc Dương. Hắn có một lực lượng võ trang khá hùng hậu, lại được bọn đế quốc khá ủng hộ, giữ chức Đại Tổng Thống. Năm 1915, hắn muốn khôi phục lại nền đế chế, định lên làm vua. Sau Thái Ngạc tức Thái Tùng Pha khởi nghĩa ở Vân nam, các tỉnh hưởng ứng. Viên Thế Khải bắt buộc phải thủ tiêu nền đế chế đó, và ngày 6-6 thì chết ở Bắc Kinh.

Một trong những ảnh hưởng ở đấy phải chịu là Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng Giao thông đình chỉ việc đổi bạc giấy ra bạc thật. Tuy không đổi nữa, nhưng sắc lệnh chính phủ bắt người buôn bán phải tiêu thì vẫn còn hiệu lực. Có điều người buôn bán cũng có mánh khóe của họ, họ không nói không tiêu, mà nói không tìm ra tiền lẻ trả lại, chà lẽ lại trả cả đồng bạc giấy hay sao? Chẳng những trong bụng không muốn, mà cũng không có nhiều bạc giấy như vậy. Thì đổi ra xu, chịu thiệt ít nhiều vậy; lại nói xu cũng không có. Thì đến nhà bà con, bạn bè, mượn ít tiền thật vậy. Nhưng làm gì có? Thế là phải hạ thấp yêu cầu xuống, không nói chuyện ái quốc nữa, đành dùng giấy bạc Ngân hàng ngoại quốc. Nhưng giấy bạc Ngân hàng ngoại quốc lúc này cũng như là bạc thật; người ta cho anh vay thứ giấy bạc đó cũng tức như cho anh vay bạc thật đấy.

Tôi còn nhớ hồi đó trong người còn có đến ba bốn mươi tờ bạc giấy Trung Giao[1], nhưng bỗng dưng trở thành một anh nghèo kiết xác, cơ hồ đến phải nhịn ăn, hoảng quá. Chắc có lẽ, sau cách mạng Nga, tám tư những tay nhà giàu cát đồng rúp giấy cũng như thế này, già lắm chẳng qua có sâu sắc hơn mà thôi. Tôi đành phải đi dò hỏi xem bạc giấy có thể chịu các mà đổi ra bạc thật được chăng? Nói là không ai đổi cả. May về sau có người lén lút đổi cho: một đồng các hơn sáu hào. Tôi mừng quá, vội vàng đem đổi một nửa. Sau tăng lên, các bảy hào, tôi càng mừng hơn, đem đổi ra bạc thật hết, mang trong người, nặng trĩu, tựa hồ như đó là sức nặng của

[1] Tức giấy bạc của Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng Giao thông

tính mạng tôi vậy. Nếu là ngày thường, các tiền trang[1] đưa thiếu một xu, tôi cũng nhất định không chịu rồi!

Khi tôi mang trong người một gói bạc thật, nặng trĩu, mà cảm thấy yên tâm, vui mừng như thế, thì bỗng nảy ra một ý nghĩ, tức là: chúng ta rất dễ biến thành nô lệ, và sau khi biến thành nô lệ, vẫn hết sức vui mừng.

Giá thử có một bạo lực nào đó "không coi người ra người", chẳng những không coi ra người, mà không coi bằng trâu ngựa nữa, không kể vào đâu hết; đến khi ai cũng thèm muốn được như trâu ngựa, than thở "người thời loạn không bằng con chó thời bình"[2] rồi, lúc đó mới định cho con người bằng một giá như trâu như ngựa, - như luật đời Nguyên, đánh chết một tên nô lệ của người khác, phải bồi thường một con trâu[3] - thì người ta lại vui mừng, thành thực cảm phục, ca tụng gặp được buổi thái bình thịnh đế. Tại sao lại như vậy? Bởi vì, tuy không được xem là người, nhưng rút cục cũng bằng được trâu ngựa.

Bất tất phải đọc bộ *Khâm định nhị thập tứ sử*[4] hoặc vào phòng nghiên cứu tìm hiểu lẽ cao siêu của cái văn minh

---

[1] *Tiền trang*: phố đổi tiền thời phong kiến

[2] Một câu tục ngữ phản ánh nỗi cực khổ của người Trung Quốc trong cơn binh lửa và trong lúc bị nạn ngoại xâm. Cũng có nói: "Thà làm con chó thời bình hơn là làm con người thời loạn"

[3] Trong cuốn *Lịch sử Mông cổ* có đoạn nói: Thành Cát Tư Hãn ra lệnh hễ giết một người Hồi Giáo thì phải phạt bốn mươi lạng vàng, mà giết một người Hán thì bồi thường một số tiền bằng giá một con lừa. Thời đó, người Hán bị xem như nô lệ.

[4] *Khâm định nhị thập tứ sử*: 24 bộ chính sử đời Kiền Long.

tinh thần làm gì, chỉ cần đờ cuốn *Giám lược*[1] trẻ con học vỡ lòng - nếu còn sợ phiền phức thì xem cuốn *Lịch đại kỷ nguyên biến*[2] vậy- sẽ biết được rằng nước Trung Hoa, "một nước có từ hơn ba nghìn năm", trải qua bao đời nay, chẳng qua chỉ có mỗi cái trò ấy mà thôi. Nhưng trong những cuốn sách loại "Lịch sử giáo khoa thư" biên soạn gần đây, thì lại không thấy được rõ, chỉ nói phảng phất rằng, chúng ta xưa nay sống thoải mái lắm.

Thực tế thì xưa nay người Trung Quốc chưa hề giành được cái giá trị của "con người", nhiều nhất chẳng qua là được làm "nô lệ", cho đến nay vẫn thế, nhưng thời không bằng một tên nô lệ thì lại ít thấy hơn. Bách tính Trung Quốc thì đứng ở giữa, lúc chiến tranh, chính họ cũng không biết họ về phe nào. Giặc đến thì họ thuộc phe quan, tất nhiên bị cướp bóc, giết hại; lính tráng đến, đáng lý ra là người nhà rồi, nhưng vẫn bị cướp bóc, giết hại, hình như là thuộc về phe giặc. Lúc đó, bách tính mong mỏi có được một người chủ nhất định, xem họ là bách tính, không dám, xem họ là trâu ngựa. Họ tình nguyện tự tin tìm lấy cỏ mà ăn, chỉ xin người chủ đó định cho họ nên đi như thế nào thôi!

Giả thử có người định cho họ được những qui tắc làm nô lệ gì gì đó, tất nhiên thế là "ơn vua mênh mông như trời như bể" rồi. Tiếc rằng thường thường tạm thời không ai định được cả. Lấy những chuyện lớn mà nói, thì như thời Ngũ Hổ

---

[1] *Giám lược*: sách vỡ lòng thời trước, cũng kể chuyện lịch sử từ thời Bàn Cổ đến đời Minh.

[2] *Lịch đại kỷ nguyên biến*: bộ sách lịch sử biên niên do Lý Triêu Lạc, người đời Thanh, soạn.

thập lục quốc[1], thời Hoàng sào[2], Thời Ngũ Đại[3], thời cuối Tống, cuối Nguyên, ngoài những lệ thường như phục dịch, nạp lương, họ còn phải chịu những tai ương bất ngờ khác. Tính khí Trương Hiến Trung mới càng cổ quái, không phục dịch, nạp lương, giết đã đành, phục dịch, nạp lương, cũng cứ giết, người chống lại giết đã đành, người chịu hàng, cũng cứ giết; phá cái qui tắc làm nô lệ không còn gì nữa. Lúc đó, bách tính mong mỏi có một người chủ khác, đếm xỉa đến qui tắc làm nô lệ của họ hơn một trút, bất cứ là qui tắc cũ , hay qui tắc mới, tóm lại là có một qui tắc, để cho họ có thể làm nô lệ.

"Mặt trời sao không tắt đi, ta sẽ cùng mày tiêu diệt một thế "[4], giận mà nói đó thôi, chứ chẳng mấy ai quyết tâm thực hành. Trong thực tế, sau khi giặc cướp nổi lên như ong, loạn li đến tột độ rồi, thì có một người mạnh hơn, hoặc thông minh hơn, hoặc gian xảo hơn, hay là ngoại tộc, đứng ra thu xếp thiên hạ được trật tự hơn một tí, đặt ra qui tắc: phục dịch như thế nào, nạp lương như thế nào, cúi lạy ra sao, ca thần tụng thánh ra sao. Và qui tắc đó không phải giống như ngày

---

[1] *Ngũ Hồ thập lục quốc*:(từ năm 304 đến 409) thời kỳ rợ Hồ vào xâm lược và chia cắt miền Bắc Trung Quốc trước sau thành lập mười sáu nước.

[2] *Hoàng Sào*: lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nông dân thời Vãn Đường vào khoảng năm 875. Việc Hoàng Sào giết người nhiều cũng như việc Trương Hiến Trung giết người đều do các nhà viết sử thời phong kiến phóng đại (xem chú thích ở bài *Lại bàn chuyện tháp Lôi Phong đổ*

[3] *Ngũ Đại*, (907-960), có năm triều vua kế tiếp nhau: Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu.

[4] Câu này lấy trong sách *Kinh Thư*. *Mặt trời*: chỉ Hạ Kiệt, một kẻ thông trị tàn bạo. Đó là lời nhân dân oán giận Hạ Kiệt mà nói ra, ý nguyện rủa cho hắn chết đi.

nay, "sáng ba chiều bốn"[1]. Thế là "Vạn dân mừng rỡ", nói theo thành ngữ là "thiên hạ thái bình".

Mặc dù các nhà học giả thích hình thức bề ngoài muốn phô trương như thế nào đi nữa, lúc viết sử đặt ra những đề mục hay ho, nào là "thời đại Hán tộc phát tích" "thời đại Hán tộc phát triển", "thời đại Hán tộc trung hưng" gì gì đi nữa, ý tốt đó đáng cảm phục đấy, nhưng cách dùng lời thì quá quanh co. Có một cách nói thẳng thắn, thích đáng hơn như sau:

1. Thời đại muốn làm nô lệ nhưng không được.

2. Thời đại tạm thời được làm nô lệ.

Cái vòng quanh đó cũng tức là cái mà bậc "tiên nho" gọi là "nhất trị nhất loạn" (một thời bình trị lại tiếp đến một thời loạn ly)[2]; những người gây ra loạn ly đó, theo con mắt của "thần dân" ngày sau nhìn, thì chính là ở những người mở đường khai lối cho "vị chủ", cho nên nói : "*Vị thánh thiện tử khu trừ vãn nhĩ*"[3].

Bây giờ chúng ta đang ở vào thời đại nào, tôi cũng không được rõ. Nhưng thấy các nhà quốc học sùng bái quốc túy, các nhà văn học tán dương văn minh cố hữu, các nhà đạo học say sưa phục cổ, thì đủ biết ai cũng đều bất mãn với hiện trạng cả. Nhưng rút cục, chúng ta đang đi theo con đường nào đây? Bách tính mỗi khi gặp một cuộc chiến tranh không hiểu đầu đuôi ra sao cả, kẻ giàu có một chút liền chạy

---

[1] Câu này lấy trong sách *Kinh Thư*. *Mạt trời*: chỉ Hạ Kiệt, một kẻ thống trị tàn bạo. Đó là lời nhân dân oán giận Hạ Kiệt mà nói ra, ý nguyền rủa cho hắn chết đi.

[2] Chữ trong sách *Mạnh Tử*.

[3] Chữ trong sách *Hán Thư*, ý nói: Mở đường để thiên tử đi.

sang tô giới, đàn bà con trẻ thì trốn vào giáo đường, bởi vì ở những chỗ đó "ổn" hơn, tạm thời không đèn lồi muôn làm nô lệ mà không được. Nói tóm lại, những người phục cổ, những người tị nạn, bất cứ hiền ngu khôn dại, tựa hồ ai ai cũng mơ tưởng đến cái thời thái bình thịnh thế ba trăm năm về trước, tức là cái thời đại "tạm thời được làm nô lệ"

Nhưng lẽ nào chúng ta cũng như người đời xưa, vĩnh viễn bằng lòng với cái thời đại "vốn có từ xưa" ấy hay sao? Lẽ nào chúng ta cũng như những nhà phục cổ, bất mãn với hiện tại thì mơ ước cái thời thái bình thịnh thế ba trăm năm về trước hay sao?

Tất nhiên, cũng bất mãn với hiện tại, nhưng chúng ta không cần phải ngoảnh lại nhìn về phía sau, bởi vì phía trước còn có con đường. Và sứ mệnh của thanh niên ngày nay chính là sáng tạo ra cái thời đại thứ ba đó chưa hề có trong lịch sử Trung Quốc.

II

Nhưng những người tán dương văn minh cố hữu Trung Quốc ngày càng nhiều, lại có cả người ngoại quốc nữa. Tôi thường nghĩ, ai đến Trung Quốc, giá mà họ chau mày nhăn mặt, tỏ ý ghét Trung Quốc, thì tôi thành tâm hiến dâng lòng cảm tạ của tôi, bởi vì người đó nhất định không muốn ăn thịt người Trung Quốc! Trong bài *Ma lực của Bắc Kinh* , ông Hạc Kiến Hựu Phụ [1] có kể lại rằng, có một người da trắng khi sắp đến Trung Quốc, thì dự định ở một năm, nhưng năm năm sau, vẫn còn ở Bắc Kinh, và không muốn về nữa. Một

---

[1] *Hạc Kiến Hựu Phụ:* Nhà bình luận tự do chủ nghĩa của giai cấp tư sản Nhật bản. Lỗ Tấn có dịch tập tùy bút của ông nhan đề là *Tư tưởng, sơn thủy, nhân vật*. Bài *Ma lực của Bắc Kinh* cũng ở trong cuốn sách đó

hôm, ông ta với người đó rủ nhau đi ăn cơm tối:

"Ngồi trước một chiếc bàn ăn tròn gỗ đào vân hoa, hai chúng tôi thưởng thức các món sơn hào hải vị, hết đĩa này đến đĩa khác, và nói chuyện từ đồ cổ, hội họa cho đến chính trị. Dưới cái chao đèn kiểu Trung Quốc, ngọn đèn điện tỏa xuống một làn ánh sáng nhàn nhạt khắp gian phòng bày la liệt những đồ cổ. Lúc đó, những chuyện như là giai cấp vô sản, Proletariat[1] đều như là những cơn gió thoảng ở tận đâu đâu.

"Tôi vừa say sưa trong cái không khí của cuộc sống kiểu Trung Quốc đó, vừa nghĩ đến cái "Ma lực" của nó đối với người ngoại quốc. Người Nguyên đã từng chinh phạt Trung Quốc, nhưng rồi lại bị cái đẹp của cuộc sống người Hán chinh phục. Người Mãn Châu đã từng chinh phục Trung quốc, nhưng rồi cũng lại bị cái đẹp của cuộc sống người Hán chinh phục. Bây giờ, đến người phương Tây cũng thế, đầu miệng tuy nói nàp là democracy[2] gì gì ấy, nhưng lại bị hấp dẫn bởi cái đẹp của cuộc sống mà người Trung Quốc đã mất sáu nghìn năm mới xây dựng lên. Đã sống ở Bắc Kinh là không thể quên được mùi vị của cuộc sống đó. Những lớp bụi cát bay cao ngút trời khi gió nổi lên, những trò chơi đánh nhau của các ông đốc quân ba tháng một lần, đều không thể làm mất cái ma lực cuộc sống Trung Quốc ấy đi được".

Những lời ông ta nói đó, bây giờ tôi vẫn không thể phủ nhận được. Các bậc cổ thánh tiên hiền chúng ta đã để lại cho chúng ta những câu cách ngôn khuyên giữ gìn những cái gì xưa cũ, nhưng đồng thời cũng bày ra cả một cuộc đại yến, có

---

[1] *Proletariat:* tiếng Anh nghĩa là *giai cấp vô sản.*
[2] *Democracy:* tiếng Anh, nghĩa là *dân chủ.*

phụ nữ, ngọc ngà, gấm vóc, hiến dâng cho kẻ chinh phục. Người Trung Quốc để nhiều, đó đều là những cái dùng trong tiệc rượu, mà cho đến nay những người ái quốc chúng ta vẫn thường khoe khoang. Người phương tây khi mới đến Trung Quốc bị chúng ta gọi là man di; họ không khỏi chau mày nhăn mặt, nhưng bây giờ, thời cơ đã đến rồi, ấy là lúc chúng ta đem bữa đại yến đã từng hiến dâng cho người Bắc ngụy, người Kim, người Nguyên, người Thanh, mà hiến dâng họ. Ra khỏi cửa có xe hơi, đi bộ có người bảo vệ, gặp những con đường cấm, nhưng vẫn được tự do đi lại; có khi bị cướp nhưng nhất định sẽ được bồi thường. Tôn Mỹ Dao[1] bắt họ về đứng trước quân lính, mà họ còn làm cho quân lính không dám bắn, huống nữa là bây giờ họ ngồi trong nhà đẹp hưởng thịnh yến? Lúc họ hưởng thịnh yến tất nhiên cũng là lúc họ tán dương nền văn minh cố hữu của Trung Quốc; nhưng có những nhà ái quốc lạc quan chúng ta có lẽ lại lấy làm vui mừng hớn hở, cho rằng họ đã bắt đầu bị Trung Quốc đồng hóa rồi. Người đời xưa đã từng lấy phụ nữ làm thành lũy để cầu an, đặt cho cái tên rất đẹp để tự lừa dối mình, gọi là "hòa thân"; người đời nay cũng lại dùng phụ nữ, ngọc ngà, gấm vóc làm lễ vật của người nô lệ, cũng đặt cho một cái tên rất đẹp, gọi là "đồng hóa". Cho nên, nếu có người ngoại quốc nào, đến nay là lúc có tư cách để dự yến tiệc rồi mà còn nguyền rủa hiện tình của Trung Quốc, thì người đó mới quả thật có lương tâm, quả thật đáng cảm phục!

Nhưng chúng ta thì chúng ta đã xếp đặt đâu vào đấy từ lâu, có người sang kẻ hèn, người to kẻ nhỏ, người trên kẻ

---

[1] *Tôn Mỹ Dao*: một tên tướng thổ phỉ ở Sơn Đông đương thời. Năm 1923, hắn chặn xe lửa cướp một vố rất to, có cả người ngoại quốc trong chuyến đó

dưới. Mình bị người nọ giày vò, ngược đãi, nhưng cũng lại có thể giày vò, ngược đãi người kia; mình bị người này ăn thịt, nhưng lại có thể ăn thịt người khác. Cứ chế ngự nhau từng bậc từng bậc, không thể nhúc nhích được, mà cũng không nghĩ đến chuyện nhúc nhích nữa. Bởi vì nếu nhúc nhchs, thì tuy có thể có lợi, nhưng cũng có hại, chúng ta hãy xem những ý định tốt đẹp và những phương pháp hay ho của cổ nhân dưới đây.

"Trời có mười mặt trời. Người có mười đẳng cấp. Dưới phải thờ trên, trên phải thờ thần. Chớ nên công thì thờ vương, đại phu thì thờ công, sĩ thì thờ đại phu, tạo thì thì thờ sĩ, dư thì thờ tạo, lệ thì thờ dư, liêu thì thờ lệ, bộc thì thờ liêu, đài thì thờ bộc (Tả truyện, Chiêu Công năm thứ bảy[1]

Nhưng "*đài*" thì chẳng có ai thờ cả, như thế có khổ quá hay không? Không phải lo, còn có vợ anh ta, thấp hèn hơn anh ta, yếu đuối hơn anh ta đấy. Và con anh ta cũng còn có hy vọng, ngày kia lớn lên được thăng làm "*đài*", lại có vợ con nó thấp hèn hơn, yếu đuối hơn để cho nó sai khiến. Cứ theo vòng quanh như thế, đâu vào đấy cả. Ai dám bàn tán cho là không đúng, thì người đó mắc cái tội gọi là không an phận!

Tuy đó là chuyện đời xưa, năm thứ bảy đời Chiêu Công, đến bây giờ cũng đã xa xôi lắm rồi, nhưng các "nhà phục cổ" bất tất phải bi quan. Cảnh tượng thái bình hãy còn

---

[1] *Vương, công, đại phu, sĩ, tạo, dư, liêu, bộc, đài*: tên các đẳng cấp trong xã hội phong kiến. Bốn đẳng cấp đầu là kẻ thống trị, sáu đẳng cấp sau là kẻ bị nô dịch.

Tả truyện: Một cuốn sách sử của Tả Khâu Minh, đời Xuân Thu Chiến Quốc.

đấy: thường xảy ra nạn binh đao, hạn hán, lụt lội, nhưng nào có ai nghe thấy tiếng kêu la gì đâu? Ai đánh nhau thì cứ đánh nhau, ai cách mạng thì cứ cách mạng, nhưng nào có bậc trí thức nào đứng ra phản đối? Đối với quốc dân đồng bào thì áp bức, hoành hành, đối với người ngoại quốc thì mềm như bún, chẳng phải còn là cái di phong về đẳng cấp đó hay sao? Văn minh tinh thần cố hữu của Trung Quốc thì thực chưa bị hai chữ "cộng hòa" làm cho mai một đi, chỉ hơi khác trước kia một chút là người Mãn Châu đã rút lui rồi.

Do đó hiện nay trước mắt chúng ta, có thể trông thấy bao nhiêu là yến tiệc khác nhau, xào có, nấu có, vây bóng có, có những bữa cơm thường, có những bữa cơm Tây. Nhưng dưới mái tranh là bữa cơm nhạt, ở góc đường xó chợ là chút canh thừa, ngoài đồng nội lại đang có người chết đói. Những kẻ giàu sang, ăn cao lương mỹ vị, thì đáng giá ngàn vàng mà những em bé đói là thì mỗi cân bán tám đồng chinh (xem *Hiện đại bình luận* , số 22)[1]. Cái gọi là văn minh Trung Quốc kỳ thực chỉ là bữa tiệc thịt người bày ra cho bọn giàu sang hưởng thụ, mà cái gọi là nước Trung Quốc kỳ thực chỉ là cái bếp để sửa soạn bữa tiệc thịt người đó. Không biết mà tán dương thì còn tha thứ được, nhưng biết mà còn tán dương, thì cả thế hệ này sẽ bị người đời sau nguyền rủa mãi mãi!

Nhưng người ngoại quốc không biết mà tán dương còn tha thứ được; những kẻ ngồi trên cao, ăn sung mặc sướng, do đó bị mê hoặc, mờ mắt linh tính mà tán dương, cũng còn tha

---

[1] *Hiện đại bình luận*, ngày 2-5-1925 có đăng tin sau: "Trẻ con nếu là con trai thì có thể bán mỗi cân tám đồng xu, con gái thì không được giá ấy". Đó là tình trạng đời sống bi thảm của nhân dân Trung Quốc dưới thời bọn quân phiệt thống trị.

thứ được. Nhưng còn có hai hạng người, một là hạng cho rằng người Trung Quốc là giống thấp hèn, trước thế nào chỉ nên nguyên thế ấy, do đó mà cố ý tán dương những cái cũ rích của Trung Quốc; một nữa là hạng mong mỏi cho người trên thế gian này, mỗi nơi một khác, để cho cuộc du lịch của họ thêm phần thú vị, - đến Trung Quốc là để xem cái đuôi sam, đến Nhật bản là để xem đôi guốc gỗ, đến Cao Ly là để xem cái nón tre, nếu đâu đâu người ta cũng ăn mặc như nhau cả thì thật là chán ngắt, - do đó mà phản đối Á Châu theo con đương Âu hóa; hai hạng người ấy thì thật đáng ghét. Còn như cái ông Lôxô đến Tây Hồ thấy những người phu khiêng kiệu mỉm cười rồi tán dương người Trung Quốc[1], thì chắc là có ý khác. Nhưng giá như người khiêng kiệu trước mặt người ngồi kiệu mà không cười, thì Trung Quốc không còn phải là Trung Quốc như hiện nay từ lâu rồi!

Cái văn minh đó không những làm cho người ngoại quốc say mê mà từ lâu cũng đã làm cho tất cả mọi người Trung Quốc say mê và còn đến nỗi mỉm cười nữa. Bởi vì những sự phân biệt cũ đời xưa truyền lại đến nay vẫn còn làm cho con người cứ cách xa nhau, đến nỗi người này không thể hiểu được nỗi khổ đau của người nọ. Và bởi vì ai ai cũng có thể có hy vọng sai khiến người khác, ăn thịt người khác, cho nên quên rằng tương lai mình cũng có thể bị người khác

---

[1] *Lôxô*: nhà triết học người Anh năm 1920 có sang Trung Quốc dạy học và có đi du lịch nhiều nơi trên đất Trung Quốc. Trong cuốn *Vấn đề Trung Quốc*, có đoạn ông kể như sau: "Tôi nhớ có một hôm về mùa hạ, trời nắng lắm, chúng tôi mấy người ngồi kiệu qua núi. Đường gập ghềnh khó đi, những người khiêng kiệu hết sức vất vả. Lên đến đỉnh núi, chúng tôi dừng lại mươi phút để cho họ nghỉ ngơi một lúc. Họ liền ngồi xuống từng hàng, rút dọc tẩu ra, nói nói cười cười, như không có điều gì ưu tư cả"

sai khiến, bị người khác ăn thịt. Thế là bao nhiêu yến tiệc lớn bé, dọn bằng thịt người, đã được bày biện ra từ khi có văn minh cho mãi đến bây giờ. Và trong cái hội trường đó, người này ăn thịt người kia, lại bị người kia ăn thịt, tiếng reo vui ngu xuẩn của kẻ hung ác che lấp tiếng van la bi thảm của người hèn yếu. Phụ nữ và trẻ em thì càng không phải nói nữa.

Bữa yến tiệc thịt người ấy đến nay vẫn còn bày biện ra đấy, có nhiều người vẫn muốn cứ bày biện ra như thế mãi. Quét sạch những đứa ăn thịt người ấy đi, hất đổ các mâm tiệc ấy đi, đốt phá cái nhà bếp ấy đi, đó là sứ mệnh của thanh niên ngày nay.

Ngày 29 tháng 4 năm 1925

(Tập ***Nấm mồ***)

10. HẰNG KHOAN "PHE PƠLÊ" ĐÃ*

I - MỞ ĐỀ

Trong tạp chí *Ngữ ti* số 57, ông Lâm Ngữ Đường có bàn về "phe pơlê"[1], cho rằng cái tinh thần đó ở Trung Quốc hiếm vô cùng, chúng ta cần phải ra sức khuyến khích. Ông ta lại có nhắc đến câu "không đánh chó khi đã rơi xuống nước", để bổ sung cho ý nghĩa tiếng "phe pơlê". Tôi không biết tiếng Anh, cho nên cũng không được rõ rút cục tiếng đó

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Mãng nguyên*, ngày 10 tháng 1 năm 1926. Như trong bài có nói, Lỗ Tấn nhân đọc bài báo của Lâm Ngữ Đường mà viết ra. Hồi đó, thực chất quan điểm chính trị của ông ta chưa lộ ra hẳn, nhưng nhiều lần ông ta tuyên bố mình là một người tự do chủ nghĩa. Trong nhiều bài báo của ông ta, người ta thấy một số tư tưởng sai trái. Một mặt ông ta vẫn đi lại với Lỗ Tấn, một mặt lại liên lạc với bọn *Hiện đại bình luận*. Trong bài báo của ông ta có đoạn như sau: *"ở Trung Quốc tinh thần "phe pơlê" rất hiếm. Chúng ta cần phải ra sức khuyến khích. Trung Quốc đến tinh thần "pơlê" (play) cũng ít, nói gì đến "phe" (fair). Chỉ có lúc cái gọi là không "ném đá vào người đã rơi xuống giếng" (hạ tỉnh đầu thạch) là có ý nghĩa gì đó. Người chửi kẻ khác lại không thể không có điều kiện ấy. Chửi người ta được thì cũng có thể bị người ta chửi lại. Và khi người ta thất bại rồi thì không nên công kích nữa, bởi vì chúng ta công kích tư tưởng, chứ không phải công kích con người. Lấy Đoàn Kỳ Thụy, Chương Sĩ Lâm ngày nay ra làm thí dụ, chúng ta không lên công kích cá nhân họ"*. Luận điệu đó của Lâm Ngữ Đường về bản chất nhất trí với luận điệu của bọn *Hiện đại bình luận* làm tay sai cho đế quốc và bọn quân phiệt ra mặt. Lỗ Tấn, trong bài này và trong nhiều bài khác nữa, phê phán nghiêm khắc cái thứ tự do chủ nghĩa giả dối đó và nhắc nhở các nhà cách mạng phải nâng cao cảnh giác, phải đấu tranh không nhân nhượng với kẻ thù, không để cho chúng lừa bịp.

[1] *"Phe pơlê"* (Fair play) là tiếng Anh (*Fair*: tốt, *play*: trò chơi). Đó là một thuật ngữ dùng trong các cuộc chơi thể thao. Khi đấu với nhau thì không được dùng những thủ đoạn không thích đáng, không được "chơi xấu". Đó là phẩm chất của *gentlemen*, của người "quân tử".

nghĩa như thế nào, nhưng nếu như "không đánh cho khi đã rơi xuống nước" cũng là một hình thức của cái tinh thần kia, thì tôi nghĩ lại rất muốn đem ra thảo luận. Có điều trên đầu để không viết thẳng "đánh chó khi đã rơi đầu xuống nước" là vì tránh cho khỏi chướng mắt, chứ không phải có muốn mang một cái "sừng giả"[1] trên đầu đâu. Tóm tắt, tôi chỉ muốn nói, "chó rơi nước" vị tất không nên đánh, hoặc nói thẳng thắn là phải đánh cho chết.

2- CÓ BA LOẠI "CHÓ RƠI XUỐNG NƯỚC "CẦN PHẢI ĐÁNH CẢ.

Ngày nay người ta thường lấy câu "đánh hổ đã chết" và câu "đánh chó khi đã rơi xuống dưới nước" ra bàn chung, cho rằng đều gần như hèn nhát cả. Tôi nghĩ "đánh hổ đã chết" là nhát gan mà làm ra bộ dũng cảm, rất buồn cười; tuy không khỏi mang tiếng hèn nhát, nhưng cái hèn nhát đó còn có thể thương được. Đến như "đánh chó khi đã rơi xuống nước" thì lại không đơn giản như thế, cần phải xem chó như thế nào, và vì sao rơi xuống nước mới định được. Theo nguyên nhân vì sao rơi xuống nước, thì có ba loại chó: 1- tự nước sảy chân mà rơi xuống nước, 2- người khác đánh rơi xuống, 3- chính ta đánh rơi xuống. Trong hai trường hợp đầu là hùa theo đánh, thì tất nhiên vớ vẩn quá rồi, hoặc giả cũng gần như là hèn nhát. Nhưng nếu ta vật lộn với chó, rồi chính

---

Nguyên văn: "*nghĩa giác*": sừng giả. Đó là một danh từ Trần Oánh dùng để công kích Lỗ Tấn; ý viết: "*Hoa thì ai cũng yêu, ma quỉ thì ai cũng ghét, nhưng có người muốn lấy lòng quần chúng, không ngại tô thêm màu sắc trên cánh hoa và trên đầu ma quỷ, thì trang sức thêm cho một cái "sừng giả"* (nghĩa giác). *Chúng ta thấy thế không những cảm thấy vô vị mà còn ghê tởm nữa là khác*". Ý muốn nói, văn Lỗ Tấn được độc giả hoan nghênh là bởi vì Lỗ Tấn giả làm ra ta đây một chiến sĩ để lấy lòng quần chúng.

tay ta đánh cho nó phải rơi xuống nước, thì dù có lấy sào tre mà đánh theo cho nhừ tử, tựa hồ cũng chẳng có gì là quá đáng. Không thể đem trường hợp này bàn chung với hai trường hợp đầu được.

Nghe nói những người đấu quyền dũng cảm quyết không bao giờ đánh địch thủ của mình khi đã ngã xuống đất rồi, cái đó thật đáng cho chúng ta noi gương. Nhưng tôi cho rằng còn phải thêm một điều kiện, tức là kẻ địch thủ đó cũng phải là một đấu sĩ dũng cảm, sau khi thua rồi, hoặc xấu hổ, hối hận mà không trở lại nữa, hoặc đoàng hoàng đến mà trả thù, tất nhiên chẳng có gì là không nên. Nhưng đối với chó, thì không thể đem việc đó ra làm lệ được, không thể xem chó như một địch thủ ngang hàng với mình, bởi vì dù nó có sủa điên rồ đến thế nào đi nữa, thật ra nó cũng chẳng hiểu "đạo nghĩa" gì cả. Huống chi, chó nó biết bơi, nhất định nó lại leo lên bờ, không chú ý thì trước hết nó rũ lông một cái, làm cho người ta bắn cả mặt mũi, rồi thì quắp đuôi chạy mất. Nhưng sau đó tính tình nó lại vẫn thế. Người thật thà tưởng nó rơi xuống nước là nó chịu phép rửa tội rồi, tất sẽ sám hối, không nhảy ra cắn càn nữa. Thật nhầm to, nhầm vô cùng.

Nói tóm lại, nếu là chó cắn người thì tôi thấy đều thuộc loại nêm đánh cả, bất cứ ở trên bờ hay ở dưới nước.

3- CHÓ BÔNG THÌ LẠI CÀNG KHÔNG THỂ KHÔNG ĐÁNH CHO RƠI XUỐNG NƯỚC, RỒI LẠI PHẢI THEO MÀ ĐÁNH NỮA

Chó bông còn có tên là chó xù, miền Nam gọi là chó Tây, nhưng nghe nói đó là đặc sản của Trung Quốc, trong các cuộc thi chó quốc tế thường thường được thưởng mề đay

vàng. Ảnh chó chụp trong cuốn *Bách khoa toàn thư nước Anh*, có mấy con là chó bông Trung Quốc chúng ta đây[1]. Cũng là vinh dự cho nước nhà. Nhưng chó với mèo chẳng phải là thù địch nhau ư? Thế mà tuy là chó, nó lại rất giống mèo, chiết trung, công bằng, vừa phải, hết sức đứng đắn, làm ra bộ người khác chẳng ai không thiên vị, chỉ có mình nó là có được cái "đạo trung dung". Cũng chính vì thế mà được các bậc quyền quí, các ông thái giám, các bà, các cô yêu chuộng, không bao giờ tuyệt nòi cả. Sự nghiệp của nó chỉ ở chỗ có bộ lông trơn mượt, nên được người sang nuôi nấng, hoặc khi các bà trong nước hay nước ngoài đi ra phố, thì chạy theo sau, cổ đeo chiếc dây xích nhỏ.

Những thứ đó thì phải đánh cho rơi xuống nước đã, rồi phải theo mà đánh nữa. Nếu tự nó sảy chân, thật ra theo mà đánh cũng không ngại, nhưng gia mình quá tốt bụng tất nhiên không đánh cũng được: có điều không cần phải than thở cho nó. Giá thử khoan dung với chó bông, thì đối với những con chó khác, sẽ rất không nên đánh, bởi vì bọn này tuy vụ lợi vô cùng, nhưng rút cục còn hơi giống chó sói, mang theo tính thú rừng, chứ không đến nỗi hai mặt, hai lòng như thế.

Trên đây là nhân tiện thì nói tới, tựa hồ không dính dáng đến đầu đề lắm.

4- KHÔNG "ĐÁNH CHÓ KHI ĐÃ RƠI XUỐNG NƯỚC" LÀ LÀM HẠI CON CÁI NGƯỜI TA.

Tóm lại, có nên đánh chó khi đã rơi xuống nước hay

---

[1] Câu này hay ở chỗ Trần Tây Oánh, Hồ Thích đều du học ở Anh, Mỹ về cả

không, thì trước hết phải xem thái độ của nó sau khi leo lên bờ như thế nào đã.

Tính chó rất ít thay đổi, giá thử một vạn năm sau có lẽ khác bây giờ, nhưng bây giờ là tôi nói chuyện bây giờ. Nếu cho rằng đã rơi xuống nước rồi, đáng thương vô cùng, thế thì nhưng động vật có hại, nhiều con đáng thương lắm. Như vi trùng thổ tả đấy, tuy sinh sôi nảy nở rất nhanh, tính cách của nó thì lại thật thà vô cùng, nhưng các bác sĩ quyết chẳng bao giờ tha cho chúng nó hết.

Bây giờ bọn quan liêu và bọn thân sĩ ta hoặc thân sĩ Tây[1], gặp ai không hợp ý họ là nói người đó "đỏ", cộng sản. Trước Dân Quốc Nguyên Niên có hơi khác, đầu thì nói đảng Khang Hữu Vi, sau thì nói Đảng cách mạng[2], thậm chí đến cửa quan cáo giác nữa, một mặt cố nhiên là để bảo toàn lấy địa vị tôn quí vinh hiển của mình, nhưng cũng vị tất không có ý "lấy máu người khác nhuốm đỏ chóp mũ mình"[3]. Nhưng rồi cách mạng bùng nổ một bọn thân sĩ thối hoắc lập tức vội vội vàng vàng như chó nhà đám, đem đuôi sam quấn lên đỉnh đầu. Đảng cách mạng cũng là một đảng theo mới, - bọn thân sĩ xưa nay vốn ghét cay ghét đắng cái mới, bây giờ "văn minh" đáo để, nói rằng "để cùng duy tân với nhau cả".

---

[1] *Thân sĩ Tây*: chỉ những người du học ngoại quốc về như Trần Tây Oánh.

[2] *Đảng Khang Hữu Vi*: chỉ những người từng tham gia và tán thành cuộc biến pháp duy tân do Khang Hữu Vị phát động. *Đảng cách mạng*: chỉ những người tham gia và tán thành cuộc cách mạng chống Mãn Thanh.

[3] Theo quan phục đời Thanh thì người ta phân biệt cấp trên với cấp dưới bằng cách dùng màu sắc nhuộm chóp mũ. Quan cao nhất thì đội mũ chóp làm bằng san hô màu đỏ. Cuối Thanh, bọn quan liêu, thân sĩ thường dùng thủ đoạn cáo giác các người cách mạng để thăng quan tiến chức, vì thế mà đương thời có câu nói trên.

chúng ta không đánh chó khi rơi xuống nước, cứ để cho chúng nó leo lên bờ. Thế là chúng nó leo lên, nằm chờ đến nửa cuối năm thứ hai Dân Quốc, lúc cách mạng lần thứ hai[1], thì bỗng nhảy ra giúp Viên Thế Khải cắn chết bao nhiêu người cách mạng. Trung Quốc ngày càng chìm trong đen tối, mãi cho đến bây giờ, bọn phản động già bất tất phải nói, ngay bọn phản động trẻ mà còn nhiều đến thế kia! Đó là vì các bậc tiền liệt tốt bụng, từ bi với ma quỷ, để cho chúng nó sinh sôi nảy nở, nên lớp thanh niên chân chính về sau, vì mưu chống lại đen tối, phải phí mất bao nhiêu sức lực, tính mạng.

Chị Thu Cận[2] bị cáo giác mà chết, sau cách mạng có lúc được gọi là "nữ hiệp" bây giờ thì ít nghe ai nhắc đến nữa rồi. Khi vừa cách mạng, một ông đốc -cũng như bây giờ ta gọi là đốc quân- đến quê hương chị. Cũng là một đồng chí của chị: Vương Kim Phát[1](1) (1) *Vương Kim Phát*: người Chiết Giang, là một hội viên Hội Quang phục. Trong cuộc cách mạng Tân Hợi, ông ta giữ chức đô đốc ở Triệu Hưng, sau bị tên Châu Thụy, đo đốc Chiết Giang, tay sai Viên Thế Khải, bắn chết). Ông ta bắt tên chủ mưu giết hại chị[3], lập hồ sơ về

---

[1] *Cuộc cách mạng thứ hai*: chỉ cuộc chiến tranh thảo phạt Viên Thế Khải vào tháng 7 năm 1913, do các tỉnh Giang Tây, An Huy, Quang Đông, thuộc thế lực Quốc dân đảng phát động. Vì bọn thống trị phong kiến câu kết chặt chẽ với bọn đế quốc, nên cuộc cách mạng đó bị trấn áp nhanh chóng.

[2] *Thu Cận* (1875-1907): cũng người Thiệu Hưng, quê Lỗ Tấn. Bà là một nhân vật quan trọng của Hội Quang phục. Bị bắt nhân việc Từ Tích Lân ám sát tuần vũ An Huy, tên là Ân Minh. Bà anh dũng hy sinh ở Hiên Đình Khẩu, thành Thiệu Hưng (xem truyện *Thuốc*, tập ***Gào thét***".)

[3] Tên chủ mưu nói đây là một tên địa chủ người Thiệu Hưng. Trước cách mạng Tân Hợi, hắn là tay chân tên tuần phủ Chiết Giang, sau cách mạng, bị Vương Kim Phát bắt. Hắn quyên một ít điền sản nên được tha. Trong cuộc mưu sát Vương Kim Phát hắn có tham dự

vụ cáo giác đó để trả thù cho chị. Nhưng cuối cùng, ông ta thả tên chủ mưu đó ra, nghe nói bởi vì bây giờ đã là Dân Quốc rồi, không nên đả động đến những mối thù oán nữa. Nhưng cho đến khi cuộc cách mạng thứ hai thất bại, thì Vương Kim Phát lại bị bọn tay sai Viên Thế Khải bắn chết, mà người giúp một tay đắc lực trong việc đó là tên chủ mưu giết chị Thu Cận mà ông ta đã thả ra.

Tên ấy thì nay cũng đã "quy tiên" rồi, nhưng ở đây những tên đang kế chân mà hoàn thành, lúc ẩn lúc hện, cũng là một phường như thế, cho nên quê hương của chị Thu Cận vẫn như thế kia, năm này qua năm khác, không hề tiến bộ một chút nào cả. Cứ nhìn nội điểm đó đủ biết, bà Dương Ấm Du và ông Trần Tây Oánh sinh trưởng ở một thành danh tiếng có thể làm gương cho Trung Quốc[1], thật là hồng phúc to bằng trời.

5- KHÔNG NÊN ĐEM NGƯỜI THẤT THẾ RA BÀN CHUNG VỚI "CHÓ RƠI XUỐNG NƯỚC"

"Kẻ khác phạmnđến mình mà mình không chấp"[2] đó là đạo khoan hồng, "mắt trả mắt, răng trả răng"[3] đó là đạo chính trực. Trung Quốc nhiều nhất thì lại là đạo oan uổng: không đánh rơi chó xuống nước, trở lại bị chó cắn. Nhưng kỳ

---

[1] Dương Ấm Du du học ở Mỹ về, được Chương Sĩ Chiêu bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường Nữ Đại Học Sư phạm Bắc Kinh. Sinh viên phản đối, bị trấn áp tàn nhẫn. Bà ta cũng là người huyện Võ Tích, tỉnh Giang Tô như Trần Tây Oánh. Có lần trong bài báo, Tây Oánh có nói rằng huyện Võ Tích là một huyện gương mẫu của Trung Quốc. Lỗ Tấn nói đến câu nói đó để châm biếm.

[2] Nguyên văn *"Phạm nhi bất hiệu"*. Câu này lấy trong thiên *Thái bá*, sách *Luận ngữ*.

[3] Dịch theo nghĩa đen câu trong *Cựu ước*, ý chủ trương báo thù, như tục ngữ ta thường nói *"ăn miếng trả miếng"*.

thực đó là người thật thà tự rước khổ vào thhân.

Tục ngữ có câu: "Trung hậu là một tên khác của vô dụng"! Có lẽ hơi khắc bạc quá chăng, nhưng nghĩ kỹ thì lại thấy chẳng phải nói như thế để xúi người ta làm điều ác. Đó là một câu nói hay đúc kết bao bao nhiêu kinh nghiệm đau xót. Thí dụ như thuyết "không đánh chó khi đã rơi xuống nước", đại khái có hai nguyên nhân sinh ra: một là không đủ sức đánh, hai là so sánh không đúng. Nguyên nhân thứ nhất hẳng khoan bàn, nguyên nhân thứ hai không đúng ở hai chỗ: một là, nhầm lẫn người thất thế với chó rơi xuống nước, xem như nhau ; hai là không phân biệt người thất thế, có kẻ tốt kẻ xấu, cứ cho nhất luận cả, kết quả thành ra dung túng điều ác. Lấy chuyện bây giờ mà nói, vì cục diện chính trị bấp bênh, thật là lên lên xuống xuống như bánh xe quay, kẻ xấu dựa vào một thế lực cũng chẳng chắc chắn gì như dựa vào một tảng băng, hoành hành không kiêng nể gì hết, nhất đán sẩy chân, bỗng phải đi ăn mày lòng thương hại. Người thật thà đã từng mắt nhìn thấy nó cắn người khác hoặc chính mình bị nó cắn cho, lại bỗng coi nó là " chó rơi xuống nước", không những không đánh, thậm chí còn có ý thương hại, tự cho rằng công lý đã bày rõ ra đấy rồi, lúc này mình phải tỏ ra người hào hiệp. Đâu có biết rằng không phải là nó rơi xuống nước thật, ổ của nó đã được làm sẵn rồi, cái ăn đã trữ đủ rồi, và đều ở bên tô giới cả. Tuy có lúc tựa hồ như bị thương, kỳ thực không phải, chẳng qua chỉ giả vờ đi cà nhắc thế thôi, chỉ cốt gợi lòng trắc ẩn của người khác, để có thể ung dung trốn tránh được. Ngày kia lành rồi, nó lại cắn người thật thà trước để mở đầu, " ném đá vào đầu người rơi xuống giếng", không từ điều gì. Tìm nguyên nhân thì một phần chính là vì người thật thà không " đánh chó rơi xuống nước". Cho nên,

nói cho nghiêm khắc một tí, tức là mình đào hố chôn mình, oán trời trách người đều sai cả.

6- BÂY GIỜ CHƯA THỂ CỨ MỘT MỰC " PHE" ĐƯỢC

Những người nhân từ có thể hỏi : " thế thì chúng ta không nên " phe pơlê" hay sao ?". Tôi có thể trả lời ngay : " Tất nhiên nên, nhưng hãy còn sớm". Đây là phép " mời ăn vào chum cho"[1], tuy những người nhân từ vị tất đã chịu dùng, nhưng tôi xin cứ nói ra cho hết lý lẽ. Chẳng phải là bọn thân sĩ ta hay Tây thường nói : " Trung Quốc có tình hình đặc biệt của Trung Quốc, những thứ như tự do, bình đẳng của nước ngoài không thể thích dụng" hay sao ? Tôi cho rằng " phe pơlê" này cũng là một thứ như thế. Bằng không,nó đối với anh không "phe" (*fair*) chút nào cả, mà anh thì vẫn cứ " phe" với nó, kết quả mình thiệt, không những muốn " phe"không được, mà cả muốn không " phe" cũng không được. Cho nên muốn " phe", hay nhất là trước hết hãy nhìn rõ đối thủ, nếu là phường không đáng "phe" thì cứ thẳng tay không nể, chờ khi nào có "phe", lúc đó mình "phe" với nó cũng chẳng muộn.

Như thế tựa hồ dễ bị chê là chủ trương "nhị trùng đạo

---

[1] Lấy tích trong truyện Tên ác lại Chu Hưng đời Đường Võ Hậu. Có người tố giác Chu Hưng, Văn Xương thừa tướng thông mưu với Khâu Thần Tích. Thái Hậu cho Lại Tuấn Thần tra hỏi việc đó. Tuấn Thần mời Chu Hưng đến hỏi : " tù phạm không khai, nên làm cách gì ?". Hưng trả lời : " Cái đó rất dễ. Lấy một cái chum to, bốn xung quanh đốt than thật đỏ, bắt chui vào, gì mà không khai !". Tuấn Thần làm đúng như Hưng nói, rồi đứng dậy bảo Hưng : " Vâng lệnh nhà vua hỏi tội anh, mời anh vào chum cho". Hưng hoảng sợ cúi đầu nhận tội

đức"[1], nhưng cũng là bất đắc dĩ, bởi vì nếu không như thế, Trung Quốc sẽ không thể có con đường nào khác nữa. Trung Quốc hiện nay có rất nhiều thứ " nhị trùng đạo đức", giữa thầy và tớ, giữa nam và nữ, có những thứ đạo đức khác nhau, chưa thống nhất. Nếu xem " chó rơi xuống nước" cũng như " người rơi xuống nước ", không phân biệt gì cả, thì quả thực không khỏi quá thiên, quá sớm, cũng giống như các vị thân sĩ nói tự do bình đẳng không phải không hay, nhưng ở Trung Quốc thì hiểm điều hơi quá sớm. Cho nên giá có ai muốn thi hành tinh thần " phe pơlê" một cách rộng rãi, thì tôi cho rằng ít ra cũng phải chờ đến khi nào cái gọi là " chó rơi xuống nước" có khí chất của con người đã. Nhưng bây giờ tất nhiên cũng chẳng phải tuyệt đối không thể thi hành được, tức là như trên đã nói, phải nhìn rõ đối thủ là ai, và còn phải phân biệt, nghĩa là phải xem đối thủ như thế nào, nếu là người thì giúp đỡ, nếu là chó thì mặc kệ, nếu là chó dữ thì đánh. Tóm tắt một câu, " cùng phe thì tán thành, khác phe thì công kích"[2], thế thôi.

Những câu danh ngôn của bọn thân sĩ, trong lòng thì chất đầy "bà lý" mà ngoài miệng thì nói " công lý"[3] đối với

---

[1] Nghĩa là dùng hai tiêu chuẩn để đối đãi, đối phương tốt thì mình tốt, đối phương xấu thì mình xấu.

[2] Câu này bọn phản động thời đó hay dùng để nói rằng những người đấu tranh vì chính nghĩa thường mắc tội ai về phe với mình thì tán thành, ai khác phe mình thì công kích. Lỗ Tấn vừa dùng lại câu này để đập bọn Trần Tây Oánh, nhưng cũng là nói rằng giữa phải và trái, giữa thiện và ác, giữa cách mạng và phản cách mạng, không thể thỏa hiệp được

[3] *Bà lý* : nghĩa là *lý lẽ của mẹ chồng*. Chữ này dùng để ám chỉ việc Dương Ấm Du, hiệu trưởng trường Nữ Đại Học Sư Phạm Bắc Kinh đối xử với sinh viên như mẹ chồng nàng dâu. Nhân việc này, Trần Tây Oánh lập ra cái hội gọi là " Hội duy trì công lý của giáo giới", thực chất là để

nay hãy tạm xếp vào loại không bàn đến. Ở Trung Quốc bấy giờ, công lý mà người dù thật lòng hộ hào, cũng chưa thể cứu giúp được người tốt, thậm chí trái lại che chở cho người xấu. Bởi vì trong khi người xấu đắc chí, hành hạ người tốt, thí dụ có ai hô hào công lý, chúng nó quyết chẳng nghe theo. Hô hào cũng chỉ là hô hào, người tốt vẫn phải chịu khổ. Nhưng tình cờ có một lúc, người tốt hơi chồm dậy được, thì người xấu tất sẽ phải rơi xuống nước, nhưng những người bàn công lý một cách thật lòng lại la lớn lên, nào là " không nên báo thù", nào là "hãy khoan hồng", nào là " chớ lấy điều ác chống lại điều ác"... Lần này lại có hiệu quả, chứ chẳng phải là kêu gào vô ích : người tốt cho là phải, thế là người xấu được cứu. Nhưng sau khi được cứu rồi, nó nhất định lại tưởng nó chiếm phần hơn chứ đâu có cải hối ! Và lại, bởi vì đã có xây sẵn ba cái hang, lại tài luồn lọt, cho nên chẳng bao lâu, thanh thế vẫn hiển hách, nó lại làm điều ác như trước. Lúc đó, những người bàn công lý tất nhiên lại la lên, nhưng lần này thì có nghe anh đâu !

Thế nhưng, những người bình luận về bọn "thanh lưu"đời Hán và bọn " Đông Lâm" đời Minh thường trách họ " đối với tội ác nghiêm quá" " bắt kẻ thù cũng vội quá"[1], vì thế mà thất bại. Há không biết rằng phía bên kia, chúng nó

---

bênh vực cho Dương Ấm Du. Ở đây, Lỗ Tấn chơi chữ *bà lý*(lý của bà *công lý* (lý của ông).

[1] *Thanh lưu* : đời Hán chỉ có một số thái học sinh cuối Hán cùng một số các vị đại thần trong triều đình liên lạc với nhau để vạch tội bọn hoạn quan phê bình triều chính, sau bị khép vào tội kết bè đảng làm nguy hại triều đình. Hơn bảy tám trăm người bị xử tội. *Đông Lâm* : đời Minh chỉ những người tụ tập ở Đông Lâm thư viện bàn luận về thời chính, phê bình những người tại mất. Có một số quan lại chính trực cũng hưởng ứng. Sau hơn mấy trăm người bị giết hại. Những chuyện này đưa ra để nói việc của Nữ Đại Học Sư Phạm Bắc Kinh.

lại " ghét điều thiện như ghét kẻ thù" hay sao? Thế là chẳng ai nói câu nào cả. Giá thử từ nay về sau, ánh sáng và bóng tối không thể đấu tranh với nhau được đến cùng, người thật thà nhầm lẫn, dung túng điều ác với khoan hồng độ lượng, cứ một mực làm ngơ thì cái tình trạng gần như hỗn loạn hiện nay sẽ có thể cứ kéo dài mãi đến vô cùng vô tận.

7- LẤY GẬY ÔNG ĐẬP LƯNG ÔNG[1]

Người Trung Quốc kẻ tin Đông y, kẻ tin Tây y. Bây giờ các thành phố tương đối lớn thường có hai thứ, để ai thích thứ nào thì theo thứ đó. Tôi cho cái đó hay vô cùng. Nếu mở rộng phạm vi ra được thì tiếng kêu oan nhất định sẽ bớt đi nhiều, hoặc giả thiên hạ sẽ thái bình. Thí dụ : Thời Dân Quốc chào nhau thông thường là cúi mình một cái, nhưng giá có ai cho thế không phải thì cứ để một mình người đó dập trán xuống đất mà lạy. Pháp luật Dân Quốc không có tội *xuy* (lấy roi tra khảo), nhưng giá có ai cho nhục hình là hay thì khi người đó mắc tội gì, cứ đặc cách mà nọc ra đánh vào đít. Đũa, bát, cơm, canh là vì người thời bấy giờ mà bày đặt ra, nhưng có ai muốn làm người dân thời họ Toại Nhân trở về trước, thì cứ mời người đó ăn thịt sống; làm lại mấy nghìn túp nhà cỏ, rồi lôi những bậc cao sĩ ngưỡng mộ Nghiêu Thuấn ra khỏi những tòa ngang dãy dọc của họ, bắt đến đấy mà ở; người nào phản đối văn minh vật chất tất nhiên càng không nên để cho họ phải ngậm oan mà ngồi xe hơi. Làm như thế, thật là "cầu điều nhân được điều nhân, còn oán cái

---

[1] Nguyên văn : " *Tức dĩ kỳ nhân chi đạo hoàn trị kỳ nhân chi nhân*" (Lấy cái đạo của người đó mà trị lại người đó) : là câu chú thích của Chu Hy ở chương 13, sách *Trung Dung*.

gì ?"[1], lỗ tai chúng ta cũng đỡ bẩn đi nhiều.

Nhưng đáng tiếc chưa ai chịu làm như thế cho, cứ muốn bắt người khác làm như mình, cho nên thiên hạ mới sinh ra lắm chuyện. "Phe pơlê" cũng có cái tệ của nó, thậm chí có thể trở thành nhược điểm, để cho thế lực hung ác chiếm phần hơn. Thí dụ Lưu Bách Chiêu đánh sinh viên trường Đại học Nữ Sư Phạm thì bọn *Hiện đại bình luận* im thin thít, đến khi trường Đại học Nữ Sư Phạm hồi phục lại, thì Trần Tây Oánh khuyến khích nữ sinh viên Đại học[2] chiếm lấy trường sở, nói " nếu bọn họ không chịu đi thì làm thế nào ?". Đánh, lại còn kéo, lại còn vất, đã có Lưu Bách Chiêu làm gương cho đó rồi, sao lần này độc một mình " không nỡ!"[3]. Đó là bởi vì để cho nó ngửi thấy được cái mùi " phe pơlê" của trường Đại Học Nữ Sư Phạm! Nhưng cái "phe" đó lại trở thành nhược điểm để cho người ta lợi dụng làm vũ khí bảo vệ cái "di trạch" của Chương Sĩ Chiêu[4].

8- KẾT LUẬN

Có người nghi rằng những điều tôi nói trên có thể khêu gợi cuộc đấu tranh giữa hai phái mới, cũ, hoặc gì gì đấy, làm cho mối ác cảm thêm sâu sắc, sự giằng co thêm kịch liệt.

---

[1] Lời của Khổng Tử, xem sách *Luận ngữ*, thiên *Thuận nhi*.

[2] Hai trường khác nhau

[3] Lưu Bách Chiêu là một viên trưởng phòng Bộ Giáo dục hồi đó, tay chân của Chương Sĩ Chiêu. Năm 1925, khi xảy ra vụ trường Đại Học Nữ Sư Phạm, Chương Sĩ Chiêu bảo lưu Bách Chiêu thuê một số phụ nữ lưu manh đến đánh nữ sinh viên, kéo nữ sinh viên ra khỏi trường. Nhưng được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân Bắc Kinh, cuối cùng, nữ sinh viên thắng, trường lại mở. Chương Sĩ Chiêu chạy trốn sang Thiên Tân. Dương Ấm Du bị cách chức.

[4] Chỉ bè phái Dương Ấm Du. Lúc này Chương Sĩ Chiêu không làm bộ trưởng nữa cho nên nói là " di trạch" (cái ơn sót lại).

Nhưng tôi dám nói quyết rằng, bọn phản cải cách đối với những người cải cách độc ác lắm, xưa nay chưa hề nới tay bao giờ, thủ đoạn cũng ghê gớm đến mức không thể hơn được nữa. Chỉ có những người cải cách là đang nằm mơ, chịu thiệt mãi, do đó mà Trung Quốc cũng chẳng có cải cách gì được cả. Từ nay về sau, cần phải thay đổi thái độ và phương pháp đi.

Ngày 29 tháng 12 năm 1925

(Tập ***Nấm mồ***)

19- KỶ NIỆM CHỊ LƯU HÒA TRÂN *

1

Ngày 25 tháng 3 năm Trung Hoa Dân Quốc thứ mười lăm, tức là ngày trường Đại học Nữ Sư Phạm Bắc Kinh làm lễ truy điệu hai chị Lưu Hòa Trân và Dương Đức Quân[1] bị hại trước dinh chính phủ Đoàn Kỳ Thụy ngày 18, tôi đang lững thững một mình ngoài lễ đường, thì thấy chị Trình đi tới hỏi : " Thầy đã viết cái gì về Lưu Hòa Trân chưa ạ ?". Tôi trả lời : " Chưa". Chị Trình bảo với tôi : " Thầy nên viết một bài, hồi còn sống, Trân thích đọc văn thầy lắm".

Điều đó tôi biết. Tất cả những tờ báo tôi biên tập, đại khái thường là hữu thủy vô chung, cho nên trước nay bán không chạy lắm, nhưng thời buổi khó khăn như thế này, mà trong số người mua trọn năm tờ *Măng nguyên*[2] có Lưu Hòa Trân. Tôi cũng thấy cần phải viết cái gì, tuy đối với người chết, không ăn thua gì nữa, nhưng đối với người sống, có lẽ cũng chỉ có thể như thế mà thôi. Giá tôi có thể tin được rằng có cái gọi là " linh hồn ở trên trời", tất nhiên tôi sẽ được an ủi hơn nhiều, - nhưng hiện giờ chỉ có thể như thế mà thôi.

Có điều, quả thật tôi không biết nói gì. Tôi chỉ cảm

---

* Bài này đăng lần đầu tiên trên tờ *Ngữ ti*, ngày 12 tháng 4 năm 1926.

[1] *Lưu Hòa Trân*, sinh viên trường Đại học Nữ Sư Phạm Bắc Kinh, khi bị hại mới 22 tuổi. *Dương Đức Quân*, cũng là sinh viên trường đó, bị hại lúc 24 tuổi.

[2] *Măng Nguyên* : tập san do Lỗ Tấn biên tập, xuất bản tháng 4 - 1925 đến tháng 11 thì đình bản.

thấy nơi tôi hiện đang ở không phải là nơi con người ở với nhau. Máu của hơn bốn chục thanh niên tràn ngập chung quanh tôi làm cho tôi ngạt thở, ù tai, mờ mắt, còn có thể nói năng gì được nữa ? Hát thay cho tiếng khóc là phải sau khi nỗi đau xót đã qua rồi. Nhưng sau hôm đó, thì cái luận điệu nham hiểm của mấy người gọi là văn nhân học giả, lại làm cho tôi đau xót hơn. Tôi không còn phẫn nộ được nữa. Tôi sẽ nghiền ngẫm nỗi bi thảm dày đặc của chốn không phải của con người này; tôi sẽ đem nỗi đau thương lớn nhất của tôi phơi bày ra giữa chốn không phải của con người này để cho chúng nó thấy tôi đau thương mà thích thú. Rồi tôi sẽ đem nỗi đau thương đó làm lễ vật đơn bạc của người chết sau dâng lên trước linh hồn người đã khuất.

2

Một người thật sự dũng cảm thì dám đương đầu với cuộc đời thảm đạm, dám nhìn thẳng vào chỗ máu tươi lênh láng. Đau khổ biết dường nào và cũng sung sướng biết dường nào! Nhưng tạo hóa thường lại hay nghĩ kế cho kẻ tầm thường: thời gian trôi qua rất nhanh, rửa sạch những dấu vết cũ, chỉ lưu lại một sắc màu đỏ nhờ nhờ và một nỗi đau thương nhè nhẹ. Trong sắc màu đỏ nhờ nhờ và nỗi đau thương nhè nhẹ đó, lại cho con người sống lay lắt qua ngày, duy trì mãi cái thế giới giống như của con người mà cũng không giống con người này. Tôi thật không biết cái thế giới đó đến bao giờ mới tiêu vong !

Chúng ta hiện đang sống trên cái thế giới đó. Tôi cũng thấy tôi cần phải viết một cái gì. Từ ngày 18 tháng 3 đến nay, đã hai tuần lễ rồi, vị cứu tinh Quên lãng sắp đến chăng, tôi cần phải viết một cái gì mới được.

3

Trong hơn bốn chục thanh niên bị hại, chị Lưu Hòa Trân là học sinh của tôi. Học sinh, trước nay tôi vẫn nghĩ như thế, vẫn nói như thế, nhưng bây giờ thấy có hơi ngần ngại. Đối với chị, tôi phải dâng tấm lòng đau thương và kính mến của tôi. Chị không phải là học sinh của " thằng tôi còn sống lay lắt đến ngày hôm nay", chị là thanh niên của Trung Quốc, vì Trung Quốc mà hy sinh.

Lần đầu tiên tôi thấy tên chị vào đầu hè năm ngoái khi bà Dương Ấm Du, hiệu trưởng trường Đại học Nữ Sư Phạm, đuổi sáu cán bộ Hội Tự trị học sinh trong trường. Một trong sáu người đó là chị nhưng tôi không quen biết. Về sau, có lẽ là khi Lưu Bách Chiêu cầm đầu bọn võ tướng, gồm nam lẫn nữ, đến lôi học sinh ra khỏi trường, mới có người chỉ một nữ sinh, bảo tôi : đó là Lưu Hòa Trân. Lúc bấy giờ tôi mới biết được con người có cái tên đó, trong lòng rất lấy làm lạ. Tôi thường nghĩ ,một người học sinh mà không khuất phục trước thế lực, dám phản kháng một bà hiệu trưởng lắm vây cánh như thế, dù thế nào đi nữa, cũng phải là một người đanh đá, sắc sảo. Đằng này chị lại hay mỉm cười, thái độ rất ôn hòa. Cho nên khi trường tạm dời đến ngõ Tông Mạo, thuê nhà tiếp tục dạy, thì chị mới bắt đầu đến nghe tôi giảng. Từ đó, gặp mặt luôn, lúc nào chị cũng cứ mỉm cười, thái độ rất ôn hòa. Đến khi trường trở về chỗ cũ, các vị giáo sư trước kia đều cho rằng trách nhiệm của mình đã hết, sửa soạn lần lượt rút lui, bấy giờ tôi mới thấy chị có vẻ lo cho tương lai trường mình, chị âm thầm nhỏ nước mắt. Thế rồi, từ đó không gặp nhau nữa. Tóm lại theo tôi nhớ thì lần ấy là vĩnh biệt.

4

Sáng sớm ngày 18, tôi đã biết quần chúng sẽ đến trước dinh chính phủ đưa kiến nghị; chiều thì được tin buồn, nói vệ binh công nhiên nổ súng, mấy trăm người chết và bị thương, và chính chị Lưu Hòa Trân ở trong số người bị hại. Nhưng nghe lời đồn đại đó, tôi vẫn còn hoài nghi. Xưa nay, tôi thường suy xét người Trung Quốc với một ác ý xấu xa nhất không hề kiêng nể, nhưng tôi vẫn không ngờ, mà cũng không tin có thể hèn hạ, tàn bạo đến nước ấy. Huống chi, một con người hòa nhã, luôn luôn mỉm cười như chị Lưu Hòa Trân, làm sao đến nỗi phải đổ máu trước dinh chính phủ được?

Thế mà, ngày hôm ấy đã chứng minh đó là sự thực. Mà cái để chứng minh lại là thi hài của chính mình chị. Còn một thi hài nữa là thi hài chị Dương Đức Quân. Và lại chứng minh rằng chẳng những giết, mà còn giết một cách tàn bạo, vì trên thân thể các chị còn có những vết thương đánh đập bằng gậy nữa.

Nhưng chính phủ Đoàn Kỳ Thụy lại ra lệnh nói rằng các chị là "bạo đồ"!

Tiếp đó lại là những lời bịa đặt, vu cáo nói rằng các chị bị người ta lợi dụng.

Cảnh tượng thê thảm kia đã khiến mắt tôi không nỡ nhìn, những lời bịa đặt, vu cáo này càng khiến tai tôi không nỡ nghe. Tôi còn biết nói gì nữa? Tôi đã hiểu ngay nguyên do vì sao các dân tộc suy vong phải im lìm không lên tiếng được. Trầm lặng! Trầm lặng! Không bùng nổ trong trầm lặng thì bị tiêu diệt trong trầm lặng.

5

Nhưng còn có những điều tôi cần nói.

Tôi không được mắt thấy mà chỉ nghe nói lại rằng, chị, Lưu Hòa Trân, lúc đó tiến lên rất phấn khởi. Tất nhiên. Chỉ đưa kiến nghị mà thôi! Còn có chút tâm địa con người thì ai có thể ngờ đến cái cạm bẫy đó được. Thế mà chị bị bắn trước dinh chính phủ. Đạn từ sau lưng xuyên qua tim, phổi, một vết thương trí mạng, nhưng chưa chết ngay. Chị Trương Tĩnh Thục[1] cùng đi với chị định đỡ chị dậy, trúng bốn viên, một viên là đạn súng lục, liền ngã xuống. Chị Dương đức Quân cũng đi cạnh chị, lại định đỡ chị, cũng bị bắn, đạn xuyên từ vai bên trái sang ngực bên phải, cũng liền ngã xuống. Nhưng chị Lưu Hòa Trân còn ngồi dậy được. Một tên lính liền giáng hai gậy vào đầu, thế là chị chết.

Chị Lưu Hòa Trân, cô gái lúc nào cũng hòa nhã, cũng mỉm cười ấy, chết thật rồi! Thật như thế. Có thi hài của chính chị làm chứng. Chị Dương Đức Quân, can đảm và thân ái, cũng chết rồi. Có thi hài của chị làm chứng. Chỉ có chị Trương Tĩnh Thục, cũng can đảm, cũng thân ái như thế, thì đang nằm rên trong bệnh viện. Ba cô gái ung dung bị súng đạn của những người văn minh sáng chế ra bắn trúng, thật là một điều vĩ đại kinh người làm sao! Những thành tích vẻ vang của bọn quân nhân Trung Quốc giết hại đàn bà, con trẻ, những võ công của liên quân tám nước đàn áp học sinh, không may đều bị mấy vết máu kia xóa mờ tất cả.

Nhưng những kẻ giết người trong và ngoài nước vẫn cứ

---

[1] *Trương Tĩnh Thục* cũng là sinh viên trường đại học Sư phạm. Chị này sau được cứu sống.

ngang nhiên ngửng đầu lên, chúng không hề biết rằng mặt đứa nào đứa nấy đều vấy máu...

6

Thời gian cứ trôi qua, phố xá vẫn thái bình như cũ. Chỉ vẻn vẹn mấy sinh mệnh như thế, đối với Trung Quốc có thấm vào đâu, nhiều lắm, cũng chỉ làm đầu câu chuyện sau bữa cơm cho những người nhàn rỗi không có ác ý, hoặc làm cớ cho những người nhàn rỗi có ác ý bịa đặt vu cáo mà thôi. Ngoài ra, ý nghĩa sâu sắc của nó thì tôi cảm thấy rất mơ hồ, bởi vì quả thật, đây chỉ là tay không mà kiến nghị. Lịch sử các cuộc huyết chiến trước nay của loài người giống như sự hình thành của than, đương thời phải dùng bao nhiêu cây gỗ, nhưng kết quả cũng chỉ được một cục nho nhỏ, mà trong đó làm gì có kiến nghị, huống hồ lại tay không mà kiến nghị.

Nhưng máu đã đổ rồi, tất nhiên bất giác nó sẽ lan rộng ra, tối thiểu cũng sẽ ngấm vào lòng những người thân thuộc, thầy học, bạn bè, người yêu, cho dù thời gian có trôi qua mà phai nhạt đi, thì hình ảnh cũ của chị với nụ cười mỉm, hòa nhã kia vẫn còn mãi mãi trong nỗi đau thương nhè nhẹ. Đào Tiềm có câu thơ:

Thân thích hoặc dư bi

Tha thân điếc dĩ ca.

Tứ khứ hà sở đạo,

Thác thể đồng sơn a[1]

(Bà con hoặc còn thương,

---

[1] *Đào Tiềm* (372 - 427): tức Đào Uyên Minh, nhà thơ thời Tấn. Bốn câu thơ này trích trong bài *Vãn ca* (Thơ ai điếu).

Người khác cũng đã hát,

Gửi xác cho rừng núi,

Chết rồi tức là hết).

Được như vậy cũng đủ rồi.

7

Tôi có nói: Trước nay tôi thường suy xét về người Trung Quốc với một ác ý xấu xa hết sức, không kiêng nể. Nhưng lần này lại có những điều ngoài trí tưởng tượng của tôi. Một là chính phủ mà lại tàn bạo như thế, hai là bọn bịa đặt, vu cáo mà lại hèn nhát như thế, ba là phụ nữ Trung Quốc lúc lâm nạn mà lại có thể ung dung như thế.

Tôi được mắt thấy phụ nữ Trung Quốc bắt tay vào việc là từ năm ngoái. Tuy chỉ có mấy người, nhưng thấy cái khí khái, đảm đang, kiên quyết, bị đàn áp mấy vẫn không hề khuất phục của họ, nhiều lần tôi rất lấy làm khâm phục. Đến như lần này, giữa làn mưa đạn, mà họ cứu giúp nhau, chết cũng không tiếc thân mình, việc đó đủ chứng tỏ rằng phụ nữ Trung Quốc hết sức dũng cảm, tuy gặp phải âm mưu quỷ quyệt, bị áp bức mấy nghìn năm nay, nhưng cuối cùng, không thể tiêu vong được.Nếu muốn tìm ý nghĩa cái chết của những người này đối với tương lai, thì ý nghĩa ở chỗ đó.

Kẻ sống lay lắt mà còn thấy được một tia hy vọng lờ mờ trong sắc máu nhờ nhờ kia thì những dũng sĩ chân chính chắc sẽ phấn chấn mà tiến lên.

Hỡi ơi ! Tôi nói không nên lời, chỉ có chừng này để kỷ niệm chị Lưu Hòa Trân mà thôi !

1 tháng 4

(Tập ***Hoa cái*** *tiếp theo*)

50. VĂN HỌC THỜI CÁCH MẠNG*

Bài nói chuyện tại Trường sĩ quan Hoàng Phố ngày 8-4-1927

Câu chuyện tôi định nói hôm nay sẽ lấy đầu đề " Văn học thời cách mạng". Trường này mời tôi mấy lần, tôi đều thoái thác không đến. Vì sao vậy ? Vì tôi nghĩ rằng, sở dĩ các bạn mời tôi, có lẽ vì tôi có viết mấy thiên tiểu thuyết, vì tôi là một nhà văn, muốn nghe tôi nói về văn học. Thực ra, tôi không phải là nhà văn, cũng không biết gì về văn học. Lúc đầu tôi học là học khai mỏ, bảo tôi nói chuyện đào than đá, có lẽ hay hơn nói chuyện văn học. Tất nhiên, vì thích riêng, sách văn học tôi thường cũng có xem, có điều không có gì lĩnh hội sâu sắc, nói ra bổ ích cho các bạn. Lại thêm mấy năm nay, do kinh nghiệm bản thân thu lượm được ở Bắc Kinh, tôi dần dần hoài nghi tất cả những lời bàn về văn học của người trước mà tôi được biết. ấy là lúc người ta bắn giết học sinh[1], văn chương cũng cấm đoán nghiêm ngặt; tôi nghĩ : văn học, văn học thật không được tích sự gì hết, chỉ người không có thực lực mới nói mà thôi. Người có thực lực, họ

---

* *Bài này đăng lần đầu trên tờ* Nội san *của Trường sĩ quan Hoàng Phố. Trường Hoàng Phố là một trường sĩ quan lục quân do Tôn Trung Sơn sáng lập, sau khi cải tổ Quốc dân đảng ở Hoàng Phố, Quảng Châu. Trường mở tháng 6 năm 1926. Trước khi Tưởng Giới Thạch trở mặt, phản lại cách mạng (12-4-1927), thì trường do Đảng cộng sản và Quốc dân đảng hợp tác quản lý, có nhiều đảng viên cộng sản giữ những nhiệm vụ lãnh đạo quan trọng trong trường*

[1] Chỉ việc Đoàn Kỳ Thụy giết hai học sinh năm 1926.

không nói, mà cứ giết, còn người bị áp bức nói mấy câu, viết mấy chữ thì đều có thể bị giết. Dù may không bị giết, nhưng cứ nghĩ hàng ngày gào thét, kêu khổ, tỏ bất bình, mà người có thực lực vẫn cứ áp bức, ngược đãi, giết hại, không có cách nào đối phó với chúng cả, thì cái văn học đó có ích gì cho người ta ?

Trong giới tự nhiên cũng thế. Diều hâu bắt sẻ, thì diều hâu làm thinh mà sẻ kêu chít chít. Mèo bắt chuột thì mèo làm thinh, mà chuột kêu chí chí; kết quả vẫn là con chí có thể mở miệng kêu bị con không mở miệng kêu ăn thịt. Nhà văn viết được ít bài văn hay cũng có thể được tán tụng một thời, hay là được tiếng suông ít năm, - giống như, sau lễ truy điệu một liệt sĩ, người ta không nhắc đến việc làm của liệt sĩ mà lại truyền tụng câu đối nào hay. Quả thật là một sự buôn bán rất hời[1].

Nhưng có lẽ các nhà văn của đất cách mạng này[2] thích nói rằng văn học với cách mạng có quan hệ lớn lắm, thí dụ có thể dùng văn học để tuyên truyền, cổ động, khích lệ, thúc đẩy cách mạng và hoàn thành cách mạng. Có điều, tôi nghĩ : thứ văn chương đó thì không có hiệu lực, bởi vì những tác phẩm văn nghệ hay, xưa nay phần lớn là không chịu mệnh lệnh của người khác, bất chấp lợi hại, tự nhiên cứ trong lòng bộc lộ ra, chẳng có giá trị gì về văn học, nói gì đến việc có thể cảm động được lòng người hay không. Vì sự nghiệp cách

---

[1] Người làm câu đối điếu nhờ có liệt sĩ hy sinh tính mạng mới nổi tiếng được, cho nên cũng chẳng khác gì một việc buôn bán không chút nguy hiểm

[2] Lúc này trung tâm hoạt động chính trị dời về Quảng Châu. Đảng cộng sản và Quốc dân đảng đang hợp tác với nhau để mở cuộc Bắc phạt chống quân phiệt Bắc dương.

mạng, phải có những " người cách mạng" còn " văn học cách mạng" thì chưa cần vội; văn học người cách mạng làm ra mới là văn học cách mạng. Cho nên, tôi nghĩ : trái lại cách mạng có quan hệ với văn học. Văn học thời cách mạng với văn học thời bình không giống nhau. Cách mạng đến là văn học đổi màu sắc ngay. Nhưng cách mạng lớn thì mới thay đổi được màu sắc văn học, còn cách mạng nhỏ thì không, bởi vì không thể kể là cách mạng được, cho nên không thay đổi được màu sắc văn học. Ở đất này, nghe nói " cách mạng" quen rồi, chứ ở Giang Tô, Chiết Giang, nói đến hai tiếng " cách mạng", người nghe sợ lắm, người nói cũng rất nguy hiểm. Thật ra, " cách mạng" không phải là cái gì lạ, phải có nó thì xã hội mới cải cách, nhân loại mới tiến bộ được; từ nguyên trùng có thể tiến thành con người, từ dã man có thể tiến tới văn minh,là vì không có giờ phút nào không có cách mạng. Nhà sinh vật học bảo cho chúng ta biết rằng : " Loài người và loài khỉ không khác gì nhau lắm, người với khỉ là anh em họ". Nhưng vì sao loài người thành người, mà loài khỉ vẫn cứ là khỉ ? Ấy là vì khỉ không chịu biến hóa - cứ thích đi bốn chân. Có lẽ đã từng có con đứng dậy, thử đi bằng hai chân, nhưng bao nhiêu con khác lại nói : " Tổ tiên chúng ta xưa nay chỉ đi bốn chân, không cho mày đứng dậy!", rồi cắn chết. Chẳng những chúng nó không chịu đứng dậy, mà lại còn không chịu nói, bởi vì chúng nó bảo thủ. Loài người thì khác, cuối cùng họ đứng dậy, nói kết quả họ thắng. Hiện nay cũng vẫn chưa thôi. Cho nên cách mạng không phải là cái gì lạ cả, phàm những dân tộc đến nay chưa bị diệt vong thì hàng ngày vẫn ra sức làm cách mạng, mặc dù thường thường chỉ là cách mạng nhỏ.

Cách mạng lớn đối với văn học có ảnh hưởng như thế

nào ? Có thể chia ra làm ba thời kỳ mà xét.

1. Trước khi cách mạng lớn, tất cả văn học, đại để đối với mọi trạng thái xã hội, cảm thấy bất bình, cảm thấy đau khổ thì kêu khổ, tỏ bất bình. Trong văn học thế giới, thứ văn học đó không phải là ít. Có điều thứ văn học kêu khổ, tỏ bất bình, chẳng ảnh hưởng gì đến cách mạng cả, bởi vì kêu khổ, tỏ bất bình mà không có thực lực, thì kẻ áp bức anh vẫn không đếm xỉa đến. Chuột kêu chí chí, dù kêu thành được một thứ văn học rất hay, nhưng mèo ăn thịt nó, vẫn không khách khí gì cả. Cho nên khi chỉ có thứ văn học kêu khổ, tỏ bất bình, thì dân tộc ấy vẫn không có hy vọng, bởi vì chỉ kêu khổ, tỏ bất bình rồi thôi. Thí dụ người ta kiện cáo nhau, lúc bên thua làm đơn kêu oan là đối thủ biết ngay họ không đủ sức theo kiện nữa rồi, chuyện thế là xong. Cho nên thứ văn học kêu khổ, tỏ bất bình chẳng khác gì những lời kêu oan; kẻ áp bức nghe thấy lại càng yên tâm. Có những dân tộc thấy kêu khổ không ích gì, nên không kêu nữa, họ trở thành những dân tộc trầm lặng rồi suy vong dần dần. Ai Cập, Ả Rập, Ba Tư, Ấn Độ,đều không có tăm hơi gì nữa. Còn như những dân tộc giàu tính phản kháng, có lực lượng tiềm tàng, thấy kêu khổ không ích gì, thì họ liền giác ngộ, tiếng đau thương biến thành tiếng gầm thét. Một khi văn học gầm thét xuất hiện, thì phản kháng sắp đến nơi rồi. Họ phẫn nộ lắm, cho nên thứ văn học gần thời đại bùng nổ cách mạng thường thường có giọng phẫn nộ. Nó đòi phản kháng, nó đòi phục thù. Lúc cách mạng Liên Xô bùng nổ, tức có thứ văn học ấy. Nhưng cũng có ngoại lệ, như Ba Lan[1], tuy có văn học phục thù từ lâu, nhưng nước đó được khôi phục là nhờ cuộc Đại

---

[1] Nửa đầu thế kỷ XIX, Ba Lan bị ba nước Nga, Áo, Phổ chia cắt

chiến Âu châu.

2. Đến thời đại cách mạng lớn thì không có văn học, không có tiếng kêu nữa, bởi vì mọi người đều bị sóng cách mạng lôi cuốn; từ kêu gào, chuyển sang hành động, ai nấy đều bận làm cách mạng, không có thì giờ nhàn rỗi để nói chuyện văn học. Lại nữa, lúc đó đời sống chật vật, ra sức kiếm miếng bánh mì ăn còn không được, bụng dạ nào mà nói chuyện văn học ? Những người bảo thủ, vì bị sóng cách mạng dập vùi, giận sôi gan, cũng không thể cho hát lại cái gọi là văn học của họ được nữa. Có người nói : " Lúc cùng khổ, người ta mới làm văn học". Thật ra vị tất đã như thế. Lúc cùng khổ, nhất định không có tác phẩm văn học. Hồi tôi học ở Bắc Kinh, hễ túng thiếu là chạy đi vay tiền khắp nơi, không viết chữ nào, đến lúc lĩnh lương, mới ngồi lại làm văn. Lúc bận cũng nhất định không có tác phẩm văn học. Người đang có một cái gánh trên vai thì phải đặt gánh xuống, rồi mới làm văn được, người kéo xe cũng phải đặt xe xuống, rồi mới làm văn được. Thời cách mạng lớn, rất bận và lại rất túng thiếu, khối người này đấu tranh với khối người kia, trước tiên không thay đổi trạng thái xã hội hiện tại thì không được, còn thì giờ và bụng dạ nào mà làm văn. Cho nên văn học của thời đại cách mạng lớn đành phải tạm thời chìm lặng.

3. Cách mạng lớn thành công rồi, trạng thái xã hội đã hòa hoãn, đời sống mọi người đã dồi dào, lúc đó lại có văn học. Văn học lúc đó chia làm hai thứ : một thứ tán dương cách mạng, ca tụng cách mạng - hát mừng cách mạng, bởi vì nhà văn tiến bộ thấy xã hội thay đổi, xã hội tiến lên, xã hội cũ bị phá đi xã hội mới đang kiến thiết, tất cả đều có ý nghĩa,

thì một mặt họ vui mừng trước sự sụp đổ của chế độ cũ, một mặt họ hát mừng trước sự kiến thiết mới. Ngoài ra, có thứ văn học khóc than xã hội cũ diệt vong - đó là tiếng hát đưa ma - cũng là thứ văn học có thể có sau cách mạng. Có người cho rằng đó là " văn học phản cách mạng", tôi nghĩ cũng không cần phải khép cho nó một tội to như thế. Tuy đã làm cách mạng rồi, nhưng trong xã hội, hạng người cũ còn rất nhiều, quyết không thể một lúc biến thành con người mới được. Đầu óc họ chứa đầy tư tưởng cũ; hoàn cảnh thay đổi, ảnh hưởng đến bản thân họ về mọi mặt, thế là họ nhớ lại cuộc đời sung sướng ngày trước, rồi luyến tiếc xã hội cũ, bỏ đi không đành, do đó mà họ nói ra những câu rất xưa, rất cũ và làm ra thứ văn học như thế. Thứ văn học này toàn là một giọng bi ai, chứng tỏ rằng không được thoải mái trong lòng. Một mặt họ nhìn thấy sự kiến thiết mới thắng lợi, một mặt nhìn thấy xã hội cũ diệt vong, cho nên họ hát lên những lời đưa ma nhưng nhớ chuyện cũ, hát đưa ma là tỏ ra rằng đã cách mạng rồi, nếu như chưa cách mạng, thì những người cũ đang đắc thế, họ không hát đưa ma đâu !

Có điều Trung Quốc chưa có hai thứ văn học đó - hát đưa ma chế độ cũ, hát mừng chế độ mới; bởi vì cách mạng Trung Quốc chưa thành công. Bây giờ chính là lúc " giao thời", người ta đang bận làm cách mạng. Thế nhưng, thứ văn học cũ vẫn còn rất nhiều: văn chương trên báo chí cơ hồ toàn là lối cũ. Tôi nghĩ, thế đủ thấy cách mạng Trung Quốc chưa làm cho xã hội thay đổi bao nhiêu, và cũng chưa có ảnh hưởng bao nhiêu đến những con người bảo thủ, cho nên họ vẫn nhàn nhã, thảnh thơi. Văn học trên báo chí Quảng Đông đều cũ hết, văn học mới rất ít; điều đó cũng có thể chứng minh rằng xã hội Quảng Đông chưa hề chịu ảnh hưởng cách

mạng. Chưa có tiếng hát mừng cái mới, chưa có tiếng hát đưa ma cái cũ. Quảng Đông vẫn là Quảng Đông mười năm về trước. Chẳng những thế mà thôi,lại không có những lời kêu khổ, những tiếng nói bất bình; chỉ thấy công đoàn tham gia đi biểu tình, nhưng đó là chính phủ cho phép, chứ không phải vì bị áp bức mà phản kháng, cũng chẳng qua là phụng chỉ mà làm cách mạng. Xã hội Trung Quốc chưa thay đổi,cho nên chưa có những lời buồn thương hoài cựu, cũng chưa có những bài tiến hành khúc mới toanh. Chỉ có ở Liên Xô là đã có hai thứ văn học ấy. Những nhà văn học cũ của họ chạy ra nước ngoài, văn chương họ làm ra phần lớn là những bài ai điếu; còn văn học mới thì đang ra sức vươn lên, tuy chưa có những tác phẩm vĩ đại, nhưng đã có nhiều tác phẩm mới rồi, họ đã qua thời kỳ gầm thét mà bước sang thời kỳ âu ca. Ca tụng kiến thiết, đó là ảnh hưởng sau khi cách mạng đã tiến hành, còn tình hình về sau nữa như thế nào, thì bây giờ chưa hết, nhưng suy luận ra, có lẽ là văn học bình dân chăng, bởi vì thế giới của bình dân là kết quả của cách mạng.

Tất nhiên, hiện nay Trung Quốc chưa có văn học bình dân, mà trên thế giới cũng chưa có văn học bình dân, tất cả mọi thứ văn học, nào ca, nào thơ, đại khái là để cho người thượng lưu xem; họ ăn no rồi ngả lưng trên ghế xích đu, cầm mà đọc. Một bậc tài tử đi ra gặp một bậc giai nhân, hai người cảm nhau, có một tay không tài tử bỗng dưng xen vào quấy phá, bao nhiêu chuyện rắc rối xảy ra nhưng rốt cuộc vẫn đoàn viên. Xem chuyện như thế, thú biết mấy ! Hoặc là kể chuyện người thượng lưu sống sung sướng ý vị như thế nào, người hạ đẳng lố bịch như thế nào. Mấy năm trước, tạp chí *Tân thanh niên* có đăng mấy thiên tiểu thuyết tả những người tù sống ở những nơi giá lạnh; có mấy vị giáo sư đại học xem

rồi bực mình, bởi vì họ không thích xem chuyện những người hạ đẳng như thế. Nếu thơ tả anh phụ xe, thì đó là thơ hạ lưu. Nếu kịch nói đến sự phạm tội, thì đó là kịch hạ lưu. Trong tuồng hát của họ, chỉ có những vai tài tử và giai nhân, tài tử đậu trạng nguyên, giai nhân được phong nhất phẩm phu nhân, bản thân tài tử giai nhân rất vui thú, mà họ xem cũng rất vui thú, những người hạ đẳng chẳng biết làm thế nào được, cũng đành phải vui thú thay cho họ. Hiện bây giờ,có người lấy bình dân - công nhân, nông dân - làm đề tài viết tiểu thuyết, làm thơ; chúng ta cũng gọi là văn học bình dân. Kỳ thực đó không phải là văn học bình dân, bởi vì bình dân chưa mở miệng lên tiếng. Đó là người ngoài đứng cạnh nhìn bình dân sống, rồi giả thác lời lẽ của bình dân mà nói ra.Các nhà văn hiện nay, có kẻ tuy nghèo, nhưng cũng còn đầy đủ hơn công nhân, nông dân, như thế mới có tiền đi học, mới có thể làm văn được. Mới xem qua giống như là lời bình dân nói, kỳ thực không phải. Đó không phải là tiểu thuyếtbình dân thực sự. Những bài sơn ca,ca dao bình dân hát, hiện nay cũng có người ghi chéplại,cho đó là tiếng nói của bình dân, bởi vì chính bình dân đã hát. Nhưng gián tiếp bình dân đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của sách cũ; đối với bọn thân sĩ trong làng có ba nghìn mẫu ruộng, họ hết sức kính phục. Thường thường họ lấy tư tưởng của thân sĩ làm tư tưởng của họ. Bọn thân sĩ quen ngâm thơ ngũ ngôn, thơ thất ngôn, do đó những bài sơn ca, ca dao bình dân hát phần lớn cũng là ngũ ngôn hoặc thất ngôn. Đó là nói về cách luật. Còn như câu từ, ngụ ý cũng cũ rích, không thể gọi là văn học bình dân chính cống được. Hiện nay, tiểu thuyết và thơ của Trung Quốc quả thực không sánh kịp nước ngoài, không biết làm thế nào được, thì cũng đành gọi là văn học thôi; không thể

nói đó là văn học thời cách mạng, càng không thể nói đó là văn học bình dân. Các nhà văn bây giờ đều là những người trí thức; nếu công nhân, nông dân chưa giải phóng, thì tưu tưởng của của công nhân, nông dân vẫn là tư tưởng của người trí thức. Phải chờ đến khi công nhân, nông dân được giải phóng thực sự, lúc đó mới có văn học bình dân thục sự. Có một số người nói: "Trung Quốc có văn học bình dân rồi", thật ra không đúng.

Các bạn là những người chiến đấu thực tế, là những chiến sĩ cách mạng, tôi cho rằng hiện giờ các bạn chưa cần phải ham chuộng văn học là phải hơn. Đối với chiến tranh, học văn học không có ích gì, giỏi lắm chẳng qua là làm được thơ chiến đấu, nếu làm được hay, những lúc nghỉ ngơi sau các cuộc chiến đấu, có thể đem ra xem, kể cũng thú. Nói cho đàng hoàng một chút, cũng giống như trồng liễu, đợi khi liễu lớn lên, bóng râm rũ xuống, người nông dân cày đến giữa trưa , có thể lại dưới cây liễu ngồi ăn cơm, nghỉ ngơi. Trong tình trạng xã hội Trung Quốc hiện nay chỉ có chiến tranh cách mạng thực sự. Một bìa thơ không làm cho Tôn Truyền Phương sợ bỏ chạy, nhưng một phát súng thì đuổi được Tôn Truyền Phương đi[1]. Tất nhiên, cũng có người cho rằng, đối với cách mạng, văn học có một sức mạnh rất lớn, nhưng riêng tôi thì vẫn hoài nghi. Còn như văn học là một sản vật của sự thừa thãi, có thể chứng tỏ văn hóa của một dân tộc, thì cái đó có thật.

Con người ta đại khái không có ai bằng lòng việc trước mắt mình đang làm. Tôi xưa nay chỉ có thể viết được ít bài

---

[1] *Tôn Huyền Phương*: tên quân phiệt Bắc Dương, chiếm cứ các tỉnh Phúc Kiến, Chiết Giang, Giang Tô, An Huy, Giang Tây.

văn, chính mình cũng cảm thấy chán. Mà các bạn là những người cầm súng thì các bạn lại thích nghe nói chuyện văn học. Tôi thì tất nhiên lại thích nghe tiếng súng đại bác, hình như cảm thấy tiếng súng đại bác nghe hay hơn tiếng văn học nhiều. Tôi nói chỉ bấy nhiêu, cảm ơn các bạn đã chịu khó nghe đến hết!

(Tập *Mà thôi*)

53. VĂN HỌC VÀ MỒ HÔI*

Một vị giáo sư đại học ở Thượng Hải[1] nói chuyện văn học với người ta, cho rằng văn học phải tả cái nhân tính vĩnh viễn không thay đổi, nếu không sẽ không trường cửu được. Thí dụ Sêcxpia ở Anh và một hai người khác, họ tả cái nhân tính vĩnh viễn không thay đổi, cho nên đến nay còn lưu truyền. Còn thì không như thế, nên đều bị tiêu diệt.

Cái đó thật đúng như người ta nói: "Anh không nói, tôi còn hơi rõ, anh càng nói, tôi càng mơ hồ". Nước Anh có khá nhiều văn chương trước kia không lưu truyền, tôi nghĩ, cái đó có thể có, nhưng tôi không hề nghĩ rằng văn chương đó bị tiêu diệt là vì không tả nhân tính vĩnh viễn, không thay đổi. Bây giờ biết như thế rồi, nhưng lại càng không hiểu vì sao, nó bị tiêu diệt rồi, thì vị giáo sư đại học thời nay còn có thể học ở đâu được, mà cứ đoán định rằng cái thứ văn chương đó tả lại không phải là nhân tính vĩnh viễn, không thay đổi.

Được lưu truyền, là văn học hay, bị tiêu diệt, là văn học dở: cướp được thiên hạ, là vua, không cướp được thiên hạ, là giặc. Chẳng lẽ lý luận về lịch sử kiểu Trung Quốc cũng tương thông với lý luận về văn học của người Trung Quốc hay sao?

---

* Bài này đăng báo lần đầu trên báo *Ngư ti*, ngày 14 tháng 1 năm 1928.

[1] Chỉ Lương Thực Thu. Nhân tính luận nói trên là tư tưởng căn bản mà y đã trình bày trong nhiều bài phê bình văn học từ năm 1927.

Vả lại, nhân tính là vĩnh viễn, không thay đổi hay sao?

Vượn người, người vượn, người nguyên thủy, người thượng cổ, người thời nay, người mai sau..., nếu quả thực sinh vật có thể tiến hóa, thì nhân tính không thể vĩnh viễn, không thay đổi. Không có người vượn, ngay tính khí nguyên thủy, chúng ta có lẽ cũng khó lòng đoán ra được, và tính khí của chúng ta, e người mai sau cũng vị tất đã biết rõ. Nếu muốn tả nhân tính vĩnh viễn, không thay đổi, quả khó thật!

Thí dụ như chuyện ra mồ hôi, tôi nghĩ, tựa hồ xưa kia cũng đã có, mà nay cũng có, tương lai nhất định tạm thời cũng còn có thể cho là gần như "nhân tính vĩnh viễn, không thay đổi". Nhưng mồ hôi cô tiểu thư "liễu yếu đào tơ" là mồ hôi thơm, mồ hôi của người công nhân "ngu như bò" là mồ hôi thối. Không biết nếu muốn làm thứ văn chương sống mãi với đời, nếu muốn trở thành nhà văn sống mãi với đời, thì nên tả mồ hôi thơm hay là mồ hôi thối đây? Vấn đề đó, nếu không được giải quyết trước, thì vị trí trong lịch sử văn học tương lai, quả thực là "cấp cấp hồ đãi tai"[1].

Nghe nói, như nước Anh, tiểu thuyết lúc đầu đại để là viết cho các bà lớn, các cô tiểu thư xem, trong đó tự nhiên phần lớn là mồ hôi thơm; đến nửa sau thế kỷ XIX, chịu ảnh hưởng của văn học Nga, cho nên cũng có ít nhiều mùi mồ hôi thối. Số mệnh của thứ văn chương đó, hiện nay tựa hồ cũng còn vào loại chưa biết được thế nào.

Ở Trung Quốc cứ nghe các vị đạo sĩ bàn về đạo, nghe các nhà phê bình bàn về văn chương, cũng đủ làm cho các lỗ

---

[1] Câu này lấy ở sách *Mạnh Tử*, chương *vạn chương*: "*Thiên hạ đãi tai cấp cấp hồ*" nghĩa là: nguy hiểm, không yên ổn.

chân lông của người ta phải co rúm lại, mồ hôi không dám chảy ra nữa. Nhưng đó có lẽ lại là nhân tính vĩnh viễn không thay đổi của người Trung Quốc chăng?

(Tập ***Mà Thôi***)

56. VIẾT THẾ NÀO ?*

Dạ kí 1

Viết cái gì là một vấn đề, viết thế nào lại là một vấn đề khác.

Năm nay, viết ít, mà viết cho tờ *Măng nguyên* lại càng ít. Tự tôi tôi biết rõ nguyên nhân. Nói ra hết sức buồn cười, ấy là tờ tạp chí ấy giấy tốt quá[1]. Có lúc có một ít tạp cảm, nhìn kỹ lại, thấy chẳng có ý nghĩa gì lắm, không nên bôi đen những tờ giấy trắng như vậy, thế là bỏ thôi, bỏ đấy. Hay ho thì lại không có. Đầu óc tôi hoang vu, nông cạn, trống rỗng như thế này!.

Vấn đề có thể đem ra bàn tất nhiên nhiều nắm, từ vũ trụ đến quốc gia xã hội, cao siêu hơn còn có văn minh, nghệ thuật. Xưa nay, nhiều người bàn rồi, tương lai, người muốn bàn cũng vô cùng vô tận. Nhưng tôi không thể bàn được. Nhớ mới năm ngoái đây khi trốn tránh ở đảo Hạ Môn, vì người ta ghét quá, cuối cùng được đãi ngộ theo kiểu "kính qủy thần nhi viễn chi"[2], thờ trong một gian phòng trên gác

---

* Bài này đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Măng nguyên*, tháng 10 năm 1927. Viết ngày 23 tháng 9 năm 1927.

[1] Tạp chí *Măng nguyên* in bằng giấy Đao Lâm.

[2] Câu này lấy trong sách *Luận ngữ*, ý nói: đối với qủy thần thì kính trọng mà xa ra.

thư viện. Ban ngày còn có người thư giữ viện, thợ đóng sách, học sinh đến đọc sách, ban đêm sau chín giờ, thì tản mát hết; một ngôi nhà lầu kiểu Tây rất to, mà ngoài tôi ra, không còn ai nữa. Tôi trở lên trầm lặng. Sự vắng vẻ như rượu nồng làm cho choáng váng say. Nhìn ra ngọn núi hoang sừng sững phía cửa sổ sau, thấy có nhiều điểm trăng trắng, đó là mồ mả; một chấm lửa vàng khè, đó là đèn lưu ly chùa Nam Phổ Đà. Phía trước là trời bể mênh mang, đen ngòm như bóng đêm, tựu hồ sắp tràn ngập vào cõi lòng. Tôi tựa vào lan can đá, nhìn ra xa, nghe rõ tiếng tim mình đập, bốn xung quanh xa xa còn phảng phất có vô số những điều bi ai, khổ não, điêu linh, chết chóc lẫn lộn vào cái vắng vẻ kia, biến nó thành một thứ rượu thuốc, thêm sắc, thêm vị, thêm hương. Lúc đó, tôi có nghĩ đến chuyện viết, nhưng không thể viết được, không biết bắt đầu viết từ cái gì. Đó chính là điều tôi nói: "*Lúc tôi trầm mặc là lúc tôi cảm thấy vững chắc: tôi sắp mở miệng nói, đồng thời lại cảm thấy trống rỗng*"[1].

Chẳng phải đó là một chút của cái "thế giới khổ não"[2] đấy ư? Có lúc tôi nghĩ như thế, nhưng có lẽ cũng không phải. Chẳng qua đó là một nỗi buồn nhàn nhạt, có lẫn ít niềm vui. Tôi muốn đến gần, nhưng càng muốn đến gần càng thấy xa vời, cơ hồ như sắp phát hiện ra là chỉ có một mình tôi đứng tựa bức lan can bằng đá này, ngoài ra chẳng có gì hết. Phải chờ cho đến khi tôi quên không cố đến gần nữa, mới lại cảm thấy buồn nhàn nhạt.

---

[1] Câu này trong bài *Đề từ* tập *Cỏ dại*.

[2] "*Thế giới khổ não*" (Weltschmerz) nguyên là câu nói của nhà thơ người Áo, Lơnô (N.Lenau), ý nói đời người là khổ não. Về sau có người lấy câu này để giải thích sáng văn nghệ, cho rằng nhà văn hay nhà thơ sáng tác là bắt đầu từ cảm giác khổ não đó

Nhưng kết quả lại chẳng lấy gì làm hay ho. Như có một mũi kim đâm vào chân, tôi không kịp suy nghĩ, lấy bàn tay đập thẳng vào chỗ đau, đồng thời chỉ biết có con muỗi đang đốt mình. Nào là nỗi buồn, nào là bóng đêm, bay lên chín tầng mây cả, ngay cái lan can bằng đá mình vừa tựa, cũng không để ý đến nữa . Vả lại, bây giờ mới nói như thế, chứ hồi đó, nhớ lại, thì ngay cái việc không để ý đến cái lan can bằng đá cũng không nghĩ tới. Vẫn không kịp suy nghĩ, tôi đi vào phòng, ngồi vào chiếc ghế dài duy nhất - một chiếc ghế mây muốn ngồi thẳng cũng không được - xoa chỗ muỗi đốt, cho đến khi từ đau chuyển sang ngứa, dần dần sưng lên thành một cục nho nhỏ. Tôi cũng chuyển từ xoa sang gãi, cào cấu, cho đến khi cái cục ấy từ ngứa chuyển sang đau, tương đối có thể chịu đựng được.

Kết quả sau đó lại càng chẳng lấy gì làm hay ho; thường là ngồi dưới ánh đèn điện ăn bưởi.

Tuy chẳng qua là mỗi con muỗi nó đốt một phát, nhưng đó là một việc thiết thực đối với bản thân. Có thể không phải viết tất nhiên càng thú, nếu không viết không được, tôi nghĩ, thì cũng chỉ có thể viết những chuyện vặt vãnh như thế thôi, chứ không thể nào viết được rõ ràng, sâu sắc như cảm giác mà bản thân tôi hôm ấy phải chịu. Huống chi đốt một nghìn phát, một vạn phát huống chi có một mũi đao, mũi thương đâm phải, cái đó thì viết không ra.

Nitsơ[1] thích xem những cuốn sách viết bằng máu,

---

[1] *Friedrich Wilhelm Nietzsche* (1844 - 1900): nhà văn triết học cảm động người Đức, chủ trương thuyết "siêu nhân". Học thuyết của ông trở thành một vũ khí tư tưởng đối địch với hòa bình dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Câu của Nitsơ như sau: *"Trong tất cả các sách, tôi thích nhất những cuốn sách viết bằng máu* (trích cuốn *Zaruthostra nói như vậy.*).

Nhưng tôi nghĩ, văn chương viết bằng máu, e vị tất đã có. Văn chương xưa nay vẫn viết bằng mực, chỉ có vết máu mới viết bằng máu mà thôi. So với văn chương, vết máu tất nhiên làm cho người ta cảm động hơn, rõ ràng, dứt khoát hơn , nhưng dễ biến sắc, dễ tiêu tan. Cái điểm ấy, thì phải nhờ đến khả năng của văn học, cũng giống như chiếc xương trắng trong mồ, từ xưa đến nay, vẫn lấy cái vĩnh cửu của nó mà ngạo mạn với màu hồng tươi trên má cô thiếu nữ.

Có thể không phải viết tất nhiên càng thú, nếu không viết không được, tôi nghĩ, thì cứ tùy tiện mà viết, dù sao cũng chỉ có thế mà thôi tất cả những cái đó đều phải tiên diệt cùng một lần với thời gian, giá thử có thể mãi mãi tươi sống hơn vết máu, thì cũng chỉ đủ chứng tỏ rằng người văn minh là may mắn, là khôn ngoan mà thôi. Nhưng cách viết bằng máu thật tất nhiên không nằm trong trường hợp này.

Khi nghĩ như thế, tôi thấy "Viết cái gì"? lại cũng không thành vấn đề nữa.

Còn vấn đề "Viết như thế nào?" thì xưa nay tôi chưa hề nghĩ tới. Lần đầu tiên biết trên đời có vấn đề như thế là chỉ mới hai tuần lễ trước đây mà thôi. Hôm ấy, tình cờ ra phố, tình cờ vào hiệu sách *Đinh bốc*, tình cờ thấy một chồng *Làm như thế này*[1], liền mua một tờ. Đấy là một tạp chí định kỳ, ngoài bìa vẽ một anh lính trẻ tuổi cưỡi ngựa. Tôi xưa nay có cái thành kiến, phàm sách báo ngoài bìa vẽ vẽ một anh lính như thế, hay là một người nông dân tay cầm cuốc, thế là tôi không muốn sờ tới, bởi vì tôi cứ nghĩ là tài liệu tuyên truyền.

---

[1] *Làm như thế này*: tờ tuần san phản động của bọn Quốc dân đảng hồi đó xuất bản ở Quảng Châu, trong đó có bài công kích "*Ông Tức Đại Phu, thôi đi!*" mà Lỗ Tấn sẽ nhắc đến ở đoạn sau.

Những tác phẩm của những nhà văn như Ibsen, trong đó tác giả nói ý kiến của mình, kết quả thành ra có ý nghĩa tuyên truyền, tôi xem lại không thấy chán. Nhưng đối với những tác phẩm văn nghệ lấy hai chữ "tuyên truyền" làm đề mục trước rồi sau mới đưa lý luận ra thì tôi cứ thấy chướng tai nghe không lọt. Cái thứ không thể nuốt trôi được đó cũng giống như văn học giáo huấn lạc tụng[1]. Nhưng tờ *Làm như thế này* lại hơi đặc biệt một chút, bởi vì tôi còn nhớ rằng báo hàng ngày có nói nó có liên quan tới tôi. Cũng là cái lệ phàm việc gì thiết thân thì mình hết sức quan tâm, tôi không còn ngại cái vị anh hùng cưỡi ngựa ngoài bìa nữa, cứ mua. Về nhà, liền tìm lại mảnh báo cũ mình đã cắt giữ lại; còn đấy, ngày 7 tháng 3, tiếc rằng không ghi rõ tên báo, nhưng không phải *Quốc dân nhật báo* thì *Quốc dân tân văn*, bởi vì hồi đó tôi chỉ xem có hai tờ ấy. Dưới đây xin chép lại một đoạn "*Từ khi ông Lỗ Tấn xuống Nam, trước sau có hai tờ tạp chí* Làm gì? *và* Làm như thế này *ra đời, phá tan cái vắng vẻ trên văn đàn Quảng Châu. Nghe nói* làm như thế này *là một tờ tạp chí định kỳ của Nhóm văn học cách mạng, nội dung chư trọng tuyên truyền văn nghệ cách mạng và chủ nghĩa của đảng ta...*".

Hai câu mở đầu hơi lờ mờ. Nói tôi có liên quan đến những việc ấy cũng được, mà nói vì tôi "xuống Nam" mà người khác nghe báo cũng thông. Nhưng tôi hoàn toàn không rõ ý như thế nào. Lúc đầu, cắt mảnh báo ấy giữ lại, đại khái là định điều tra xem, nhưng sau quên bẵng đi, rồi để đấy. Bấy giờ còn nhớ khi tờ *Làm gì*[2] ra đời, có gửi đến cho tôi

---

[1] *Lạc tụng*: chữ lấy trong sách *Trang Tử*, có nghĩa là đọc đi đọc lại.

[2] *Làm gì*: tạp chí xuất bản năm 1927 ở Quảng Châu do một nhóm thanh niên chủ trương dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Chủ biên là Tất Lôi.

năm số. Tôi có cảm giác đoàn thể này do thanh niên cộng sản chủ trương, bởi vì trong đó có tên ký là "Kiên Như" "Tam Thạch", phải là Tất Lỗi[1], địa chỉ cũng là địa chỉ của anh. Anh còn gửi cho tôi hơn mười số *Thiếu niên tiền phong*, mà tờ báo này thì rõ ràng có những bài do thanh niên cộng sản viết. Anh Tất Lỗi đích xác là đảng viên cộng sản, quả nhiên ngày 18 tháng tư, anh bị bắt ở trường Đại học Trung Sơn. Theo chỗ tôi đoán, thì nhất định anh không còn ở trên đời này nữa rồi. Anh thanh niên ấy quê ở Hồ Nam, nhìn qua thấy người gầy gò, bé nhỏ, nhưng nhanh nhẹn.

Còn tờ *Làm như thế này* thì mới thấy mặt hai tuần lễ trước, đã đến số 7-8, hai số này hợp làm một. Không có số 6, kẻ nói bị cấm, kẻ nói không ra, không biết đằng nào đúng. Tôi liền mua số 7-8 và số 5. Xem đoạn văn đăng trên tờ nhật báo thì biết, tạp chí này phản đối tờ *Làm gì*, hoặc là đối lập với nó. Tôi cầm về, xem từ trang cuối xem lên. Ở mục *Nhắn tin*, nói như thế này: *"Giữ lúc khí thế của C.P*[2] *đang lên... mà các bạn giác ngộ, rút ngay ra khỏi C.P, thì không phải các bạn chỉ việc rút ra khỏi là xong, mà nhất là các bạn phải làm cho C.P tức điên lên, tức là làm một việc xưa nay chưa xảy ra, liên tiếp đăng báo thanh minh ra khỏi Đảng cộng sản"*. Thế thì, đúng như thế rồi.

Ở đây lại tức khắc nảy ra một vấn đề. Tại sao hai tờ tạp chí phản đối nhau kịch liệt như vậy, đều vì tôi "xuống Nam" mà "trước sau ra đời" ? Cái đó, đối với tôi, dễ trả lời: bởi vì

---

[1] *Kiên Như*: tức Kiên như thạch (cứng như đá). *Tam thạch* là ba chữ thạch, tức chữ *Lỗi*. Cho nên đó phải là bút danh của Tất Lỗi.

[2] *C.P*: viết tắt chữ Anh *Communist Party*, tức Đảng cộng sản.

tôi mới xuống và lại là màu tro[1]. Nhưng nếu nói ra, e lại phải dài lời, bây giờ hãy tạm gác lại, chờ khi nào có cơ hội thuận tiện, sẽ nói.

Bây giờ hãy nói chuyện tôi xem tờ *Làm như thế này*. Xem qua mục *Nhắn tin* rồi thì lười không muốn giở ngược lên nữa, thế là xem mục lục. Bỗng thấy một cái đầu đề: *"Ông Úc Đạt Phu, thôi đi!"*[2] thì lại đâm ra tò mò, lập tức xem bài văn. Đây vẫn là theo lệ cũ, những việc vặt vãnh thiết thân mình thì mình vẫn quan tâm hơn mối sầu của thế giới. Ông Úc Đạt Phu, tôi có quen, tại sao lại muốn ông ta "thôi đi"? Nóng lòng muốn biết. Giá thử nói đến Trương Long hay Triệu Hổ, hoặc là một vĩ nhân nào mà bình sinh tôi không hề quen biết, thì xin nói thực, tôi nhất định không thể lưu ý đến như thế.

Số là Ông Úc Đạt Phu có đăng trên tờ *Hồng thủy* một bài đề là *Giữa đường chuyển hướng*, nói rằng: lần cách mạng này là thực hiện lý luận đấu tranh giai cấp, nhưng ký giả thì cho là thực hiện lý luận cách mạng dân tộc. Đại khái có những câu như: anh hùng chủ nghĩa không thích hợp với ngày nay nữa, cho nên liền bị nhận là "trúng thương" và "khiêu khích li gián", nhất định là "không thôi đi" thì không xong.

Ngồi dưới đèn điện tường nhớ lại, Ông Úc Đạt Phu thì tôi đã có gặp mặt mấy lần, có bắt chuyện mấy lần, thấy ông ta người thận trọng, ôn hòa, không đến nỗi đắc tội với ai,

---

[1] Ý nói không thiên bên nào.

[2] * *Úc Đạt Phu* (1896-1945): Nhà văn có tiếng trong phong trào Ngũ Tứ. Xem chú thích ở bài *Tạp cảm về chuyện tờ* Ngũ ti *bị giữ lại* (tập *Mà thôi*).

huống chi là đắc tội với nước. Tại sao bỗng chốc lại "quá khích" như vậy? Tôi không muốn xem tờ *Hồng thủy*.

Tạp chí này nghe nói ở Quảng Tây cấm, nhưng Quảng Đông vẫn còn. Tôi mua được tập III, từ số 29 đến số 32. Theo cái thói xấu của tôi, tôi xem ngược từ 32 trở lên, một lát thì giở nhầm bài *Văn học nhật ký* đầu tiên. Cũng là do ông Ông Úc Đạt Phu viết. Thế là không tìm bài *Giữa đường chuyển hướng* nữa, quay sang xem bài văn học. Cái kiểu xem sách lung tung ấy, tôi cũng biết là không đúng, nhưng vấn đề "*Viết như thế nào*" lại nảy ra ở chỗ ấy.

Ý của tác giả tóm tắt là, phàm tác phẩm văn học ít nhiều cũng mang sắc thái tự truyện, nếu lấy ngôi thứ ba mà viết, thì thường có chỗ nhầm lẫ ngôi thứ nhất. Mà lúc tả quá tỉ mỉ trạng thái tâm lý của nhân vật ngôi thứ ba đó, người đọc có thể ngờ rằng tâm tư của người khác, thì tác giả làm thế nào mà biết được tường tận làm vậy? Thế là có một cảm giác thất vọng làm cho mất tính chân thực của văn học. Cho nên viết văn xuôi, thì thể tài thích đáng nhất là nhật ký, thứ nữa là thư từ.

Điều này quả thật cũng cần phải thảo luận. Nhưng tôi nghĩ, thể tài tựa hồ không phải là quan trọng. Khuyết điểm thứ nhất nói ở trên là người đọc quá đại khái. Chỉ cần biết trong tác phẩm, tác giả đã mượn người khác để tự thuật về mình, hoặc lấy mình mà suy ra người khác, thì không đến nỗi có cảm giác thất vọng, dù có lúc không hợp với sự thực, nhưng vẫn là chân thực. Cái chân thực đó không vì khác với lúc dùng ngôi thứ ba, hoặc lúc dùng nhầm ngôi thứ nhất cả. Nếu có người đọc chỉ câu nệ vào thể tài, chỉ cần không có khe hở, như thế thì nên xem những bài tường thuật trên báo

là hơn; đối với văn nghệ, thất vọng là phải lắm! Mà thất vọng như thế cũng không nên phàn nàn, bởi vì đó không phải là thất vọng thật cũng giống như tìm không ra dấu tích vườn Đại Quan[1] ở đâu mà bất mãn với *Hồng lâu mộng* . Nếu tác giả vì thế mà hy sinh việc tự do miêu tả tâm lý, dù chỉ là một phần hết sức nhỏ, cũng không khác gì gọt chân cho vừa giày.

Khuyết điểm thứ hai ở Trung Quốc đã thành vấn đề từ lâu. Kỷ Hiểu Phong phê bình *Liêu trai chí dị* của Bồ Lưu Tiên, chính là ở chỗ ấy[2]. Hai người nói chuyện riêng với nhau, quyết không hề tiết lộ ra, lại không có người thứ ba nghe được, thế thì tác giả làm sao mà biết! Cho nên trong cuốn *Duyệt vi thảo đường bút ký*[3] của ông, ông ta cố chỉ tả sự trạng mà tránh tả tâm tư và không ghi những lời nhân vật nói riêng với nhau. Nhưng có lúc lại rơi vào cái hố bẫy mình tự đào lấy, thế là đành phải lấy chuyện *Hồn Lương Phu kêu gào trong mộng* ở cuốn *Xuân Thu Tả truyện* [4] mà giải vây

---

[1] *Vườn Đại Quan*: nơi xảy ra mối tình giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc. Hồi bấy giờ các nhà phê bình văn học có khuynh hướng xem *Hồng lâu mộng* như là một tác phẩm ghi chuyện có thật.

[2] *Kỷ Hiểu Phong*: tức Kỷ Quân (1724- 1805) là một nhà học giả và văn học có tiếng đời Thanh. *Bồ Lưu Tiên* tức Bồ Tùng Linh (1640 - 1715), tác giả *Liêu trai chí dị*. Trong *Lời bạt* cuốn *Cô vọng ngôn chí* (Tạm nói mà nghe) của Kỷ Hiểu Phong, một người học trò của ông viết như sau: "*Tiên sinh (tức Kỷ quân) thường nói*, Liêu trai chí dị *thịnh hành nhất thời, nhưng đó là bút của tài tử, chứ không phải là bút của nhà làm sách...Những lời nói tình tứ, thái độ là nơi mô tả tinh vi khúc chiết, như sống. Nếu tự họ nói ra thì làn gì có cái lý đó, nếu tác giả nói thay cho họ thì làm sao mà biết được*".

[3] *Duyệt vi thảo đường bút ký*: Một cuốn tiểu thuyết bút ký của Kỷ Quân

[4] *Xuân Thu Tả truyện*: cuốn lịch sử về thời Xuân Thu của Tả Khâu Minh. Chuyện *Hồn Lương Phu kêu gào trong mộng* có chép trong đó. Chuyện như sau: Hồn Lưu Phu là thần nước Vệ, mùa xuân năm Lỗ Ai Công thứ 17 bị nước Vệ giết. Vệ Hầu nằm mộng thấy Hồn Lưu Phu xõa tóc kêu gào. Những lời y kêu gào cũng là những lời Vệ Hầu tưởng tượng ra mà thôi. Trong cuốn sách *Duyệt vi thảo đường bút ký*, Kỷ Hiểu Phong có dẫn lại truyện đó, nhưng lại

cho mình. Nguyên nhân chủ yếu của ông ta là muốn người đọc tin tất cả những sự việc miêu tả trong truyện, dựa vào sự việc để cầu tính chân thực. Cho nên khi sự việc miêu tả khác đi thì tính chân thực cũng mất luôn. Nếu ông ta có nhận thức trước rằng tất cả những cái đó đều là sáng tác, tức là do cá nhân ông ta bịa đặt, thì tất nhiên không có gì trở ngại cả.

Nói chung, cái bi ai của thất vọng, tôi cho rằng không phải ở chỗ giả, mà ở chỗ lấy giả làm thật. Nhớ hồi còn nhỏ, tôi rất thích xem xiếc, ảo thuật, khi cưỡi đê, hòn đá biến thành bồ câu trắng, cuối cùng đem một em bé ra, đâm chết, lấy chăn trùm lại, một người nói giọng Giang Bắc ngoảnh về phía khán giả, làm bộ như quăng tiền, nói: *Huazaa ! Huazaa !* Đại khái thì ai cũng biết, em bé không chết, thứ nước chảy ra đó là nước tô mộc[1] chứa trong cán dao. *Huazaa* một hồi em bé nhảy dậy. Nhưng vẫn chăm chú xem, biết rõ là một trò chơi, mà tâm chí để vào đó cả. Nếu cái trò ảo thuật đó nhất định phải làm cho chân thực, mua một cỗ quan tài nhỏ, bỏ đứa bé vào, khóc mà khiêng đi, thì trái lại, hết sức vô vị. Lúc đó, ngay cả cái chân thực của trò ảo thuật cũng tiêu ma nốt.

Tôi thà xem *Hồng lâu mộng* , chứ không muốn xem *Nhật ký của Lâm Đại Ngọc*[2] vừa xuất bản. Một trang của cuốn sách đó đủ làm cho tôi khó chịu một hồi lâu. *Bản Kiều gia thư*[3], tôi cũng không muốn xem, không bằng xem cuốn

---

hoài nghi nói: "Những lời kêu gào của Hồn Lương Phu trong mộng, ai nghe thấy?"

[1] *Tô mộc* hoặc *Tô phương* (Caesalpinia sappan): một loại cây, ép ra nước màu đỏ dùng để nhuộm.

[2] *Nhật ký của Lâm Đại Ngọc*: xuất bản ở Thượng Hải, năm 1918.

[3] *Bản Kiều gia thư* (thư nhà của Bản Kiều): Trịnh Bản Kiều là một hoạ sĩ và nhà văn trứ danh đời Thanh.

Đạo tình[1] của ông ta. Cái tôi không thích là ông ta để hai chữ "gia thư" (thư nhà) vào đấy. Thế thì tại sao lại khắc ra cho nhiều người xem? Không khỏi có chỗ giả tạo. Thất vọng phần lớn không phải thấy cái thật trong khán giả, mà là thấy cái giả trong cái thật. Thể nhật ký, thể thư từ, viết có thể tiện đấy, nhưng cũng rất dễ đưa đến cảm giác thất vọng mà đã thất vọng thì rất tai hại, bởi vì nó lúc đầu có vẻ giống thật rồi!

Gần đây cuốn *Việt Man đường nhật ký* rất được lưu hành. Tôi xem cứ cảm thấy mỗi lần ông ta lại đưa đến cho tôi một chút gì không thoải mái lắm. Tại sao vậy? Một là ông ta sao lục lại dụ nhà vua. Có lẽ là chịu ảnh hưởng chuyện Hà Chước[2], ông ta phòng bị một ngày kia sẽ có "ngự lâm". Hai là nhiều chỗ xoá. Đã viết rồi lại xóa. Có nhiều cái không nên viết ra chăng? Ba là cho người ta xem trước, sao lục, tự cho là một bộ trước tác. Tôi cảm thấy khó thấy được tâm tình của Lý Từ Minh[3] trong đó, lâu lâu gặp một vài chỗ giả tạo, lại phảng phất như bị lừa. Đọc một cuốn tiểu thuyết,tuy rất hoang đường, nông cạn,không hợp lý, nhưng trái lại chưa hề có cảm giác như thế.

Nghe nói sau này ông Hồ Thích Chi cũng viết nhật ký và đưa cho người ta xem. Theo lý luận về sự tiến hóa của văn

---

[1] *Đạo tình* : những lời ca của đạo sĩ, sau trở thành một loại dân ca. Trịnh Bản Kiều có làm 10 bài đạo tình hồi đó lưu truyền khá rộng.

[2] Hà chước (1661-1722):nhà hiệu đính chứ danh đời thanh.Đời khang hi, ông làm quan rồi nhân có việc gì đó, bị hạ ngục, sách vở đều bị tịch thu. Đến khi nhà vua tư xét lạian của ông,thấy tội không có chứng cứ, nên được tha,sách vở đều bị trả lại.

[3] Lý Từ Minh (1829- 1894): người Cối Kê,Chiết Giang, một nhà văn học cuối thanh, tác giả cuốn *Việt Man đường nhật ký* xuất bản năm 1920 do Thương vụ ấn thư quán chụp rồi in lại.

học mà nói, thì nhất định phải hay lắm.Tôi mong ông ta lần lượt cho in ra trước đi.

Nhưng tôi nghĩ,thể tài tản văn,kỳ thực rất có thể tùy tiện,có khe hở cũng không hề gì. Nhật ký và thư từ mà giả tạo,sợ cũng không khỏi có khe hở,mà khi có khe hở thì không thể cứu chữa được nữa. Để phòng khe hở sao bằng quên khe hở đi.

(Tập *Tam nhân*)

59. VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC MỚI HIỆN NAY*

Bài nói chuyện ở Hội Quốc văn Trường Đại học Yên Kinh ngày 22 tháng Năm.

Hơn một năm nay, tôi ít nói gì với các bạn thanh niên, bởi vì từ ngày cách mạng đến nay, con đường ngôn luận chật hẹp lắm, không phải quá khích thì là phản động, chẳng có ích gì cho người ta cả.Lần này trở về Bắc Bình, mấy người quen biết cũ muốn tôi đến đây nói vài câu, thật khó mà từ chối, đành đến nói vài câu vậy. Nhưng vì bận những việc lặt vặt,tôi chưa nghĩ sẽ nói cái gì đây - ngay đầu đề cũng chưa có.

Đầu đề, vốn là tưởng ngồi trên xe sẽ tìm,nhưng vì đường xấu, xe xóc, nhảy cao hơn một thước[1], không làm sao nghĩ ra được.Thế rồi tình cờ tôi cảm thấy, phàm những vật ngoại lai, nếu chỉ lấy đơn độc một cái,thì không xong. Có xe hơi thì phải có đường cho tốt, bất cứ cái gì cũng không tránh khỏi ảnh hưởng của hoàn cảnh. Văn học- cái ở Trung Quốc gọi là văn học mới, gọi là văn học cách mạng - cũng thế.

Văn hóa Trung Quốc, dù yêu nước đến thế nào, e cũng không thể không thừa nhận là có hơi lạc hậu. Sự vật mới đều

---

* Bài này đăng ở báo nào, hiện nay chưa tra cứu ra.

[1]. Thước Trung quốc.

từ ngoài xâm nhập vào. Thế lực mới đến,phần lớn người ta vẫn không hiểu đầu đuôi ra sao. Bắc Bình vẫn chưa đến nỗi thế. Thí dụ tô giới Thượng Hải thì tình hình như thế này: người ngoại quốc ở chính giữa, phía ngoài một bày thông ngôn, mật thám, cảng sát, chó săn... bao vây. Chỉ bọn đó là hiểu tiếng ngoại quốc, thuộc luật lệ tô giới. Ngoài cái vòng đó, mới là dân thường.

Khi đến phố Tây thì dân thường không bao giờ có thể biết được tình hình thực tế như thế nào. Người ngoại quốc nói: *yes*[1] người thông ngôn nói: Ông ấy bảo "đánh một cái tát". Người ngoại quốc nói: *No*[2], thông ngôn ra lại là: Ông ấy bảo "đem ra mà bắn chết đi!". Nếu muốn khỏi mắc những nỗi oan khổ vô duyên như thế, thì trước hết phải biết cho nhiều hơn một tí, phá cái vòng kia đi đã.

Trong giới văn học cũng thế, chúng ta biết ít quá, mà tài liệu cung cấp tri thức cho chúng ta cũng ít quá. Lương Thực Thu có một Babit[3], Từ Chí Ma có một Tagor[4], Hồ Thích Chi có một Điuây[5], -đúng, Từ Chí Ma còn có một Manphin[6] nữa, y đã từng đến khóc trước mộ bà ta -nhóm *Sáng tạo* có văn học cách mạng, văn học hợp thời. Có điều, rất nhiều người phụ họa, rất nhiều người sáng tác, mà người nghiên cứu thì ít. Cho nên bây giờ, vẫn bị mấy người đưa đề

---

(1) *Yes:* tiếng Anh, nghĩa là *có.*

(2) *No:* tiếng Anh, nghĩa là *không.*

(3) *J.Babbitt* (1865-1933): nhà phê bình văn nghệ tư sản, người Mỹ. Đương thời Lương Thực Thu có viết một cuốn sách tuyên truyền cho ông ta.

(4) *R.Tagor* (1861-1941): nhà thơ Ấn độ.

(5) *J.Dewey*: một triết gia người Mỹ.

(6) *K.Mansfield* (1889-1923): nữ văn sĩ người Anh, chết ở Pháp. Từ Chí Ma hồi đó có viết một bài văn điếu bà ta.

mục[1] ra bao vây.

Các thứ văn học đều do hoàn cảnh mà sản sinh. Tuy người tôn sùng văn nghệ thích nói văn nghệ có thể làm nổi phong ba, nhưng trên thực tế, thì chính trị đi trước, văn nghệ biến đổi sau, nếu nói văn nghệ có thể thay đổi hoàn cảnh, thì đúng là nói theo kiểu "duy tâm"; sự việc xuất hiện không giống như các nhà văn học dự đoán. Cho nên cách mạng mà vĩ đại, thì những nhà văn học gọi là cách mạng, trước đấy, phải tiêu diệt đi đã, chờ cho cách mạng hơi có kết quả, hơi dư dả một chút, lúc đó mới sản sinh những nhà văn học cách mạng mới. Tại sao thế? Bởi vì xã hội cũ gần đến lúc tan rã, thường xuất hiện những tác phẩm gần như có tính chất cách mạng, nhưng kỳ thực không phải là văn học cách mạng chân chính. Thí dụ: ghét xã hội cũ, nhưng chỉ ghét mà thôi, chứ không có lý tưởng gì về tương lai, hoặc giả cũng hô to cải tạo xã hội, nhưng hỏi mong mỏi một xã hội như thế nào, thì lại là một Utopia[2] không thể thực hiện được; hoặc giả mình sống buồn tẻ, liền ao ước hão huyền một cuộc chuyển biến lớn đến kích thích, giống như người ăn cơm no muốn ăn một tí tiêu ớt cho khoái lỗ miệng. Thấp hơn nữa, có những người vốn là người cũ, nhưng thất bại trong xã hội, muốn đeo chiêu bài mới, dựa vào thế lực mới, để có địa vị khá hơn.

Trường hợp nhà văn mong mỏi cách mạng, cách mạng

---

[1] Ý Lỗ Tấn muốn nói những người đó chỉ nêu đề mục ra, chứ không rõ nội dung lắm.

[2] *Utopia:* một hòn đảo lý tưởng, thực hành chủ nghĩa xã hội, nói trong cuốn tiểu thuyết *Utopia* của Thomas Moore, một nhà văn người Anh. Sau, chữ này có nghĩa là *không tưởng*.

đến, lại im tiếng, ở Trung Quốc đã có rồi. Tức như *Nam xã*[1] cuối Thanh. Đó là một đoàn thể văn học hô hào cách mạng; họ than thở vì dân tộc Hán bị áp chế, phẫn nộ vì người Mãn hung ác, khao khát "khôi phục cựu vật". Nhưng sau khi Dân Quốc thành lập, thì im thin thít. Tôi nghĩ, như thế vì lý tưởng của họ là, sau cách mạng, "lại được thấy cái uy nghi của các ông quan người Hán"[2], mũ cao áo rộng. Nhưng sự thật lại không như thế, cho nên lấy làm chán ngán, không muốn cầm bút nữa. Thí dụ của nước Nga càng rõ. Cách mạng tháng Mười buổi đầu cũng có nhiều nhà văn cách mạng mừng rỡ vô cùng, hoan nghênh cuộc bão táp đó, muốn chịu mọi sự thử thách của mưa gió, sấm chớp. Nhưng về sau, nhà thơ Exênhin, nhà tiểu thuyết Sôbôli tự sát, gần đây, nghe nói nhà tiểu thuyết danh tiếng Êrenbua[3] cũng hơi phản động. Duyên cớ gì như vậy? Là bởi vì từ bốn phía thổi tới, không phải bão táp, cái đến thử thách cũng không phải mưa gió sấm chớp mà là "cách mạng" thật sự. Không tưởng tan vỡ, thì người cũng không thể sống được nữa. Thật chẳng bằng phúc phận của những nhà thơ thời cổ tin chết rồi linh hồn lên trời[4], ngồi

---

[1] *Nam xã*: một đoàn thể văn học thành lập năm 1908 (Quang Tự năm thứ 34). Đoàn viên thường làm thơ hô hào cách mạng chống Thanh. Trước và sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), họ tham gia rất đông, toàn quốc có đến hàng nghìn người. Cách mạng thất bại, họ phân hóa, có người theo Viên Thế Khải, có người vào đoàn thể chính khách khác. Ít có ai tiến bộ.

[2] Nguyên văn: "*Hán quan uy nghi*": chỉ chế độ lễ nghi của các ông quan thời Hán. Đây Lỗ Tấn nói đến tư tưởng phục cổ của một số nhà cách mạng phản Thanh. Họ muốn khôi phục lại chế độ phong kiến của người Hán.

[3] *Erenbourg:* Nhà viết tiểu thuyết Liên Xô. Những tác phẩm buổi đầu của ông có mắc sai lầm, đã từng bị giới văn nghệ Liên Xô phê phán.

[4] Nhắc lại chuyện nhà thơ Lý Hạ đời Đường. (Xem thêm chú thích ở bài *Nôra đi rồi thì thế nào?* ở tập *Nấm mồ*.)

cạnh Thượng để ăn điểm tâm[1]. Bởi vì trước khi đạt được mục đích, họ đã chết rồi!

Cứ như nghe nói thì Trung Quốc tất nhiên đã làm cách mạng rồi, - về mặt chính trị có lẽ như thế chăng, nhưng về mặt văn nghệ, thì lại chưa có gì thay đổi. Có người nói, "văn học tiểu tư sản lại ngóc đầu dậy". Kỳ thực, văn học tiểu tư sản ở đâu? Ngay "đầu" cũng chẳng có, nói gì đến "ngóc" ! Cái này đối chiếu với những điều tôi nói trên mà suy luận, thì thấy văn học không thay đổi và phát triển gì cả, cái được phản ánh cũng không phải là cách mạng và tiến bộ - mặc dù nhà cách mạng nghe có lẽ cũng không thích lắm.

Còn như văn học cách mạng triệt để mà nhóm *Sáng tạo* đề xướng - văn học vô sản - tất nhiên lại càng chỉ là một cái đề mục. Bài thơ của Vương Độc Thanh, từ trong tô giới Thượng Hải nhìn cuộc bạo động Quảng Châu xa xôi mà bên này cũng cấm, bên kia cũng cấm, "Pong, Pong Pong", chữ in cứ to dần ra, chỉ chứng tỏ rằng ông ta từng bị kiểu chữ trên màn ảnh và băng rao hàng của hiệu bán tương Thượng Hải làm cho cảm động, ông ta có chí bắt chước bài *Mười hai chiến sĩ* của Blôc, nhưng không đủ sức và tài. Bài *Một bàn tay*[2] của Quách Mạt Nhược có rất nhiều người cho là giai tác, nhưng nội dung kể chuyện một nhà cách mạng, sau cách mạng, mất một bàn tay, bàn tay còn lại vẫn có thể bắt tay người yêu, thì cái "mất" đó không khỏi quá may mắn. Trong ngũ thể, tứ chi, nếu phải mất đi một cái, thì thực không gì bằng mất một bàn tay. Mất chân thì bất tiện, mà mất đầu tất

---

[1] Đây là một câu trong bài thơ của H.Hainơ (H.Heine, 1797 - 1856) người Đức.

[2] Bài này đăng ở tạp chí Sáng tạo năm 1928, nhưng nội dung khác với điều Lỗ Tấn nói.

nhiên càng không xong rồi! Chỉ chuẩn bị mất một bàn tay, thì có thể giảm bớt dũng khí chiến đấu; tôi nghĩ, cái mà người làm cách mạng không tiếc hy sinh, nhất định không phải chỉ cái đó. *Một bàn tay* cũng vẫn là cái điệu cũ: một anh tú tài nghèo gặp nạn, sau trúng trạng nguyên rồi cưới vợ!

Những cái đó cũng là một cách phản ánh hiện trạng Trung Quốc. Trên tờ bìa một tác phẩm văn học cách mạng xuất bản ở Thượng Hải gần đây, vẽ một cái nạng sắt, lấy trong sách *Tượng trưng của khổ muộn* [1] ra, trên cái răng nạng ở chính giữa, lại để một cái búa sắt, cái này lấy trên lá cờ Liên Xô. Nhưng hợp lại như thế, đã không đâm được, mà cũng không đánh được, chỉ có thể tỏ ra rằng tác giả bức vẽ đó tầm thường mà thôi - và cũng có thể dùng làm huy hiệu cho mấy nhà văn nghệ kia.

Từ giai cấp này chuyển sang giai cấp khác, tất nhiên là chuyện có thể có được, nhưng hay hơn hết là, ý thức như thế nào, cứ nói thẳng ra, để cho đại chúng xem, biết là thù hay là bạn, rõ ràng phân minh. Không nên trong đầu còn để lại bao nhiêu rác rưởi cũ, nhưng cố ý che giấu, rồi đóng kịch, chỉ vào mũi mình, nói : "Chỉ có ta đây là giai cấp vô sản!". Người bây giờ thần kinh đã quá nhạy, nghe nói đến "Nga", là nổi giận đùng đùng, ngay đến môi mà cũng không được tô đỏ, đối với sách vở, báo chí, thì thế này cũng sợ, thế kia cũng sợ; mà các nhà văn học cách mạng thì lại không chịu giới thiệu lý luận và tác phẩm các nước khác cho nhiều, chỉ có trỏ vào mũi mình như thế, cuối cùng sẽ giống như "phụng chỉ

---

[1] *Tượng trưng của khổ muộn*: bản dịch tiếng Trung Quốc, bìa do Đào Nguyên Khánh vẽ. Bìa vẽ một cái nạng sắt đâm vào lưỡi một người con gái, tượng trưng "cái khổ ở cõi đời".

thân xích" như đời Thanh ngày trước, làm cho người ta không hiểu gì hết.

Đối với các anh, "phụng chỉ thân xích", có lẽ cần phải giải thích mấy câu mới rõ chăng. Đó là chuyện thời đế chế. Một ông quan phạm tội, liền bắt quì ở ngoài cửa nào đó, rồi Hoàng đế sai một ông thái giám đến mắng chửi. Lúc đó, chịu mất ít tiền, thì chửi vài câu là thôi, nếu không chịu mất tiền, thì y chửi từ tổ tông cho đến con cháu. Kể là Hoàng đế đang chửi, nhưng dám đến hỏi Hoàng đế, có phải Ngài muốn chửi như thế không? Năm ngoái, theo báo chí Nhật Bản nói, thì Thành Phương Ngô là do đại chúng công nông Trung Quốc chọn đưa sang Đức nghiên cứu về kịch rồi. Chúng ta cũng không biết dò hỏi ai, có phải thật chọn như thế hay không.

Cho nên tôi nghĩ, nếu muốn hiểu rõ hơn một tí, lại dành nói cái câu tôi vẫn thường nói: "Nên xem sách nước ngoài cho nhiều" để phá cái vòng bao vây đó. Việc này, đối với các anh, không mệt lắm. Sách tiếng Anh hoặc dịch ra tiếng Anh nói về văn học mới, tuy không nhiều, nhưng mấy quyển có đó, nhất định thiết thực, đáng tin cậy. Sau khi xem nhiều lý luận và tác phẩm các nước khác, mà đánh giá văn nghệ mới Trung Quốc thì có thể rõ ràng hơn nhiều. Tốt hơn nữa là giới thiệu với độc giả Trung Quốc; dịch so với sáng tác thầm thầm, không dễ hơn đâu, nhưng lại có công hơn đối với sự phát triển của nền văn học mới, càng có ích đối với mọi người.

1929

(Tập Tam nhàn)

70. NHIỆM VỤ VÀ VẬN MỆNH CỦA "VĂN HỌC DÂN TỘC"*

1

Chính sách thực dân nhất định là che chở, nuôi dưỡng bọn lưu manh rồi. Theo con mắt của đế quốc, chỉ có bọn này là những tên nô lệ quan trọng nhất, những tên khuyển ưng đắt lực nhất, có thể hoàn thành được nhiệm vụ mà dân thuộc địa không thể không hoàn thành: một mặt dựa vào bạo lực của đế quốc, một mặt lợi dụng sức mạnh của truyền thống bản quốc để loại trừ "những con cừu ghẻ"[1], những người "dân ngỗ ngược" không an phận thủ thường. Cho nên, bọn lưu manh đó là con cưng - không, chó cưng - của các ông quan Tây trên đất thuộc địa: địa vị chúng nó tuy dưới ông chủ, nhưng vẫn trên kẻ bị thống trị khác.

Thượng Hải tất nhiên cũng không thể không ở trong cái lệ ấy. Cảnh sát không giúp đỡ gì cho, các nhà buôn nhỏ, tuy ít vốn, nhưng nếu không tìm một tên lưu manh làm chủ nợ, trả cho thật nhiều tiền, thì khó mà đứng nổi. Năm ngoái, trong giới văn nghệ, cũng đã xuất hiện một số "nhà văn học" "suy tôn tiên sư"[2] rồi.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Văn học báo đạo* ngày 23 tháng 10 năm 1931, ký tên là Ấn Ngao.

[1] Nguyên văn: *hại quần chi mã*: con ngựa làm hại cả đàn.

[2] Chỉ những "nhà văn học" tôn bọn trùm lưu manh Quốc dân đảng phản động, tay sai đế quốc làm thầy và cha nuôi, như bọn Trương Nhược Cốc, Mục Thời Anh.

Nhưng đó chỉ là việc trắng trợn nhất mà thôi. Thật ra, mặc dù không phải là tay sai, rất nhiều đứa chúng nó gọi là "văn nghệ" là những đứa nay đều vẫn làm trọn phận sự của một con "chó cưng", tuy khẩu hiệu đưa ra có khác nhau: nào là chủ nghĩa nghệ thuật trên hết, nào là chủ nghĩa quốc túy, nào là chủ nghĩa dân tộc, nào là nghệ thuật vị nhân loại. Nhưng cái đó cũng chỉ như súng kíp, súng khai hậu, súng trường, súng *môde* của bọn cảnh sát, hình thù có khác nhau, nhưng mục đích cuối cùng vẫn là một: tức là giết những người dân chống đế quốc, tức chống chính phủ, cũng tức "chống cách mạng", hay chỉ hơi bất bình một chút.

Trong văn học phái chó cưng đó, khua chiêng gióng trống hăng nhất là bọn "văn học dân tộc"[1], nhưng so với công lao rực rỡ của mật thám, cảnh sát, đao phủ thủ thì chúng nó còn kém hơn nhiều. Nguyên nhân vì chúng nó chỉ sủa, chứ chưa cắn trực tiếp, và lại không có cái hung hăng của bọn lưu manh. Chẳng qua chúng nó chỉ là những cái thây ma trôi lềnh bềnh mà thôi. Nhưng đó lại chính là cái đặc sắc của " văn học dân tộc", cho nên vẫn được cưng như thường.

Giở một tờ tạp chí của chúng nó mà xem. Các hạng người trước kia từng nêu các chủ nghĩa bây giờ lại tụ họp một chỗ. Có phải là bàn tay khổng lồ "chủ nghĩa dân tộc" bắt họ lại đưa lại đây không? Không phải. Đó vốn là những thây ma trôi vật vờ mấy lâu nay trên bờ Thượng Hải, rải rác khắp mọi nơi, nhưng khi sóng gió nổi lên thì dạt vào một chỗ, chất

---

[1] Cuộc vận động "văn học dân tộc" hồi đó là cuộc vận động của bọn Quốc dân đảng phản động chống lại cuộc vận động văn học cách mạng, chúng lấy khẩu hiệu "chủ nghĩa dân tộc" che dấu chính sách bán nước dâu hàng đối đế quốc Nhật. Những tạp chí của chúng như *Tiền phong chu báo*, *Tiền phong nguyệt san* xuất bản khoảng tháng 6 năm 1930.

thành một đống, lại vì cái nào cũng rữa nát, nên xông ra mùi hôi thối nồng nặc.

Tiếng "sủa" và mùi "hôi thối" có cái đặc sắc là ở xa cũng có thể nghe thấy, ngửi thấy có lợi cho đế quốc. Đó là cái gọi là "vi vương tiền khu"[1]. Cho nên "văn học thây ma trôi" vẫn sẽ tồn tại với nền chính trị lưu manh.

2

Nhưng sóng gió nói ở trên là cái gì? Đó là những cơn gió, những đợt sóng nhỏ nổi lên vì giai cấp vô sản vùng dậy. Trước kia có những người gọi là văn nghệ, không hẳn không có chút ít ý thức hoặc vô ý thức, cảm thấy bản thân mình tồi bại, thế rồi lừa người dối mình, dùng các thứ danh từ đẹp đẽ che giấu đi, nói là ẩn dật, phóng đạt (dùng tiếng mới tức là "đồi phế"): vẽ thì vẽ đàn bà trần truồng, tĩnh vật, chết chóc; tả thì tả trăng hoa, đất thánh, mất ngủ, rượu, đàn bà. Đến khi xã hội cũ tan rã càng rõ ràng, cuộc đấu tranh giai cấp càng diễn ra gay gắt, thì chúng nó cũng nhìn thấy kẻ thù của chúng nó, tức giai cấp vô sản sẽ sáng tạo nền văn hóa mới quét sạch cái ô uế cũ từ trước tới nay. Chúng nó lại cảm thấy chúng nó cũng là thứ ô uế này và sẽ cùng một vận mệnh với kẻ thống trị ở trên, thế là tất nhiên chúng nó tụ tập lại dưới lá cờ "văn học dân tộc" mà bọn thuận dân trong dân tộc bị đế quốc thống trị giương lên, cùng với chủ giãy giụa một lần cuối cùng.

---

[1] "*Vi vương tiền khu*": "Làm tiền phong cho vua". Chữ lấy trong *Kinh Thi*, thiên *Bá hề*, nói chuyện nước Vệ, nước Thái thời Xuân Thu theo vua Chu đánh nước Trịnh. Đây chỉ chính sách đầu hàng bán nước của bọn Quốc dân đảng phản động lúc đế quốc Nhật vũ trang xâm lược Trung Quốc.

Cho nên, tuy là những thây ma trôi rời rạc, nhưng mục tiêu thì lại là một: giống như chủ, dùng mọi thủ đoạn để áp bức giai cấp vô sản, hòng kéo dài hơi tàn. Có điều, cuối cùng vẫn là rời rạc, và vẫn mang lông da trước kia còn sót lại, cho nên từ khi chúng nó ra tuyên ngôn đến nay, không thấy có một tác phẩm mới mẻ nào hết: tuyên ngôn là một cái rời rạc, do một nhúm người rời rạc chắp vá loạn xạ, không đủ để làm bằng cứ.

Nhưng tờ *Tiên phong nguyệt san số 5* lại cho ta một tác phẩm rõ ràng. Theo lời người biên tập, thì đây là "miêu tả thực tế trong lúc tham gia đánh dẹp Diêm Tích Sơn, Phùng Ngọc Tường". Tiểu thuyết tả đánh nhau thì có gì là lạ, cái lạ là tâm tư nơi chiến trường mà nhà văn "quân nhân trẻ tuổi" ấy kể lại. Đó là bức tự họa của "nhà văn học dân tộc", rất có giá trị để đưa ra làm dẫn chứng một cách nghiêm trang:

"*Ngày nào buổi tối, cũng đứng dưới những ngôi sao vằng vặc, tay cầm súng, tai nghe trùng kêu. Xung quanh, muỗi bay từng đàn, cảnh đó làm cho người ta nghĩ đến cuộc sống lưu huyết của quân đội lê dương nước Pháp trong cuộc chiến đấu với người A Rập trên sa mạc Phi châu*".

(*Trên mặt trận Lũng Hải* - Hoàng Chấn Hà)

Té ra quân phiệt Trung Quốc hỗn chiến, theo con mắt nhà "quân nhân trẻ tuổi", "nhà văn học dân tộc", thì không phải là khua người cùng một nước ra tàn sát lẫn nhau, mà lại là người ngoại quốc này đang đánh người ngoại quốc khác. Hai nước, hai dân tộc, trên chiến địa, cứ đêm đến, lại cảm thấy da dẻ mình bỗng nhiên đổi ra màu trắng, sống mũi cao lên, thành chiến sĩ dân tộc Latinh, đứng trên đất Phi châu man rợ! Như thế chả trách thấy nhân dân xung quanh đều là

địch, phải bắn cho chết hết. Theo chủ nghĩa dân tộc mà nói thì người Pháp bất tất phải thương xót người A Rập ở Phi châu. Nội điểm đó, hiểu rộng ra, cũng chứng tỏ được rằng tại sao quân phiệt Trung Quốc lại làm nanh vuốt cho đế quốc, lại đầu độc, giết hại nhân dân Trung Quốc, đó là bởi vì chúng nó tự cho chúng nó là lính lê dương của nước Pháp mà hiểu hẹp lại, thì chứng tỏ rằng "nhà văn học dân tộc" Trung Quốc căn bản chỉ cùng với người chủ ngoại quốc là vui buồn có nhau, rằng tại sao lại gọi là "chủ nghĩa dân tộc", để che mắt độc giả như thế, đó là bởi vì chúng nó tự cảm thấy chúng nó có lúc giống như dân tộc Latinh, dân tộc Tơtôn[1] v.v...

3

Ông Hoàng Chấn Hà tả rõ ràng như thế, tâm cảnh ông ta nói đó tất nhiên là chân thực. Có điều căn cứ vào những kiến thức bày tỏ trong thiên truyện của ông ta mà suy đoán, thì còn một số chút húy kỵ, che giấu, không phải ông ta không biết mà là cố ý không nói. Tức là "lính An Nam của nước Pháp"[2] ông ta đổi tầm bậy thành ra "đội quân lê dương của nước Pháp", do đó hơi xa vời "miêu tả thực tế", và cũng gợi thắc mắc nói ở đoạn trên.

Nhưng tác giả là một người thông minh, ông ta thường có nghe "*Ông bạn là Phó Ngạn Trường ngày thường bàn luận rất nhiều... Có nhiều chỗ chính là chịu ảnh hưởng của ông ta,*

---

[1] *Teutons*: Một bộ phận dân tộc Aryan phân bố ở các nước Thụy Sĩ, Hà Lan, Đa Mạch, Thụy Điển, Na Uy, Ý, Anh, Islan. Người Mỹ chủ yếu cũng là người dân tộc Teutons.

[2] Ý Lỗ Tấn muốn nói: "Lính thuộc địa", chứ không phải "lính lê dương" do đó quân phiệt đối với đế quốc là quan hệ tớ, thầy.

không che giấu được" [1] : rồi sau khi tra cứu sử sách trong nước, ngoài nước, ông ta lại viết tiếp một vở kịch thơ sát với đề "dân tộc chủ nghĩa" hơn, lần này không dùng người Pháp nữa, mà là *mẫu người da vàng (Tiền phong nguyệt san,* số 7*).*

Nội dung câu chuyện vở kịch thơ này là cuộc Tây chinh của người da vàng: Chủ tướng là nguyên soái Bạt Đô, cháu Thành Cát Tư Hãn, dân tộc da vàng chính cống. Đánh là đánh châu Âu, thực ra chủ yếu là Cán La Tư (Nga La Tư)-đó là mục tiêu của tác giả. Liên quân gồm có người Hán, Tacta, Nữ Chân, Khiết Đan-đó là kế hoạch của tác giả. Đi đâu thắng đó. Đáng tiếc là về sau, bốn giống người này không biết đến sự quan trọng của tình "hữu nghị" và "sức mạnh của tình đoàn kết", tàn sát lẫn nhau, rồi bị võ sĩ da trắng đánh thua. Đó là điều tác giả ngụ ý khuyên răn và cũng là điều tác giả lấy làm đau xót.

Nhưng chúng ta hãy xem cái dũng mãnh và cái ác liệt của đội quân da vàng:

Ghê tởm quá! Dầu sôi nấu xác,

Đáng sợ thay! Đầy rẫy thi hài trên mặt đất.

Tử thần vồ lấy cô gái da trắng ôm ghì,

Cái đầu mượt mà của mỹ nhân biến thành chiếc đầu lâu hung ác.

Bầy dã thú ngoại bang trong đền xưa đánh nhau ác liệt,

Những chiến sĩ đoàn quân thập tự nét mặt âu sầu,

Cỗ quan tài ngàn năm hắt ra mùi hôi thối nặc,

---

[1] Những câu này Lỗ Tấn lấy trong bài Hoàng Chấn Hà viết trước vở kịch thơ.

Gốt sắt giẫm lên xương nát, tiếng lạc đà rú lên kinh ngạc,

Thượng đế trốn rồi, ma quỷ giơ cao ngọn roi lửa trả thù,

Ôi! Họa da vàng! Cái họa da vàng!

Bọn dũng sĩ châu Á há to cái miệng máu ăn người.

Cái họa da vàng mà Đức hoàng Guyôm vì muốn cổ võ "nước Đức, nước Đức hơn tất thảy", mà hô lớn lên đó, cái "miệng máu ăn người" mà các "dũng sĩ Á châu mở to" ra đó, nha thơ chúng ta lại đem chĩa về phía "Cán La Tư", tức hiện nay là nước đầu tiên của giai cấp vô sản chuyên chính, để tiêu diệt giai cấp vô sản làm gương. Đó là mục tiêu của "văn học dân tộc". Nhưng rút cục vì là "văn học dân tộc" của thuận dân nước thuộc địa. Cho nên người mà nhà thơ chúng ta thờ làm thủ lĩnh là Bạt Đô, người Mông Cổ, không phải là Triệu Cấu[1], người Trung Hoa, những người "mở to miệng máu ăn người" là dũng sĩ Á châu, chứ khôngphải là dũng sĩ Trung Quốc, và điều ông ta hy vọng là tình "hữu nghị" dưới sự thống trị của Bạt Đô, chứ không phải tình hữu ái giữa các dân tộc bình đẳng. Đó là đặc sắc của cái gọi là "văn học dân tộc" trắng trợn, và cũng là điều đau xót của nhà văn quân nhân trẻ tuổi.

4

Bạt Đô chết rồi, trong người da vàng Á châu, hiện nay có thể ví với Mông cổ thời đó, chỉ có một Nhật Bản. Dũng sĩ Nhật Bản tuy hết sức thù ghét Liên Xô, nhưng cũng chẳng

---

[1] *Triệu Cấu* (Tức Tống Cao Tông): vua thời Nam Tống.

yêu mến gì dũng sĩ Trung Hoa. Họ đại xướng "Nhật - Trung thân thiện", tuy cũng nhất trí với chủ trương hữu nghị, nhưng thực sự thì không ăn khớp gì với lời nói đầu miệng cả. Các "Nhà văn học dân tộc" Trung Quốc, đứng trên lập trường của chúng nó đã cảm thấy bi ai, ngụ lời khuyên bảo. Tất nhiên phải như thế, không có gì lạ.

Quả nhiên, nỗi bi ai mà nhà thơ dự cảm hình như được chứng thực, mà lại còn tệ hơn nhiều. Khi sắp bắt đầu giơ "ngọn roi lửa" lên mà thiêu đốt "Cán La Tư", thì giống như cái kết cục của Bạt Đô thời đó, người Triều Tiên giết người Trung Quốc, người Nhật Bản "mở to miệng máu ăn người", nuốt Đông Tam Tỉnh[1]. Chẳng phải là vì họ chưa chịu ảnh hưởng của ông Phó Ngạn Trường, không biết "sức mạnh của đoàn kết là trọng yếu", nên mới xem "dũng sĩ" Trung Quốc thành người A Rập ở Phi châu đó sao?!

5

Đó quả là một đòn nặng. Nhà văn quân nhân ấy còn chưa kịp lấy giọng dũng mãnh mà thét lên, thì bây giờ chúng ta lại thấy những lời căm giận và tuyệt vọng của những dũng sĩ tí hon đăng trên báo chương dưới lá cờ "chủ nghĩa dân tộc". Cái đó cũng thế tất phải như thế, không lấy gì làm lạ. Lý tưởng và hiện thực vốn để xung đột, khi còn là ký tưởng đã bao hàm bi ai rồi thì đến khi trở thành hiện thực tất nhiên sẽ tuyệt vọng. Thế là các dũng sĩ tí hon muốn đánh.

---

[1] Chỉ sự kiện 18 tháng 9 năm 1931. Trước khi sự kiện này xảy ra, do đế quốc Nhật xúi giục, ở Hán Thành và Bình Nhưỡng, đã xảy ra chuyện người Triều Tiên giết Hoa Kiều.

Đánh đi! hãy quyết tâm lần chót,

Hãy giết sạch kẻ thù không để sót!

Kìa xem! súng giặc khắp nơi đã nổ rồi!

Tiến lên nhanh! hãy lấy thân ta làm bức trường thành.

Đùng đùng trên trời sấm nổ

Ầm ầm dưới chân sóng vỗ

Máu nóng bốc cháy trong tim

Nhằm tiền tuyến, chúng ta xông lên.

(Tô Phượng - "Chiến ca" - *Dân quốc nhật báo)*

Đi! đi ra mặt trận.

Máu chúng ta đang sục sôi

Người chúng ta như điên rồ,

Ta hãy lấy máu làm rỉ mũi gươm thù,

Ta hãy lấy thân làm tắc miệng súng giặc.

Đi, đi ra mặt trận,

Với dũng khí của ta,

Với chút tinh linh của lòng thuần ái,

Chúng ta đánh đuổi kẻ thù,

Không! chúng ta giết sạch kẻ thù

(Cam Dự Khánh - "đi ra chiến trường" - *Thần báo)*

Đồng bào! Hãy tỉnh dậy!

Hãy vứt đi lòng nhu nhược!

Hãy vứt đi bụng yếu hèn!

Kìa xem! Kìa xem!

Máu đồng bào ta đã chảy!

Thịt đồng bào ta đã tan!

Xác đồng bào ta treo ngược!

(Thiệu Quán Hoa - "Tỉnh dậy đồng bào " - *Thần báo)*

Qua những bài thơ đó, thấy rõ ràng là các tác giả đều biết không có vũ khí, cho nên, đành dùng "thân", dùng "*tinh linh của lòng thân ái*", dùng "*thi thể*".Đó chính là nguyên nhân nỗi bi ai trước đây của tác giả *Máu người da vàng*, cho nên sau khi chạy theo nguyên soái Bạt Đô, ông ta chủ trương "hữu nghị". Vũ khí là mua của chủ, người vô sản đã là kẻ thù của mình rồi, nếu chủ lại không thấu nỗi lòng cho mà trừng phạt, thì con đương duy nhất thực tế cũng chỉ là chết mà thôi!

Chúng tôi là đội quân vừa được huấn luyện,

Có một ý chí kiên cường,

Có một bầu máu nóng sôi sục

Để quét sạch loài bạo tàn!

Đồng bào, hỡi đồng bào thân mến!

Mau đứng lên sẵn sàng ra trận!

Mau đứng lên phấn đấu!

Cái chết ngoài chiến trường là con đường sống của ta.

(Sa San- "Học sinh quân" - *Thần báo).*

Trời đang rung,

Đất đang chuyển.

Người đang xông lên, thù vật đang gầm rú,

Mọi vật trong vũ trụ đang kêu gào,

Các bạn ơi!

Hãy sẵn sàng đưa đầu của ta cho kẻ thù chúng chặt!

(Từ Chi Tân - "Cái chết vĩ đại"- *Thần báo)*

Một nhóm thì tuyên dương ầm ĩ, một nhóm thì khẳng khái bi ca. Viết, viết cố nhiên không sao cả, nhưng nếu muốn như thế thật, thì quả chẳng hiểu gì ý nghĩa đúng đắn của "chủ nghĩa dân tộc", có điều lại làm trọn được nhiệm vụ của "văn học dân tộc".

6

Nhà thơ Hoàng Chấn Hà, tác giả *Máu người da vàng* mà đầu đề được in bằng chữ lớn trên tờ *Tiền phong nguyệt san*, chẳng phải đã nói ra cho chúng ta biết nguyên soái Bạt Đô lý tưởng rồi ư? Nhà thơ này đã chịu ảnh hưởng của ông Phó Ngạn Trường, đã tra cứu sử sách trong nước, ngoài nước, lại còn biết *"Đông Âu thời trung thế kỷ là nơi ba dòng tư tưởng xung đột nhau"*[1], lẽ nào lại không biết Trung Quốc, thời cuối nhà họ Triệu[2] là chỗ cướp bóc, hãm hiếp của người Mông Cổ. Lúc hoàng đế Thành Cát Tư Hãn, ông nội nguyên

---

[1] Câu này cũng trích trong "Bài nói đầu" của vở kịch thơ *Máu người da vàng*.

[2] Tức họ của người lập ra triều Tống, Triệu Khuông Dẫn.

soái Bạt Đô, xâm nhập Trung Quốc, đến đâu là cướp bóc, hãm hiếp, đốt nhà; đến Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông, thấy ảnh ông Hai Khổng, lính Nguyên cũng chỉ vào mặt mà chửi: "nói" Di Địch có vua, chứ không phải như Chư Hạ không có "là mày phải không?" Rồi bắn một mũi tên vào mặt[1].Đó là lời một người đời Tống rơi nước mắt mà chép trong cuốn bút ký của ông ta, cũng giống như thứ văn chương khóc sướt mướt ngày nay thường thấy đăng trên báo chí. Cái cảnh hay ho mà nhà thơ họ Hoàng tả ở Cán La Tư, "*Tử thần vồ lấy cô gái da trắng ôm ghì*", kỳ thực là tình hình đã xảy ra ở Trung Quốc thời đó nhưng đến đời cháu ông ta, thì chẳng phải họ đã cùng nhau dắt tay đi "chinh Tây" rồi sao? Bây giờ lính Nhật bản "Đông chinh" Đông Tam Tỉnh, chính là bước thứ nhất của cuộc "Tây chinh" trong lý tưởng của "nhà văn học dân tộc", màn mở đầu của tấn kịch "*Dũng sĩ châu Á há to cái miệng mấu ăn người*".Có điều trước hết phải cắn Trung Quốc một miếng đã. Bởi vì lúc đó hoàng đế Thành Cát Tư Hãn[2], cũng giống như đối với Cán La Tư, trước hết bắt người Trung Quốc biến thành nô lệ đã, rồi mới lùa ra đánh trận, không dùng "hữu nghị", mà gửi thiếp đến mời. Cho nên, vụ Thẩm Dương không những không mâu thuẫn gì với "văn học dân tộc", mà lại còn thực hiện được cảnh lý tưởng của họ. Nếu không rõ cái tình nghĩa đó, cứ muốn "cắt đầu", làm cho "dũng sĩ châu Á" giảm đi, thì quả thật rất đáng tiếc!

Thế thì "văn học dân tộc" không cần phải có cái điều ô

---

[1] Chuyện này lấy trong tập bút ký *Kê Lâc Thiên* của Trang Qúy Du, người đời Tống. Ông *Hai Khổng*: Tức Khổng Tử. Nguyên văn: "*Di địch chỉ hữu quân, bất như Chư Hạ chi vô đã*" *(Luận ngữ, Bát dật). Chư Hạ* là Trung Quốc.

[2] Ám chỉ Thiên hoàng. Nhật bản.

hô, i hi, chết chết, sống sống đó ư? Xin trả lời: phải có chứ! Nhất định họ cũng có. Nếu không, thì những cái trò chủ nghĩa bất đề kháng, thề thốt dưới thành, cát dâng đất đai, sẽ diễn ra càng trắng trợn trong im lặng. Phải khóc to, gào lớn, vỗ tay, giẫm chân, làm cho người ta rối óc lên vì cái ồn ào láo nhiệt đó, nghe bi ca mà rơi nước mắt, nghe tráng ca mà hết giận. Thế là cái "Đông Chinh" bước thứ nhất của cuộc "Tây Chinh" sẽ lặng lẽ qua đi một cách êm thắm ! Giữa dãy xác chết, có tiếng khóc bi ai, có tiếng quân nhạc hùng tráng; nhiệm vụ của nó là đưa người chết chôn vùi xuống đất lấy cái ồn ào náo nhiệt mà che lấp "cái chết", làm cho người ta sau đó sẽ "quên đi". Bây giờ "văn học dân tộc" đang tán dương ầm ĩ hoặc khẳng khái bi ca, chính là đang làm trọn cái nhiệm vụ giống như thế.

Nhưng sau đó, "nhà văn học dân tộc" cũng càng gần với nỗi u buồn của hắn, bởi vì có một vấn đề rất cấp thiết, tức là ông chủ tương lai có đến nỗi theo vết xe đổ của nguyên soái Bạt Đô hay không, có chịu tin dùng và ưu đãi những tên nô lệ trung dũng, không phải những dũng sĩ hay không? Đó quả là một vấn đề rất quan trọng, rất đáng sợ, đó quả là điều cốt tử của việc chủ và nô lệ có thể "cùng nhau sống mà hưởng vinh hoa phú quí" hay không.

Lịch sử cho chúng ta biết: không thể được. Ngay các "nhà văn học dân tộc" cũng đã biết rồi, không thể có chuyện như thế. Chúng nó chỉ làm trọn cái nhiệm vụ đưa ma, vĩnh viễn buồn thương lưu luyến chủ. Phải đến khi sóng gió cách mạng vô sản gầm thét lên rửa sạch sơn hà, thì lúc ấy chúng nó mới thoát khỏi cái vận mệnh xấu xa thảm hại, giữa nát đó được.

(Tập ***Hai Lòng***)

77. BÍ QUYẾT LÀM VĂN*

Bây giờ vẫn có người hỏi tôi bí quyết làm văn.

Chúng ta thường hay nói: thày dạy võ vẫn dành lại một ngón không dạy, sợ học trò học hết sẽ đánh mình chết để xưng hùng. Trên thực tế, việc như thế cũng không phải hoàn toàn không có. Bàng Mông giết Nghệ[1] là một thí dụ. Bàng Mông xa rồi, nhưng cái thói cũ ấy vẫn chưa hết tiệt, về sau còn thêm vào cái "thích làm trạng nguyên"; khoa cử tuy bỏ từ lâu nhưng đến nay vẫn còn muốn tranh cái tiếng "duy nhất", "đầu tiên". Gặp phải người "thích làm trạng nguyên" thì kẻ làm thầy đến lần nguy hiểm; các ngón võ dạy hết rồi, thường không tránh khỏi bị đánh ngã. Nhưng ông thày dậy võ mới này, lúc dạy học trò, lại trông gương thầy học mình và mình, nhất định dành lại một ngón, thậm chí ba bốn ngón, thế là quyền thuật "càng ngày càng kém".

Lại như, thầy thuốc thì có phương thuốc bí truyền, người đầu bếp thì có cách nấu bí truyền, hàng bán bánh kẹo cũng có cách làm bí truyền. Để bảo toàn miếng cơm manh áo

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Thân báo nguyệt san*, tháng 12 năm 1933. Ký tên Lạc Văn.

[1] Sách *Mạnh Tử*, Thiên *Ly lâu* chép: "Bàng Mông học Nghệ phép bắn và học được hết tài của Nghệ. Mông nghĩ trong thiên hạ chỉ có Nghệ là tài hơn mình, bèn giết Nghệ". Nghệ và Bàng Mông đều là những nhân vật thần thoại cổ Trung Quốc.

cho nhà mình, nghe nói người ta bày cho con dâu, chứ không bày cho con gái, sợ truyền sang nhà khác. "Bí" là một cái ở Trung Quốc rất phổ biến, ngay các hội nghị quốc gia đại sự cũng vẫn là "nội dung hết sức bí mật", không ai biết. Nhưng làm văn thì hình như không có bí quyết. Giá thử có, thì nhà văn nào cũng nhất định cũng sẽ truyền cho con cháu, nhưng rất ít thấy nhà văn tổ truyền. Tất nhiên, con cái các nhà văn, quen nhìn sách vở giấy bút từ thuở nhỏ, con mắt có lẽ cũng vì thế mà rộng rãi hơn một tí chăng, có điều không chắc là đã viết được. Trên sách báo hiện nay, tuy thường thấy nào là "nhà văn cha con" "nhà văn vợ chồng"[1], phảng phất như có thể qua di chúc hay thư tình mà truyền riêng cho nhau một số bí quyết. Kỳ thực, cái ghê tởm thì cho là có thú vị, đem quan hệ làm quan dùng lầm vào việc văn chương[2].

Thế thì, làm văn thật không có bí quyết gì hay sao? Cũng không phải không có. Tôi đã từng nói qua về bí quyết làm cổ văn: tức là phải suốt bài có điển cố, mà vẫn không phải là văn sẵn của người xưa, cũng tức là toàn bài là mình làm, nhưng lại không phải hoàn toàn mình làm, cá nhân mình kỳ thực chẳng nói gì cả; cũng tức là "việc thì phải có nguyên do", nhưng lại "xét ra không có chứng cứ cụ thể". Được như thế, thì "cơ hồ khỏi phải lầm lớn". Nói tóm lại, quả thực chẳng qua là muốn làm thứ văn chương: "Hôm nay tiết trời... ha...ha...ha..." mà thôi[3].

Đó là nói nội dung. Còn như tu từ, cũng có một ít bí

---

[1] Cha con, vợ chồng đều làm văn.

[2] Ý nói: cha con dắt díu nhau làm quan, nay cha con cũng muốn dắt díu nhau làm văn.

[3] Ý nói : văn chương không có nội dung, như gặp nhau nói trời mưa, trời nắng cho có chuyện.

quyết: một là phải mơ hồ, hai là phải khó hiểu. Phương pháp là; rút ngắn câu lại, dùng thật nhiều chữ khó vào. Thí dụ, làm bài văn bàn về chuyện triều Tần, mà viết: "*Tần Thủy Hoàng nãi thủy thiêu thư*" thì không thể gọi là văn hay[1]; phải đổi ra chữ khó, làm cho không thể đọc qua mà hiểu ngay được. Lúc đó phải dùng đến *Nhĩ nhã*[2], *Văn tuyển*[3]. Kỳ thực chỉ cần không để cho người khác biết, tra *Khang Hi tự điển* cũng không ngại. Bắt đầu chữa: *Thủy Hoàng thủy phần thư* thì đã có hơi "cổ "rồi đấy, đến khi cải thành *Chính thục phần điển*[4] thì quả đã có khí vị Ban, Mã[5] mặc dù người ta xem không hiểu lắm. Nhưng cứ làm như thế, thành thiên, rồi thành bộ, thì có thể được tôn là "học giả". Tôi nghĩ một hồi lâu, chỉ viết được một câu, cho nên chỉ đáng gửi đăng báo mà thôi.

Các vị đại sư văn học cổ chúng ta thường thường chơi cái ngón đó. Câu "*tử sắc oa thanh, dư phân nhuận vị*"[6] của Ban Cố là lấy bốn câu dài, rút gọn lại thành tám chữ; câu "*xuẩn dịch kiểm hạp*" của ông Dương Hùng[7] là do bốn chữ bình thường "*Động do quy củ*" đổi thành chữ khó. *Lục dã*

---

[1] Câu này viết bằng văn ngôn, nghĩa là: Tần Thủy Hoàng bắt đầu đốt sách.

[2] *Nhĩ nhã* : tên một bộ sách cổ, do học trò Khổng Tử soạn.

[3] *Văn tuyển* : tuyển tập thơ văn do Tiêu Thống đời Lương biên soạn, gồm sáu mươi quyển.

[4] *Chính*: Tần Thủy Hoàng họ Doanh tên Chính; *thục* : nghĩa như chữ *thủy* = bắt đầu; *phần*: nghĩa như chữ *phần* = đốt, *điển*: cũng nghĩ như *thư* = sách.

[5] *Ban*: tức Ban Cố, nhà văn đời Hán, tác giả *Hán thư*. *Mã*: tức Tư Mã Thiên, nhà viết sử có tiếng đời Hán, tác giả *Sử ký*.

[6] Câu này lấy trong sách *Hán thư*, ý nói: Vương Mãng cướp ngôi.

[7] *Dương Hùng*: một nhà làm phú có tiếng đời Hán. Câu này lấy trong sách *Dương Tử pháp ngôn*, nghĩa là: kẻ quân tử cử động đều theo quy củ.

tiêu tông[1] kể chuyện thầy đồ vịnh "hoa" có câu:

Tức thoa tiếu hĩ nhi thư phế,

Ca quấn văn yêu tẩu bổng thương.

ý muốn nói:con dâu bẻ thoa làm hoa, tuy đẹp, nhưng sợ con bỏ chuyện học hành; câu dưới khó giải nghĩa hơn: Ông anh ngắt hoa, không có bình, liền cắm vào cái lọ sành để ngửi mùi thơm, người chị dâu muốn đề phòng từ cái nhỏ, từ cái tầm thường liền lấy gậy đập cho hoa với lọ vỡ cả. Cũng kể là một cách chê cười ông đồ gàn. Kỳ thực, cách ông ta làm văn rất thích hợp với Ban Cố, Dương Hùng, chỉ sai ở chỗ ông ta không dùng điển cũ mà lại dùng điển mới. Cái gọi là "sai" đó làm cho cái loại "*văn tuyển*" giữ được uy tín đối với các bậc cụ già, cụ non.

Văn viết mơ hồ, có phải "hay" không? Trả lời: "cũng không hẳn như thế"; thực ra chỉ là che cái dở mà thôi. "Biết xấu hổ là gần như dũng cảm rồi"*(tri sỉ cận hồ dũng),* che xấu, cũng tựa hồ gần như hay rồi. Các cô tân thời xõa tóc xuống trán, các bà trung niên lấy khăn che mặt, đều là dùng thuật mơ hồ cả. Các nhà nhân loại học giải thích nguyên nhân vì sao sinh ra áo quần, có ba thuyết: một thuyết nói về nam nữ trần truồng, thấy xấu hổ, dùng áo quần che đậy lại cho khỏi ngượng; một thuyết lại cho rằng dùng áo quần để khêu gợi; còn có thuyết nói vì nam nữ khi già yếu, thân thể gầy còm, để lộ nguyên hình thì khó coi, phải lấy cái gì che xấu đi. Theo quan điểm tu từ học mà xét, tôi tán thành thuyết sau cùng. Bây giờ vẫn thường thấy các bài văn tế viết kiểu tứ

---

[1] *Lục dã tiên tông*:một bộ tiểu thuyết dài đời Thanh do Lý Bách Xuyên sáng tác.

lục[1], đẹp đẽ, đàng hoàng, câu đối điếu, tuyên ngôn, thông điện, nếu chúng ta tra từ điển, xem các sách, bóc các trang sức bên ngoài, dịch ra văn bạch thoại, thử xem còn lại cách gì ?

Không hiểu tất nhiên cũng hay. Hay ở chỗ nào? Hay ở chỗ "không hiểu". Nhưng sợ hay đến nước làm cho người ta không thể nói hay dở thế nào, cho nên vẫn không bằnglàm cho "khó hiểu" : hiểu một chút, rồi gắng sức tìm hiểu, thì có thể hiểu hơn một tí. Chúng ta xưa nay có thói rất sùng bái cái "khó", mỗi lần ăn ba bát cơm, ai cũng cho là lạ, có người mỗi bữa có thể ăn mười tám bát, thì trịnh trọng ghi vào bút ký; dùng tay xâu kim, không ai nhìn, dùng chân xâu kim, thì có thể che "rạp " lấy tiền[2] một bức vẽ, bình thường, bỏ vào trong hộp, khoét lỗ, làm thành ống nhòm thì mọi người đều há hốc miệng sốt ruột muốn xem. Vả lại, cùng một việc,mất nhiều sức mới làm được, quí hơn là không mất sức mà cũng làm được. Thí dụ, đến chùa thắp hương, thì nên núi quí hơn là ở đồng bằng; một ngôi chùa phải ba bước một lạy mới đến được, và một ngôi chùa ngồi kiệu có thể đi thẳng vào được, thì mặc dù cũng là ngôi chùa đó, nhưng trong bụng người văn cảnh, mức độ quí trọng khác nhau nhiều lắm. Làm văn quí ở chỗ khó hiểu, tức là mốn người đọc ba bước một lạy. Đó là điệu pháp có thể làm cho ta đạt đến mục đích phần nào.

Viết đến đây, thành ra điều tôi nói không những là nói về bí quyết làm cổ văn,mà còn là nói về bí quyết làm cổ văn của kẻ bịp bợm. Nhưng tôi nghĩ, làm văn bạch thoại cũng

---

[1] Câu 4 tiếng và câu 6 tiếng.

[2] Ý nói như rạp xiếc, rạp trò qui thuật.

không khác gì lắm, bởi vì cũng có thể xen chữ lạ vào, làm cho mơ hồ, khó hiểu, như dùng chiếc khăn che mắt của trò ảo thuật. Nếu muốn làm trái lại, tức là" viết cho thật rõ ràng".

Viết rõ ràngthì không có bí quyết. Nếu nói có, cũng chỉ là làm khác hẳn với phương pháp che mắt: có những ý nghĩ thành thực, bỏ trang sức,bớt kiểu cách, đừng lừa bịp mà thôi.

10 tháng 11

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

105. TỰA VIẾT LẤY

(cho tập *Gào thét*)

Hồi còn niên thiếu, tôi từng ôm ấp nhiều mộng đẹp, về sau cũng quên dần đi già nửa. Riêng tôi chẳng lấy gì làm tiếc lắm. Nhớ lại chuyện cũ, tuy có thể làm cho mình vui lên, nhưng cũng có khi không khỏi khiến mình cảm thấy quạnh hiu. Bất lòng vấn vương với những ngày quạnh hiu đã qua, thử hỏi có ý vị gì ? Nhưng khổ một nỗi,tôi không quên được tất cả. Và một phần những điều không quên được đó nay trở thành nguồn gốc tập *Gào thét* này.

Có đến hơn bốn năm trời, thường thường - có thể nói là hàng ngày - tôi phải lui tới hiệu cầm đồ và hiệu thuốc. Không nhớ hồi bấy giờ tôi bao nhiêu tuổi, chỉ nhớ là cái quầy hiệu thuốc cao ngang đầu tôi, còn cái quầy hiệu cầm đồ thì cao bằng hai tôi. Tôi đem quần áo, đồ nữ trang đến cái quầy cao bằng hai tôi, nhận lấy đồng tiền trong sự khinh rẻ, rồi lại đến cái quầy cao ngang đầu tôi, mua thuốc cho cha tôi mang bệnh đã từ lâu. Về nhà, cũng lại rất bận, bởi vì ông thầy kê đơn cho cha tôi là một người có tiếng tăm lắm, cho nên, những vị ông ta dùng để dẫn thuốc cũng rất kỳ quặc: rễ cây lau mùa đông, mía chịu sương ba năm, dế nguyên đôi, cây bình địa có trái... Toàn những thứ khó kiếm cho ra. Nhưng rốt cuộc, bệnh cha tôi vẫn mỗi ngày một nặng cho tới khi mất.

Tôi nghĩ rằng, những ai từng sống trong cảnh sung túc rồi nửa đường sa sút đi, đại khái mới có thể hiểu được bụng dạ người đời. Tôi định tâm đến N. xin vào trường K[1] là có ý rẽ sang con đường khác, trốn đi xứ khác, tìm những con người khác. Mẹ tôi không biết làm thế nào được, đành phải chạy cho tôi tám đồng bạc làm tiền ăn đường, bảo rằng tùy ý muốn đi đâu thì đi. Nhưng rồi mẹ tôi cũng khóc. Tình lý phải như vậy, bởi vì lúc bấy giờ, học để đi thi là con đường chính, còn học chữ Tây thì xã hội cho là kẻ cùng đường, buộc phải đem linh hồn bán cho lũ quỷ, trăm phần đáng chế nhạo, đáng mạt sát. Huống hồ, tôi đi thì mẹ tôi lại không còn có dịp gần gũi tôi nữa. Nhưng tôi không thể nghĩ đến điều đó được, cứ đến N, xin vào trường K. Và ở đấy, tôi mới biết trên đời còn có cái gọi là cách trí, toán học, địa lý, lịch sử , hội họa, thể thao... Người ta không dạy môn sinh lý học, nhưng chúng tôi lại xem những loại sách như là *Toàn thể tân luận, Hóa học vệ sinh luận*[2] v.v... in mộc bản. Nhớ lại những lời bàn luận và cái đơn thuốc của vị danh y trước kia, đem so sánh với những điều vừa học được, tôi mới dần dần vỡ ra rằng, các ông Trung y chẳng qua là những tay bịp bợm vô tình hay cố ý, và càng thương cho những con bệnh và những người thân thích

---

[1] N. là Nam Kinh, Trường K. Giang Nam thủy sư học đường. Năm 1898, Lỗ Tấn học ở trường này, sang năm sau thì vào Khoáng vụ thiết lộ học đường, phụ thuộc Giang Nam lục sư học đường. Năm 1902, tốt nghiệp và được chính phủ nhà Thanh cho sang lưu học bên Nhật. Năm 1904, vào trường Y học Tiên Đài. Năm 1906, thôi không học Y nữa, trở về Đông Kinh viết sách, làm báo. (xem *Tự truyện* ở phần phụ lục).

[2] *Toàn thể tân luận*: sách của người Anh, xuất bản năm 1851.

Hóa học vệ sinh luận: cũng của người Anh, xuất bản năm 1879. Đó là những cuốn sách về sinh lý học và vệ sinh học, được dịch ra Trung văn cuối đời Thanh.

của họ bị lừa. Ngoài ra, với những cuốn lịch sử được dịch ra Trung văn, tôi lại còn biết được cuộc duy tân của Nhật Bản phần lớn là bắt nguồn từ môn y học phương Tây.

Chính những điều hiểu biết non nớt đó về sau đã khiến cho cái học bạ của tôi nằm trong một trường thuốc ở một tỉnh hẻo lánh Nhật Bản. Mộng của tôi rất đẹp. Tôi định bụng tốt nghiệp, về nước, sẽ chạy chữa cho những con bệnh bị lừa bịp như cha tôi. lúc chiến tranh sẽ xin vào quân y, mặt khác sẽ thôi thúc quốc dân đồng bào tôi tin tưởng vào một cuộc duy tân. Tôi không rõ ngày nay phương pháp dạy môn vi trùng học tiến bộ hơn ngày trước như thế nào, chứ hồi đó người ta dùng màn ảnh chiếu rõ hình trạng những con vi trùng. Vì vậy có khi giảng xong bài, còn thừa thì giờ, giáo sư thường chiếu cho sinh viên xem những đoạn phim phong cảnh hoặc những đoạn phim thời sự cho khỏi phí thì giờ. Bấy giờ chính là lúc đang xảy ra cuộc chiến tranh Nga - Nhật, tất nhiên phần lớn là phim chiến sự. Trong cái giảng đường đó, thường thường tôi đã phải hùa theo anh em mà vỗ tay hoan hô. Có một lần, tôi thình lình được gặp trên màn ảnh bao nhiêu đồng bào tôi từ lâu xa cách. Một người bị trói ở giữa, xung quanh là những kẻ đứng xem, người nào người ấy thân thể khỏe mạnh, nhưng vẻ mặt thì trông rất đần độn. Theo lời thuyết minh, người bị trói là mật thám cho quân đội Nga, bị quân đội Nhật đem ra chặt đầu thị chúng[1], còn những người đứng vây xung quanh là đến để thưởng thức cuộc thị chúng long trọng đó.

Năm học ấy chưa hết, tôi đã bỏ về Đông Kinh, bởi vì từ

---

[1] Một cách bêu riếu tội phạm để làm gương cho kẻ khác, mà bọn thống trị thường dùng- (N.D).

lần đó, tôi thấy học thwocs không phải là việc quan trọng lắm nữa. Dân mà còn ngu muội, dân mà còn ngu muội hèn nhát thì thân thể khỏe mạnh, cường tráng chăng nữa, cũng chỉ có thể làm thứ người mà người ta đem ra chém đầu và đem ra thị chúng và làm thứ người đứng xem cuộc thị chúng vô vị như thế kia mà thôi. Còn như đau ốm mà có phải chết đi ít nhiều thì chưa hẳn đã là bất hạnh. Cho nên, điều chúng ta cần làm trước là biến đổi tinh thần họ, và theo tôi hồi đó, thì muốn biến đổi tinh thần họ, tất nhiên không gì bằng văn nghệ. Trong đám lưu học sinh ở Đông Kinh hồi bấy giờ, có rất nhiều người học pháp chính, lý hóa, cả đến học nghề cảnh sát, công nghiệp nữa, mà chẳng ai học văn học và mỹ thuật hết. Nhưng trông không khí lãnh đạm đó, cũng may còn tìm ra một số kẻ cùng một chí hướng và lại còn rủ được mấy người, không có họ không xong. Sau khi bàn tính với nhau, cố nhiên bước thứ nhất là xuất bản một tờ tạp chí. Tên tạp chí đó phải có nghĩa là "đời sống mới". Bởi vì chúng tôi hồi đó còn mang ít nhiều khuynh hướng phục cổ, nên đặt là *Tân sinh.*

Tờ *Tân sinh*, đã gần ngày xuất bản thì trước tiên có mấy người nhận viết bài trốn đâu mất. Tếp đến những người chịu bỏ tiền ra cũng đánh tháo nốt. Cuối cùng, chỉ còn trơ trọi lại ba anh không một đồng xu dính túi. Bắt đầu mà đã đen đủi như vậy, thì thất bại ra thế nào chẳng cần phải nói nữa. Sau đó, cả ba anh, số phận cũng đưa mỗi anh đi một đường, không thể cùng ngồi với nhau bàn tán về những mộng đẹp tương lai mãi. Câu chuyện tờ *Tân sinh* chưa hề ra đời của chúng tôi đã kết thúc như thế đấy.

Tôi cảm thấy buồn chán, một nỗi buồn chán chưa từng biết đến, chính là từ buổi đó. Lúc đầu, tôi không hiểu vì sao,

sau nghĩ lại, mới rõ là phàm khi người ta chủ trương làm cái gì, nếu được tán thành thì người ta càng hăm hở tiến lên, nếu bị phản đối, người ta cũng cứ hăng hái phấn đấu. Chỉ có khi hò hét giữa nhưng người lạnh nhạt ,thờ ơ, không tán thành mà cũng không phản đối, thì cảm thấy như đứng giữa bãi sa mạc vô biên chẳng còn biết nên hành động ra làm sao nữa. Đau khổ biết bao nhiêu! Do đó, tôi gọi cái cảm giác ấy là quạnh hiu.

Nỗi quạnh hiu ấy lại ngày càng to dần. Nó quấn lấy tâm hồn tôi như một con rắn độc.

Nhưng mặc dù đau khổ vô cùng vô hạn như vậy, tôi cũng không hề oán giận, bởi vì kinh nghiệm ấy đã làm cho tôi tự xét lại mình, thấy rõ mình hơn: tôi quả không phải là một vị anh hùng giơ tay hô lên một tiếng là có hàng vạn người hưởng ứng.

Chỉ có điều thế nào cũng phải xua đuổi cho được nỗi quạnh hiu đó đi, bởi vì nó làm cho tôi đau khổ quá. Thế rồi, tôi dùng đủ mọi cách khiến cho tâm hồn tôi tê dại đi. Tôi lao đầu vào việc tìm hiểu cái gọi là "quốc dân tính", hoặc tôi trở về thượng cổ. Về sau tôi sẽ phải nếm trải hoặc chứng kiến nhiều điều làm cho tôi quạnh hiu, đau khổ hơn thế nữa, nhưng tôi đều không muốn tưởng nhớ đến, mà vui lòng để cho nó cùng đầu óc tôi tiêu diệt một thể trong đất bùn. Các cách tôi làm cho tâm hồn tôi tê dại đi như vậy hình như đã có công hiệu. Tôi không còn khảng khái, hiên ngang như hồi còn niên thiếu nữa.

Hội quán S[1] có ba gian, tương truyền trước kia từng có

---

[1] *Hội quán S*: là hội quán của người Thiệu Hưng (quê Lỗ Tấn) trú ngụ ở Bắc Kinh. Hội quán này ở ngoài Tuyên Võ môn. Từ năm 1912 đến

người đàn bà treo cổ chết ở cây hòe trước sân. Hiện giờ cây hòe đã cao, không với tới nữa, nhưng nhà vẫn chưa có ai ở. Bao nhiêu năm tôi trọ ở đấy, sao chép bia cổ[1]. Bạn bè ít ai lui tới; trong bia cổ thì không có vấn đề gì, không có chủ nghĩa gì, nên cuộc đời của tôi cứ âm thầm mòn mỏi đi. Nguyện vọng duy nhất của tôi cũng là như vậy. Những đêm hè, muỗi nhiều, ngồi dưới gốc cây hòe phe phẩy chiếc quạt lác, tôi nhìn những mảng trời xanh qua kẽ lá dày đặc. Nhưng con sâu đêm từ trên cây hòe rơi xuống lạnh buốt.

Hồi bấy giờ, năm thì mười họa, có anh Kim Tâm Dị [2] một người bạn cũ, là hay đến tán chuyện gẫu. Vừa vào, anh ta quẳng chiếc cặp da to tướng xuống chiếc bàn nát, cởi áo

---

1919, Lỗ Tấn ở trong Hội quán ấy. Thiệu Hưng viết theo mẫu tự Latinh là *Shao Xing* nên viết tắt là S (N.D).

[1] Hồi Lỗ Tấn trọ ở hội quán Thiệu Hưng, ông công tác ở Bộ giáo dục. Lúc rảnh, sưu tập và nghiên cứu cách tạo tượng và các mộ chí cổ đại. Do đó, có hai cuốn *Lục Triều tạo tượng mục lục* và *Lục triều mộ chí mục lục* (cuốn sau chưa hoàn thành). Ông còn sưu tập và hiệu đính một số tài liệu về văn học cổ đại, sau biên thành hai cuốn *Hậu Hán thư* và *Kê Khang tập*.

[2] *Kim Tâm Dị*: chỉ Tiền Huyền Đồng, một trong những người biên tập tờ *Tân Thanh niên*. Tờ *Tân Thanh niên* vừa đề xướng cuộc cách mạng văn hóa thì Lâm Thư (tức Lâm Cầm Nam) viết một thiên truyện ngắn, thể bút ký, đề là *Kinh sinh*, chửi những người đề xướng cuộc cách mạng văn hóa đó. Trong truyện có một nhân vật tên là Kim Tân, ám chỉ Tiền Huyền Đồng.

Tân thanh niên là một tạp chí tối quan trọng trong phong trào tân văn hóa thời Ngũ Tứ. Tạp chí đó phản đối văn hóa phong kiến, đề xướng khoa học và dân chủ, sơ bộ giới thiệu chủ nghĩa Mác và cuộc cách mạng tháng Mười Nga. Đó là một tờ nguyệt san. Số đầu ra tháng 9-1915, do Trần Độc Tú chủ biên, đến tháng 7-1922 thì đình bản. Năm 1918, Lý Đại Chiêu, người mácxít đầu tiên của Trung Quốc làm ủy viên biên tập của *Tân thanh niên* và là người lãnh đạo quan trọng nhất. Lỗ Tấn đăng *Nhật ký người điên* vào tạp chí này và trở thành một phần tử trung kiên của nhóm *Tân thanh niên*.

dài ra rồi ngồi đối diện tôi. Vì sợ chó nên tim anh như còn đập thình thịch.

- Anh sao chép những cái này để làm gì thế?

Có một buổi tối, anh ta lật xem những bản sao chép bia cổ của tôi rồi chất vấn như vậy.

- Chẳng để làm gì cả.

- Thế thì sao chép là nghĩa lý làm sao?

- Cũng chẳng có nghĩa lý gì hết.

- Tôi tưởng anh nên viết cái gì thì hơn...

Tôi hiểu ý anh rồi. Họ đang ra tờ *Tân Thanh niên* và hình như bây giờ không những chưa có ai tán thành, nhưng cũng chưa có ai phản đối cả. Tôi nghĩ bụng, có lẽ họ cũng đang cảm thấy quạnh hiu chăng. Nhưng tôi lại nói:

- Giả thử có một ngôi nhà bằng sắt, không có cửa sổ, và cũng không làm sao phá tung ra được, trong đó có nhiều người đang ngủ say, và không bao lâu nữa sẽ chết ngạt. Nhưng từ ngủ say đến chết ngạt, họ nào có cảm giác thấy những nỗi đau khổ của giây phút lâm chung đâu! Bây giờ anh gào thét lên làm cho mấy người còn đang mơ mơ màng màng, giật mình tỉnh dậy. Số ít người bất hạnh đó sẽ phải trải qua cảnh vật vã của một cái chết không tài nào cứu vãn được như thế mà anh lại tưởng là anh cứu giúp họ hay sao? - Nhưng đã có những người tỉnh dậy rồi thì anh không thể quả quyết được rằng không có hy vọng phá tung ngôi nhà sắt đó ra được!

Phải. Tôi tuy chắc chắn điều tôi nghĩ là đúng, nhưng đã nói đến hy vọng, thì không thể bảo là không có được, bởi vì

hy vọng thuộc về tương lai, tôi quyết không thể lấy điều tôi tin là không thể có, để thuyết phục anh bạn tôi là người tin có thể có. Do đó, cuối cùng, tôi nhận lời viết bài. Ấy là thiên *Nhật ký người điên* , truyện ngắn đầu tiên của tôi. Rồi từ đó, đã trót thì phải trét, tôi thỉnh thoảng viết những bài có vẻ như là tiểu thuyết, để đáp qua loa sự đòi hỏi của bạn bè. Lâu ngày dồn lại có đến hơn mươi bài.

Riêng về phần tôi, tôi vẫn cho rằng hiện nay, tôi không còn phải là người có điều gì bức thiết lắm, không nói ra được, nhưng hoặc giả, bởi vì chưa thể quên hết những nỗi hiu quạnh, đau khổ của mình ngày trước, nên có lúc không thể gào thét lên mấy tiếng, để an ủi những kẻ dũng sĩ đang bôn ba trong chốn quạnh hiu, mong họ ở nơi tiền khu được vững tâm hơn. Còn như tiếng gào thét của tôi hùng dũng hay bi ai, đáng ghét hay đáng buồn cười, điều đó tôi không hơi đâu nghĩ đến. Nhưng đã gào thét, thì tất nhiên phải gào thét theo mệnh lệnh của vị chủ tướng. Cho nên đôi khi tôi không ngại viết những điều xa với sự thực. Trong truyện *Thuốc* , bỗng dưng tôi thêm một vòng hoa trên nấm mộ anh Du, hay trong truyện *Ngày mai*, tôi không kể chuyện chị Tư Thiền cuối cũng vẫn không nằm mộng thấy đứa con của chị, bởi vì vị chủ tướng bấy giờ chủ trương không để cho người ta đi đến chỗ tiêu cực. Còn tôi, tôi cũng không muốn đem nỗi hiu quạnh mà mình cho là đau khổ làm lây sang những người thanh niên đang ôm ấp những mộng đẹp như tôi hồi còn niên thiếu.

Nói như vậy là có thể biết ngay rằng tiểu thuyết của tôi còn xa với nghệ thuật lắm, thế mà cho đến nay vẫn mang tên là tiểu thuyết, thậm chí bây giờ đây, lại có dịp xuất bản

thành tập nữa. Dù thế nào mặc lòng, không thể không nói đó là điều may mắn. Điều may mắn ấy tuy làm cho tôi không yên tâm, nhưng nghĩ rằng trong đời, tạm thời còn có người đọc, thì tôi cũng cứ lấy làm thích thú như thường.

Bởi vậy, tôi đã thu thập những truyện ngắn của tôi và đem in: lại vì những duyên cớ nói trên, nên đặt tên là ***Gào thét*** .

Viết tại Bắc Kinh ngày 3 tháng 12 năm 1922.

LỖ TẤN

106. TỰA VIẾT CHO BẢN DỊCH *AQ CHÍNH TRUYỆN* BẰNG TIẾNG NGA VÀ TỰ TRUYỆN

1- TỰA AQ CHÍNH TRUYỆN

Tác phẩm nhỏ bé của tôi nhờ có ông B.A.Vaseliev, một nhà văn tinh thông văn học Trung Quốc, dịch ra tiếng Nga mà có thêm được một số độc giả người Nga; đó là một điều tôi cần phải cảm tạ và cũng rất lấy làm vinh dự.

Tôi đã có lần thử xem tôi có thể miêu tả được tâm hồn người Trung Quốc hiện đại của rchúng tôi hay không? Nhưng cuối cùng vẫn thấy tôi chưa thật nắm vững. Kẻ khác như thế nào không rõ chứ riêng tôi thì tôi cảm thấy hình như giữa con người ta có một bức tường khá cao ngăn cách, làm cho chúng ta khó lòng hiểu được tâm hồn của nhau. Chính vì lẽ đó mà những người thông minh thời trước của chúng tôi - tức là những người được mệnh danh là các bậc thánh hiền - đã phải chia loài người ra làm mười bậc khác nhau. Ý nói có người bậc trên, có người bậc dưới, không phải là nhất luật. Bây giờ không còn ai dùng cách chia loại như vậy nữa; nhưng tâm hồn của con người ta thì vẫn như cũ, và còn tệ hơn thế nữa. Thậm chí trong thân thể một con người mà cũng không được xem bằng nhau, tay cũng không khỏi xem chân là "dị loại", là "hạ đẳng". Tạo hóa sinh ra con người vốn đã hết sức tài tình, khiến cho người này không làm sao cảm

thông được những nỗi đau khổ trên thể xác người kia. Rồi các bậc thánh hiền và đồ đệ các bậc thánh hiền của chúng tôi lại bổ khuyết cho đấng Tạo Hóa, làm cho người ta không thể cảm thông được những nỗi thống khổ về tinh thần của nhau nữa.

Cổ nhân chúng tôi còn sáng tạo ra một thứ văn tự, riêng từng khối, từng khối một, khó đến dễ sợ. Nhưng tôi vẫn không hề oán giận, bởi vì tôi thấy không phải họ cố ý như thế. Nhưng vì vậy mà rất nhiều người không thể dùng cái thứ văntự đó để nói lên được nỗi lòng của mình. Gia dĩ cái lối huấn hỗ[1] lại dựng lên những bức tường cao làm cho họ đến suy nghĩ cũng không dám suy nghĩ nữa! Bây giờ, những điều chúng ta biết được chẳng qua chỉ là đạo lý và ý kiến của mấy bậc thánh hiền mà thôi. Đạo lý, ý kiến đó cũng vì họ mà họ nói ra, chứ còn như bách tính thì vẫn âm thầm cứ sinh trưởng, vàng úa, khô héo rồi chết đi, như cỏ cây bị đè bẹp dưới một tảng đá lớn. Và như thế đã bốn nghìn năm nay rồi!

Muốn miêu tả tâm hồn nhân dân một nước trầm mặc như thế thì đối với người Trung Quốc chúng tôi kể cũng là một điều hết sức khó khăn. Bởi vì như đã nói trên, chúng tôi rút cục vẫn chưa đổi mới được nhân dân một nước cũ kỹ như thế. Cho nên người này vẫn chưa thể thông cảm được với người kia, đến nỗi tay mình cơ hồ cũng không hiểu được chân mình! Tôi tuy đã hết sức tìm hiểu tâm hồn của con người ta nhưng thường vẫn cảm thấy mình bị cách bức. Tương lai, tất cả những con người bị cái dãy tường cao kia vây hãm nhất định sẽ tự mình tỉnh ngộ, vượt ra khỏi, và ai ai

---

[1] *Huấn hỗ*: lối học giải thích nghĩa từng chữ, từng câu thịnh hành từ đời Hán.

cũng đều sẽ mở miệng mà nói lên tâm sự của mình, nhưng giờ đây thì thật hiếm lắm. Cho lên tôi cũng định chỉ dựa vào những điều tôi cảm giác và quan sát, và buồn bã, cô quạnh tạm viết ra đây mà thôi, coi như đó là đời con người ở Trung Quốc, theo như con mắt tôi đã từng nhìn thấy.

Cuốn tiểu thuyết của tôi vừa ra đời thì có một nhà phê bình trẻ tuổi khiển trách ngay. Sau đó cũng lại có người cho tôi là một kẻ không được lành mạnh; có người cho tôi đùa để mà cười chơi, hoặc cho tôi châm biếm ai, hoặc có người cho tôi là cười gằn, đến nỗi làm cho tôi cũng đâm ra nghi ngờ có lẽ trong lòng mình quả thật có giấu cả một khối nước đá... đến dễ sợ cũng nên! Nhưng tôi lại nghĩ rằng: nhìn cuộc đời, mỗi nhà văn nhìn một khác, mà xem sách, mỗi độc giả cũng xem một khác. Thế thì cuốn tiểu thuyết này có lẽ có thể đưa đến cho người Nga là những người không hề có cái tư tưởng truyền thống của chúng tôi một cảm tưởng khác cũng nên. Tôi cho đó là một điều hết sức thú vị.

Bắc Kinh ngày 26 tháng 5 năm 1925

2- TỰ TRUYỆN SƠ LƯỢC CỦA TÁC GIẢ

Tôi sinh năm 1881 trong gia đình họ Chu, ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Cha tôi là một nhà nho. Mẹ tôi, họ Lỗ, vốn người vùng quê. Bà cụ tự học đến lấy trình độ có thể xem sách được. Nghe người ta nói, lúc tôi còn bé, nhà tôi cũng còn có bốn năm mươi mẫu ruộng sâu, sống không đến nỗi vất vả lắm. Nhưng đến năm tôi mười ba tuổi thì nhà tôi gặp một biết cố rất lớn, cơ hồ không còn gì nữa, tôi phải

nương náu bên nhà bà con họ ngoại, có lần bị người ta xỉ vả là đứa ăn nhờ. Vì thế tôi quyết trở về. Nhưng rồi cha tôi lại bị bệnh nặng, ốm hơn ba năm thì mất. Cảnh nhà tôi sa sút đến nỗi học phí nhẹ mấy, tôi cũng không trả nổi. Mẹ tôi phải xoay xở cho một ít tiền ăn đường để đi tìm trường nào học không mất tiền thì học thêm, bởi vì tôi không chịu ra làm anh thợ lại hoặc đi buôn, tức là hai con đường mà bọn nho gia tử đệ bị sa sút ở làng tôi thường theo.

Lúc đó tôi mười tám tuổi. Tôi đến Nam Kinh, thi vào Thủy sư học đường và được xếp vào ban Cơ khí. Được hơn nửa năm, lại xin ra và đổi sang học ở Khoáng lộ học đường, ban Khai mỏ. Tốt nghiệp, tôi được phái sang du học ở Nhật bản. Học xong lớp dự bị ở Đông kinh, tôi quyết chí học thuốc. Một trong những nguyên nhân là vì tôi biết rõ rằng nền y học mới đã giúp rất nhiều cho cuộc duy tân Nhật Bản. Thế rồi tôi vào Trường thuốc ở Tiên Đài theo học được hai năm. Lúc bấy giờ đang xảy ra cuộc chiến tranh Nga- Nhật. Ngẫu nhiên tôi được thấy trên màn ảnh một người Trung Quốc làm gián điệp sắp bị đưa ra chém. Nhân đó tôi lại cảm thấy rằng đối với Trung Quốc thì trước hết phải đề xướng một cuộc tân văn nghệ đã. Tôi liền bỏ học, lại về Đông Kinh cùng với mấy người bạn bàn định một kế hoạch nho nhỏ...: nhưng rồi cứ gặp thất bại này đến thất bại khác. Tôi lại tính chuyện sang Đức. Cũng thất bại nốt. Rút cuộc, vì mẹ tôi và mấy người khác đang hy vọng tôi đỡ dần cho về mặt kinh tế, tôi liền trở về Trung Quốc. Lúc đó tôi hai mươi chín tuổi.

Về nước, tôi làm giáo viên dạy lý hóa ở Trường Sư phạm hai năm Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Năm sau, bỏ về làm Trưởng ban Giáo vụ trường Trung học Thiệu Hưng. Năm

sau nữa, lại bỏ. Không biết đi đâu nhất định xin làm công tác dịch sách cho một nhà xuất bản, cũng bị cự tuyệt. Nhưng rồi cuộc cách mạng bùng nổ. Thiệu Hưng đượcgiải phóng, tôi làm hiệu trưởng Trường Sư phạm. Chính phủ cách mạng thành lập ở Nam Kinh, Bộ Giáo dục gọi tôi đến làm một cán bộ ở Bộ, rồi tôi theo Bộ dời lên Bắc Kinh cho đến nay. Mấy năm gần đây, tôi làm giảng viên Ban văn ở các trường Đại học Bắc Kinh, Đại học Sư phạm và Nữ Đại học Sư phạm.

Lúc du học ở nước ngoài, tôi chỉ viết ít bài lăng nhăng đăng trên mấy tờ tạp chí. Tôi viết tiểu thuyết lần đầu tiên là năm 1918, vì có anh bạn Tiền Huyền Đồng khuyến khích viết để đưa đăng trên tờ *Tân thanh niên*. Lúc đó mới dùng bút danh (pen-name) Lỗ Tấn. Tôi cũng có viết một ít bài bình luận ngắn ký tên khác. Nay thu thập in thành sách, chỉ có tập truyện ngắn ***Gào thét***, còn thì vẫn tản mạn trên các tạp chí cả. Ngoài ra không kể các sách dịch, có tập ***Lược theo lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*** cũng đã được xuất bản.

1925

Ngữ ti, số 31

107. VÌ SAO TÔI LẠI VIẾT *AQ CHÍNH TRUYỆN*[*]

Trên tạp chí *Văn học chu báo* số 251, ông Tây Đế[(1)] có nói đến tập ***Gào thét*** của tôi và có phê bình riêng về bộ *AQ chính truyện* . Bài ấy làm cho tôi sực nhớ lại một vài câu chuyện nhỏ và muốn chép lại đây, trước là để viết một bài cho tòa báo, sau nữa để có ai thích đọc thì đọc chơi.

Tôi cần sao ra đây một đoạn trích ở nguyên văn của ông Tây Đế:

"Tác phẩm ấy (chỉ *AQ chính truyện)* đã được độc giả hoan nghênh như vậy, không phải là không có lý do. Tuy nhiên vẫn còn vài chỗ cần xét lại. Tức như chương cuối cùng, chương "Đại đoàn kết" chẳng hạn. Ngay lúc đầu, vừa đọc đoạn văn ấy trên tờ báo *Thần báo*, tôi đã cho là không ổn rồi. Đến bây giờ, tôi vẫn cho là không ổn. Chúng ta có cảm tưởng là tác giả đã đem thân thế AQ mà kết liễu một cách quá vội: có lẽ lúc viết đến đấy, tác giả không muốn viết nữa nên mới tùy tiện hạ ngay cho AQ một cuộc "Đại đoàn viên" để cho xong quách đi! Một người như AQ mà rút cục lại làm cách mạng, và lại chết trong một cuộc "đoàn viên lớn" như vậy,

---

[*] Bài này đăng lần đầu trên tuần báo *Bắc Tân* ngày 18 tháng 12 năm 1926.

[(1)] Bút danh của Trịnh Chân Đạc , một nhà phê bình hiện đại Trung Quốc.

có lẽ chính tác giả lúc mới cầm bút viết cũng không hề nghĩ đến. Ít nhất ta cũng nhận thấy rằng: nhân cách AQ từ đầu đến cuối không được nhất trí, hình như tác giả đã tả hai nhân vật khác hẳn nhau".

Một người như AQ có muốn làm cách mạng không? Mà nếu như làm cách mạng thì trước sau nhân cách AQ có nhất trí không! Điều đó hẳng chưa bàn đến làm gì. Riêng về chương cuối này vì sao mà thành hình, bấy giờ kể lại, câu chuyện sẽ cũng khá dài.

Tôi thường vẫn nói: văn chương của tôi không phải là thứ văn cuồn cuộn như nước chảy, mà phải vắt bóp mới ra. Nghe nói như thế, có người tưởng lầm là tôi quá khiêm tốn. Nhưng thật tình là như thế đấy. Xưa nay, tôi chả có chuyện gì gọi là thế phải nói ra mới được; mà cũng chưa hề có văn chương gì bảo là không viết ra không thể chịu nổi! Chỉ thỉnh thoảng cũng có lúc dở hơi, thành thử chỉ khổ thân mình; nghĩa là lắm lúc muốn gào thét lên mấy tiếng để cho người ta vui một tí. Hay là lấy con bò ốm để ví mình vậy. Vẫn biết bò ốm chả làm lên trò trống gì nữa, nhưng đồ đã bỏ đi mà còn đem dùng được thì cũng chẳng hại gì. Bởi vậy cho nên nhà bác Trương muốn dùng tôi cày mẫu vườn, cũng xin vâng! Nhà bác Lý muốn nhờ tôi kéo cái cối xay[1] cho một buổi, cũng xin vâng! Nhà bác Triệu muốn mượn tôi đứng trước cửa hàng để dán lên lưng tờ quảng cáo nói rằng: *"Nhà này bán sữa bò rất tốt, rất bổ"* thì dù biết thân tôi gầy gò mà lại mà bò đực làm gì có sữa, nhưng nghĩ rằng người ta cần phải khuếch trương sinh kế, tình cảnh cũng đáng thương, miễn họ không bán chất thuốc độc chết người là được rồi. Nhưng nếu

---

[1] Ở Trung Quốc, cối xay bột bằng đá phải có bò kéo.

giày vò tôi quá đối thì lại không thể được. Tôi còn phải tìm cỏ mà ăn,cần phải có thì giờ nghỉ ngơi nữa chứ! Và nếu như muốn bắt tôi làm của riêng nhà nọ, nhà kia, đem tôi đóng chặt vào trong chuồng, càng không thể được. Thỉng thoảng cũng phải để cho tôi kéo cối xay giúp hộ nhà khác một buổi nữa chứ! Còn nói đến việc đem cả xương thịt của tôi mà bán nốt thì cố nhiên lại cũng không thể được ! Vì lẽ gì tưởng không cần phải nói.Nếu như gặp phải ba trường hợp" không thể được " vừa kể trên kia thì nhất định tôi sẽ xa lánh, hoặc giả tôi sẽ dứt khoát lẩn vào tận rừng sâu, nằm ngủ ỳ cũng nên. Thế rồi do đó mà đang chỗ chân tình bỗng dưng hạ tôi xuống địa vị chó má, lấy Khang Hữu Vi mà nhát tôi,hay ví tôi với Lương khải Siêu, tôi cũng chả cần[1]. Tôi sẽ cứ đường tôi tôi đi, tìm chỗ tôi nằm, tôi nghỉ, quyết không để bị lừa nữa. Vì rằng đối với "nhân tình thế cố "tôi đã thừa hiểu rồi.

Mấy năm gần đây, tập *Gào thét đã được* nhiều người để ý, ấy là một điều mà xưa kia tôi không hề tưởng đến, nói cho đúng hơn thì cả "tưởng" mà tưởng cũng không đến. Nói hco đúng hơn thì cả "tưởng" tôi cũng chưa hề tưởng, chứ không phải có "tưởng" mà tưởng không đến. Chẳng qua hồi ấy, chiều lòng những người quen muốn tôi viết vài bài thì tôi cũng viết vài bài chơi. Một mặt nữa, hồi bấy giờ tôi cũng rảnh rang vì chả có mấy ai biết tôi là Lỗ Tấn. Bút danh của tôi cũng không phải chỉ có cái tên Lỗ tấn mà thôi, mà còn là L.S, *Thần Phi, Đường Sĩ, Mỗ Sinh giả, Tuyết Chi, Phong Thanh* và trước kia nữa thì *Tự Thụ, Sách Sĩ, Linh Phi, Tấn*

---

[1] Câu này nhắc lại ý Cao Trường Hồng, trong tờ *Cuồng viêm* của y. Có lần y khen Lỗ Tấn là một nhà tư tưởng sâu sắc, không ai bì kịp, ít lâu sau lại nói "Lỗ Tấn đã bị lật đổ như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu rồi".

Hành nữa, Lỗ Tấn là bởi chữ *Tấn Hành* mà ra . Chả là hồi đó tòa soạn tờ *Tân thanh niên* không thích cái lối các tay biên tập chỉ ký mỗi người một tên mà thôi.

Ngày nay, có kẻ nghi cho tôi là cố ý làm một ông *Cẩu thủ lĩnh* (thủ lĩnh chó) gì gì đó, kể cũng đáng thương cho sự dụng tâm của họ. Sau lúc đã do đi thám lại mấy trăm lần, chung quy họ vẫn không rõ. Riêng về phần tôi, tôi chưa hề kéo ngọn cờ lệnh thêu hai chữ *"Lỗ Tấn"* để yết kiến ai bao giờ. Thế mà về sau, vẫn có kẻ điều tra ra rằng: Lỗ Tấn chính tên thật là Chu Thụ Nhân. Trong bọn này có bốn hạng: kẻ thì vì nghiên cứu về tiểu thuyết, muốn biết tên thân thế tác giả; kẻ thì vì hiếu kỳ cố đò la cho minh bạch; cũng có bọn biết rằng tôi lâu nay hay viết đoản bình về thời sự nên đem tên thật của tôi nêu lên để hãm hại tôi[1]; sau nữa, cũng có kẻ muốn biết cho đích xác để phòng khi có cần dùng đến tôi chăng; vì vậy họ quyết xoi mói cho ra.

Hồi ấy tôi trọ ở mé Tây thành phố. Biết được Lỗ Tấn là tôi thì cũng chỉ có vài anh em trong nhóm *Tân thanh niên* và *Tân trào* mà thôi, trong đó có anh Tôn Phục Viên. Lúc bấy giờ, anh còn làm chủ bút tờ *Thần báo.* Chẳng biết trong tòa soạn ai là người có sáng kiến mở thêm mỗi tuần một mục mới gọi là *Mục vui.* Anh có lại tìm tôi, yêu cầu tôi viết ít bài về mục ấy.

Hình ảnh AQ đã ám ảnh tâm hồn tôi trong mấy năm trời, nhưng trước đó tôi chưa hề nghĩ đến sự đem ra viết thành một bộ tiểu thuyết. Nghe lời anh Tôn Phục Viên, tôi

---

[1] Ám chỉ Cao Trường Hồng và Trần Tây Oánh. Tây Oánh trong bức thư gửi cho Từ chí Ma phát giác: "Lỗ Tấn tức là Chu Thụ Nhân, thiếm sự ở Bộ giáo dục".

mới sực nhớ ra. Ngay tối hôm ấy, tôi viết bài, tức là bài Tựa ở chương đầu. Vì muốn thực hiện ý nghĩa *Mục vui* cho nên tôi cũng xen táp nham vào vài câu ba lơn mà giờ đây xét lại thì thấy cũng chẳng cần thiết gì với nội dung truyện cho lắm. Tôi ký tên là Ba Nhân lấy ở chữ *Hạ lý ba nhân*[1] chả có gì là thanh cao, tao nhã cả. Nào ngờ cái tên ký ấy đã gây nên những nỗi oan khiên mà trong mấy năm trời tôi không hề biết. Mãi đến năm nay, nhân đọc một đoạn trong mục *Nói chơi* trên tập *Hiện đại bình luận* của Hàm Lô (tức Cao Nhất Hàm) mới rõ. Đại khái thế này:

"... Tôi (Cao Nhất Hàm) còn nhớ rằng lúc tập *AQ chính truyện* đang cứ từng đoạn, từng đoạn lục tục in ra, thì có nhiều người ra vẻ sợ hãi lắm. Họ những lo rằng có một ngày kia, đến lượt họ sẽ bị thóa mạ. Lại có một ông bạn của tôi nói trước mặt tôi rằng: trong câu truyện *AQ* đăng hôm qua có một đoạn có tỏ là công kích ông ta. Rồi ông ta đoán ngay rằng tác giả chính là "người nọ", chả là chỉ có "người nọ" mới biết được câu chuyện riêng ấy. Thế là từ đó ông ta nghi ngờ lung tung: bao nhiêu chuyện đem ra chửi trong *AQ chính truyện* đều là "chuyện riêng" của ông ta cả, và phàm những người có đi lại giao thiệp với tòa soạn tờ báo đã đăng *AQ chính truyện* đều bị tình nghi tác giả *AQ chính truyện* hết. Mãi đến lúc ông ta dò ra tên thật tác giả, ông ta mới biết rằng té ra người đó với ông ta xưa nay chưa hề quen biết nhau. Lúc ấy, ông ta mới giật nẩy mình ra, và gặp ai là ông ta tuyên bố: "Bộ *AQ chính truyện* viết ra không phải có ý công kích ông ta đâu" (*Hiện đại bình luận* số 89, tập thứ IV)

Thật tôi đã đắc tội với "người nọ". Chỉ vì tôi mà ông

---

[1] *Hạ lý ba nhân*: tên một khúc hát dân gian.

này phải đội cái án tình nghi bấy nhiêu tháng trời. Tiếc rằng tôi không biết "người nọ" ấy là ai ? Có lẽ là người Tứ Xuyên chăng ? Chả là hai chữ Ba Nhân rất có thể làm cho người ta nghĩ đến đất Ba Thục (Tứ Xuyên) mà ! Mãi đến hồi *AQ chính truyện* đã in vào tập *Gào thét*, vẫn còn nhiều người hỏi tôi: "Nói thật đi, trong bộ sách ấy anh định chửi người nào đấy?". Nghe câu hỏi đó, tôi chỉ có thể tức tối và khổ tâm, vì tôi không thể làm thế nào để cho người ta thấy rằng mình không phải đến nỗi hèn mạt đến thế.

Chương thứ nhất cuốn truyện lên khuôn là tôi đã bắt đầu thấy khổ. Cứ bảy ngày là phải viết một chương. Hồi ấy tôi cũng không có việc gì bận rộn, nhưng thân tôi còn là thân lưu lạc. Tôi phải ngủ trong một cái phòng làm đường ra vào cho cả tòa nhà; căn phòng chỉ có một cái cửa sổ ra phía sau, muốn tìm cho được một chỗ ngồi để mà viết bài cũng không có, nói gì đến việc được lặng lẽ để nghĩ ngợi một lúc. Anh Phục Viên hồi ấy, tuy chưa béo tốt, mập mập như ngày nay, nhưng đã tập được cách cười hì hì rất khéo để thúc bài rồi. Cứ mỗi một tuần, anh anh lại đến một lần; hễ gặp mặt là: "Ông bạn! *AQ chính truyện* đâu?... Ngày mai lên khuôn đấy!". Thế là tôi lại cúi đầu viết; tay viết, bụng nghĩ: tục ngữ nói: "ăn mày sợ chó, thầy khóa sợ kỳ thi", mình không phải là thầy khóa mà cứ đến kỳ là phải nộp bài, rõ mệt!... Ấy thế mà cuối cùng vẫn cứ tương ra được một chương. Nhưng dần dần câu chuyện trở lên nghiêm trang. Anh Phục Viên hình như cũng thấy rằng: chuyện chả "vui" tí nào cả, cho nên từ chương hai trở đi, anh ta cho vào ngay mục *Tân văn nghệ* cuối tờ báo.

Rồi cứ như vậy, tuần này sang tuần khác, cứ kéo ra, và

không thể không đề khởi vấn đề AQ cũng chả bao giờ làm cách mạng, nhưng nếu Trung Quốc làm cách mạng thì thế nào AQ cũng sẽ làm. Sứ mạng chủ AQ của tôi nhất định là phải thế, và nghĩ lại cũng chả có thể vì thế mà nhân cách AQ thành ra không nhất trí. Năm thứ nhất niên hiệu Dân Quốc qua đã từ lâu rồi, không còn dấu vết gì nữa. Nhưng sau này, nếu còn cách mạng thì tôi chắc chắn rằng vẫn còn những tay "cách mạng " giống như AQ. Tôi rất mong mỏi như lời người ta nói, câu chuyện tôi ghi chép trong tập sách này chỉ là "câu chuyện đã qua hoặc là câu chuyện của một thời kỳ nhất định". Nhưng lại vẫn e rằng: những "điều trông thấy" đó không phải là tiền thân mà chính là hậu thân của hiện đại, hoặc giả đó là những sự thực nó còn là những sự thực của Trung Quốc hai ba mươi năm sau này, cũng chưa biết chừng! Kỳ thực AQ có đem đoạn đũa mà giốc ngược cái đuôi sam của y lên nữa thì cũng không thể cho là đã làm cách mạng được. Mười lăm năm về sau, ông Trương Hồng[1] "bước chân vào giới xuất bản" biết đâu cũng thành một tay Sevirep (Shevirev)[2] Trung Quốc!

AQ chính truyện ra đời đã ngót hai tháng, tôi có ý kết thúc câu chuyện cho xong đi. Ngày nay tôi cũng không còn nhớ rõ nữa, hình như anh Phục Viên không tán thành sự kết thúc vội vã ấy, hay là tôi sợ anh Phục Viên phản đối, cho nên

---

[1] *Trương Hồng*: tức Cao Trường Hồng, một nhà văn đã được Lỗ Tấn giúp đỡ rất nhiều nhưng sau giở mặt, thù và viết văn nói xấu Lỗ Tấn.

[2] Tên một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết Nga (tác giả M.Arizibashev). Cao Trường Hồng có lần tự ví mình là Shevirev. Shevirev là một công nhân. Đại ý câu văn trên này nói: một người bấy giờ ngớ ngẩn như AQ mà ngày sau có tinh thần khác hẳn cũng nên, vì một nhà văn như Cao Trường Hồng mai kia cũng có thể làm một người công nhân hoạt động, cũng chưa biết chừng.

tôi giấu kín câu chuyện "đại đoàn viên" ở trong lòng. Mặc dù vậy, chú AQ cũng dần dần đi vào con đường chết. Lúc viết đến chương cuối cùng, nói thật, nếu anh Phục Viên có ở bên mình tôi thì có lẽ anh ta cũng át đi và yêu cầu để cho chú AQ sống thêm vài tuần lễ nữa chàng. Nhưng "dịp đâu may mắn lạ thường", vừa lúc anh ta có việc phải về quê, tên "bếp mới" tòa soạn là ông Hà Tác Lâm làm thay công việc của anh ta. Đối với chú AQ, lâu nay ông Lâm không yêu, không ghét gì . Tôi liền đem ngay chương "Đại đoàn viên" ra. Ông ta đăng ngay. Đến khi anh PhụcViên trở về thì chú AQ đã bị bắn chết ngót một tháng trời rồi! Thế là anh Phục Viên dù có khéo thúc bài đến đâu, dù có cười hì hì thế nào cũng không có thể lại cứ "Anh! *AQ chính truyện*?" nữa. Thế là từ nay, tôi cũng đã kết thúc xong được một việc để làm một việc khác. Chả biết định làm việc gì, nay không còn nhớ ra nữa. Có lẽ chẳng qua cũng lại một công việc na ná như vậy mà thôi.

Sự thực thì tấn tuồng "Đại đoàn viên" cũng không phải là một cách kết thúc mà tôi đã "tùy tiện" gán cho AQ. Còn như lúc đầu mới viết truyện, tôi có nghĩ đến kết cục ấy hay không thì cũng thật khó có thể nói cho rõ. Mơ màng nhớ lại: có lẽ không hề nghĩ đến sự đó có nên. Nhưng biết thế nào? Ai là người có thể đoán được cuộc "đại đoàn viên" của tôi đây, chính tôi cũng trả biết được nữa là! Rồi đây chung quy tôi là một nhà "học giả" ư? một "nhà giáo" ư? một nhà "học phiệt" hay là một tên "trí thức côn đồ" ư? là " cụ lớn" ư? hay là làm một anh "thừa lại"? hay là một "tay thế lực trong giới tư tưởng"? hay là một nhà học giả tiên phong? hay là một "tay lão luyện trong thế cố nhân tình"? hay là một "nghệ sĩ"? hay là một "chiến sĩ"? hay cũng chỉ là một anh mặt dạn mày

dày như Á Lạp Tích Phu[1] mà thôi ư? ư? ư? ư? ư? .

Lẽ cố nhiên, AQ còn có thể có nhiều kết cục khác, chẳng qua tôi biết mà thôi.

Trước kia, tôi vẫn nghĩ rằng: có nhiều chỗ tôi viết "có khí quá". Nhưng gần đây lại không nghĩ như thế nữa. Hiện nay, ở Trung Quốc nhà ta có nhiều việc, nếu như đem mà tả chân ra thì người ngoại quốc hay người nước ta sau này nhìn vào cũng phải cho là grotesk[2]. Thường có lúc tôi tưởng tượng ra một việc rất quái gở và tự nghĩ rằng quái gở đến thế là cùng! Thế mà thỉnh thoảng lại thấy những việc quái gở bằng mấy việc mình đã tưởng tượng nữa. Thì ra trước lúc việ đó phát sinh, trí thức thô thiển của tôi không liệu đoán trước được.

Cách đây chừng độ hơn một tháng, ở đây có bắn một tên cướp. Hai chú lính ăn bận đồ ngắn, tay cầm súng ngắn, mỗi chú bắn bảy phát vào tên tội phạm. Chả biết bắn mà không chết, hay chết rồi mà vẫn cứ bắn, lên mới bắn nhiều như vậy. Lúc ấy, tôi chạnh lòng thương xót nói với bọn học sinh thanh niên của tôi rằng: "xưa kia, lúc Dân Quốc vừa thành lập, dùng súng bắn người đầu tiên thì như thế cũng là sự thường. Nhưng ngày nay Dân Quốc đã thành lập hơn mười năm trời rồi, đáng lẽ ra phải tiến bộ hơn một tí chứ? Hà tất làm cho kẻ chết phải chịu đau đớn đến thế! Ở Bắc Kinh thì không như vậy. Lúc kẻ tử tù còn chưa tới pháp trường thì viên đội phụ trách hành hình đã cho một phát đạn vào ngay hậu não kết liễu đời y mà chính y vẫn còn chưa biết kia! Vậy

---

[1] Phải chăng là tên dịch theo lối phiên âm của một nhân vật trích ở một tác phẩm văn học Nga gần đây?
[2] Viết bằng tiếng Anh trong nguyên văn, nghĩa là *cổ quái*.

nên, Bắc Kinh vẫn là chỗ "đô thành nhân đức". Đến cả việc xử tử ở đây so sánh với các tỉnh khác vẫn còn tử tế hơn nhiều".

Nhưng, mới đây tôi vừa đọc tờ *Thế giới nhật báo* Bắc Kinh, ra ngày hai ba tháng mười một thì lại thấy rằng lời tôi nói với học sinh của tôi trên đây không đúng. Trên trang thứ sáu tờ báo ấy, có câu chuyện thời sự đề là "Đỗ Tử Thuyên đã bị chém!". Tất cả có năm đoạn. Tôi tóm tắt lại như sau:

Đỗ Tử Thuyên bị chém, đồng đảng với nó bị bắn.

"Lúc đầu, theo lời yêu cầu của quân lính, Bộ Tư lệnh cảnh binh định đem bọn tội nhân chém rồi bêu đầu. Cho nên khi bọn Đỗ chưa tới pháp trường thì người ta đã chuẩn bị sẵn một cây đại đao dùng cắt cổ. Đao hình dài, cán bằng gỗ. Khớp giữa có một lưỡi sắc, mé dưới có một cái lỗ, xuyên qua cái lỗ ấy, có một cái chốt đẩy lên đẩy xuống được. Khi bọn Đỗ Tử Thuyên tất cả bốn người, đã vào trường chém, thì lính áp giải dìu chúng đến dưới máy chém và bảo chúng quay mặt về hướng bắc, đứng trước bấy nhiêu đồ hành hình đã sắp đặt sẵn... Đỗ không chịu quì. Một viên đội tuần tra nói Đỗ có cần người giữ tay hay không. Đỗ cười, không trả lời. Thế là Đỗ bước tới trước con đao, ghé cổ vào lưỡi đao, ngửa mặt lên trời chịu chết. Chú lính hành hình sẽ đưa lưỡi đao lên. Đến lúc Đỗ đã gối đầu vào chỗ vừa phải, thì chú lính nhắm mắt, chặt xuống một nhát thật mạnh. Tức thì Đỗ đã đầu một đường, thân một nẻo, máu chảy lai láng. Bọn đồng đảng của y là Tống Chấn Sơn cùng hai người khác, lúc ấy quì bên cạnh chờ hắn, liếc mắt nhìn ngang qua. Có tên Triệu Chấn, cứ run cầm cập. Sau đó, viên đội cầm súng trường đứng sau lưng, bắn ngay. Bắn Tống Chấn Sơn trước, rồi đến Lý Hữu Tam,

Triệu Chấn, mỗi người một phát... Hai người con ông Trình Bộ Trì, là Trung Trí và Trung Tín, đứng xem đều khóc rưng rức. Sau khi tội phạm đã bị chém, hai cậu hét to: "Cha mẹ ơi! Thù cha thế là đã trả rồi! Chúng con biết làm sao nữa?". Bấy nhiêu tiếng khóc làm cho người nghe buồn đứt ruột. Sau đó người nhà dìu hai cậu về.

Bây giờ nếu như có một nhà văn thiên tài thật tình cảm thấy được tiếng đập của con tim thời đại ngày nay, đem câu chuyện xử tử hôm 23 tháng mười một vừa qua viết thành tiểu thuyết thì tôi nghĩ nhiều độc giả nhất định sẽ ngờ rằng: có lẽ chuyện đâu thời Bao Long Đồ[1] thế kỷ XI, cách chúng ta ngày nay những chín trăm năm.

Thật rõ khéo!...

Còn như các bản dịch *AQ chính truyện*, thì tôi mới thấy được hai bản. Bản dịch tiếng Pháp đăng ở tạp chí *Europe* kỳ tháng Tám, và cũng chỉ mới được một phần ba, thấy có bỏ đi nhiều chỗ. Bản Anh văn, hình như dịch đúng hơn. Nhưng tôi không hiểu tiếng Anh lắm, nên không có ý kiến. Tuy vậy, tình cờ cũng nhận ra mấy chỗ cần bàn lại. Một là câu "*tam bách đại tiền cửu nhị quán*" nên hiểu là: *ba trăm đồng tiền to, chín mươi hai đồng ăn một quan;* hai là "*thị du đảng*" nên dịch âm thì hơn[2]. Chả là chữ "Tự do đảng" người nhà quê không biết nghĩa là gì nên mới hiểu lầm ra là "Thị du đảng" - đảng ép dầu hạt thị.

Viết tại Hạ Môn ngày 3 tháng 12 năm 1926

(Tập ***Hoa cái*** tiếp theo)

---

[1] *Bao Long Đồ*: Tức Bao Chứng (999- 1062), là người đời Tống. Có nhiều truyền thuyết về ông ta. Trong cuốn *Tam hiệp ngũ nghĩa* có chuyện ông ta lấy liềm cắt cổ, cắt đầu người.

[2] Người Trung Quốc đọc "Thị du đảng" và "Tự do đảng" gần như nhau.

108. VỀ TẬP BÀNG HOÀNG*

Triêu phát nhận ư Thương Ngô hề.

Tịch dư chi hồ Huyền Phố;

Dục thiều lưu thứ linh tỏa hề.

Nhật hốt hốt kỳ tương mộ.

---

* Khi làm cuốn ***Bàng Hoàng***, Lỗ Tấn, khác với lệ thường không viết lời tựa mà trích dẫn hai khổ thơ trong *Ly tao* của Khuất Nguyên như một *đề từ* nói giùm tâm sự của ông sau lúc nhóm *Tân thanh niên* tan rã: "có kẻ thăng quan, có kẻ lùi về ở ẩn, có kẻ cứ tiến bước. Một lần nữa, tôi lại thấy các đồng bạn của mình trong cùng một mặt trận có thể biến hóa đến như thế. Còn tôi thì chỉ còn lại cái danh hiệu là "nhà văn" lủi thủi một mình trong cõi sa mạc, không làm sao thoát khỏi cái việc làm văn chương dễ dãng trên các báo hết sức tản mạn, gọi là "tùy tiện nói chơi"...Có những tài liệu khá đầy đủ, thì viết thành truyện ngắn. Chỉ vì mình đã trở thành một dũng sĩ lưu lãng (du dũng), không bố trí thành mặt trận được, cho nên kỹ thuật tuy có khá hơn trước một ít, nhưng cách suy nghĩ tựa hồ như không được câu thúc bằng, thành ra ý chí chiến đấu phải nguội lạnh đi rất nhiều. Tìm đâu được những người bạn chiến đấu mới? Tôi nghĩ: đó là một điều không hay. Thế rồi, tôi đem thu thập mười một thiên truyện ngắn sáng tác trong thời kỳ này và in thành sách gọi là *Bàng hoàng* và truyện sau này sẽ không như thế nữa" (Trích bài *Tựa viết lấy* trong *Tự tuyển tập*).

Về tên sách, ông lấy nguyên chữ trong bài thơ ông làm năm 1923, nói về thời kỳ này:

Tịch mịch tân văn uyển
Bình yên cựu chiến trường
Lưỡng gian dư nhất tốt
Hà kích độc bàng hoàng.

(Vườn văn mới giờ đây vắng vẻ, Chiến trường xưa trở nên yên lặng. Giữa hai trận địa, còn lại một chiến sĩ vác kích đi đi lại lại một mình).

Tiếng Trung Quốc, từ *bàng hoàng* có hai nghĩa: 1- đi đi lại lại (nghĩa đen), 2- do dự tâm thần không ổn định (nghĩa bóng). Tiếng Việt chỉ dùng nghĩa thứ hai. Không biết thật rõ Lỗ Tấn dùng theo nghĩa nào, hay dùng cả hai nghĩa, khi dịch tôi thiên về nghĩa thứ hai - (N.D).

Ngô linh Hy Hòa nhị tiết hề

Vọng Am Tư nhi vật bách:

Lộ am am kỳ tu viễn hề

Ngộ tương thướng há nhi cầu sách

KHUẤT NGUYÊN ***(Ly tao)***

Sớm Thương Ngô chiều qua Huyền phố

Đền thần linh xa ngó cửa ngoài.

Chốn này muốn tạm nghỉ ngơi.

Chiều hôm bảng lảng mặt trời xuống nhanh.

Hi Hòa hỡi! Nể tình ta với,

Lối non đoài chớ vội xông pha,

Quản bao nước thẳm non xa,

Để ta tìm kiếm cho ra bạn lòng.

NHƯỢNG TỐNG *dịch*

109. LỜI NÓI ĐẦU

(cho tập *Chuyện cũ viết lại*)

Tập sách bé nhỏ này, từ khi bắt đầu viết cho đến khi hoàn thành, cũng mất một thời gian có thể nói là khá dài, mười ba năm chẵn.

Truyện thứ nhất *Vá trời* - nguyên trước đề là *Bất Chu sơn* - viết xong từ mùa đông năm 1922. Ý định lúc bấy giờ là lấy đề tài ở các thời đại cổ cũng như kim, mà viết thành truyện ngắn. *Bất Chu sơn*, rút ở thần thoại *Nữ Oa luyện đá vá trời*, là truyện viết thử đầu tiên. Lúc mới cầm bút, định viết cho thật nghiêm trang, mặc dù chẳng qua cũng chỉ là dùng thuyết Frơt (Freud)[1] để giải thích nguyên nhân của sự sáng tạo -sáng tạo người và sáng tạo văn học mà thôi.

Nhưng rồi, không nhớ rõ vì lý do gì, nữa chừng lại dừng bút, xem báo. Chẳng may đọc phải bài của người nào - hiện quên mất tên - phê bình tập thơ *Gió huệ* của anh Uông

---

[1] *S. Feud* (1856-1939): nhà chuyên môn về bệnh thần kinh, người nước Áo, sáng lập học thuyết phân tích tinh thần (psychanalyse). Học thuyết ấy cho rằng phàm những hiện tượng tinh thần, như văn học, nghệ thuật, triết học, tôn giáo đều do "nhục dục" (libido) bị kiềm chế, rồi ấn náu trong tiềm thức mà sinh ra. Nếu chú ý Lỗ Tấn không hề chịu ảnh hưởng sâu sắc của thuyết Freud, trái lại có một thái độ hoài nghi. Ông đã từng viết một bài phê phán học thuyết đó trong tập *Nam xoang bắc điệu*: "Nghe nói về mộng" (Thính thuyết mộng).

Tĩnh Chi, nói rằng: phải khóc mà van xin các ông thanh niên đừng viết cái thứ văn chương ấy nữa[1]. Cái ác ý tội nghiệp đó của nhà phê bình làm cho tôi phì cười, nên khi tiếp tục, tôi không thể nào không cho một đấng trượng phu tí hon, mặc áo, đội mũ trời mưa, xuất hiện giữa cặp đùi của Nữ Oa được. Thế là, đang nghiêm trang, bắt đầu rơi vào chỗ đùa bỡn. Đùa bỡn là kẻ thù của sáng tác, vì thế, tôi không bằng lòng với tôi chút nào cả.

Tôi quyết không bao giờ viết lại truyện như thế nữa, nên khi xuất bản tập ***Gào thét*** (Nạp hám), tôi cho in vào cuối, coi như truyện đầu tiên và cũng là truyện cuối cùng về loại ấy.

Lúc bấy giờ, nhà phê bình Thành Phương Ngô của chúng ta đang múa ngọn rìu của ông dưới lá cờ "những cuộc ngao du của linh hồn" trước cửa nhà *Sáng tạo xã*. Ông ta qui cho tập *Gào thét* cái tội "dung tục", rồi giáng cho mấy nhát chết tươi. Ông ta chỉ khen truyện *Bất Chu Sơn* là giai tác. Tất nhiên còn có chỗ ông ta vẫn cho là hỏng[2]. Xin nói thật, đó

---

[1] Chỉ bài của Hồ Mộng Hoa phê bình tập thơ *Huệ đích phong* của Uông Tĩnh Chi. Trong tập tạp văn *Nhiệt phong*, Lỗ Tấn có nhắc đến chuyện này.

[2] *Thành Phương Ngô:* một phần tử trung kiên của nhóm *Sáng tạo xã* thời Ngũ Tứ, và là một nhà phê bình có tiếng thời bấy giờ. Sau phong trào Ngũ Tạp 1925, ông bắt đầu có khuynh hướng cách mạng, tư tưởng nghệ thuật cũng chuyển biến, cho nên khoảng 1927 - 1928 đã cùng ông Quách Mạt Nhược phát động phong trào "Văn học cách mạng". Lúc Lỗ Tấn xuất bản cuốn *Gào thét* Thành Phương Ngô có viết bài phê bình, chê những truyện *Nhật ký của người điên Khổng Ất Kỷ, Thuốc, Ngày mai, AQ chính truyện v.v...* là "Tự nhiên chủ nghĩa", là "hời hợt", "dung tục", ông khen truyện *Bất Chu sơn* là "kiệt tác", "mặc dù có chỗ chưa làm cho người ta thỏa mãn lắm".

là nguyên nhân vì sao không những tôi không phục, mà còn xem thường viên dũng sĩ đó. Tôi vốn không khinh "dung tục", mà lại thích "dung tục" là khác. viết tiểu thuyết lịch sử, tôi vẫn cho rằng phải tham khảo các tài liệu, nói phải cho có chứng cớ. Dù có ai cười như thế sẽ thành "tiểu thuyết của nhà giáo", thì cũng phải nhận loại sáng tác đó rất khó kết cấu. Còn như chỉ lấy một điểm nhân do nào đó, tùy tiện điểm tô, dàn cho thành truyện, thì chẳng cần tài nghệ gì mấy. Huống chim "như cá uống nước, ấm lạnh như thế nào nó khắc biết", hay nói một cách thông thường, "mình có bệnh thì tự mình, mình biết ngay", nửa sau truyện *Bất Chu Sơn* viết sơn viết sơ lược quá, quyết không thể cho là một giai tác được. Giả thử người đọc tin lời nhà "ngao du" kia, thì nhất định sẽ nhầm, mà tôi thì sẽ thành kẻ làm cho người khác nhầm. Vì thế, khi *Gào thét* in lần thứ hai, tôi cắt truyện ấy đi. Tập truyện của tôi chỉ còn lại toàn những cái "dung tục" nữa mà thôi. Đó cũng là một gậy tặng lại vị "linh hồn" kia và giữa đỉnh đầu!

Cho đến mùa thu 1926, tôi một mình sống trong ngôi nhà xây đá ở Hạ Môn, nhìn ra biển cả, đờ chồng sách cổ, xung quanh không có sự sự sống của con người, trong lòng hết sức trống trải. Nhưng *Vị danh xã* ở Bắc Kinh thì lại cứ gửi thư đến liên tiếp, thúc viết bài cho tạp chí. Lúc bấy giờ, tôi không muốn nghĩ đến chuyện trước mắt, vì thế mà hồi ức lại thời dĩ vãng, viết mười thiên ***Nhật cảnh hoa tàn*** (Triêu hoa tịch thập), và lượm lặt truyền thuyết đời xưa, chuẩn bị

"Những cuộc ngao du của linh hồn" chỉ là văn phê bình. Đó là chữ Thành Phương Ngô dùng trong bài phê bình nói trên. (Theo câu của nhà văn Pháp Anatole France. "Phê bình văn nghệ là để linh hồn ngao du trong các tác phẩm").

viết thành tám truyện trong tập *Chuyện cũ viết lại* này. Vừa viết song *Lên trăng* và *Luyện kiếm - Luyện kiếm* khi mới đăng báo lấy tên là *My Gian Xích* - , tôi phải chạy về Quảng Châu. Thế là lại đành phải gác lại. Về sau, tuy thỉnh thoảng gặp một ít đề tài thì cũng viết một bài "tốc tả" (ghi vội) chứ không hề chỉnh lý lại.

Đến nay, cũng cho là đã góp được một tập. Trong này, những bài "tốc tả" chiếm phần lớn, nên chưa xứng cái tên tiểu thuyết, như các sách "Văn học khái luận" thường định nghĩa. Kể chuyện, có khi cũng căn cứ vào sách cũ, có khi lại chẳng qua tùy tiện gặp đâu nói đấy mà thôi. Vả lại, đối với người xưa, tôi không được thành kính như đối với người nay, cho nên, có khi không tránh khỏi đùa bỡn một tí. Sau mười ba năm, tôi vẫn không lấy gì làm tiến bộ cho lắm. Nhìn lại, quả thật "chẳng có truyện nào không phải là loại *Bất Chu sơn*" cả. Có điều, viết về người xưa mà không đến nỗi làm cho họ chết hơn, nên có lẽ tạm thời những truyện này còn có lý do tồn tại chăng.

Ngày 26 tháng 12 năm 1935

LỖ TẤN

110. TỰA

(tập *Nấm mồ*)

Nguyên do vì sao mà đem những bài thể thức khác hẳn nhau như thế này tập hợp lại thanh một bản giống như là sách, nói ra chẳng lấy gì làm oai nghiêm đường hoàng cho lắm. Trước hết bởi vì tình cờ trông thấy mấy thiên cũng gọi là văn chương đi, viết cách đây gần hai mươi năm về trước. "Mình viết ra đấy ư?" - tôi nghĩ bụng. Xem thì thấy tựa hồ như mình viết thật. Đó là những bài gửi cho tờ *Hà Nam*[1]. Vì ông chủ bút ấy có cái tính rất kỳ quặc, văn phải cho dài, càng dài, tiền nhuận bút càng nhiều, cho nên những bài như

---

[1] *Hà Nam* : một tờ tạp chí xuất bản hàng tháng ở Đông Kinh, Nhật Bản, một trong những tờ báo tuyên truyền cách mạng chống Mãn Thanh của lưu học sinh Trung Quốc đương thời. Số đầu ra vào tháng 12 năm 1907. Hồi đó lưu học sinh Trung Quốc có hàng nghìn người, họ xuất bản hơn mười tờ tạp chí khác nhau, do Hội đồng hương mỗi tỉnh hay mỗi người cũng tỉnh đứng ra chủ trương, nội dung thiên về các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa của tỉnh mình, đồng thời tuyên truyền phổ biến khoa học. Có những tờ như *Chiết Giang, triều Giang Tô, Hán Thành, Động Đình Ba, Vân Nam, Tứ Xuyên*...
Những bài Lỗ Tấn viết thời đó và có trong tập *Nấm mồ* như bài *Lịch sử loài người, Bàn về sức mạnh dòng thơ Mara*, vì viết bằng cổ văn, và lại dài quá, nên chúng tôi không dịch.

Bàn về sức mạnh dòng thơ Mara[1] quả thật còn sống sượng. Nếu là mấy năm nay, có lẽ không đến nỗi như thế. Tôi lại còn thích viết những câu lạ và dùng chữ cổ, đó là chịu ảnh hưởng của tờ *Dân báo*[2] đương thời. Nay để tiện việc in, có sửa chữa lại một ít, còn thì cứ để mặc như vậy. Những cái chưa trơn tru lưu loát đó, giá của người khác, có lẽ tôi đã khuyên "dằn lòng mà cất đi" rồi, nhưng là của mình, nên cứ muốn giữ lại; có điều cũng không phải vì "năm mươi tuổi đã biết được cái sai năm bốn chín"[3], càng về già càng tiến bộ đâu! Những nhà thơ nói trong đó ngày nay không ai nhắc đến nữa, cũng là một nguyên nhân nhỏ khiến tôi không nỡ bỏ cái bài cũ kỹ ấy. Tên tuổi họ trước đây đã làm cho tôi phấn chấn biết bao nhiêu! Sau khi Dân Quốc thành lập, tôi quên họ đi; không ngờ bây giờ đây, thường thường họ lại cứ hiện lên

---

[1] Bài thơ Lỗ Tấn viết nhằm mục đích giới thiệu các nhà thơ lãng mạn như Bairơn (George Gordon Byron 1788- 1824, người Anh), Seli (Shelley 1792-1822, người Anh), Puskin (Pouchkine 1799-1837, người Nga), Lecmôntôp (Lermontov 1814-1841, người Nga), Mickêvich (Mickiewiez 1798-1855), Slôvaski (Slowacki 1809-1849), Krasinski (Krasinski 1812-1859, người Ba Lan), Pêtôfi (Petofi 1809-1849, người Hungari)...

Mara, tiếng nhà Phật nghĩa là ma quỷ, người Pháp gọi là Santan. Byron ở Anh bị bọn cầm quyền gọi là nhà thơ phái Santan. Lỗ Tấn gọi chung những nhà thơ có ý phản kháng lại chế độ đen tối là thuộc "dòng thơ Mara".

[2] *Dân báo*: cơ quan ngôn luận của Đông minh hội. Năm 1905, Hưng Trung hội của Tôn Trung Sơn, Hoa Hưng hội của Hoàng Hưng và Quang Phục hội của Thái Nguyên Bồi liên hiệp lại tổ chức thành Đông Minh hội ở Đông Kinh, Nhật Bản. *Dân báo* xuất bản vào hồi đó do Chương Thái Viêm, một nhà học giả có tiếng và một nhà lý luận kiệt xuất của phong trào cách mạng chống Mãn Thanh. Ông ta hay dùng những chữ lạ và chữ cổ. Hồi đó, Lỗ Tấn chịu ảnh hưởng của Chương Thái Viêm rất nhiều.

[3] Lời chú của Chu Hi ở thiên *Hiến vấn*, sách *Luận ngữ*. Chu Hi nhắc lại lời khen Bá Ngọc.

trước mắt tôi.

Thứ nữa, tất nhiên bởi vì còn có người muốn xem, nhưng đặc biệt bởi vì lại có người ghét văn chương tôi nói mà nói đến nỗi cho người ta phát ghét, cũng còn sướng hơn để cho người ta cứ làm thinh. Trong thiên hạ biết bao nhiêu người chưa được thoải mái. Không thể dễ dàng như thế được! Cũng phải phơi bày ra trước mắt họ một cái gì đáng ghét, làm cho họ có lúc phải thấy không thoải mái một chút, và biết rằng té ra thế giới của mình cũng không dễ gì mỹ mãn được cả mười phần. Con ruồi con nhặng bay vo ve. Có lúc tôi cũng cảm thấy tôi đáng ghét. Tức như tôi chừa rượu, uống dầu cá, mong kéo dài sinh mệnh của tôi ra, thì không phải hoàn toàn vì vợ tôi, mà phần lớn, rất lớn, là vì kẻ thù của tôi - để giữ thể diện cho họ một chút, cứ cho là kẻ thù đi-, vì muốn để lại cái thế giới tốt đẹp của họ thật nhiều thiếu sót. Bọn "quân tử"[1] nói: "Sao anh không chửi bọn quân phiệt giết người không chớp mắt kia ? Như thế cũng còn hèn nhát"[2]. Nhưng tôi lại không mắc lừa những thủ đoạn đó, dụ dỗ người ta vào tròng mà giết. Mộc bì đạo nhân nói rất đúng:

---

[1] Bọn "quân tử " cũng như "chính nhân quân tử" ở dưới là chỉ bọn Trần Tây Oánh, Từ Chí Ma, Hồ Thích , phái *Hiện đại bình luận*. Đó là một tạp chí phản động xuất bản năm 1924 ở Bắc Kinh. Hồ thích không tham gia viết bài, nhưng có vai trò quan trọng đối với tạp chí. Tạp chí ấy còn ra cho đến năm 1928, và lúc đó làm tay sai cho Tưởng Giới Thạch. Trong những năm 1925-1926, Lỗ Tấn không ngừng đấu tranh với những tên phản động đó. Những bài tạp văn này của ông sau thu tập lại trong ***Hoa cái tập*** và ***Hoa cái tập tục biên.***

Danh từ "chính nhân quân tử" là do bọn chúng đặt ra để tâng bốc nhau. Quá trình phát triển tư tưởng của Hồ Thích rất phức tạp và việc đánh giá những đóng góp cũng như những sai lầm của ông cũng vậy.

[2] Câu này là câu phái *Hiện đại bình luận* nói Lỗ Tấn sợ mất đầu, nên không dám chửi bọn thống trị mà lại đi chửi những nhà văn tay không như họ. Chữ "giai cấp không súng" ở đoạn sau cũng là chữ của bọn họ.

"Mấy năm liền ngọn dao mềm cứ cứa vào cổ mà không biết chết"[1]. Cho nên tôi chỉ muốn vạch mặt những kẻ tự xưng là "giai cấp không súng" mà kỳ thực là những con yêu quái đang cầm "ngọn dao mềm trong tay. Thí dụ lời bọn quân tử nói mà tôi vừa dẫn trên cũng là một ngọn dao mềm đó. Giả thử anh viết một bài văn rồi mang tai họa, anh tưởng họ sẽ tôn anh là liệt sĩ đấy ư? Không đâu. Lúc bấy giờ họ lại còn nói mát cho vài ba câu nữa. Không tin, cứ xem họ bình luận về những thanh niên chết trong vụ thảm sát ngày 18 tháng 3 như thế nào thì biết[2].

Ngoài ra, đối với tôi, còn có một ý nghĩa nho nhỏ nữa. đây cũng có thể cho là dấu vết một phần cuộc đời của tôi. Cho nên, tuy biết rõ những ngày đã qua là qua hẳn, không thể nào chạy đuổi theo thần hồn được, nhưng cũng không thể đành đoạn như vậy. Tôi còn muốn thu góp những cái cặn bã lại, đắp một nấm mồ mới, con con, một là để chôn đi, hai là cũng để lưu luyến. Còn như rồi đây không bao lâu nữa, nấm mồ kia sẽ bị san thành bình địa thì điều đó không hơi đâu mà lo và cũng không sao lo được.

Tôi hết sức cám ơn mấy người bạn của tôi đã bỏ phí

---

[1] *Mộc Bì Đạo Nhân* (đáng nhẽ Mộc Bì Tản Nhân mới phải): là biệt hiệu của Giả Phù Tây (1592-1674), người đời Minh, hay làm những bài *cổ từ*, một loại dân ca. Câu này Lỗ Tấn lấy trong một bài *cổ từ*, cốt dùng chữ *"ngọn dao mềm"* để chỉ những lời vu cáo đồn đại mà bọn *Hiện đại bình luận* thường dùng để ám hại những nhà văn tiến bộ.

[2] Chỉ vụ thảm sát ngày 18 tháng 3 năm 1926. Chính phủ Đoàn Kỳ Thụy cho bắn vào đám biểu tình của công nhân, học sinh và nhân dân Bắc Kinh chống âm mưu của đế quốc sau vụ thảm sát này, Trần Tây Oánh viết một bài trong mục *Nói chơi* tạp chí *Hiện đại bình luận*, nói rằng: Quần chúng bị "bọn lãnh tụ dân chúng" lừa, chứ thật ra không "biết đầu đuôi ra như thế nào cả", cuối cùng "đi vào chỗ chết" "xông vào làn mưa đạn".

bao nhiêu thì giờ giúp tôi thu thập, sao chép, sửa chữa bản in; thì giờ đó trôi qua là mất hẳn. Để đền đáp, tôi lại chỉ có thể chỉ hy vọng sách in xong sẽ làm cho các bạn tôi cười lên được một tiếng khoái chí, thật tình. Ngoài ra, chẳng có hy vọng cao xa nào khác. Nhiều nhất cũng chỉ mong cho tập sách này có thể tạm thời nằm trong đống sách ở các hàng sách; ở đó, cũng như ở trên mặt đất rộng rãi bao la, không đến nỗi không giành cho một khoảnh đất cỏn con nào. Tiến thêm bước nữa, thì đã có đôi chút không an phận rồi. Tức là tư tưởng và hứng thú của người Trung Quốc hiện giờ may chưa bị bọn gọi là chính nhân quân tử thống nhất lại; thí dụ có người chỉ thích chiêm ngưỡng lăng tẩm vua chúa, nhưng có người lại thích ai điếu trước nấm mồ hoang; dù thế nào mặc lòng, nhất thời có lẽ còn có người doái hoài đến một chút chăng. Nếu được thế, thì tôi hết sức lấy làm thỏa mãn; sự thỏa mãn đó thật không kém gì lấy được nghìn vàng của nhà giầu.

Hạ môn, đêm 30 tháng 10 năm 1926, gió to

LỖ TẤN

111- TỰA

(Tập *Gió nóng*)

Ngày này ai đi qua đường Tây Trường An có thể thấy mấy em bé đói khổ, áo quần xơ xác, rao bán báo. Nhớ ba bốn năm trước, trên người các em thỉnh thoảng còn có cái tàn dư của bộ đồng phục, trước kia nữa, thì càng oai hơn, quả thực có dáng điệu của đội quân thiếu nhi.

Hồi ấy là vào năm Dân Quốc thứ tám, lịch Tây là năm 1919, sau phong trào thị uy của học sinh Bắc Kinh về vấn đề Sơn Đông ngày mồng bốn tháng năm[1], bởi vì lúc đó đội quân thiếu nhi rải truyền đơn, không biết thế nào mà lại gợi sự chú ý của mấy tên đầu cơ, thế là trẻ em bán báo kiểu đội quân thiếu nhi xuất hiện. Tháng 12 năm ấy, công xứ Nhật bản Tiểu Phan Đậu Cát[2] kháng nghị phong trào bài Nhật, tình hình đại khái giống như năm nay[3]; chỉ có điều các em

---

[1] Đây là nói cuộc Ngũ Tứ vận động. Sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, hội nghị Pari quyết định đem quyền lợi của Đức ở tỉnh Sơn Đông giao cho Nhật bản. Tin đó truyền đi, nhân dân Trung Quốc rất lấy làm phẫn nộ. Học sinh Bắc Kinh biểu tình thị uy, phản đối hội Pari. Cuộc đấu tranh đó có một ý nghĩa to lớn trong lịch sử Trung Quốc hiện đại.

[2] Tiểu Phan Đậu Cát: công xứ Nhật bản ở Trung Quốc hồi đó. Chính y có liên quan vào việc ký điều ước bán nước 21 khoản của Viên Thế Khải.

[3] Chỉ cuộc Ngũ tạp (30 tháng 5 năm 1925) là phong trào yêu nước chống đế quốc Anh và đế quốc Nhật bản.

bán báo chúng ta thì bộ đồng phục đầu tiên rách đi rồi, không may nữa, thấy năm này sang năm khác cứ cùng khổ dần.

Những bài bình luận ngắn[1] của tôi đăng ở mục *Ghi theo cảm hứng* (tùy cảm lục) trên tờ *Tân thanh niên*, viết trướcnăm đó một năm bởi vì vấn đề đưa ra bình luận phần lớn là những vấn đề nhỏ không có gì đáng nói, mà nguyên nhân vì sao viết, cũng quên mất rồi. Nhưng cứ xen văn chương còn lại đấy thì trừ mấy bài bàn phiếm, có bài vì cầu tiên, tĩnh tọa, đấu quyền mà viết; có bài vì cái gọi là "bảo tồn quốc túy" mà viết; có bài vì bọn quan liêu cũ thời đó tự hào có kinh nghiệm mà viết; có bài thì vì những bức tranh đả kích trên tờ *Thời báo* Thượng Hải mà viết. Nhớ hồi đó tờ *Tân Thanh niên* đang lúc bốn bên đều là địch, phần tôi phải đối phó chỉ là một phần nhỏ; những việc đại sự khác thì tờ tạp chí còn đấy, không cần phải tôi nhiều lời.

Sau phong trào Ngũ Tứ, tôi không viết bài nào bây giờ không thể nói rõ là không viết hay viết rồi thất lạc hoặc bị tiêu hủy đi. Nhưng phong trào cách tân hồi đó, ngoài mặt quả có ít nhiều thành tích, thế là những người chủ trương cách tân cũng hết sức hăng hái, bồng bột, và cũng có rất nhiều người lúc đầu chê cười, chửi bới *Tân thanh niên*, bây giờ lại đặt cho một cái tên oai vệ đàng hoàng: phong trào văn hóa mới. Về sau , cái tên này khoác vào cho *Tân thanh niên*, và họ cũng lại chê cười, chửi bới, cũng giống như những

---

[1] Tạp chí *Tân thanh Niên* từ tháng 4 năm 1918 có mở một mục lục là *Tùy cảm lục*. Những bài đó thường đánh số 1, 2,3. Về sau, có một số bài có đầu đề riêng. Trước kia, mục này do người khác phụ trách. Từ bài thứ 25 mới do Lỗ Tấn phụ trách, ký tên là Đường Sỹ hoặc Lỗ Tấn. Những bài đó đều được thu thập vào trong tập này.

người chê cười chửi bới, văn bạch thoại, thường thường tự xưng là đi trước phong trào, là đã chủ trương văn bạch thoại từ lâu.

Về sau nữa thì càng không có gì mà nói. Chỉ nhớ một bài trong năm 1921 là vì cái gọi là "triết học hư vô" mà viết; năm sau nữa thì đại để vì cái gọi là "nhà quốc học" ở Thượng Hải mà viết, không biết làm sao bấy giờ bỗng lại có nhiều người tự xưng là nhà quốc học như thế ?

Từ khi tờ *Tân thanh niên* ra đời đến nay, tất cả những người nhân đó mà chê cười, chửi bới cải cách, sau đó lại tán thành cải cách. sau nữa lại chê cười, chửi bới cải cách, thì bây giờ bộ đồng phục bắt chước của các em bán báo rách nát rồi, nên đã lòi cái bản tướng ra, thật đúng là "sự thực thắng hùng biện" hà tất phải chờ những lời phê bình bằng miệng lưỡi hay bằng bút mực nữa. Cho nên khi những bài văn nông cạn tùy thời tôi viết ra đó, cũng nên cất đi không nhìn thấy nữa, cứ để cho tiêu hủy là phải. Nhưng có mấy người bạn lại cho rằng tình trạng hiện nay và thời đó không khác nhau mấy, cũng có thể giữ lại, nên mới sưu tập hộ cho tôi. Đó là điều tôi lấy làm buồn. Tôi cho rằng phàm văn chương viết công kích tệ lậu của thời thế, thì cũng nên cùng những tệ lậu của thời thế mà diệt vong, bởi vì cái đó giống như bạch huyết cầu nung thành mủ, nếu bản thân nó không bị bài trừ ra, thì sự tồn tại của nó có thể chứng minh rằng vi trùng hãy còn.

Nhưng nếu tất cả những cái tôi viết quả thực đều lạnh lẽo, thì tức là nó vốn không có sinh mệnh, và càng không thể nói đến bệnh chứng của Trung Quốc rút cục như thế nào. Có điều, sự chế giễu lạnh lẽo vô tình và sự châm biếm cố tình

vốn cách nhau không đến một tờ giấy[1], đối với sự cảm thụ và sự phản ứng xung quanh lại đại khái như người ta nói "cá uống nước, nóng lạnh thế nào, nó tự biết lấy"; nhưng tôi lại cảm thấy không khí xung quanh lạnh lẽo lắm, tôi nói lời của tôi, cho nên gọi ngược lại là ***Gió nóng***.

Đêm mồng ba tháng 11 năm 1925

LỖ TẤN

---

[1] *Chế giễu vô tình và châm biếm cố tình* là hai thái độ khác nhau trước tệ lậu của xã hội. *Chế giễu vô tình* là trào lộng mà không có thiện ý. Còn *châm biếm cố tình* là phê phán có lập trường nhằm thúc đẩy người ta cải tạo xã hội. Trong bài tạp văn *Thế nào là châm biếm* trong tập ***Thả giới đinh***, Lỗ Tấn có nói rõ về điều đó. Ông viết: "Những tác phẩm bề ngoài giống như châm biếm, nhưng không hề có chút nhiệt tình nào chỉ có thể làm cho người đọc thấy tất cả mọi việc trên đời không có được việc nào ra trò và cũng không nên làm việc nào hết, thì như thế không phải là châm biếm mà đó là "cười gằn".

113.TỰA

(tập *Hoa cái tiếp theo)*

Chưa tròn một năm mà số lượng những bài tạp cảm viết ra đã nhiều bằng cả năm ngoái rồi. Mùa thu đến ở gần biển, trước mắt chỉ là mây với nước, tai nghe toàn là tiếng gió thổi, sóng đồn, tựa hồ như cách tuyệt với xã hội. Nếu hoàn cảnh không thay đổi, có lẽ năm nay sẽ không viết nhảm gì thêm nữa chăng. Trước đèn ngồi rỗi, đem những bài tập cũ ra biên tập lại, còn sửa soạn đem in, để cung cấp cho những người mua muốn xem tạp cảm của tôi.

Trong này cũng vẫn không nói gì đến ý nghĩa huyền bí của vũ trụ và ý nghĩa chân thực của nhân sinh. Chẳng qua chỉ là viết ra giấy những chuyện đã gặp, những điều suy nghĩ, những điều muốn nói, dù nông cạn, quá khích cũng mặc kệ. Nói cho to chuyện một chút, cũng giống như những lúc vui hay buồn mà hát hay khóc, thế nào khỏi nhân dịp đó mà thổ lộ những nỗi căm giận hay là những niềm riêng của tâm tư , chứ bây giờ thì càng không nghĩ gì đến chuyện cùng ai tranh giành cái gọi là công lý hoặc chính nghĩa nữa. Cũng có bài, anh muốn thế kia, nhưng tôi lại muốn thế này; cũng có bài,không theo mệnh lệnh, không cúi đầu; cũng có bài lại lật những bộ mặt nạ nghiêm trang, cao thượng lên một cái chơi, ngoài ra chẳng có chuyện nào là to tát cả. Danh đúng với thực, chỉ là "tạp cảm " mà thôi.

Những bài viết từ tháng giêng lại nay, đại khái đều có trong này cả; chỉ bỏ một bài[1]. Bởi vì trong đó đề cập đến nhiều người, không hề được, mà cũng khó lòng xin họ đồng ý, cho nên cũng không tự ý in lại.

Còn tên sách ? Năm tháng có thay đổi, nhưng tình hình vẫn cứ như cũ, cho nên vẫn gọi là ***Hoa cái*** . Nhưng năm tháng quả đã thay đổi rồi, do đó chỉ cần thêm hai chữ "tiếp theo".

Hạ Môn, ngày 14 tháng 10 năm 1026

LỖ TẤN

---

[1] Bài đó đề *Đại diễn phát vi*. Về sau có đưa vào phụ lục tập ***Mà thôi***. Nhân vụ án 18 tháng 3 năm 1926, chính phủ đoàn Kỳ Thụy có bắt một số người chúng cho là " thủ lĩnh của bọn bạo đồ " trong đó có đồng chí Lý Đại Chiêu. Tác giả nêu tên tuổi và ghi rõ chức vụ từng người để cho độc giả thấy âm mưu của chính phủ Đoàn Kỳ Thụy là có ý tiêu diệt những người thân Nga và những nhà văn tiến bộ .*(Đại diễn phát vi* nghĩa là nói rõ về năm mươi người có tên trong danh sách bị bắt. *Đại diễn* là năm mươi.

114. THAY LỜI TỰA

(Tập *Nhật cánh hoa tàn*)

Những lúc lo nghĩ, tôi thường muốn tìm cho được một chút nhàn tĩnh, nhưng quả thực không phải dễ. Chuyện trước mắt lạ lùng quá, và trong lòng cũng hết sức rối bời. Con người ta khi dồn đến nước chỉ còn ngồi mà nhắc chuyện cũ thì cuộc đời có thể nói là vô vị lắm rồi; ấy thế ma có khi ngồi nhắc chuyện cũ cũng không được nữa. Ở Trung Quốc, làm văn phải theo phép tắc, mà thế sự thì vẫn cứ xoay vần theo một vòng tròn luẩn quẩn. Mấy hôm trước đây, rời trường Đại Học Trung Sơn, tôi sực nhớ lại chuyện khi rời trường Đại học Hạ Môn bốn tháng trước: nghe máy bay vù vù trên đầu mà nghĩ đến một năm trước, máy bay ngày nào cũng lượn vòng trên thành phố Bắc Kinh. Hồi đó, tôi còn viết được một bài văn ngắn, đề là *Bừng tỉnh*[1]. Còn bây giờ thì đến "Bừng tỉnh" cũng không nốt.

Khí hậu Quảng Châu nóng sớm thật. Mặt trời buổi chiều dọi qua cửa sổ phía tây làm cho người ta gắng gượng lắm mới mặc được chiếc áo mỏng. Cây "thủy hoành chi" trong cái chậu đặt trên bàn viết là một thứ cây trước nay tôi

---

[1] *Bài Bừng tỉnh* trước đăng ở tuần báo *Ngữ ti* sau đem vào tập *Dã thảo* (Cỏ dại). Bài này đả kích cuộc nội chiến do bọn quân phiệt gây nên. Tháng 4 năm 1926, quốc dân quân của Phùng Ngọc Tường đánh nhau với quân Trương Tác Lâm và Lý Cảnh Lâm thuộc phe Phụng Thiên. Máy bay phe Phụng Thiên nhiều lần bay đến Bắc Kinh thả bom.

chưa hề thấy: chỉ một khúc thân cây, dầm trong nước là cành lá lại xum xuê, tươi tốt, trông rất xinh. Tôi ngồi nhìn những ngọn lá xanh biếc, sửa chữa tập bản thảo cũ, cũng gọi là có công việc mà làm. Làm những việc này, quả thật là *tuy sinh chi nhật, do tử chi niên*- sống mà có khác gì chết -, có thể làm cho mất nóng bức đi được.

Hôm kia, soạn xong tập ***Cổ đại***, rồi bây giờ đến lượt *Cựu sự trùng đề* [1] trước đã lần lượt đăng trên tờ *Mãng nguyên*. Tôi thay cho nó một cái tên mới: ***Triêu hoa tịch thập***[2]. Ngắt hoa khi còn đẫm sương tất nhiên thơm, đẹp hơn nhiều, nhưng tôi không thể làm được như thế. Mặc dù bây giờ trong lòng tôi lạ lùng và phức tạp thật, tôi cũng không có thể tức khắc làm cho nó ảo hóa đi để biến nó thành một thứ văn chương lạ lùng, phức tạp được. Có thể một ngày khác, ngồi ngửng lên trời nhìn mây bay, những chuyện này sẽ lại hiện lên sáng lòa trước mắt tôi cũng nên.

Có một thời kỳ, tôi cứ nhớ mãi những thứ hoa quả được ăn hồi còn nhỏ ở quê nhà: củ ấu, đậu la hán, chồi giao bạch[3], quả dưa hương. Những thứ ấy đều hết sức ngon lành, đều từng làm cho tôi nhớ nhà da diết. Sau đó, xa cách lâu ngày, được ăn lại, thấy cũng chỉ thế thôi; duy trong ký ức là còn lưu lại cái ý vị thuở xưa. Có lẽ chúng nó đã lừa dối tôi suốt cả một đời người, làm cho tôi không sao quên cho đành.

---

[1] Mười thiên hồi ức này trước đã đăng trên tạp chí *Mãng Nguyên* xuất bản ở Bắc Kinh năm 1926, dưới nhan đề *Cựu sự trùng đề* (Nhắc lại chuyện cũ).

[2] *Triêu hao tịch thập*: Nghĩa đen là hoa nở buổi sáng, buổi chiều mới ngắt. Dịch *Nhật cánh hoa tàn* là dịch thoát lấy ý.

[3] *Giao bạch*: mầm non một thứ cây, hạt có thể nấu ăn thay cơm, chồi ăn cũng rất ngon (Zizania latifolia).

Mười thiên sau đây là chép theo ký ức, đối chiếu với sự thực có thể có chỗ không đúng, nhưng hiện nay tôi chỉ có thể nhớ được như thế mà thôi. Cách hành văn đại khái cũng rất lộn xộn bởi vì hoặc là viết, hoặc là sửa chữa, cũng mất đi hơn chín tháng trời. Hoàn cảnh cũng bất nhất: Hai thiên đầu viết ở phòng phía đông hội quán ở Bắc Kinh; ba thiên giữa viết trong lúc lưu lạc ở bệnh viện và ở xưởng mộc[1]; năm thiên cuối viết trên gác thư viện Trường đại học Hạ Môn, sau khi bị chèn ép phải ra khỏi tập đoàn của các vị học giả[2].

---

[1] Sau vụ thảm án 18 tháng 3 năm 1926, chính phủ quân phiệt Bắc Dương ra lệnh bắt năm mươi người, văn sĩ và giáo sư, ở Bắc Kinh, trong đó có Lỗ Tấn, nên ông đã phải lánh vào các bệnh viện ngoại quốc. Có một lần lánh vào bệnh viện Đức, vì bệnh viện chật nên phải tạm ở trong một gian phòng chứa đồ vật và cũng là xưởng làm mộc của bệnh viện.

[2] Các vị học giả nói ở đây ám chỉ bọn Cố Hiệt Cương và bọn giáo sư Trường Đại học Hạ Môn. Lúc Lỗ Tấn đến dạy ở trường này, Cố Hiệt Cương và bọn giáo sư thuộc phái Hồ Thích dùng nhiều thủ đoạn chèn ép. Trong các cuốn ***Chuyện cũ viết lại*** (Cố sự tân biên), ***Thư hai nơi*** (Lưỡng địa thư), ***Mà thôi*** (Nhĩ dĩ tập) ("Trả lời ông Hữu Hằng") và ***Tạm nhàn tập*** (Viết như thế nào), ông cũng có nhắc đến.

115. ĐỀ TỪ*

(tập *Cỏ dại*)

Khi tôi im lặng, tôi cảm thấy vững chắc; tôi sắp mở miệng nói thì liền cảm thấy rỗng không.

Cái sinh mệnh trong quá khứ đã chết rồi. Đối với cái chết đó, tôi rất vui mừng, bởi vì nhờ vậy mà tôi biết nó đã từng sống. Cái sinh mệnh chết rồi đã tan rữa. Đối với sự tan rữa đó, tôi rất vui mừng, bởi vì nhờ vậy mà tôi biết nó không phải là rỗng không.

Bùn của sinh mệnh gửi lại trên mặt đất, không sinh cây to, chỉ sinh cỏ dại, đó là tội của tôi.

Cỏ dại, gốc rễ không sâu, hoa lá không đẹp, nhưng hút sương, hút nước, hút máu và thịt những người đã chết, làm đủ cách để giành giật lấy sự sống. Trong khi sống, lại bị chà đạp, bị cắt xén, cho đến chết mà tan rữa.

Nhưng tôi thản nhiên, tôi vẫn hân hoan. Tôi sắp cười, tôi sắp ca hát.

Tôi yêu cỏ dại của tôi, nhưng tôi ghét mặt đất đã lấy cỏ dại để mà trang sức.

---

* Bài *Đề Từ* này đăng lần đầu trên tờ *Ngữ Ti*, ngày 2 tháng 7 năm 1927. Trong mấy lần xuất bản đầu đều đưa vào, nhưng sau bị Chính phủ Quốc dân đảng kiểm duyệt, bỏ đi. Đến năm 1941, xuất bản *Lỗ Tấn toàn tập* mới lại đưa vào.

Lửa đất đang vận chuyển trong lòng đất, bỗng phun ra. Khi phun ra đá lửa, sẽ thiêu sạch cỏ dại, và cả những cây to, thế là không thể tan rữa được nữa. Nhưng tôi thản nhiên, tôi vẫn hân hoan. Tôi sắp cười to, tôi sắp ca hát.

Trời đất yên tĩnh, trong sáng như thế, tôi không thể cười to và ca hát được. Nếu trời đất không yên tĩnh, trong sáng như thế, có lẽ tôi cũng không thể cười to, ca hát. Giữa lúc ánh sáng và bóng tối, sống và chết, quá khứ và tương lai lẫn lộn nhau, tôi lấy chùm cỏ dại này hiến dâng bạn và thù, người và vật, người yêu và người không yêu để làm chứng.

Vì bản thân tôi, vì bạn và thù, người và vật, người yêu và người không yêu, tôi mong mỏi chùm cỏ dại này sẽ chết và tan rữa thật nhanh. Bằng không thì việc trước kia tôi chưa từng sống, quả thực còn bất hạnh hơn là chết và tan rữa.

Ngày 26 tháng 4 năm 1926

Viết ở Bạch Vân lâu, Quảng Châu

LỖ TẤN

116. TỰA

(*Tập* Mà thôi)

Nửa năm nay tôi lại thấy bao nhiêu máu và bao nhiêu nước mắt.

Nhưng tôi chỉ cảm thấy có mấy bài tạp cảm mà thôi.

Nước mắt lau khô rồi, máu mất vết rồi.

Bọn giết người vẫn tiêu dao tự tại,

Dùng dao thép lại dùng dao mềm[1].

Nhưng tôi chỉ có mấy bài tạp cảm mà thôi.

Đến lúc ngay "tạp cảm" cũng bị "vứt vào chỗ thích đáng của nó"[2].

Thế là tôi chỉ còn có ***Mà thôi*** mà thôi!

Tám câu trên tôi viết đêm mười bốn tháng Mười năm 1926, sau khi thu thập những bài tạp cảm viết năm ấy đến ngày ấy, rồi để vào cuốn sách. Bây giờ lấy ra làm lời tựa cho tập tạp cảm năm 1927.

Ngày 30 tháng 10 năm 1928

LỖ TẤN

---

[1] *Dao mềm*: chỉ những thủ đoạn như vu cáo, bịa đặt mà bọn tay sai đế quốc và quân phiệt như bọn Trần Tây Oánh thường dùng để ám hại những nhà văn tiến bộ và thanh niên học sinh.

[2] Đây là câu Trần Tây Oánh dùng để công kích Lỗ Tấn, viết trong thư gửi cho Từ Chí Ma.

119. TỰA

(Tập *Tam nhàn*)

Tập tạp cảm thứ tư của tôi - tập ***Mà thôi***- xuất bản tính ra đã bốn năm rồi. Mùa xuân năm ngoái, có người bạn thúc tôi biên tập những bài tạp cảm viết sau đó. Nhìn giới xuất bản mấy năm gần đây, sáng tác và dịch thuật, hoặc luận văn dài có đề mục lớn, không thể nói là lèo tèo được, nhưng những bài phê bình ngắn ngắn, gặp đâu nói đó, tức cái gọi là "tạp cảm", thì quả rất ít thấy. Trong chốc lát, tôi không thể nói nguyên nhân vì sao lại thế. Nhưng nghĩ qua loa, thì e rằng hai tiếng "tạp cảm" làm cho những nhà văn chí thú ở chỗ cao siêu ghét bỏ, muốn tránh thật xa. Có một số người, mỗi khi muốn chế giễu tôi, thường gọi tôi là "nhà tạp cảm" để tỏ lòng khinh thị của những nhân văn cao đẳng; đó là một chứng cứ. Lại nữa, tôi nghĩ rằng, những nhà văn có tiếng tăm vị tất đã không thay đổi tên tuổi khi viết loại văn này, nhưng hoặc giả chẳng qua là báo thù riêng, sợ bẩn mất tên tuổi, hoặc giả có thâm ý nào khác, để lộ ra sẽ có hại cho chiến đấu, nhân thể cứ để cho tiêu trầm đi.

Có một số người cố nhiên cho rằng "tạp cảm" đối với

tôi là một "tử chứng". Quả thực bản thân tôi cũng vì nó mà đã nếm mùi cay đắng, nhưng biên tập thì cứ muốn biên tập. Chỉ và xem lại báo chí, cắt dán cho thành sách cũng là một chuyện khá phiền hà, do đó trì hoãn hơn nửa năm, cuối cũng chưa mó tay đến. Đêm 28 tháng giêng, Thượng Hải đánh nhau càng đánh càng dữ, cuối cùng tôi phải bỏ ra đi một mình[1], sách vở báo chí để lại trong vòng khói lửa, mặc cho nó thiêu sạch; tôi cũng có thể nhờ vào cái linh thiêng của "lễ rửa tội bằng lửa" đó mà rửa sạch cái tên thụy độc ác "nhà tạp cảm" "bất mãn với hiện trạng"[2]. Nào có ngờ cuối tháng Ba, trở về chỗ ở cũ, sách báo không mất mát chút gì. Thế là lại tìm tìm kiếm kiếm, bắt tay vào việc biên tập, giống như ốm nặng mới khỏi, cứ muốn cầm gương soi cái mặt võ vàng, sờ mó làn da nhăn nheo của mình, hơn lúc bình thời.

Tôi thu thập những bài từ năm 1928 đến năm 1929 trước; được ít lắm, nhưng trừ năm sáu lần nói chuyện ở Bắc Bình, Thượng Hải vốn không ghi chép, còn thì hình như không mất mát gì. Nhớ lại, hai năm đó chính là thời kỳ tôi ít viết, không có chỗ đăng. Năm Hai mươi bảy, máu đã làm cho

---

[1] Lúc bấy giờ tác giả của cuốn đường Bắc Tứ Xuyên, chỗ ở bị đại bác của quân đội Nhật bản uy hiếp.

[2] Đây là lời của nhà văn phản động Lương Thực Thu công kích Lỗ Tấn. Trong một bài báo đang ở tạp chí *Trăng mới* (Tân nguyệt) đề là "*Bất mãn với hiện trạng thì thế nào?*", y viết: "*Có một hạng người chuyên môn bất mãn với hiện trạng, hôm nay nói chỗ này có khuyết điểm, ngày mai nói chỗ kia, khuyết điểm nhiều kể không xuể. Thế rồi viết những bài tạp cảm vô cùng vô tận. Đến khi có người cho đơn thuốc, thì người đó lại càng bất mãn tợn: nào là vị nay hàn quá, vị kia nhiệt quá, vị này mạnh quá, vị kia chậm quá. Phương thuốc nào cũng chê không coi đáng giá một đồng xu, và mỉa mai hết cách, hình như là nếu mỗi ngày kia hiện trạng làm cho y thỏa mãn thì sẽ không còn tạp cảm để viết nữa*". Đối với luận điệu biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc và bọn thống trị phản động đó, Lỗ Tấn đã nhiều lần viết bài đập lại.

tôi kinh hãi, mắt trợn trừng, miệng ngọng lại[1], tôi rời Quảng Đông; những lời ấp a ấp úng, không có gan nói thẳng, đều ghi lại trong tập ***Mà thôi***. Nhưngđến Thượng Hải, tôi lại bị ngòi bút của các nhà văn hào "vây ráp". Người trong nhóm *Sáng tạo*[2], nhóm *Thái dương*[3], nhóm *Trăng mới* của bọn "chính nhân quân tử"[4] đều nói xấu tôi, ngay cả những vị hiện giờ đã lên chức giáo sư hoặc nhà văn, không thuộc một văn phái nào, trong văn chương của họ hồi đó, cũng phải thường thường chế giễu ngầm tôi vài ba câu để tỏ ra rằng họ cao thượng, sáng suốt. Lúc đầu chẳng qua tôi mới là "nhàn rỗi tức là giàu có", "tàn dư phong kiến",

---

[1] Chỉ cuộc chính biến phản cách mạng ngày 12 tháng 4 năm 1927 của Tưởng Giới Thạch, Lỗ Tấn đã chứng kiến cuộc khủng bố trắng ở Quảng Châu.

[2] Nhóm *Sáng tạo* thành lập khoảng năm 1920 - 1921 là một đoàn thể văn học có tiếng trong phong trào văn học thời Ngũ Tứ. Những nhân vật chủ yếu là Quách Mạt Nhược, Thành Phương Ngô, Ức Đạt Phu lúc đầu nhóm này có khuynh hướng về chủ nghĩa lãng mạn. Năm 1924, Quách Mạt Nhược giác ngộ cách mạng, rồi tham gia cuộc chiến tranh Bắc phạt; cũng người khác, sau phong trào Ngũ tạp năm 1925, cũng theo cách mạng. Năm 1927, nhóm này phát động phong trào văn học cách mạng, đồng thời lấy thêm lực lượng mới, đến năm 1929 thì bị Chính phủ Quốc dân đảng phản động giải tán. Năm 1928, có một cuộc tranh luận giữa nhóm này và Lỗ Tấn.

[3] Nhóm *Thái dương*: một đoàn thể văn học thành lập ở Thượng Hải cuối năm 1927 nhân vật chủ yếu là Tưởng Quang Từ, Tiền Hạnh Đồn. Năm 1928 xuất bản tờ *Thái dương nguyệt san* để xướng văn học cách mạng. Đến năm 1930 khi Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả thành lập thì nhóm đó tự giải tán. Năm 1928 giữa nhóm *Thái dương* và Lỗ Tấn cũng có một cuộc tranh luận.

[4] Nhóm *Trăng mới* : một đoàn thể chính trị và văn học phản động thành lập năm 1923. Những nhân vật trung tâm là Hồ Thích, Từ Chí Ma, Trần Nguyên, nhiệm vụ và tính chất giai cấp của nó giống nhóm *Hiện đại bình luận*. Sau cuộc chính biến phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch bọn chúng xoay sang ủng hộ chính quyền phản động của Quốc dân đảng. Về mặt văn học, chúng ra sức công kích Lỗ Tấn và phong trào văn học cách mạng.

"kẻ suy đồi", về sau, lại bị phê phán là một tên phát xít[1] chủ trương giết thanh niên. Hồi đó có một người từ Quảng Đông chạy lại đến trú ở nhà tôi - anh Liêu[2] - cũng giận hờn nói với tôi: "Bạn bè tôi chẳng xem tôi ra gì cả, không muốn lui tới với tôi nữa, nói tôi ở chung với một người như thế.

Hồi đó, tôi trở thành "một người như thế". Tờ *Ngữ ti* tôi chủ trương, thực tế tôi không có quyền, đó là chưa kể có những cái phải kiêng kỵ (xem bài *Tôi và tờ Ngữ ti trước sau như thế nào* ở cuối tập), còn như chỗ khác thì văn chương tôi xưa nay vẫn phải "ép" mới có, mà trước mắt thì tôi đang bị "ráp", tôi đâm đầu vào làm gì. Cho nên chỉ viết tất rất ít.

Bây giờ tôi đem những cái sai và cái đến nay còn đúng trong văn chương tôi hồi đó thu thập lại thành một tập. Còn như văn chương của đối thủ, thì trong cuốn *Bàn về Lỗ Tấn* và *Bút chiến văn nghệ ở Trung Quốc*[3] tuy cũng có một ít,

---

[1] Đó là những danh hiệu mà tờ *Sáng tạo* đã gán cho Lỗ Tấn. Trích một đoạn trong bài *Tàn dư phong kiến trên tiền tuyến văn nghệ* của Đồ Thuyên đăng trong số tháng 8 năm 1928: *"Ông ta* (chỉ Lỗ Tấn) *là tàn dư của phong kiến thời kỳ tư bản chủ nghĩa trở về trước. Đối với xã hội chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa là phản cách mạng, đối với xã hội chủ nghĩa, tàn dư phong kiến lại phản cách mạng đến hai tầng. Đoạn trước có nói Lỗ Tấn là phần tử lưng chừng trong thời quá độ mới cũ, nói ông ta là một người nhân đạo chủ nghĩa là nhầm. Ông ta là một tên phát xít bất đắc chí"*. Trong một bài khác, lại viết: "*Nghe đồn ông ta - Lỗ Tấn - gần đây có mua một ít sách khoa học xã hội về đọc, nhưng tức khắc lại có một vấn đề cũng không nhỏ được đặt ra: ông ta quả thật muốn làm một người học trò trung thực về khoa học xã hội hay sao? Hay là chỉ tô vẽ trang sức cho cái suy đồi của mình? Hành vi thứ hai là một hành vi bưng tai ăn trộm chuông, đó là sự suy đồi đã đến lúc sâu sắc, không có thuốc nào cứu chữa được nữa"*

[2] Tức Liêu Lập Nga, một người học trò của Lỗ Tấn ở trường đại học Trung Sơn.

[3] *Bàn về Lỗ Tấn và Bút chiến văn nghệ ở Trung Quốc* do Lý Hà Lâm biên tập. Bắc tân thư cục, Thượng hải xuất bản. Cuốn trước gồm những bài phê bình Lỗ Tấn và tác phẩm của Lỗ Tấn từ 1923 đến 1929. Cuốn sau gồm những bài bút chiến về văn học cách mạng năm 1928.

nhưng đều là những bài đại luận, mặt ngoài, mũ cao áo rộng trên lễ đường, không đủ để thấy được toàn diện. Tôi định thu thập lại thành một tập cũng thuộc loại "tạp cảm", gọi là "Vấy ráp". Nếu đem đối chiếu với tập sách này của tôi, không những có thể tăng thêm thú vị của bạn đọc, mà cành rõ được một mặt khác, tức là các mánh khóe chiến đấu ở mặ trong. Bấy nhiêu phương phápnhất thời e chưa thể thất truyền được. Luận điệu "các nhà văn Tả liên đều vì đồng rúp" năm ngoái là một trong những bài hát cũ đó[1]. Cố nhiên, những bạn thanh niên tự thấy mình còn có ít nhiều quan hệ với văn nghệ bất tất phải học theo, nhưng biết qua một ít cũng không ngại gì.

Kỳ thực, tôi tự kiểm điểm, thấy vô luận là trong tiểu thuyết, trong những bài bình luận ngắn, đều không có dấu vết nói rằng tôi chủ trương đem thanh niên ra mà " giết, giết giết "[2]; mà tôi cũng không hề ôm ấp một ý nhĩ như thế. Tôi xưa nay tin tưởng ở tiến hóa luận, cứ cho rằng tương lai nhất định hơn quá khứ, thanh niên nhất định hơn người già: đối với thanh niên luôn luôn kính trọng; thường thường họ chém tôi mươi nhát đao, tôi chỉ trả lại một mũi tên mà thôi. Nhưng về sau, tôi biết là tôi nhầm. Không phải là lý luận duy vật hoặc tác phẩm văn nghệ cách mạng mê hoặc tôi; tôi ở Quảng Đông, mắt thấy cũng là thanh niên cả mà lại chia ra làm hai mặt trận lớn, hoặc gửi thư tố giác, hoặc giúp quan bắt người. Do đó tư tưởng cũ của tôi bị đả phá; về sau tôi thường lấy

---

[1] Đó là thủ đoạn vu cáo và hàm hại mà phe phản động và bọn nhà văn phản động quen dùng để nói các nhà cách mạng và nhà văn cách mạng.

[2] Đó là câu của ĐỗThuyên viết trên báo *Sáng tạo:* "*Giết ,giết, giết hết những người thanh niên đáng sợ ấy đi. Và giết nhanh lên đó là triết lý của cái ông già ấy (chỉ Lỗ Tấn), thế là ông già trở thành bất tử* ".

con mắt hoài nghi mà nhìn thanh niên, chứ không kinh sợ vô điều kiện nữa. Có điều, từ đó về sau, tôi vẫn vì những bạn thanh niên mới ra trận lần đầu mà gào thét mấy tiếng, chẳng qua cũng không giúp được gì nhiều lắm.

Tập này đại khái gồm toàn bộ những bài viết trong hai năm: Chỉ có mấy bài *Tựa* viết cho một số tác phẩm, thì vì thấy có một vài ba câu có thể tham khảo, nên cũng chọn vào. Khi kiểm điểm lại sách báo, bỗng phát hiện ra một ít bài viết năm 1927, nhưng chưa đưa vào tập ***Mà thôi*** :Tôi nghĩ có lẽ bài *Dạ ký* là vì vốn định để vào một tập khác, còn những bài nói chuyện và thư từ thì vì nông cạn, không quan trọng lắm, cho nên hồi đó không đưa vào.

Nhưng bây giờ lại để vào đầu tập này, gọi là bổ sung cho tập *Mà thôi*. Tôi lại có một ý nghĩ khác, cho rằng chỉ cần xem văn chương dẫn trong một bài nói chuyện và một bức thư đó là đủ rõ bộ mặt Hương Cảng hồi ấy. Tôi đến nói chuyện, cả thảy hai lần ngày đầu là bài *Điệu cũ đã hát xong rồi*[1] nay không tìm ra bản thảo, ngày thứ hai là bài *Trung Quốc không có tiếng nói* này, thô thiển tầm thường đến nước đó mà rút cục vẫn cho là "tà thuyết "làm người ta sợ, cấm không cho đăng lên báo.Hương Cảng như thế đó. Nhưng hiện nay thì cơ hồ khắp Trung Quốc là Hương Cảng như thế rồi .

Có một điều tôi muốn cảm ơn nhóm *Sáng tạo* là họ đã "ép " tôi xem mấy cuốn lý luận văn nghệ khoa học, mới rõ là bao nhiêu cái mà các nhà văn học sử trước đây nói vẫn còn là những nghi vấn chưa gỡ ra được. Và nhân đó, tôi đã dịch

---

[1] Bài này sau tìm ra và đưa vào tập *Tập ngoại tập thập di*.

cuốn *Bàn về nghệ thuật* của Plêkhanốp[1] để uốn nắn cái thiên hướng chỉ tín theo tiến hóa luận của tôi và của những người vì tôi mà mắc phải. Nhưng khi tôi đem những tà liệu thu thập lần viết cuốn *Lược thảo lịch sử Trung Quốc* in thành cuốn *Tiểu thuyết cựu văn sao* để thanh niên khỏi mất công tìm kiếm, tra khảo , thì Thành Phương Ngô lấy danh nghĩa là giai cấp vô sản, nói tôi là *"Hữu nhàn"* (nhàn rỗi) và lại *hữu nhàn* đến những ba lần[2], cho đến nay tôi vẫn chưa quen hẳn được. Tôi nghĩ giai cấp vô sản không có thể rèn luyện cái phép qui nạp như thế Họ không hề học nghề làm " thày cô ".Tập này biên soạn xong đặt tên là *Tam nhân* còn phải cảm ơn Thành Phương Ngô.

Đêm 24 tháng 4 năm 1932

---

[1] Lỗ Tấn dịch theo tiếng Nhật và xuất bản năm 1930.

[2] Trong bài *Hoàn thành cuộc cách mạng văn học của quần chúng ta* Đăng trên báo *Hồng thủy* năm 1927. Thành Phương Ngô viết: *"Cái luận điều ấy thú vị làm trung tâm cuộc sống đó ám thị một sự tự túc tự mãn lừa dối mình trong một vòng trời đất nhỏ hẹp. nó ủng hộ sự nhàn rỗi, nhàn rỗi và nhàn rỗi. Chúng ta đều biết trong xã hội tư bản hiện nay, giai cấp nhàn rrỗi là giai cấp giàu có".*

121. TỰA

(Tập *Hai lòng*)

Đây là tập tạp văn trong hai năm 1930 và 1931.

Trong năm 1930, tạp chí định kỳ ít thấy dần; có một số không ra đúng kỳ hạn được, đại khái vì sự áp bức càng ngày càng gay gắt. *Ngữ ti*[1] và *Dòng nước chảy*[2] thường bị nhà Bưu điện giữ lại, các địa phương cấm, cuối cùng cũng vẫn không sống nổi. Hồi đó, chỉ còn lại tờ *Mầm non*[3] là nơi tôi có thể gửi bài; nhưng ra đến số 5, cũng bị cấm. Tiếp đó là tờ *Đất mới*. Chỗ nền trong năm đó, tôi chỉ viết không đầy mười bài bình luận ngắn thu thập trong tập này.

Ngoài ra, còn có nói chuyện hai ba lần ở các trường[4].

---

[1] *Ngữ ti*: Tờ tạp chí lấy *tạp văn* làm vũ khí chính để phê bình những vấn đề xã hội và tư tưởng. Tháng 11 năm 1924, Tôn Phục Viên chủ biên tờ *Ngữ ti chu san*, mà Lỗ Tấn, Chu Tác Nhân, Lâm Ngữ Đường, Tiền Huyền Đồng, Lưu Bán Nông, Du Bình Bá... cộng tác rồi cải tổ thành *Ngữ ti xã*. Lỗ Tấn trở thành người phụ trách chính và ra tờ bán nguyệt san *Ngữ ti*. Từ cuộc vận động Ngũ tạp, lực lượng bị phân hóa.

[2] *Dòng nước chảy* (Bổn lưu): tạp chí văn nghệ ra hàng tháng. Lỗ Tấn chủ biên, xuất bản ở Thượng Hải từ tháng 6 năm 1928, đến tháng 12 năm 1929 thì đình bản.

[3] *Mầm non* (Manh nha): tạp chí văn nghệ xuất bản ở Thượng Hải tháng 1 năm 1930 do Lỗ Tấn và Phùng Tuyết Phong hợp biên. Sau khi Hội liên Hiệp các nhà văn cánh tả thành lập, nó trở thành một trong những cơ quan ngôn luận của Hội. Đến tháng 5- 1930, bị chính phủ Quốc dân đảng cấm, số 6 đổi là *Đất mới*, sau cũng bị đình bản.

[4] Năm 1930, Lỗ Tấn có nói chuyện mấy lần ở các trường đại học Thượng Hải: Đại học Nghệ thuật, Đại học Đại Hạ v.v...

Lúc bấy giờ, không có người ghi chép, nói gì nay chính mình cũng không nhớ rõ nữa. Chỉ nhớ được cái đầu đề bài nói chuyện ở trường Đại học nọ, là *Tháp ngà và lều sên*[1]. Đại ý nói: văn nghệ trong tháp ngà tương lai quyết không thể xuất hiện ở Trung Quốc, bởi vì hoàn cảnh không giống nhau; ở đây, đến chỗ để xây "tháp ngà" cũng không có nữa là; chẳng bao lâu, cái có thể xuất hiện, e nhiều nhất chỉ là mấy cái "lều sên"! Lều sên là túp lều mà Tiêu Tiền[2], "nhà ẩn dật" thời Tam Quốc ở, phảng phất giống túp lều hiện nay người nghèo miền Giang Bắc dựng bằng tay, có điều còn nhỏ hơn nữa, chỉ nằm bẹp trong ấy, ít đi ra, ít cử động, không mặc, không ăn, không nói. Bởi vì hồi đó là thời quân phiệt hỗn chiến, giết người cướp của tha hồ: kẻ trong bụng không tán thành, chỉ có thể làm như thế mới kéo dài được chút hơi tàn. Nhưng trong thế giới sên làm gì có văn nghệ,cho nên cứ như thế này mãi thì Trung Quốc không có văn nghệ là chuyện nhất định. Câu nói đó quả có ý vị "sên"lắm! Không ngờ chẳng bao lâu sau, có một thanh niên dũng cảm phê bình tôi trên tờ *Quốc dân nhật báo* ở Thượng Hải, cơ quan của Chính phủ, nói rằng những lời lẽ đó của tôi làm cho anh ta xem thường hết sức, bởi vì tôi không có gan dùng lời lẽ của người cộng sản. Trong Quốc dân đảng, kể từ sau cuộc "thanh đảng", nói đến chủ nghĩa cộng sản là phạm tội nặng; lưới giăng khắp nước Trung Quốc, đâu đâu cũng bắt bớ, giết chóc, mà không nói thì lại bị vị thanh niên trung dũng trong Quốc dân đảng xem thường. Quả đành phải trở thành sên thật sự, mới có hạnh

---

[1] Bài nói chuyện này, chưa tìm thấy bản thảo.

[2] Theo sách *Tam quốc chí* thì cuối đời Hán, Tiêu Tiền vì muốn tránh họa chiến tranh, ẩn cư ở huyện Vũ Dương, dựng một túp lều "lều sên", lấy gỗ ghép làm giường, phủ cỏ làm chiếu không chuyện trò với ai.

phúc "khỏi mắc tội"[1] .

Thế nhưng, lúc đó luận điệu cho rằng "các nhà văn cánh tả lấy đồng *rúp* của Liên Xô" lại được tuyên truyền ầm ỹ trên cái gọi là "báo lớn" và báo nhỏ. Nhà phê bình của nhóm *Trăng mới*, đứng bên cạnh, cùng góp sức vào không ít[2].Có mấy tờ nhặt nhạnh lời lẽ trong các bài mà mấy ông trong nhóm *Sáng tạo* gửi đăng ở các tờ báo nhỏ, cười tôi là "đầu hàng". Có một tờ thì đăng *Chuyện những kẻ bầy tôi ăn ở hai lòng* trên văn đàn[3], mà người thứ nhất là tôi-, nhưng về sau hình như không đăng tiếp nữa.

Lời vu cáo về "đồng rúp", tôi nghe quen tai rồi. Khoảng sáu, bảy năm trước, lúc tờ *Ngữ ti* ở Bắc Kinh có nói mấy câu động đến giáo sư Trần Nguyên và mấy vị "chính nhân quân tử" khác, thì tờ *Tinh báo* ở Thượng Hải liền đăng bức thư của ông Đường Hữu Nhâm, "nhân vật chính của nhóm *Hiện đại bình luận*"[4], nói rằng ngôn ngữ hành động của chúng tôi đều theo mệnh lệnh của các Mạc Tư Khoa cả. Đó chính là điệu hát tổ truyền. Cuối Tống có cái gọi là "thông Lổ"[5], đầu Thanh lại có cái gọi là "thông hải"[6], trước nay đều dùng những cớ như thế làm hại bao nhiêu người. Cho lên ngậm máu phun người đã là chuyện thường đối với các bậc sĩ quân tử Trung Quốc, chứ quả không phải chỉ là kiến giải riêng của mấy người kia: tất cả mọi cái có thể

---

[1] Nguyên văn: "*Thứ cơ đắc miễn vu tội lệ*". Đây là một câu viết theo văn ngôn có sẵn trong sách cũ.
[2] Chỉ Lương Thực Thu, một nhà văn thuộc phái Hồ Thích (xem bài *Dịch cứng nhắc và tính giai cấp của văn học).*
[3] "*Văn đàn nhi thần truyện*".
[4] Xem bài *Trả lời ông Hữu Hàng* ở tập ***Mà thôi.***
[5] Tức là "tôi liên lạc với các nước xung quanh".
[6] Tức là "tội liên lạc với nước ngoài bể" để đánh lại nước mình.

thấy được trên cõi đời đều dựa vào thế lực của kim tiền! Còn như luận điệu "bấy tôi ăn ở hai lòng" thì rất có ý nghĩa. Tôi thử xét lại mình, thấy đối với chuyện thời sự, dù không động đến bút, có lúc cũng không khỏi phỉ báng thầm trong bụng. "Tội của thần đáng chém. Thiên Hoàng là bậc thánh minh!"[1]. Phỉ báng thầm trong bụng quyết không phải là hành vi của kẻ trung thần. Nhưng các nhà văn học ngự dụng mà đã tặng cho tôi cái huy hiệu đó, thì đủ thấy trên "văn đàn" của họ có Hoàng đế rồi.

Năm ngoái tình cờ đọc mấy bài luận văn của Mêrinh[2], đại ý nói , khi xã hội cũ đang suy sụp, nếu người nào có một ý kiến khác, mang một tí tâm tư khác, thì nhất định sẽ hết sức khổ. Mà công kích, hãm hại mãnh liệt nhất là những người cùng giai cấp với người kia. Họ cho đó là kẻ phản nghịch đáng ghét nhất, đáng ghét hơn cả những tên nô lệ thuộc giai cấp khác nổi lên làm phản, cho nên nhất định phải trừ khử đi. Tôi mới biết trung ngoại cổ kim, không ở đâu không như thế. Quả thật đọc sách có thể di dưỡng tinh thần được, không còn "bất mãn với hiện trạng"[3] như trước kia nữa. Và bắt chước cái lẽ của tập ***Tam nhân***, nhưng thay đổi ý nghĩa đi, lấy lại đặt cho tập này[4]. Nhưng cái tên đó cũng không chứng minh tôi là người vô sản. Trong một giai cấp,

---

[1] Nguyên văn: "*Thần tội đương tru hề, Thiên Hoàng thánh minh*", câu thường dùng trong triều đình phong kiến.

[2] *Fraz Mehring* (1846 - 1919): nhà viết sử và phê bình văn nghệ người Đức theo chủ nghĩa Mác - tác giả sách *Lịch sử Đảng dân chủ xã hội nước Đức*, *Đời Các Mác* v.v...

[3] Lời của Lương Thực Thu trong bài báo *Bất mãn với hiện trạng thì thế nào* đăng ở tờ *Tràng mới*, số tháng 10 năm 1929.

[4] Ý nói lấy lại chữ "*nhi thần*", thay đổi ý nghĩa mà đặt tên cho tập này là "*Nhị tâm*" (Hai lòng).

đến lúc suy tàn, thường xảy ra chuyện lục đục với nhau, tức như trong *Kinh Thi* nói "anh em xích mích nhau trong nhà", nhưng về sau vị tất đã "chống lại người ngoài làm nhục"[1]. Tí dụ, cùng là quân phiệt cả, cho nên mới đánh nhau suốt năm, chứ có phải đâu một bên là giai cấp vô sản? Vả lại, tôi thường hay nói đến một vài chuyện của mình, "gặp đen" như thế nào, làm con sên như thế nào, hình như bao nhiêu khổ não trên thế giới đều tập trung vào một thân mình, và mình đang chịu tội thay cho đại chúng. Đó cũng chính là cái tật xấu của bọn trí thức tiểu tư sản. Lúc đầu là thù ghét giai cấp xuất thân mà mình biết quá rõ, mong nó tiêu diệt đi không mảy may tiếc rẻ, về sau do thực tế dạy cho, nhận thấy quả đích xác chỉ có giai cấp vô sản đang trưởng thành mới có tương lai.

Từ tháng 2 năm 1931 trở đi tôi viết nhiều hơn năm trước, nhưng vì đăng trên những tờ báo hơi khác nhau, văn chương tất phải tương xứng với từng tờ, cho nên rất ít viết những bài ngắn gọn kiểu ***Gió nóng*** . Vả lại xem những bài phê bình tôi, mà rút ra được một kinh nghiệm, hình như bình luận mà viết quá sơ lược, quá bao quát, thì rất dễ để cho người ta vô tình hiểu nhầm, hoặc cố ý xuyên tạc. Vả lại, từ đó về sau, tôi cũng không dịch biên soạn một tập luận văn kiểu ***Nấm mồ***, và một tập văn dịch kiểu ***Bích hạ dịch tùng***[2], cho nên lần này, những bài tương đối dài cũng thu thập vào đây, còn những bài dịch thì chọn bài *Nền điện ảnh hiện đại và giai cấp hữu sản* để ở cuối sách, bởi vì điện ảnh ở Trung

---

[1] "*Huynh đệ huých vu tường, ngoại ngự kỳ vu*" là chữ lấy trong *Kinh Thi (Tiểu nhã - Thường đệ)*.

[2] *Bích hạ dịch tùng*: tập luận văn của các nhà văn, nhà phê bình Nga và Nhật, Lỗ Tấn dịch, xuất bản năm 1929, do Bắc Tân thư cục ấn hành.

Quốc, tuy đã lưu hành từ lâu, nhưng những bài luận văn quan trọng như thế lại ít thấy, những người quan tâm thế sự quả thực cần phải đọc. Còn như thư từ, nếu chỉ có một bên, thì người đọc thường rất khó hiểu, cho nên chọn một vài bức họ gửi đến tương đối cần thiết, tự tiện đưa vào đây nốt.

Biên soạn xong và ký. Đêm 30 tháng 4 năm 1932

123. TỰA

(tập *Nam xoang Bắc điệu)*

Một hai năm trước, Thượng Hải có một nữ văn sĩ, bây giờ hình như không còn ở đây nữa, nhưng hồi ấy hay lôi người khác ra làm đề tài để viết cái mà bà ta gọi là *Những nét phác họa*[1]. Tôi cũng không được tha. Theo bà ta nói, thì tôi rất thích diễn thuyết, nhưng nói thì lại nói lắp, còn giọng thì đá Nam đá Bắc. Hai điểm đầu làm cho tôi rất đỗi ngạc nhiên, điểm sau thì lại làm cho tôi hết sức khâm phục. Thật thế, tôi không thể nói được giọng mềm mại của Thượng Hải, không thể nói được giọng giòn giã của Bắc Kinh, không vào điệu nào, không thuộc giọng nào, đúng là giọng Nam điệu Bắc. Và lại, mấy năm gần đây, khuyết điểm đó có xu thế được khai thác vào văn chương. Tờ *Ngữ ti* đình bản rồi, không có chỗ nào tùy ý nói được nữa: các bài lặt vặt cũng phải tùy theo các ông biên tập mà cấu tứ, thế là văn chương cũng không thể nói một là một, cái nói được thì nói một tí, cái không nói được thì cũng thôi. Ngay trên màn ảnh cũng thế, chẳng phải có lúc cũng thấy một người "nô lệ da đen", nét mặt đang tỏ ra giận dữ, thế mà có một người cũng là "nô lệ da đen", tay cầm roi da đi qua, lập tức cúi đầu xuống hay sao? Tôi cũng không phải là người ương ngạnh.

---

[1] Năm 1933, có nhà văn ký tên là Mỹ Tử viết một số bài là *Những nét phác họa về các nhà văn.* Bài nói về Lỗ Tấn có đoạn tác giả trích dẫn ở trên.

Cúi xuống, ngẩng lên, lại đã hết một năm rồi. Hàng xóm có mấy nhà đốt pháo. Chẳng là hết đêm nay thì "trời thêm năm tháng, người thêm tuổi" mà. Yên lặng, không có việc gì, vô tình mà cũng hữu ý, tôi giở những bài tạp văn viết hai năm nay sắp xếp lại, thấy đã đủ in thành một tập, đồng thời sực nhớ đến lời trong *Những nét phác họa* nói ở trên, liền đặt tên là ***Nam xoang Bắc điệu***, chuẩn bị cho đi đôi với tập *Năm nói, ba xì* [1]chưa thành sách, sau này sẽ in. Hồi còn đi học ở trường tư, tôi đã từng làm câu đối. Cái thói quen ấy nay chưa gột sạch, đề mục các bài có khi giở cái lối ấy ra, nào là *Ngẫu thành, Mạn dữ, Tác văn bí quyết, Đảo quí tâm truyền*[2], bây giờ đến cái tên sách cũng lại thế. Thật chưa đủ để lấy làm răn.

Thế nữa, riêng tôi nghĩ: Năm nay đã in tập ***Viết tự do giả*** [3]rồi; nếu tập này cũng in nữa, thì sang năm lại phải có một tập khác. Thế là cảm thấy buồn cười. Tiếng cười đó có nhiều ác ý, bởi vì lúc này, tôi đang nghĩ đến ông Lương Thực Thu. Ông ta ở phương Bắc, vừa làm giáo sư, vừa phụ trách một tờ phụ trương. Có tên lâu la viết tên tờ phụ trương đó nói rằng tôi giống Menken[4], vì mỗi năm xuất bản một cuốn sách. Mỗi năm xuất bản một cuốn sách mà giống Menken cũng mỗi năm xuất bản một cuốn sách, thế thì, ăn cơm Tây và làm giáo sư là có thể bằng ông Babit[5] người Mỹ thật rồi! Cái kém cỏi hình như cũng có thể truyền thụ được. Nhưng

---

[1] Tập tạp văn này sau không in.
[2] Đây là đề mục mấy bài trong tập này.
[3] Tức *Ngụy tự do thư*, xuất bản vào tháng 7 năm 1933.
[4] *H.L. Menken* (1880- 1956):Nhà phê bình văn nghệ người Mỹ.
[5] *I. Babitt* (1865 -1933): nhà phê bình văn nghệ người Mỹ.Lương Thực Thu thường trích dẫn văn ông này.

ông Lương Thực Thu rất không muốn vì ông ta mà liên lụy đến ông Babit, đó là căn cứ vào lời đồn đại của kẻ tiểu nhân. Có điều, Menken lại là người trái ngược với Babit, đem tôi ví với ông ta, tuy là do miệng học trò nói ra, nhưng thật ra là hồn ma của ông thầy Babit đang tác quái. Vẫy ngón tay một cái, quân tử lại lộn nhào một cái; tôi thấy cuối cùng tôi vẫn còn có thủ đoạn và còn có con mắt.

Nhưng đó là việc nhỏ. Nói đến việc to, thì mỗi lần xem bài *Không đúng như kế đã tính* viết ngày 8 tháng giêng năm ngoái, là giống như ma ám, nằm thấy một cơn ác mộng, mơ mơ màng màng, không bao lâu đã chẵn hai năm rồi. Những chuyện quái gở cứ dồn dập đến luôn, và chúng ta cũng quên đi ngay, nếu không ôn lại những tập cảm đó, thì ngay tôi là người viết bình luận cũng chẳng nhớ đến nữa. Một năm ra một tập sách, quả cũng có thể làm cho các nhà học giả lắc đầu, nhưng chỉ chờ có tập này - mặc dù nó mỏng - mới giữ lại được một ít chuyện đã qua. Đối với một nước rộng như Trung Quốc, thời thế biến đổi luôn luôn, e cũng vị tất đã là quá nhiều.

Tạp văn viết hai năm nay. Trừ những bài đăng ở mục N*ói tự do*[1], hầu như đều ở đây cả. Lời *tựa* và lời nói sau viết ở các sách , chỉ chọn mấy bài thấy còn có câu giữ lại được. Những tạp chí đã đăng những bài này là: *Giữa ngã tư, Văn học nguyệt báo. Bắc Đẩu. Hiện đại. Tiếng sóng. Luận ngữ.*

---

[1] *Nói tự do* (Tự do đàm): một mục trong tờ *Thân báo*. Từ tháng 1 năm 1933, Lỗ Tấn có đăng tập tạp văn ở đây. Những bài viết từ tháng 1 đến tháng 5 năm đó đều thu thập trong tập ***Viết tự do giả*** (Ngụy tự do thư) và những bài viết từ tháng 6 đến tháng 12 thì thu thập trong tập *Cho bàn chuyện gió trăng* (Chuẩn phong nguyệt đàm).

Thân báo, Văn học[1] v.v... lúc bấy giờ đại để dùng bút danh khác ký tên. Nhưng có một bài chưa hề đăng ở đâu cả[2].

Đêm 31 tháng 12 năm 1933

Viết ở Ngụ trai, Thượng Hải.

---

[1] *Giữa ngã tư* (Thập tự giai đầu): tạp chí của Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả, do Lỗ Tấn và Phùng Tuyết Phong chủ biên, xuất bản năm 1931, ra được 3 số. *Văn học nguyệt báo*: cũng là một tạp chí của Hội trên, lúc đầu do Diêu Bồng Tử chủ biên, xuất bản năm 1932, ra được 6 số. *Bắc Đẩu*: cũng là tạp chí của Hội đó do Đinh Linh chủ biên, xuất bản năm 1931, ra được 8 số. *Hiện đại*: do Thi Trấp Tôn và Đỗ Hành chủ biên. *Tiếng sóng* (Đào Thanh): Do Tào Tụ Nhân chủ biên. *Luận ngữ*: do Lâm Ngữ Đường chủ biên. *Thân báo*: tạp chí bàn về thời sự quốc tế. Cũng có đăng tác phẩm văn nghệ. *Văn học*: do Trịnh Chân Đạc và Phó Đông Hoa chủ biên..

[2] Chỉ bài *18 tháng 9* trông tập này.

124. TỰA VIẾT CHO CUỐN

NHỮNG ĐIỀU TAI NGHE MẮT THẤY Ở LIÊN XÔ

*CỦA LÂM KHẮC ĐA**

Khoảng chừng mười năm trước đây, tôi ốm nên đến một bệnh viện ngoại quốc khám. Trong một số *Báo hàng tuần* bằng tiếng Đức (Die Woche) để ở phòng đợi, có thấy một bức biếm họa về Cách mạng tháng Mười Nga, vẽ quan tòa, giáo viên, các bác sĩ và y tá, ai nấy đều chau mày trợn mắt, tay cầm súng. Đó là bức tranh chế giễu Cách mạng tháng Mười tôi được thấy đầu tiên, nhưng tôi cũng chỉ nghĩ bụng: dữ tợn như thế chăng, và thấy buồn cười mà thôi. Về sau, xem mấy tập du ký của người phương Tây, kẻ thì nói tốt như thế này, kẻ thì nói xấu như thế kia, lúc đó mới chẳng hiểu ra sao cả, cuối cùng tôi cũng đoán: cuộc cách mạng này có lẽ có lợi cho người nghèo khổ chăng, thế thì, đối với kẻ giàu sang, nhất định xấu rồi; có một số nhà du lịch nghĩ đến người nghèo khổ, cho nên thấy tốt; nếu lo thay cho kẻ giàu sang, tất nhiên thấy xấu cả.

Về sau lại thấy một bức biếm họa của người Anh vẽ nhà máy, trường học, vườn trẻ v.v... cắt bằng giấy, sắp hai

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Văn học nguyệt báo*, tháng 6 năm 1932. Lâm Khắc Đa vốn là một công nhân ngũ kim người Trung Quốc, sinh sống ở Pari (Pháp). Năm 1929, nước Pháp bị khủng hoảng kinh tế, ông thất nghiệp, rồi hưởng ứng việc chiêu mộ của chính phủ Liên Xô, năm 1930, ông sang Liên Xô làm việc.

bên đường, để cho người tham quan ngồi trên ôtô chạy ở giữa. Đó là phản đối tác giả các cuốn du ký nói tốt cho Liên Xô. ý nói rằng lúc tham quan, những người này bị họ lừa. Về chuyện chính trị và kinh tế tôi không hiểu, nhưng xem như việc dầu lửa và lúa mỳ năm ngoái Liên Xô xuất cảng làm cho người các nước văn minh tư bản chủ nghĩa sợ hãi, thì những điều tôi nghi ngờ bao nhiêu năm nay tiêu tan hết. Tôi nghĩ: một nước chỉ có bộ mặt giả bên ngoài, và một nhân dân chỉ chuyên môn giết người, thì quyết không thể có một mức sản xuất lớn lao như vậy; đủ thấy những bức biếm họa kia, ngược lại, đã lừa bịp người đọc một cách vô sỉ.

Có điều, người Trung Quốc chúng ta quả có cái thói xấu là không thích nghe cái hay của người khác, nhất là sau khi "thanh đảng", không thích đề cập đến những việc Liên Xô kiến thiết ngày đó. Đề cập đến thì, nếu không nói anh cố ý tuyên truyền, là nói anh nhận đồng rúp. Vả lại, hai chữ "tuyên truyền", ở Trung Quốc, quá thực bị giày xéo không ra gì nữa. Người ta đã quen xem thông điện của những bậc tai to mặt lớn, lời tuyên bố của các hội nghị, bài nói chuyện của các vị danh nhân, phát biểu xong là không thấy tăm tích đâu nữa. Thật không bằng cái rắm, cái rắm còn thối lâu hơn. Thế là dần dần, phàm có những bài văn nói đến cái hay của xứ xa lạ, hoặc của tương lai, họ đều cho là những lời lừa bịp cả; tuyên truyền chỉ là sự nói láo huyên thuyên hòng mưu lợi cho cá nhân, gọi cho nhã mà thôi!

Tất nhiên, ở Trung Quốc hiện nay, thường có cái kiểu tuyên truyền như thế. Nó dựa vào lực lượng của quan trên, quan trên định ra[1] hoặc cho phép bán khắp nơi không bị

---

[1] Nguyên văn: "*khâm định*": do vua định ra.

ngăn trở. Nhưng người đọc thì không nhiều lắm, bởi vì đã tuyên truyền, tất phải có sự thực ngay bây giờ hoặc sau này chứng minh, như thế mới có thể gọi là tuyên truyền. Mà cái kiểu tuyên truyền hiện hành ở Trung Quốc, thì không những về sau mà chỉ có những sự thực chứng minh lời "tuyên truyền" đó quả là nói láo, lại còn có một kết quả tai hại nữa, là làm cho người ta dần dần nghi ngờ tất cả mọi thứ văn chương ký sự, cuối cùng dứt khoát không xem. Ngay bản thân tôi cũng bị ảnh hưởng đó. Báo chí nói là "tân cựu tam đô" đẹp như thế nào, "Nam Bắc lưỡng kinh" có một không khí mới mẻ như thế nào[1], tất nhiên chỉ nhìn đề mục đã phát ngấy lên rồi; cả những thiên du ký nói về nước ngoài, tôi cũng không muốn động đến.

Nhưng trong năm nay, tôi cũng gặp được hai cuốn sách không cần phải để tâm đề phòng, mà lại xem hết, một là cuốn *Những ấn tượng Mạc Tư Khoa* của ông Hồ Dũ Chi[2], một nữa là cuốn *Những điều tai nghe mắt thấy ở Liên Xô* này. Tôi đọc chữ thảo kém lắm, xem rất mệt, nhưng vì muốn biết những điều tai nghe mắt thấy của tác giả công nhân tự nói là "vì vấn đề sinh sống, không thể không đi làm công", cuối cùng cứ xem. Tuy giữa chừng có gặp nhiều chỗ giống như giải thích các bản thống kê, riêng tôi không khỏi cảm thấy khô khan, nhưng may không nhiều lắm, cuối cùng cứ xem tiếp. Nguyên nhân là vì tác giả phảng phất như nói chuyện với bạn bè, không dùng những danh từ đẹp đẽ, những

---

[1] "*Tân cựu tam đô*": chỉ Nam Kinh, Lạc Dương và Tây An. Đương thời chính phủ Quốc Dân Đảng lấy Nam Kinh làm *thủ đô*, sau lấy Lạc Dương làm *hành đô* và Tây An làm *bồi đô*. *Nam Bắc lưỡng kinh*: chỉ Nam Kinh và Bắc Kinh.

[2] *Hồ Dũ Chi*: nhà bình luận chính trị, người Chiết Giang. Cuốn *Những ấn tượng Mạc tư Khoa* in ở Thượng Hải năm 1931.

cách sắp đặt khéo léo, cứ trình bày bình thường, có gì nói thẳng ra. Tác giả là một người bình thường, văn chương cũng là văn chương bình thường, Liên Xô tai nghe mắt thấy đó cũng là một nơi bình thường, nhân dân ở đó cũng là những người bình thường, những biện pháp đặt ra cũng rất hợp với nhân tình, cách sống cũng chỉ giống như cách sống của con người, chả có gì là ly kỳ cổ quái cả. Nếu muốn tìm trong đó những chuyện lạ lùng, tất nhiên không khỏi thất vọng, nhưng nên biết rằng cứ để mặt thật không tô son trát phấn mà lại đẹp.

Vả lại, do đó cũng có thể biết được nguyên nhân vì sao các nước văn minh tư bản chủ nghĩa trên thế giới nhất định muốn tấn công Liên Xô. Công nông đều ra dáng người, đó là điều rất không có lợi cho nhà tư bản và địa chủ, cho nênnhất định phải tiêu diệt cái gương mẫu đại chúng công nông này đi. Liên Xô càng bình thường, bọn chúng càng sợ hãi. Năm sáu năm trước, Bắc Kinh đồn nhao lên rằng ở Quảng Đông[1] người ta đi trần truồng ngoài phố, sau này Nam Kinh, Thượng Hải cũng lại đồn nhao lên rằng ở Vũ Hán[2] người ta đi trần truồng ngoài phố. Tức là chúng nó chỉ muốn có những chứng cớ tỏ rằng phía kẻ địch của chúng nó không bình thường. Căn cứ vào những điều kể lại trong cuốn sách này, quả thực Liên Xô đã làm cho chúng nó thất vọng. Vì sao vậy? Bởi vì không những "những chuyện không bình thường", như chung vợ, giết cha, trần truồng đi ngoài đường phố, quả thực không có mà thôi, trái lại, có rất nhiều việc cực kỳ bình thường, tức là "tôn giáo, gia đình, tài sản, Tổ

---

[1] *Quảng Đông*: trung tâm cách mạng và là nơi ảnh hưởng của Đảng cộng sản mạnh nhất hồi đó.

[2] Sau cuộc bạc phát, Vũ Hán là nơi Đảng cộng sản hoạt động mạnh.

quốc, lễ giáo...Tất cả những cái thần thánh bất khả xâm phạm đó"[1] đều vứt đi như rác rưởi, và một chế độ xã hội mới, chân chính, trước nay chưa từng có, xuất hiện giữa địa ngục, hàng triệu quần chúng trở thành những con người tự chi phối lấy vận mệnh của mình. Việc hết sức bình thường như thế, thì chỉ có "bọn cướp"[2] mới làm. Phải giết đi, đó là "bọn cướp"!

Nhưng tác giả đến Liên Xô sau Cách mạng Tháng Mười đã mười năm cho nên chỉ nói cho chúng ta biết họ gian khổ, kiên nhẫn, dũng cảm và hy sinh như thế nào, còn như họ đã chiến đấu như thế nào mới đi đến kết quả như hiện nay, những câu chuyện như thế, lại kể rất ít. Tất nhiên đó là nhiệm vụ của một số loại sách khác, không thể bắt tác giả phải hoàn toàn gánh vác hết, nhưng người đọc nhất thiết không thể bỏ qua được điểm đó, nếu không, thì giống như anh chàng trong *Thí dụ kinh* Ấn Độ[3] nói, muốn xây một ngôi lầu cao mà lại phản đối cây cột trụ trên mặt đất, nghe nói là vì anh ta muốn xây một ngôi nhà lầu cách hẳn mặt đất.

Tôi không đề phòng và đã đọc hết cuốn sách này,

---

[1] Đây có lẽ là một sự hiểu lầm của tác giả sách *Những điều tai nghe mắt thấy*.

[2] "*Bọn cướp*" (phỉ đồ): tiếng mà bọn Quốc dân đảng phản động đương thời dùng để phỉ báng những người cách mạng.

[3] *Thí dụ kinh*: Tên đầy đủ là *Bách cú tỉ dụ kinh*, còn gọi là *Bách dụ kinh*, năm 492 được đưa vào Trung Quốc và sau đó không lâu, được dịch ra Hán Văn. Gồm 98 tỉ dụ, dùng để trừ phiền não, trị tội ác và biểu dương Phật pháp.

Trong *Bách dụ kinh* có câu chuyện như sau để răn người đời:

"*Ngày xưa có một anh giàu mà ngu, thấy nhà ba tầng rộng rãi, đẹp đẽ, muốn làm một tòa như thế. Gọi thợ đến: thợ đóng cọc xây nhà. Anh ta không hiểu nổi, liền nói với thợ rằng: "Đừng xây hai tầng dưới nữa, hãy xây cho ta tầng trên hết, vì hai tầng dưới không dùng làm gì, chỉ cần dùng tầng trên hết mà thôi".*

nguyên nhân đã nói ở trên, và tôi tin những cái tốt đẹp của Liên Xô mà sách này đã nói tới. Cũng còn có một nguyên nhân nữa, tức là gần mười năm trước, người những nước gọi là văn minh có Liên Xô không tốt như thế nào, không có hy vọng như thế nào, năm ngoái đã run lên trước chuyện dầu lửa và lúa mỳ Liên Xô. Và tôi thấy một sự thật đích xác:chúng nó đang hút máu mủ của Trung Quốc, cướp đất đai của Trung Quốc, giết nhân dân Trung Quốc. Chúng nó là những tay đại bịp bợm, chúng nó nói xấu Liên Xô, muốn tấn công Liên Xô, đủ thấy Liên Xô là tốt. . Cuốn sách này cũng chính là chứng cớ rõ rệt cho ý kiến của tôi.

Ngày 20 tháng 4 năm 1932

Viết ở Hạp Bắc ngụ lâu, Thượng Hải

LỖ TẤN

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

125. TỰA VIẾT CHO CUỐN

TỰ TUYỂN TẬP[*]

Tôi viết tiểu thuyết là bắt đầu từ năm 1918, lúc đầu tờ *Tân thanh niên* đề xướng "Cách mạng văn học", cuộc vận động này bây giờ đã thành một cái dấu cũ trên lịch sử văn học rồi, nhưng thời đó, thì không nghi ngờ gì, ấy là một cuộc vận động cách mạng.

Tác phẩm của tôi trên tờ *Tân thanh niên*, dáng dấp đại khái cũng nhất trí với mọi người, cho nên tôi nghĩ, những cái ấy quả cũng có thể kể là "văn học cách mạng" thời đó được.

Thế nhưng thời đó đối với "cách mạng văn học", kỳ thực tôi không lấy gì làm nhiệt tình cho lắm. Đã từng thấy cuộc Cách mạng Tân Hợi, đã từng thấy cuộc Cách mạng lần thứ hai[1], đã từng thấy Viên Thế Khải xưng đế[2], Trương

---

[*] Cuốn **Lỗ Tấn tự truyện** do Thiên Mã thư điếm Thượng Hải xuất bản, tháng 3 năm 1933. Tập này gồm bảy bài trong tập **Cổ dại** (Bóng từ giã người, chuyện hay, Khách qua đường, Địa ngục tối mất đi, Hạng chiến sỹ như thế, Người thông minh, Người ngu và nô lệ, Trong vết máu nhạt), năm truyện trong **Gào thét** (Khổng Ất Kỷ, Mẩu chuyện nhỏ, Cố hương, AQ chính truyện, Kịch con vịt), năm truyện trong **Bàng hoàng** (Trong quán rượu, Xà phòng, Thị chúng, Tiếc những ngày đã mất, Ly dị) và ba thiên trong **Nhật cảnh hoa tàn** (Chó, mèo, chuột, Ông Võ thường, Anh Phạm Ái Nông).

[1] Cuộc cách mạng lần thứ hai chỉ việc Quốc dân đảng khởi binh chống Viên Thế Khải năm 1913.

[2] Viên Thế Khải xưng đế năm 1916.

Huân phục tích[1], thấy đi thấy lại, thấy cho đến nỗi đâm ra hoài nghi, thế là thất vọng, chán nản vô cùng. Nhà văn học dân tộc có nói trên một tờ lá cải năm nay rằng: "Lỗ Tấn đa nghi". Đúng như thế, tôi đang nghi bọn người này chẳng phải là nhà văn học dân tộc chân chính, chúng biến hóa thế nào hiện chưa lường được. Có điều, tôi lại hoài nghi cả nỗi thất vọng của tôi, bởi vì những người, những việc tôi từng thấy rất có hạn. Ý nghĩ đó đã đưa cho tôi sức lực để cầm bút.

"Tuyệt vọng cũng giống như hy vọng đều hư ảo, huyền hoặc"[2].

Đã không có nhiệt tình trực tiếp với " cách mạng văn học", thì sao lại cầm bút ? Nhớ lại, phần lớn là vì mối đồng cảm với những người nhiệt tình. Mấy người chiến sĩ đó, tôi nghĩ, tuy ở hiu quạnh nhưng tư tưởng khá lắm; mình cũng nên gào mấy tiếng trợ uy cho họ! Lúc đầu là vì thế. Tất nhiên, trong đó cũng không khỏi xen vào cái hy vọng bộc lộ căn bệnh của xã hội cũ, thôi thúc mọi người lưu ý, tìm cách cứu chữa. Nhưng để đạt được điều mong mỏi đó, thì phải đi nhịp bước với những người tiền phong. Thế là tôi bỏ bớt những cái gì đen tối, làm ra vẻ vui tươi, để cho tác phẩm có phần sáng sủa hơn. Đó là những bài về sau thu thập lại trong ***Gào thét***, cộng cả thảy 14 bài.

Những bài đó có thể nói là "văn học tuân mệnh". Có điều mệnh lệnh tôi tuân theo là mệnh lệnh của những người cách mạng tiền phong lúc bây giờ, cũng là mệnh lệnh mà tôi vui lòng tuân theo, chứ quyết không phải là thánh chỉ của hoàng thượng, cũng không phải của Kim, Nguyên và những

---

[1] Trương Huân đưa Tuyên Thống lên làm vua lại. Chuyện xảy ra năm 1917.

[2] Hai câu này lấy trong bài *Hy vọng*, tập ***Cỏ dại***.

tên đao phủ chính cống.

Về sau, đoàn thể *Tân thanh niên* giải tán. Có kẻ thăng quan, có kẻ lui về ở ẩn, có kẻ cứ tiến bước. Một lần nữa tôi lại thấy các đồng bạn của mình trong cùng một mặt trận có thể biến hóa đến như thế ! Còn tôi thì chỉ trơ lại cái danh hiệu " nhà văn", lủi thủi một mình trong cõi sa mạc, có điều không làm sao thoát khỏi cái việc làm văn chương đăng trên các báo hết sức tản mạn, gọi là " tùy tiện nói chơi". Có những cảm xúc nhỏ thì viết thành một bài văn ngắn, nói cho to chuyện, thì đó là những bài thơ bằng văn xuôi, về sau in thành tập gọi là ***Cỏ dại***. Có được những tài liệu khá đầy đủ thì lại viết thành truyện ngắn. Chỉ vì mình đã trở thành một dũng sỹ lưu lãng, không bố trí thành trận được, cho nên kỹ thuật tuy có khá hơn trước một tý, tư tưởng tựa hồ cũng không gò bó, nhưng ý chí chiến đấu thì có nguội lạnh đi rất nhiều. Những người bạn chiến đấu mới ở đâu ? Tôi nghĩ, đó là một điều không hay. Thế rồi tôi đem thu thập mười một thiên truyện ngắn thời kỳ này và in thành sách gọi là ***Bàng hoàng***, và nguyện từ nay về sau sẽ không như thế nữa :

Lộ man man kỳ tu viễn hề
Ngô tương thượng hạ nhi cầu sách [1]

Không ngờ câu nói khoác lác ấy rồi mất tăm mất tích. Chạy khỏi Bắc Kinh, trốn xuống Hạ Môn, chỉ ngồi trên lầu cao mà viết mấy thiên ***Chuyện cũ viết lại*** và ***Nhặt cánh hoa tàn***. Những thiên trước là thần thoại, truyền thuyết và sự thực

---

[1] Một câu thơ của Khuất Nguyên trong bài *Ly tao* :

Quản bao nước thẳm non xa
Để ta tìm kiếm cho ra bạn lòng

(N.T. *dịch*)

lịch sử diễn nghĩa, những thiên sau chỉ ghi lại hồi ức mà thôi.

Từ đó về sau, không sáng tác gì nữa, *"không không như dã"*

Có thể miễn cưỡng gọi là sáng tác, thì cho đến nay tôi chỉ có năm tập đó, vốn có thể đọc xong trong khoảnh khắc, nhưng nhà xuất bản muốn tôi tự tuyển lấy làm thành một tập. Suy đoán, có lẽ vì làm như thế thì một là có thể tiết kiệm cho người đọc một số tiền, hai là, cho rằng tự tác giả chọn lấy có thể sáng suốt hơn người khác nhiều chăng. Về điểm thứ nhất, tôi không có ý kiến gì; về điểm thứ hai, tôi lại cảm thấy cũng rất khó, bởi vì từ trước đến nay, không có tác phẩm nào mà tôi đã dụng công đặc biệt hoặc lười biếng đặc biệt, cho nên cũng không có tác phẩm nào mình tự cho là tuyệt vời, đáng được chọn ra. Không có cách nào khác, tôi bèn lấy những bài mà tài liệu, cách viết, đều khác nhau, bạn đọc có thể tham khảo, chọn ra 22 thiên, góp thành một tập, nhưng hết sức gạt ra những tác phẩm đem lại cho người đọc một "cảm giác nặng nề". Đây vẫn là ý nghĩ của tôi hiện nay :

"Không muốn đem nỗi quạnh hiu mà mình cho là đau khổ làm lây sang những người thanh niên đang ôm ấp những mộng đẹp như tôi hồi còn niên thiếu"[1]

Nhưng lại không phải là tôi cố ý che giấu như hồi ***Gào thét***, bởi vì bây giờ tôi tin rằng thanh niên hiện tại và tương lai không thể có một tâm trạng như thế nữa.

Ngày 14 tháng 12 năm 1932

Ở nhà trọ. Thượng Hải

LỖ TẤN

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu*** *)*

---

[1] Câu này lấy trong bài *Tựa viết lấy* tập ***Gào thét.***

126. KỶ NIỆM ĐỂ QUÊN ĐI *

I

Đã lâu, tôi định viết ít chữ để kỷ niệm mấy nhà văn trẻ ấy. Cũng chẳng nhằm mục đích gì khác, mà chỉ vì hai năm qua, nỗi bi phẫn cứ luôn luôn dồn dập trong lòng, mãi đến nay mãi chưa thôi, tôi muốn nhân cơ hội này, vươn mình một cái, thoát khỏi tâm trạng bi ai kia đi, cho con người được nhẹ nhàng hơn. Nói thẳng ra, tức là tôi muốn quên đi, đừng nhớ tới họ nữa.

Cũng lúc này hai năm trước - đêm mùng 7 hay là sáng mùng 8 tháng 2 năm 1931 - nhà văn trẻ của chúng ta[1] bị hại cùng một lần. Hồi bấy giờ, báo chí Thượng Hải chẳng tờ nào dám đăng tin, hoặc có lẽ không muốn đăng, không thèm đăng cũng nên. Chỉ trên tờ *Tin văn nghệ* là có một bài ngắn ngắn, ý tứ giấu giếm dưới những lời lẽ quanh co. Ấy là bài

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Hiện đại* số tháng 4 năm 1933.

[1] Năm nhà văn trẻ chỉ Nhu Thạch, Hồ Dã Tần, Bạch Mãng (tức Ân Phu), Phùng Khanh và Lý Vỹ Sâm.

Nhu Thạch (1901 - 1931) : tác giả *Người mẹ nô lệ* là một nhà văn còn trẻ đã từng cộng tác với Lỗ Tấn trong việc làm báo, xuất bản sách.

Hồ Dã Tần : (1905 - 1931) : tác giả *Dã Tần thi tuyển*, *Đi Mạc Tư Khoa*, *Ánh sáng ở phía trước chúng ta*.

Bạch Mãng (1909 - 1931) : tác giả *Tháp Hài nhi*.

Phùng Khanh (1907 - 1931) : tác giả *Trở lại*, *Nhật ký đó*.

Lý Vỹ Sâm (1903 - 1931)

của ông Lâm Mãng đề là *Ghi lại một vài cảm tưởng về anh Bạch Mãng*, đăng ở số 11 ngày 25 tháng 5. Có đoạn viết :

" *Anh có làm một số bài thơ, lại có dịch mấy bài của nhà thơ Hungari Pêtôfi* [1]. *Hồi đó chủ bút tạp chí* Bôn lưu *là ông Lỗ Tấn, nhận được bài anh gửi đăng, có viết thư mời anh đến nói chuyện. Có điều anh không muốn gặp một danh nhân, thành ra ông Lỗ Tấn phải thân hành đi tìm anh, hết sức khuyến khích anh đi vào con đường sáng tác văn học. Nhưng rồi anh không thể ngồi trong nhà mà viết lách được, anh lại đi theo con đường của anh. Chẳng bao lâu sau, anh bị bắt một lần nữa...* ".

Câu chuyện giữa hai chúng tôi mà tác giả bài báo thuật lại trên, thực ra, không được đúng lắm. Bạch Mãng không kiêu ngạo như thế. Anh đã từng lại chơi nhà tôi, nhưng cũng không phải vì tôi yêu cầu gặp anh. Mà tôi cũng không phải là người kiêu ngạo như thế, có thể khinh suất viết thư gọi một người gửi bài đăng báo vốn chưa từng quen biết như anh. Lý do vì sao chúng tôi gặp nhau thì bình thường thôi. Hồi đó, bài anh gửi đến đăng là một bài nói về thân thế Pêtôfi, dịch từ tiếng Đức. Tôi liền gửi thư xin cho xem nguyên văn. Nguyên văn nằm ở đầu tập thơ, gửi bưu điện không tiện, nên anh tự tay đem đến. Trông qua, thì thấy anh là một thanh niên ngoài hai mươi tuổi, mặt mũi sáng sủa, nước da ngăm ngăm đen. Lúc đó, chúng tôi nói chuyện với nhau những gì thì không nhớ nữa, chỉ còn nhớ anh anh cho biết anh họ Từ, người Tượng Sơn. Tôi hỏi anh tại sao người con gái đứng nhận thư thay cho anh lại đặt một cái tên lạ lùng như vậy (lạ lùng như thế nào, bây giờ cũng quên rồi). Anh nói cô ta thích

---

[1] *Pêtôfi* : nhà thơ, nhà cách mạng, nhà dân chủ chủ nghĩa Hungari.

đặt cái tên lạ lùng, romantique[1] như thế, bản thân anh cũng có nhiều điểm không hợp ý với cô ta. Chỉ còn nhớ có thế.

Đêm đó, tôi đem bản dịch và nguyên văn ra đối chiếu sơ qua, thì thấy ngoài mấy chỗ dịch sai, có chỗ cố ý dịch khác đi. Hình như anh không muốn dùng chữ "*Nhà thơ của quốc dân*" nên chỗ nào cũng đổi thành "*nhà thơ của dân chúng*". Hôm sau lại nhận được thư anh, nói rằng rất hối hận đã gặp tôi, anh nói quá nhiều mà tôi thì nói quá ít, lại lạnh lùng, anh cảm thấy như có cái gì uy hiếp anh. Tôi liền viết thư trả lời thanh minh rằng, mới gặp nhau lần đầu, nói ít thì cũng là nhân chi thường tình. Và tôi cũng góp ý kiến với anh, khi dịch không nên vì mình thích hay không thích mà thay đổi nguyên văn đi. Nhân vì cuốn sách của anh còn để lại ở nhà tôi, nên tôi gửi cho anh hai tập khác của riêng tôi, hỏi có thể dịch thêm mấy bài nữa để độc giả xem không. Quả nhiên anh dịch thêm mấy bài nữa, cầm tay đưa đến. Lần này, chúng tôi nói chuyện nhiều hơn lần trước. Những bài dịch đó, bài nói về thân thế và mấy bài thơ, sau đăng ở tạp chí *Bôn lưu*, tập 5, quyển II, cũng tức là tập cuối cùng tạp chí này.

Lần thứ ba chúng tôi gặp nhau, tôi còn nhớ là vào một ngày nóng lắm. Có người gõ cửa. Tôi ra mở. Té ra là Bạch Mãng. Anh mặc một chiếc áo dài bông dày cộp, mặt mồ hôi đầm đìa. Hai bên nhìn nhau không thể nhịn được cười. Lúc đó anh mới nói cho tôi biết rằng anh là một nhà cách mạng, bị bắt vừa được tha, áo quần, sách vở đều bị tịch thu sạch, cả hai tập sách tôi gửi cho anh cũng thế; chiếc áo dài anh đang

---

[1] Lãng mạn.

mặc là một người bạn cho mượn, vì không có áo lót mà phải mặc áo dài nên mồ hôi ra nhiều như thế. Tôi nghĩ bụng : có lẽ anh là người mà ông Lâm Mãng lần nọ nói rằng " lại bị bắt lần nữa" đây !

Thấy anh được tha, tôi rất lấy làm mừng, liền vội đưa cho anh số tiền nhuận bút để anh có thể mua một chiếc áo lót, nhưng một mặt tôi cũng rất thương xót cho hai tập sách của tôi : " Rơi vào tay bọn cảnh sát thì thật là hòn ngọc quăng vào nơi đen tối". Hai tập sách đó vốn chỉ là loại sách rất xoàng, một tập văn xuôi, một tập thơ, theo lời người dịch ra tiếng Đức, thì chính do ông ta sưu tập lấy, ngay ở Hungari cũng chưa có tập nào đầy đủ như thế, nhưng in ở *Reclam's Universel bibliothek* (Tủ sách phổ thông của nhà xuất bản Reclam), nên ở Đức thì đâu cũng có, giá cũng chưa đến một đồng bạc. Có điều đối với tôi thì rất qúy, bởi vì cách đây 30 năm về trước, lúc tôi đang say mê thơ Pêtôfi, tôi đã phải nhờ riêng hiệu sách Hoàn thiện[1] gửi mua ở Đức cho. Hồi bấy giờ có lẽ vì giá sách rẻ quá, nên người đứng bán hàng không dám nhận, nói có vẻ lo lắng lắm. Về sau, có thể nói, đi đâu tôi cũng mang theo bên người, chỉ vì hoàn cảnh thay đổi nên không có ý dịch nữa; lần này, định tâm giao cho một người thanh niên cũng yêu thơ Pêtôfi như tôi đạo ấy, thì cũng cho đi là mình đã tìm được nơi gửi gắm ! Vì vậy tôi đã hết sức trịnh trọng nhờ Nhu Thạch tự cầm tay đưa đến. Ai ngờ lại có thể rơi vào tay hạng người như bọn " ba que"[2]. Không oan uổng sao!

---

[1] Hiệu sách *Hoàn thiện* : một hiệu sách của người Nhật ở Đông Kinh chuyên bán sách Tây.

[2] Đây chỉ bọn cảnh sát ngoại quốc ở tô giới Thượng Hải đương thời, bọn này lon có ba vạch nên gọi là bọn "ba que".

II

Tôi quyết không dám mời những người gửi bài đăng báo đến tòa soạn, thật ra cũng không phải hoàn toàn vì khiêm tốn, mà có hàm ý tránh những chuyện phiền phức ít nhiều. Theo kinh nghiệm từ trước đến nay, tôi biết các bạn thanh niên, nhất là các bạn thanh niên viết văn, mười người, đến chín, cảm giác rất nhạy, lòng tự ái cũng rất mạnh, không cẩn thận một chút là rất dễ sinh ra những chuyện hiểu nhầm cho nên thường thường thì cố ý tránh đi. Gặp nhau còn ngại, bất tất phải nói là dám nhờ cậy điều gì. Nhưng hồi bấy giờ tôi ở Thượng Hải, cũng có một người duy nhất, không những tôi dám cười cười, nói nói tự nhiên với anh ta, mà còn dám nhờ cậy làm đôi chút việc riêng. Đó là Nhu Thạch, người cầm sách đến cho Bạch Mãng.

Tôi gặp Nhu Thạch lần đầu tiên không biết vào hồi nào, và ở đâu. Hình như anh ta có nói rằng, anh từng dự lớp tôi giảng hồi ở Bắc Kinh, như thế thì vào khoảng 8,9 năm trước đây. Tôi cũng không nhớ đến Thượng Hải vì sao chúng tôi lại lui tới với nhau. Chỉ nhớ hồi đó, anh ở đường Cảnh Vân Lý, cách nhà tôi bốn năm nhà, không biết thế nào mà lại quen nhau. Đại khái lần gặp đầu tiên, anh cho biết anh họ Triệu, tên là Bình Phục. Nhưng anh lại có kể cho nghe rằng, ở quê anh, bọn thân hào hống hách lắm, có một vị thấy tên anh hay hay, muốn lấy tên đó đặt cho con, bắt anh đổi tên khác. Cho nên tôi đoán rằng tên anh vốn là " Bình Phúc", bình ổn và có phúc phận, mới hợp ý vị thân hào nọ, chứ " Phục" thì vị tất ông ta đã thích đến như thế ! Quê anh ở Ninh Hải thuộc Đài Châu. Chỉ xem cái tính cứng cỏi kiểu người

Đài Châu của anh thì biết ngay. Anh lại có hơi không thiết thực một tí, có lúc làm tôi sực nhớ đến Phương Hiếu Nhụ[1], phảng phất thấy có nhiều điểm giống.

Anh ngồi ở nhà trọ viết văn, sáng tác cũng có, dịch cũng có. Chúng tôi đi lại với nhau khá lâu, nói chuyện rất là tâm đầu ý hợp... Thế rồi chúng tôi bàn bạc với một số thanh niên khác cùng một chí hướng thành lập nhóm *Triêu hoa*, mục đích giới thiệu văn chương các nước Đông Âu và Bắc Âu, đem vào một số tranh ngoại quốc, bởi vì chúng tôi đều nhận thấy cần phải xây dựng một thứ văn nghệ lành manh, chất phác. Tiếp đó, chúng tôi cho in tờ *Triêu hoa tuần san*, in tập *Truyện ngắn của thế giới cận đại*, in tờ *Nghệ uyển triêu hoa* đều theo phương châm đó cả. Trong đó chỉ có tập *Tuyển tập tranh của lộ Cốc Hồng Nhi* in ra là cốt để tẩy chay nhà " nghệ sĩ" nọ ở Thượng Hải, tức là vạch mặt con hổ giấy Diệp Linh Phượng[2].

Nhưng Nhu Thạch chẳng có một đồng tiền nào trong túi, phải đi vay hai trăm đồng bạc mà in. Ngoài việc mua giấy ra, phần lớn bài vở và công việc linh tinh đều do anh cáng đáng hết, như liên lạc với nhà in, vẽ tranh ảnh, chữa bản in thử. Nhưng thường thường anh không được vừa ý, nói đến là lại chau mặt chau mày. Đọc tác phẩm cũ của anh, thấy có một không khí rất bi quan, nhưng thực tế anh không phải như vậy, anh tin tưởng con người ta vốn tốt. Có lần tôi nói với anh về chuyện con người có thể lừa lọc nhau, bán rẻ bạn

---

[1] *Phương Hiếu Nhụ* : một nhà văn thời Minh, người Chiết Giang, vì phản đối nhà vua nên bị giết.

[2] *Lộ Cốc Hồng Nhi* : nhà họa sĩ Nhật Bản. *Diệp Linh Phượng* : họa sĩ người Trung Quốc vẽ tranh và bìa sách cho các nhà xuất bản Thượng Hải và mô phỏng các tranh của Lộ Cốc Hồng Nhi.

bè, hút máu đồng bào như thế nào, thì vừng trán anh bỗng sáng ra, anh kinh ngạc giương tròn đôi mắt cận thị lên, phản đối, nói: "Lại có thể như thế ư? Đâu đến nỗi như vậy".

Nhưng chẳng bao lâu, nhóm *Triêu hoa* phải đóng cửa.Tôi không muốn nói rõ nguyên nhân ra ở đây, kết quả là đầu óc mơ mộng theo đuổi lý tưởng của Nhu Thạch đụng vào một cái đinh rất lớn[1]. Bao nhiêu hơi sức cố nhiên là đi đời, lại còn phải đi vay thêm một trăm đồng bạc để trả tiền giấy nữa. Về sau đối với các thuyết "lòng người tráo trở "[2] của tôi, anh bớt hoài nghi đi, có lúc anh cũng than thở nói: "Thực có thể như thế ư? " Nhưng anh vẫn tin tưởng con người ta vốn tốt.

Thế rồi một mặt anh đem những sách còn lại chia được ở nhóm *Triêu hoa* đưa đến các hiệu sách Minh Nhật thư điếm, Quang Hoa thư cục hi vọng còn có thể thu được đồng nào chăng, một mặt thì dịch sách bán sống bán chết, lấy tiền trả nợ. Đó là *Tập truyện ngắn Đan Mạch*, và tập truyện dài *Sự nghiệp của Actamônôp* của Gorki bán cho nhà xuất bản Thương vụ ấn thư quán. Nhưng tôi chắc các bản thảo này, có lẽ năm ngoái vì chiến tranh đã cháy mất rồi .

Cái tính không thiết thực của anh dần dần cũng thay đổi. Về sau, anh cũng dám đi ra phố cùng các cô gái, người làng hoặc bạn bè. Có điều hai bên đi cách nhau ít nhất là ba bốn thước[3]. Cái lối này thật không tốt, có lúc tôi đi gặp anh ngoài đường, nếu thấy có một cô trẻ, đẹp đi trước hoặc là đi sau anh hay là đi ngang hàng, cách anh chừng bốn năm

---

[1] Ý nói bị một vố rất đau, xúi quẩy.
[2] Nguyên văn : *nhân tâm duy nguy.*
[3] Thước Trung Quốc.

thước, thì tôi liền nghi là bạn gái anh. Nhưng đến khi đi với tôi thì anh đi sát cạng tôi, đỡ đần cho tôi, sợ tôi bị xe hơi hoặc tàu điện cán chết. Còn tôi thì càng lo cho anh cận thị mà lại còn phải chăm sóc người khác, thành ra cả hai người cứ lo lắng cho nhau rồi cứ luống cuống suốt cả quãng đường. Vì thế, nếu không phải là vạn bất đắc dĩ, thì ít khi tôi đi ra phố với anh. Quả thật thấy anh vất vả, mà tôi cũng đâm ra vất vả.

Bất cứ theo đạo đức cũ hay đạo đức mới, hễ cái gì lợi cho người khác mà có hại cho mình đi nữa, thì anh chọn ngay tự mình gánh vác lấy.

Cuối cùng anh quyết tâm thay đổi.Có lần, anh nói rõ với tôi là từ nay về sau, cần phải thay đổi nội dung và hình thức tác phẩm của anh. Tôi nói: "E khó đấy! Thí dụ quen sử dụng đao, bây giờ muốn sử dụng côn, thì thế nào được! " Anh trả lời vắn tắt : "Chỉ cần học là được".

Không phải anh nói rồi bỏ đi. Quả thật bắt đầu anh học lại. Hồi bấy giờ anh cùng với một người bạn gái đến thăm tôi, tức là nữ sĩ Phùng khanh. Nói chuyện chơi một lúc, tôi thấy tôi và cô ta không hợp nhau lắm. Tôi nghi cô ta có hơi romantique[1] làm cái gì cũng muốn làm to. Tôi lại nghi là gần đây Nhu Thạch muốn viết một bộ tiểu thuyết thật dài, có lẽ cũng là theo chủ trương của cô ta. Nhưng tôi lại đâm ra nghi cả tôi nữa, có lẽ cái câu trả lời như đinh đóng cột của Nhu Thạch hôm nọ đã chạm vào cái chủ trương kỳ thực là lười biếng của tôi, như chạm vào một vết thương, do đó mà bất giác tôi giận lây cô ta. Quả thật tôi chẳng hơn gì các nhà

---

[1] Lãng mạn.

văn trẻ, giầu lòng tự ái, thần kinh quá nhạy, điều mà tôi thường e ngại.

Cô ta người gầy yếu, mà cũng không đẹp.

III

Cho mãi đến khi Hội Liên hệp các nhà văn cánh tả thành lập rồi, tôi mới rõ Bạch Mang mà tôi quen chính là Âu Phu có thơ đăng trên tờ *Người vỡ hoang.* Một lần trong một cuộc đại hội, tôi đưa cho anh một tập du ký của một nhà báo Mỹ sang thăm Trung Quốc, địch ra tiếng Đức, chẳng qua là để anh có thể qua bản dịch đó học thêm được ít nhiều tiếng Đức, chứ chẳng có ý gì sâu sắc khác cả. Nhưng anh không đến. Tôi lại nhờ Nhu Thạch đưa hộ.

Không bao lâu, cả hai người cùng bị bắt. Quyển sách của tôi cũng bị tịch thu, rơi vào tay bọn "ba que"

IV

Nhà xuất bản Minh Nhật thư điếm muốn ra một tờ tạp chí, mời Nhu Thạch làm chủ bút. Anh đồng ý. Nhà xuất bản còn định in sách dịch, sách sáng tác của tôi nữa, nhờ anh lại hỏi tôi cách tính tiền nhuận bút. Tôi liền đem bản giao kèo của tôi ký vớinhà xuất bản Bắc Tân thư cục, chép đưa cho anh một bản. Anh nhét vào túi áo, vội vàng đi về. Ấy là vào đêm 16 tháng giêng năm 1931. Không ngờ lần ấy chúng tôi gặp nhau là lần cuối cùng và cũng là ngày chúng tôi vĩnh quyết.

Hôm sau, anh bị bắt trong một phòng họp, trong túi còn

cả bản giao kèo in sách của tôi. Nghe nói vì thế mà nhà chức trách truy nã tôi. Giao kèo in sách rành rành đấy, nhưng tôi không muốn đến thanh minh ở một chỗ ám muội như vậy. Còn nhớ trong tập *Thuyết Nhạc toàn truyện* có kể một vị cao tăng khi thấy một bọnh sai nhađến cửa chùa định bắt thì ông ta liền "tọa hóa"[1], còn để lại một một bài kệ có câu: "*Hà Lập tòng đông lai, Ngã hướng Tây phương tẩu*[2]. Đó là biện pháp hay nhất mà kẻ nô lệ mơ ước để thoát khỏi bể khổ, bọn "kiếm hiệp" cũng không hy vọng làm được. Tự do tự tại đến thế là cùng! Tôi không phải là một vị cao tăng, không biết cái cảnh tự do của cảnh Niết bàn, lại còn lưu luyến với cuộc đời, cho nên tôi đánh tháo.

Đêm hôm ấy, tôi đốt hết thư từ cũ của bạn bè, cùng vợ mang đứa con nhỏ đến ở một khách sạn. Mấy ngày sau, nghe ở ngoài người ta kháo nhau rằng tôi bị bắt, hoặc bị giết rồi. Còn tin về Nhu Thạch thì biết rất ít. Có người nói, anh bị cảnh sát giải đến Minh Nhật thư điếm, hỏi có phải là biên tập viên không: người thì lại nói, anh bị cảnh sát giải đến Bắc Tân thư cục, hỏi có phải là anh Nhu Thạch không: tay bị xiềng, đủ thấy tội rất nặng. Nhưng tội gì thì chẳng ai rõ cả.

Khi anh ở trong tù, anh có gửi cho một người làng hai bức thư, tôi có được xem qua. Bức thư thứ nhất như sau:

"Hôm qua tôi với ba mươi năm đồng phạm (trong đó có bảy chị) cùng bị bắt đến Long Hoa. Và cũng từ đêm qua bị xiềng lại. Chính trị phạm trước nay không bị xiềng, đây bắt

---

[1] *Thuyết Nhạc toàn truyện* có kể một vị hòa thượng vì phản đối Tần Cối, Tần Cối sai tay sai Hà Lập đến bắt. Hà Lập đến trước cửa chùa thì vị hòa thượng nọ chết rồi. Hòa thượng trước khi chết ngồi xếp bằng tròn cho nên gọi là *Tọa hóa*.

[2] Nghĩa là hai câu thơ: *Hà lập từ đông lại, thì ta đã đi về Tây phương.*

đầu một kỷ nguyên mới. Vụ án liên lụy đến nhiều người, tôi sợ khó lòng được thả ngay. Việc đăng nhà xuất bản, nhờ anh thay tôi làm giúp cho. Bây giờ vẫn khỏe. Đang cùng anh Ân Phu học tiếng Đức. Chuyện này nên nói lại với ông Chu rõ[1]*. Mong ông ta chớ lo ngại. Chúng tôi chưa bị tra khảo. Cảnh sát và công an hỏi địa chỉ ông ta mấy lần, nhưng tôi làm sao biết được. Các anh chớ lo ngại. Chúc anh mạnh.*

Ngày 24 tháng Giêng

TRIỆU THIẾU HÙNG

Đó là mặt trước bức thư.

" Cần hai ba chiếc bát sắt ăn cơm.

Nếu không gặp được thì đem đến nhờ chuyển cho Triệu Thiếu Hùng".

Đó là mặt sau.

Tâm tình anh không hề thay đổi. Định học tiếng Đức, lại cố gắng hơn trước. Cũng còn lo lắng cho tôi như khi cùng nhau đi ngoài đường phố dạo nọ. Có điều trong thư có chỗ nói sai. Chính trị phạm mà bị xiềng thì không phải bắt đầu từ các anh ấy. Nhưng trước kia, anh nhìn bọn quan trường cao quá, cho rằng bọn họ là văn minh, bây giờ đối với các anh, bọn họ mới ác nghiệt. Kỳ thực, đâu phải như thế. Quả nhiên bức thư thứ hai khác ngay, lời lẽ rất thê thảm, lại có cô Phùng Khanh mặt mày sưng húp lên, tiếc điều tôi không chép bức thư ấy lại. Hồi bấy giờ, người ta đồn đại nhiều chuyện lắm. Kẻ thì nói có thể chuộc tội được, kẻ thì nói anh bị giả đi Nam Kinh rồi,chẳng đích xác gì cả. Và thư từ, điện

---

[1] *Ông Chu:* chỉ Lỗ Tấn. Lỗ Tấn tên là Chu Thụ nhân.

tín gửi đến tôi hỏi tin tức tôi ngày càng nhiều, cả bà cụ tôi ở Bắc Kinh cũng lo lắng sinh bệnh. Tôi đành phải trả lời từng cái một để cải chính. Như thế mất khoảng 20 ngày.

Trời càng rét tợn. Tôi không rõ Nhu Thạch ở trong đó có chăn đệm gì không? Chúng tôi ở đây thì có. Bát sắt ăn cơm chẳng hay đã nhận được chưa?... Nhưng bỗng nhận được một tin đáng tin cậy nói Nhu Thạch và 23 người khác đã bị bắn ở Bộ Tư lệnh cảnh sát Long Hoa rồi, người anh trúng mười viên đạn.

Thì té ra như thế!...

Một hôm, đêm đã khuya, tôi đứng trong sân khách sạn, xung quanh là những đống đồ đạc hư hỏng người ta vứt bỏ. Ai cũng đã ngủ say..., vợ con tôi cũng thế. Tôi xót xa cảm thấy tôi mất đi những người bạn tốt, Trung Quốc mất đi những người thanh niên tốt. Tôi lặng đi trong nỗi đau thương, uất ức, nhưng theo thói quen, giữa lúc trầm tĩnh như thế, tôi lại ngẩng đầu lên, làm mấy câu thơ:

Quán vu trường dạ quá xuân thì

Khiết phụ tương sổ mãn hữu ty

Mộng lý y hy từ mẫu lệ

Thành đầu biến ảo đại vương kỳ.

Nhãn khan bằng bối thành tân quỷ.

Nỗ hướng đao tùng mịch tiểu thi.

Ngâm bãi đề mi vô tả xứ.

Nguyệt quang như thủy chiếu truy y.

Dịch thơ:

Đêm dài quen sống tuổi xuân qua,
Dắt vợ dìu con tóc nhuốm tơ.
Trong mộng mẹ già mượng tượng lệ,
Đầu thành vua chúa đổi thay cờ*
Nỡ trông bè bạn thành ma mới,
Giận ngắm rừng gươm ứa vận thơ.
Ngâm dứt cúi đầu không chỗ viết,
Ánh trăng đầm áo thấu lòng ta[1]

Nhưng hai câu cuối cùng về sau không đúng. Tôi đã chép bài này tặng một nhà thơ Nhật Bản.

Có điều, ở Trung Quốc, hồi đó thì quả thật không có chỗ đăng. Cấm đoán còn nghiêm ngặt hơn là bưng bít nắp hộp. Tôi còn nhớ Nhu Thạch cuối năm trước có về quê chơi, ở một thời gian, khi trở lên Thượng Hải bị anh em trách. Anh buồn rầu nói với tôi rằng bà cụ anh hai con mắt lòa rồi, muốn anh ở nhà ít ngày, anh làm sao có thể bỏ đi cho đành. Tôi hiểu nỗi lòng quyến luyến của bà mẹ mù lòa ấy, hiểu nỗi lòng quyến luyến của Nhu Thạch. Khi tờ *Bắc Đẩu* ra mắt độc giả, tôi định viết một bài về Nhu Thạch, nhưng không thể viết được, đành chọn một bức tranh khắc gỗ của bà Kathe Kollwitz, nhan đề là *Hy sinh*, vẽ một bà mẹ đau khổ hiến dâng đứa con mình, cho nó là một cách kỷ niệm Nhu Thạch mà chỉ một mình tôi biết.

---

* Ý nói bọn quân phiệt thay nhau lên nắm chính quyền.
[1] Khương Hữu Dụng dịch.

Trong bốn nhà văn trẻ cùng bị hại, thì Lý Vĩ Sâm tôi chưa hề gặp. Hồ Dã Tần thì cũng chỉ gặp một lần ở Thượng Hải, nói chuyện phiếm vài câu. Quen biết hơn là Bạch Mãng tức Ân Phu. Anh từng có gửi thư cho tôi, gửi cả bài đăng báo nữa, nhưng bây giờ tìm chẳng thấy đâu cả, chắc đã đốt đi đêm hôm mười bảy đó rồi. Lúc đó tôi còn chưa biết trong số người bị bắt cũng có cả Bạch Mãng. Nhưng tập thơ Pêtôfi ấy thì vẫn còn. Lật qua, chẳng có gì, chỉ cạnh bài *Wahlspruch* (Cách ngôn) có bốn câu dịch viết bằng bút chì :

Sinh mệnh thành bảo qúy,

Ái tình giá cánh cao;

Nhược vị tự do cố,

Nhị giả giai khả phao!

Dịch thơ:

Tính mệnh thật qúy giá

Aí tình cũng tuyệt vời.

Nếu vì tự do ấy,

Có thể vứt cả đôi[1].

Lại bên trang thứ hai có viết ba chữ Từ Bồi Căn. Tôi đoán đó là tên thật của anh[2].

V

Ngày này năm trước, tôi trốn ở khách sạn, thì các anh ấy đi ra pháp trường; ngày này năm ngoái, tôi chạy sang tô

---

[1] Khương Hữu Dung dịch.

[2] *Từ Bồi Căn*: chính là anh Bạch Mãng, một quân nhân Quốc dân đảng.

giới trong tiếng súng đại bác, thì các anh bị chôn vùi không biết ở nơi đâu; ngày này năm nay, tôi mới lại trở về ngồi trong căn nhà cũ. Mọi người đều đã ngủ say, vợ con tôi cũng thế. Tôi lại xót xa cảm thấy mất đi những người bạn tốt. Trung Quốc mất đi những người thanh niên tốt. Tôi lặng đi trong nỗi đau thương uất ức. Không ngờ, theo thói quen, giữa lúc trầm tĩnh như thế, tôi lại ngẩng đầu lên, viết mấy dòng trên đây.

Có muốn viết nữa thì bây giờ ở Trung Quốc cũng chưa có chỗ đăng. Hồi trẻ đọc bài *Tư cựu phú*[1] của Hướng Tử Kỳ, rất lấy làm lạ tại sao chỉ lèo tèo mấy hàng, vừa mới mở đầu đã chấm hết. Nhưng bây giờ thì tôi hiểu rồi.

Đây không phải là một người thanh niên viết kỷ niệm một người già mà trong ba mươi năm nay, mắt tôi đã thấy bao nhiêu máu của thanh niên đổ ra, cứ lớp này lớp khác, ứ đọng lại, tràn ngập cả người tôi làm tôi đến ngẹt thở. Tôi chỉ có thể viết được chừng ấy, gọi là khoét một lỗ nhỏ trong đống bùn để cầm hơi. Đời gì mà lại đến thế này! Đêm còn dài, đường cũng còn dài, tôi thà quên quách đi, đừng nhắc đến mà hơn. Nhưng tôi biết, nếu không phải tôi thì tương lai nhất định có người nhớ tới họ và nhắc tới họ...

Ngày 7 - 8 tháng hai.

(tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

---

[1] *Hướng Tử Kỳ*: Tức Hướng Tú, nhà văn đời Tấn sau khi Kê Khang bị giết, ông làm bài *Tư Cựu Phú* khóc bạn, bài đó rất ngắn, chừng 160 chữ.

127. VÌ SAO TÔI VIẾT TIỂU THUYẾT*

Vì sao tôi viết tiểu thuyết? Nguyên nhân đó, trong bài tựa *Gào thét*, đã có nói qua. Ở đây chỉ cần bổ sung một chút, là khi tôi chú ý đến văn học, tình hình khác với bây giờ nhiều lắm: ở Trung Quốc, tiểu thuyết không được kể là văn học, người viết tiểu thuyết cũng nhất định không thể gọi là nhà văn học, cho nên không mấy ai muốn theo con đường đó mà ra mắt với đời. Tôi cũng không có ý định đưa tiểu thuyết vào "văn uyển". Chẳng qua muốn lợi dụng sức mạnh của nó để cải tạo xã hội mà thôi.

Nhưng cũng không phải tự mình nghĩ đến chuyện sáng tác, trái lại tôi chỉ chú trọng giới thiệu, dịch thuật, đặc biệt là truyện ngắn, nhất là tác phẩm của những nhà văn thuộc các dân tộc bị áp bức. Bởi vì hồi đó đang thịnh hành thu thuyết bài Mãn, có một số thanh niên lấy những nhà văn gào thét và phản kháng ấy làm đồng điệu. Cho nên những loại sách *Phương pháp viết tiểu thuyết*, tôi chưa hề đọc cuốn nào. Nhưng tôi đã đọc nhiều truyện ngắn, phần nhỏ là vì mình thích xem, phần lớn là vì sưu tầm tài liệu để giới thiệu. Tôi cũng có xem văn học sử và văn phê bình, là vì muốn biết tư cách làm người và tư tưởng của tác giả, để quyết định xem có

---

* Bài này in lần đầu trong cuốn *Kinh nghiệm sáng tác* do nhà xuất bản Thiên Mã thư điếm xuất bản, tháng 6 năm 1933.

nên giới thiệu với độc giả Trung Quốc hay không. Tuyệt nhiên không liên quan gì với học vấn cả.

Bởi vì những tác phẩm mình tìm là những tác phẩm gào thét và phản kháng, thế tất tôi phải thiên về Đông Âu, do đó tác phẩm của những nhà văn Nga, Ba Lan và các nước nhỏ vùng Bancăng là xem nhiều nhất. Tôi cũng có nhiệt tình với các tác phẩm Ấn Độ, Ai Cập, nhưng không tìm ra. Còn nhớ hồi đó tác giả tôi thích xem nhất là Gôgôn (N. Gogol), người Nga và Xienkiêvit[1], người Ba Lan. Người Nhật Bản thì Hạ Mục Thấu Thạch và Sâm Âu Ngoại[2].

Sau khi về nước, tôi bận việc nhà trường[3], không còn thì giờ xem tiểu thuyết nữa, như thế có năm sáu năm. Vì sao lại bắt tay vào viết? Điều này cũng đã nói trong bài tựa *Gào thét*, không cần nói nữa. Nhưng tôi viết tiểu thuyết cũng khong phải là tự cho mình có tài viết tiểu thuyết, chỉ vì hồi đó tôi trọ ở hội quán ở Bắc Kinh, muốn viết bình luận thì không có sách mà tham khảo, muốn dịch không có sách mà dịch. Nên đành phải viết cái giống như tiểu thuyết cho tắc trách. Đó là thiên *Nhật ký người điên*. Đại để chỉ dựa vào gần trăm tác phẩm ngoại quốc đã xem trước kia và một ít tri thức về y học, ngoài ra không có chuẩn bị gì khác.

Nhưng người biên tập *Tân thanh niên* cứ đến thúc lần

---

[1] *Henrik Sienkiewitz* (1846 -1916): nhà tiểu thuyết Ba Lan, kiêm nhà báo, thời Đại chiến thế giới lần thứ nhất, ông đi khắp nơi vận động cứu nước. Sở trường về tiểu thuyết lịch sử. Tác giả cuốn *Quo Vadis?* (Đi đâu).

[2] *Hạ Mục Thấu Thạch* (1867 -1916): tức Natsume Soseki.
Sâm Âu Ngoại (1862 -1922): tức Mori Ogai.

[3] Lỗ Tấn về nước năm 1909, lần lượt dạy học ở Thiệu Hưng, Chiết Giang.

này lượt khác, thúc mấy lần thì tôi lại viết một thiên. Ở đây tôi phải nhắc đến ông Trần Độc Tú, ông là một trong những người thôi thúc tôi viết tiểu thuyết hăng nhất.

Tất nhiên, viết tiểu thuyết cũng không khỏi tự mình có ít chủ quan. Thí dụ "vì cái gì" mà viết tiểu thuyết, thì phải nói là tôi vẫn ôm cái "chủ nghĩa khải mông" hơn mười năm về trước, cho rằng cần phải "vì nhân sinh", và lại phải cải tạo cái nhân sinh đó. Tôi rất ghét danh từ "nhàn thư" trước kia người ta dùng để gọi tiểu thuyết, hơn nữa tôi cho danh từ "nghệ thuật vị nghệ thuật" chẳng qua chỉ là một tên kiểu mới thay cho danh từ "tiêu nhàn" mà thôi. Cho nên mỗi khi chọn đề tài, tôi chọn những người bất hạnh trong xã hội bệnh tật, với mục đích là lôi hết bệnh tật của họ ra, làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa. Cho nên tôi hết sức tránh hành văn lôi thôi, nếu thấy đủ truyền đạt ý tứ của mình cho người khác rồi thì thôi, không cần thêm thắt, kéo dài nữa. Tuồng cũ Trung Quốc không có bối cảnh, trên tờ giấy hoa năm mới mua cho trẻ con xem, chỉ có vài người chủ yếu (nhưng giấy hoa bây giờ thì phần lớn đã có bối cảnh rồi), tôi tin sâu sắc rằng, với mục đích của tôi, phương pháp đó rất thích hợp, cho nên tôi không tả gió trăng, đối thoại cũng quyết không kéo dài.

Viết xong, thế nào tôi cũng xem lại hai lần, tự mình thấy trục trặc thì thêm bớt mấy chữ, nhất định phải đọc cho trơn. Không có cách nói thông thường thích hợp, thì tôi đưa cách nói cổ vào, mong có người hiểu. Những chữ, những câu chỉ có một mình mình hiểu hoặc đến mình cũng không hiểu nốt. Điểm này, trong bấy nhiêu nhà phê bình, chỉ có một

người nhìn thấy, nhưng ông ta lại gọi tôi là *Stylist*[1].

Việc tôi tả đại để là những cái tôi từng trông thấy hoặc nghe thấy ít nhiều, nhưng tôi quyết không dùng hoàn toàn sự thực đó, chỉ chọn một ít, rồi thay đổi đi, hoặc phát triển thêm, cho đến khi có thể gần như hoàn toàn diễn đạt được ý định của tôi mới thôi. Người mẫu nhân vật cũng như thế. Không chuyên dùng một người nào, thường thường miệng ở Chiết Giang, mặt ở Bắc Kinh, áo quần ở Sơn Tây, đó là một vai trò chắp vá. Có người nói, truyện này của tôi chửi ai, truyệ kia chửi ai, là hoàn toàn nói tầm bậy.

Có điều cách viết như thế cũng có chỗ khó, tức là làm cho người ta khó lòng dừng bút. Cứ viết một mạch, nhân vật đó dần dần hoạt động nên, làm tròn nhiệm vụ của nó. Nếu có việc gì làm cho tư tưởng mình không tập trung đến phá rối, phải bỏ lấy lâu mới viết lại, thì tìm cách có thể đổi khác, tình cảnh cũng có thể không giống với mình dự đoán lúc đầu. Thí dụ như khi tôi viết truyện *Núi Bất Chu*[2], nguyên là định tả sự phát động và sự sáng tạo của tính, cho đến khi nó suy vong, nhưng nửa chừng xem báo, thấy bài của một nhà phê bình thuộc phái đạo học công kích thơ tình yêu, trong bụng không cho là phải. Thế là trong thiên truyện liền có một nhân vật tí hon chạy vào giữa hai chân bà Nữ Oa. Cái đó không những không cần thiết, mà lại phá hỏng cái kết cấu to lớn lúc đầu. Nhưng những chỗ đó, trừ tôi, đại khái không ai cảm thấy. Nhà phê bình lớn của chúng ta là ông Thành

---

[1] *Stylist*: tiếng Anh, là một người thích trau chuốt hành văn của mình. Chưa rõ ai nói.

[2] Tức là truyện *Vá trời* trong tập ***Chuyện cũ viết lại***, Trương Chính dịch NXB Văn hóa xuất bản năm 1960.

Phương Ngô[1] còn cho là thiên truyện đó viết xuất sắc nhất.

Tôi nghĩ, nếu chuyên dùng một người làm nòng cốt, thì có thể tránh được cái tệ hại, nhưng tôi chưa thử lần nào.

Không nhớ ai nói nữa, đại khái là, muốn vẽ đặc điểm một con người mà hết sức tiết kiệm đường nét, thì hay nhất là vẽ hai con mắt. Tôi cho rất đúng. Nếu vẽ cả bộ tóc, thì dù tinh tế như thật, cũng chẳng có ý nghĩa gì. Tôi thường học theo phương pháp đó, tiếc rằng học chưa ra trò.

Chỗ có thể bỏ bớt được, tôi quyết không cố thêm vào, khi viết không ra, tôi cũng quyết không cố mà viết, nhưng như thế là vì hồi bấy giờ tôi có món thu nhập khác[2], chứ không trông vào bản văn mà sống, không thể đưa ra làm lệ chung được.

Còn có một điểm nữa, là khi viết, tôi nhất luận không đếm xỉa đến các lời phê bình. Bởi vì hồi đó, giới sáng tác Trung Quốc còn non nớt, giới phê bình càng non nớt hơn, không tâng bốc lên tận trời xanh thì chôn vùi xuống đất đen, nếu lấy làm điều thì sẽ tự cho mình là xuất chúng, hoặc cảm thấy không tự sát đi thì không đủ để tạ thiên hạ! Phê bình thì phải chỗ dở, nói dở, chỗ hay nói hay, mới có ích cho tác giả.

Nhưng tôi thường xem văn phê bình nước ngoài, bởi vì họ đối với tôi không có ân oán, đố kỵ, tuy phê bình tác phẩm

---

[1] *Thành Phương Ngô*: một phần tử trung kiên của nhóm *Sáng tạo* thời Ngũ Tứ. Lúc Lỗ Tấn xuất bản cuốn ***Gào Thét***, ông có viết bài chê những truyện *Nhật ký người điên, Khổng ất Kỷ, Thuốc, Ngày mai, AQ Chính chuyện* là "tự nhiên chủ nghĩa", là "hời hợt", "dung tục". Nhưng lại khen *Bất Chu Sơn* (tức *Vá trời*) là "kiệt tác", "mặc dù có chỗ chưa làm cho người ta thỏa mãn lắm".

[2] Vào khoảng năm 1918, Lỗ Tấn làm ở Bộ Giáo dục Bắc Kinh.

người khác, nhưng lại có rất nhiều chỗ có thể mượn làm gương. Tất nhiên, đồng thời nhất định tôi cũng chú ý xem nhà phê bình đó thuộc về phái nào.

Trở lên là chuyện mười năm trước, từ đó về sau không sáng tác gì nữa, cũng chẳng có tương lai, người biên tập muốn tôi viết một bài loại này[1], thì làm sao viết được. Cứ bạ đâu viết đấy, chỉ như thế mà thôi.

Dưới đèn, mồng năm tháng 3

(tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

---

[1] Tức là loại *Kinh nghiệm sáng tác*.

128. TỰA VIẾT CHO *THỦ THƯỜNG TOÀN TẬP*[*]

Tôi gặp ông Thủ Thường[1] lần đầu tiên trong buổi họp do ông Độc Tú mời đến để thảo luận về việc xuất bản tạp chí *Tân Thanh Niên*. Như thế cũng cứ cho là quen biết đi. Không rõ hồi đó ông đã là một người cộng sản hay chưa. Tóm lại là ông để lại cho tôi một ấn tượng rất tốt: thành thực, khiêm tốn, hòa nhã, ít nói. Trong những người cộng tác với *Tân thanh niên*, tuy cũng có những kẻ thích cạnh tranh công khai hoặc lén lút để gây thế lực cho mình, nhưng ông từ trước đến sau tuyệt nhiên không như thế.

Dáng người ông thật khó hình dung cho ra, có vẻ nho nhã, có vẻ chất phác, cũng có vẻ phàm tục. Cho nên, giống văn sĩ, cũng giống quan lại, và cũng ít nhiều giống người buôn bán. Kiểu người buôn bán này, tôi ở miền Nam không thấy, nhưng Bắc Kinh thì có, chủ hiệu sách cũ hoặc hiệu bán giấy. Ngày 18 tháng 3 năm 1926, lần bọn Đoàn Kỳ Thụy bắn giết học sinh tay không đưa kiến nghị ông cũng đứng lẫn lộn

---

[*] Bài này đăng lần đầu trên tờ *Tiếng sóng, ngày 19 tháng 8 năm 1933*.

[1] *Thủ Thường*: tức Lý Đại Chiêu (1888-1927). Năm 1907, học Khoa Kinh tế chính trị ở trường Pháp chính Bắc Dương (Thiên Tân). Năm 1913, du học ở Nhật. Năm 1916 về nước, làm chủ bút tờ *Thần báo* ở Bắc Kinh. Sau cách mạng tháng Mười, trở thành một nhà mácxít và bước đầu có tư tưởng cộng sản. Thời Ngũ Tứ, ông là một người tổ chức và lãnh đạo phong trào. Năm 1921, ông là một trong những người sáng lập Đảng cộng sản Trung Quốc, rồi được bầu làm ủy viên Trung ương, phụ trách lãnh đạo tổ chức Đảng ở miền Bắc, trực tiếp tham gia các cuộc tranh đấu bãi công, biểu tình thị uy chống đế quốc, quân phiệt hồi đó. Mồng 6 tháng 4 năm 1927, bị tên quân phiệt Trương Tác Lâm bắt, và anh dũng hy sinh ngày 28 tháng 4 năm đó.

trong quần chúng, bị một tên lính bắt, hỏi là hạng người nào. Trả lời là: "buôn bán". Tên lính nói: "Thế thì đến đây làm gì? Cút đi !", và đẩy ra. Cũng kể là thoát chết.

Nếu nói là giáo viên thì lúc đó mất mạng rồi !

Nhưng đến năm sau, ông bị bọn Trương Tác Lâm giết hại[1].

Tướng quân họ Đoàn giết chết bốn mươi hai người, trong đó có mấy người học sinh của tôi, quả thật tôi thấy đau xót lắm; tướng quân họ Trương giết chết đâu hơn mười người, không có con số ghi chép trong tay, không nói rõ được, nhưng tôi chỉ quen có mỗi ông Thủ Thường. Tôi ở Hạ Môn, từ khi biết tin này thỉnh thoảng trước mắt lại hiện lên khuôn mặt bầu bầu, hai con mắt lá rằm và bộ râu, chiếc áo dài vải xanh, chiếc áo khoác đen, trong đó lại thấp thoáng thấy cái giá treo cổ. Đau xót thì cũng có đau xót ít nhiều, nhưng không bằng trước kia. Đây là một thiên kiến của tôi xưa nay: thấy người cùng lứa tuổi chết thì không thương bằng thấy thanh niên chết.

Lần này nghe nói ở Bắc Kinh công nhiên cử hành lễ an táng[2], tính ra từ lúc bị hại đến nay đã bảy năm rồi. Việc đó rất nên. Tôi không rõ hồi đó ông bị bọn tướng quân buộc cho

---

[1] Ngày 6 tháng 4 năm 1927, Trương Tác Lâm, thủ lĩnh quân phiệt Phụng Thiên bắt đồng chí Lý Đại Chiêu, nói là "nguy hại cho Dân Quốc". Ngày 28 tháng 8 thì giết ở Bắc Kinh.

[2] Tháng 4 năm 1933, nhân dân Bắc Kinh dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc đã cử hành lễ an táng đồng chí Lý Đại Chiêu. Quần chúng và học sinh cầm vòng hoa, câu đối làm lễ dọc đường. Cảnh sát và đặc vụ Quốc dân đảng lấy cớ là "phương hại trị an" cấm quần chúng không cho đi theo linh cữu, lại nã súng bắn. Nhiều người bị thương, hơn 40 người bị bắt tại chỗ.

tội gì, đại khái cũng không ngoài "nguy hại đến Dân Quốc" chăng. Nhưng chỉ trong thời gian ngắn ngủi bảy năm nay, sự thực chứng minh một cách đanh thép rằng kẻ cắt đứt bốn tỉnh của Dân Quốc không phải là Lý Đại Chiêu, mà lại là vị tướng quân đã giết hại ông.

Thế thì công nhiên tổ chức lễ an táng ông là nên lắm. Nhưng trên báo chí, tôi lại thấy tin nhà đương cục Bắc Bình cấm không được làm lễ dọc đường và bắt bớ những người đưa đám. Tôi cũng không rõ vì sao, có lẽ lần này là "phương hại trị an" chăng. Nếu quả như thế thì cái phản chứng đanh thép thật đã đến nhanh lắm. Hãy xem, kẻ làm phương hại trị an của Bắc Bình là lính Nhật hay là nhân dân !

Máu của người tiên phong cách mạng bây giờ không còn hiếm nữa. Chỉ lấy tôi đây mà nói, bảy năm trước, vì mấy người, tôi đã viết khá nhiều bài bình luận kịch liệt, nhưng chẳng đi đến đâu cả, về sau nghe quen chuyện tra điện, bắn, chém, ám sát, thần kinh dần dần tê dại đi, không sợ nữa, mà cũng không có gì nói nữa. Tôi nghĩ, người đi xem bêu đầu thị chúng "đông như kiến" theo kiểu các báo đưa tin, e vị tất họ đã thấy kích thích như xem thi hoa, rước đèn. Máu chảy nhiều quá rồi.

Có điều, ngoài máu nóng chảy ra, ông Thủ Thường còn để lại mộtt ít văn chương. Không may, đối với văn chương của ông, tôi không biết nói gì, bởi vì chúng tôi mỗi người làm một nghề, thời *Tân thanh niên*, tuy tôi xem ông như người bạn cùng đứng trên một chiến tuyến, nhưng lại ít để ý đến những bài ông viết, cũng như kỵ binh thì bất tất phải chú ý đến việc làm cầu, pháo binh không cần phải để tâm đến việc cưỡi ngựa, hồi đó tôi cho như thế là đúng. Cho nên bây

giờ chỉ có thể nói như thế này: một là, lý luận của ông này xem đương nhiên vị tất đã là tinh tế, thỏa đáng; hai là tuy vậy, văn chương của ông sẽ còn mãi, bởi vì đây là di sản của người tiên phong, là tấm bia trên lịch sử cách mạng. Chẳng phải là từng đống sách của tất cả bọn bịp bợm đang sống và đã chết đều trúc nhào rồi đó sao, ngay nhà buôn[1] mà cũng "không kể cái vốn, khó khăn mới tích lũy được" mười phần chỉ lấy lại ba thôi? Lấy những sự thực đanh thép trong quá khứ và hiện tại để dự đoán tương lai thì rõ như ban ngày.

Đêm 29 tháng 5 năm 1933

LỖ TẤN

Bài này do ông T bảo tôi viết, tập đó sẽ do Nhà xuất bản G có quan hệ với ông ta, xuất bản. Vì tình bạn, tôi không thể từ chối được, đành viết chừng ấy, không bao lâu thì đăng trên tờ Tiếng sóng. *Nhưng về sau, nghe nói, người có quyền về tập di thảo này lại giao cho Nhà xuất bản C in, đến nay vẫn chưa xuất bản, có lẽ tạm thời chưa xuất bản được chăng, tôi tuy cũng hối hận đã hăng hái viết* Tựa, *nhưng vẫn muốn đưa vào tập này của mình, lưu lại một cái công án.*

Ghi thêm, đêm 31 tháng 12.

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

---

[1] Chỉ các nhà xuất bản, bán hạ giá.

129. " MỘT NĂM LUẬN NGỮ"*

Nhân tiện lại nói đến Becna So (Bernard Shaw)

Nói là *Luận ngữ* đã xuất bản được một năm, ông Lâm Ngữ Đường[1] bảo tôi viết bài kỷ niệm. Thật giống như cho cái đầu đề "*Học nhi nhất chương*"[2] bắt làm một bài văn bát cổ bằng bạch thoại. Không còn cách nào, tôi đành cứ làm vậy.

Nói thật nhé, những cái mà ông ta nêu lên, thường

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Luận ngữ*, ngày 16 tháng 9 năm 1933. Về Bernard Shaw, trong tập này, Lỗ Tấn có viết bài, khi nhà văn Anh sang thăm Trung Quốc. Chúng tôi không dịch.

[1] Lâm Ngữ Đường (1895-1976): Vốn tên là Hòa Lạc, Ngọc Đường, từng dùng bút danh Mao Lư, Tề Dư, Tề Ngã, Khải Thanh... người tỉnh Phúc Kiến. Năm 1916, tốt nghiệp Đại học văn khoa ở Thượng Hải. 1919, đi du học ở Mỹ rồi chuyển sang Đức, đã được nhận bằng thạc sĩ văn học và tiến sĩ ngôn ngữ học. 1924, tham gia *Ngữ ti xã*; tháng 9 năm 1932, sáng lập và làm chủ biên tập tạp chí *Luận Ngữ*. Tạp chí này cùng với các báo tiếp tục ra ngay sau đó và cùng do Lâm Ngữ Đường chủ trì như *Nhân gian thế*, *Vũ trụ phong*, là đại biểu cho xu hướng tư tưởng của phái *Luận ngữ*. Lỗ Tấn có viết bài *Luận ngữ* nhưng không tán thành khuynh hướng chung của phái *Luận ngữ* là chủ trương văn học "không nói chính trị", văn học phải "lấy cái tôi làm trung tâm, lấy cái nhàn tản làm cách điệu"...Lâm Ngữ Đường mất tại Hồng Công năm 1976. Ông là một học giả có khá nhiều đóng góp về mặt học thuật nhưng quan điểm về văn học có những điểm sai đã từng bị Lỗ Tấn phê phán.

[2] *Một năm luận ngữ*: Nguyên văn là *Luận ngữ nhất niên*, do đó Lỗ Tấn mới nói giống đầu đề "*Học nhi nhất chương*" (một chương Học nhi). *Học nhi* là một chương trong sách *Luận ngữ*.

thường tôi phản đối. Trước kia, chuyện "phe pơlê"[1], bây giờ đây là chuyện "umua"[2]. Tôi không thích "umua", và cho rằng đó là cái trò mà dân nước nào thích hội nghị bàn trò mới chơi; ở Trung Quốc thì muốn dịch ý cũng không dịch nổi. Chúng ta có Đường Bá Hổ, có Từ Văn Trường, lại có Kim Thánh Thán[3] rất nổi tiếng, "Chặt đầu, đau lắm. Thánh Thán không ngờ lại được như thế. Lạ thật!". Tuy không biết đó là nói thật hay nói đùa, chuyện thật hay chuyện bịa, nhưng tóm lại: một là nó thanh minh Thánh Thán không phải người làm phản, chống lại chiều đình, hai là, đưa sự tàn bạo của bọn đồ tể ra làm cho người ta bật cười, thế là hòa cả làng. Chúng ta chỉ có cái trò đó, không có dây mơ rễ muống gì với "umua" cả.

Huống hồ tên tuổi nhà văn thì hàng trăng, mà kẻ cầm bút viết thì lơ thơ mấy người, đó là lẽ cũ của Trung Quốc. Trong cái chế độ lễ phép này mà mỗi tháng phải tìm chuyện "umua" nói cho đầy hai số, không khỏi đã có ít nhiều ý vị "umua" rồi. Cái ý vị đó khiến cho người ta bi quan, huống chi tôi đã không thích, cho nên tôi không nhiệt tình với *Luận ngữ* lắm.

---

[1] Xem "*Hãng khoan phe pơlê đã*" trong tập *Nấm mồ*.

[2] *Umua* dịch âm chữ Anh "humour" (nghĩa là hài hước).

[3] *Kim Thánh Thán:* tên là Nhân Thụy, một nhà văn cuối Minh đầu Thanh. Nhà Minh mất, ông không thi tiến sĩ, ở nhà đọc sách, làm văn. Người đời cho cuồng ngạo, có kỳ khí, sau bị chém. Trong cuốn *Liêu Nam tùy bút* của Vương Ứng Quê có kể chuyện ông như sau: Cuối đời Thuận Trị (Thanh), Hoàng đế ra chiếu đi Giang Tô. Các quan từ tuần vũ trở xuống đều đến phủ đường đón. Chư sinh nhân dịp đó công kích huyện lệnh huyện Ngô. Năm người bị bắt. Hôm sau chư sinh tụ tập ở văn miếu khóc. Mười ba người khác lại bị bắt, buộc tội là bất kính, trong đó có Thanh Thán. Những người này đều bị tội chém. Lúc lâm hình, Thánh Thán than rằng: "Chặt đầu, đau lắm, bị tịch thu tài sản, thảm lắm. Không ngờ Thánh Thán lại được như thế. Lạ thật!". Rồi cười, chịu tội.

Nhưng "Số đặc biệt về Becna So "[1] thì khá. Nó đăng những bài mà các báo khác không chịu đăng, vạch những lời nói mà các báo khác cố ý xuyên tạc, đến nay vẫn làm cho bọn danh sỹ bất bình, bọn quan nhỏ oán giận, ngay lúc ăn lúc ngủ cũng còn sực nhớ đến. Ghét lâu, nhiều người ghét, đó là bằng chứng cho ta biết hiệu lực của nó lớn.

Sêcxpia mặc dù là "Thánh kịch", nhưng chúng ta không mấy ai nhắc tới. Thời Ngũ Tứ giới thiệu Ibsen, tiếng tăm hãy còn, năm nay giới thiệu Becna So, thì lại xúi quẩy. Đến bây giờ còn có người bụng tức anh ách.

Vì ông ta cười hì hì, mà không phân biệt được cười gằn, cười ác hay cười vui nữa phải không? Không phải. Vì trong tiếng cười của ông ta có gai chọc vào chỗ đau của người ta phải không? Cũng không hoàn toàn như thế? LêuYtôp(?) nói rất rõ: bởi vì Ibsen là một cái dấu hỏi (?) vĩ đại, mà Becna So là một cái dấu than (!) vĩ đại[2].

Không cần phải nói khán giả của họ phần lớn là các ông trí thức và các bà thục nữ. Các ông trí thức và các bà thục nữ là hạng người hết sức tự ái. Ibsen tuy đưa họ lên sân khấu, tuy cũng vạch ra một ít khuyết điểm của họ, nhưng không kết luận, cứ ung dung nói: "Các ngài hãy nghĩ xem, đó là cái gì?" Cái vẻ tôn nghiêm của các ông trí thức, các bà thục nữ quả cũng có phần lung lay, nhưng cuối cùng ông ta vẫn còn để cho họ có thì giờ lững thững rút lui, về nhà suy nghĩ, cũng tức là còn giữ thể diện cho họ. Còn như về nhà, có

---

[1] *Luận ngữ* có ra một "Số đặc biệt Becna So sang thăm Trung Quốc" ra ngày 1 tháng 3 năm 1933.

[2] Câu này lấy trong bài *Kịch của Becna So* của nhà văn Liên Xô do Cù Thu Bạch dịch.

nghĩ hay không nghĩ thế nào, thì cái đó không thành vấn đề, cho nên khi ông ta được giới thiệu sang Trung Quốc, thì bình yên lắm, người phản đối ít hơn người tán thành. Becna So thì không như thế. Ông ta đưa họ lên sân khấu, lột mặt nạ họ ra, lột hết quần áo, còn sách tai, chỉ với mọi người nói: "Xem đây! đây là sâu bọ!" không để cho người ta một chút thì giờ thảo luận, tìm cách che giấu. Lúc đó chỉ những người hạ đẳng không có những bệnh tật ông ta chỉ trích mới cười được. Về điểm đó, Becna So gần người hạ đẳng, và cũng xà người thượng đẳng.

Như thế thì làm thế nào? Vẫn có phương pháp cũ. Tức là: mọi người nhao nhao nói rằng ông ta giàu, nói rằng ông ta giả vờ, nói rằng ông ta là "danh lưu", nói rằng ông ta "giảo hoạt", ít ra cũng chẳng khác gì chúng mình, hoặc giả còn tệ hơn nữa. Mình là sâu sống trong cái hố xí nhỏ, thì ông ta là sâu bò ra khỏi cái hố xí to, cũng là sâu cả, người giới thiệu hồ đồ, mà người ca tụng đáng ghét. Thế nhưng, tôi nghĩ, giả sử Becna So cũng là một con sâu, thì vẫn là một con sâu vĩ đại, cũng giống như cùng nhiều dấu than, nhưng chỉ có ông ta là một cái dấu than vĩ đại. Thí dụ có một đống sâu ở đây, cứ bò lúp ngúp, tự cho là tri thức, thục nữ, văn nhân, họa sĩ, danh họa, cao nhân, gật đầu với nhau, ung dung chào mời nhau, thiên hạ thái bình, như thế là toàn thể không ai hơn ai kém, đều là những con sâu bình thường. Nhưng nếu có một con bỗng nhảy ra, hét lên một tiếng: "Đây kỳ thực toàn là sâu bọ!", thế thì tất nhiên, nó cũng là con sâu từ trong nhà xí bò ra, nhưng chúng ta không thể không thừa nhận đó là một con sâu vĩ đại đặc biệt.

Sâu cũng có con to, con nhỏ, con tốt, con xấu.

Sinh vật đang tiến hóa, Đacuyn chỉ ra điều đó, và cho ta biết thủy tổ chúng ta bà con với vượn. Nhưng phương pháp của nhà tri thức hồi bấy giờ với ngày nay giống nhau như đúc, họ quay lại nói Đacuyn là con cháu vượn. Thí nghiệm "sinh vật tự nhiên phát sinh" của bác sĩ La Quảng Đình trường Đại học Trung Sơn, Quảng Đông, còn chưa thành công, chúng ta hãy tạm thừa nhận loài người là bà con với vượn đã, mặc dù không lấy gì làm vinh dự lắm. Nhưng, cũng là bà con với vượn cả, không thể không nói Đacuyn là vĩ đại. Lý do đó rất đơn giản, bình thường, bởi vì ông tự cho là dòng dõi bà con với vượn, không kiêng kỵ, chỉ rõ loài người là bà con với vượn.

Bà con với vượn cũng có người to, người nhỏ, có người xấu, người tốt.

Nhưng Đacuyn có tài nghiên cứu, lại không có tài chửi, cho nên bị các ông trí thức cười gần nửa đời người. Đấu tranh cho ông là ông Huxlây, tự xưng là "con chó của Đacuyn". Ông ta đem học thức uyên bác, văn chương sắc bén của ông ta ra đương đông kích tây, đánh phá cái đồn lũy cuối cùng của những người tự xưng là con cháu Adam và Evơ. Bây giờ gọi người ta là chó, đã thành cái "mốt" rồi, cũng không thể là một câu chửi độc, nhưng dù là chó, cũng kể vơ đua cả nắm, có con ăn thịt, có con kéo xe trượt tuyết, có con thám thính cho quân đội, có con giúp cảnh sát bắt người, có con chạy đua ở Trương Viên[1], có con theo hành khất đi ăn xin. So sánh con chó bông mua vui cho kẻ giàu sang với con

---

[1] *Trương Viên*: vườn hoa của nhà họ Trương ở Thượng Hải, sau mở rộng thành vườn hoa công cộng. Đương thời ở Thượng Hải có mấy chỗ đua chó chạy thi là Dật Viên, Thân Viên, Minh Viên, Trương viên...

chó cứu người trong tuyết, thì thế nào? Như Huxlây thì đó là một con chó tốt, có công với người đời.

Chó cũng có con to, con nhỏ, có con tốt, con xấu.

Nhưng cần phải biết rằng, trước hết nên phân biệt "giữa cái đùa với cái thật trong "umua" (lời Lâm Ngữ Đường). Không phân biệt cái đùa với cái thật, thì làm sao biết được "giữa"? Chúng ta tuy tự xưng là mon đồ của Khổng Tử, nhưng lại là đệ tử ngoan ngoãn của Trang Sinh. "Đằng ấy cũng có cái đúng cái sai, đằng này cũng có cái đúng cái sai"[1], không muốn phân biệt đúng sai. "Không rõ Trang Chu nằm mộng hóa bướm hay bướm nằm mộng hóa Trang Chu"[2], không phân biệt mộng hay tỉnh. Cuộc sống sẽ hỗn độn nếu đục bảy khiếu đi thì thế nào? Trang Tử nói: " Bảy ngày hỗn độn mà chết"[3].

Như thế làm sao dung được dấu than?

Mà cũng không dung được tiếng cười. Các ông thày đồ xưa nay không cho phép trẻ em giận, buồn, cũng không cho các em cao hứng. Hoàng đế không muốn cười, nô lệ không được cười. Họ biết cười thì sợ họ cũng biết khóc, biết giận và sẽ làm loạn. Càng huống chi, ngồi vẫn có thể thu tiền nhuận bút, mà trong một năm lại "chỉ nghe những lời xôn xao oán giận, và những lời khắc bạc, độc ác?"

Như thế đủ thấy ở Trung Quốc không thể có "umua" được. Và như thế cũng đủ thấy, đối với *Luận ngữ*, tôi bi quan chẳng phải vì thần kinh quá nhạy. Có tiền nhuận bút mà còn

---

[1] *Bỉ diệc nhất thị phi, thử diệc nhất thị phi* (xem *Trang Tử*, thiên *Tề vật luận*).
[2] Câu này cũng ở sách *Trang Tử*, thiên *Tề vật luận*.
[3] Xem thiên *Ưng Đế Vương*.

như thế, thì làm sao có thể hy vọng những người ở chỗ tạc đạn đầy trời, nước sông tràn ruộng, mà nói "umua" ư? Sợ đến "tiếng xôn xao oán giận" cũng không có, "thịnh thế nguyên âm"[1] tất nhiên càng không có. Sau này, trên hội nghị bàn tròn có lẽ có người dự, nhưng là khách, giữa chủ và khách, không cần đến "umua". Thánh Gängđi lần này lượt khác không chịu ăn trên báo của ông chủ đã có nói là nên lấy roi đánh rồi.

Như thế đủ thấy ở Ấn Độ cũng không có "umua". Becna So là người lấy roi quất mạnh nhất vào bọn chủ kia, mà các ông trí thức, các bà thục nữ của Trung Quốc chúng ta thì lại ghét ông ta. Đó là điều Becna So "không ngờ lại được. Lạ thật!". Nhưng cũng chính là đã viết được bài văn hay, kiểu "Hiếu kinh"[2] đó là cái hiếu của "bậc đại sĩ phu vậy!"

Trung dung, Đại học đều đã được xuất bản lại. *Hiếu kinh* nhất định cũng sẽ ra. Có điều, ngoài ra nên có bộ *Tả truyện* nữa. Thời buổi này, *Luận ngữ* làm sao ra được mãi. Hai mươi lăm số, đã phải kể là "không vui lắm sao"[3] rồi!

23 tháng8

---

[1] Tiếng nói lúc thịnh vượng.

[2] *Hiếu kinh*: cuốn sách ghi những lời Khổng Tử bàn với Tăng Tử về chữ *Hiếu*.

[3] Nguyên văn: "*bất diệc lạc hồ*", chữ trong *Luận ngữ*.

130. TỰA

(tập *Viết tự do giả*)

Tập sách nhỏ này là những bài tạp cảm gửi đăng mục *Nói tự do* trên tờ *Thân báo*[1], từ cuối tháng giêng đến giữa tháng năm năm nay.

Sau khi đến Thượng Hải, tôi vẫn thường xem báo hàng ngày, nhưng không hề gửi bài, cũng không hề nghĩ đến chuyện gửi bài, cũng không chú ý đến mục văn nghệ trên báo hàng ngày, cho nên cũng không biết tờ *Thân báo* bắt đầu có mục *Nói tự do* từ lúc nào, trong mục *Nói tự do,* văn chương như thế nào nữa. Vào khoảng cuối năm ngoái, tình cờ gặp anh Úc Đạt Phu[2], anh nói cho biết, ông Lê Liệt Văn[3] đã được thay để biên tập mục *Nói tự do* rồi, nhưng ông ta vừa ở Pháp về, chưa quen biết ai mấy, sợ nhất thời không có đủ bài đăng, muốn tôi gửi bài đến. Tôi trả lời qua loa nói: Cái đó có thể được thôi!

---

[1] *Thân báo*: tờ báo hàng ngày xuất bản ở Thượng Hải từ năm 1872, đến tháng 5 năm 1949, Thượng Hải được giải phóng mới đình bản. Mục *Nói tự do* có từ năm 1911, phần lớn đăng những tác phẩm về tình yêu, anh anh em em, của phái *Uyên ương hồ điệp*. Từ năm 1932, thì đổi mới, đăng tạp văn, tạp cảm.

[2] *Úc Đạt Phu* (1896-1945): nhà viết tiểu thuyết có tiếng thời Ngũ Tứ, một phần tử trung kiên của nhóm *Sáng tạo*.

[3] *Lê Liệt Văn*, phụ trách mục *Nói tự do* từ năm 1932 đến năm 1934 thì từ chức.

Mỗi lần anh Úc Đạt Phu dặn dò cái gì, tôi thường trả lời qua loa cái đó có thể được thôi. Nói trắng ra, xưa nay tôi vẫn rất tránh những người trong nhóm *Sáng tạo*. Cũng không phải chỉ vì trước nay, họ hay công kích tôi, thậm chí áp dụng lối công kích cá nhân, mà phần lớn lại là vì cái vẻ mặt "Sáng tạo" của họ. Tuy trong nhóm đó, về sau có người trở thành ẩn sĩ, có người trở thành phú ông, có người làm cách mạng thực sự, có người trở thành gian tế, mà khi còn đứng dưới lá cờ "Sáng tạo", thì vẫn hùng hổ lắm, tưởng chừng như đến việc chảy mồ hôi, hắt hơi, cũng toàn là "Sáng tạo " cả. Tôi với anh Úc Đạt Phu đã quen nhau từ trước, trên mặt anh, tôi không thấy cái vẻ "Sáng tạo" đó lắm, cho nên mỗi khi gặp nhau, thì chuyện trò tùy tiện; ý kiến chúng tôi về văn chương, e khó lòng nhất trí được. Đại để cũng là chuyện tầm phào. Nhưng thế mà thành ra quen thân, có lần tôi yêu cầu anh viết bài, quả anh gửi đúng hẹn, mà anh mong tôi viết gì, tất nhiên tôi cũng trả lời qua loa, nói có thể được. Nhưng trả lời "qua loa" là vì tôi lười lắm.

Từ đó tôi hay xem mục *Nói tự do*, có điều vẫn chưa gửi bài. Không bao lâu, nghe tin đồn rằng, người biên tập mục *Nói tự do* , vì công việc bận quá, mà vợ đẻ cũng không có thì giờ săn sóc, đưa đến bệnh viện, bà ta nằm chết một mình. Mấy hôm sau, tình cờ tôi thấy một bài trên mục *Nói tự do*, sau đó nói ngày nào cũng cho xem ảnh người mẹ qua đời để nó biết mặt người đẻ ra nó. Tôi biết ngay đó là tác phẩm của ông Lê Văn Liệt, liền cầm bút định viết bài phản đối; bởi ý kiến tôi trước nay là, nếu có một bà mẹ hiền từ thì cũng có hạnh phúc, nhưng sinh ra mà không có mẹ, cũng không phải hoàn toàn bất hạnh, có lẽ đứa con lớn lên sẽ càng dũng cảm, càng không vướng bận gì. Nhưng rồi cũng không viết, và lại

viết một bài khác gửi mục *Nói tự do*: đó là bài thứ nhất *Tôn trọng sự thực*[1] trong tập này. Lại vì bút danh ngày trước của tôi có lúc không thể dùng được, nên đổi là Hà Gia Can, có lúc cũng ký Can hoặc Đinh Manh.

Những bài bình luận ngắn này,có bài do cảm xúc cái nhân, có bài do thời sự kích thích, ý nghĩa rất bình thường, cách diễn đạt cũng lắm lúc rất tối tăm. Tôi viết *Nói tự do* không phải là tạp chí của bọn đồng sự, "tự do" tất nhiên chỉ là một cách nói ngược lại, tôi quyết không nghĩ sẽ tung hoành ở đó. Sở dĩ tôi gửi bài, một là vì tình bạn bè, hai là gào thét thay cho người đang quạnh hiu cũng là tính cũ của tôi. Nhưng chỗ dở của tôi là khi bàn đến thời sự, thì không nể mặt, khi chỉ trích tệ hại thì thường lấy điển hình, nhất là cái sau, không hợp chút nào cả. Bởi vì tả điển hình, đối với khuyết điểm, cũng giống như bức vẽ về bệnh lý học; giả thử mụn nhọt, thì bức vẽ sẽ là tiêu bản của loại mụn nào, loại nhọt nào, hoặc có chỗ giống nhọt của ông X, hoặc có chỗ giống mụn của ông Y. Mà người nhìn không chịu xét, cho rằng bức vẽ đó chỉ là nhọt của mình, thấy bỗng dưng người ta nói xấu mình, thế là nhất định muốn giết chết anh vẽ. Chẳng hạn, trước đây tôi bàn về con chó bông, vốn không chỉ ai rõ ràng cả, nhưng những người có tính cách chó bông đều tự đứng ra thừa nhận. Thế là muốn tìm cách giết cho chết, bất kể văn chương đúng hay sai, trước hết tìm xem người viết là ai. Tức là không chú ý đến cái gì khác, mà chỉ muốn công kích cá nhân người viết. Tất nhiên trong đó, cũng không phải toàn là những con bệnh đang oán giận, có người là hiệp khách thấy chuyện bất bình mà can thiệp. Nói tóm lại, chiến

---

[1] Bài thứ nhất trong tập văn này là bài *Xem đấu*, chứ không phải là *Tôn trọng sự thực*.

thuật đó là chiến thuật " Lỗ Tấn tức Chu Thụ Nhân, chủ sự Bộ giáo dục" mà giáo sư Trần Nguyên mở đầu. Chuyện cách mười năm rồi, mọi người đã quên bẵng đi từ lâu, lần này ông Vương Bình Lăng[1] tố giác trước, ông Chu Mộc Trai[2] tố giác sau, họ đều viết những bài về bản thân tác giả, hoặc còn nói bắt quàng đến cả những nhà văn cánh tả. Ngoài ra, có nhiều bài tôi đã được xem, cũng đem in vào sau bài văn của tôi, để thấy cái gọi là bút chiến của các nhà văn ở Thượng Hải là cái gì, có quan hệ gì với bản thân bài luận ngắn của tôi. Nhưng có một số bài khác, do đó mà tôi có cảm tưởng rồi viết ra, cũng đặc biệt đưa vào đây để bạn đọc tham khảo.

Tôi gửi trung bình mỗi tháng tám chín bài, nhưng đến đầu tháng năm, thì liên tiếp không đăng nữa. Tôi nghĩ, cái đó là vì hồi bấy giờ kiêng không nói thời sự, mà văn tôi thì thường lại không thể khỏi đề cập đến thời sự. Sự cấm chỉ là do nhân viên kiểm duyệt của Chính phủ hay là do Ban tổng biên tập của tòa báo, tôi không biết, mà cũng không cần biết. Bây giờ đưa tất cả bỏ vào tập này, kỳ thực những điều tôi chỉ trích bây giờ đều đã được sự thực chứng minh rồi, chẳng qua hồi đó tôi chỉ nói trước mấy ngày mà thôi.

Nay tựa.

Đêm 19 tháng 7 năm 1933
Viết ở nhà trọ, Thượng Hải
LỖ TẤN

---

[1] *Vương Bình Lăng* : một tên văn sĩ tay sai của bọn Quốc dân đảng phản động hồi đó.
[2] *Chu Mộc Trai*, cũng là một tên văn sĩ tay sai.

131. TỰA

(tập ***Cho bàn gió trăng***)

Từ ngày 25 tháng 5 Trung Hoa Dân Quốc dựng nước, thứ hai mươi lẻ hai, người biên tập mục *Nói tự do* đăng tin mong "Từ nay về sau, văn hào trong nước bàn nhiều về gió trăng", làm cho các nhà văn hào gió trăng kiểu cũ gật đầu gật cổ vui sướng một hồi, có kẻ nói mía, cũng có kẻ nói đùa, ngay những con chó bông - "nhà văn mật thám" - cũng cong cái đuôi tôn qúy của chúng nó lên. Nhưng thú vị nhất là những người bàn gió mây; gió trăng cũng bàn được, bàn gió trăng thì bàn gió trăng, mặc dù vẫn không thể như ý các ngài.

Muốn lấy một cái đầu để hạn chế nhà văn, kỳ thực không thể được. Giả dụ, ra một đề thi : "Học nhi thời tập chi" (Học phải luôn luôn ôn tập), cho các cụ non và các anh phu xe làm văn bát cổ, thì cách làm quyết không giống nhau. Tất nhiên, văn chương của anh phu xe có thể không thông, nói tầm bậy, nhưng cái không thông, cái nói tầm bậy đó sẽ phá cái nhất thống thiên hạ của các ông cụ non. Người xưa đã có nói : Liễu Hạ Huệ thấy nước đường thì nói "có thể dưỡng lão", Đạo Chích thấy , thì lại nói "có thể tô vào then cài cửa"[1]. Họ là anh em, cùng thấy một vật như nhau, nhưng

---

[1] Sách *Hoài Nam Tử* : Liễu Hạ Huệ thấy mạch nha nói " có thể dưỡng lão", Đạo Chích thấy mạch nha nói " có thể tô vào then cài cửa", thấy

nghĩ đến cách dùng, thì lại khác nhau một trời một vực như thế. "Trăng thanh gió mát, đêm sao đẹp đường này ? "[2]. Hay lắm, phong nhã lắm, giơ tay tán thành. Nhưng cũng nói đến gió trăng, mà "Đêm trăng tối giết người, Ngày gió lớn đốt nhà"[3] chẳng phải rành rành là thơ cổ đó sao ?

Tôi bàn về gió trăng, nhưng cuối cùng bàn đến kẻ cướp, có điều cũng chẳng phải là chủ trương " giết người đốt nhà". Kỳ thực, nếu cho rằng "bàn nhiều về gió trăng" có nghĩa "không nên bàn quốc sự", là hiểu nhầm . "Tùy tiện bàn quốc sự" cũng không hề gì, có điều phải "tùy tiện", mũi tên, hòn đá, ném ra, không nên nhằm vào giữa sống mũi một số nhân vật, bởi vì đó là vũ khí của họ, và cũng là cái chiêu bài của họ.

Tôi gửi bài từ tháng sáu, và đã dùng nhiều bút danh, một mặt cố nhiên cho đỡ phiền, một mặt cũng để người ta bớt chửi độc giả không kể đến văn chương, chỉ nhìn tên người viết. Nhưng làm thế lại khiến cho một số "nhà văn

---

cùng một vật mà nghĩ đến cách dùng khác nhau. Liễu Hạ Huệ là người nước Lỗ thời Xuân Thu, Mạnh Tử xưng là "thánh về tính hòa". Tương truyền em Liễu Hạ Huệ - Đạo Chích, là một tên kẻ trộm nổi tiếng hoành hành thiên hạ. Tô nước dường vào then cài cửa để mở cửa khỏi kêu.

[2] "Nguyệt bạch phong thanh như thử lương dạ hà ?" đó là một câu trong bài *Hậu Xích Bích phú* của Tô Đông Pha.

[3] "*Nguyệt hắc sát nhân dạ, Phong cao phóng hỏa thiên*". Âu Dương Tu đời Tống cùng bạn thách nhau mỗi người làm hai câu thơ, trong đó phải nói đến những tội thật nặng phải đi đày trở lên. Một người đọc : *Trì đao hống quả phụ, Hạ hải hiếp nhân thuyền* (Cầm dao ghẹo đàn bà góa. Ra biển cướp thuyền người). Một người đọc : *Nguyệt hắc sát nhân dạ, Phong cao phóng hỏa thiên*. Đến lượt Âu Dương Tu, ông đọc : *Tửu niêm sam tu trọng, Hoa áp mạo thiểm thiên* (Rượu dính tay áo nặng, Hoa đè vành mũ lệch). Có người hỏi tại sao nói chuyện tội phải đi đày mà lại làm hai câu thơ đó, ông trả lời : " Lúc bấy giờ, người đi đày cũng uống rượu, cài hoa vào mũ".

học" xem văn mà không dùng thị giác, chuyên dùng khứu giác nghi ngờ lung tung; mà khứu giác của họ lại không tiến hóa cùng với toàn thân thể họ, đến nỗi thấy tên một nhà văn mới, thì nghi là tôi đổi tên, cứ nhè tôi mà tu tu lên mãi; có lúc quả thật đến người đọc cũng bị bọn họ quấy rầy không biết đầu đuôi ra làm sao nữa. Bây giờ, bút danh đương thời dùng, vẫn để dưới mỗi bài, gọi là chịu lấy trách nhiệm đáng phải chịu.

Có một số điểm khác với cách biên soạn trước kia, là tôi bỏ khuyết những chỗ trước kia đăng bị bỏ hay bị thay đổi, và in chữ ngả[1] để thấy cho rõ. Việc thay đổi, bỏ bớt đó là do người biên tập hay do Ban tổng biên tập, hay do nhân viên kiểm duyệt của Chính phủ, bây giờ không có cách nào phân biệt, nhưng suy luận thì thấy, thay đổi một vài câu, bỏ những điều kiêng kị, mà bài văn vẫn liền, thì có lẽ là người biên tập làm, còn những chỗ cắt xén bừa bãi, không kể hơi văn còn mạch lạc hay không, ý tứ còn hoàn chỉnh hay không, thì đó là văn chương khâm định[2].

Sách báo Nhật Bản, cũng có cấm, nhưng chỗ bỏ đi thì chừa trắng, hoặc chấm lửng, khiến cho người đọc có thể biết được. Nhân viên kiểm duyệt Trung Quốc thì lại không cho chừa trắng, bắt phải nối liền, do đó, người đọc không thấy được dấu vết cắt xén, tất cả những chỗ hồ đồ, vô nghĩa đều đổ lên đầu người viết cả. Cách đó so với Nhật Bản tiến bộ hơn nhiều, bây giờ tôi nêu ra là để ghi lại một chuyện thực hết sức có giá trị trong lịch sử lưới văn Trung Quốc.

---

[1] Nguyên văn : *thêm chấm đen vào bên cạnh*. Nhưng theo cách in của ta thì đổi lại là in chữ ngả.

[2] *Khâm định* : do vua sáng tác hay do vua sửa chữa, ý nói nhân viên kiểm duyệt.

Suốt nửa năm ngoái, mỗi khi viết một ít, không dè cũng thành được một tập. Tất nhiên, đây chẳng qua chỉ là văn chương vụn vặt, mà các "nhà văn học" không thèm đếm xỉa đến. Những thứ văn chương này, hiện nay cũng không nhiều, vả lại những người "lượm lặt" cũng còn có thể chọn được trong đó một cái gì, do đó tôi tin rằng sách này tạm thời còn sống được và lấy làm lý do để thu thập và đem in ra.

Thượng Hải, 10 tháng 3 năm 1934

132. TỰA

(tập *Văn học viển hoa*)

Những bài bình luận ngắn tôi thường viết, đúng là bắt đầu đăng trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* : thu thập những bài viết năm 1933, đã được hai tập ***Viết tự do giả*** và ***Cho bàn gió trăng***. Về sau, người biên tập là ông Lê Liệt Văn[1] bị ép khổ quá, sang năm sau thì bị mời ra khỏi tòa soạn. Nhân đó, tôi vốn cũng có thể gác bút được rồi, nhưng vì tức khí, lại đổi cách viết, thay bút danh, nhờ người sao chép rồi gửi đi. Người phụ trách mới không thể phân biệt được là ai, vẫn thường cho đăng. Mặt khác, tôi lại mở rộng phạm vi ra, cũng thỉnh thoảng viết những bài theo cách ấy gửi cho *Chiều đi tới*, phụ trương tờ *Trung Hoa Nhật báo*[2], tờ *Thái Bạch*[3] bán nguyệt san chuyên đăng tiểu phẩm. Thu thập những cái viết năm 1934 lại thì được tập ***Văn học viển hoa*** này.

Cái nhan đề này là một người bạn cùng chiến đấu với tôi trên một mặt trận, đổi tên họ đi, rồi treo đầu mũi tên ngầm bắn tôi. Dụng ý rất khôn khéo : một là, những bài bình

---

[1] Xem chú thích ở bài tựa tập *Viết tự do giả*.

[2] *Trung Hoa nhật báo* : cơ quan ngôn luận của Quốc dân đảng cải tổ, phái Uông Tinh Vệ. Phụ trương *Chiều đi tới* có từ tháng 4 năm 1943, chủ biên là Nhiếp Kiêm Nỗ; nhiều nhà văn tiến bộ gửi bài đăng ở đây. Bấy giờ có sự xung đột giữa Uông Tinh Vệ và Tưởng Giới Thạch, tờ báo này cũng thường công kích Tưởng Giới Thạch.

[3] *Thái Bạch* : xuất bản từ tháng 9 năm 1934 do Trần Vọng Đạo chủ biên, chuyên môn đăng tạp văn, đến tháng 9 năm 1935 thì đình bản.

luận ngắn này, khi đăng trên báo, thường có viền hoa xung quanh để tỏ ra là quan trọng, cái đó làm cho người bạn chiến đấu của tôi đau đầu; hai là "viền hoa" là cái tên khác của đồng bạc[1], do đó có thể thấy rằng những bài văn của tôi viết ra là vì tiền nhuận bút, thật ra chẳng có giá trị gì. Còn như ý kiến của chúng tôi bất đồng ở chỗ, tôi thì cho rằng chúng ta hơn gà vịt, còn ông ta thì lại cho rằng họ nên đãi chúng ta hơn gà vịt, rằng tôi biện hộ cho người phương Tây, cho nên tôi là "mại bản". Bài văn ấy có phụ lục sau bài *Xách ngược*, ở đây bất tất nói nhiều. Ngoài ra, chẳng có gì đáng ghi lại. Rồi nhân bài *Nói đùa thì chỉ nên xem là nói đùa*[2], mà ông Văn Công Trực[3] gửi đến cho một bức thư, lời lẽ rất nặng, nói tôi là " Hán gian", bây giờ bức thư ấy với bức thư trả lời của tôi đều phụ lục dưới bài văn đó. Còn nữa là những lời công kích lén lút, không ra mặt, thua hai vị nói trên rất xa, ở đây không đưa vào.

"*Văn học viền hoa*" quả không xuôi thật. Năm 1934 không giống năm 1935, năm nay vì chuyện *Hoàng đế nói chơi*[4], sở kiểm duyệt sách báo của Chính phủ bỗng không biết đi đâu, lại đã cách chức 7 nhân viên kiểm duyệt, những chỗ bị bỏ trên báo chí hình như được chừa trắng (tiếng lóng gọi là "mở cửa thông hơi"). Nhưng bấy giờ thì ghê gớm thật, nói thế này không được, nói thế kia cũng không xong, mà

---

[1] Nguyên thời Thái Bình Thiên Quốc, đồng bạc có viền hoa.

[2] Bài *Nói đùa thì chỉ nên xem là nói đùa* viết nhân nhà văn Lưu Bán Nông mất. Bài này chúng tôi không dịch.

[3] *Văn Công Trực* : lúc đó là trưởng phòng phiên dịch Viện lập pháp Chính phủ Quốc dân đảng.

[4] Năm 1935 báo *Tân sinh* có đăng bài *Hoàng đế nói chơi*, trong đó có nhắc đến tên Thiên hoàng Dụ Nhân của Nhật Bản.

Đại sứ quán Nhật Bản cho là "vô lễ" kháng nghị với Chính phủ Quốc dân đảng. Tờ báo bị đóng cửa, tác giả bị xử hai năm tù.

những chỗ bị bỏ cũng không cho để hở, phải sắp liền với nhau, làm cho tác giả bài văn phải chịu cái trách nhiệm thiếu mạch lạc, không rõ muốn nói gì. Với cách giết công khai và giết ngầm đó mà thứ văn chương có thể kéo dài hơi thở tàn, cùng bạn đọc gặp mặt được, nếu không phải văn chương nô lệ thì là cái gì ?

Tôi có đem ra bàn chơi với mấy ông bạn. Một ông nói : Văn chương bây giờ không thể có cốt khí được, thí dụ gửi bài đến cho phụ trương báo nào, trước hết người biên tập tờ phụ trương ấy rút vài cái xương, rồi tổng biên tập cũng rút vài cái, nhân viên kiểm duyệt lại rút thêm vài cái nữa, thế thì còn lại cái gì ? Tôi nói : Tôi thì tôi rút ra trước vài cái, nếu không thì đến "còn lại" cũng không còn lại nữa. Cho nên, những bài đăng hồi ấycó khả năng bị rút bốn lần - Bây giờ chẳng phải có một vài người đang ra sức biểu dương Văn Thiên Tường[1]., Phương Hiếu Nhụ[2] đó sao ? May họ là người đời Tống, đời Minh, nếu sống vào thời buổi bây giờ, thì ngôn ngữ hành động của họ thế nào, cũng chẳng ai có cách gì biết được.

Do đó, trừ thứ văn chương mà Chính phủ cho phép có cốt khí ra, độc giả chỉ có thể xem văn chương không có cốt khí mà thôi. Tôi sinh vào triều Thanh, vốn xuất thân nô lệ, không giống các bạn thanh niên dưới hai mươi lăm tuổi, ra đời là làm chủ nước Trung Hoa Dân Quốc rồi; nhưng họ lại

---

[1] *Văn Thiên Tường*, nhà văn yêu nước cuối đời Tống, khi quân Nguyên xâm lược Trung Quốc, ông nhiều lần tổ chức nghĩa quân chống giặc. Ông có làm bài *Chính khí ca* để tỏ chí mình khi bị bắt. Cuối cùng bị hại.
[2] *Phương Hiếu Nhụ* : học giả yêu nước đời Minh. Khi Yên khởi binh, chính ông thảo dịch. Quân Yên vào Nam Kinh, Thành Tổ tức vị, ra lệnh cho ông thảo chiếu, ông quăng bút xuống đất nói : " Chết thì chết, không thể thảo chiếu được". Bị trừ di mười tộc.

chưa từng trải việc đời, thỉnh thoảng quên "lý do vì sao", nên cũng hay vấp như thế. Tôi gửi bài, mục đích là để đăng, tất nhiên không thể để cho nó có "cốt khí" được, cho nên bài của tôi được trang sức bằng "viền hoa" có lẽ cũng nhều hơn bài các nhà văn trẻ, mà lạ thay, lại rất ít chỗ bị bỏ. Suốt năm, chỉ có ba bài, bây giờ những đoạn bổ khuyết vào vẫn in ngả[1] làm dấu. Tôi xem đoạn cuối bài *Bàn về việc bà Thái Lý Trai* thì thấy đó là ban tổng biên tập tờ *Thân báo* bỏ, còn hai bài kia thì nhân viên kiểm duyệt bỏ; ở đây thấy rõ tâm tư của họ khác nhau.

Trong năm nay, *Nói tự do* và *Chiều đi tới* là nơi tôi gửi bài đăng, đều đình bản. *Thái Bạch* cũng không ra nữa. Tôi từng nghĩ như thế này : phàm những tờ báo tôi gửi bài đăng, thì chỉ hai ba kỳ gửi lúc đầu không hề gì, nhưng nếu gửi liên tiếp không gián đoạn thì tờ báo không sống lâu được. Do đó, từ năm nay trở đi, tôi không viết nhiều loại bình luận ngắn như thế nữa, vì đối với bạn đồng nghiệp, tôi tránh cho họ những đòn ngầm giáng vào lưng, đối với bản thân, tôi không muốn làm thằng ngốc mở đường, đối với tờ báo, thì mong nó có thể sống lâu dài. Cho nên có người yêu cầu tôi gửi bài, tôi cứ lần lữa thoái thác. Không phải tôi " làm bộ" đâu, mà là có ý tốt đấy. Nhưng cũng có lúc có ác ý : cái " thế cố" đó, mong các bạn hỏi bài tha thứ cho.

Mãi đến nửa cuối năm nay, mới thấy các nhà báo đưa kiến nghị " bảo vệ dư luận chính đáng" và các nhà trí thức yêu cầu tự do ngôn luận. Sắp sang năm mới rồi, tôi không biết kết quả như thế nào. Nhưng, giả thử từ nay về sau, văn

---

[1] Nguyên văn : " *có chấm đen bên cạnh để làm dấu* ", nhưng vì cách in của ta nên dịch là *in ngả*.

chương thành miệng lưỡi của dân chúng, thì cũng có thể nói đã phải trả một giá đắt quá : năm tỉnh miền Bắc thành tự trị ! Cũng giống như cái giá phải trả cho việc trước đây không dám đưa kiến nghị bảo vệ dư luận chính đáng và yêu cầu tự do ngôn luận : mất ba tỉnh miền Đông. Có điều lần này, sẽ đổi lấy được ánh sáng : nhưng nếu vạn nhất bất hạnh, đổi lấy được cái thời đại tôi viết ***Văn học viền hoa*** thì mọi người thử đoán xem, cái giá phải trả đó sẽ là cái gì ?

Đêm 29 tháng 12 năm1935

LỖ TẤN

138. TỰ VIẾT CHO TẬP *THÁP TRẺ CON* CỦA BẠCH MÃNG*

Mùa xuân đã qua già nửa. Hãy còn lạnh. Trời lại cứ mưa rả rích suốt ngày, đêm khuya ngồi một mình nghe mà lòng buồn thêm. Cũng bởi vì buổi chiều nhận được một bức thư gửi tới, muốn tôi viết ít lời đề tựa cho tập thơ của Bạch Mãng. Bức thư mở đầu nói: "Chắc ông cũng có biết anh Bạch Mãng, người bạn của tôi, hiện nay không còn nữa ...". Câu đó càng làm cho tôi buồn thêm.

Bạch Mãng -đúng rồi, tôi có biết. Bốn năm trước, tôi có viết bài *Kỷ niệm để quên đi* mong sẽ quên được họ. Họ hy sinh, thế là đã năm năm tròn, ký ức tôi từ đó lại nhuộm thêm bao nhiêu vết máu còn tươi rói. Nay nhắc đến anh, thì nét mặt trẻ trung của anh lại hiện lên trước mắt tôi, như còn sống: giữa ngày nóng bức, mặc một chiếc áo bông dài, mồ hôi ướt đầm cả mặt, anh vừa cười vừa nói với tôi: "Lần này là lần thứ ba đây. Được ra không phải ai bảo đảm cả. Hai lần trước, có ông anh bảo đảm cho, nhưng bảo đảm, thì ông ta lại muốn can thiệp vào cuộc đời của tôi. Lần này, tôi chẳng tin cho ông ta biết...". Trong bài văn trước, tôi đoán nhầm, ông

---

* Bài này đăng lần đầu trên *Văn học tùng báo*, số tháng 4 năm 1936. Về Nach Mãng, xem bài *Kỷ niệm để quên đi* trong tập ***Nam xoang Bắc điệu***.

anh này mới là Từ Bồi Căn, trưởng cục hàng không, rút cục hai anh cầm đi hai con đường khác nhau mà cùng đến một chỗ[1]. Còn anh thì gọi là Từ Bạch, bút danh thường dùng là Ân Phu.

Con người ta, giá còn tình bạn, thì khi thu thập di văn của người bạn đã quá cố, thật như cầm cục lửa trong tay, thường ăn ngủ không yên, mong mỏi đem ra công bố. Tâm tình đó, tôi hiểu lắm, và cũng biết cả cái nhiệm vụ phải viết bài *Tựa* gì gì đấy. Tôi buồn là vì quả thật tôi không hiểu thơ, bạn bè cũng không có ai là nhà thơ, thảng hoặc có, thì cuối cùng cũng không chơi với nhau nữa. Có điều với Bạch Mãng thì không thế, có lẽ vì anh chết sớm quá chăng. Bây giờ, về thơ anh, tôi sẽ không nói câu nào hết... bởi vì tôi không thể nói được.

Tập *Tháp trẻ con* của anh ra đời, cũng không phải là để tranh giành nhau hơn kém với các nhà thơ hiện nay nói chung, mà có một ý nghĩa khác. Đây là vệt ánh sáng còn mờ mờ ở chân trời đông, đây là mũi tên vút đi trong rừng thẳm, đây là mầm non vừa mới nhú giữa cảnh đông tàn, đây là bước đầu của cuộc tiến quân, đây là lá đại kỳ mà những người tiên phong yêu dấu, và đây cũng là tấm bia mà bọn giết người rất đỗi căm thù. Không cần phải đem những bài thơ được gọi là điêu luyện, thành thục, trong sáng, bình tĩnh, u ẩn, xa xăm ra mà so sánh, bởi vì những dòng thơ này thuộc về một thế giới khác.

Trong thế giới đó có rất nhiều, rất nhiều người, Bạch Mãng là bạn quá cố của họ. Tôi nghĩ, nội điểm đó cũng đủ

---

[1] *Từ Bồi Căn* hồi đó là Trưởng Cục hàng không của Chính phủ Quốc dân đảng. Năm 1934, Sở Hàng không phát hỏa, ông ta bị bắt

đảm bảo cho sự có mặt của tập thơ này, hà tất còn phải tôi đề tựa.

Đêm 11 tháng 3 năm 1936

Viết ở Thả giơi đình, Thượng Hải.

Lỗ Tấn.

(Tập cuối ***Thả giới đình***)

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	5
• Lỗ Tấn thân thế sự nghiệp	7
• Phụ lục - Niên phổ	65
• TẬP TRUYỆN CHÍNH	
- Nhật ký người điên	77
- Khổng Ất Kỷ	94
- Thuốc	104
- Ngày mai	119
- Mẩu chuyện nhỏ	128
- Chuyện cái đầu tóc	132
- Sóng gió	140
- Cố hương	153
- A Q chính truyện	169
- Luồng ánh sáng	242
- Hát tuồng ngày rước thần	250
• TẬP BÀNG HOÀNG	
- Lễ cầu phúc	267

- Trong quán rượu 294
- Cây trường minh đăng 309
- Cao Phu Tử 326
- Con người cô độc 341
- Tiếc thương những ngày đã mất 373
- Ly hôn 403
• TỰA
- 3. Nô Ra đi rồi thì sao ? 417
- 8.Trước đèn tùy bút 428
- 10. Hẵng khoan "Phe pơ lê" đã 441
- 19. Kỷ niệm chị Lưu Hòa Trân 455
- 50. Văn học thời Cách mạng 462
- 53. Văn học và mồ hôi 472
- 56. Viết thế nào 475
- 59. Vài nét khái quát và Văn học mới hiện nay 487
- 70. Nhiệm vụ và vận mệnh của Văn học dân tộc 494
- 77. Bí quyết làm văn 507
- 105. Tựa viết lấy 513
- 106. Tựa viết cho bản dịch *A Q chính truyện* bằng tiếng Nga và tự truyện 522
- 107. Vì sao tôi viết *A Q chính truyện* 527
- 108. Bài về tập *Bàng hoàng* 538

- 109. Lời nói đầu 340
- 110. Tựa (Tập *Nấm mồ)* 544
- 111. Tựa (Tập *Gió nóng)* 549
- 113. Tựa (Tập *Hoa cái* tiếp theo) 553
- 114. Thay lời Tựa (Tập *Nhặt cánh hoa tàn)* 555
- 115. Đề từ (Tập *Cỏ dại)* 558
- 116. Tựa (Tập *Mà thôi)* 560
- 119. Tựa (Tập *Tam nhân)* 561
- 121. Tựa (Tập *Hai lòng)* 568
- 123. Tựa (Tập *Nam xoang Bắc điệu)* 574
- 124. Tựa viết cho cuốn *Những điều tai nghe mắt thấy ở Liên Xô* của Lâm Khắc Đa 583
- 125. Tựa viết cho cuốn (Tự *Tuyển tập*) 584
- 126. Kỷ niệm để quên đi 588
- 127. Vì sao tôi viết tiểu thuyết 603
- 128. Tựa viết cho (*Thủ thường toàn tập)* 609
- 129. "Một năm luận ngữ" 613
- 130. Tựa (*Tập viết tự do già*) 620
- 131. Tựa (Tập *Cho bàn gió trăng)* 624
- 132. Tựa (Tập *Văn học viển hoa)* 628
- 138. Tựa viết cho tập *Tháp trẻ con* của Bạch Mãng 633

LỖ TẤN
THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP - NHỮNG SÁNG TÁC TIÊU BIỂU

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
Số 43, Lò Đúc. Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản
VŨ AN CHƯƠNG
Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập : **NGUYỄN TẤT HOÀ**
Vẽ bìa : **TRẦN ĐẠI THẮNG**
Sửa bản in : **TRẦN LÊ**

In 700 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xí nghiệp in Á Phi
Giấy phép XB số 1166/ XB – QLXB/73 - VHTT.
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2002.

LỖ TẤN

THÂN THẾ
SỰ NGHIỆP
NHỮNG SÁNG TÁC
TIÊU BIỂU

lỗ tấn thân thế sự nghiệp
1 002120 900085
70.000 VNĐ

Lỗ Tấn thân thế sự nghiệp...
d t 0 0 5 2
GIÁ: 70.000Đ